

CHUYỆN TIỀN THÂN
(*JĀTAKA*)

CHƯƠNG I

MỘT KỆ (*EKANIPĀTA*)

I. PHẨM KHÔNG LỖI LÀM (*APANNAKAVAGGA*)

§1. CHUYỆN KHÔNG LỖI LÀM (*Apannakajātaka*) (J. I. 95)

Có những người nói lên...

Đức Thế Tôn khi ở tinh xá Kỳ Viên, gần Xá-vệ, đã thuyết pháp thoại này. Vì ai, pháp thoại này được đề cập? Vì năm trăm người bạn của vị triệu phú Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) đều là đệ tử ngoại đạo.¹

Một ngày kia, vị triệu phú Cấp Cô Độc đem năm trăm người bạn của mình, đều là đệ tử ngoại đạo, cho mang theo nhiều vòng hoa, hương thơm, dầu hương cùng dầu thắp, mật ong, mật mía, vải và áo choàng, đi đến Kỳ Viên đánh lễ Thế Tôn, cúng dường Ngài các vật liệu như: Vòng hoa, v.v... phân phát cho chư Tăng được phẩm trị bệnh và vải mặc. Làm xong việc ấy, ông ngồi xuống một bên và tránh sáu tật xấu trong lúc ngồi.

Cũng vậy, các đệ tử ngoại đạo đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên gần ông Cấp Cô Độc, nhìn lên gương mặt đức Bôn sư chói sáng như trăng rằm, vẹn toàn các tướng tốt chính và phụ; nhìn lên Phạm thân tỏa ánh sáng rộng một sải và nhìn lên hào quang rực rỡ của đức Phật, những hào quang phóng ra như thể từng đôi vòng, từng cặp một.

Rồi giống con sư tử trẻ rống như sấm động ở thung lũng Đò, như mây bão tố trong mùa mưa, như sông Hằng thiên giới (dải thiên hà) ào ào đổ xuống và như đàn dật một chuỗi châu báu; tuy vậy, với một Phạm âm đầy đủ tám phần tuyệt hảo, kỳ diệu làm tai thích thú, Ngài thuyết pháp cho họ, một pháp thoại dịu ngọt và chói sáng với nhiều vẻ đẹp khác nhau.

Họ nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, tâm được tịnh tín, liền đứng dậy đánh lễ bậc Đạo sư, phá vỡ pháp quy y ngoại đạo, rồi quy y Phật. Từ đây, họ luôn

¹ Chỉ cho các trường phái, các dị giáo thời bấy giờ, gồm có 6 trường phái lớn của 6 đạo sư: Purāṇa Kassapa, Makkhali Gosāla, Ajita Kesakambala, Kakudha Kaccāyana, Saṅghaya Belatṭhiputta và Nigaṇṭha Nāthaputta. Xem D. I. 47, *Sāmaññaphalasutta* (Kinh Sa-môn quả), số 2.

luôn đi đến tinh xá với ông Cấp Cô Độc, tay cầm hương thơm, vòng hoa, v.v... nghe pháp, bố thí, trì giới và thọ bát quan trai giới.

Rồi Thế Tôn từ Xá-vệ lại đi đến Vương Xá. Trong thời gian Như Lai đi vắng, họ phá vỡ pháp quy y Phật. Rồi họ lại quy y ngoại đạo, trở lui nguyên trạng của họ. Sau bảy, tám tháng, Thế Tôn về lại Kỳ Viên. Ông Cấp Cô Độc đem năm trăm người bạn đồng tu đi đến yết kiến bậc Đạo sư, cúng dường Ngài với hương thơm, v.v... đánh lễ rồi ngồi xuống một bên. Họ cũng đánh lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ông Cấp Cô Độc báo cho Thế Tôn biết, sau khi Ngài ra đi, họ phá vỡ pháp quy y đã thọ, chấp nhận quy y lại pháp ngoại đạo, trở lui nguyên trạng của họ.

Mở miệng như hoa sen của Ngài như mở hộp châu báu đầy những hương thơm sai biệt, thơm với hương thơm chư thiên, do uy lực nói lời chơn thực trái vô lượng ức kiếp không gián đoạn, Thế Tôn phát ra âm thanh dịu ngọt và hỏi:

– Này các nam cư sĩ, có thật chăng các ông đã phá vỡ tam quy và đi theo quy y ngoại đạo?

Khi không thể che giấu, họ thú nhận:

– Thật vậy, bạch Thế Tôn.

Bậc Đạo sư nói:

– Này các cư sĩ, không có một chỗ nào, dưới từ đáy địa ngục, trên cho đến chư thiên, không có một chỗ nào trong các thế giới vô lượng trải rộng bề ngang, không có ai bằng, chớ đừng nói cao hơn đức Phật về những công đức như giữ giới, v.v...

Rồi Ngài trình bày cho họ những công đức của Ba ngôi báu như đã được nói đến trong kinh điển:

– Này các Tỷ-kheo, giữa các chúng sanh không chân, hai chân, hay bốn chân, Như Lai được gọi là tối thượng. Nếu có những tài sản nào ở đời này hay đời sau... Và thật vậy, tối thượng giữa những tín đồ...

Rồi Ngài nói tiếp:

– Không có một cư sĩ nào, nam hay nữ đã quy y Ba ngôi báu, những ngôi báu đầy đủ công đức tối thượng như vậy, phải tái sanh trong các địa ngục, v.v... Họ được thoát khỏi sanh vào đọa xứ, họ được sanh vào thế giới chư thiên và đắc thiên chứng lớn. Do đó, khi các ông phá vỡ quy y như vậy và đi đến quy y ngoại đạo, các ông đã làm một việc sai lạc.

Và ở đây, để nêu rõ rằng, không có ai đã quy y Ba ngôi báu với sự giải thoát tối thượng lại phải sanh vào đọa xứ, những đoạn kinh này được nói lên:

Những ai quy y Phật,
Từ bỏ thân làm người,
Những ai quy y Pháp,
Từ bỏ thân làm người,

Sẽ không đi đọa xứ,
Sẽ tràn đầy thiên giới.
Sẽ không đi đọa xứ,
Sẽ tràn đầy thiên giới.

Những ai quy y Tăng,	Sẽ không đi đọa xứ,
Từ bỏ thân làm người,	Sẽ tràn đầy thiên giới.
Loài người sợ, hoảng hốt,	Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,	Hoặc vườn cây, đền tháp,
Quy y ấy không ổn,	Không quy y tối thượng,
Quy y các chỗ ấy,	Không thoát mọi khổ đau.
Ai quy y đức Phật,	Chánh pháp và chư Tăng,
Ai dùng chánh tri kiến,	Thấy được bốn sự thật,
Thấy khổ và khổ tập,	Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy đường Thánh tám ngành,	Đưa đến khổ não tận,
Thật quy y an ổn,	Thật quy y tối thượng,
Có quy y như vậy,	Mới thoát mọi khổ đau. ²

Bậc Đạo sư không chỉ thuyết pháp cho họ như vậy, Ngài còn nói tiếp:

– Này các nam cư sĩ, pháp hành niệm Phật, pháp hành niệm Pháp, pháp hành niệm Tăng đem lại Dự lưu đạo, Dự lưu quả, Nhất lai đạo, Nhất lai quả, Bất lai đạo, Bất lai quả, A-la-hán đạo, A-la-hán quả.

Sau khi Ngài thuyết pháp cho họ với nhiều phương thức, Ngài nói:

– Với sự phá vỡ quy y như vậy, các ông đã làm một việc sai lạc.

Và ở đây, sự đem lại các Dự lưu đạo, Dự lưu quả, v.v... cho những ai hành trì niệm Phật, v.v... cần phải được nêu rõ với những đoạn kinh như sau:

– Này các Tỷ-kheo, có một pháp, nếu được tu tập và được làm cho viên mãn, đưa đến hoàn toàn yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Chính là niệm Phật, v.v...

Như vậy, Thế Tôn với các phương tiện khác nhau, thuyết giảng cho các nam cư sĩ:

– Này các nam cư sĩ, cũng vậy, trong thời quá khứ, những ai chấp chặt tà luận, chấp chặt điên đảo luận, nghĩ rằng: Cái gì không phải là chỗ quy y, lại xem là chỗ quy y chân thật, những người ấy sẽ bị quỷ dạ-xoa ăn thịt trong cảnh sa mạc, chỗ trú của phi nhân và bị lâm vào đại nạn. Còn những ai chấp chặt sự thật vô hý luận, chấp chặt pháp tối thượng, chấp chặt pháp không điên đảo thì trong cảnh sa mạc ấy, họ đạt được yên ổn, an toàn.

Khi nói đến đây, Ngài im lặng. Rồi gia chủ Cấp Cô Độc từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, tán thán Ngài với hai tay đặt trên đầu và thưa như sau:

– Bạch Thế Tôn, nay thật rõ ràng cho chúng con thấy trong thời hiện tại, những người nam cư sĩ ấy, sau khi phá vỡ pháp quy y tối thượng đã rơi vào rừng rậm tà luận. Nhưng trong quá khứ, đại nạn của những ai chấp chặt tà luận tại sa mạc, chỗ trú của phi nhân và sự yên ổn an toàn của những người chấp chặt pháp vô hý luận, đối với chúng con đang bị che lấp, chỉ rõ ràng đối với Ngài.

² Xem *Dh.* v. 188-92.

Lành thay, nếu Thế Tôn như thể khiến mặt trăng tròn mọc lên, làm sáng tỏ sự kiện này cho chúng con!

Rồi Thế Tôn nói:

– Nay gia chủ, chính vì mục đích loại bỏ các nghi nan ở đời, nhờ sự thực hành trọn vẹn mười Ba-la-mật³ trải vô lượng kiếp mà Ta chứng đắc Nhất thiết trí. Hãy cẩn thận lắng tai nghe như thể các ông đang đổ tủy của sư tử vào một cái ống bằng vàng!

Sau khi khích lệ sự chú ý của người triệu phú, Ngài nói lên câu chuyện đã bị tái sanh che lấp, như mặt trăng tròn được giải tỏa sau khi phá tan đám mây tuyết.

Thuở xưa trong nước Kāsi, tại thành Ba-la-nại, có vị vua tên là Brahmadatta. Khi ấy, Bò-tát được sanh trong gia đình thương gia, làm chủ đoàn lữ hành và tiếp tục lớn lên, đi chỗ này chỗ kia buôn bán với năm trăm cỗ xe, khi thì đi từ Đông qua Tây, khi thì đi từ Tây qua Đông. Tại thành Ba-la-nại, có một người chủ đoàn lữ hành khác còn trẻ và ngu si, không giỏi tùy cơ ứng biến.

Lúc bấy giờ, sau khi chất đầy năm trăm cỗ xe với hàng hóa có giá trị lớn, Bò-tát sẵn sàng lên đường. Người chủ đoàn lữ hành trẻ và ngu si kia cũng chất đầy hàng hóa tương tự trên năm trăm cỗ xe khác, sẵn sàng lên đường. Bò-tát suy nghĩ: “Nếu người chủ đoàn lữ hành trẻ và ngu si này đi với ta, với một ngàn cỗ xe cùng đi một lần trên con đường thì con đường sẽ không thể chịu nổi; thật sẽ khó tìm được củi, nước cho đoàn người và cỏ cho các con bò. Hoặc là họ, hoặc là ta phải đi trước.”

Ngài nhắn tin mời người ấy đến, trình bày sự việc và nói:

– Hai chúng ta không thể đi cùng một lần được. Vậy bạn sẽ đi trước hay đi sau?

Kẻ ấy suy nghĩ: “Nếu ta đi trước, sẽ có nhiều lợi ích. Ta sẽ đi con đường chưa bị phá hư, các con bò sẽ ăn cỏ chưa bị động chạm; còn các người nhà ta sẽ hái được các ngọn lá nấu cà-ri chưa bị động chạm, nước được trong lặng; và sau cùng định giá bán theo sở thích, ta sẽ bán các hàng hóa.”

Nghĩ vậy, kẻ ấy nói:

– Nay bạn, tôi sẽ đi trước.

Còn Bò-tát thấy đi sau có nhiều lợi ích vì ngài lý luận như vậy: “Những người đi trước sẽ san bằng con đường chưa được san bằng; ta sẽ đi con đường đã được họ đi qua. Các con bò của họ sẽ ăn cỏ đã già, đã cứng; các con bò của ta sẽ ăn cỏ mới mọc và ngọt. Người của ta sẽ tìm được các ngọn lá nấu cà-ri mới mọc tại chỗ các lá đã được hái đi. Tại chỗ không có nước, họ phải đào để lấy nước, chúng ta sẽ uống nước trong các giếng được người khác

³ Xem Cp. 98, *Vaṭṭapotakacariya* (Hạnh của chim cút con); J. I. 212, *Vaṭṭakajātaka* (Chuyện chim cút), số §35.

đào lên. Việc định giá giống như sát hại mạng sống con người, ta đi sau sẽ bán hàng hóa theo giá thông thường đã quy định.” Khi thấy những lợi ích như vậy, Bồ-tát nói:

– Này bạn, bạn hãy đi trước.

– Lành thay, này bạn!

Người chủ đoàn lữ hành trẻ và ngu si nói như vậy, rồi cho thắng các cỗ xe, ra đi thứ lớp, vượt qua các thôn xóm và bắt đầu đến biên giới sa mạc. Thuở bấy giờ, các sa mạc có năm loại: Sa mạc trộm cướp, sa mạc thú dữ, sa mạc không có nước, sa mạc phi nhân và sa mạc không có đồ ăn.

Trước tiên, con đường nào có trộm cướp trú ẩn, chỗ ấy được gọi là sa mạc trộm cướp; thứ hai, con đường nào có sư tử, v.v... trú ẩn, được gọi là sa mạc thú dữ; thứ ba, chỗ nào không có nước để tắm hay để uống, được gọi là sa mạc không có nước; thứ tư, con đường nào có các loài phi nhân (quỷ thần) trú ẩn, được gọi là sa mạc phi nhân; thứ năm, con đường nào không tìm thấy các loại rễ cây có thể ăn được, v.v... được gọi là sa mạc không có đồ ăn.

Trong năm loại sa mạc này, có hai loại sa mạc nguy hiểm là sa mạc không có nước và sa mạc phi nhân. Do vậy, người chủ đoàn lữ hành trẻ và ngu si ấy cho đặt lên xe những ghế rất lớn, đổ đầy nước và bắt đầu di chuyển vào bãi sa mạc dài sáu mươi do-tuần này.

Khi họ đã đi được nửa đường, con quỷ dạ-xoa trú ở sa mạc nghĩ: “Ta sẽ làm cho những người này quăng nước cất giữ, làm cho họ yếu sức, rồi ta sẽ ăn thịt tất cả bọn họ.” Rồi nó hóa hiện một cỗ xe đẹp đẽ với những con bò mộng trắng trẻo, được hộ vệ với mười, mười hai phi nhân tay cầm cung tên, khiên và binh khí; nó trang sức với vòng hoa sen xanh và hoa súng trắng trên đầu, với tóc ướt và áo ướt, ngồi trên cỗ xe ấy như một vị chúa tể; nó dẫn bước trên đường với các bánh xe dính bùn. Còn đoàn tùy tùng đi trước và đi sau, với tóc ướt, áo ướt; trang sức với vòng hoa sen xanh và hoa súng; với những bó sen trắng, sen đỏ cầm tay; nhai những cọng sen, củ sen nhỏ giọt nước và bùn.

Bấy giờ, khi gió thổi trước mặt, những người chủ đoàn lữ hành theo lệ thường ngồi trong cỗ xe đi trước với những người hầu hạ bao vây để tránh bụi. Khi gió thổi đằng sau, họ đi xe phía sau. Nay gió thổi phía trước, do vậy, người chủ đoàn lữ hành trẻ đi xe ở phía trước. Con quỷ dạ-xoa thấy người ấy đến gần, liền cho đậu xe ở một bên đường, chào đón một cách thân tình và hỏi đi đâu. Người chủ đoàn lữ hành cũng cho đậu xe của mình một bên đường và nói với quỷ dạ-xoa:

– Thưa ông bạn, chúng tôi đi từ Ba-la-nại tới. Các ông trang sức với hoa sen xanh và hoa súng, tay cầm hoa sen trắng và đỏ, đang nhai những cọng sen và củ sen lấm bùn vừa đi vừa chảy những giọt nước. Vậy phải trên đường các ông đi có mưa, có những hồ ao phủ đầy với hoa sen xanh, v.v...?

Quỷ dạ-xoa nghe hỏi, liền nói lớn:

– Này bạn, bạn nói gì vậy? Đàng kia đã hiện rõ đường lẩn sâu của rừng xanh. Từ đó trở đi toàn là rừng, không có gì ngoài nước. Luôn luôn trời mưa, ở đó các hồ đều ngập; khắp nơi đều có những ao nước đầy hoa sen.

Sau khi nói như vậy và đoàn xe đã đi ngang qua, nó hỏi:

– Những cỗ xe này đi đâu vậy?

Họ trả lời:

– Đi tới chỗ này chỗ kia.

– Trong mỗi cỗ xe này có hàng hóa gì vậy?

– Nhiều loại hàng hóa.

Rồi khi cỗ xe cuối cùng đi qua chỗ rất nặng nề, nó hỏi:

– Trong cỗ xe này chở gì vậy?

– Chở nước trong ấy.

– Từ chỗ khởi hành cho đến chỗ này, bạn đã mang nước là tốt; nhưng từ chỗ này trở đi, không cần phải mang nước nữa, từ phía trước mặt có nhiều nước. Hãy đập vỡ các ghè nước để đi cho thoải mái.

Và nó nói thêm:

– Các ông hãy đi, chúng tôi lên đường kéo chậm trễ rồi!

Rồi nó đi một lát đến chỗ khuất dạng, liền trở về thành dạ-xoa. Người chủ đoàn lữ hành ngu si ấy, do sự ngu si của mình, nghe theo lời quỷ dạ-xoa, cho đập vỡ các ghè, không để dành lại dù chỉ một bụm nước, cứ đổ tất cả và ra lệnh các xe đi. Càng đi về phía trước, một giọt nước cũng không có. Bọn họ không được uống nước trở nên mệt mỏi. Họ vẫn tiếp tục đi cho đến khi mặt trời lặn.

Khi ấy, họ tháo dây buộc xe ra, xếp thành một vòng tròn và buộc các con bò vào bánh xe. Chúng không có nước uống. Họ không có cháo, không có cơm, nên yếu sức, nằm xuống khắp nơi rồi ngủ. Khi đêm vừa xuống, quỷ dạ-xoa từ thành dạ-xoa đi đến, diệt tất cả mạng sống người và bò, ăn thịt chúng, chỉ để lại xương rồi bỏ đi. Như vậy, chỉ vì một người chủ đoàn lữ hành trẻ và ngu si, tất cả đã mắc vào đại nạn, xương cốt của người và vật rải khắp nơi, chỉ năm trăm cỗ xe còn đứng yên với đầy đủ hàng hóa.

Phản Bò-tát, đợi từ ngày người chủ đoàn lữ hành trẻ và ngu si ra đi, độ một tháng rưỡi trôi qua, với năm trăm cỗ xe từ thành phố ra đi, dần dần đi đến biên giới sa mạc. Vị ấy cho đổ đầy nước vào các ghè nước, cho lấy thêm nhiều nước dự trữ rồi đánh trống hội họp đoàn người lại và nói như sau:

– Nếu không hỏi ta thì một bụm nước cũng không được dùng. Có nhiều cây độc trong bãi sa mạc, không một ai trong các người được ăn lá, hoa hay quả chưa ăn từ trước mà không hỏi ta.

Sau khi chỉ dạy cho họ như vậy, Bò-tát mới bắt đầu đi vào bãi sa mạc với năm trăm cỗ xe. Khi đi đến giữa sa mạc, quỷ dạ-xoa ấy hiện hình ra trên

con đường của Bồ-tát như cách thức trước. Bồ-tát thấy nó liền nhận ra ngay và suy nghĩ: “Nơi này không có nước và được gọi là sa mạc không có nước. Người này có con mắt đỏ, bộ dạng không sợ hãi lại không có bóng chiếu, không nghi ngờ gì nữa, người chủ đoàn lữ hành ngu si và trẻ tuổi đi trước bị nó xúi giục, đã đổ tất cả nước, nên kiệt sức và bị nó ăn thịt cùng cả đoàn tùy tùng. Nhưng nó không biết ta có tài trí và khéo dùng phương tiện.”

Vì vậy, Bồ-tát nói to với con quỷ:

– Ông hãy đi đi, chúng tôi là người lái buôn. Chưa thấy được nước khác, chúng tôi không đổ nước đã được dự trữ. Chỗ nào thấy nước, chúng tôi mới yên lòng đổ nước đi làm cho nhẹ các cỗ xe.

Quỷ dạ-xoa đi một lát đến chỗ khuất dạng, liền trở về thành dạ-xoa. Khi dạ-xoa đã đi, đoàn người hỏi Bồ-tát:

– Thưa ông chủ, những người này chỉ cho thấy đằng kia là dãy rừng xanh. Phía ngoài xa khu rừng ấy, trời luôn luôn mưa. Họ đội trên đầu những vòng hoa sen xanh và hoa sủng; họ cầm những bó hoa sen đỏ và trắng; họ hái các củ sen và cọng sen; áo bị ướt, đầu bị ướt, họ đi với những giọt nước rơi chảy. Vậy chúng ta hãy đổ nước đi, khiến cho các cỗ xe được nhẹ, chúng ta đi mau hơn.

Bồ-tát nghe họ nói như vậy, liền cho dừng các cỗ xe, họp tất cả mọi người lại và hỏi:

– Trong các chú, có ai trước đây nghe nói rằng bãi sa mạc này có ao hay hồ không?

– Thưa ông chủ, không có ai nghe cả. Vì thế nơi này được gọi là bãi sa mạc không có nước.

– Nay có một số người nói rằng: Xa hơn dãy rừng xanh đằng kia, trời có mưa. Gió mưa có thể thổi xa được bao nhiêu?

– Thưa ông chủ, khoảng độ một do-tuần.

– Gió mưa có thể thổi đến chạm thân của một ai trong các ngươi không?

– Thưa ông chủ, không.

– Cách xa bao nhiêu, đầu mây có thể thấy được?

– Khoảng độ một do-tuần, thưa ông chủ.

– Có ai trong các ngươi được thấy một đầu mây không?

– Thưa ông chủ, không có ai.

– Xa bao nhiêu, ánh sáng chớp có thể thấy được?

– Thưa ông chủ, khoảng bốn, năm do-tuần.

– Có ai trong các ngươi thấy được ánh sáng chớp?

– Thưa ông chủ, không có ai.

– Tiếng sấm xa bao nhiêu có thể nghe được?

- Thừa ông chủ, khoảng hai, ba do-tuần.
- Có ai trong các người nghe được tiếng sấm?
- Thừa ông chủ, không có ai.

– Chúng không phải là người. Chúng là quỷ dạ-xoa. Dạ-xoa đến và nghĩ: “Chúng ta xúi đoàn người đổ nước và khi đoàn người yếu sức, chúng ta sẽ ăn thịt họ.” Vì người chủ đoàn lữ hành trẻ tuổi và ngu si đi trước không có kinh nghiệm thiện xảo, chắc chắn bị chúng xúi đổ nước đi và khi mệt nhọc, họ đã bị quỷ dạ-xoa ăn thịt, còn năm trăm cỗ xe được để lại đứng đầy hàng hóa như trước, hôm nay, chúng ta sẽ thấy chúng. Đừng đổ đi, ngay cả một bụm nước cũng phải gìn giữ. Hãy đi tới, càng mau càng tốt!

Đốc thúc đoàn người của mình đi tới, Bồ-tát tiếp tục đi cho đến khi thấy được năm trăm cỗ xe đầy hàng hóa, xương cốt của các con bò và đoàn người bất hạnh trước rải rác khắp mọi nơi. Ngài cho tháo dây buộc các xe, đặt các xe thành vòng tròn, họp lại thành trại, cho đoàn người và bò ăn chiều sớm, rồi sắp các con bò nằm nghỉ giữa bọn họ.

Rồi ngài chọn một số người lãnh đạo mạnh mẽ, tự mình đứng canh gác với gươm cầm tay, suốt ba canh ban đêm cho đến khi rạng đông. Sáng sớm ngày kế tiếp, ngài cho làm xong các công việc cần thiết, cho các con bò ăn, quăng bỏ các cỗ xe hư gãy, lấy các cỗ xe vững chắc, quăng bỏ loại hàng hóa ít có giá trị, chất lên hàng hóa có giá trị, đi đến chỗ đã định trước và bán các hàng hóa với giá tiền bằng hai ba giá vốn. Sau đó, ngài cùng với đoàn tùy tùng trở về thành phố của mình.

Câu chuyện chấm dứt, bậc Đạo sư nói:

– Này cư sĩ, như vậy trong thời quá khứ, những ai chấp chặt tà luận phải gặp đại nạn. Còn những ai chấp nhận sự thật vô hý luận đã thoát khỏi tay các phi nhân và đến chỗ mình muốn một cách an toàn.

Sau khi kết hợp hai câu chuyện với nhau, vì mục đích giới thiệu lời dạy về sự thật vô hý luận này, bậc Chánh Giác nói bài kệ:

- | | | |
|----|----------------------------|---------------------------|
| 1. | Có những người nói lên, | Sự thật vô hý luận, |
| | Nhưng các hạng người khác, | Tuyên bố về tà luận, |
| | Kẻ trí biết điều này, | Giữ chặt pháp tối thượng. |

Như vậy, Thế Tôn dạy về pháp chân thật vô hý luận này, rồi Ngài nói thêm:

– Con đường chơn chánh này không những đem lại ba thiện sự thành tựu, sáu cõi trời ở dục giới, sự thành tựu Phạm thiên giới mà cuối cùng đem đến quả A-la-hán. Còn con đường gọi là tà luận đem đến tái sinh trong bốn đạo xú và trong năm gia đình thấp kém.

Tiếp đó, Ngài giảng thêm về bốn sự thật với mười sáu hành tướng. Cuối bài giảng ấy, tất cả năm trăm nam cư sĩ chứng quả Dự lưu.

Sau khi thuyết pháp, bậc Đạo sư nêu rõ những bài học và kể hai câu chuyện rồi kết hợp chúng với nhau, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Trong thời ấy, người chủ đoàn lũ hành trẻ và ngu si là Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), tùy tùng của kẻ ấy là tùy tùng của Devadatta; tùy tùng của người chủ đoàn lũ hành hiền trí là tùy tùng của Như Lai, còn người chủ đoàn lũ hành hiền trí là Ta vậy.

§2. CHUYỆN BÃI SA MẠC (*Vaṇṇupathajāṭaka*) (J. I. 106)

Không một mối họ đào...

Pháp thoại này được Thế Tôn nói lên khi Ngài ở Xá-vệ. Vì ai mà Ngài nói? Vì một Tỷ-kheo đã từ bỏ tinh tấn. Khi Thế Tôn ở tại Xá-vệ, có một thiện gia nam tử trú ở Xá-vệ, đi đến Kỳ Viên nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, tâm sanh tịnh tín, thấy nguy hiểm trong các dục nên xin xuất gia. Sống năm năm chờ thọ Cụ túc giới,⁴ người ấy học thuộc lòng hai bài tóm tắt, tu tập pháp môn thiền quán, nhận lấy từ bậc Đạo sư một đề tài thiền quán mà mình ưa thích, rồi đi vào một khu rừng.

Trải qua một kỳ an cư mùa mưa, sau ba tháng, vị ấy không thể khởi lên một tia sáng hay một quán tưởng gì. Rồi vị ấy suy nghĩ: “Bậc Đạo sư dạy có bốn hạng người. Trong họ, ta có phải là hạng thấp kém nhất không? Ta nghĩ rằng không thể có Đạo và Quả cho tự thân ta, vậy ta sống trong rừng làm gì? Hãy đi về với bậc Đạo sư, sống để chiêm ngưỡng thân Phật với dung sắc tối thượng, để nghe thuyết pháp dịu ngọt còn hơn.”

Nghĩ vậy, vị ấy trở về Kỳ Viên. Các bạn thân tín nói với vị ấy:

– Nay Hiền giả, bạn đã nhận được từ bậc Đạo sư một đề tài thiền quán, đã đi với quyết tâm thực hiện pháp Sa-môn. Nay bạn lại trở về sống vui thích với hội chúng, hay là bạn đã đạt được mục đích tối thượng của bốn phận người xuất gia và đã chấm dứt tái sanh?

– Nay các Hiền giả, tôi không chứng được cả Đạo lẫn Quả, tự nghĩ mình là người không có khả năng nên tôi từ bỏ tinh tấn và về đây.

– Nay Hiền giả, bạn đã làm một việc không phải; khi đã xuất gia trong giáo pháp của bậc Đạo sư, kiên trì tinh tấn, bạn lại từ bỏ tinh tấn. Hãy đi đến yết kiến đức Như Lai, chúng ta sẽ trình bày đề Ngài rõ chuyện này.

Họ đưa vị này đến gần bậc Đạo sư. Khi Ngài thấy vị ấy, liền nói:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông đem Tỷ-kheo này đến đây ngoài ý muốn của vị ấy. Người này đã làm gì?

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này, sau khi xuất gia trong giáo pháp chơn chánh giải thoát như vậy, sau khi thực hành Sa-môn pháp, lại từ bỏ tinh tấn và trở về đây.

⁴ Xem *Mv. I. 77ff.*

Thế Tôn nói với Tỷ-kheo ấy:

– Nay Tỷ-kheo, có thật chăng ông đã từ bỏ tinh tấn?

– Thưa thật vậy, bạch Thế Tôn.

– Nay Tỷ-kheo, vì sao sau khi xuất gia trong giáo pháp như vậy, ông lại không biết sống thiểu dục, tri túc, viễn ly hay tinh tấn, lại là người từ bỏ tinh tấn? Ông có biết chăng, thời trước ông là người có tinh tấn? Do sự tinh tấn của một mình ông mà trong bãi sa mạc toàn cát, đoàn người và đàn bò của năm trăm cỗ xe đã được nước uống và sống an lạc. Nay vì sao ông lại từ bỏ tinh tấn?

Với những lời như vậy, vị Tỷ-kheo ấy cảm thấy được khích lệ, sách tấn. Nghe nói như vậy, các Tỷ-kheo thỉnh cầu Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, chúng con đã rời sự từ bỏ tinh tấn hiện nay của vị Tỷ-kheo này. Nhưng thuở trước, do sự tinh tấn của một mình người này, trong bãi sa mạc toàn cát, các đoàn người và đàn bò đã uống nước và sống an lạc. Câu chuyện ấy đang còn bị che đậy đối với chúng con, chỉ được rõ ràng với Thế Tôn là bậc Nhất Thiết Trí. Hãy nói cho chúng con câu chuyện này!

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy lắng nghe.

Sau khi gọi sự chú ý của các Tỷ-kheo, Thế Tôn nêu lên rõ ràng sự việc đã xảy ra trong quá khứ.

Thuở trước, trong khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, nước Kāsi, Bò-tát sanh ra trong gia đình chủ đoàn lữ hành thương gia, lớn lên và thường đi buôn bán với năm trăm cỗ xe. Một thời, Bò-tát đi vào bãi sa mạc toàn cát, dài sáu mươi do-tuần, với năm trăm cỗ xe. Trong sa mạc ấy, cát rất mịn, khi được vốc trong nắm tay thì nó sẽ chảy xuống hết. Khi mặt trời mọc lên, cát trở thành nóng như đồng than hừng, không thể nào đi lên trên được. Do vậy, những ai đi qua bãi sa mạc ấy, đem theo củi, nước, dầu, gạo... trên các cỗ xe, chỉ đi ban đêm. Khi mặt trời mọc, họ xếp các cỗ xe thành vòng tròn, làm một cái tàn che trên đầu; sau khi ăn xong thật sớm, họ thường ngồi trong bóng mát trọn ngày.

Khi mặt trời lặn, họ ăn chiều sớm, cát đã nguội, họ cho thắng các cỗ xe lại và ra đi. Đi qua bãi sa mạc này giống như đi biển vậy. Người hướng dẫn được gọi là Địa lý trưởng, hướng dẫn đoàn lữ hành đi qua nhờ sự hiểu biết về các ngôi sao. Người chủ đoàn lữ hành này thời bấy giờ đi qua bãi sa mạc với phương tiện như vậy.

Sau khi đi hết năm mươi chín do-tuần, vị ấy nghĩ: “Hôm nay, còn một đêm nữa, ta sẽ ra khỏi sa mạc này.” Sau khi ăn chiều, vị ấy ra lệnh vứt bỏ củi và nước, thắng các cỗ xe và ra đi. Người lữ hành trưởng cho trải tấm vải trong cỗ xe đi đầu để ngồi nhìn các ngôi sao và từ đó nói lên con đường sẽ đi, rồi nằm xuống. Vị ấy đã có một thời gian dài không ngủ nên mệt mỏi, ngủ say, không

biết rằng các con bò đã đi vòng quanh và trở lại con đường cũ. Các con bò suốt đêm đi như vậy.

Khi trời rạng đông, vị lãnh đạo thức dậy nhìn các ngôi sao và bảo:

– Hãy cho quay các cỗ xe trở lại gấp!

Nhưng khi các cỗ xe đã quay trở lại và xếp thành hàng thì trời đã sáng. Các người trong đoàn nói:

– Hôm qua, chúng ta đã cho các cỗ xe cắm trại ở đây. Củi và nước chúng ta đã vứt bỏ hết. Nay chúng ta bị nguy khốn rồi.

Họ tháo dây buộc các cỗ xe, xếp thành vòng tròn, giăng một màn che trên đầu, mỗi người nằm xuống dưới cỗ xe của mình, sầu muộn tuyệt vọng. Bồ-tát suy nghĩ: “Nếu ta từ bỏ tinh tấn, tất cả sẽ bị nguy hại.” Vào buổi sáng, khi trời đang mát, vị ấy đi qua đi lại, thấy một đám cỏ dabbha, tự nghĩ: “Dưới đám cỏ này, chắc thể nào cũng có mạch nước thì cỏ mới mọc được”, bèn cho lấy cuốc và đào chỗ ấy. Họ đào đến sáu mươi khuỷu tay; đến đây, cuốc chạm vào hòn đá ở dưới. Khi ấy, tất cả đều thất vọng, không cố gắng nữa. Bồ-tát nghĩ rằng thể nào cũng có nước dưới hòn đá. Ngài đi xuống, đứng trên hòn đá; cúi xuống, ngài lắng tai nghe. Nghe được tiếng nước chảy dưới hòn đá, ngài leo lên lại, nói với người thị giả hầu cận:

– Nay bạn thân, nếu bạn từ bỏ tinh tấn thì tất cả chúng ta sẽ bị nguy hại. Bạn chớ từ bỏ tinh tấn. Hãy cầm cái búa lớn đi xuống và đập trên hòn đá ấy!

Vâng theo lời chủ, trong khi tất cả mọi người đều đứng chán nản, người này không từ bỏ tinh tấn, leo xuống và đập hòn đá. Hòn đá bị vỡ ở giữa, rơi xuống và dòng nước phun đứng lên cao ngang thân cây thốt nốt. Tất cả mọi người đều uống nước và tắm, rồi chặt phá các bánh xe, trục xe dư thừa, nấu cháo và cơm. Khi ăn xong, họ cho bò ăn.

Đến khi mặt trời lặn, họ buộc một cây cờ cắm gần dòng nước, rồi đi đến chỗ đã định. Tại đây, họ bán hàng hóa lấy được tiền lời gấp hai, gấp bốn lần tiền vốn, rồi trở về nhà. Họ sống hết tuổi thọ và khi mạng chung đi theo nghiệp của mình. Còn Bồ-tát, trọn đời bố thí và làm các công đức, cũng đi theo nghiệp của mình khi mạng chung.

Khi nói xong pháp thoại này, bậc Chánh Đẳng Giác đọc bài kệ:

- | | | |
|----|-------------------------|------------------------|
| 2. | Không một mối họ đào, | Họ đào con đường cát, |
| | Đến khi có dòng nước, | Tại đây, họ được nước. |
| | Cũng vậy, bậc ẩn sĩ, | Với sức mạnh tinh tấn, |
| | Không thối chí một mối, | Tìm được tâm an tịnh. |

Rồi Ngài giảng về bốn sự thật. Cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo đã từ bỏ tinh tấn ấy chứng quả A-la-hán tối cao.

Sau khi bậc Đạo sư kể xong hai câu chuyện và kết hợp chúng với nhau, Ngài kết luận bằng sự nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, người thị giả không từ bỏ tinh tấn, đập vỡ hòn đá và đem lại nước cho đoàn người tức là vị Tỷ-kheo đã từ bỏ tinh tấn này; tùy tùng của vị chủ đoàn lữ hành là tùy tùng của Như Lai; còn vị chủ đoàn lữ hành là Ta vậy.

§3. CHUYỆN NGƯỜI BUÔN GHÈ SERIVA (*Serivāṇijajātaka*) (J. I. 110)

Nếu đây ông thối thác...

Thế Tôn thuyết pháp thoại này khi ở Xá-vệ, cũng liên hệ đến một Tỷ-kheo từ bỏ tinh tấn. Khi vị ấy được các Tỷ-kheo đưa đến bậc Đạo sư, trong trường hợp giống như câu chuyện trước, bậc Đạo sư nói:

– Nay Tỷ-kheo, ông xuất gia trong giáo pháp đem lại Đạo và Quả như vậy, lại từ bỏ tinh tấn, ông sẽ sầu muộn lâu dài như người lái buôn Seriva đã mất một cái bát bằng vàng trị giá trăm ngàn đồng tiền vàng.

Các Tỷ-kheo thỉnh cầu Thế Tôn phân tích sự việc này. Thế Tôn làm sáng tỏ ý nghĩa qua câu chuyện quá khứ sau đây.

Thuở xưa, năm kiếp về trước, Bồ-tát ở trong nước Seri làm nghề đi buôn ghè bát và được gọi là Seriva. Seriva cùng với một người lái buôn bán ghè bát tham lam khác, vượt qua con sông Talavāha đi vào thành Andhapura, phân chia những con đường trong thành và bán hàng hóa của mình tại con đường đã được phân chia, còn người kia nhận con đường phần mình. Trong thành ấy, có một gia đình triệu phú bị sa sút. Tất cả con trai, anh, em và tài sản đều bị mất sạch. Những người sống sót là một người con gái và bà nội, cả hai bà cháu sống bằng nghề làm thuê cho các người khác. Trong nhà có một cái bát bằng vàng, xưa kia người đại triệu phú dùng để ăn cơm. Bát ấy lâu ngày bị quăng vào giữa các chén bát khác không được dùng đến và bụi nhớp dính đầy. Họ không biết cái bát ấy bằng vàng. Lúc bấy giờ, người lái buôn tham lam kia đang vừa đi vừa rao:

– Hãy lấy ghè nước, hãy lấy ghè nước!

Và đến cửa ngôi nhà. Người con gái thấy kẻ ấy liền nói với bà nội:

– Thưa bà, hãy lấy cho con một đồ trang sức.

– Nay con thân, chúng ta rất nghèo, đem đổi cái gì để lấy ghè nước?

– Có một cái bát không giúp ích gì cho chúng ta. Hãy đem cái này đổi lấy ghè!

Bà cho gọi người lái buôn, lấy ghế mời ngồi, đưa cái bát cho kẻ ấy và nói:

– Nay ông, hãy lấy vật này và đổi cho chị một chút gì.

Người lái buôn cầm bát suy nghĩ: “Bát này có thể bằng vàng”, xoay bát trên tay, cạo một đường với một cây kim sau lưng bát, biết được bát bằng vàng, kẻ ấy nghĩ: “Không cần cho những người này một cái gì cả, ta sẽ lấy cái bát”, bèn nói:

– Vật này mà giá bao nhiêu, giá của nó không đáng nửa đồng xu.

Kẻ ấy quăng bát xuống đất, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi bỏ đi. Bấy giờ, giữa hai người lái buôn có sự thỏa thuận rằng: Khi một người đã vào con đường rồi bỏ đi, người kia có thể vào con đường ấy được. Vì thế, Bò-tát đi vào con đường ấy rao hàng:

– Ai lấy ghè nước không?

Và đi đến cửa ngôi nhà ấy. Cô con gái nói với bà nội như trước. Bà nội nói với cô:

– Nay con thân, người lái buôn đến trước đã quăng bát xuống đất và bỏ đi, nay chúng ta có thể cho cái gì để lấy được?

– Thưa bà, người lái buôn kia ăn nói thô ác. Còn người này có đáng mặt dễ thương, ăn nói dịu dàng. Rất có thể người này nhận lấy.

– Vậy hãy gọi họ lại.

Cô gái gọi người này lại. Khi vị này vào nhà và ngồi, họ đưa cái bát cho xem. Vị này biết cái bát bằng vàng, liền nói:

– Thưa mẹ, cái bát này đáng giá trăm ngàn đồng tiền vàng. Tôi không có trong tay hàng hóa giá trị bằng cái bát này.

– Nay ông, người lái buôn đi đến trước nói rằng cái bát này không đáng giá nửa đồng xu, đã quăng bát xuống đất bỏ đi. Nay bát này nhờ công đức của ông, trở thành bằng vàng. Vậy chúng tôi cho ông cái bát này. Hãy cho chúng tôi một chút ít thứ gì để đổi lấy cái bát.

Lúc đó, Bò-tát có trong tay tám trăm đồng tiền vàng và hàng hóa trị giá năm trăm đồng tiền vàng, liền đem cho tất cả và nói:

– Hãy cho tôi giữ lại cái cân, cái giỏ và tám đồng tiền vàng.

Sau khi xin như vậy rồi, ngài cầm lấy cái bát và ra đi. Ngài đi mau đến bờ sông, cho người chủ thuyền tám đồng tiền và leo lên thuyền. Khi ấy, người lái buôn tham lam trở lại và nói:

– Hãy đem cái bát ra đây, ta sẽ cho các người một ít thứ gì.

Nhưng bà già mắng lại kẻ ấy:

– Người cho rằng cái bát bằng vàng của chúng tôi trị giá một trăm ngàn đồng lại không đáng giá nửa đồng xu, nhưng một người lái buôn chơn chánh giống như thầy của người đã cho chúng tôi một ngàn đồng vàng, lấy cái bát và ra đi rồi.

Nghe nói như vậy, kẻ ấy than:

– Ta đã mất đi cái bát bằng vàng trị giá một trăm ngàn đồng tiền vàng rồi. Nó thật là tên ăn cướp đã hại ta.

Người lái buôn tham lam ấy sanh khởi ưu tư sầu muộn, không thể tập trung tâm trí, trở thành điên loạn, tự tay vung vãi đồng tiền vàng và hàng hóa trước

cửa nhà ấy, quăng bỏ áo mặc, áo choàng, và tay cầm cán cân như cái gậy đi theo con đường của Bồ-tát, đến bờ sông. Thấy Bồ-tát đã đi qua sông, kẻ ấy liền kêu:

– Hỡi bạn lái đò, hãy quay lại!

Nhưng Bồ-tát ngăn chặn và nói:

– Đừng quay lại!

Thấy Bồ-tát dần dần đi xa, sầu muộn ưu tư của kẻ ấy khởi lên, quả tim nóng ran, máu nóng trào ra miệng và quả tim của kẻ ấy bị nứt ra như bùn dưới đáy của một bể nước. Do hận tâm chống Bồ-tát, kẻ ấy mạng chung ngay tại chỗ. Đây là lần đầu tiên Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) có hận tâm chống Bồ-tát. Còn Bồ-tát, trọn đời làm các công đức như bố thí... rồi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Sau khi thuyết pháp thoại này xong, bậc Chánh Giác đọc bài kệ:

3. Nếu đây ông thối thất, Không hưởng đích Diệu pháp,
Ông sẽ khổ lâu dài, Như người buôn Seri.

Như vậy, sau khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này đưa đến tột đỉnh A-la-hán, Ngài giảng bốn sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo từ bỏ tinh tấn chứng quả A-la-hán tối cao.

Sau khi kể hai câu chuyện và kết hợp chúng với nhau, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, người lái buôn ngu si là Devadatta, còn người lái buôn hiền trí là Ta vậy.

§4. CHUYỆN TIỂU TRIỆU PHÚ (*Cullakaseṭṭhijātaka*) (J. I. 114)

Bậc trí với ít vốn...

Pháp thoại này được Thế Tôn thuyết khi Ngài ở rừng xoài Jīvaka,⁵ gần Rājagaha (Vương Xá), về Trưởng lão Cullapanthaka. Ở đây, cuộc đời của Cullapanthaka cần được nói đến. Tại Vương Xá, con gái của một triệu phú giàu có thông gian với người nô lệ của mình. Sự việc làm này bị người khác biết, cô gái nói với người nô lệ:

– Chúng ta không thể sống ở chỗ này. Nếu cha mẹ ta biết được tội lỗi này, sẽ xé xác chúng ta. Chúng ta nên đi sống ở một chỗ khác.

Với đồ đạc tư trang cầm tay, cả hai cùng trốn ra khỏi cửa ít khi được mở, thỏa thuận với nhau, tìm chỗ nào không ai biết đến họ và sẽ sống tại đấy. Sau một thời gian sống với nhau, cô gái thụ thai. Đến khi sinh nở, người vợ nói với chồng:

– Nay em đã gần tới kỳ sinh nở, ở chỗ này lại không có bà con. Đến khi em sinh nở, hai chúng ta sẽ gặp khổ sở. Vậy chúng ta hãy đi về nhà.

⁵ Jīvaka là một cư sĩ nổi tiếng thời đức Phật và là một y sĩ giỏi của Vua Seniya Bimbisāra, xứ Magadha. Xem AA. I. 216; Vin. I. 268-81.

Người chồng cứ hẹn lần hết ngày này qua ngày khác và để ngày tháng trôi qua. Người vợ suy nghĩ: “Người ngu này ý thức tội lỗi quá lớn của mình nên không dám đi. Cha mẹ là bạn tốt nhất của mình. Chồng ta đi hay ở lại, ta cũng phải đi.”

Đợi người chồng đi ra khỏi nhà, người vợ sắp đồ đạc trong nhà và báo tin cho những người sống kế cận biết là nàng trở về nhà cha mẹ, rồi nàng lên đường.

Khi người chồng về không thấy nàng, hỏi người láng giềng, biết nàng đã trở về gia đình, liền vội vã đi theo và bắt gặp nàng giữa đường. Tại đấy, nàng sinh con. Người chồng hỏi:

- Này em thân, việc gì vậy?
- Này chàng, em đã sinh đứa con trai.
- Vậy chúng ta sẽ làm gì?

Cả hai đồng ý rằng, mục đích đi về nhà là để sinh đẻ, nhưng giữa đường việc ấy đã giải quyết xong, nay còn đi về làm gì nữa. Họ liền trở về chỗ trọ cũ.

Vì đứa con sanh ra giữa đường nên được đặt tên là Panthaka (Lữ Khách). Không bao lâu, người vợ lại có thai. Tất cả sự việc như lần trước đã diễn tiến lại. Vì đứa con thứ hai này cũng được sinh giữa đường, họ đặt tên đứa đầu là Mahāpanthaka (Đại Lữ Khách) và đứa sau là Cullapanthaka (Tiểu Lữ Khách). Rồi họ đem cả hai đứa con trở về nhà của họ. Trong khi họ sống tại chỗ ấy, đứa trẻ Panthaka nghe các đứa trẻ khác gọi các cậu, các ông nội, bà nội, nó về hỏi mẹ:

– Thừa mẹ, các đứa trẻ khác gọi các cậu, các ông nội, bà nội. Vậy chúng ta không có bà con sao?

Bà mẹ đáp:

– Chúng ta cũng có. Nhưng bà con của con không ở đây. Ông của con là một triệu phú ở Vương Xá. Tại đấy, con có rất nhiều bà con.

– Thừa mẹ, vì sao chúng ta không đi đến đấy?

Nàng nói cho con biết lý do vì sao không đi về nhà của mình và khi các con hỏi nữa, nàng nói với chồng:

– Những đứa trẻ con này làm cho em rất mệt. Không lẽ cha mẹ thấy chúng ta, lại ăn thịt chúng ta? Hãy đi về để cho mấy đứa trẻ biết nhà ông bà chúng nó.

– Ta không thể đứng giáp mặt với cha mẹ em được nhưng ta sẽ đưa chúng đến đấy.

Nàng nói:

– Như vậy cũng được, làm cách nào cho mấy đứa trẻ thấy nhà ông bà của chúng là được.

Hai vợ chồng đem hai đứa trẻ về đến Vương Xá, tạm trú tại một quán trọ gần cửa thành Vương Xá. Rồi người vợ đem hai con nhờ người đưa tin cho cha mẹ nàng biết là họ đã đến. Khi nghe được tin này, cha mẹ nàng nói:

– Sống ở đời mà không có con trai, con gái là một việc không thể có được, nhưng chúng đã có tội quá lớn đối với chúng ta. Chúng ta không thể giáp mặt được. Đây là số tiền cho chúng. Chúng hãy lấy số tiền ấy mà sống thoải mái tại một chỗ nào đó, nhưng phải giao hai đứa trẻ ở lại đây.

Người con gái vị triệu phú lấy số tiền cha mẹ cho và giao hai đứa trẻ tận tay người đưa tin. Hai đứa trẻ lớn lên trong gia đình ông ngoại chúng. Cullapanthaka còn nhỏ nên Mahāpanthaka thường đi với ông ngoại đến nghe bậc Đạo sư thuyết pháp. Thường nghe thuyết pháp và thấy bậc Đạo sư, tâm của Mahāpanthaka thiên về xuất gia. Nó nói với ông ngoại nó:

– Nếu ông chấp thuận, cháu sẽ xuất gia.

– Này cháu thân, cháu nói gì vậy? Ôi, ta sẽ vô cùng vui sướng được thấy cháu xuất gia còn hơn là thấy toàn thế giới xuất gia! Này cháu thân, nếu có thể được, hãy xuất gia!

Ông ngoại chấp nhận và đưa cháu đi gặp bậc Đạo sư. Bậc Đạo sư hỏi:

– Này triệu phú, ông mang theo đứa trẻ nào vậy?

– Bạch Thế Tôn, đứa trẻ này là cháu của con, nó muốn xuất gia với Thế Tôn.

Bậc Đạo sư bảo một vị Khất sĩ cho đứa trẻ xuất gia. Vị Trưởng lão đọc đề tài thiền quán gồm năm phần từ da trở đi⁶... và làm phép xuất gia cho đứa trẻ. Đứa trẻ học nhiều lời dạy của đức Phật và khi cậu đến tuổi, cậu được thọ Đại giới. Nhờ chuyên tâm tinh cần làm đủ các bốn phận tu tập, Mahāpanthaka chứng quả A-la-hán. Trong khi thọ hưởng an lạc thiền định và an lạc Thánh đạo, người anh nghĩ nên cho em là Cullapanthaka cũng hưởng được an lạc ấy. Rồi người anh đi đến gọi ông ngoại triệu phú và nói:

– Nếu ông ngoại chấp thuận, con sẽ làm lễ xuất gia cho Cullapanthaka.

– Thừa Tôn giả, hãy làm lễ xuất gia cho nó.

Vị Trưởng lão làm lễ xuất gia cho Cullapanthaka và cho thọ mười giới. Nhưng Sa-di Cullapanthaka, sau khi xuất gia, tỏ ra rất ám độn. Người em trong bốn tháng không thể học thuộc lòng bài kệ này:

Như bông sen thơm dịu,	Vào rạng đông buổi sáng,
Hoa được nở toàn diện,	Với mùi hương bát ngát.
Nhìn đức Phật chói sáng,	Với hào quang chiếu diệu,
Như mặt trời rực sáng,	Trên bầu trời quang đãng.

Chúng ta được kể rằng, trong thời đức Phật Kassapa, Cullapanthaka xuất gia, có trí tuệ, đã cười khinh bỉ một Tỷ-kheo ám độn đang học thuộc lòng một đoạn kinh. Tỷ-kheo ấy hổ thẹn vì bị khinh bỉ đến nỗi không thể nhớ và đọc lên đoạn kinh ấy. Do kết quả nghiệp ấy, Cullapanthaka trở thành ám độn, những câu vị ấy mới học làm vị ấy quên đi những câu đã học trước.

⁶ Đây là pháp quán 32 phần bất tịnh trong thân. Xem J. I. 145, *Nigrodhamigajātaka* (Chuyện con nai Nigrodha), số §12; Sn. 34, *Vijayasutta* (Kinh Thắng trận).

Và bốn tháng đã trôi qua, trong khi vị ấy đang cố gắng học một câu kệ, Mahāpanthaka nói với em:

– Nay Panthaka, em không có khả năng trong giáo pháp này. Bốn tháng trôi qua, em không thể học thuộc lòng một câu kệ, làm sao em có thể đạt được sự nghiệp tối thượng của người xuất gia? Hãy đi ra khỏi tinh xá!

Như vậy, người anh đuổi người em. Nhưng Cullapanthaka đã gắn bó đặc biệt với giáo pháp của đức Phật nên không muốn trở thành một người tại gia.

Trong thời ấy, Mahāpanthaka đang làm người phân phối bữa ăn. Một hôm, Jīvaka Komārabhacca đem nhiều hương thơm và vòng hoa đến vườn xoài của mình để cúng dường Thế Tôn. Sau khi nghe pháp, Jīvaka từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ bậc Thập Lực (Dasabala), rồi đi đến gần Mahāpanthaka và hỏi:

– Thưa Tôn giả, có bao nhiêu Tỷ-kheo ở gần bậc Đạo sư?

– Khoảng năm trăm.

– Vậy ngày mai, xin Tôn giả hãy mời năm trăm Tỷ-kheo với đức Phật là vị dẫn đầu, dùng bữa ăn tại nhà tôi.

– Nay cư sĩ, Cullapanthaka là kẻ ám độn, không thể lớn mạnh trong giáo pháp. Tôi chấp nhận lời mời tất cả, trừ nó ra.

Nghe vậy, Cullapanthaka suy nghĩ: “Vị Trưởng lão nhận lời mời tất cả Tỷ-kheo và loại ta ra ngoài. Không nghi ngờ gì nữa, tình cảm của anh ta đối với ta đã bị đổ vỡ. Nay ta còn ở trong giáo pháp này làm gì nữa? Vậy ta sẽ làm người cư sĩ, sống làm các công đức như bố thí...”

Rạng ngày hôm sau, Cullapanthaka ra đi với ý nghĩ: “Ta trở lại đời sống gia chủ.” Bậc Đạo sư vào sáng sớm, khi quán sát khắp thế giới, thấy sự kiện này nên ra đi sớm hơn Cullapanthaka. Ngài đi qua đi lại trước cửa ngõ trên con đường Cullapanthaka sẽ đi và đứng lại. Cullapanthaka từ nhà đi ra, thấy bậc Đạo sư, đến gần Ngài và đánh lễ. Thấy Cullapanthaka, Thế Tôn hỏi:

– Nay Cullapanthaka, con đi đâu vào giờ này?

– Bạch Thế Tôn, anh con đuổi con, cho nên con đi lang thang.

– Nay Cullapanthaka, con xuất gia với Ta. Khi anh con đuổi, sao con không đến gặp Ta? Con sống tại gia để làm gì? Hãy đến sống gần Ta!

Rồi Thế Tôn dẫn Cullapanthaka đi, bảo ngồi trước hương phòng. Ngài đưa Cullapanthaka một miếng vải sạch mà Ngài đã tạo bằng thần thông, rồi nói:

– Nay Cullapanthaka, hãy hướng mặt về phía Đông, dùng miếng vải này lau qua lau lại và nói: “Đồ vật lau bụi, đồ vật lau bụi.”

Đúng giờ đã định, đức Thế Tôn cùng với các Tỷ-kheo vây quanh đi đến nhà Jīvaka và ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Còn Cullapanthaka, với mặt hướng phía mặt trời, ngồi cầm miếng vải lau qua lau lại và nói: “Đồ vật lau bụi, đồ vật lau bụi”, cho đến khi miếng vải trở thành dơ bẩn. Rồi Cullapanthaka suy nghĩ:

“Vừa rồi tấm vải này rất là sạch sẽ; nhưng nay vì bản thân ta, nó đã bỏ nguyên trạng của nó và trở thành dơ bẩn. Thật sự các hành là vô thường.” Ngay khi Cullapanthaka thông hiểu tánh đoạn diệt, thiền quán được tăng trưởng. Bạc Đạo sư biết tâm thiền quán của Cullapanthaka đã đạt viên mãn, bèn nói với Cullapanthaka:

– Chớ để ý đến miếng vải này đã bị bụi làm bẩn, trong con có bụi tham... hãy tẩy trừ chúng!

Rồi Thế Tôn phóng hào quang hóa hiện một danh sắc do trí tuệ tạo thành, ngồi trước mặt vị ấy và đọc các bài kệ này:

Tham mới gọi là bụi,	Chớ không phải bụi này,
Tham mới thật đồng nghĩa,	Với chữ bụi thường dùng.
Hỡi này các Tỷ-kheo,	Hãy từ bỏ bụi này,
Hãy sống trong giáo pháp,	Của vị Không Bụi Bẩn!
Sân mới gọi là bụi,	Chớ không phải bụi này,
Sân mới thật đồng nghĩa,	Với chữ bụi thường dùng.
Hỡi này các Tỷ-kheo,	Hãy từ bỏ bụi này,
Hãy sống trong giáo pháp,	Của vị Không Bụi Bẩn!
Si mới gọi là bụi,	Chớ không phải bụi này,
Si mới thật đồng nghĩa,	Với chữ bụi thường dùng.
Hỡi này các Tỷ-kheo,	Hãy từ bỏ bụi này,
Hãy sống trong giáo pháp,	Của vị Không Bụi Bẩn!

Cuối câu kệ, Cullapanthaka chứng quả A-la-hán với bốn vô ngại giải, vị ấy thấu hiểu tất cả tạng kinh điển. Tương truyền rằng trong thời quá khứ, vị ấy làm vua và khi đang đi bộ xung quanh thành phố, mồ hôi chảy từ trán, vị ấy lấy một miếng vải sạch lau trán. Miếng vải trở thành bẩn, vị ấy suy nghĩ: “Do thân này của ta, miếng vải đã bỏ nguyên trạng trong trắng và trở thành dơ bẩn. Thật sự các hành là vô thường.” Vị ấy nắm được tướng vô thường. Như vậy, chính nhờ sự đoạn trừ bụi bẩn này tạo thành nhân duyên giải thoát cho vị ấy. Trong khi ấy, Jīvaka Komārabhacca dâng nước bố thí lên đấng Đại Giác. Bạc Đạo sư lấy tay che bình bát và nói:

– Nay Jīvaka, trong tinh xá còn có Tỷ-kheo nào hay không?

Mahāpanthaka thưa:

– Bạch Thế Tôn, trong tinh xá không còn Tỷ-kheo nào.

Nhưng bậc Đạo sư nói:

– Nay Jīvaka, còn có Tỷ-kheo.

Jīvaka liền sai một người đi xem thử trong tinh xá có Tỷ-kheo hay không. Trong lúc ấy, Cullapanthaka biết người anh của mình nói không có Tỷ-kheo ở trong tinh xá và muốn tỏ cho người anh thấy rằng còn có nhiều Tỷ-kheo ở trong tinh xá, liền làm cho toàn rừng xoài đầy những Tỷ-kheo. Một số Tỷ-kheo đang

làm y, một số đang nhuộm, một số đang học kinh điển. Cullapanthaka tạo ra một ngàn Tỷ-kheo, không ai giống ai. Người kia thấy rất nhiều Tỷ-kheo ở trong tinh xá, trở về báo cho Jivaka biết:

– Thừa ông chủ, toàn rừng xoài đầy những Tỷ-kheo! Có bậc Trưởng lão ở tại đây!

Trưởng lão Panthaka,
Ngồi rừng xoài xinh đẹp,

Hóa mình thành ngàn lần,
Chờ thời được gọi đến.⁷

Bậc Đạo sư nói với người ấy:

– Hãy đi đến tinh xá, nói Thế Tôn cho gọi Cullapanthaka!

Người ấy đi và khi nói như vậy thì ngàn miệng nói lên:

– Tôi là Cullapanthaka! Tôi là Cullapanthaka!

Người ấy về thưa:

– Bạch Thế Tôn, tất cả đều nói: “Tôi là Cullapanthaka.”

– Vậy ông hãy đi đến và nếu ai nói đầu tiên: “Tôi là Panthaka”, hãy nắm tay người ấy, tất cả người còn lại sẽ biến mất.

Người ấy làm đúng như vậy. Ngay lúc ấy, cả ngàn Tỷ-kheo đều biến mất. Vị Trưởng lão đi với người ấy đến bậc Đạo sư. Sau khi dùng bữa ăn xong, bậc Đạo sư nói với Jivaka:

– Này Jivaka, hãy lấy cái bát của Cullapanthaka. Vị này sẽ nói lời cảm ơn ông.

Jivaka làm như lời bậc Đạo sư đã nói. Vị Trưởng lão rống tiếng rống của sư tử, làm cho sống động tất cả các tạng kinh điển trong lời nói cảm ơn của mình.

Rồi Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, với chúng Tỷ-kheo vây quanh, đi trở về tinh xá. Sau khi các Tỷ-kheo phân bố công việc xong, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đứng trước hương phòng thuyết lời khuyên cáo của bậc Thiện Thệ cho chúng Tỷ-kheo, cho họ đề tài thiền quán, giải tán chúng Tỷ-kheo, rồi đi vào hương phòng sức nức mùi thơm và nằm xuống phía hông bên mặt như dáng nằm con sư tử.

Vào buổi chiều, các Tỷ-kheo đắp y vàng từ nhiều nơi quy tụ lại trong pháp đường, ngồi xuống như thể trải một tấm màn vàng rực chung quanh bậc Đạo sư và bắt đầu tán thán công đức của Ngài:

– Này các Hiền giả, Mahāpanthaka không biết khả năng của Cullapanthaka, đã đuổi Cullapanthaka ra khỏi tinh xá, cho là ngu si ám độn, trong bốn tháng học không thuộc một câu kệ. Nhưng bậc Chánh Đẳng Giác với đức tánh Pháp Vương Vô Thượng, chỉ trong một bữa ăn, đã đem lại cho Cullapanthaka quả A-la-hán với các vô ngại giải. Với các vô ngại giải ấy, Cullapanthaka nắm được toàn bộ các tạng kinh điển. Ôi, Phật lực thật lớn vậy thay!

⁷ Xem *Thag.* v. 563.

Thế Tôn biết được diễn tiến câu chuyện trong pháp đường, nghĩ rằng nay cần phải đi đến chỗ ấy, liền đứng dậy từ chỗ nằm của đức Phật, mặc hai tấm áo màu đỏ chói, thắt cái nịt thân như chớp nhoáng và đắp lại y. Bậc Thiện Thệ như tấm mền đỏ thắm, từ hương phòng đi ra, đi đến pháp đường với uy nghi vô tận của một đức Phật, di động với dáng điệu oai hùng đẹp đẽ của con voi, con sư tử trong thời sung sức. Bước lên Phật tòa được sắp bày lộng lẫy ở giữa pháp đường trang nghiêm, Ngài ngồi trên Phật tòa phóng ra những hào quang. Phật có sáu màu như mặt trời mới mọc từ trên đỉnh núi Yugandhara, Ngài chói sáng đến tận đáy biển.

Ngay khi bậc Chánh Giác đến, chúng Tỷ-kheo chấm dứt câu chuyện và giữ im lặng. Bậc Đạo sư với tâm từ bi hòa nhã, quan sát hội chúng và suy nghĩ: “Hội chúng này thật rực sáng, không có một động tay, không có một động chân, không một tiếng đặng hắng, không một tiếng ho. Tất cả vì tôn kính Ta, nếu Ta ngồi không nói cho đến suốt đời, đại chúng đều không dám nói trước khi Ta nói. Ta biết Ta cần phải nói trước. Ta sẽ nói trước.” Với Phạm âm ngọt dịu, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông nay ngồi ở đây nói đề tài gì và câu chuyện gì chưa được nói xong?

– Bậc Thế Tôn, chúng con ngồi đây không nói chuyện nhảm. Chúng con ngồi tán thán công đức của Ngài như sau: “Này các Hiền giả, Mahāpanthaka không biết khả năng của Cullapanthaka, đã đuổi Cullapanthaka ra khỏi tinh xá... Ôi, Phật lực thật lớn vậy thay!”

Thế Tôn nghe các Tỷ-kheo nói vậy, bèn nói:

– Nay các Tỷ-kheo, Cullapanthaka nay do nhờ Ta, đã đạt được sự vĩ đại trong giáo pháp. Còn thời quá khứ cũng do nhờ Ta, vị ấy đã đạt được tài sản vĩ đại trong các tài sản.

Các Tỷ-kheo thỉnh cầu Thế Tôn giải thích ý nghĩa này, và Thế Tôn liền trình bày rõ sự việc tái sanh che lấp qua câu chuyện sau đây.

Thuở xưa, tại nước Kāsi, trong thành Ba-la-nại, khi Vua Brahmadatta đang trị vì, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình triệu phú và được gọi là Cullakasetṭhi (Tiểu Triệu Phú). Ngài có trí thông minh, biết tất cả loại tướng. Một hôm, trong khi đi đến hầu vua, giữa đường thấy một con chuột chết; ngay lúc ấy, ngài tính toán các vì sao và nói:

– Một thiện nam tử nào có mất, chỉ cần lượm con chuột này lên có thể xây dựng cơ nghiệp và nuôi một người vợ.

Bấy giờ, có một thiện nam tử đang bị túng thiếu, nghe triệu phú nói vậy, suy nghĩ: “Người này biết cái gì mới nói”, bèn lượm con chuột lên, bán được một xu ở một tiệm hàng mua cho mèo ăn. Với đồng xu ấy, chàng mua đường mật

và lấy nước uống với một cái bình. Gặp những người làm vòng hoa từ rừng về, chàng cho mỗi người một ít đường, mật và nước uống với một ít cái gạo. Mỗi người làm vòng hoa cho chàng một nắm hoa.

Ngày hôm sau, với số tiền bán hoa ấy, chàng lấy đường mật, một ghè nước rồi đi đến vườn hoa. Ngày ấy, các người làm vòng hoa cho chàng những cành hoa đã hái còn sót lại rồi bỏ đi. Không bao lâu với phương tiện này, chàng có được tám đồng tiền vàng.

Rồi vào một ngày mưa gió, trong vườn của vua có rất nhiều cành cây khô và lá bị gió làm rụng xuống, người giữ vườn không biết cách nào để quét chúng cho sạch. Chàng đi đến nói với người giữ vườn:

– Tôi sẽ quét sạch với điều kiện là củi và lá này thuộc về của tôi.

Người giữ vườn chấp thuận. Người đệ tử này của vị Tiểu Triệu Phú đi đến sân chơi của bọn trẻ, cho chúng đường mật và nhờ chúng dọn sạch củi, lá chất thành một đống trước vườn hoa trong một thời gian ngắn. Khi ấy, người làm đồ gốm cho vua đang đi tìm củi để đốt nung các chén bát cho nhà vua, thấy đống củi ấy tại cửa vườn hoa, ông ta mua ngay và tự tay mang nó đi.

Ngày ấy, đệ tử vị Tiểu Triệu Phú bán củi có được mười sáu đồng tiền, ghè bình và năm cái bát. Sau khi có được hai mươi bốn đồng tiền, chàng nghĩ đến một kế hoạch, đặt một ghè nước không xa cửa thành và đem nước cho năm trăm người cắt cỏ uống. Họ nói:

– Bạn giúp ích cho chúng tôi rất nhiều. Bạn muốn chúng tôi làm gì cho bạn?

Chàng trả lời:

– Khi nào tôi có việc, tôi sẽ nói cho các anh biết.

Trong khi đi qua lại, chàng làm thân với một người buôn bán trên bộ và một người buôn bán trên biển. Người buôn bán trên bộ báo tin cho chàng biết, ngày mai sẽ có người buôn ngựa đến tại thành này với năm trăm con ngựa. Nghe vậy, chàng nói với những người cắt cỏ:

– Hôm nay, mỗi người hãy cho tôi một bó cỏ và không bán cỏ của các anh cho đến khi tôi bán xong cỏ của tôi.

Họ bằng lòng và đem đến nhà chàng năm trăm bó cỏ. Người lái buôn ngựa không tìm được cỏ trong toàn thành phố, liền cho chàng một ngàn đồng tiền và lấy cỏ của chàng. Sau một vài ngày, người buôn bán trên biển báo tin cho chàng biết, sẽ có một chiếc tàu lớn cập bến. Chàng nghĩ đến một kế hoạch khác. Với tám đồng tiền chàng thuê một cỗ xe trang bị đầy đủ, được thuê theo giờ và đi đến bến cảng với vẻ rất uy nghi bề thế.

Sau khi đưa chiếc nhẫn làm bảo chứng cho chiếc tàu, chàng bảo dựng một cái lều không xa bao nhiêu, ngồi ở trong lều và dặn người làm công như sau:

– Khi có các người lái buôn từ ngoài đến, hãy báo cho ta biết qua ba người giới thiệu.

Khi nghe tin có tàu đến, khoảng một trăm người lái buôn từ Ba-la-nại đến để mua hàng. Họ được cho biết là hàng không thể lấy được vì phải để dành cho người lái buôn ở tại chỗ ấy đã có bảo chứng. Họ nghe vậy, liền đi đến gặp chàng. Những người hầu, như đã được dặn trước, báo tin họ đến qua ba người giới thiệu.

Một trăm người lái buôn ấy, mỗi người cho chàng một ngàn đồng để làm người hùn vốn trên tàu và cho một ngàn đồng nữa để trả tiền lấy hàng hóa phần của mình. Như vậy, người đệ tử vị Tiểu Triệu Phú lấy được hai trăm ngàn đồng tiền và đi về Ba-la-nại.

Để bày tỏ sự biết ơn đối với vị Tiểu Triệu Phú, chàng đem theo một trăm ngàn đồng tiền và đi đến thăm vị Tiểu Triệu Phú. Vị Tiểu Triệu Phú hỏi chàng đã làm gì để được số tiền này, chàng tường thuật tất cả câu chuyện, từ khi theo lời vị Tiểu Triệu Phú trải qua bốn tháng bắt đầu với việc chàng lượm con chuột chết. Vị Tiểu Triệu Phú nghe chàng nói như vậy, nghĩ rằng: Không thể để một chàng trai trẻ như vậy rơi vào tay người khác, liền gả con gái mới lớn lên của mình cho chàng và cho chàng làm chủ toàn bộ gia sản. Khi người triệu phú qua đời, chàng đã trở thành vị triệu phú của thành ấy. Khi mạng chung, Bồ-tát đi theo nghiệp của mình.

Sau khi nói lên pháp thoại này, bậc Chánh Giác đọc bài kệ:

- | | | |
|----|------------------------|-----------------------|
| 4. | Bậc trí với ít vốn, | Bậc có mắt, ít hàng, |
| | Tự xây dựng cho mình, | Tài sản lớn như vậy, |
| | Như dùng hơi thở mình, | Thổi lớn đám lửa nhỏ. |

Thế Tôn nói:

– Nay các Tỷ-kheo, chính dựa vào Ta, Cullapanthaka ngày nay đạt được pháp tối thượng trong các pháp, cũng như ngày xưa đã đạt được tài sản tối thượng trong các tài sản.

Sau khi nói xong pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp hai mẫu chuyện với nhau và kết luận bằng sự nhận diện tiền thân như sau:

– Trong thời ấy, đệ tử của Tiểu Triệu Phú là Cullapanthaka, còn Cullakasetthi là Ta vậy.

§5. CHUYỆN ĐÁU GẠO (*Taṇḍulanālijātaka*) (J. I. 123)

Giá đấu gạo bao nhiêu...

Câu chuyện này được Thế Tôn khi ở tại Kỳ Viên, đã kể về Trưởng lão Lāludāyī. Trong thời ấy, Tôn giả Dabba, con bộ tộc Mallā, làm người phân phối cơm ăn cho chúng Tăng.⁸ Thời ấy, vào buổi sáng, trong khi phân phối thể cơm,

⁸ Xem *Vin.* III. 158.

Trưởng lão Udāyī khi thì được gạo tốt, khi thì được gạo xấu. Vào ngày được gạo xấu, Udāyī thường làm rộn lên trong phòng phát thê và nói:

– Sao chỉ có Dabba biết phát thê, chứ chúng tôi không biết hay sao?

Một hôm, khi Udāyī làm rộn lên trong phòng phát thê, các Tỷ-kheo đưa sô phát thê cho Udāyī và nói:

– Hôm nay, Hiền giả hãy phát thê.

Bắt đầu từ hôm ấy, Udāyī phát thê cho chúng Tăng. Nhưng trong khi phát thê, Udāyī không biết gạo nào là gạo tốt, gạo nào là gạo xấu; Udāyī cũng không biết số hạ lạc như thế nào⁹ được phát gạo tốt, số hạ lạc như thế nào được phát gạo xấu. Khi làm sô thứ tự để chia phần, Udāyī không nghĩ đến thứ tự hạ lạc. Do vậy, khi các Tôn giả đứng vào vị trí của mình, Udāyī ghi một cái dấu trên sàn hoặc trên tường để chỉ rõ hàng này đứng chỗ này, hàng kia đứng chỗ kia.

Đến ngày sau, trong phòng phân phối thê có ít Tỷ-kheo hơn trong hàng này và có nhiều Tỷ-kheo hơn trong hàng kia. Hàng nào ít Tỷ-kheo hơn thì các dấu ghi quá thấp, hàng nào nhiều Tỷ-kheo hơn thì các dấu ghi quá cao. Nhưng Udāyī không biết gì về hàng sắp, đã phân phối các thê theo những dấu của mình. Do vậy, các Tỷ-kheo nói với Udāyī:

– Các dấu hoặc là quá thấp, hoặc là quá cao. Gạo tốt dành cho những vị có hạ lạc như thế kia còn gạo xấu lại dành cho những vị có hạ lạc như thế này.

Nhưng Udāyī gạt họ ra một bên và nói:

– Nếu dấu này là như vậy, sao các Hiền giả không đứng như vậy? Sao tôi lại tin các Hiền giả? Tôi tin các dấu của tôi hơn.

Các vị trẻ tuổi và các Sa-di kéo Udāyī ra khỏi phòng phân phối và nói:

– Nay Hiền giả Udāyī ám độ, khi Hiền giả phân phối thê, các Tỷ-kheo nhận thiếu phần họ được nhận. Hiền giả không xứng đáng để phân phối. Hãy đi ra đi!

Trong khi ấy, tại phòng phân phối thê có tiếng ồn ào lớn. Nghe vậy, bậc Đạo sư gọi hỏi Trưởng lão Ānanda:

– Nay Ānanda, trong phòng phân phối thê có tiếng ồn ào lớn, tiếng gì vậy?

Trưởng lão Ānanda bạch với Như Lai sự việc vừa xảy ra. Thế Tôn nói:

– Nay Ānanda, không phải hiện nay, Udāyī với sự ngu si của mình, mới làm cho người khác bị thiệt hại khi nhận phần của họ. Thuở trước, Udāyī cũng đã làm như vậy.

Trưởng lão Ānanda thỉnh cầu Thế Tôn làm sáng tỏ vấn đề này. Thế Tôn trình bày rõ sự việc bị tái sanh che lấp qua câu chuyện quá khứ.

⁹ Xem Vin. II. 167.

Thuở xưa, ở nước Kāsi, tại thành Ba-la-nại, Vua Brahmadatta đang trị vì. Lúc ấy, Bô-tát của chúng ta làm người đánh giá cho vua. Ngài đánh giá voi, ngựa, v.v... đánh giá châu báu, vàng, v.v... Và ngài thường trả cho những người chủ các hàng hóa đúng giá tiền như ngài đã quy định. Nhưng vua là người tham lam và bản tánh tham của vua khiến vua suy nghĩ: “Người đánh giá này với cách đánh giá như vậy, không bao lâu sẽ làm cho tài sản trong nhà của ta khánh kiệt. Ta phải tìm một người đánh giá khác.” Mở cửa sổ nhìn xuống sân, vua thấy một người quê mùa, tham và ngu đang đi qua sân, nghĩ rằng: “Kẻ ấy có thể làm người đánh giá cho mình”, bèn cho gọi kẻ ấy lên và hỏi anh ta có thể làm người đánh giá cho vua được không. Kẻ ấy trả lời:

– Thưa Đại vương, tôi có thể làm được.

Vua liền đặt người ngu ấy vào chức vụ người đánh giá với mục đích bảo vệ tài sản của mình. Từ khi ấy trở đi, người ngu ấy đánh giá voi, ngựa, v.v... không đếm xỉa gì đến giá trị, nói giá tùy theo sở thích. Vì giữ chức vụ ấy, kẻ ấy nói gì thì giá tiền là phải như vậy, không thể khác.

Lúc bấy giờ, từ vùng phương Bắc, một người buôn ngựa đi đến với năm trăm con ngựa. Vua cho gọi kẻ ấy lên và bảo anh ta đánh giá ngựa. Kẻ ấy đánh giá năm trăm con ngựa bằng giá một đấu gạo, bảo trả cho người buôn ngựa giá tiền một đấu gạo và bảo dắt ngựa vào chuồng. Người buôn ngựa đi đến gặp người đánh giá cũ, thuật lại sự việc này và hỏi phải làm thế nào. Bô-tát nói:

– Hãy cho người ấy một số tiền hối lộ và hỏi nó: “Biết rằng giá tiền các con ngựa chúng tôi đáng giá một đấu gạo thì ông có thể cho chúng tôi biết, theo ông tiền một đấu gạo là bao nhiêu, ông có thể tuyên bố giá ấy trước mặt vua được không?” Nếu nó trả lời có thể được thì đưa nó đến ngay trước mặt vua và tôi cũng sẽ có mặt ở đấy.

Người lái buôn nghe theo lời Bô-tát, cho người đánh giá một số tiền hối lộ, và đặt vấn đề với kẻ ấy. Khi kẻ ấy nhận hối lộ và nói có thể đánh giá đấu gạo được, người buôn ngựa đưa ngay anh ta đến trước mặt vua. Bô-tát cùng nhiều đại thần khác cũng đi đến. Người buôn ngựa, sau khi đánh lễ vua, liền thưa:

– Thưa Đại vương, con đã biết giá tiền năm trăm con ngựa bằng giá tiền một đấu gạo.

– Nhưng giá tiền một đấu gạo là bao nhiêu?

– Đại vương hãy hỏi người đánh giá này.

Không biết sự việc đã xảy ra, vua nói:

– Này người đánh giá, Khanh nói cho ta biết giá tiền năm trăm con ngựa.

– Thưa Đại vương, là giá tiền một đấu gạo.

– Hãy là vậy, này Khanh. Năm trăm con ngựa này trị giá một đấu gạo. Vậy giá trị một đấu gạo là bao nhiêu?

Người ngu si ấy trả lời:

– Một đấu gạo trị giá bằng tất cả thành Ba-la-nại với nhiều ngoại ô.

Như vậy, chúng ta được biết rằng, để làm vui lòng ông vua, kẻ ấy trị giá các con ngựa bằng một đấu gạo; nhưng sau khi lấy tiền hối lộ từ tay người lái buôn, anh ta đánh giá một đấu gạo bằng toàn bộ nội ngoại thành Ba-la-nại. Lúc bấy giờ, toàn thành bao bọc Ba-la-nại dài đến mười hai do-tuần, còn nội thành và ngoại thành Ba-la-nại rộng lớn ba trăm do-tuần; tuy vậy, kẻ ngu ấy trị giá nội thành và ngoại thành Ba-la-nại rộng lớn này chỉ bằng một đấu gạo. Nghe kẻ ấy nói vậy, các đại thần vỗ tay cười và nói:

– Trước kia chúng ta thường nghĩ rằng: Quả đất và quốc độ là vô giá. Nhưng nay chúng ta được biết rằng thành phố lớn Ba-la-nại này cùng với vị vua trị giá chỉ có một đấu gạo mà thôi. Ôi, kẻ đánh giá thật đầy đủ trí tuệ! Sao nó có thể giữ địa vị của nó lâu như vậy! Nhưng thật sự kẻ đánh giá này phù hợp với vua chúng ta một cách tuyệt diệu!

Các đại thần vỗ tay, cười đùa và mĩa mai như vậy.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ:

5.	Giá đấu gạo bao nhiêu?	Bằng cả nội ngoại thành,
	Thành phố Ba-la-nại,	Cả năm trăm con ngựa,
	Cũng chỉ bằng giá tiền,	Một đấu gạo mà thôi.

Lúc bấy giờ, vua xấu hổ đuổi kẻ ngu ấy đi và đặt Bồ-tát vào chức vụ đánh giá như cũ. Rồi đến khi mạng chung, Bồ-tát đi theo nghiệp của mình.

Sau khi trình bày pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện với nhau và kết luận bằng sự nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, kẻ đánh giá quê mùa ngu si là Udāyī, còn vị đánh giá có trí là Ta vậy.

§6. CHUYỆN THIÊN PHÁP (*Devadhammajātaka*) (J. I. 126)

Đầy đủ tâm và quý...

Khi ở Kỳ Viên, Thế Tôn kể câu chuyện này về một Tỷ-kheo có nhiều đồ vật. Ở Xá-vệ, có một vị trưởng giả giàu có, sau khi vợ chết mới xuất gia. Trước khi xuất gia, vị ấy có làm một phòng để ở, một phòng để lửa và một kho chứa đồ, cho chất đầy kho chứa đồ với bơ, sữa, gạo, v.v... rồi mới xuất gia. Sau khi xuất gia, vị ấy cho gọi những người đầy tớ của mình, bảo nấu các đồ ăn theo sở thích và thọ dụng các món ăn ấy. Vị ấy có rất nhiều vật dụng, ban đêm có bộ đồ lót, có áo choàng riêng; ban ngày có bộ đồ lót, có áo choàng riêng và sống cách biệt sau biên địa ngôi tinh xá.

Một hôm, trong khi vị ấy lấy các y và đồ nằm, trải chúng trong phòng để phơi cho khô, một số đông Tỷ-kheo ở các tinh, đi từ trú xứ này đến trú xứ khác, đến phòng kia thấy các y áo, v.v... liền hỏi chúng thuộc về ai. Vị ấy trả lời:

– Của tôi, thừa các Hiền giả.

– Thừa Hiền giả, y này, áo lót này, đồ nệm này, tất cả của Hiền giả phải không?

– Vâng, của tôi.

Họ nói:

– Nay Hiền giả, Thế Tôn chỉ cho phép ba y. Hiền giả xuất gia trong giáo pháp đức Phật ít dục như vậy, lại chất đầy cả kho vật dụng như vậy. Chúng tôi sẽ đưa Hiền giả đến bậc Đạo sư.

Rồi các Tỷ-kheo này đem vị ấy đi đến bậc Đạo sư. Thấy vậy, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, phải chăng các ông đem đến đây một Tỷ-kheo ngoài ý muốn của vị ấy?

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này có nhiều đồ vật và có cả kho vật dụng.

– Nay Tỷ-kheo, có phải ông có nhiều vật dụng?

– Thật vậy, bạch Thế Tôn.

– Nay Tỷ-kheo, sao ông lại có nhiều vật dụng như vậy? Có phải Ta nói lời tán thán hạnh ít dục, biết đủ... viển ly, tinh tấn không?

Nghe bậc Đạo sư nói vậy, vị ấy sanh phần nộ và nói:

– Nay tôi sẽ cởi đồ và đi như thế này.

Vị ấy quăng y choàng ngoài, chỉ mặc một y trong và đứng giữa hội chúng.

Bậc Đạo sư muốn khích lệ, liền nói:

– Nay Tỷ-kheo, thuở trước, ông là con quý nước dạ-xoa đi tìm tầm quý, sống trong mười hai năm đi tìm tầm quý. Sao nay ông đã xuất gia trong giáo pháp Phật được tôn kính này, lại quăng y choàng ngoài giữa bốn chúng, từ bỏ tầm quý và đứng như vậy?

Khi nghe lời bậc Đạo sư, tầm quý khởi lên, vị ấy đắp y, đánh lễ bậc Đạo sư, rồi ngồi xuống một bên. Các Tỷ-kheo thỉnh cầu Thế Tôn giải thích rõ ràng ý nghĩa này. Thế Tôn trình bày ý nghĩa sự việc bị tái sanh che lấp qua câu chuyện sau đây:

Vào thời Vua Brahmadatta đang trị vì nước Kāsi tại Ba-la-nại, Bồ-tát tái sanh làm con bà hoàng hậu của vua, trong ngày đặt tên, được đặt tên là Hoàng tử Mahimsāsa (Ngư Vương). Khi Bồ-tát bắt đầu đi được, chạy được, một con trai thứ hai ra đời và được đặt tên là Hoàng tử Canda (Mặt Trăng). Khi đứa trẻ này bắt đầu đi được, chạy được, mẹ Bồ-tát mạng chung. Vua đưa một người khác lên làm hoàng hậu, rất được vua sủng ái. Bà hoàng hậu này trong tình thương yêu ấy, sanh được một con trai đặt tên là Hoàng tử Suriya (Mặt Trời). Vua cha thấy con, tâm tư hết sức hoan hỷ, hứa cho bà hoàng hậu một lời yêu cầu nhân danh con bà. Bà hoàng hậu giữ lời hứa lại, mong được thực hiện ý muốn mai sau. Khi con bà lớn lên, bà âu vớ với vua:

– Khi sanh con của thiếp, Đại vương có hứa cho một điều yêu cầu. Vậy hãy cho con thiếp làm vua.

Vua từ chối và nói:

– Ta có hai con trai, sáng chói như đám lửa. Ta không thể giao vương quốc cho con hoàng hậu được.

Nhưng sau, thấy hoàng hậu cứ tiếp tục yêu cầu mãi, vua ngại bà có âm mưu ác hại các con của mình, nên cho gọi các con lại và bảo:

– Nay các con thân, khi sinh Hoàng tử Suriya, ta có cho một điều yêu cầu. Nay mẹ Suriya có yêu cầu vương quốc, ta không muốn cho nó. Đàn bà hay có tánh ác, có thể âm mưu ác, hại các con. Vậy hai con hãy đi vào rừng và khi nào ta mạng chung, hãy trở về trị vì, thành này là gia sản của nhà ta.

Nói vậy với nước mắt và lời than, vua hôn hai con trên đầu và đưa họ ra đi. Sau khi đánh lễ vua cha, hai hoàng tử từ giã lâu đài ra đi. Hoàng tử Suriya đang chơi trong sân, thấy vậy, biết được sự việc, liền quyết định cùng ra đi với hai anh, và họ cùng ra đi.

Họ đi vào Tuyết sơn. Bỏ-tát bước xuống đường, ngồi trên một gốc cây và bảo Hoàng tử Suriya:

– Nay Suriya thân, hãy đi đến hồ nước này. Sau khi tắm và uống, hãy đem cho chúng ta nước uống trong các lá sen.

Cái hồ ấy do Thiên vương Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn)¹⁰ cho một con quỷ nước dạ-xoa với lời dặn: “Trừ những người biết được thiên pháp, còn tất cả những ai xuống hồ nước này, người có quyền bắt ăn thịt. Những ai không xuống nước, thì người không có quyền.”

Từ đó về sau, quỷ dạ-xoa hỏi thiên pháp những ai xuống hồ nước ấy, ai không biết thì nó ăn thịt. Hoàng tử Suriya đi đến hồ nước ấy, không quan sát gì, cứ bước xuống hồ. Quỷ dạ-xoa bắt được và hỏi:

– Người có biết thiên pháp không?

Hoàng tử đáp:

– Ta biết. Đó là mặt trời, mặt trăng.

Quỷ dạ-xoa nói:

– Người không biết thiên pháp.

Rồi bắt chàng xuống nước và giam chàng tại thủy cung của mình. Bỏ-tát thấy em mình đi quá lâu, liền sai Hoàng tử Canda đi tìm. Quỷ dạ-xoa cũng bắt chàng, hỏi về thiên pháp và Hoàng tử Canda trả lời: “Thiên pháp là bốn phương.” Quỷ dạ-xoa nói chàng không biết thiên pháp, bắt chàng và cũng giam tại chỗ ấy.

¹⁰ Xem J. I. 327, *Rukkhadhammajātaka* (Chuyện luật cây rừng), số §74.

Bồ-tát thấy Canda đi quá lâu, nghĩ rằng chắc có trở ngại gì xảy ra cho mỗi người, liền tự mình đi đến chỗ ấy. Thấy được dấu chân của hai người đi xuống, nghĩ rằng hồ ấy có thể là chỗ trú ẩn của quý dạ-xoa, Bồ-tát liền rút kiếm ra, cầm cung và đứng sẵn sàng. Con quý nước dạ-xoa biết Bồ-tát không chịu xuống nước, hóa hiện một người đi làm rừng, nói với Bồ-tát:

– Nay bạn, bạn đi đường mệt, sao bạn không xuống hồ này tắm, uống nước, ăn củ sen, trang điểm với hoa sen, rồi đi chỗ nào bạn ưa thích.

Bồ-tát thấy vậy, biết nó là quý dạ-xoa, liền hỏi nó:

– Có phải người bắt các người em của ta?

– Phải, ta bắt.

– Vì sao?

– Vì ai xuống hồ này đều thuộc về ta.

– Có phải tất cả đều thuộc về người?

– Trừ những ai biết được thiên pháp, còn lại đều thuộc về ta.

– Người có muốn biết thiên pháp không?

– Có, ta muốn biết.

– Nếu như vậy, ta sẽ nói cho người về thiên pháp.

– Vậy bạn hãy nói đi, ta sẽ nghe thiên pháp.

Bồ-tát nói:

– Ta có thể nói thiên pháp, nhưng tay chân đều lấm bụi.

Quý dạ-xoa tắm cho Bồ-tát, cho ngài ăn, cho uống nước, cho trang sức với bông hoa, cho thoa với hương thơm và làm một sàng tọa giữa một cái rạp được trang hoàng long lẫy. Bồ-tát ngồi trên sàng tọa, bắt quý dạ-xoa ngồi dưới chân, và nói:

– Hãy lắng tai, cẩn thận nghe thiên pháp.

Ngài nói lên bài kệ này:

6.	Đầy đủ tâm và quý,	Chuyên tâm về bạch pháp,
	An tịnh bậc chân nhân,	Ở đời gọi thiên pháp.

Dạ-xoa nghe pháp thoại này, tâm sanh tịnh tín, thưa với Bồ-tát:

– Thưa bậc Hiền trí, tôi cảm thấy tịnh tín đối với ngài và muốn cho ngài một người em. Vậy tôi đem đến người nào?

– Hãy đem đến đứa trẻ nhất.

– Thưa bậc Hiền trí, dầu ngài biết hoàn toàn thiên pháp, ngài lại không xử sự theo thiên pháp.

– Sao vậy?

– Sao ngài lại chọn người em, bỏ người anh? Ngài không kính trọng tuổi lớn hơn của nó.

– Nay dạ-xoa, ta không những biết thiên pháp mà còn xử sự đúng thiên pháp. Chính vì đưa em ấy mà chúng ta đi vào rừng này. Chính vì hạnh phúc cho đứa em ấy mà mẹ nó xin vua cha quốc độ và phụ vương chúng ta từ chối không chấp nhận lời yêu cầu, bằng lòng cho chúng ta sống ở trong rừng với mục đích bảo vệ chúng ta. Đứa trẻ ấy không nghĩ đến trở về, đã đi theo chúng ta. Nếu như ai nghe được rằng trong rừng, một dạ-xoa đã ăn nó rồi thì không ai có thể tin được. Chính vì sợ bị quở trách mà ta bảo người đem nó cho ta.

– Lành thay, lành thay, bậc Hiền trí! Ngài không những biết thiên pháp mà ngài còn thực hành thiên pháp.

Quý dạ-xoa nói lên sự đồng tình của mình và đem trả cả hai người em. Rồi Bồ-tát nói với nó:

– Nay bạn, do kết quả việc ác người làm từ trước nên nay người sanh làm dạ-xoa, ăn thịt và máu của những người khác. Nay người lại làm điều ác nữa, việc ác này không thể làm người thoát khỏi địa ngục, v.v... Do vậy, từ nay trở đi, hãy bỏ việc ác, làm việc lành!

Và Bồ-tát nhiếp phục quý dạ-xoa.

Khi nhiếp phục quý dạ-xoa, Bồ-tát sống ở đây với sự bảo vệ của quý dạ-xoa. Một ngày kia, nhìn lên các vì sao, biết được phụ vương đã mạng chung, Bồ-tát đem theo quý dạ-xoa về Ba-la-nại, lấy lại vương quốc, phong Hoàng tử Canda làm Phó vương, đặt Hoàng tử Suriya làm Đại tướng quân. Còn đối với quý dạ-xoa, Bồ-tát cho làm trú xứ tại một địa điểm tốt đẹp, cho nó nhận được vòng hoa tốt nhất, các hoa tốt nhất, các đồ ăn tốt nhất. Riêng Bồ-tát trị vì theo Chánh pháp và khi mạng chung, đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể pháp thoại, bậc Đạo sư liền thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, Tỷ-kheo ấy chứng quả Dự lưu. Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác kể xong hai câu chuyện, kết hợp chúng với nhau và kết luận với sự nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, quý dạ-xoa là Tỷ-kheo có nhiều đồ vật, Hoàng tử Suriya là Ānanda, Hoàng tử Canda là Sāriputta và Hoàng tử Mahimsāsa là Ta vậy.

§7. CHUYỆN NÀNG LƯỢM CỬI (*Kaṭṭhahārijātaka*) (J. I. 133)

Kính thưa bậc Đại vương...

Câu chuyện này được bậc Đạo sư kể khi ở Kỳ Viên về nàng Vāsabhakhattiyā. Câu chuyện sẽ được tìm thấy trong chương XII, *Chuyện cổ thụ Cát Tường Sāla*.¹¹ Truyền thuyết kể rằng, nàng là con gái của vị Thích-ca tên Mahānāma với một nữ tỳ tên là Nāgamuṇḍā, về sau trở thành hoàng hậu của vua nước

¹¹ Xem J. IV. 144, *Bhaddasālajātaka* (Chuyện cổ thụ Cát Tường Sāla), số §465.

Kosala. Nàng sanh một con trai cho vua. Về sau, vua biết được dòng họ nữ tỳ của nàng, liền truất phế địa vị của nàng và truất phế luôn người con trai là Vidūḍabha. Cả hai chỉ sống ở trong nội cung. Thế Tôn biết được sự việc này, vào buổi sáng, với năm trăm Tỷ-kheo vây quanh, đi đến trú xứ của vua, ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn và nói:

– Thưa Đại vương, Vāsabhakhattiyā ở đâu?

Vua kể lại câu chuyện ấy.

– Thưa Đại vương, Vāsabhakhattiyā là con gái của ai?

– Bạch Thế Tôn, của Mahānāma.

– Khi nàng đến, nàng là vợ của ai?

– Bạch Thế Tôn, của tôi.

– Thưa Đại vương, nàng là con gái của vua. Nàng đến làm vợ vua. Nàng sanh đứa con trai cho vua. Đứa con trai ấy, do lý do gì lại không làm chủ vương quốc thuộc sở hữu của người cha? Thuở xưa, một vị vua có đứa con trai từ một người con gái đi lượm củi và một cuộc gặp gỡ tình cờ đã cho người con trai ấy vương quốc.

Vua thỉnh cầu Thế Tôn làm sáng tỏ ý nghĩa câu chuyện. Thế Tôn liền kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, ở Ba-la-nại, Vua Brahmadatta đi vào ngự uyển với uy nghi lớn của nhà vua. Đang đi qua lại để tìm trái cây và bông hoa, vua gặp một thiếu nữ đang lượm củi, vừa lượm vừa hát. Vua đắm say nàng và ăn ở với nàng. Bò-tát được thụ thai trong bụng nàng. Nàng cảm thấy bụng nàng nặng nề như mang lưỡi tầm sét [lưỡi búa] của Đế-thích. Biết rằng mình đã có thai, nàng tâu nhà vua việc ấy. Vua đưa cho nàng một chiếc nhẫn và nói:

– Nếu sanh con gái, hãy giữ chiếc nhẫn này để lấy tiền nuôi dưỡng nó. Nếu sanh con trai, hãy đem nó đến cho ta với chiếc nhẫn này!

Nói xong, vua ra đi. Khi bào thai đúng thời, nàng sanh Bò-tát. Đến tuổi Bò-tát đi được, chạy được; trong khi chơi ở sân chơi, có tiếng la:

– Ta bị đứa không có cha đánh.

Nghe vậy, Bò-tát đi đến mẹ và hỏi:

– Ai là cha con?

– Đây con thân, con là con vua xứ Ba-la-nại.

– Thưa mẹ, có cái gì làm chứng?

– Đây con thân, vua có cho chiếc nhẫn này và nói: “Nếu sanh con gái thì giữ chiếc nhẫn này để nuôi dưỡng nó. Nếu sanh con trai, hãy đem nó đến cho ta với chiếc nhẫn này!”.

– Thừa mẹ, sự tình là như vậy, sao mẹ không đưa con đến gặp cha?

Nàng biết ý định của con nên đem con đến cửa cung điện và xin yết kiến vua. Khi được gọi vào, nàng đánh lễ vua và tâu:

– Thừa Đại vương, đây là con của Đại vương.

Vua biết vậy, nhưng cảm thấy xấu hổ trước đông đảo quần chúng nên nói:

– Nó không phải con của ta.

– Tâu Đại vương, đây là chiếc nhẫn của Ngài. Chắc Ngài nhận ra được chiếc nhẫn này?

– Đây không phải là chiếc nhẫn của ta.

– Tâu Đại vương, tôi không có vật gì khác để bảo chứng cho sự thật. Nếu đứa trẻ này là con Ngài, nó sẽ đứng trên hư không. Nếu không phải, nó sẽ rơi xuống đất và chết!

Rồi nàng cầm chân Bồ-tát quăng lên hư không. Bồ-tát ngồi kiết-già trên hư không và với âm thanh dịu ngọt, tuyên bố pháp cho phụ vương, đọc bài kệ này:

7.	Kính thưa bậc Đại vương,	Tôi là con trai ngài.
	Kính thưa bậc Nhân chủ,	Hãy nuôi dưỡng con lớn!
	Vua nuôi dưỡng người khác,	Không nuôi con mình sao?

Nghe Bồ-tát ngồi trên hư không thuyết pháp như vậy, vua bèn nói:

– Hãy đến, này con thân, ta sẽ nuôi con! Ta sẽ nuôi con!

Và vua đưa hai tay lên. Một ngàn bàn tay đưa lên để đón Bồ-tát, nhưng Bồ-tát không xuống bàn tay nào khác, chỉ xuống vào bàn tay nhà vua và ngồi trên bắp vế vua. Vua phong cho con làm Phó vương, phong cho mẹ làm Hoàng hậu. Sau khi vua mạng chung, Bồ-tát lên làm vua có tên là Kaṭṭhavāhana (Vua Con Của Người Lượm Củi), trị vì vương quốc bằng Chánh pháp và khi mạng chung, ngài đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể pháp thoại này cho vua nước Kosala, trình bày hai câu chuyện và kết hợp chúng với nhau, bậc Đạo sư kết luận với sự nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, người mẹ là Mahāmāyā, người cha là Vua Suddhodana (Tịnh Phạn vương) và Vua Kaṭṭhavāhana là Ta vậy.

§8. CHUYỆN VUA GĀMANI (*Gāmanijātaka*) (J. I. 136)

Không vội vã vượt qua...

Câu chuyện được bậc Đạo sư kể khi ở Kỳ Viên về một Tỷ-kheo từ bỏ tình tấn. Trong tiền thân này, câu chuyện về hiện tại và quá khứ sẽ được trình bày

ở chương XI, *Chuyện Vương tử Saṃvara*.¹² Câu chuyện ấy và câu chuyện này giống nhau nhưng các bài kệ khác nhau.

Hoàng tử Gāmani an trú trong lời dạy của Bồ-tát, là em út của một trăm anh em, được vây quanh với một trăm anh em, ngồi dưới lọng trắng, trên chỗ ngồi huy hoàng rực rỡ, ngắm nhìn sự quang vinh của mình và nghĩ: “Tất cả sự quang vinh này ta có được là do vị Đạo sư của chúng ta”, rồi cảm thấy bằng lòng thoải mái, nói lên lời cảm hứng này:

8. Không vội vã vượt qua, Thành tựu quả mong đợi,
Gāmani hãy biết, Phạm hạnh ta thành thực.

Bảy hay tám ngày sau khi vị ấy lên ngôi vua, tất cả những người anh đều đi về trú xứ của mình. Vua Gāmani trị vì theo Chánh pháp, khi mạng chung đi theo nghiệp của mình. Bồ-tát làm các công đức và khi mạng chung cũng đi theo nghiệp của mình.

Sau khi trình bày pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng về các sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo từ bỏ tinh tấn ấy chứng quả A-la-hán. Bậc Đạo sư kể hai câu chuyện và kết hợp chúng với nhau, rồi kết luận với sự nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, Hoàng tử Gāmani là vị Tỷ-kheo từ bỏ tinh tấn ấy, và Ta chính là vị Đạo sư.

§9. CHUYỆN VUA MAKHĀDEVA (*Makhādevajātaka*)¹³ (J. I. 137)

Những tóc bạc đầu ta...

Câu chuyện này được bậc Đạo sư kể khi ở Kỳ Viên về sự kiện xuất gia lớn đã được kể trong tập *Nidānakathā*. Khi ấy, các Tỷ-kheo đang ngồi tán thán sự ra đi của đáng Đại Giác thì Thế Tôn đi đến pháp đường, ngồi trên Phật tòa, hỏi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, các ông nay ngồi nói chuyện gì?
– Bạch Thế Tôn, không có chuyện gì khác. Chúng con ngồi tán thán hạnh ra đi của Thế Tôn!

¹² Xem J. IV. 130, *Saṃvarajātaka* (*Chuyện Vương tử Saṃvara*), số §462.

¹³ Bản CST, Thái Lan viết Maghadeva. Bản Tích Lan viết Makhādeva. Tham chiếu: J. VI. 95, *Nimijātaka* (*Chuyện Đại vương Nimi*), số §541; M. II. 74, *Maghadevasutta* (*Kinh Maghadeva*), số 83; Cp. 76, *Nimīrājacariya* (*Hạnh của đức Vua Nimi*); *Đại Thiên nại lâm kinh* 大天奈林經 (T.01. 0026.67. 0511c21); *Tăng. tăng* (T.02. 0125.1.1. 0549b09); *Tăng. tăng* (T.02. 0125.50.4. 0806c21); *Ma-điều vương kinh* 摩調王經 (T.03. 0152.87. 0048b25); *Pháp cú kinh* “Đạo-lợi phẩm” 法句經道利品 (T.04. 0210.38. 0574b16); *Pháp cú thí dụ kinh* “Đạo-lợi phẩm” 法句譬喻經道利品 (T.04. 0211.38. 0606b16); *Phật thuyết Trừ khùng tai hoạn kinh* 佛說除恐災患經 (T.17. 0744. 0533b01).

– Nay các Tỷ-kheo, không phải nay Như Lai mới ra đi; trước đây, Ta cũng ra đi rồi.

Các Tỷ-kheo thỉnh cầu Thế Tôn giải thích câu chuyện ấy. Thế Tôn trình bày câu chuyện quá khứ sau đây.

Thuở ấy, tại nước Videha có vị vua tên là Makhādeva ở Mithilā, hành trì đúng pháp của một vị Pháp vương. Trải qua tám mươi bốn ngàn năm, ngài đã vui chơi trong địa vị hoàng tử, đã trị vì trong địa vị phó vương và trong địa vị đại vương. Sau một thời gian dài vua sống như vậy, một hôm, ngài gọi người cắt tóc và nói:

– Nay khanh, khi nào khanh thấy tóc bạc trên đầu ta, hãy báo cho ta biết!

Người cắt tóc, sau một thời gian dài, thấy giữa đám tóc đen nhánh của vua có một sợi tóc bạc, liền báo cho vua biết. Vua bảo:

– Hãy nhổ sợi tóc bạc ấy và đặt nó trên tay ta!

Nghe nói vậy, người cắt tóc lấy cái nhíp bằng vàng nhổ sợi tóc bạc và đặt lên bàn tay vua. Lúc ấy, nhà vua đang có tám mươi bốn ngàn năm còn lại để sống. Tuy vậy, thấy sợi tóc bạc, ngài cảm thấy xúc động mạnh, như thần chết đã đến đứng gần đó, như bị nhốt vào trong ngôi nhà lá đang bốc cháy. Nhà vua suy nghĩ: “Nay Makhādeva ngu si ơi, tóc bạc đã mọc lên nhưng người chưa có thể loại trừ những phiền não này.”

Và khi nghĩ đến sự xuất hiện của sợi tóc bạc, nhà vua cảm thấy bị nung đốt nội tâm, từ thân mồ hôi toát ra, áo quần như đè nén nhà vua và trở thành không thể chịu nổi. Nhà vua nghĩ: “Hôm nay, ta phải ra đi và xuất gia.”

Sau khi cho người cắt tóc hưởng lợi tức một ngôi làng trị giá một trăm ngàn đồng, vua cho gọi người con đầu và nói:

– Nay con thân, trên đầu ta, tóc bạc đã hiện ra. Ta nay đã già rồi. Các dục vọng liên hệ đến con người, ta đã hưởng thụ đầy đủ. Nay ta muốn tìm cầu các dục lạc ở thiên giới. Nay là thời ta phải ra đi, con hãy trị vì vương quốc này. Sau khi xuất gia, ta sẽ ở trong rừng xoài Makhādeva và sống theo pháp Sa-môn.

Các đại thần nghe tin vua muốn xuất gia, liền đến hỏi vua vì sao lại muốn xuất gia, vua cầm sợi tóc bạc trong tay và nói bài kệ với các đại thần:

9.	Những tóc bạc đầu ta,	Xuất hiện cướp tuổi xanh,
	Các thiên sứ đã đến,	Là thời ta xuất gia.

Sau khi nói vậy, ngay trong ngày ấy, nhà vua từ bỏ vương quốc, xuất gia làm ẩn sĩ sống trong rừng xoài Makhādeva. Trải qua tám mươi bốn ngàn năm tu tập bốn Phạm trú, an trú thiền không có gián đoạn, ngài mạng chung và sanh lên Phạm thiên giới; từ đây lại sanh ở Mithilā và làm vua tên Nimi. Sau khi trị

vì và truyền ngôi, ngài lui về ở ẩn, xuất gia tại rừng xoài ấy, tu tập bốn Phạm trú và tái sanh Phạm thiên giới.

Bậc Đạo sư nói rằng Như Lai không phải chỉ nay mới ra đi với sự xuất gia ấy mà thuở trước cũng đã ra đi như vậy rồi. Trình bày pháp thoại này xong, Ngài thuyết về bốn sự thật. Một số chúng được quả Dự lưu, một số chúng được quả Nhất lai, một số chúng được quả Bất lai.

Sau khi kể xong hai câu chuyện này và kết hợp chúng với nhau, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, người cắt tóc là Ānanda, người con trai là Rāhula và Vua Makhādeva là Ta vậy.

§10. CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SUKHAVIHĀRI

*(Sukhavihārijātaka)*¹⁴ (J. I. 140)

Người không được bảo vệ...

Câu chuyện này, khi ở tại rừng xoài Anūpiya, bậc Đạo sư đã kể về Trưởng lão Bhaddiya Sukhavihāri. Trưởng lão Bhaddiya Sukhavihāri đã xuất gia cùng với sáu vị trong hoàng tộc, cùng với Upāli là người thứ bảy. Trưởng lão Bhaddiya, Trưởng lão Kimbila, Trưởng lão Bhagu và Trưởng lão Upāli chứng quả A-la-hán, Trưởng lão Ānanda chứng quả Dự lưu, Trưởng lão Anuruddha chứng được Thiên nhãn, Devadatta chứng được Thiền định. Câu chuyện của sáu vị trong hoàng tộc này dẫn đến sự kiện ở Anūpiya, sẽ được trình bày trong *Chuyện Tế sư Khaṇḍahāla*.¹⁵

Trong thời kỳ làm vua, Tôn giả Bhaddiya tự bảo vệ mình như một vị thiên sắp đặt sự bảo vệ, nay nghĩ đến tâm trạng sợ hãi mà vị ấy đã sống, dầu được bảo vệ với nhiều sự bảo vệ, vẫn nằm lăn qua trở lại trên đại sàng tọa đặt trên lầu cao. Vị ấy so sánh sự sợ hãi ấy với trạng thái không sợ hãi, vì nay vị ấy đã chứng quả A-la-hán khi đi lang thang đây đó trong các khu rừng, v.v... Khi nghĩ vậy, vị ấy nói lên lời cảm hứng:

– Ôi hạnh phúc thay! Ôi hạnh phúc thay!

Các Tỷ-kheo nghĩ rằng Tôn giả Bhaddiya nói lên chánh trí của mình, nên trình lên Thế Tôn. Thế Tôn nói:

– Nay các Tỷ-kheo, Bhaddiya không phải chỉ nay mới sống hạnh phúc mà thuở trước, vị ấy cũng đã sống hạnh phúc.

¹⁴ Sukhavihāri: Sống An Lạc, tên gọi của vị Trưởng lão. Xem *Thag.* v. 597, *Saṅkiccattheragāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Saṅkicca).

¹⁵ Bản Tích Lan viết *Khaṇḍahārajātaka*, số 542. Bản CST viết *Candakumārājātaka*, số 544; xem J. VI. 129, *Khaṇḍahārajātaka* (*Chuyện Tế sư Khaṇḍahāla*).

Các Tỷ-kheo thỉnh cầu Thế Tôn trình bày rõ ý nghĩa này. Thế Tôn làm sáng tỏ ý nghĩa qua câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, ở Ba-la-nại, trong khi Vua Brahmadatta đang trị vì vương quốc, Bồ-tát sinh làm một vị Bà-la-môn giàu có ở phương Bắc. Thấy nguy hiểm trong các dục, lợi ích trong xuất ly, ngài từ bỏ các dục vào Tuyết sơn xuất gia làm ẩn sĩ, đạt được tám thiên chứng. Số tùy tùng của ngài lên đến năm trăm vị khổ hạnh.

Khi mùa mưa đến, ngài rời Tuyết sơn với chúng khổ hạnh vây quanh, đi bộ qua làng, qua thị trấn, đến Ba-la-nại; ngài trú ở ngôi vườn của vua, nương tựa nhà vua. Tại đây, sau khi sống bốn tháng trong mùa mưa, ngài đến từ biệt nhà vua. Nhà vua nói:

– Thưa Tôn giả, Tôn giả đã lớn tuổi, Tôn giả sống ở Tuyết sơn làm gì? Hãy để các đệ tử đến Tuyết sơn, còn Tôn giả ở lại đây.

Bồ-tát giao năm trăm vị khổ hạnh cho đệ tử trưởng và nói:

– Con hãy đi sống ở Tuyết sơn với những người này, còn ta sẽ sống ở đây.

Vị đệ tử trưởng ấy, trước kia làm vua, sau từ bỏ vương quốc lớn, xuất gia, lấy đề tài thiên quán, chứng được tám thiên chứng. Vị ấy sống ở Tuyết sơn với các vị khổ hạnh.

Một hôm, muốn yết kiến Bôn sư, vị ấy gọi các vị khổ hạnh kia và bảo:

– Hãy sống thoải mái ở đây, ta đi đánh lễ Bôn sư rồi lại về.

Vị ấy đi đến Bôn sư, đánh lễ ngài, chào mừng ngài rất chân tình, rồi trải tấm thảm, nằm xuống bên cạnh Bôn sư. Lúc bấy giờ, nhà vua đi đến ngôi vườn để yết kiến vị khổ hạnh, đánh lễ ngài rồi ngồi xuống một bên. Vị đệ tử khổ hạnh thấy vua đến nhưng không đứng dậy, vẫn nằm dài và nói lời cảm hứng:

– Ôi hạnh phúc thay! Ôi hạnh phúc thay!

Nhà vua không hoan hỷ với vị khổ hạnh thấy vua mà không đứng dậy, nên nói với Bồ-tát:

– Thưa Tôn giả, người khổ hạnh này có lẽ đã ăn quá đầy đủ nên nằm sung sướng, nói lên lời cảm hứng.

– Thưa Đại vương, người khổ hạnh này trước cũng làm vua như ngài. Vị ấy suy nghĩ: “Trước kia ta còn là cư sĩ, đầy đủ uy quyền của nhà vua, được bảo vệ bởi nhiều người có binh khí cầm tay nhưng không được hạnh phúc như thế này. Nay do tự mình được hạnh phúc xuất gia, được hạnh phúc thiên định”, nên nói lên lời cảm hứng như vậy.

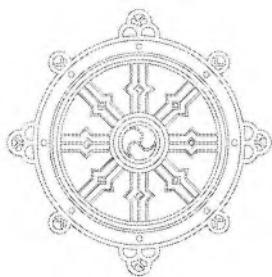
Đề giảng pháp thoại cho nhà vua, Bồ-tát đọc bài kệ này:

10. Người không được bảo vệ, Thưa Đại vương, người ấy, Vì không chờ đợi gì,	Không bảo vệ người khác, Thật sự được an lạc, Đối với các dục vọng.
--	--

Nhà vua nghe pháp thoại xong, cảm thấy thoải mái, đánh lễ rồi đi về cung. Vị đệ tử đánh lễ Bôn sư rồi đi về Tuyết sơn. Bồ-tát tiếp tục sống tại đây, thiền định không gián đoạn và khi mạng chung, sanh lên Phạm thiên giới.

Bậc Đạo sư kể lại hai câu chuyện, kết hợp chúng với nhau rồi nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc ấy, vị đệ tử là Tôn giả Bhaddiya, còn vị Bôn sư chính là Ta vậy.



II. PHẨM GIỚI (SĪLAVAGGA)

§11. CHUYỆN CON NAI LAKKHAṆA (*Lakkhaṇajātaka*) (J. I. 142)

Con người có giới hạnh...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, gần thành Vương Xá, đức Phật kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Câu chuyện về Devadatta sẽ được kể cho đến khi làm tướng cướp trong *Chuyện Tế sư Khandahāla*,¹⁶ khi bị đuổi đi khỏi chức vụ người giữ kho bạc trong *Chuyện thiên nga chúa*,¹⁷ khi bị quả đất nuốt sống trong chương XII, *Chuyện thương nhân trên biển cả*.¹⁸

Một thời, Devadatta yêu cầu năm điều kiện nhưng không được, bèn phá hòa hợp Tăng, đem theo năm trăm Tỷ-kheo đến ở tại Gayāsīsa. Rồi khi biết trí của những Tỷ-kheo ấy được thuần thực, bậc Đạo sư bảo hai đệ tử đầu tay:¹⁹

– Này Sāriputta (Xá-lợi-phất), năm trăm Tỷ-kheo đệ tử của ông thích thú sở đắc của Devadatta, đã đi với ông ấy. Nay trí của họ đã được thuần thực. Ông hãy đi đến đây với nhiều Tỷ-kheo, thuyết pháp cho họ, làm họ giác ngộ về Đạo và Quả và đưa họ về.

Theo lời Thế Tôn, Tôn giả Sāriputta đi đến đó, thuyết pháp cho họ, làm họ giác ngộ về Đạo và Quả; đến ngày hôm sau, khi trời mới rạng đông, Tôn giả đem các Tỷ-kheo ấy về Trúc Lâm. Sau khi về, Trưởng lão Sāriputta đánh lễ Thế Tôn. Khi đang đứng tại đây, các Tỷ-kheo tán thán vị Trưởng lão với Thế Tôn như sau:

– Bạch Thế Tôn, sáng chói huy hoàng là pháp huynh niên trưởng của chúng con, bậc Tướng quân Chánh pháp với năm trăm Tỷ-kheo vây quanh đã đi trở về. Còn Devadatta mất hết những người theo ông ấy.

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Sāriputta mới sáng chói huy hoàng khi về với bà con hội chúng vây quanh mà trong thời quá khứ cũng sáng chói huy hoàng như vậy!

¹⁶ Bản Tích Lan viết *Khandahārajātaka*, số 542. Bản CST viết *Candakumārajātaka*, số 544; Xem J. VI. 129, *Khandahārajātaka* (*Chuyện Tế sư Khandahāla*).

¹⁷ Xem J. IV. 423, *Haṃsajātaka* (*Chuyện thiên nga chúa*), số §502; J. V. 333, *Cullahaṃsajātaka* (*Chuyện tiểu thiên nga*), số §533.

¹⁸ Xem J. VI. 158, *Samuddavāṇijajātaka* (*Chuyện thương nhân trên biển cả*), số §466.

¹⁹ Chỉ cho Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) còn được gọi là “Tướng quân Chánh pháp” và Tôn giả Moggallāna (Mục-kiền-liên). Xem Vin. I. 23.

Các Tỷ-kheo thỉnh cầu Thế Tôn làm sáng tỏ vấn đề này. Thế Tôn trình bày rõ ràng câu chuyện quá khứ sau đây.

Thuở xưa, tại nước Ma-kiệt-đà, trong thành Vương Xá, một vị vua nước Ma-kiệt-đà đang trị vì. Lúc ấy, Bồ-tát ra đời làm một con nai, lớn lên và ở trong rừng với đàn nai một ngàn con. Bồ-tát sanh được hai con nai, tên là Lakkhaṇa (Cát Tường Tướng) và Kāla (Đen). Khi đã già, Bồ-tát nói với hai con:

– Nay con thân, ta nay đã già, các con hãy coi sóc đàn nai.

Rồi Bồ-tát giao năm trăm nai cho mỗi con. Từ đấy về sau, hai con nai ấy chăm sóc đàn nai.

Trong nước Ma-kiệt-đà, vào mùa lúa chín, khi lúa trở đầy, có nhiều nguy hiểm cho đàn nai. Với mục đích giết hại những con thú ăn lúa, dân làng đào hầm hố, cắm chông, bày bẫy đá, đặt bẫy sập và các loại cạm bẫy khác. Nhiều con nai bị nạn phải chết.

Bồ-tát biết là thời lúa chín trở đầy, cho gọi hai con lại và nói:

– Nay con thân, nay là thời lúa chín trở đầy, nhiều con nai đã gặp nạn. Ta nay đã già, sẽ dùng bất cứ phương tiện nào để ở lại một chỗ. Còn các con hãy đem đàn nai của các con ẩn vào những con đường núi đá trong rừng, đợi khi lúa gặt hái xong sẽ trở về lại!

Chúng vâng theo lời dạy của cha, ra đi với đàn nai tùy tùng. Dân làng biết được con đường của chúng đi: Thời điểm nào, các con nai leo núi; thời điểm nào, chúng xuống núi; nên họ ẩn núp tại các chỗ kín đây đó dọc đường để bắn và giết chúng vô số.

Con nai Kāla, với sự ngu si của mình, không biết thời nào nên đi, thời nào không nên đi, cứ đem đàn nai đi sáng, chiều, khi chạng vạng, khi rạng đông, ngang qua cửa làng. Và các nông dân hoặc lộ liễu, hoặc ẩn núp chỗ này chỗ kia giết chúng, khiến nhiều con nai gặp nạn. Như vậy, với sự ngu si của mình, nai Kāla làm cho nhiều con nai gặp nạn; số còn lại đi vào rừng với nó rất ít.

Còn nai Lakkhaṇa nhờ có trí, thông minh, thiện xảo, biết thời nào nên đi, thời nào không nên đi; nó không đi ngang qua cửa làng, không đi ban ngày, không đi lúc hoàng hôn, khi rạng đông, mà chỉ đem đàn nai đi vào lúc nửa đêm. Do vậy, không một con nai nào gặp nạn và chúng cùng nó đi vào rừng. Chúng sống bốn tháng tại đây, khi lúa đã được gặt hái mới xuống núi.

Kāla trên đường về, lặp lại hành động ngu si trước, khiến những con nai còn lại gặp nạn; một lần nữa, chỉ có một mình nó trở về. Con nai Lakkhaṇa không làm một nai nào bị nạn, cùng với năm trăm nai vây quanh, đi về với cha mẹ. Khi Bồ-tát thấy hai con đi về, nghĩ về đàn nai, liền nói lên bài kệ này:

11. Con người có giới hạnh, Được phần thưởng đón mừng,
 Xem Lakkhaṇa về, Dẫn đầu chúng bà con,
 Hãy xem Kāla này, Với bà con hủy diệt.

Như vậy, Bồ-tát đón mừng nai con, sống tại đây cho hết tuổi thọ rồi đi theo nghiệp của mình.

Bậc Đạo sư nói:

– Sāriputta không phải chỉ hôm nay mới được chói sáng với bà con vây quanh mà trước kia cũng đã chói sáng như vậy. Còn Devadatta không phải chỉ hôm nay mới làm cho quyến thuộc bị hủy diệt mà trước kia cũng như vậy.

Sau khi thuyết pháp thoại này xong, so sánh hai câu chuyện và kết hợp chúng với nhau, Ngài kết luận với sự nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con nai Kāla là Devadatta, đoàn tùy tùng của nó là đoàn tùy tùng của Devadatta, con nai Lakkhaṇa là Sāriputta, nai mẹ là mẹ của Rāhula (La-hầu-la) và nai cha là Ta vậy.

§12. CHUYỆN CON NAI NIGRODHA (*Nigrodhamigajātaka*)²⁰ (J. I. 144)

Sống với Nigrodha...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về mẹ của Trưởng lão Kumāra Kassapa (Cư-ma-la Ca-diếp). Tục truyền rằng, thuở còn là con gái một triệu phú giàu có ở thành Vương Xá, nàng đầy thiện căn để chấm dứt các hành, sống đời cuối cùng như cây đèn trong ghè, nội tâm nàng sáng chói niềm hy vọng chứng quả A-la-hán. Từ khi hiểu biết về mình, nàng không vui trong đời sống gia đình và muốn xuất gia. Nàng thưa với cha mẹ:

– Thưa cha mẹ thân, tâm con không vui với đời sống gia đình, con muốn xuất gia trong giáo pháp giải thoát của đức Phật. Hãy cho phép con xuất gia.

– Nay con, con nói gì vậy? Gia đình này rất giàu có. Con là con gái độc nhất của chúng ta. Con không được xuất gia!

Nàng tiếp tục xin, không được cha mẹ cho xuất gia, nàng nghĩ: “Thôi, hãy chấp nhận là vậy. Khi nào về nhà chồng, được chồng bằng lòng, ta sẽ xuất gia.”

Nàng lớn lên, đi về nhà chồng, trở thành người vợ trung thành, sống trong gia đình có giới hạnh và theo thiện pháp. Khi nàng sống trong gia đình, nàng thụ thai nhưng không biết mình đã thụ thai.

Một ngày hội lớn được tuyên bố trong thành ấy và mọi người trong thành phố vui chơi hội lớn. Thành phố được trang hoàng như thành phố chư thiên. Nhưng trong khi lễ hội lớn đạt đến cao độ, nàng vẫn không thoả phần son, không đeo đồ trang sức, ăn mặc như ngày thường. Chồng nàng nói với nàng:

²⁰ Xem J.IV.43, *Nigrodhajātaka* (Chuyện Vua Nigrodha), số §445; Ap.II.473, *Kumārakassapaṭṭhāpāḍāna* (Kỷ sự về Trưởng lão Kumārakassapa).

– Nay hiền thê, toàn thành phố vui chơi hội lớn, còn em thì không săn sóc gì cho thân mình.

– Thừa hiền phu, thân này của em đầy ba mươi hai bộ phận của thân xác, trang điểm thân này làm gì? Thân này không do chư thiên hóa sanh, không do Phạm thiên hóa sanh; không làm bằng vàng, không làm bằng châu báu, không làm bằng gỗ chiên-đàn vàng; không sanh từ đài sen trắng, sen hồng hay sen xanh; không đựng đầy thuốc trường sanh. Thân này ứ nhiễm do cha mẹ sanh, bị vô thường hủy diệt, băng hoại tan nát, làm nghĩa địa tăng trưởng, bị ái chấp thủ; là nhân của sầu ưu, là căn cứ địa của than khóc, là kho tàng của mọi bệnh tật, là chỗ dung nạp của nghiệp lực; nội bộ ô ứ, ngoại bộ thường bài tiết. Thật vậy, như toàn thể giới có thể thấy cứu cánh của nó là chết, đi đến nghĩa địa, là chỗ tụ hội của các côn trùng. Và nàng nói lên lời cảm thán:

Ràng buộc bởi gân xương,	Dính lại với da thịt,
Thân bị da bao trùm,	Không thấy được như thật.
Trong một bụng chứa đầy,	Cục gan và bọng đái,
Quả tim và buồng phổi,	Cả thận và tỳ tạng.
Nước mũi và nước miếng,	Mồ hôi và nước mỡ,
Máu và nước khớp xương,	Mật và bạch huyết cầu.
Từ chín nguồn nước này,	Bất tịnh luôn luôn chảy,
Từ mắt, đồ bắn chảy,	Từ tai, đồ bắn chảy.
Nước mũi từ lỗ mũi,	Từ miệng, có khi mưa,
Mưa mật và đàm dãi,	Từ thân, mồ hôi bắn.
Và trong đầu trống rỗng,	Chứa đầy những óc, não.
Bị vô minh dắt dẫn,	Kẻ ngu nghĩ tịnh sạch.
Thân nguy hiểm vô cùng,	Như loài cây có độc,
Nơi trú các bệnh tật,	Cả một khối khổ đau.
Nếu những gì trong thân,	Bỗng tuột hết ra ngoài,
Người ta sẽ cầm roi,	Đuổi xua như chó, quạ.
Thân xác thối, dơ này,	Như phân, như tử thi,
Bậc chánh trí xem thường,	Kẻ ngu lại vui thích.
Vết thương lớn chín lỗ,	Bọc trong lớp da sống,
Rỉ bất tịnh mọi chỗ,	Mùi ứ trọc bay xa.

– Kính thưa hiền phu, em trang điểm thân này làm gì? Có phải chẳng trang điểm thân này chẳng khác gì trang điểm bề ngoài một cái bình đựng đầy phân?

Người triệu phú nghe nàng nói như vậy, bèn hỏi:

– Nếu hiền thê thấy thân này tội lỗi như vậy, sao hiền thê không xuất gia?

– Thừa hiền phu, nếu em được phép xuất gia, em sẽ xuất gia ngay hôm nay!

Nói xong, sau khi tổ chức bố thí lớn và tỏ lòng hết sức kính trọng Giáo hội, người triệu phú cùng với một số tùy tùng lớn đưa nàng xuất gia; và nàng được

xuất gia với chúng Tỷ-kheo-ni thuộc phái Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Sau khi xuất gia, nàng sống hoan hỷ với tâm tư viên mãn.

Khi cái thai của nàng đã thuận thực, các Tỷ-kheo-ni nhận thấy các căn của nàng đổi khác, tay chân và lưng lớn lên, mẩn da bụng to lên, hỏi nàng:

– Này hiền muội, hình như hiền muội có thai. Sự việc này thế nào?

– Thừa các hiền tỷ, tôi không biết sự việc này. Giới hạnh tôi đầy đủ.

Rồi các Tỷ-kheo-ni đưa nàng đến Devadatta và hỏi Devadatta:

– Thừa Tôn giả, thiện nữ nhân này, với sự chấp nhận khó khăn của người chồng, đã được xuất gia. Nay nàng có thai, chúng tôi không biết nàng thọ thai nhi khi còn là cư sĩ hay khi đã xuất gia. Nay chúng tôi phải làm gì?

Devadatta tự mình chưa phải là bậc Giác ngộ nên không có lòng kham nhẫn, từ bi, từ mẫn và suy nghĩ: “Một Tỷ-kheo-ni thuộc phái Devadatta nay đã có thai và Devadatta lại hỷ xả. Ta sẽ bị chỉ trích như vậy. Ta phải đuổi người này.” Rồi không điều tra, như xô đẩy một tảng đá, Devadatta lập tức khẳng định và nói:

– Hãy đi ngay và tẩn xuất người này!

Chúng Tỷ-kheo-ni ấy nghe nói vậy, đứng dậy đánh lễ rồi đi về trú xứ. Nàng thiếu phụ thưa với các Tỷ-kheo-ni ấy:

– Thừa các nữ Tôn giả, Trưởng lão Devadatta không phải đức Phật! Con xuất gia không phải với Devadatta, con xuất gia với bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Tối Thượng ở đời. Chớ làm mất nơi con điều mà con đã được một cách khó khăn! Hãy đưa con đi đến Kỳ Viên, gặp bậc Đạo sư!

Chúng Tỷ-kheo-ni ấy đưa nàng đi, vừa qua con đường dài bốn mươi lăm do-tuần, từ Vương Xá dần dần đến Kỳ Viên, đánh lễ bậc Đạo sư và tường trình sự việc. Bậc Đạo sư suy nghĩ: “Dầu thai của nàng ấy được tượng hình khi còn là gia chủ, đây cũng là một dịp để ngoại đạo nói rằng Sa-môn Gotama đã nhận lấy một Tỷ-kheo-ni bị Devadatta loại bỏ. Để chấm dứt câu chuyện, vấn đề này cần được giải quyết trước mặt vua và tùy tùng của vua.”

Ngày hôm sau, Thế Tôn cho mời Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) nước Kosala, ông Cấp Cô Độc lớn, Cấp Cô Độc nhỏ, nữ cư sĩ Visākhā và các nhân vật có tiếng khác. Rồi vào buổi chiều, giữa bốn chúng đã tụ họp, Thế Tôn bảo Trưởng lão Upāli:

– Hãy đi làm cho sáng tỏ sự việc của Tỷ-kheo-ni trẻ này giữa bốn chúng!

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Vị Trưởng lão đi đến giữa hội chúng, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn cho mình, cho gọi nữ cư sĩ Visākhā trước mặt nhà vua và giao việc điều tra này:

– Hãy đi, này Visākhā, trước hết hãy xác định ngày xuất gia, tháng xuất gia của người thiếu phụ này. Sau khi biết rõ rồi, hãy tìm hiểu nàng thụ thai trước đây hay sau thời gian ấy.

Nữ cư sĩ chấp nhận lời dạy, cho treo một cái màn. Sau cái màn ấy, nữ cư sĩ

quan sát tay, chân, lỗ rún, bụng, các phần thân khác của Tỷ-kheo-ni trẻ. Sau khi tính ngày tháng, biết được nàng thụ thai trong thời kỳ còn là gia chủ, nữ cư sĩ đi đến vị Trưởng lão và báo cáo kết quả.

Vị Trưởng lão ở giữa bốn chúng, tuyên bố Tỷ-kheo-ni ấy là thanh tịnh. Bấy giờ, nàng được xác nhận là thanh tịnh, liền đến đánh lễ chúng Tỷ-kheo và bậc Đạo sư rồi đi về trú xứ với các Tỷ-kheo-ni. Khi bào thai đã thuận thực, nàng sanh được một bé trai có uy lực lớn, do nàng cầu nguyện dưới chân đức Phật Padumuttara cách đây nhiều kiếp.

Nhà vua, một hôm đi đến gần trú xứ của Tỷ-kheo-ni, nghe tiếng khóc của đứa trẻ và hỏi các triều thần. Các triều thần biết câu chuyện, thưa lại với vua:

– Tâu Đại vương, vị Tỷ-kheo-ni trẻ ấy sanh được một đứa con trai. Đây là tiếng khóc của đứa trẻ.

– Nay các khanh, nuôi con là một chướng ngại cho các Tỷ-kheo-ni. Chúng ta sẽ nuôi dưỡng nó.

Vua giao đứa trẻ cho các thiếu phụ bà con và bảo nuôi dưỡng nó lớn như một hoàng tử. Đến ngày đặt tên, nó được đặt tên là Kassapa nhưng được biệt danh là “Kumāra Kassapa”, vì được nuôi dưỡng như một hoàng tử. Khi lên bảy tuổi, Kassapa xuất gia với bậc Đạo sư và khi đầy đủ tuổi, được thọ Đại giới. Thời gian đi qua, vị ấy trở thành một nhà thuyết pháp tài giỏi giữa các nhà thuyết pháp. Rồi bậc Đạo sư ấn chứng cho vị ấy:

– Nay các Tỷ-kheo, vị này là đệ nhất trong các đệ tử thuyết pháp của Ta, tức là Kumāra Kassapa. Vị ấy nhờ *Kinh Gò mối*²¹ đã chứng quả A-la-hán. Tỷ-kheo-ni, mẹ vị ấy, nhờ phát triển thiền quán chứng quả cao nhất. Trưởng lão Kumāra Kassapa, giữa giáo pháp đức Phật, sáng chói như mặt trăng rằm giữa hư không.

Một hôm, sau khi đi khát thực, ăn xong và trở về, đức Như Lai khuyến giáo các Tỷ-kheo xong, đi vào hương phòng. Sau khi được lời khuyến giáo, Tăng chúng sinh hoạt trong các gian phòng ban ngày hay gian phòng ban đêm của họ. Vào buổi chiều, họ hội họp tại pháp đường và tán thán đức hạnh của đức Phật:

– Nay các Hiền giả, Devadatta tự mình không phải là Phật, lại không có kham nhẫn, lòng từ bi, lòng từ mẫn, đã khiến cho Trưởng lão Kumāra Kassapa và Trưởng lão Ni gần bị hại. Nhưng bậc Chánh Đẳng Giác tự mình là bậc Pháp Vương, lại thành tựu kham nhẫn, lòng từ bi, lòng từ mẫn, đã trở thành chỗ nương tựa cho hai vị ấy.

Bậc Đạo sư, với uy nghi của đức Phật, đi vào pháp đường, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông đang ngồi luận bàn chuyện gì?

Các Tỷ-kheo thưa:

– Bạch Thế Tôn, chúng con bàn đến công đức của Thế Tôn.

²¹ Xem M. 23, *Vammikasutta* (*Kinh Gò mối*).

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Như Lai mới trở thành chỗ nương tựa cho hai người ấy, trong quá khứ cũng vậy.

Các Tỷ-kheo thỉnh cầu Thế Tôn làm sáng tỏ vấn đề này. Thế Tôn trình bày rõ câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm một con nai. Khi từ bụng mẹ sanh ra, con nai có màu sắc vàng, mắt của nó giống như hòn châu báu, sừng màu trắng bạc, miệng đỏ như tấm màn nhung, móng chân láng trơn như màu sơn mài, đuôi giống như đuôi con trâu rừng, thân to lớn bằng con nghé. Nó sống trong rừng, được vây quanh với năm trăm con nai và được gọi là “nai chúa Nigrodha.” Không xa bao nhiêu, có một con nai khác với năm trăm con nai tùy tùng và được gọi là nai Sākha, nai này cũng màu sắc vàng.

Lúc bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại thường hay săn bắn nai, không có thịt nai thì không ăn cơm. Hằng ngày, vua triệu tập tất cả dân chúng từ thành thị đến nông thôn lại, đình chỉ công việc của mọi người vì khoanh vùng cho vua đi săn bắn. Mọi người suy nghĩ: “Nay vua đình chỉ công việc của chúng ta; chúng ta hãy gieo bẫy mồi và đặt nước uống cho các con nai trong vườn, đuổi nhiều nai vào trong ấy, đóng cửa lại và bắt dẫn chúng đến vua.”

Như vậy, họ gieo cỏ làm bẫy mồi, đặt nước uống khắp vườn, cho sắp đặt cửa, đem theo những người trong thành, tay cầm côn, gậy và các loại binh khí khác đi vào rừng tìm nai; họ bao một vòng vây khoảng độ một do-tuần để bắt đàn nai bị vây ở giữa, và như vậy, họ vây quanh chỗ ở của đàn nai Nigrodha và đàn nai Sākha.

Khi thấy đàn nai, họ bắt đầu lấy gậy đập cây, đập bụi, đập đất đuổi đàn nai ra khỏi chỗ ở của chúng, khua động các loại vũ khí như gươm, giáo, cung, la hét và đuổi đàn nai vào khu vườn. Rồi họ đóng cửa lại, đi đến gặp vua và thưa:

– Thưa Đại vương, vì luôn luôn đi săn nai, Đại vương phá hoại công việc của thần dân. Nay chúng thần đã dẫn đàn nai rừng vào đầy cả khu vườn của Đại vương. Từ nay trở đi, Đại vương có thể ăn thịt chúng.

Sau khi thưa như vậy, dân chúng bỏ đi. Nhà vua nghe họ nói, đi đến khu vườn, nhìn các con nai, thấy hai con nai vàng, liền tha chết cho chúng. Từ đấy về sau, có khi nhà vua tự đi bắn một con nai rồi đem về, có khi người đầu bếp đi đến bắn nai rồi đem về. Các con nai thấy cây cung liền run rẩy vì sợ chết nên bỏ chạy. Nhưng khi bị hai, ba vết thương, chúng mệt mỏi, bị bệnh và bị giết. Đàn nai báo sự việc như vậy lên Bồ-tát. Bồ-tát cho gọi Sākha và nói:

– Nay bạn, nhiều con nai bị hại, dầu thế nào chúng cũng phải chết. Bắt đầu từ nay trở đi, chớ để các con nai bị tên bắn một cách vô ích. Hãy để các con nai thay phiên nhau đi đến chỗ phải chết.²² Một ngày là phiên đàn nai của tôi, một

²² *Dhammagāṇḍikā*. Xem J. II. 124; III. 41.

ngày là phiên đàn nai của bạn. Con nai nào đến phiên của mình cứ đi đến, nằm xuống, đặt đầu vào chỗ phải chết. Làm vậy, các con nai khác khỏi bị thương.

Con nai Sākha chấp thuận. Từ đấy trở đi, theo phiên mình, một con nai đi đến, nằm xuống đặt cổ vào chỗ bị giết. Người đầu bếp đến, bắt con nai nằm đấy rồi đem đi.

Một hôm, đến phiên một con nai cái có mang ở trong đàn nai Sākha. Con nai cái đến gặp Sākha và thưa:

– Thưa chúa tể, tôi có thai, sắp sanh con, như vậy đàn có hai mạng sống đến phiên, hãy cho qua phiên của tôi!

Nai Sākha nói:

– Không thể bảo những con nai khác thế phiên cho ngươi được. Ngươi hãy chịu những gì sẽ đến với ngươi, hãy đi đi!

Con nai cái ấy không được nai Sākha chấp thuận, liền đi đến Bò-tát và trình bày sự việc. Bò-tát nghe xong liền nói:

– Được, hãy đi đi! Ta sẽ bỏ qua phiên của ngươi.

Rồi nai chúa tự mình đi đến, đặt đầu vào chỗ chết nằm chờ. Người đầu bếp thấy vậy liền nói:

– Con nai chúa đã được tha khỏi chết, nay lại nằm ở chỗ chết này. Sự việc này là có sao?

Rồi kẻ ấy đi báo cho vua hay. Nhà vua lập tức ngự lên xe, đi đến với đoàn tùy tùng đông đảo, thấy Bò-tát liền nói:

– Nay bạn nai chúa, ta đã tha khỏi chết cho ngươi. Sao nay ngươi nằm ở đây?

– Thưa Đại vương, một con nai cái đến gặp tôi, yêu cầu một con khác thay phiên cho nó. Tôi không có thể bắt một con nào khác chịu đau đớn vì bị chết được. Tôi quyết định cho con nai cái ấy mạng sống của tôi, nhận lấy cái chết thay cho con nai cái nên nằm ở đây, Đại vương chớ có nghi ngờ gì khác!

Vua nói:

– Hỡi nai chúa sắc vàng, từ trước, ta chưa bao giờ thấy giữa loài người, có ai đầy đủ kham nhẫn, hòa ái, từ bi như ngươi. Do vậy, ta thật bằng lòng với ngươi. Hãy đứng dậy, ta sẽ cho ngươi và con nai cái ấy thoát khỏi sợ hãi!

– Thưa bậc Nhân chủ, có hai con nai được thoát khỏi sợ hãi, đàn nai còn lại thì thế nào?

– Nay nai chúa, ta sẽ cho đàn nai còn lại thoát khỏi sợ hãi.

– Thưa Đại vương, như vậy, các con nai trong khu vườn này được thoát khỏi sự sợ hãi nhưng các con nai khác thì sao?

– Nay nai chúa, ta cũng cho chúng thoát khỏi sợ hãi.

– Thưa Đại vương, các con nai được thoát khỏi sự sợ hãi nhưng các loài sinh vật bốn chân khác thì sao?

– Nay nai chúa, ta cũng cho chúng thoát khỏi sợ hãi.

– Thưa Đại vương, các loài bốn chân được thoát khỏi sợ hãi nhưng các đàn chim thì thế nào?

– Nay nai chúa, ta cũng sẽ cho chúng thoát khỏi sợ hãi.

– Thưa Đại vương, các loài chim như vậy được thoát khỏi sợ hãi nhưng còn đàn cá sống ở trong nước thì thế nào?

– Nay nai chúa, ta cũng sẽ cho chúng thoát khỏi sợ hãi.

Như vậy, con nai chúa đã xin vua cho tất cả chúng sanh được thoát khỏi sợ hãi; đứng dậy, khuyên nhà vua thọ năm giới và nói:

– Thưa Đại vương, hãy sống theo Chánh pháp! Hãy xử sự đúng Chánh pháp đối với cha mẹ, đối với con trai, con gái; đối với Bà-la-môn, gia chủ; đối với dân chúng thành thị và nông thôn. Hãy tự mình sống đúng Chánh pháp, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Sau khi thuyết pháp cho vua với uy lực kỳ diệu của vị Phật, Bồ-tát sống tại khu vườn trong một vài ngày để khuyến giáo vua, rồi cùng với đàn nai vây quanh đi vào rừng. Con nai cái đẻ ra một con nai đực đẹp như một nụ hoa. Nai con này đi chơi với đàn nai Sākha. Thấy nai mình đi chơi với đàn nai Sākha, nai mẹ khuyên con mình, bắt đầu từ nay chớ đi tới Sākha, nên đi tới Nigrodha và nói lên bài kệ:

12. Sống với Nigrodha, Chết với Nigrodha,	Chớ sống với Sākha. Hơn sống với Sākha.
--	--

Từ đấy trở đi, các con nai thoát khỏi sợ hãi khi ăn lúa của dân chúng. Và dân chúng nhớ rằng, các con nai được thoát khỏi sợ hãi, nên không dám đánh đập hay đuổi chúng đi. Họ tụ họp tại sân vua và báo lên vua biết. Vua nói:

– Do ta bằng lòng, ta đã cho nai Nigrodha một đặc ân. Ta thà mất nước chớ không bỏ lời đã hứa. Hãy đi đi, trong quốc độ của ta, không con nai nào bị đánh cả!

Nai Nigrodha nghe tin này, liền họp đàn nai lại và bảo:

– Bắt đầu từ nay, chớ ăn lúa của người khác!

Sau khi bảo chúng hứa như vậy, nai Nigrodha báo tin cho dân chúng biết:

– Bắt đầu từ nay, những người trồng lúa chớ rào ruộng lại để bảo vệ lúa, chỉ làm dấu bằng cách cột lá lúa lại.

Bắt đầu từ đấy, theo tin đồn, khởi lên tục lệ cột lá lúa lại giữa các đồng ruộng. Bắt đầu từ đấy, các con nai không vượt qua đồng ruộng có lá lúa cột lại. Đây là nhờ Bồ-tát khuyến giáo chúng như vậy. Sau khi khuyến giáo đàn nai, Bồ-tát sống ở đấy cho hết tuổi thọ, rồi cùng với đàn nai đi theo nghiệp của mình. Còn nhà vua nghe lời khuyến giáo của Bồ-tát, suốt đời làm các công đức, rồi sau đó mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể pháp thoại, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Ta mới bảo vệ Trưởng lão Ni và Kumāra Kassapa mà thuở trước Ta cũng bảo vệ như vậy.

Rồi Ngài thuyết giảng bốn sự thật, nêu sự liên hệ giữa hai câu chuyện, kết hợp chúng với nhau và kết luận bằng cách nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con nai Sākha là Devadatta, đàn nai là tùy tùng của Devadatta, nai cái là Trưởng lão Ni, nai con là Kumāra Kassapa, vua là Ānanda, còn nai chúa Nigrodha là Ta vậy.

§13. CHUYỆN MŨI TÊN (*Kaṇḍinajātaka*)²³ (J. I. 153)

Đáng nguyên rửa mũi tên...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, Thế Tôn đã kể lại sự cảm dỗ của người vợ trước đối với Tỷ-kheo. Câu chuyện này sẽ được kể trong chương VIII, *Chuyện các căn*.²⁴ Thế Tôn nói với Tỷ-kheo ấy:

– Nay Tỷ-kheo, do người đàn bà này, trước kia mạng ông bị hoại diệt và bị thiêu sống trong lửa hừng.

Các Tỷ-kheo thỉnh cầu Thế Tôn giải thích rõ câu chuyện ấy và Thế Tôn trình bày rõ câu chuyện bị tái sanh che lấp.

(Bắt đầu từ đây, chúng tôi sẽ không nói đến lời yêu cầu giải thích của các Tỷ-kheo, sự trình bày rõ câu chuyện bị tái sanh che lấp, mà chúng tôi chỉ nói: Kể câu chuyện quá khứ. Tất cả các phần còn lại đều được hiểu như ở các câu chuyện trước).

Thuở xưa, tại nước Ma-kiệt-đà, vua nước ấy đang trị vì thành Vương Xá. Đến mùa lúa, các con nai trú ở Ma-kiệt-đà gặp nguy hiểm, vì vậy chúng đi vào con đường núi trong rừng. Tại đây, một con nai rừng lại luyện ái một con nai cái sống ở một làng biên địa. Khi các con nai từ đường núi về trong thời đi xuống biên địa của làng, vì tâm luyện ái con nai cái ấy, con nai núi đi theo nó. Con nai cái nói:

– Chàng là một con nai núi ngu si. Tại biên địa của làng có nguy hiểm và có chuyện đáng sợ hãi. Chớ đi xuống với chúng tôi.

Vì con nai núi có tâm luyện ái, không chịu trở lui, vẫn đi với con nai cái. Người dân ở Ma-kiệt-đà biết thời kỳ các con nai từ đường núi đi xuống và ẩn núp tại chỗ kín bên đường.

Trên đường hai con nai ấy trở về, một người thợ săn ẩn núp tại một chỗ kín. Con nai cái đánh được hơi người, biết có người thợ săn ẩn núp, nên bảo con nai

²³ Bản Tích Lan viết *Kaṇḍinajātaka*. Bản CST viết *Kaṇḍijātaka*.

²⁴ Xem J. III. 461, *Indriyajātaka* (*Chuyện các căn*), số §423.

ngu si đi trước, còn mình đi sau. Người thợ săn chỉ với một phát tên, bắn ngã con nai tại chỗ.

Con nai cái biết con nai rừng bị bắn trúng, liền nhảy lên, chạy như gió. Người thợ săn ra khỏi chỗ ẩn nấp, lột da con nai nài, nhen lửa và nướng thịt nai ngon ngọt trên đồng than cháy không ngọn. Sau khi ăn thịt, uống nước xong, với đòn gánh, anh ta mang về nhà phân thịt dư thừa còn máu nhỏ giọt để làm vui lòng mấy đứa trẻ.

Lúc ấy, Bồ-tát được sanh làm một vị thần ở khu rừng ấy. Thấy sự việc đã xảy ra, ngài suy nghĩ như sau: “Con nai ngu dại này chết không phải do mẹ, không phải do cha, chỉ do lòng dục. Chúng sanh hưởng lạc thú khi dục mới tượng hình, nhưng rồi sẽ gặp nạn khổ đau, bị chặt tay, bị năm loại khổ đau, bị trói, bị đánh. Làm cho những người khác khổ và chết là điều đáng bị chỉ trích ở trong đời này! Quốc độ nào có nữ nhân cai trị, ra mệnh lệnh, quốc độ ấy bị nữ nhân lãnh đạo là điều đáng chỉ trích! Những chúng sanh nào chịu để cho nữ nhân chi phối thật đáng bị chỉ trích.”

Trong khi các vị thần khác nói lời tán thán và cúng dường hương, hoa, v.v... Bồ-tát tóm thâu ba lời chỉ trích trong một bài kệ, khiến toàn khu rừng ấy vang lên âm thanh dịu ngọt. Ngài thuyết pháp với bài kệ này:

13. Đáng nguyên rửa mũi tên, Bắn người gây thống khổ!
 Đáng nguyên rửa quốc độ, Do nữ nhân lãnh đạo!
 Đáng nguyên rửa chúng sanh, Chịu thần phục đàn bà!

Như vậy, với một câu kệ, cả ba lời chỉ trích được Bồ-tát tóm thâu và toàn khu rừng vang dậy lời thuyết pháp khi Bồ-tát thuyết giảng uy lực của đức Phật.

Bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, liền giảng về bốn sự thật. Cuối bài thuyết giảng, vị Tỷ-kheo ái luyện chứng quả Dự lưu. Bậc Đạo sư kể hai câu chuyện, kết hợp chúng với nhau và kết luận với sự nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con nai rừng là vị Tỷ-kheo ái luyện ái, con nai cái là vợ trước của Tỷ-kheo, còn vị thần thuyết pháp nêu rõ tội lỗi của dục tham là Ta vậy.

§14. CHUYỆN CON NAI GIÓ (*Vātamigajātaka*) (J. I. 155)

Không gì ác hại hơn...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về Tỷ-kheo Cullapīṇḍapātika Tissa. Theo truyền thuyết, khi bậc Đạo sư ở tại Trúc Lâm, gần Vương Xá, con trai của một gia đình triệu phú giàu có tên là Tissakumāra, một hôm đi đến Trúc Lâm, nghe bậc Đạo sư thuyết pháp. Tissa về nhà, xin phép xuất gia, nhưng cha mẹ không bằng lòng. Tissakumāra bèn nhịn đói trong bảy ngày như Raṭṭhapāla²⁵ và được cha mẹ chấp thuận cho xuất gia với bậc Đạo sư.

²⁵ Xem M. 82, *Raṭṭhapālasutta* (Kinh Raṭṭhapāla); Vin. III. 13, 148.

Độ nửa tháng, sau khi truyền giới xuất gia cho Tissakumāra, bậc Đạo sư từ Trúc Lâm đi đến Kỳ Viên. Tại đây, vị thiện nam này theo mười ba hạnh đầu-đà, dùng thời gian khát thực từng nhà ở Xá-vệ.²⁶ Với danh xưng Tỷ-kheo Cullapīṇḍapātika Tissa, vị ấy trở thành sáng chói trong giáo pháp bậc Đạo sư, như mặt trăng giữa bầu trời.

Trong khi ấy, tại Vương Xá, nhân một ngày hội lớn được tổ chức, cha mẹ của Tỷ-kheo ấy lấy đồ trang sức mà con thường dùng trong khi còn ở nhà, bỏ vào trong một cái hộp bạc đặt lên trên ngực, vừa khóc vừa nói như sau:

– Trong các ngày hội vui khác, con chúng ta thường mang những đồ trang sức này. Sa-môn Cô-đàm đem đứa con một của chúng ta đi đến thành Xá-vệ. Nay con chúng ta ngồi ở đâu, đứng ở đâu?

Một kỹ nữ có nhan sắc đi đến gia đình ấy, thấy vợ nhà triệu phú khóc, liền hỏi vì sao bà khóc. Bà kể lại câu chuyện. Người kỹ nữ thưa:

– Thưa bà, con trai bà ưa thích gì?

– Nó ưa thích thứ này, thứ này.

– Nếu bà cho con chủ quyền hoàn toàn trong gia đình này, con sẽ đem con trai bà về.

Bà vợ triệu phú chấp thuận lời đề nghị, cho tiền phí tổn, tiền kỹ nữ đi với tùy tùng đông đảo:

– Hãy đi và dùng sức mạnh của mình đem con ta về!

Người kỹ nữ ấy ngồi trong xe có màn che đi đến Xá-vệ, tạm trú tại con đường Tỷ-kheo ấy thường đi khát thực. Nàng được vây quanh với đoàn tùy tùng của mình, và không cho Tỷ-kheo ấy thấy những người tùy tùng cùng đến từ gia đình triệu phú. Khi Tỷ-kheo ấy bắt đầu đi vào đường này khát thực, nàng dùng thìa, dùng bát cúng dường đồ ăn, trói buộc Tỷ-kheo ấy với lòng tham vị, lần lượt mời Tỷ-kheo ấy vào ngồi trong nhà và cúng dường đồ ăn.

Khi biết Tỷ-kheo ấy đã bị mình chinh phục, nàng giả đau, nằm ở phòng trong. Tỷ-kheo ấy, trong khi đi khát thực từng nhà, đến tại cửa nhà nàng. Người hầu cầm lấy bình bát của vị ấy và mời vào ngồi trong nhà. Sau khi ngồi, Tỷ-kheo ấy hỏi:

– Nữ cư sĩ ở đâu?

– Thưa Tôn giả, nữ cư sĩ bị đau và mong muốn được thấy Tôn giả.

Bị trói buộc bởi lòng tham vị ngon, phá hoại giới cấm mình đã nhận, Tỷ-kheo ấy đi vào phòng ngủ của nàng. Sau đó, nàng kể lại nguyên do nàng đến đây cám dỗ vị ấy, trói buộc vị ấy với lòng tham vị, khiến vị ấy từ bỏ sự xuất gia, đặt vị ấy vào trong thế lực của mình và đưa vị ấy ngồi trong xe với đoàn tùy tùng đông đảo, đi về Vương Xá. Sự việc này được lan truyền rộng rãi. Các Tỷ-kheo ngồi trong pháp đường nói chuyện này:

²⁶ Xem J. I. 123, *Taṇḍulanālijātaka* (Chuyện đầu gạo), số §5.

– Này chư Hiền giả, một kỹ nữ có nhan sắc đã trói buộc Tỷ-kheo Cullapīṇḍapātika Tissa với lòng tham vị ngọt và đã đem Tỷ-kheo ấy đi!

Bậc Đạo sư đi đến pháp đường, ngồi xuống trên bảo tòa được soạn sẵn và hỏi chuyện gì đang được các Tỷ-kheo bàn. Các Tỷ-kheo thuật lại chuyện ấy. Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ Tỷ-kheo này bị trói buộc bởi lòng tham vị, đã rơi vào thế lực của nàng mà thuở trước kẻ ấy cũng đã rơi vào thế lực của nàng.

Rồi Thế Tôn kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmaddatta trị vì Ba-la-nại, có một người giữ vườn tên là Saṅjaya. Một con nai giò đi đến khu vườn ấy, thấy Saṅjaya liền bỏ chạy. Saṅjaya không làm cho nó sợ hãi, cho nó thoát đi. Con nai ấy tiếp tục đến và thường đi qua lại trong khu vườn. Người giữ vườn thường hái các loại hoa quả trong vườn và hàng ngày dâng vua. Một ngày kia, vua hỏi:

– Này khanh, khanh có thấy sự việc gì lạ ở trong khu vườn không?

– Tâu Đại vương, con không thấy gì khác, con chỉ thấy một con nai giò đi đến, đi qua đi lại trong khu vườn.

– Khanh có bắt nó được không?

– Nếu được một chút mật ong, con có thể dẫn nó đến ngay trong nội cung.

Vua bảo cho kẻ ấy mật ong. Người giữ vườn lấy mật, đi đến khu vườn tại chỗ con nai giò thường đi, kẻ ấy bôi cỏ với mật và ẩn núp. Con nai đi đến ăn cỏ có dính mật, bị trói buộc bởi lòng tham vị, không đi chỗ khác chỉ đến khu vườn. Người giữ vườn biết được con nai đã tham đắm cỏ dính mật, liền dần dần xuất đầu lộ diện. Những ngày đầu thấy người giữ vườn, con nai ấy liền bỏ chạy; nhưng rồi thấy luôn, nó khởi lòng tin, dần dần đến ăn cỏ đặt trong tay người giữ vườn.

Người giữ vườn biết đã lấy được lòng tin của con thú ấy, bèn rải trên đường những cành lá non dày như tấm thảm cho đến nội cung, quàng bên nách một hũ đựng mật, giắt một nắm cỏ vào thắt lưng, rải cỏ có dính mật trước mặt con nai và đưa nó đến tận nội cung.

Khi con nai đã vào tận nội cung, họ đóng cửa lại. Con nai thấy người, hoảng hốt, sợ phải chết, cứ chạy qua chạy lại trong nội cung. Nhà vua từ lâu đài đi xuống, thấy con nai hoảng sợ, liền nói:

– Con nai giò này cả một tuần không đi đến chỗ nó thấy người, trọn đời không đi đến chỗ nó sợ hãi; con vật sống nơi rừng rậm ấy bị trói buộc bởi lòng tham vị, nay đã đi đến cảnh ngộ như thế này! Thật vậy, không có gì ác độc hơn là lòng tham vị ở đời.

Rồi với bài kệ, vua thuyết pháp:

14. Không gì ác hại hơn, [Truyền thuyết nói là vậy],
 Ở nhà hay với bạn, Sañjaya với vị,
 Chinh phục con nai gió, Chỉ nương tựa núi rừng.
 Sau khi nói vậy, vua liền thả con nai ấy về rừng.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, người kỹ nữ có nhan sắc ấy không phải chỉ nay mới trôi buộc vị ấy với lòng tham vị và chinh phục vị ấy, mà trong thời quá khứ cũng đã làm như vậy.

Sau khi thuyết pháp thoại này, Thế Tôn kết hợp hai câu chuyện với nhau, rồi kết luận với sự nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, Sañjaya là người kỹ nữ có nhan sắc, con nai gió là Cullapiṇḍapātika, còn vua xứ Ba-la-nại là Ta vậy.

§15. CHUYỆN CON NAI KHARĀDIYĀ (*Kharādiyajātaka*) (J. I. 158)

Khi nai có tám móng²⁷...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo khó bảo. Theo truyền thuyết, vị Tỷ-kheo khó bảo không chấp nhận lời khuyên giáo. Vì thế, bậc Đạo sư hỏi:

- Nay Tỷ-kheo, có thật chăng ông khó bảo, không chấp nhận lời khuyên giáo?
 – Thừa thật vậy, bạch Thế Tôn!

Thế Tôn nói:

– Thuở xưa, vì khó bảo, ông không chấp nhận lời khuyên giáo của bậc Hiền trí nên bị bắt trong bẫy sập và mạng sống bị diệt vong.

Nói vậy xong, Thế Tôn kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con nai, với đàn nai vây quanh sống ở trong rừng. Một con nai chị đưa đến một nai con và nói:

– Nay em, đây là cháu của em. Hãy dạy nó học những sự khôn ngoan của loài nai!

Bồ-tát nói với con nai cháu:

– Vào giờ ấy, hãy đến học.

Nhưng con nai cháu không đến vào giờ hẹn. Một ngày như vậy, bảy ngày

²⁷ *Aṭṭhakkhuranti ekekasmim pāde dvinnam dvinnam vasena aṭṭhakkhuraṃ*. 8 móng: Do mỗi bàn chân có 2 móng, nên [4 chân] có 8 móng.

cũng như vậy, bỏ qua bảy lời khuyên giáo, nó không đến học sự khôn ngoan của loài nai; và cuối cùng, khi đi lang thang đây đó, nó bị bắt trong một cái bẫy.

Mẹ nó đến hỏi Bồ-tát:

– Nay em, em có dạy cho cháu những sự khôn ngoan của loài nai không?

Bồ-tát nói:

– Đừng nghĩ đến con nai không chấp nhận khuyên giáo ấy nữa. Con của chị không học những sự khôn ngoan của loài nai. Nay em không còn muốn khuyên giáo nó nữa.

Bồ-tát đọc bài kệ này:

15.	Khi nai có tám móng,	Với sừng chĩa nhiều nhánh,
	Lại có bảy mưu chước,	Để tự cứu lấy mình,
	Ta không dạy nó nữa,	Hỡi Kharādiyā.

Rồi người thợ săn giết con nai bị bắt trong bẫy ấy và mang thịt về.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay Tỷ-kheo, không phải chỉ nay ông mới khó bảo, thuở trước ông cũng khó bảo như vậy.

Thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và kết luận với sự hiện diện tiền thân:

– Thời ấy, con nai cháu là Tỷ-kheo khó bảo, con nai chị là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), còn con nai khuyên giáo là Ta vậy.

§16. CHUYỆN CON NAI CÓ BA CỬ CHỈ

(*Tipallatthamigajātaka*)²⁸ (J. I. 159)

Nai với ba cử chỉ...

Câu chuyện này, khi ở tại tinh xá Badarika ở Kosambī, bậc Đạo sư đã kể về Trưởng lão Rāhula (La-hầu-la) ham học các học giới. Một thời, bậc Đạo sư trú ở điện Aggāḷava, gần thành Ālavī, nhiều nữ cư sĩ và Tỷ-kheo-ni thường đến tinh xá để nghe pháp. Thuyết pháp được tổ chức ban ngày. Nhưng sau một thời gian, các nữ cư sĩ và các Tỷ-kheo-ni không đi nữa, chỉ có Tỷ-kheo và nam cư sĩ; từ đấy, thuyết pháp được tổ chức ban đêm.

Sau buổi thuyết pháp, các Tỷ-kheo trưởng lão đi về chỗ ở của mình, còn các tu sĩ trẻ nằm tại phòng giảng với các nam cư sĩ. Khi họ ngủ, một số nằm ngáy khò khò và nghiêng răng; một số chỉ nằm một lát rồi dậy, nhìn thấy sự kiện không thích đáng ấy, các nam cư sĩ báo lên Thế Tôn. Thế Tôn chế ra học giới như sau:

²⁸ Hay còn được hiểu là 3 tư thế nằm.

– Tỷ-kheo nào nằm ngủ với người chưa thọ Đại giới là phạm tội *Pācittiya*.²⁹

Rồi Ngài đi đến Kosambī. Lúc bấy giờ, các Tỷ-kheo nói với Tôn giả Rāhula:

– Hiền giả Rāhula, Thế Tôn đã đặt ra học giới. Hiền giả nay hãy tìm chỗ ở của mình.

Lúc trước, vì kính trọng Thế Tôn, vì Tôn giả tha thiết học hỏi các học giới, các Tỷ-kheo ấy đã tiếp đón Rāhula như vào nhà của mình, đã soạn một chiếc giường nhỏ và cho Tôn giả một cái y làm gối. Nhưng từ hôm ấy, các Tỷ-kheo vì sợ vi phạm học giới nên không cho Rāhula chỗ ở.

Hiền giả Rāhula không đi đến Thế Tôn là phụ thân của mình, cũng không đi đến Sāriputta (Xá-lợi-phất) là vị Tướng quân Chánh pháp và là Giáo thọ sư của mình, cũng không đi đến Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên) là bậc Sư trưởng của mình, lại đi vào phòng vệ sinh của Thế Tôn như thể đi vào cung điện Phạm thiên và trú ở đấy.

Trong phòng vệ sinh của đức Phật, cửa luôn luôn khéo đóng; nền làm bằng đất thơm; hoa và vòng hoa kết thành vòng dọc theo những bức tường, suốt đêm có cây đèn thấp sáng. Hiền giả Rāhula không vì cảnh sang trọng này mà trú ở đấy, chỉ vì các Tỷ-kheo bảo tìm lấy chỗ ở, chỉ vì tôn trọng lời khuyên bảo, vì muốn học tập nên trú chỗ ấy.

Thình thoảng, các Tỷ-kheo thấy Tôn giả từ xa đi đến; vì mục đích thử thách, thường quăng bên ngoài cái cán chổi hay một ít rác, chờ khi Rāhula đi đến, liền hỏi:

– Hiền giả, ai quăng đồ rác này?

Khi được nghe chính Rāhula đi qua đường này, Rāhula không nói: “Thưa Tôn giả, tôi không biết việc này.” Trái lại, Rāhula thường dọn rác ấy đi, khiêm tốn xin lỗi và sau khi được tha lỗi mới đi. Vì mong muốn học tập như vậy, nên Rāhula mới trú tại chỗ ấy.

Rồi trước khi rạng đông, bậc Đạo sư đứng trước cửa phòng vệ sinh và đảnh hắng. Tôn giả đảnh hắng lại.

– Ai đó?

– Con là Rāhula.

Rồi Tôn giả đi ra đánh lễ.

– Nay Rāhula, sao con nằm ở đây?

– Vì không có chỗ ở, bạch Thế Tôn, trước đây các Tỷ-kheo cho con ở chung; nay vì sợ phạm tội, không cho con chỗ ở; vì nghĩ rằng, đây là chỗ không va chạm một ai, nên con nằm ở đây!

Thế Tôn xúc động mạnh vì Chánh pháp, suy nghĩ: “Với Rāhula, các Tỷ-kheo còn vất bỏ như vậy thì đối với các lớp chúng trẻ mới xuất gia, có gì họ không làm được.”

²⁹ Ba-dật-đề: Tội phải sám hối trước Tăng chúng.

Buổi sáng sớm, Thế Tôn cho họp các Tỷ-kheo và hỏi Tướng quân Chánh pháp:

– Này Sāriputta, ông có biết nay Rāhula trú tại chỗ nào không?

– Bạch Thế Tôn, con không biết.

– Này Sāriputta, Rāhula đang ở trong nhà vệ sinh! Này Sāriputta, nếu các ông vứt bỏ Rāhula như vậy thì đôi với các lớp trẻ mới xuất gia, có gì các ông không làm được? Nếu sự việc là vậy, những ai xuất gia trong giáo pháp này sẽ không ở lại. Bắt đầu từ hôm nay, các ông được phép cho người chưa thọ Đại giới ở chung một hay hai ngày. Đến ngày thứ ba, cho họ ở ngoài, sau khi biết chỗ ở của họ.

Sau khi thêm điều khoản phụ này, Thế Tôn chế định học giới. Lúc bấy giờ, các Tỷ-kheo ngồi trong pháp đường tán thán đức hạnh của Rāhula:

– Thưa các Hiền giả, hãy xem Rāhula tha thiết học tập như thế nào. Khi được hỏi chỗ ở của mình, Rāhula không nói: “Ta là con đức Thế Tôn.” Rāhula không chống đối một Tỷ-kheo nào, nhưng đã đến ở phòng vệ sinh.

Khi các Tỷ-kheo đang nói như vậy, bậc Đạo sư đến tại pháp đường, ngồi xuống bảo tòa có trang hoàng và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông nay ngồi ở đây đang nói chuyện gì?

– Bạch Thế Tôn, chúng con nói đến lòng tha thiết học tập của Rāhula, không nói chuyện gì khác.

Bậc Đạo sư nói:

– Không phải chỉ nay Rāhula mới tha thiết học tập mà trước kia khi làm bồng sanh, cũng đã tha thiết học tập rồi.

Và Thế Tôn kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, một vị vua nước Ma-kiệt-đà đang trị vì tại Vương Xá. Lúc ấy, Bò-tát sanh làm một con nai với đàn nai vây quanh sống ở trong rừng. Con nai chị đem con mình đến và nói:

– Này em, hãy dạy cho cháu em sự khôn ngoan của loài nai!

– Tốt lắm.

Bò-tát đáp lại và nói:

– Này cháu thân, hãy đi và vào giờ ấy, hãy đến học!

Con nai cháu không quên giờ cậu nói, đúng giờ nó đến và học sự khôn ngoan của loài nai. Một ngày kia, khi đi qua lại trong rừng, nó bị mắc vào bẫy sập và thốt tiếng kêu của con thú bị bắt. Đàn nai bỏ chạy, về báo cho nai mẹ biết con bị mắc bẫy. Nó đi đến nai em và hỏi:

– Này em, cháu đã học sự khôn ngoan của loài nai chưa?

Bò-tát nói:

– Đừng sợ những điềm dữ đến với cháu. Nó đã khéo học được sự khôn ngoan của loài nai. Nay sẽ đến lượt chị cười rồi đó!

Nói vậy xong, Bồ-tát đọc bài kệ này:

16.	Nai với ba cử chỉ, Biết dùng chân tám móng, Chỉ với một lỗ tai, Với sáu sự khôn ngoan,	Với nhiều sự khôn ngoan, Biết nửa đêm uống nước, Thở theo nhịp độ đất, Cháu tôi thắng người thù.
-----	---	---

Như vậy, Bồ-tát nêu rõ cháu mình đã học tốt đẹp sự khôn ngoan của loài nai và an ủi nai chị. Còn nai con bị bắt trong bẫy sập, không vùng vẫy, nằm duỗi chân hết sức thoải mái theo một bên hông, móng chân cào đất tại chỗ gần chân, hất lên bụi và cỏ, đi tiểu và đại tiện, đầu gục xuống, le lưỡi, làm thân đầm ướt mồ hôi; rồi nó nín thở khiến bụng trướng lên, trợn mắt, chỉ thở với một lỗ mũi ở dưới, nín thở với lỗ mũi ở trên khiến toàn thân cứng đờ như con vật đã chết. Vì thế cho nên các loài ruồi xanh đến bu quanh nó. Chỗ này chỗ kia, các con quạ đã đậu xuống. Người thợ săn đi đến, lấy tay vỗ bụng nó, suy nghĩ: “Con này bị bắt hơi sáng, nay đã bắt đầu thối rồi”, kẻ ấy cởi dây trói cho nai và nói:

– Nay ta làm thịt nó ở đây và sẽ mang thịt về.

Không ngờ vực gì cả, người thợ săn bắt đầu lượm cành cây và lá. Con nai con liền trỗi dậy, đứng trên bốn chân, vùng vẫy cái thân, vươn cổ; và như đám mây bị gió lớn tan, nó chạy rất nhanh về với mẹ nó.

Bậc Đạo sư nói:

– Rāhula không phải nay mới ham học, thuở trước cũng đã ham học như vậy.

Thuyết pháp thoại này xong, sau khi kết hợp hai câu chuyện, Ngài kết luận với sự nhận diện tiền thân như sau:

– Khi ấy, con nai cháu là Rāhula, con nai mẹ là Uppalavaṇṇā và con nai cậu là Ta vậy.

§17. CHUYỆN GIÓ THỐI (*Māluta-jātaka*) (J. I. 164)

Nếu là tối hay sáng...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về hai Tỷ-kheo xuất gia đã lớn tuổi. Truyền thuyết kể rằng, tại quốc độ Kosala, họ sống trong một khu rừng, một Trưởng lão tên Tối và một Trưởng lão tên Sáng. Một hôm, Tối hỏi Sáng:

– Thưa Tôn giả, thời nào gọi là lạnh?

Sáng nói:

– Trong thời tối trăng.

Một hôm, Sáng hỏi Tối:

– Thưa Tôn giả, thời nào gọi là lạnh?

Tối nói:

– Trong thời sáng trăng.

Cả hai không thể tự giải quyết sự phân vân, bèn đi đến bậc Đạo sư, đánh lễ Ngài rồi hỏi:

– Bạch Thế Tôn, thời nào gọi là lạnh?

Bậc Đạo sư lắng nghe câu chuyện của họ xong, liền nói:

– Nay các Tỷ-kheo, thuở xưa, Ta đã trả lời câu hỏi này cho các ông. Do nhiều đời sống chất chứa nên các ông nhận định không rõ ràng nữa.³⁰

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Một thời, dưới chân núi, một con sư tử và một con cọp làm bạn với nhau, cùng ở trong một cái hang. Lúc bấy giờ, Bồ-tát xuất gia làm một ẩn sĩ, cũng ở dưới chân núi ấy. Một hôm, một cuộc tranh cãi khởi lên giữa hai con vật ấy về vấn đề lạnh. Con cọp nói trời lạnh trong thời mặt trăng tối. Con sư tử lại nói trời lạnh trong thời mặt trăng sáng. Chúng không thể tự giải quyết sự phân vân, bèn đến hỏi Bồ-tát. Ngài nói lên bài kệ:

17.	Dù là tối hay sáng,	Khi nào có gió thổi,
	Có gió thổi trời lạnh,	Cả hai không ai thua.

Như vậy, Bồ-tát giải hòa đôi bạn.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, thuở trước, Ta đã trả lời cho các ông câu hỏi này.

Thuyết pháp thoại này xong, Ngài thuyết giảng bốn sự thật. Cuối bài giảng ấy, hai vị Trưởng lão chứng quả Dự lưu. Sau khi kết hợp hai chuyện, bậc Đạo sư kết luận với sự nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc ấy, con cọp là Sáng, con sư tử là Tối, còn Ta là người khổ hạnh đã trả lời câu hỏi.

§18. CHUYỆN ĐỒ CÚNG NGƯỜI CHẾT (*Matakabhattajātaka*) (J. I. 165)

Nếu chúng sanh biết được...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về đồ cúng người chết. Trong thời ấy, nhiều người giết hại nhiều dê, cừu... để cúng đồ ăn cho người thân đã mạng chung. Các Tỷ-kheo thấy họ làm như vậy, hỏi bậc Đạo sư:

– Bạch Thế Tôn, nay nhiều người giết hại sinh mạng nhiều loài hữu tình để cúng đồ ăn cho người chết. Bạch Thế Tôn, ở đây có hạnh phúc, lợi ích nào không?

Thế Tôn nói:

³⁰ *Bhavasāṅkhepagatattā*. Xem J. I. 463; II. 137.

– Cúng đồ ăn như vậy cho người chết không có lợi ích gì. Khi đã sát sanh, làm sao có lợi ích được? Thuở xưa, các bậc Hiền trí ngồi giữa hư không thuyết pháp, nói rõ nguy hại của tập tục này, khiến toàn thể dân chúng ở cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) từ bỏ hành động ấy. Nhưng nay, bị sanh hữu tích lũy nên hành động ấy lại khởi lên.

Nói vậy xong, Thế Tôn kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại. Một Bà-la-môn thông hiểu ba tập Vệ-đà, là danh sư nổi tiếng bốn phương, muốn cúng dường đồ ăn cho người chết nên cho bắt một con dê và bảo các đệ tử:

– Nay các con thân, hãy dẫn con dê này đến sông, tắm cho nó, đeo vòng hoa ở cổ nó, cho nó ăn lúa độ nửa đấu, chải chuốt cho nó rồi đem nó lại đây.

Các đệ tử vâng lời, dắt con dê đến sông, tắm cho nó, chải chuốt cho nó rồi để nó đứng trên bờ sông. Con dê ấy thấy được việc của mình đã làm từ đời trước, suy nghĩ: “Hôm nay, ta sẽ được thoát đau khổ.” Vì vậy, nó cảm thấy sung sướng, cười lớn tiếng như đập bể cái ghè; lại nghĩ: “Bà-la-môn này khi giết ta, sẽ chịu nỗi đau khổ của ta thuở trước”, nó khởi lòng thương hại người Bà-la-môn và khóc lớn tiếng. Các thanh niên ấy hỏi nó:

– Nay bạn, bạn cười lớn tiếng rồi khóc lớn tiếng. Vì nhân gì bạn cười, vì nhân gì bạn khóc?

– Hãy hỏi câu hỏi này trước mặt thầy các ông!

Họ đem con dê ấy đi và báo cáo cho thầy biết. Vị thầy nghe câu chuyện, hỏi con dê:

– Nay dê, sao ngươi lại cười và sao ngươi lại khóc?

Con dê nhờ trí biết được đời trước, nhớ đến việc đã làm của mình và nói với Bà-la-môn:

– Nay Bà-la-môn, thuở trước, giống như ông, ta là một Bà-la-môn học giỏi các chú thuật, muốn cúng dường đồ ăn cho người chết, đã giết một con dê để cúng dường. Vì giết chỉ một con dê, ta bị chém đầu trong bốn trăm chín mươi chín lần sống chết; nay là lần thứ năm trăm sống chết cuối cùng của ta; hôm nay, ta sẽ thoát khỏi sự đau khổ ấy; nghĩ vậy, ta cảm thấy sung sướng, do nhân duyên này ta cười. Còn ta khóc, vì ta nghĩ rằng chỉ vì giết một con dê, ta phải chịu khổ hình chặt đầu đến năm trăm lần, hôm nay ta sẽ thoát cái khổ ấy; nhưng Bà-la-môn này, vì giết ta, sẽ như ta chịu khổ hình chặt đầu trải năm trăm đời sống; vì thương xót ông, nên ta khóc.

– Nay dê, chớ sợ, ta sẽ không giết ngươi!

– Nay Bà-la-môn, ông nói gì thế? Dầu ông có giết ta hay không, hôm nay ta cũng không thể thoát chết.

– Nay dê, chớ sợ, ta sẽ bảo vệ ngươi, sẽ cùng đi với ngươi!

– Nay Bà-la-môn, nhỏ nhoi thay là sự bảo vệ của ông và mạnh bạo thay là nghiệp ác ta làm!

Vị Bà-la-môn thả con dê ra, nói với các đệ tử:

– Chúng ta đừng cho ai giết con vật này.

Và cùng với các đệ tử, vị Bà-la-môn đi theo con vật. Con dê vừa được thả, vươn cổ lên, đến bụi cỏ mọc sau lưng tảng đá ấy và bắt đầu ăn lá cỏ. Liền khi ấy, sét đánh trên lưng tảng đá ấy, một mảng đá bị đánh vỡ rơi trên cổ con dê đang vươn ra và chặt đứt đầu. Nhiều người quy tụ lại xem.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát sanh làm vị thần cây tại chỗ ấy. Với uy lực của vị thần, Bồ-tát ngồi kiết-già trên hư không, trên đại chúng đang đứng nhìn và suy nghĩ: “Những chúng sanh này, nếu biết được kết quả của việc ác như vậy sẽ không làm ác nữa!” Rồi với âm thanh dịu ngọt, ngài thuyết pháp qua bài kệ:

18.	Nếu chúng sanh biết được,	Sự này sanh đau khổ,
	Hữu tình sẽ không còn,	Giết hại hữu tình nữa,
	Vì ai giết hữu tình,	Sẽ phải sâu, phải khổ.

Như vậy, bậc Đại sĩ thuyết pháp khiến cho mọi người sợ hãi địa ngục. Và nhiều người nghe bài thuyết pháp ấy, biết sợ hãi địa ngục nên từ bỏ sát sanh. Bồ-tát thuyết pháp xong, an trú quân chúng vào ngũ giới rồi về sau đi theo nghiệp của mình. Còn quân chúng an trú trong lời khuyên của Bồ-tát, sau khi làm các phước đức như bố thí, v.v... được sanh lên thiên giới, làm tràn đầy thành phố chư thiên.

Bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, kết hợp hai câu chuyện với nhau và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, Ta là vị thần cây.

§19. CHUYỆN LỄ CÚNG DO CÓ LỢI (*Āyācitabhattajātaka*) (J. I. 168)

Nếu muốn thoát hiện tại...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về lễ cúng dường do cầu nguyện các thần linh. Lúc bấy giờ, theo truyền thuyết, quân chúng trong khi đi buôn thường hay giết các loài hữu tình để làm lễ cúng dường cho các thần, với lời cầu nguyện: “Nếu chúng tôi về được an toàn, có được tiền lời, chúng tôi sẽ làm lễ cúng dường cho các ngài!” Cầu nguyện như vậy rồi họ ra đi. Khi trở về được an toàn, có được tiền lời, họ nghĩ được vậy là nhờ uy lực các vị thần nên giết hại nhiều loài hữu tình, làm lễ cúng dường để giải tỏa lời cầu nguyện của mình.

Thấy vậy, các Tỷ-kheo hỏi Thế Tôn việc này có lợi ích gì không, Thế Tôn kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, tại nước Kāsi, một vị gia chủ tại một ngôi làng nhỏ có hứa làm đồ ăn cúng dường cho thần cây bàng mọc gần cổng làng. Khi đi về được an toàn, vị ấy giết nhiều loài hữu tình và đến gốc cây để xin giải tỏa lời hứa. Nhưng vị thần cây đứng giữa hai cành cây nói lên bài kệ này:

19. Nếu muốn thoát hiện tại, Hãy nghĩ thoát đời sau,
 Thoát hiện tại như vậy, Là trói buộc thật chặt,
 Bậc trí không thoát vậy, Thoát vậy buộc kẻ ngu.

Từ đây về sau, dân chúng từ bỏ sát sanh, sống theo Chánh pháp, sau khi mạng chung được sanh lên thiên giới làm tràn đầy thành phố chư thiên.

Bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

- Lúc bấy giờ, Ta là vị thần cây.

§20. CHUYỆN UỐNG NƯỚC BẰNG CỌNG LAU

(*Naḷapānājātaka*) (J. I. 169)

Thấy dấu chân đi xuống...

Trong khi du hành ở Kosala, đi đến làng Naḷakapāna, sống ở rừng Ketaka, gần hồ Naḷakapāna, bậc Đạo sư kể câu chuyện này về cọng lau. Lúc bấy giờ, các Tỷ-kheo, sau khi tắm tại hồ Naḷakapāna, bảo các Sa-di đi lấy những cọng lau để làm ống kim.³¹ Họ thấy các cọng lau đều trống rỗng hoàn toàn, liền đến hỏi Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, chúng con cho lấy các cọng lau để làm ống kim. Nhưng từ gốc cho đến ngọn, các cọng lau ấy đều trống rỗng hoàn toàn. Vì sao lại như vậy?

Bậc Đạo sư nói:

- Nay các Tỷ-kheo, đây là do đại nguyện xưa của Ta vậy.

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, theo truyền thuyết, tại đây có cái hồ trong khu rừng rậm. Trong hồ ấy, có một con quỷ la-sát ăn thịt những ai xuống nước. Lúc bấy giờ, Bồ-tát sanh làm khi chúa, to lớn như một con nai màu đỏ, được vây quanh với độ tám mươi ngàn con khi, Bồ-tát che chở đàn khi sống ở trong rừng. Bồ-tát thường khuyến đàn khi:

- Nay các con thân, trong rừng này có những cây độc và có những hồ chết, tại đây các loài phi nhân đang sống. Khi các con ăn những trái cây trước kia chưa ăn và uống nước trước kia chưa uống, hãy hỏi ta trước đã.

³¹ Xem Cv. V. 115.

Đàn khỉ vâng lời. Một hôm, đi đến một chỗ trước kia chưa từng đến, sau nhiều ngày, chúng tìm nước uống và thấy một cái hồ. Nhưng chúng không uống nước, cứ ngồi chờ Bò-tát. Ngài đến và nói:

- Các con thân, sao các con không uống nước?
- Chúng con chờ ngài đến.
- Tốt lắm, các con thân!

Bò-tát đi vòng hồ thấy có dấu chân đi xuống, không có đi lên, và suy nghĩ: “Không còn gì nghi ngờ nữa, hồ này có phi nhân ẩn trú.” Bò-tát nói với đàn khỉ:

– Này các con thân, việc các con làm tốt lắm, vì đã không uống nước. Hồ này có phi nhân ẩn trú.

Con quỷ la-sát dưới nước biết được chúng không uống nước, liền hiện ra hình thù ghê rợn với bụng xanh, mặt trắng vàng, tay chân màu đỏ, rẽ nước đi lên và nói:

- Sao lại ngồi đây, hãy xuống uống nước!

Bò-tát hỏi:

- Có phải người là la-sát ở trong nước không?

– Phải.

- Có phải người bắt những ai xuống uống nước ở đây?

– Phải. Ta bắt từ con chim nhỏ xuống nước trở lên; ở tại đây, ta không tha một ai. Ta sẽ ăn tất cả các người.

- Chúng tôi sẽ không để người ăn chúng tôi.

- Nhưng hãy uống nước đi.

– Được, chúng tôi sẽ uống nước. Nhưng chúng tôi sẽ không rơi vào quyền lực của người.

- Làm sao các người uống nước được?

– Sao người nghĩ rằng chúng tôi sẽ đi xuống rồi uống nước à? Không đi xuống nước, tám mươi ngàn chúng tôi mỗi ngày lấy một cành lau; như uống nước ngang qua một cành sen xanh, chúng tôi sẽ uống nước hồ của người. Như vậy, người sẽ không thể ăn thịt chúng tôi được!

Biết được ý nghĩa này, bậc Đạo sư đọc câu kệ:

- | | | |
|-----|--|---|
| 20. | Thấy dấu chân đi xuống,
Uống nước với cọng lau, | Không thấy dấu chân lên,
Người không giết ta được! |
|-----|--|---|

Nói vậy xong, Bò-tát cho đem lại một cọng lau, hồi tưởng lại mười hạnh Ba-la-mật,³² phát lời chân ngôn, lấy miệng thổi cọng lau. Cọng lau trở thành trống rỗng hoàn toàn, không một khúc, mắt nào còn lại ở trong. Với cách thức

³² Xem J. I. 212, *Vaṭṭakajātaka* (Chuyện chim cú), số §35.

này, Bô-tát cho đem lại ống lau khác, rồi ống lau khác và thổi. Nhưng nếu làm vậy, Bô-tát không thể thổi hết được. Do đó, Bô-tát không làm như vậy nữa. Rồi Bô-tát đi vòng quanh hồ và ra lệnh:

– Tất cả cọng lau đều trống rỗng hết!

Do lợi hành rộng lớn của các vị Bô-tát, mệnh lệnh ấy được thành tựu. Từ đây trở đi, tất cả cọng lau ở xung quanh hồ trở thành trống rỗng.

Trong kiếp này, có bốn thần thông tồn tại suốt kiếp. Thế nào là bốn?

1. Tướng con thỏ trong mặt trăng,³³ sẽ tồn tại trong suốt kiếp này.
2. Địa điểm mà lửa được dập tắt, như đã được kể ở *Chuyện chim cú*,³⁴ địa điểm ấy sẽ không bị lửa chạm đến trong suốt kiếp này.
3. Tại chỗ có ngôi nhà của người làm đồ gốm Ghaṭikāra, không bao giờ mưa rơi xuống trong suốt kiếp này.³⁵
4. Các cây lau mọc xung quanh hồ này sẽ hoàn toàn trống rỗng trong suốt kiếp này.

Đây là bốn thần thông sẽ tồn tại trong suốt kiếp này.

Bô-tát ra lệnh như vậy và lấy một cọng lau rồi ngồi xuống. Tám vạn con khi ấy, mỗi con cầm lấy một cọng lau, đều ngồi xuống vòng quanh hồ. Và trong khi Bô-tát hút nước vào qua ống lau, tất cả chúng đều ngồi trên bờ uống nước. Chúng uống nước như vậy, con quỷ la-sát dưới nước không bắt được một ai nên không hoan hỷ, bỏ đi về trú xứ của nó. Còn Bô-tát với tùy tùng vây quanh, trở về sống ở trong rừng.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, những cây lau này hoàn toàn trống rỗng chính do lời phát nguyện xưa của Ta.

Sau khi thuyết pháp thoại này xong, Ngài kết hợp hai câu chuyện và kết luận với sự nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con quỷ la-sát nước là Devadatta, tám vạn con khi là hội chúng của Như Lai, còn khi chúa khéo dùng phương tiện là Ta vậy.

³³ Xem J. III. 51, *Sasajātaka* (Chuyện con thỏ), số §316; Cp. 82, *Sasapaṇḍitacariya* (Hạnh của con thỏ hiền trí).

³⁴ Xem J. I. 212, *Vaṭṭakajātaka* (Chuyện chim cú), số §35.

³⁵ Xem J. I. 212, *Vaṭṭakajātaka* (Chuyện chim cú), số §35; M. 81, *Ghaṭikārasutta* (Kinh Ghaṭikāra); Miln. 222.

III. PHẨM SƠN DƯƠNG (*KURUNGA VAGGA*)

§21. CHUYỆN CON NAI SƠN DƯƠNG (*Kuruṅgamigajāṭaka*) (J. I. 173)

Sơn dương biết rõ rằng...

Câu chuyện này, khi ở tại Trúc Lâm, được bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Một thời, tại pháp đường, các Tỷ-kheo ngồi tụ họp, nói lời chỉ trích Devadatta:

– Thừa các Hiền giả, với mục đích sát hại Như Lai, Devadatta đã mướn những người bắn cung xô tảng đá xuống, thả rong con voi Dhanapāla (Tài Hộ); dùng mọi cách thức để giết hại Thế Tôn.³⁶

Rồi bậc Đạo sư đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông ngồi đây nói câu chuyện gì?

– Bạch Thế Tôn, chúng con ngồi ở đây nói chuyện về những điều thất đức mà Devadatta đã làm để sát hại Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới tìm cách sát hại Ta. Xưa kia, Devadatta cũng đã làm như vậy nhưng không thể sát hại Ta được.

Sau khi nói vậy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì thành Ba-la-nại, Bò-tát sanh ra làm con nai sơn dương, ăn trái cây và sống trong rừng. Một thời, Bò-tát ăn các trái sepaṇṇi từ những cây sepaṇṇi sai quả. Có người thợ săn ở làng, một hôm tìm thấy những dấu chân nai dưới gốc cây sai quả ấy, liền dựng một cái giàn trên cây, ngồi ở đấy, phóng cây giáo xuống các con nai đi đến ăn trái cây. Kẻ ấy sống với nghề săn và bán thịt nai như vậy.

Một hôm, thấy dấu chân Bò-tát dưới một gốc cây, kẻ ấy ăn thật sớm, cầm cây giáo vào khu rừng, leo lên cây và ngồi trên giàn. Bò-tát vào buổi sáng, từ chỗ ẩn nấp trong rừng đi ra với ý định ăn trái cây sepaṇṇi. Bò-tát không vội đến gốc cây mà đi vòng quanh, đứng vòng ngoài suy nghĩ: “Có khi những thợ săn đặt giàn, dựng giàn trên cây. Có thể có nguy hiểm như vậy ở đây.”

Người thợ săn biết Bò-tát không đi đến, vẫn ngồi trên giàn ngắm những trái sepaṇṇi xuống, rơi trước mặt Bò-tát. Ngài suy nghĩ: “Những trái cây này rơi

³⁶ Xem Cv. VII. 188.

trước mặt ta, có thể có người thợ săn ở trên.” Bò-tát quan sát xung quanh, thấy người thợ săn, làm vẻ như không thấy, nói to:

– Đây bạn cây quý hóa ơi, trước kia, bạn làm những trái cây rơi thẳng xuống như dây leo lòng thông xuống nhưng nay bạn từ bỏ đặc tánh cây. Vì bạn từ bỏ đặc tánh cây, ta sẽ đi đến gốc cây khác để tìm đồ ăn cho ta vậy. Nói xong, Bò-tát đọc bài kệ:

21. Sơn dương biết rõ rằng, Trái cây người rơi nát,
 Ta đi đến cây khác, Ta không thích trái người.

Người thợ săn ngồi trên giàn, quăng cây giáo xuống và nói:

– Hãy đi đi! Nay ta đã bắt hụt người rồi!

Bò-tát nhảy vòng tròn, đứng lại và nói:

– Đây người kia, chú tuy giết hụt ta nhưng chú không bắt hụt kết quả hành động chú làm; tức là tám địa ngục lớn, mười sáu địa ngục phụ và năm hình thức trôi buộc và hành tội.

Nói vậy xong, Bò-tát liền chạy xa để tìm đồ ăn. Còn người thợ săn leo xuống đi đến chỗ kẻ ấy muốn.

Bậc Đạo sư nói:

– Đây các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới tìm cách sát hại Ta. Xưa kia, Devadatta cũng làm như vậy nhưng không có thể làm được.

Thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân.

– Lúc bấy giờ, người thợ săn dựng cái giàn là Devadatta, còn con nai sơn dương là Ta vậy.

§22. CHUYỆN CON CHÓ (*Kukkurajātaka*) (J. I. 175)

Những con chó lớn lên...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, Thế Tôn đã kể về việc làm lợi ích cho bà con. Câu chuyện sẽ được trình bày trong chương XII, *Chuyện cổ thụ Cát Tường Sāla*.³⁷ Để xác chứng lời dạy này, bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadata đang trị vì Ba-la-nại, Bò-tát do duyên hành động lợi ích cho bà con như vậy, được sanh làm con chó đầu đàn rất thông minh, sống trong một nghĩa địa lớn với đàn chó hàng trăm con vây quanh.

Một hôm, vua ngựa trên xe được trang hoàng đẹp đẽ, được kéo bởi những con ngựa Sinh giống quý, đi đến khu vườn, trọn ngày vui chơi tại đấy; và khi

³⁷ Xem J. IV. 144, *Bhaddasāla-jātaka* (Chuyện cổ thụ Cát Tường Sāla), số §465.

mặt trời lặn, vua mới trở về thành. Yên cương của xe vẫn mắc vào xe, quân hầu để xe trong sân hoàng cung trọn đêm. Ban đêm, trời mưa, yên cương bị ướt. Các con chó của nhà vua thuộc nòi giống tốt, từ trên lầu đi xuống, nhai ăn da và dây cương chiếc xe ấy. Hôm sau, họ báo với vua:

– Thừa Thiên tử, từ những miếng cống chui vào, các con chó đã nhai ăn da và dây cương chiếc xe.

Vua nổi giận, ra lệnh giết tất cả chó mà họ thấy được. Từ đấy trở đi, khởi lên tai nạn lớn cho loài chó. Chúng chạy trốn vào nghĩa địa và đến bên cạnh Bò-tát. Bò-tát hỏi:

– Các con tụ họp đông ở đây vì duyên cớ gì?

Chúng đáp:

– Trong nội thành, da và dây cương của chiếc xe vua bị chó nhai ăn. Vua tức giận ra lệnh tàn sát chúng con. Nhiều anh em con bị giết hại. Cuộc khủng bố lớn đã khởi lên.

Bò-tát suy nghĩ: “Tại một chỗ được bảo vệ như vậy, các con chó ở ngoài không có cơ hội để vào. Đây là việc làm của đàn chó giống tốt trong nội cung. Nay những con có tội không gặp việc gì, còn những con vô tội lại bị giết. Ta hãy cho vua thấy những con chó có tội kia và cứu mạng sống cho bà con vô tội của ta.”

Bò-tát an ủi:

– Các con chớ sợ, ta sẽ làm cho các con hết sợ hãi. Hãy chờ ở đây cho đến khi ta yết kiến nhà vua!

Rồi ngài hướng tâm đến các Ba-la-mật, đặt hạnh từ bi lên hàng đầu, ngài nguyện: “Không một ai dám quăng đá hay gây hại ta.” Rồi Bò-tát một mình đi vào thành.

Sau khi ra lệnh sát hại các con chó, vua ngồi một mình trong pháp đình. Bò-tát đi đến đây, nhảy thẳng đến dưới chỗ ngồi của vua. Các người hầu cận của vua cố gắng hết sức đuổi ra, nhưng vua ngăn lại. Bò-tát nghỉ một lát, từ dưới ghế đi ra, đánh lễ vua rồi hỏi:

– Có phải Đại vương sai giết hại các loài chó?

– Phải, chính ta.

– Lỗi của chúng là gì, thưa bậc Nhân chủ?

– Chúng nhai ăn đồ da phụ tùng và dây cương ở xe của ta.

– Ngài có biết những con nào đã ăn đồ da không?

– Ta không biết.

– Không biết những con chó nào đã ăn đồ da, lại ra lệnh giết; như vậy không phải lễ, thưa Đại vương.

– Vì các con chó đã ăn đồ da ở xe ta, nên ta ra lệnh tàn sát tất cả con chó thấy được.

– Các người của ngài giết tất cả chó hay có tha chết một số chó?

– Những con chó nòi giống tốt trong cung của ta được khỏi chết.

– Tâu Đại vương, vừa rồi ngài nói ra lệnh giết tất cả con chó mà họ thấy được vì chúng đã ăn đồ da ở xe của ngài. Nhưng nay ngài lại nói những con chó giống tốt trong cung của ngài được khỏi chết. Sự việc là vậy, ngài đã thực hành theo bốn sở hành vô lý: Thiên vị, ghét bỏ, ngu si và sợ hãi. Hành động vô lý như vậy là không chính đáng, không phải là phép vua. Vì vua trong khi xử kiện, cần phải giống như cán cân. Nay các con chó nòi giống tốt được khỏi chết, còn các con chó yếu đuối lại bị giết. Sự việc như vậy, thì đây không phải sự giết hại không thiên vị tất cả loài chó mà chỉ là sự giết hại các loài chó yếu đuối thôi!

Nói xong, Bô-tát với âm thanh dịu ngọt bảo vua:

– Tâu Đại vương, sở hành của ngài không phải là công lý.

Rồi thuyết pháp cho vua, Bô-tát đọc bài kệ này:

22. Những con chó lớn lên, Thuộc loài nòi giống tốt, Chúng khỏi bị giết hại. Đây không giết tất cả,	Trong cung điện nhà vua, Có dung sắc, sức mạnh, Chỉ chúng tôi bị giết, Chỉ giết kẻ yếu hèn.
---	--

Nghe Bô-tát nói, vua bèn hỏi:

– Này chó hiền trí, người có biết ai đã ăn da ở xe ta không?

– Vâng, tôi có biết.

– Ai đã ăn?

– Chính những con chó nòi giống tốt trong cung của ngài.

– Làm thế nào biết được chúng đã ăn?

– Tôi sẽ nêu rõ chính chúng đã ăn.

– Này chó hiền trí, hãy nói rõ đi.

– Hãy cho gọi các con chó nòi giống tốt trong cung của ngài, cho đem một ít nước sữa và cỏ dabba đến đây.

Vua làm theo lời yêu cầu. Rồi Bô-tát nói:

– Hãy cho nghiền nát cỏ này trong nước sữa và cho những con chó ấy uống.

Vua làm theo như vậy. Khi đang uống, các con chó liền nôn ra những miếng da.

– Ôi, thật giống như đức Phật Toàn Tri xử kiện!

Vua reo mừng, liền tỏ lòng tôn kính Bô-tát bằng cách dâng cúng cái lọng trắng. Nhưng Bô-tát thuyết pháp cho vua với mười câu kệ về pháp hành trong *Chuyện ba con chim*,³⁸ mở đầu với câu:

³⁸ Xem J. V. 109, *Tesakuṇajātaka* (*Chuyện ba con chim*), số §521.

– Hãy hành Chánh pháp! Thừa bậc Đại vương thuộc dòng Sát-đế-ly, từ nay trở đi, Đại vương chớ phóng dật!

Sau khi khuyên nhà vua giữ năm giới, Bồ-tát trả lại vua cái lọng trắng.

Nghe lời Bồ-tát thuyết pháp, vua tha chết cho mọi loài chúng sanh, rồi ra lệnh cung cấp cho tất cả loài chó, bắt đầu từ Bồ-tát, cơm ăn thường xuyên giống như thức ăn của vua. Tuân theo lời Bồ-tát khuyến giáo cho đến trọn đời, vua làm các phước đức như bố thí, v.v... vì vậy sau khi mạng chung, vua sanh lên cõi trời. Lời khuyến giáo của con chó tồn tại đến mười ngàn năm. Còn Bồ-tát sống đến hết thọ mạng, rồi đi theo nghiệp của mình.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Như Lai mới hành động lợi ích cho bà con, trong quá khứ cũng đã làm như vậy.

Thuyết pháp thoại này xong và kết hợp hai mẫu chuyện với nhau, bậc Đạo sư kết luận với sự nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, nhà vua là Ānanda, hội chúng của Như Lai là bảy chó hiền lành, còn con chó hiền trí là Ta vậy.

§23. CHUYỆN CON NGỰA THUẦN CHỦNG (*Bhojājānīyajāṭaka*) (J. I. 178)

Nay tuy nằm một bên...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo từ bỏ tinh tấn. Thời ấy, bậc Đạo sư gọi Tỷ-kheo ấy và nói:

– Nay Tỷ-kheo, thuở trước, các bậc Hiền trí trong những hoàn cảnh khó khăn vẫn kiên trì tinh tấn, dầu có bị thương vẫn không thối thất.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì thành Ba-la-nại, Bồ-tát được sanh làm con ngựa Sindh nòi giống tốt, con ngựa báu của vua, được trang sức lộng lẫy. Nó ăn cơm nấu với gạo cũ ba năm, đầy đủ hương vị đặc biệt đựng trong một cái đĩa bằng vàng trị giá một trăm ngàn đồng tiền vàng.

Chuồng ngựa được dựng trên đất ướp thơm với bốn loại hương. Xung quanh chuồng có treo những màn đỏ, trên trần treo cái tán bằng vải, được trang hoàng với các vì sao bằng vàng; trên tường thả xuống những chuỗi hoa thơm, vòng hoa và một ngọn đèn dầu thơm luôn luôn cháy đỏ. Không có vị vua nào không thèm muốn vương quốc Ba-la-nại.

Một thời, bảy vị vua bao vây thành Ba-la-nại, gửi tới hậu thư cho vua xứ Ba-la-nại, nói:

– Hãy trao vương quốc cho chúng tôi, hay là giao chiến!

Vua mời các đại thần hội họp, báo tin ấy và hỏi:

– Nay các khanh, nay phải làm gì?

– Tâu Thiên tử, ngài không nên tự mình giao chiến trước. Hãy sai một vị cưỡi ngựa đi giao chiến trước. Nếu vị ấy thất bại, chúng ta sẽ tính sau.

Rồi vua cho mời vị ấy đến và hỏi:

– Khanh có thể giao chiến với bảy vị vua không?

– Thưa Thiên tử, nếu thần được con ngựa Sindh nòi giống tốt, kể gì bảy vị vua, thần có thể giao chiến với các vua ở toàn cõi Diêm-phù-đề.

– Nay khanh, con ngựa Sindh giống tốt hay con nào khác, tùy ý khanh muốn, hãy lấy con ngựa ấy và đi giao chiến!

– Lành thay, thưa Thiên tử!

Vị ấy đánh lễ vua, từ trên lầu bước xuống, cho đem lại con ngựa Sindh giống tốt, khéo mặc áo giáp cho nó; tự mình vũ trang toàn diện, đeo gươm rồi leo lên lưng ngựa Sindh đi ra khỏi thành và nhanh như chớp đánh tan đội quân thứ nhất; bắt sống một vua, cho dẫn vua ấy về giam ở đội quân trong thành. Rồi vị ấy đi nữa, đánh tan đội quân thứ hai; cũng vậy, đội quân thứ ba, thứ tư, thứ năm và bắt sống được năm ông vua.

Nhưng khi vị ấy đánh tan đội quân thứ sáu và bắt vua thứ sáu thì con ngựa Sindh giống tốt bị thương, chảy máu và cảm thấy đau đớn rất nhiều. Biết con ngựa đã bị thương, người kỵ mã cho nó nằm xuống trước cửa cung vua, cởi áo giáp cho nó và sai lính nai nịt một con ngựa khác.

Bồ-tát nằm một bên hông rất thoải mái, mở mắt thấy người kỵ mã, tự nghĩ: “Người kỵ mã đang nai nịt một con ngựa khác, sẽ không thể nào đánh tan đội quân thứ bảy, không thể nào bắt được ông vua thứ bảy. Như vậy, nó làm tiêu tan công lao ta đã làm; còn người kỵ mã không ai sánh kịp này sẽ bị giết và nhà vua sẽ rơi vào tay quân thù. Ngoài ta ra không một con ngựa nào khác đánh tan được đội quân thứ bảy và có thể bắt được vị vua thứ bảy.”

Đang nằm như vậy, Bồ-tát gọi người kỵ mã và nói:

– Nay bạn, ngoài tôi ra, không có con ngựa nào khác có thể đánh tan đội quân thứ bảy, bắt được ông vua thứ bảy. Tôi sẽ không để ai hủy hoại thành quả tôi đã làm. Hãy đỡ tôi dậy và nai nịt cho tôi!

Sau khi nói vậy, Bồ-tát đọc bài kệ này:

23.	Nay tuy nằm một bên,	Bị bắn bởi mũi tên,
	Con ngựa nòi giống tốt,	Thắng hơn con ngựa khác.
	Hỡi này người kỵ mã,	Hãy nai nịt cho tôi!

Người kỵ mã đỡ con ngựa dậy, băng bó vết thương, khéo nai nịt áo giáp cho nó rồi nhảy lên lưng ngựa ra trận đánh tan đội quân thứ bảy, bắt sống ông vua thứ bảy và dẫn vị ấy về đội quân của vua mình. Người kỵ mã dắt Bồ-tát đến cửa thành và vua đi ra để xem Bồ-tát. Bồ-tát nói với vua:

– Tâu Đại vương, chớ giết bảy ông vua ấy. Hãy bắt họ thề sẽ trung thành với ngài rồi thả họ ra. Hãy cho người kỵ mã thọ hưởng danh vọng xứng đáng với công lao. Thật không phải đạo nếu để một chiến sĩ đã bắt được bảy vị vua phải chịu thiệt thòi! Đại vương hãy bố thí, hãy giữ giới, hãy trị vì quốc độ với Chánh pháp công bằng!

Khi Bồ-tát khuyến giáo vua như vậy xong, người ta cởi áo giáp cho Bồ-tát. Nhưng khi được cởi tung mảnh giáp, Bồ-tát mạng chung. Vua lo việc hỏa táng con ngựa rất trọng thể, cho người kỵ mã hưởng danh vọng lớn và đòi bảy ông vua kia phải tự mình thề không còn phản bội gây chiến nữa rồi đưa họ về nhà của họ. Vua trị vì quốc độ với Chánh pháp và công lý, sau khi mạng chung, đi theo nghiệp của mình.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay Tỷ-kheo, như vậy thuở trước, các bậc Hiền trí trong những hoàn cảnh khó khăn vẫn kiên trì tinh tấn, dầu có bị thương vẫn không thối thất. Còn ông được sống trong giáo pháp giải thoát như vậy, vì sao lại thối thất tinh tấn?

Sau khi nói xong, Thế Tôn thuyết giảng bốn sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo thối thất tinh tấn chứng quả A-la-hán. Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện với nhau và kết luận với sự nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, vua là Ānanda, người cưỡi ngựa là Sāriputta và con ngựa Sindh nòi giống tốt là Ta vậy.

§24. CHUYỆN ĐÔI NGỰA NÒI TỐT (*Ājaññajātaka*) (J. I. 180)

Dầu thời nào, chỗ nào...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo thối thất tinh tấn. Bậc Đạo sư gọi Tỷ-kheo ấy và nói:

– Nay Tỷ-kheo, thuở trước các bậc Hiền trí trong những hoàn cảnh khó khăn vẫn kiên trì tinh tấn, dầu có bị thương vẫn không thối thất.

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì thành Ba-la-nại, có bảy vị vua bao vây thành. Một chiến sĩ cưỡi xe, thắng hai con ngựa Sindh anh em vào xe, đi ra khỏi thành, đánh tan sáu đội quân và bắt sống sáu ông vua. Trong giờ phút ấy, con ngựa anh bị thương. Người cưỡi xe, đánh xe đến cửa thành của vua mình, mở con ngựa anh ra khỏi xe, cởi áo giáp của nó, đặt con ngựa nằm một bên hông và bắt đầu cho nai nịt một con ngựa khác. Bồ-tát thấy vậy, suy nghĩ như đã suy nghĩ trong câu chuyện trước, rồi cho gọi người cưỡi xe, vừa nắm vừa nói lên bài kệ này:

- | | |
|--|---|
| 24. Dẫu thời nào, chỗ nào,
Con ngựa nòi giống tốt,
Còn con ngựa yếu hèn, | Dẫu khi nào ở đâu,
Vẫn hằng hái chiến đấu.
Tại đây chịu đau hàng. |
|--|---|

Người đánh xe đỡ Bồ-tát dậy, thắng ngựa vào xe, đánh tan đội quân thứ bảy, bắt sống ông vua thứ bảy rồi đánh xe đến cửa nhà vua và mở con ngựa ra khỏi xe. Bồ-tát nằm thoải mái một bên hông, nói lời khuyến giáo vua như trong câu chuyện trước rồi mạng chung. Vua làm lễ hỏa táng con ngựa rất trọng thể, ban thưởng nhiều danh vọng cho người đánh xe và sau khi trị vì nước đúng theo Chánh pháp, vua đi theo nghiệp của mình lúc mạng chung.

Sau khi kể câu chuyện, bậc Đạo sư trình bày bốn sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo thối thất tinh tấn chứng được quả A-la-hán. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, vua là Trưởng lão Ānanda, con ngựa anh là bậc Chánh Đẳng Giác.

§25. CHUYỆN BẾN TẮM (*Titthajātaka*) (J. I. 182)

Hãy thay bến nước khác...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo đệ tử của vị Tướng quân Chánh pháp, trước kia làm thợ vàng. Chỉ các đức Phật mới có trí biết được tâm hướng của chúng sanh, chứ không ai khác. Do vậy, vị Tướng quân Chánh pháp tự mình không biết tâm hướng của người đệ tử, đã cho một đề tài thiền quán về bất tịnh. Đề tài ấy không thích hợp với người đệ tử. Vì sao?

Theo truyền thuyết, người đệ tử ấy trải năm trăm năm liên tục sanh ra trong gia đình thợ vàng, tích lũy lâu ngày chỉ thấy vàng thanh tịnh nên không hợp với đề tài bất tịnh. Trải qua bốn tháng, người đệ tử không thể làm khởi lên một tư tưởng nào của thiền quán. Vị Tướng quân Chánh pháp không thể đem lại quả A-la-hán cho đệ tử của mình, tự nghĩ: “Người này chỉ có đức Phật mới nhiếp phục được, ta sẽ đưa vị ấy đến gặp Như Lai.”

Vào buổi sáng sớm, vị Tướng quân Chánh pháp đem người đệ tử đi đến gặp bậc Đạo sư. Ngài hỏi:

- Này Sāriputta (Xá-lợi-phất), vì sao ông đến đây lại đem theo một Tỷ-kheo?
- Bạch Thế Tôn, con cho đệ tử con một đề tài thiền quán, nhưng sau bốn tháng, vị ấy không phát khởi lên một chút tư tưởng nào của thiền quán. Nghĩ rằng người này chỉ có đức Phật mới giáo hóa được, nên con đưa đến gặp Thế Tôn.
- Này Sāriputta, ông dạy đề tài thiền quán nào cho đệ tử?
- Bạch Thế Tôn, con dạy đề tài thiền quán về bất tịnh.
- Này Sāriputta, ông không hiểu biết tâm hướng của đệ tử. Hãy về đi và để đệ tử ở lại đây, chiều trở lại và đem đệ tử của ông về.

Sau khi bảo Trưởng lão đi về, bậc Đạo sư cho Tỷ-kheo ấy mặc hạ y và

thượng y tốt đẹp, đem Tỷ-kheo ấy đi theo Ngài vào làng khát thực, khiến Tỷ-kheo ấy nhận được đồ ăn tuyệt hảo, đủ loại cứng và loại mềm. Đi về tinh xá một lần nữa với các Tỷ-kheo vây quanh, ban ngày bậc Đạo sư vào nghỉ trong hương phòng và buổi chiều đem Tỷ-kheo ấy đi theo. Ngài đi dạo trong tinh xá, hóa hiện một hồ nước trong vườn xoài, có nhiều hoa sen và một hoa sen lớn hiện ra. Thế Tôn bảo Tỷ-kheo ấy ngồi quán sát hoa sen, rồi Ngài đi vào hương phòng.

Tỷ-kheo ấy liên tục quán sát hoa sen. Thế Tôn khiến cho bông hoa ấy héo tàn. Trong khi Tỷ-kheo ấy đang quán sát, hoa sen ấy tàn dần, héo dần và mất màu sắc. Bắt đầu từ vòng ngoài cùng, các cánh hoa rơi xuống và trong một thời gian ngắn, tất cả cánh hoa đều rơi hết. Rồi đến các nhụy hoa rơi, rơi dần chỉ còn lại gương sen. Tỷ-kheo ấy thấy vậy, liền suy nghĩ: “Hoa sen này xinh đẹp như vậy nhưng chẳng mấy chốc màu sắc hoa tàn phai, các cánh hoa, nhụy hoa rụng xuống chỉ còn lại gương sen. Hoa sen như vậy đã đi đến héo tàn. Thân ta rồi cũng đi đến cảnh như vậy. Các hành là vô thường!”

Với tư tưởng ấy, Tỷ-kheo đạt được thiền quán. Bậc Đạo sư biết tâm Tỷ-kheo ấy đã đạt thiền quán, vẫn ngồi trong hương phòng, phóng hào quang từ kim thân và nói lên bài kệ này:

Tự cắt dây ái dục,	Như tay bẻ sen thu,
Hãy tu đạo tịch tịnh,	Niết-bàn, Thiện Thệ dạy. ³⁹

Cuối bài kệ này, Tỷ-kheo ấy chứng quả A-la-hán. Với ý nghĩ: “Ta đã thoát mọi sanh hữu”, vị ấy nói lên lời cảm hứng với các bài kệ:

Ai đã sống cuộc đời,	Tâm tư được viên mãn,
Các lậu hoặc đã đoạn,	Mang nhục thân cuối cùng,
Giới hạnh thật thanh tịnh,	Các căn khéo định tĩnh,
Như mặt trăng được thoát,	Khỏi miệng thần Rāhu. ⁴⁰
Ngu si hắc ám lớn,	Bao phủ trùm khắp ta,
Ta gột sạch, trừ sạch,	Mọi cấu uế không còn.
Ta rực sáng, chói sáng,	Sáng chói ánh quang minh,
Như mặt trời trên không,	Chiếu ngàn tia ánh sáng.

Sau khi nói lời cảm hứng, Tỷ-kheo ấy đi đến đánh lễ Thế Tôn. Vị Trưởng lão cũng đến đánh lễ bậc Đạo sư và đem đệ tử của mình về. Khi tin tức này lan truyền giữa các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ngồi họp tại pháp đường, tán thán những đức tính của bậc Pháp Vương:

– Nay các Hiền giả, Trưởng lão Sāriputta vì không hiểu biết tâm hướng của chúng sanh nên không hiểu biết tâm hướng đệ tử mình. Còn bậc Đạo sư biết được nên chỉ trong một ngày, đã đem lại quả A-la-hán với những vô ngại biện tài. Ôi, lớn lao thay uy đức của đức Phật!

³⁹ Xem *Dh.* v. 285.

⁴⁰ Thần Rāhu là vua a-tu-la. Hiện tượng nguyệt thực hay nhật thực theo truyền thuyết được cho rằng là do thần Rāhu tạm thời nuốt chửng mặt trăng hay mặt trời.

Rồi bậc Đạo sư đến ngồi trên chỗ đã soạn sẵn và hỏi:

- Nay các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi ở đây bàn chuyện gì?
- Không có gì khác, bạch Thế Tôn, ngoài câu chuyện chỉ Thế Tôn mới có trí hiểu biết tâm hướng đệ tử của vị Tướng quân Chánh pháp.

Bậc Đạo sư nói:

- Nay các Tỷ-kheo, đây không phải là kỳ diệu gì. Không phải nay Ta là Phật mới biết tâm hướng của Tỷ-kheo ấy. Thuở trước, Ta cũng đã biết tâm hướng của vị ấy rồi.

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát làm người chỉ đạo cho vua về thế sự và thánh sự. Lúc bấy giờ, tại bến nước, chỗ tắm thường ngày của con ngựa báu, người ta đang tắm một con ngựa tầm thường yếu hèn. Khi người giữ dẫn con ngựa báu đến bến tắm, nó ghê tởm con ngựa tầm thường nên không chịu đi xuống. Người giữ ngựa trình lên vua:

- Tâu Thiên tử, con ngựa báu không chịu xuống bến nước.

Vua cho gọi Bồ-tát:

- Nay bậc Hiền trí, hãy đi ra tìm hiểu lý do gì khi con ngựa đi đến bến nước lại không chịu xuống.

Vâng lệnh Thiên tử, Bồ-tát đi đến bờ sông, nhìn con ngựa, biết con ngựa không bị bệnh, ngài cố gắng tìm hiểu lý do gì con ngựa này không đi xuống bến nước. Bồ-tát suy nghĩ: “Có lẽ một con ngựa khác được tắm trước ở đây, vì ghê tởm con ngựa ấy nên nó không đi xuống bến nước.” Nghĩ vậy, Bồ-tát liền hỏi người giữ ngựa:

- Có con ngựa nào khác được tắm trước ở bến nước này không?
- Thưa ngài, có một con ngựa tầm thường khác.

Bồ-tát nghĩ: “Con ngựa này vì lòng tự ái thương tổn, không muốn tắm tại đây. Vậy đem nó đến tắm tại một bến nước khác.” Biết tâm hướng của nó, Bồ-tát nói:

- Nay bạn giữ ngựa, một người ăn đi ăn lại các món ngon như cơm, sữa, bơ, mật, đường, v.v... lâu ngày rồi cũng phát ngán. Con ngựa này đã tắm nhiều lần tại bến nước ở đây. Hãy đưa nó xuống một bến nước khác, cho nó tắm và uống nước.

Nói vậy xong, Bồ-tát đọc bài kệ này:

- | | | |
|-----|-------------------------|------------------------|
| 25. | Hãy thay bến nước khác, | Hỡi này người đánh xe, |
| | Hãy cho ngựa uống nước, | Khi bến này, bến khác. |
| | Người quá gần cơm, sữa, | Cũng chán món ăn ấy. |

Sau khi nghe lời Bồ-tát, họ dắt ngựa xuống một bến nước khác, cho nó uống nước và tắm. Trong khi ấy, Bồ-tát liền đi đến yết kiến vua. Vua hỏi:

– Này khanh, con ngựa được tắm và được uống nước rồi phải không?

– Thừa rồi, tâu Thiên tử.

– Vì lý do gì, trước nó không muốn làm như vậy?

– Do lý do này...

Bồ-tát báo sự việc lên vua và vua nói:

– Ôi, thật là sáng suốt, khanh biết được tâm hướng của cả con vật này!

Vua thưởng cho Bồ-tát danh vọng lớn. Và khi mạng chung, Bồ-tát và vua đi theo nghiệp của mình.

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Ta mới biết tâm hướng của vị ấy, quá khứ Ta cũng biết rồi.

Sau khi thuyết pháp thoại này xong và kết hợp hai câu chuyện với nhau, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con ngựa báu là vị Tỷ-kheo này, vua là Ānanda và vị đại thần Hiền trí chính là Ta vậy.

§26. CHUYỆN CON VOI MAHILĀMUKHA

(Mahilā mukhajāta) (J. I. 185)

Trước nghe lời ăn trộm...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư đã kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Devadatta chiếm được lòng tin của Hoàng tử Ajātasattu (A-xà-thế) nên đã được lợi dưỡng và danh vọng. Hoàng tử Ajātasattu xây dựng một tinh xá ở Gayāsīsa cho Devadatta và mỗi ngày đem đến cho vị ấy năm trăm phần cơm nấu bằng gạo thơm ba năm với hương vị hảo hạng. Dựa trên lợi dưỡng và danh vọng, hội chúng của Devadatta trở thành đông đúc. Devadatta chỉ sống ở tinh xá với hội chúng, không hề ra khỏi tinh xá.

Lúc bấy giờ, có hai người bạn trú ở Vương Xá. Một người xuất gia với bậc Đạo sư, một người xuất gia với Devadatta. Họ đến thăm nhau tại chỗ này chỗ kia hay tại tinh xá. Một hôm, người bạn y chỉ với Devadatta nói với người kia:

– Này Hiền giả, sao hàng ngày bạn phải đi khát thực với mồ hôi tuôn chảy mệt nhọc như vậy? Còn Devadatta chỉ ngồi ở tinh xá tại Gayāsīsa, được ăn món ngon với hương vị đặc biệt. Không có phương tiện nào khác sao? Sao bạn lại chịu khổ? Sao vào buổi sáng, bạn lại không đến tại Gayāsīsa, uống cháo với hương vị, rồi ăn mười tám món đặc và các món mềm tuyệt hảo với những hương vị đặc biệt?

Người kia nghe nói đi nói lại mãi nên muốn đi và bắt đầu từ đây, thường đến Gayāsīsa ăn và uống rồi trở về Trúc Lâm đúng giờ giấc.

Tuy thế, không phải lúc nào vị ấy cũng giấu giếm được. Không bao lâu, người ta biết người ấy đi đến Gayāsīsa ăn các món do Devadatta sắp đặt cho. Các người bạn hỏi vị ấy:

– Nay Hiền giả, có đúng sự thật chẳng, Hiền giả ăn các món do Devadatta sắp đặt cho?

– Ai nói vậy?

– Người này, người này.

– Nay Hiền giả, đúng sự thật là tôi có đi Gayāsīsa để ăn. Nhưng không phải Devadatta cho tôi ăn. Chính những người khác cho tôi ăn.

– Nay Hiền giả, Devadatta là kẻ chống đối đức Phật. Devadatta theo ác giới, lấy được lòng tin của Ajātasattu, thâm hoạch cho mình lợi dưỡng và danh vọng một cách phi pháp. Hiền giả xuất gia trong giáo pháp giải thoát như vậy, lại ăn các món do Devadatta nhận được một cách phi pháp. Hãy đi, chúng tôi sẽ đưa Hiền giả đến gặp bậc Đạo sư.

Rồi họ đưa Tỷ-kheo ấy đến pháp đường. Bậc Đạo sư thấy vậy hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, sao các ông đem lại đây một Tỷ-kheo ngoài ý muốn của vị ấy?

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này đã xuất gia với Thế Tôn, lại ăn các món do Devadatta nhận được một cách phi pháp.

– Nay Tỷ-kheo, có thật chẳng, ông đã ăn các món do Devadatta nhận được một cách phi pháp?

– Bạch Thế Tôn, không phải Devadatta cho con. Chính những người khác cho con ăn món ăn ấy.

– Nay Tỷ-kheo, chớ dối quanh ở đây! Devadatta không có chánh hạnh, theo ác giới. Sao ông xuất gia ở đây, tuân theo lời dạy của Ta, lại ăn các món của Devadatta. Ông thường hay bị lôi kéo, hễ gặp ai thì đi theo người ấy.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở trước, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bò-tát làm đại thần cho vua ấy. Lúc ấy, vua có một con voi báu tên là Mahilāmukha (Mỹ Nhân Diện), có giới đức chánh hạnh, không làm hại một ai. Một hôm, bọn ăn trộm, giữa đêm đi đến gần chuồng voi, ngồi không xa con voi bao nhiêu và bàn tính như sau:

– Đây là con đường hầm phải đào. Đây là lỗ tường cần phải đục. Đường hầm và lỗ tường cần phải đục thông và mở rộng như con đường hay như bên nước rồi mới mang đồ đạc đi. Hãy giết người để mang đồ đi, nếu cần. Như vậy, không ai có thể chống lại.

Bọn ăn trộm không có giới đức chánh hạnh, rất tàn nhẫn, độc ác, bạo hành. Sau khi bàn luận, dạy bảo lẫn nhau như vậy, bọn chúng bỏ đi. Với

phương tiện như vậy, ngày hôm sau và nhiều ngày nữa, chúng cũng đến tại chỗ ấy và cũng bàn luận với nhau. Con voi nghe lời của chúng, tưởng chúng dạy cho mình cần phải trở thành tàn nhẫn, độc ác, bạo hành. Rồi con voi thực hành như vậy.

Vào buổi sáng, khi người nài đến, nó dùng vòi bắt lấy, quật xuống đất và giết chết người nài. Cũng vậy, nó giết một người nữa, rồi một người nữa. Con voi giết những ai đi đến gần nó. Người ta trình lên vua:

– Con voi Mahilāmukha đã trở thành điên. Nó giết những ai mà nó thấy!

Vua cho gọi Bô-tát và nói:

– Hãy đi, bậc Hiền trí, và tìm hiểu vì lý do gì nó trở thành độc ác.

Bô-tát đi đến, biết con voi khỏe mạnh, rồi tìm hiểu lý do khiến con voi trở thành độc ác, và kết luận: “Chắc hẳn con voi nghe những người nói chuyện gần nó, tưởng họ dạy nó học nên trở thành độc ác.” Bô-tát hỏi người giữ voi:

– Ban đêm, có ai đến gần chuồng voi để nói chuyện không?

– Thưa ngài có. Những người ăn trộm đến và nói chuyện.

Bô-tát đi đến vua và báo cáo:

– Thưa Thiên tử, thân con voi không có gì biến đổi khác. Vì nghe các người ăn trộm nói chuyện, nó trở thành độc ác.

– Vậy nay cần phải làm gì?

– Hãy cho những Sa-môn, Bà-la-môn có giới hạnh đến ngồi gần chuồng voi, và chỉ cần nói những chuyện giới đức chánh hạnh.

– Này khanh thân, hãy làm như vậy.

Bô-tát đưa những Sa-môn, Bà-la-môn có giới hạnh ngồi gần chuồng voi và nói những câu chuyện giới hạnh. Họ ngồi không xa con voi và nói những câu chuyện tốt lành:

– Chớ hành hạ một ai! Chớ giết hại một ai! Hãy trở thành người có giới hạnh, nhẫn nhục, thân ái và từ mẫn!

Con voi nghe vậy, tự nghĩ: “Những người này muốn dạy bảo ta. Bắt đầu từ nay, ta cần phải có giới hạnh.” Và con voi trở thành hiền từ.

Vua hỏi Bô-tát:

– Này khanh, con vật đã trở thành tốt chưa?

Bô-tát trả lời:

– Thưa Thiên tử, nó đã trở thành tốt rồi! Con voi độc ác như vậy, nhờ các bậc Hiền trí nên đã an trú trên Chánh pháp như xưa.

Nói vậy xong, Bô-tát đọc bài kệ này:

26. Trước nghe lời ăn trộm,
Sau nghe lời bậc trí,
An trú trên thiện tánh,

Voi bấu này giết hại,
Con voi bấu tôi thương,
Làm công đức tốt đẹp.

Vua nói:

– Khanh biết được tâm hướng của loài thú vật.

Vua liền ban cho Bồ-tát danh vọng lớn. Sau khi sống tròn thọ mạng, vua cùng với Bồ-tát đi theo nghiệp của mình.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay Tỷ-kheo, trong quá khứ, hễ ông gặp ai thì theo người ấy. Nghe lời các người ăn trộm, ông đi theo những người ăn trộm. Nghe lời những người tu hành Chánh pháp, ông hành đúng Chánh pháp.

Sau khi kể lại pháp thoại này và kết hợp hai mẫu chuyện với nhau, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thuở ấy, Mahilāmukha là vị Tỷ-kheo phản bội, vua là Ānanda, còn vị đại thần là Ta vậy.

§27. CHUYỆN ĐÔI BẠN THÂN THIẾT (*Abhinhajātaka*) (J. I. 188)

Một miếng nó không ăn...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một nam cư sĩ và một Trưởng lão lớn tuổi. Theo truyền thuyết, ở Xá-vệ có hai người bạn. Một người xuất gia, hàng ngày đi đến nhà người kia. Người kia bố thí món ăn, tự mình cũng ăn, sau đó theo người bạn đi về tinh xá; và đến khi mặt trời lặn, họ ngồi nói chuyện với nhau rồi mới đi vào thành. Vị Tỷ-kheo thường đi tiễn bạn tận cửa thành rồi trở về. Sự thân thiết giữa hai người ấy được các Tỷ-kheo biết rõ. Một hôm, các Tỷ-kheo đang ngồi trong pháp đường, nói về sự thân thiết giữa hai người ấy. Bậc Đạo sư đi đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông đang bàn luận chuyện gì?

Các Tỷ-kheo nói:

– Bạch Thế Tôn, chúng con nói chuyện này...

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải những người này nay mới thân thiết với nhau. Trong quá khứ, họ đã thân thiết với nhau rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát làm vị đại thần. Lúc ấy, một con chó đi đến chuồng con voi báu và ăn những vắt cơm rơi tại chỗ con voi báu ăn. Con chó đi đến vì miếng ăn, đã trở thành thân thiết với con voi báu và ăn gần con voi. Cả hai không có nhau không thể sống được. Con chó thường nắm lấy vòi con voi và chơi đùa bằng cách đưa qua đưa lại.

Một hôm, một người ở làng cho tiền người nài và đem con chó ấy về làng của mình. Từ đó về sau, không thấy con chó, con voi bỏ ăn, bỏ tắm. Người nài báo việc ấy lên vua rõ. Vua cho gọi Bò-tát đến:

– Nay bậc Hiền trí, hãy đi tìm hiểu lý do con voi làm như vậy.

Bò-tát đi đến chuồng voi, biết được con voi rất buồn nản, tự nghĩ: “Thân thể con vật này không tỏ lộ bệnh gì. Có thể nó có tình bạn thân thiết với ai đó, và vì không thấy bạn, nó trở nên sầu muộn.”

Bò-tát hỏi người nài:

- Con voi này có thân thiết với ai không?
- Thưa ngài, có. Nó có tình bạn thân thiết với con chó.
- Con chó ấy nay đâu rồi?
- Có một người dắt nó đi rồi.
- Chú có biết chỗ ở của người ấy không?
- Thưa ngài, tôi không biết.

Bò-tát đi tâu với vua:

– Thưa Thiên tử, con voi không có bệnh gì. Nhưng nó có tình bạn thân thiết sâu đậm với con chó, nay không thấy bạn nên nó không ăn. Tôi nghĩ là như vậy.

Nói xong, Bò-tát đọc bài kệ:

27. Một miếng nó không ăn, Tôi nghĩ vì con voi, Cho nên nó luyến ái,	Không nuốt cơm và cỏ, Thường thấy bạn, con chó, Con chó ấy, bạn mình.
--	--

Vua nghe lời Bò-tát nói, liền hỏi:

– Thưa bậc Hiền trí, nay phải làm gì?

– Thưa Thiên tử, hãy cho người đánh trống và tuyên bố như sau: “Con chó, bạn con voi báu của nhà vua, bị người bắt lấy đem đi. Nhà nào có con chó ấy, nhà đó sẽ bị trừng phạt!”

Vua làm theo lời khuyên này. Nghe được tin, người ấy liền thả con chó ra. Con chó lập tức chạy thật mau đến gần con voi. Con voi vừa lấy vôi đặt con chó lên trên đầu trán mình vừa mừng rỡ khóc lớn và đặt nó từ đầu trán xuống, để con chó ăn trước, rồi mình ăn sau.

– Ngay cả tâm hướng của loài vật, bậc Hiền trí cũng biết!

Vua nói vậy và tặng cho Bò-tát danh vọng lớn.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải những người này nay mới thân thiết với nhau. Trong quá khứ, họ đã thân thiết với nhau rồi.

Sau khi kể lại pháp thoại này và thuyết giảng bốn sự thật, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện với nhau rồi nhận diện tiền thân như sau:

– Người cư sĩ là con chó lúc ấy, con voi là vị Trưởng lão lớn tuổi, còn vị đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§28. CHUYỆN CON BÒ NANDIVISĀLA (*Nandivīsālajātaka*)⁴¹ (J. I. 190)

Chỉ nói lời từ hòa...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về những lời nhiếc mắng của nhóm sáu Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ, nhóm Tỷ-kheo, khi cãi nhau với các hiền thiện Tỷ-kheo, thường khiêu khích, mắng nhiếc, châm biếm và nhục mạ họ. Các Tỷ-kheo báo lên Thế Tôn. Ngài cho gọi nhóm sáu Tỷ-kheo, hỏi có phải thật như vậy không; và khi được trả lời là thật vậy, Ngài chê trách họ:

– Nay các Tỷ-kheo, lời nói ác độc làm cho ngay cả loài thú vật cũng hiềm hận. Thuở trước, một thú vật đã làm cho một người nói lời ác phải mất một ngàn đồng tiền vàng.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Trong thời quá khứ, tại nước Gandhāra có vị vua trị vì Takkaśilā, và Bồ-tát sanh ra làm con bò, được đặt tên là Nandivīsāla (Đại Hỷ). Một Bà-la-môn đi đến những người thường hay cúng dường bò, xin được con Nandivīsāla khi còn là con nghé. Người Bà-la-môn đối xử với nó như con ruột, thương mến cho nó ăn rống cơm cháo và nuôi dưỡng nó rất chu đáo. Khi lớn lên, Bồ-tát suy nghĩ: “Ta được người Bà-la-môn này nuôi dưỡng một cách khó nhọc. Trong toàn cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ), không có một con bò nào khác có thể mang nặng như ta. Vậy ta hãy biểu lộ sức mạnh của ta và cho người Bà-la-môn tiền nuôi dưỡng.”

Một hôm, Bồ-tát nói với vị Bà-la-môn:

– Nay Bà-la-môn, hãy đi đến một triệu phú giàu về đàn bò và nói: “Con bò của tôi, nếu được cột chặt vào một trăm cỗ xe, cũng có thể kéo đi!” Và đánh cá với người ấy một ngàn đồng tiền vàng.

Vị Bà-la-môn đi đến một triệu phú và gọi chuyện:

– Trong thành này, con bò của ai có được sức mạnh?

Người triệu phú trả lời:

– Chính nhà này, nhà của ta.

Và ông còn nói tiếp:

– Trong toàn thành này, không một ai có con bò giống như con bò của chúng tôi.

Người Bà-la-môn nói:

⁴¹ Xem *Vin.* IV. 5.

– Một con bò của tôi có thể kéo được một trăm cỗ xe cột chặt lại.

Người triệu phú hỏi:

– Con bò như vậy ở đâu?

Vị Bà-la-môn nói:

– Ở nhà tôi.

– Vậy chúng ta hãy đánh cá đi.

– Tốt lắm, tôi bằng lòng.

Và vị Bà-la-môn đánh cá một ngàn đồng tiền vàng. Rồi vị Bà-la-môn chặt đầy một trăm cỗ xe với cát, sạn và đá; đặt chúng nối tiếp nhau, cột tất cả làm một, cằng xe với trục xe; cho tẩm Nandivisāla và cho nó ăn một đấu gạo thơm; trang sức vòng hoa vào cỗ xe đầu. Người Bà-la-môn tự mình ngồi trên cằng xe, đưa cao gậy thúc bò và nói:

– Hi, hi, hãy đi, đồ ranh con! Hãy kéo, đồ ranh con!

Bồ-tát nghĩ: “Ta không phải ranh con, nhưng người này gọi ta với danh từ ranh con”, và Bồ-tát đứng thẳng chân như những cột trụ, không hề di động.

Ngay lúc ấy, người triệu phú bắt người Bà-la-môn đem lại một ngàn đồng. Vị Bà-la-môn thua một ngàn đồng, mở con bò ra, rồi về nhà nằm dài với tâm tư sầu muộn.

Nandivisāla vào nhà, thấy vị Bà-la-môn sầu muộn, liền hỏi:

– Này Bà-la-môn, có phải ông nằm ngủ?

– Làm sao ta có thể ngủ được khi ta thua mất một ngàn đồng!

– Này Bà-la-môn, trong suốt thời gian ta sống ở nhà ông, có bao giờ ta làm bẻ chén bát gì, hay chà đạp một ai, hay đi đại tiểu tiện không phải chỗ?

– Này con thân, không bao giờ có.

– Vậy sao ông gọi ta là đồ ranh con? Đây là lỗi của ông, không phải lỗi của ta; hãy đi và cá với người kia hai ngàn đồng tiền vàng, nhưng ta không phải ranh con, không được gọi là đồ ranh con.

Vị Bà-la-môn nghe Bồ-tát nói, liền đi đến nhà triệu phú và cá hai ngàn đồng. Vị ấy buộc một trăm cỗ xe như cách đã làm, cho Nandivisāla trang điểm và buộc nó vào cái cằng gỗ xe thứ nhất. Ông buộc như thế nào? Buộc chặt cái ách vào cằng xe rồi thẳng con bò Nandivisāla vào một phía ách và buộc chặt phía bên kia bằng một miếng gỗ trơn từ ách vào trục xe; như vậy, ách được cứng thẳng, không nghiêng một bên; như vậy, chỉ một con bò có thể kéo một cỗ xe được làm cho cả hai con kéo. Rồi người Bà-la-môn ngồi trên cằng xe, vừa xoa lưng Nandivisāla vừa nói:

– Hi, hi, chú bạn hiền thiện! Hãy kéo, chú bạn hiền thiện!

Bồ-tát được buộc chặt vào một trăm cỗ xe, với một cái kéo mạnh cả một trăm cỗ xe, khiến cỗ xe cuối đứng vào chỗ mà cỗ xe đầu đã di động. Người triệu

phú giàu đàn bò thua cuộc, phải trả hai ngàn đồng. Những người khác cũng cho Bò-tát nhiều tiền. Tất cả đều thuộc về vị Bà-la-môn. Như vậy, nhờ Bò-tát, người Bà-la-môn được nhiều tiền của.

Bậc Đạo sư nói, sau khi khiển trách sáu Tỷ-kheo ấy:

– Nay các Tỷ-kheo, lời nói độc ác không làm ai vừa ý.

Và Ngài chế thành học pháp. Rồi bậc Chánh Đăng Giác nói lên bài kệ:

28. Chỉ nói lời từ hòa, Không từ hòa, không nói.
Ai nói lời từ hòa, Kéo đi được gánh nặng,
Khiến nó được tải sản, Do vậy, nó ưa thích.

Sau khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc ấy, Bà-la-môn là Ānanda, còn Nandivīsāla là Ta vậy.

§29. CHUYỆN CON BÒ ĐEN (*Kaṇhajātaka*) (J. I. 193)

Với gánh nặng phải mang...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về thần thông song hành. Câu chuyện này và câu chuyện từ thiên giới xuống sẽ được trình bày trong chương XIII, *Chuyện lạc vương Sarabha*.⁴²

Sau khi thị hiện thần thông song hành, từ thiên giới, bậc Chánh Đăng Giác đi xuống thành Sāmkassa. Trong ngày đại lễ Tỳ-tứ,⁴³ với một đoàn tùy tùng đông đảo, Ngài đi vào Kỳ Viên. Các Tỷ-kheo đang ngồi họp ở pháp đường, tán thán đức hạnh bậc Đạo sư, nói:

– Nay các Hiền giả, Như Lai không có ai sánh bằng. Không một ai khác có thể mang được gánh nặng như đức Như Lai. Sáu ngoại đạo sư nói: “Chúng ta sẽ thị hiện thần thông, chúng ta sẽ thi thố thần thông!” Tuy nói vậy, họ không thị hiện được thần thông nào. Ôi, bậc Đạo sư thật không ai sánh bằng!

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi họp ở đây bàn chuyện gì?

– Bạch Thế Tôn, không có gì khác ngoài chuyện tán thán đức hạnh Thế Tôn.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, nay ai sẽ mang gánh nặng do Ta mang? Trong thời quá khứ, khi Ta sanh làm thú vật, cũng không một ai so sánh với Ta được.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

⁴² Xem J. IV. 263, *Sarabhamigajātaka* (*Chuyện lạc vương Sarabha*), số §483.

⁴³ Lễ Tỳ-tứ được tổ chức vào cuối mùa an cư. Xem Mv. IV. 1.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm một con bò. Khi bò còn là nghé, những người chủ sống trong nhà một bà già đem Bồ-tát cho bà để giải quyết tiền ở trọ. Bà nuôi dưỡng Bồ-tát như con ruột, cho Bồ-tát ăn cháo và cơm. Bồ-tát được gọi là “Con bò đen của bà già.” Lớn lên, Bồ-tát có sắc lông đen láng, thường đi với các con bò hiền thiện trong làng. Trẻ con ở làng thường nắm sừng, nắm tai, đeo cổ, nắm đuôi bò chơi đùa và ngồi trên lưng bò.

Một hôm, Bồ-tát nghĩ: “Mẹ ta sống khổ cực, xem ta như con đẻ, nuôi dưỡng ta rất khó khăn. Vậy ta hãy làm ra tiền để giải thoát bà cụ khỏi đời khổ cực này.”

Từ đó trở đi, Bồ-tát cố gắng tìm cho ra tiền. Một hôm, người chủ trẻ của một đoàn lữ hành với năm trăm cỗ xe đi đến một khúc sông cạn rất gồ ghề. Các con bò của người ấy không thể kéo các cỗ xe qua được. Những con bò của năm trăm cỗ xe được cột vào cẳng xe liên tục với nhau cũng không thể kéo một cỗ xe qua được.

Lúc ấy, Bồ-tát đang đi với các con bò làng đến gần khúc sông cạn. Người chủ trẻ của đoàn lữ hành biết đánh giá loài bò, đang tìm trong những con bò này xem con nào giống tốt có thể kéo những cỗ xe của mình qua được. Thấy Bồ-tát, biết con bò giống tốt này sẽ có thể kéo được những cỗ xe, người ấy liền hỏi những người chăn bò:

– Này bạn, ai là chủ con bò này? Nếu tôi cột nó vào những cỗ xe và nó kéo qua được, tôi sẽ trả tiền thuê.

Các người chăn bò ấy nói:

– Hãy bắt và cột nó vào! Tại chỗ này, không có ai là chủ con vật.

Người chủ trẻ cột dây vào mũi bò kéo đi, nhưng con bò không di động. Theo truyền thuyết, Bồ-tát không đi khi chưa được trả giá. Người chủ trẻ của đoàn lữ hành biết được ý định của con bò và nói:

– Này chủ đàn, ta sẽ trả cho ông một ngàn đồng tiền thuê kéo năm trăm cỗ xe, mỗi cỗ xe kéo qua được trả hai đồng.

Lúc ấy, Bồ-tát mới chịu đi. Người ta cột bò vào những cỗ xe. Với một cái kéo mạnh, bò đã kéo bổng chiếc xe đầu tiên và đặt lên bờ kia. Với phương cách như vậy, bò kéo tất cả cỗ xe qua. Người chủ trẻ của đoàn lữ hành chỉ trả một đồng cho mỗi chiếc xe và cột một gói năm trăm đồng treo ở cổ Bồ-tát. Bồ-tát suy nghĩ: “Người này không trả cho ta tiền thuê như đã quyết định. Nay ta không cho nó đi!” Rồi Bồ-tát đứng chặn đường trước cỗ xe, đầu đoàn lữ hành cố gắng dắt xe đi, cũng không thể dắt được. Người chủ trẻ của đoàn lữ hành suy nghĩ: “Hình như nó biết ta trả thiếu tiền thuê”, bèn gói một ngàn đồng trong bọc, cột ở cổ Bồ-tát và nói:

– Đây là tiền thuê của người đã kéo qua.

Bồ-tát mang gói tiền liền đi đến bà mẹ. Trẻ con trong làng thấy một vật gì đeo ở cổ bò đen của bà cụ, bèn chạy đến gần Bồ-tát. Nhưng Bồ-tát đuổi chúng

chạy xa, rồi đến gần bà mẹ. Vì đã kéo qua năm trăm cỗ xe, Bò-tát hết sức mệt mỏi với đôi mắt đỏ kè. Bà cụ thấy gói một ngàn đồng ở cổ Bò-tát, liền kêu lớn:

– Này con thân, tiền này con lấy được ở đâu?

Rồi hỏi những đứa trẻ chăn bò và biết được câu chuyện, bà nói to:

– Này con thân, ta đâu có muốn sống nhờ tiền công con làm được. Sao con lại chịu khổ nhọc như vậy?

Nói xong, bà lấy nước nóng tắm cho con vật, thoa dầu toàn thân, cho uống nước và cho bò ăn đủ loại đồ ăn thích hợp. Bà sống với Bò-tát cho đến khi mạng chung rồi đi theo nghiệp của mình.

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Như Lai không có ai sánh bằng. Trong thời quá khứ, cũng không có ai sánh bằng.

Sau khi thuyết pháp thoại này xong, bậc Chánh Đẳng Giác đọc bài kệ:

29. Với gánh nặng phải mang, Với khúc sông phải qua,
 Chúng cật con bò đen, Bò kéo đi gánh nặng!

Như vậy, Ngài nêu rõ:

– Này các Tỷ-kheo, khi ấy, chỉ có con bò đen kéo được gánh nặng.

Thế Tôn kết hợp hai câu chuyện với nhau và nhận diện tiền thân như sau:

– Bà cụ lúc ấy là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), còn “Con bò đen của bà già” là Ta vậy.

§30. CHUYỆN CON HEO MUNIKA (*Munikajātaka*) (J. I. 196)

Chớ ham Munika...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, Thế Tôn đã kể về sự cám dỗ của một phụ nữ béo phệ. Câu chuyện này sẽ được trình bày ở chương XIII, *Chuyện tiểu đạo sĩ Nārada*.⁴⁴ Bậc Đạo sư hỏi Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, có thật chăng ông đang bị tham dục chi phối?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Vì nhân duyên gì?

– Bạch Thế Tôn, vì sự cám dỗ của một phụ nữ béo phệ.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Tỷ-kheo, thiếu nữ này tạo bất hạnh cho ông. Thời quá khứ, trong ngày đám cưới của nàng, ông đã bị mạng chung và trở thành món ăn ngon cho số đông người.

⁴⁴ Xem J. IV. 219, *Cullanāradajātaka* (*Chuyện tiểu đạo sĩ Nārada*), số §477.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, tại một làng nọ, Bồ-tát sanh làm con bò tên Mahālohita (Đỏ Lớn) trong nhà một người có gia sản. Bồ-tát có một em trai tên là Cullalohita (Đỏ Nhỏ). Trong gia đình, hai con bò này làm tất cả công việc chuyên chở.

Gia đình đó có một cô con gái. Cô ta đã đính hôn với người con trai cùng làng. Với mục đích dọn món ngon đãi khách đến dự đám cưới của con gái mình, cha mẹ cô gái nuôi một con heo tên là Muṇika và cho nó ăn toàn cháo cơm. Thấy vậy, Lohita em nói với con bò anh:

– Trong gia đình này, đồ nặng do hai anh em mình chở hết, nhưng họ chỉ cho chúng ta ăn cỏ, lá, v.v... còn họ nuôi con heo với cháo và cơm. Vì lý do gì nó lại được như vậy?

Bồ-tát nói:

– Nay Lohita em thân, chớ có ham đồ ăn ấy! Con heo này ăn đồ ăn ngon để chờ chết. Với mục đích dọn món ngon đãi khách đến dự ngày đám cưới của cô gái, nên họ mới nuôi con heo này. Vài ngày nữa, những người ấy sẽ đến, họ cột chân con heo, kéo nó ra khỏi chuồng, chấm dứt mạng sống của nó và sẽ làm thành món cà-ri đãi khách.

Nói xong, Bồ-tát đọc kệ này:

30.	Chớ ham Muṇika,	Nó ăn để chờ chết.
	Ít dục, hãy ăn rơm,	Do vậy thọ mạng dài.

Rồi không bao lâu, những người ấy đến. Họ giết Muṇika và nấu nó thành nhiều món ăn. Bồ-tát nói với Lohita em:

– Nay em thân, hãy xem Muṇika!

– Thưa anh, em đã thấy kết quả món ăn của Muṇika. Trăm lần, ngàn lần tốt hơn là món rơm của chúng ta, món ăn tối thượng; không có tai hại là tướng của mạng sống lâu dài.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay Tỷ-kheo, như vậy, trong thời quá khứ, vì thiếu nữ này, ông đã mạng chung và làm thành món ăn cho nhiều người!

Sau khi nói lên pháp thoại này, bậc Đạo sư giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo bị tham dục chi phối chứng quả Dự lưu. Bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện với nhau và nhận diện tiền thân như sau:

– Khi ấy, con heo Muṇika là Tỷ-kheo bị tham dục chi phối, người thiếu nữ trong hai mẩu chuyện là một. Lohita em là Ānanda, Lohita anh là Ta vậy.

IV. PHẨM TỔ CHIM CON (*KULĀVAKAVAGGA*)

§31. CHUYỆN TỔ CHIM CON (*Kulāvakajātaka*)⁴⁵ (J. I. 197)

Hãy để tổ chim con...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo uống nước không lọc. Theo truyền thuyết, hai bạn trẻ Tỷ-kheo từ Xá-vệ đi về tỉnh, trú tại một địa điểm thoải mái cho đến thỏa thích, rồi từ đó ra đi, hướng về Kỳ Viên để yết kiến bậc Chánh Đẳng Giác.

Một Tỷ-kheo có trong tay một lọc nước và người kia không có.⁴⁶ Hai người thường lọc nước chung để uống. Một hôm, họ cãi lộn nhau. Người chủ cái lọc nước không cho người kia dùng lọc nước, tự mình lọc riêng rồi uống nước. Người kia không có đồ lọc nước và không thể nhịn khát, nên uống nước không lọc. Hai người ấy tuần tự đi đến Kỳ Viên, đánh lễ bậc Đạo sư và ngồi xuống.

Sau khi chào đón thân tình, bậc Đạo sư liền hỏi:

– Các ông từ đâu đến?

– Bạch Thế Tôn, chúng con ở quốc độ Kosala, sống trong một làng, từ đây ra đi để yết kiến Ngài.

– Nhưng các ông đi đường có hòa thuận không?

Người không có lọc nước nói:

– Bạch Thế Tôn, người này giữa đường cãi lộn với con, không cho con lọc nước.

Người kia nói:

– Bạch Thế Tôn, người này không lọc nước; tuy biết, vẫn uống nước có loài hữu tình.

– Nay Tỷ-kheo, có thật chẳng, ông tuy biết, vẫn uống nước có loài hữu tình?

– Thưa có vậy, bạch Thế Tôn, con uống nước không lọc.

Bậc Đạo sư:

– Nay Tỷ-kheo, trong thời quá khứ, các bậc Hiền trí trị vì thành phố chư thiên, trong khi thua trận chạy trốn trên mặt biển, quyết không vì vương quyền

⁴⁵ Tham chiếu: S. I. 224, *Kulāvakasutta* (Kinh Tổ chim); *Tap. 雜* (T.02. 0099.1222. 0333b24); *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.49. 0390a03).

⁴⁶ Xem Cv. V. 118.

giết hại các hữu tình, nên đã từ bỏ danh vọng lớn để cứu mạng sống cho các loài chim con, loài Kim Sí điều,⁴⁷ mà họ đã cho xe quay lui.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, trong nước Ma-kiệt-đà, tại thành Vương Xá có một vị vua xứ Ma-kiệt-đà trị vì. Cũng như nay, Đế-thích (Thiên chủ Sakka) trong một đời sống trước đã sanh ra trong làng Macala ở nước Ma-kiệt-đà. Thời đó, Bồ-tát được sanh làm con trai một đại gia đình quý tộc cùng ở trong làng Macala ấy. Vào ngày đặt tên, Bồ-tát được đặt tên là Maghakumāra; khi lớn lên có tên là Maghamāṇava (Thanh niên Magha).

Cha mẹ cưới cho Bồ-tát một người vợ từ một gia đình môn đăng hộ đối. Bồ-tát cùng với con trai, con gái lớn lên thường hay bố thí và giữ gìn năm giới. Trong làng ấy có ba mươi gia đình và những người trong ba mươi gia đình ấy, một hôm đứng ở giữa làng bàn bạc, giải quyết những vấn đề ở trong làng. Bồ-tát tại chỗ mình đứng, dùng chân quét sạch bụi làm chỗ ấy trở thành tốt đẹp và đứng đó. Rồi một người khác đến đứng thế chỗ, Bồ-tát làm một chỗ khác tốt đẹp và đứng đây. Lại một người khác đến đứng thế chỗ ấy, Bồ-tát lại làm một chỗ khác, một chỗ khác, cho đến khi chỗ đứng cho tất cả mọi người trở thành tốt đẹp.

Trong một thời khác, Bồ-tát dựng một cái lều, sau đó dẹp lều, rồi dựng một phòng lớn, trong ấy có đặt ghế giường và ghế nước. Trong một thời khác, ba mươi người ấy do Bồ-tát hướng dẫn trở thành dân tốt như mình, Bồ-tát an trú họ trong năm giới. Từ đây về sau, Bồ-tát thường cùng đi với họ làm các công đức như: Sáng sớm thức dậy, với rìu nhỏ, búa, chùy cầm tay đến ngã tư đường, họ đập với cái chùy làm bật lên những hòn đá, đẩy đá qua một bên, dọn dẹp những cây và chạm vào trục xe, san bằng con đường gồ ghề, xây cầu, đào ao hồ, dựng phòng ốc, bố thí và giữ giới. Như vậy, phần lớn toàn dân trú trong làng vâng theo lời khuyên dạy của Bồ-tát, giữ gìn các giới.

Người thôn trưởng suy nghĩ về họ: “Trước đây, khi những người này uống rượu, sát sanh, v.v... ta lấy được nhiều tiền, nào tiền rượu, tiền phạt, tiền cúng. Nay Maghamāṇava khiến họ giữ giới nên họ không còn sát sanh nữa, v.v... Nay ta sẽ làm cho họ từ bỏ năm giới.”

Kẻ ấy phần nộ đi đến hầu vua và thưa:

– Tâu Thiên tử, có một đoàn ăn cướp đang phá xóm làng và làm nhiều tội ác.

Vua nghe kẻ ấy nói như vậy, liền bảo:

– Hãy đi và dẫn chúng đến!

Người thôn trưởng bắt họ trối lại, dẫn họ đến và báo với vua:

– Thưa Thiên tử, những người ăn cướp đã được dẫn đến.

Không điều tra việc làm của họ, vua nói:

⁴⁷ Xem J. II. 12, *Uragajātaka* (Chuyện con rắn), số §154.

– Hãy đem chúng cho voi chà!

Vua bắt tất cả những người ấy nằm xuống trên sân vua và đem voi lại.

Bồ-tát khuyên bảo họ:

– Các bạn hãy hành trì giới! Hãy khởi lòng từ đối với kẻ vu cáo, đối với vua, đối với con voi, đối với tự thân đều giống nhau!

Họ làm như lời khuyên ấy. Các người của vua đem voi đến để chà họ chết. Con voi được dắt đến nhưng không lại gần, chỉ rống to rồi bỏ chạy. Họ lại đem con voi khác, con voi khác nữa, tất cả đều bỏ chạy như vậy. Vua nghĩ: “Chắc trong tay họ có thuốc trường sanh!” và vua ra lệnh soát. Sau khi soát không thấy gì, họ thưa lên với vua:

– Vậy chắc họ có độc bùa chú.

– Hãy hỏi họ!

Những người của vua hỏi, Bồ-tát trả lời:

– Có.

Họ thưa lại với vua. Vua cho gọi tất cả bọn họ đến và bảo:

– Hãy đọc bài chú của các người!

Bồ-tát trả lời:

– Thưa Thiên tử, chúng tôi không biết bùa chú gì khác. Nhưng ba mươi người chúng tôi không sát sanh, không lấy của không cho, không tà hạnh, không nói láo, không uống rượu. Chúng tôi khởi lòng từ, chúng tôi bố thí, chúng tôi san bằng đường sá, chúng tôi đào ao hồ, chúng tôi xây phòng ốc. Đây là bùa chú của chúng tôi, là sự bảo vệ của chúng tôi, là sức mạnh của chúng tôi.

Vua rất bằng lòng với họ, liền cho họ tất cả gia sản của người vu cáo, bắt người vu cáo làm nô lệ cho họ, rồi cho họ cả đàn voi và ngôi làng. Từ đây trở đi, họ làm các công đức theo sở thích của họ, họ gọi thợ mộc để xây dựng một phòng họp lớn tại ngã tư đường. Vì không còn ham muốn đối với nữ nhân, họ không cho nữ nhân tham gia vào công đức làm phòng họp ấy.

Lúc bấy giờ, tại nhà Bồ-tát có bốn nữ nhân tên là Sudhammā (Thiện Pháp), Cittā (Tâm Trí), Nandā (Hoan Hỷ), Sujāta (Thiện Sanh). Một trong bốn nữ nhân là Thiện Pháp tự mình đi tìm người thợ mộc, hỏi lộ cho người ấy và nói:

– Này anh, hãy cho tôi đóng góp phần chính trong việc làm phòng họp này.

Người thợ mộc chấp nhận lời yêu cầu, trước tiên cho phơi khô gỗ làm tháp nhọn, chặt đẽo, đục lỗ làm xong cái tháp nhọn rồi lấy vải cuốn lại và cất đi. Khi người thợ mộc làm xong phòng họp, đến thời đặt tháp nhọn lên, anh ta lại kêu than:

– Ôi, thưa các Tôn giả, có một vật chúng ta chưa làm.

– Cái gì vậy?

– Cần phải có một cái tháp nhọn.

– Được, chúng tôi sẽ đem đến.

– Nay không thể làm với cây mới chặt được. Chúng ta cần phải có một cái tháp nhọn với cây đã chặt trước phơi khô một thời gian, rồi cắt đẽo và đục lỗ để dành.

– Vậy nay phải làm gì?

– Hãy tìm xem trong nhà của ai có cất một cái tháp nhọn đã làm xong và để bán.

Họ tìm kiếm và thấy trong nhà của Thiện Pháp có cái tháp ấy nhưng không mua được.

– Nếu các ông cho tôi dự phần công đức làm phòng họp thì tôi sẽ biếu cái tháp nhọn.

– Không được, chúng tôi không cho nữ nhân dự phần công đức.

Người thợ mộc nói với họ:

– Sao các Tôn giả lại nói vậy? Chỉ trừ Phạm thiên giới, không một chỗ nào khác loại trừ nữ nhân. Hãy lấy tháp nhọn! Có như vậy công việc của chúng ta mới hoàn thành.

Họ bằng lòng lấy tháp nhọn và làm xong phòng họp. Sau đó, họ cho sắp những ghế dài bằng gỗ, đặt những ghế đựng nước, cung cấp cháo và cơm. Họ xây một bức tường xung quanh phòng họp, gắn cửa ra vào, rải cát giữa những bức thành và ngoài bức thành trồng một dãy cây cọ dừa.

Còn nàng Tâm Trí xây dựng một công viên tại chỗ ấy. Tại đó, không có một cây hoa nào, cây trái nào mà không có tên nàng. Nàng Hoan Hỷ đào một hồ nước đẹp đẽ, tràn đầy hoa sen năm sắc. Còn nàng Thiện Sanh không làm gì cả.

Bồ-tát làm đầy đủ bảy điều thệ nguyện: Hầu hạ mẹ, hầu hạ cha, kính trọng anh cả, nói lời chân thật, không nói lời ác, không nói lời vu cáo, nhiếp phục xan tham và tóm tắt trong bài kệ:

Người nuôi dưỡng mẹ cha,	Kính bậc trưởng gia đình,
Nói từ hòa, ái ngữ,	Từ bỏ lời vu cáo,
Nhiếp xan tham, nói thật,	Phẫn nộ được chế ngự,
Chư thiên Ba Mươi Ba,	Gọi là bậc chân nhân.

Bồ-tát đạt trạng thái đáng được tán thán như vậy, khi mạng chung được sanh làm Thiên chủ Đế-thích ở cõi trời Ba Mươi Ba. Những người bạn của Bồ-tát cũng sanh lên đó. Trong thời ấy, tại cõi trời Ba Mươi Ba, các thần asura (a-tu-la) cũng sống chung. Thiên chủ Đế-thích nói:

– Tốt gì cho chúng ta khi một vương quốc phải ở chung với kẻ khác?

Rồi Ngài cho các a-tu-la uống nước chư thiên; khi chúng say, Thiên chủ Đế-thích cầm chân chúng ném xuống vực núi Sineru (Tu-di). Chúng rơi vào lâu đài ở cạnh giới a-tu-la. Lâu đài của a-tu-la nằm ở tầng thấp nhất của núi Tu-di, rộng bằng cõi trời Ba Mươi Ba.

Tại đây có mọc một cây giống như cây san hô của chư thiên sống suốt một kiếp và được gọi là cây bông kèn. Cây bông kèn nở hoa, cho chúng biết đây không phải là cõi trời của chúng vì cõi trời có nở hoa san hô. Chúng nói:

– Ông già Đế-thích cho chúng ta uống say rồi quăng chúng ta trên mặt biển lớn và chiếm thành chư thiên của chúng ta. Chúng ta hãy tiến đánh lão ấy và lấy lại thành chư thiên của chúng ta!

Rồi chúng leo lên sườn núi Tu-di như những con kiến leo lên cột. Đế-thích nghe các thần a-tu-la đã leo lên, liền xông ra mặt biển giao tranh, bị chúng đánh bại, liền chạy trốn trên chiếc xe Vejayanta dài một trăm năm mươi do-tuần, chạy trên những đầu ngọn sóng biển phía Nam. Chiếc xe của Đế-thích chạy lướt trên mặt biển, đi đến ngôi rừng cây bông lụa. Trên đường đi của chiếc xe, rừng cây bông lụa bị chặt đứt như những cây cọ dừa và rơi trên mặt biển. Các Kim Sí điều⁴⁸ bay quanh trên mặt biển kêu gào lớn tiếng. Đế-thích hỏi thần lái xe Mātali:

– Mātali thân mến, tiếng kêu gì vậy? Nó kêu thật bi thương!

– Thưa Thiên đế, vì rừng cây bông lụa rơi xuống, do tốc độ cổ xe của Ngài nghiền nát, các Kim Sí điều sợ chết, đồng thanh kêu gào như vậy.

Bồ-tát nói:

– Mātali thân mến, chớ làm chúng mệt mỏi vì chúng ta. Chúng ta không vì chủ quyền thiên giới mà sát sanh. Vì lợi ích của chúng, ta sẽ từ bỏ mạng sống và nộp mình cho loài a-tu-la. Hãy quay xe lại đi!

Nói vậy xong, Đế-thích đọc bài kệ:

31. Hãy để tổ chim con, Trong rừng Simbalī, Ta sẵn sàng nộp mạng, Chớ để các chim này,	Hỡi này Mātali! Tránh miệng ác chủ tể, Cho các a-tu-la, Bị xé nát khỏi tổ.
---	--

Thần đánh xe Mātali nghe lời Đế-thích, quay xe lại, đi về hướng thiên giới bằng con đường khác. Các thần a-tu-la thấy Đế-thích quay xe lại, tự nghĩ: “Chắc hẳn các Đế-thích từ những thế giới khác đến, được sức mạnh tiếp viện nên mới quay xe lại.” Bị dao động vì sợ chết, chúng liền chạy trốn vào lâu đài a-tu-la.

Còn Đế-thích đi vào thành chư thiên, đứng ở giữa thành với thiên chúng của hai thiên giới vây quanh. Trong thời khắc ấy, đất nứt ra và lâu đài Vejayanta (Tối Thắng) trôi lên cao một ngàn do-tuần. Vì nó trôi lên khi thắng trận nên được gọi là lâu đài Vejayanta. Để ngăn chặn các a-tu-la trở lại, Đế-thích ra lệnh cho bảo vệ năm chỗ; liên hệ vấn đề này, Đế-thích nói lên bài kệ:

Giữa hai thành Bất Thắng, Bảo vệ bởi rắn thần, Kumbhaja, dạ-xoa,	Đặt năm chỗ bảo vệ, Bởi loài Kim Sí điều, Và bởi Bốn Thiên Vương.
---	--

⁴⁸ Garuḷa: Chim thần Cánh Vàng.

Được năm chỗ bảo vệ này, Thiên chủ Đế-thích thọ hưởng những vinh quang thiên giới. Nàng Thiện Pháp, sau khi mạng chung được sanh làm vương hậu một lần nữa; do kết quả cúng dường cái tháp nhọn, đã khởi lên cho nàng một lâu đài tên là Thiện Pháp đình với thiên báu cao đến năm trăm do-tuần. Tại đây, dưới một chiếc lọng trắng của chư thiên, Thiên chủ Đế-thích ngồi trên một tấm nệm bằng vàng rộng một do-tuần và làm những công việc cần phải làm cho chư thiên và loài người. Còn Tâm Trí, sau khi mạng chung cũng sanh làm vương hậu của Đế-thích; do kết quả xây dựng một công viên, đã khởi lên cho nàng một công viên tên là Cittatāvana (Tâm Trí). Hoan Hỷ, khi mạng chung cũng sanh làm vương hậu của Đế-thích; do kết quả cúng dường cái hồ, đã khởi lên cho nàng một cái hồ tên là Nandā (Hoan Hỷ). Còn Thiện Sanh, do không làm thiện nghiệp gì, được sanh làm con chim hạc ở một hang động trong rừng.

Không thấy bóng dáng Thiện Sanh, muốn biết nàng tái sanh chỗ nào, Đế-thích hướng tâm xem xét và thấy nàng, liền đi đến chỗ ấy thăm nàng rồi đưa nàng lên thiên giới, chỉ cho thấy thành phố chư thiên đẹp đẽ, lâu đài chư thiên của Thiện Pháp, rừng cây leo của Tâm Trí, cái hồ của Hoan Hỷ. Đế-thích nói:

– Những nàng này, vì có làm việc thiện nên được sanh làm vương hậu của ta. Còn nàng không làm việc lành phải sanh làm chim hạc. Bắt đầu từ nay, hãy giữ giới!

Sau khi khuyến giáo nàng và trao cho nàng năm giới, Đế-thích đưa nàng về lại chỗ cũ và thả nàng ra. Từ đấy trở đi, nàng giữ giới. Sau một thời gian, muốn tìm hiểu nàng có giữ giới nữa không, Đế-thích đi đến hiện hình làm con cá nằm trước mặt nàng. Nghĩ rằng cá đã chết, hạc ngậm lấy đầu cá. Cá vẫy đuôi, hạc liền thả cá ra và nói:

– Ôi, nó còn sống!

Đế-thích nói:

– Lành thay, nàng có thể giữ giới được!

Rồi ngài ra đi. Con hạc sau khi mạng chung được sanh vào một gia đình làm đồ gốm ở Ba-la-nại. Đế-thích không biết nàng tái sanh ở đâu. Khi biết chỗ tái sanh của nàng, Đế-thích liền chờ đầy một xe dừa chuột bằng vàng, giả dạng một ông già ngồi giữa làng và la lớn:

– Hãy đến lấy dừa chuột! Hãy đến lấy dừa chuột!

Nhiều người tụ lại nói:

– Nay ông bạn thân, hãy cho chúng tôi!

– Ta chỉ cho những người nào giữ giới. Các chú có giữ giới không?

– Chúng tôi không biết giới. Chúng tôi sẽ trả tiền.

– Ta không cần tiền. Ta sẽ cho những ai giữ giới.

Các người ấy nói:

– Cụ già này thật lần thần.

Rồi họ bỏ đi. Thiện Sanh nghe thấy, nghĩ rằng những trái dưa chuột này được mang đến cho nàng, liền đi đến và nói:

- Này ông bạn thân, hãy cho tôi!
- Nàng có giữ giới không?
- Thưa, tôi có giữ giới.
- Những trái dưa chuột này chính ta mang đến cho nàng.

Rồi Đế-thích để xe dưa chuột trước cửa nhà nàng và ra đi. Còn nàng giữ giới cho đến trọn đời. Từ đấy mạng chung, nàng sanh làm con gái của chúa thần a-tu-la Vepacitti, nhờ giữ giới nên nàng rất đẹp. Đến tuổi trưởng thành, cha nàng cho họp các thần a-tu-la lại để cô con gái tự do chọn lựa chồng theo sở thích của nàng.

Lúc ấy, Đế-thích đang tìm xem Thiện Sanh ở đâu và biết được chỗ nàng tái sanh, tự nghĩ: “Nàng đang tìm chồng theo sở thích, chắc chắn nàng sẽ lấy ta!” Đế-thích liền hóa hiện ra một thần a-tu-la và đi đến chỗ ấy. Nàng được trang sức và được đưa đến chỗ tụ họp để lựa chọn chồng theo ý muốn. Nàng nhìn Đế-thích, với tình yêu thương trước, liền chọn ngay Đế-thích:

- Đây là chồng của tôi.

Đế-thích đưa nàng về thành chư thiên, đặt nàng lên địa vị nữ vương dẫn đầu hai mươi lăm triệu vũ nữ. Nàng sống như vậy cho đến mạng chung rồi đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể câu chuyện, bậc Đạo sư đã khiển trách vị Tỷ-kheo ấy và nói:

– Như vậy, này Tỷ-kheo, thọ trước, trong khi các bậc Hiền trí trị vì thiên quốc, dầu từ bỏ thân mạng của mình cũng không sát sanh. Còn ông xuất gia trong giáo pháp giải thoát như vậy, lại uống nước không lọc, có các loại hữu tình.

Sau khi khiển trách Tỷ-kheo ấy và kết hợp hai câu chuyện, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

- Thời ấy, thần đánh xe Mātali là Ānanda, còn Đế-thích là Ta vậy.

§32. CHUYỆN MÚA CA (*Naccajātaka*) (J. I. 206)

Âm thanh người êm dịu...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo có nhiều đồ vật. Giống như câu chuyện đã được nói đến trong *Chuyện Thiên pháp*,⁴⁹ bậc Đạo sư hỏi:

- Này Tỷ-kheo, có thật chẳng ông có nhiều đồ vật?
- Thưa phải, bạch Thế Tôn.

⁴⁹ Xem J. I. 126, *Devadhammajātaka* (Chuyện Thiên pháp), số §6.

– Vì sao ông có nhiều đồ vật?

Nghe đến đây, Tỷ-kheo ấy phần nộ, quăng bỏ y trong, y ngoài, đứng trần truồng trước mặt bậc Đạo sư và nói:

– Nay tôi sẽ thoát y như thế này.

Mọi người đều nói:

– Ôi, xấu hổ thay!

Tỷ-kheo ấy bỏ chạy rồi hoàn tục. Các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường, nói về thái độ bất nhĩ của Tỷ-kheo ấy đã làm trước mặt bậc Đạo sư. Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi họp tại đây bàn câu chuyện gì?

– Bạch Thế Tôn, chúng con đang nói về thái độ bất nhĩ của Tỷ-kheo ấy; trước mặt Thế Tôn và giữa bốn chúng, từ bỏ tầm quý, đã đứng trần truồng như một đứa trẻ ở làng; bị quần chúng ghét bỏ, vị ấy đã hoàn tục, từ bỏ giáo pháp.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải nay Tỷ-kheo ấy mới không có tầm quý, từ bỏ pháp bảo. Trong đời quá khứ, kẻ ấy đã từ bỏ vợ báu của mình.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện sau đây.

Thuở xưa, trong kiếp thứ nhất, các loài thú bốn chân tôn sư tử làm vua, các loài cá tôn cá thần Ānanda và các loài chim tôn ngỗng trời Suvanna (Kim nga).⁵⁰ Con gái vua ngỗng trời Suvanna, một ngỗng trời con rất đẹp, được vua ban cho một ước nguyện. Nàng ước nguyện được một tấm chồng theo sở thích của mình. Vua ngỗng trời làm theo ước nguyện của con, cho tập hợp tất cả loài chim tại Tuyết sơn. Từng đàn chim đủ loại như ngỗng trời, chim công, v.v... lũ lượt bay tới tập, tập hợp trên một cao nguyên bằng đá lớn. Vua ngỗng trời cho gọi con gái đến và nói:

– Con hãy lựa chọn chim chồng mà con thích ý!

Nàng nhìn đàn chim, thấy con chim công có cổ đẹp với màu sắc châu báu, có lông đuôi nhiều màu, liền chọn con chim ấy và nói:

– Con chim này sẽ là chồng con.

Đàn chim vây quanh chim công nói:

– Nay bạn chim công, công chúa này, giữa những đàn chim, đã chọn bạn làm chồng. Hãy vui sướng lên bạn!

Con chim công quá sung sướng nói lớn:

– Cho đến hôm nay, các người chưa thấy sức mạnh của ta!

⁵⁰ Xem J. II. 351, *Ulūkajātaka* (Chuyện con chim cú), số §270.

Rồi giữa các đàn chim, bỏ mất tầm quý, chim công xòe cánh ra, bắt đầu múa và khi múa nó không che thân. Vua ngỗng trời Suvaṇṇa xấu hổ nói:

– Con chim này không có lòng tầm khởi lên từ nội tâm, không có lòng quý khởi lên từ bên ngoài, ta sẽ không gả con gái ta cho kẻ đã phá hoại tầm quý.

Rồi vua ngỗng trời nói lên bài kệ giữa đàn chim:

32. Âm thanh người êm dịu, Lưng người thật đẹp đẽ,
Cổ người về màu sắc, Chẳng khác ngọc lưu ly,
Lông đuôi người xòe rộng, Dài rộng đến một tầm,⁵¹
Nhưng vì người nhảy múa, Ta không cho con gái.

Trước mặt đàn chim ấy, vua ngỗng trời gả công chúa cho một ngỗng trời con, cháu của vua. Còn con chim công mất công chúa ngỗng trời, xấu hổ, bay cao và trốn mất. Vua ngỗng trời cũng đi về chỗ ở của mình.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải nay Tỷ-kheo ấy mới bỏ mất tầm quý, từ bỏ Pháp bảo. Trong thời quá khứ, kẻ ấy đã làm mất vợ báu của mình.

Khi Ngài kể xong pháp thoại này, Ngài kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc ấy, con chim công là người có nhiều đồ vật, còn vua ngỗng trời là Ta vậy.

§33. CHUYỆN SỐNG HÒA HỢP (*Sammodamānājātaka*) (J. I. 208)

Khi chung sống hòa hợp...

Câu chuyện này, khi ở tại vườn Nigrodha gần Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), bậc Đạo sư đã kể về việc tranh cãi nhau vì cái gối. Câu chuyện sẽ được trình bày trong *Chuyện chim chúa Kuṇāla*.⁵²

Lúc bấy giờ, bậc Đạo sư bảo các bà con:

– Nay các Đại vương, các bà con không nên tranh cãi nhau. Trong thời quá khứ, các loài thú khi sống hòa hợp đã chiến thắng được kẻ thù, còn khi sống bất hòa đã bị nạn diệt vong lớn.

Theo thỉnh cầu của các hoàng tộc bà con, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con chim cun cút đầu đàn, được vây quanh với hàng ngàn con chim cun cút, sống ở trong rừng. Lúc bấy giờ, một thợ săn chim đi đến vùng cun cút, nhờ bắt chước tiếng

⁵¹ Một tầm bằng 1,8m.

⁵² Xem J. V. 412, *Kuṇāla-jātaka* (*Chuyện chim chúa Kuṇāla*), số §536.

kêu của loài cun cút, kẻ ấy biết được chỗ tụ họp của đàn chim. Người thợ săn liền quăng lưới lên trên đàn chim, chặn lại các đường viên, tóm tất cả đàn chim cút thành một mối, bỏ vào giỏ đi về nhà, đem bán và nuôi sống với số tiền ấy.

Một hôm, Bò-tát nói với các con chim cun cút:

– Người thợ săn chim này giết hại nhiều bà con chúng ta, nay ta có một phương kế khiến kẻ ấy không thể bắt chúng ta được. Từ nay trở đi, khi kẻ ấy vừa quăng lưới trên đầu các ngươi, mỗi một chim cun cút chui đầu vào một lỗ của lưới, nhấc bổng lưới lên đến chỗ các ngươi muốn và hạ xuống trên một bụi gai. Làm như vậy, chúng ta sẽ trốn thoát khỏi nhiều mẻ lưới.

Tất cả chúng đều vâng theo. Vào ngày hôm sau, khi lưới được quăng trên đàn chim, chúng liền nhấc bổng lưới lên như lời Bò-tát dặn và thả xuống trên một bụi gai rồi trốn thoát theo ngã dưới. Người thợ săn chim đang còn gỡ lưới khỏi bụi gai thì trời đã xế chiều nên đi về với tay không.

Nhiều ngày kế tiếp, các con chim cun cút đều làm như vậy. Người thợ săn chim cứ loay hoay cho đến khi mặt trời lặn, chỉ lo gỡ lưới không bắt được gì và đi về nhà tay không.

Người vợ tức giận nói:

– Ngày lại ngày, ông về hai tay không. Tôi nghĩ rằng, có lẽ ông có một chỗ nuôi dưỡng khác.

Thợ săn chim nói:

– Nay bà, ta không có chỗ nuôi dưỡng nào khác. Các con chim cun cút sống hòa hợp với nhau. Chúng mang đi lưới ta quăng và thả xuống một bụi gai rồi bỏ đi. Nhưng chúng sẽ không luôn luôn sống hòa thuận được, bà chớ lo. Khi chúng tranh cãi nhau, lúc ấy, ta sẽ bắt gọn tất cả chúng, nụ cười sẽ trở lại trên môi bà.

Rồi kẻ ấy nói lên bài kệ với người vợ:

33. Khi chung sống hòa hợp, Các chim mang lưới đi.
Khi chúng tranh cãi nhau, Chúng rơi vào tay ta.

Vài ngày trôi qua, khi một con chim cun cút đậu xuống chỗ ăn, vô ý bước trên đầu một con chim khác. Chim ấy tức giận nói:

– Ai bước trên đầu ta?

– Chính tôi vô ý bước. Đừng giận tôi!

Tuy vậy, con chim ấy vẫn giận, tiếp tục nói:

– Ngươi nghĩ rằng chỉ một mình ngươi nhấc bổng lưới lên chăng?

Khi chúng tranh cãi nhau, Bò-tát suy nghĩ: “Khi tranh cãi nhau thì không có an toàn, nay bọn chim sẽ không nhấc bổng lưới lên nữa. Do vậy, bọn cun cút sẽ gặp nạn, người thợ săn sẽ nắm được cơ hội. Ta sẽ không sống ở chỗ này nữa!” Rồi Bò-tát đem đàn chim của mình đi đến một chỗ khác. Người thợ săn chim lại đến, sau một vài ngày, bắt chước giọng chim cun cút và quăng lưới lên chỗ chúng đang tụ họp. Một con chim cun cút nói:

– Nghe nói, khi người nhấc bổng lưới lên, lông trên đầu rơi xuống. Vậy nay hãy nhấc bổng lên!

Một con chim khác nói:

– Nghe nói, khi người nhấc bổng lưới lên, lông hai cánh của người rơi xuống. Vậy nay hãy nhấc bổng lên!

Như vậy, khi đàn chim cun cút đang tranh cãi nhau, người thợ săn chim nhấc bổng lưới lên, bắt tất cả đàn chim nhét đầy vào một cái giỏ, đem về nhà và hy vọng đem lại thật nhiều nụ cười cho bà vợ.

Bậc Đạo sư nói:

– Như vậy, thưa các Đại vương, các bà con không nên tranh cãi nhau. Tranh cãi là nguồn gốc của diệt vong.

Thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư kết hợp hai mẫu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con chim cun cút vô trí là Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), còn con chim cun cút có trí là Ta vậy.

§34. CHUYỆN CON CÁ (*Macchajātaka*) (J. I. 210)

Ta không vì nóng lạnh...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo si mê bà vợ trước thời xuất gia. Lúc bấy giờ, bậc Đạo sư hỏi Tỷ-kheo ấy:

– Có thật chẳng, này Tỷ-kheo, ông bị ái nhiễm?

– Thật vậy, bạch Thế Tôn!

– Bị ái nhiễm bởi ai?

– Bạch Thế Tôn, vợ trước của con rất êm dịu khi xúc chạm. Con không thể bỏ nàng được!

Bậc Đạo sư nói với vị Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, chính nữ nhân ấy đã tạo nên bất hạnh cho ông. Trong thời trước, ông gần chết vì nữ nhân ấy; nhờ có Ta đi đến, ông được thoát chết.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Trong thời quá khứ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bò-tát làm vị phụ trách về nghi lễ tôn giáo của vua.

Lúc bấy giờ, các người đánh cá quăng lưới trên sông. Một con cá trống lớn đi theo chơi với con cá mái vợ của nó một cách rất duyên ái. Con cá mái ấy đi trước, ngửi mùi hương của lưới, bơi quanh lưới rồi bỏ đi. Con cá trống bị mù

quáng bởi lòng tham luyện, đi thẳng vào trong mắt lưới. Những người đánh cá biết được cá đã mắc vào lưới bèn kéo lên, bắt con cá nhưng chưa giết nó, lại quăng nó trên bãi cát. Họ nói:

– Chúng ta sẽ nướng con cá này trên than hừng để ăn.

Rồi họ chắt một đồng than và chuốt nhọn cây gậy. Con cá trông suy nghĩ: “Ta không than khóc vì bị nướng trên than hồng, hay bị đâm xuyên bởi gậy nhọn, hay sự đau khổ nào khác, mà chỉ vì con cá mái vợ ta sẽ buồn rầu, nghĩ rằng ta đã ra đi với con cá mái khác. Đó là điều làm ta đau đớn!”

Vừa than khóc, cá nói lên bài kệ:

34. Ta không vì nóng lạnh, Không vì bị mắc lưới,
Chỉ sợ vợ ta nghĩ, Ta say mê nàng khác!

Lúc bấy giờ, vị phụ trách nghi lễ tôn giáo cùng với các nô tỳ vây quanh, đi đến bờ sông để tắm. Vị ấy biết tiếng mọi loài, nghe con cá than, vị ấy suy nghĩ: “Con cá này đang khóc tiếng khóc than ai oán. Bị chết trong trạng thái tâm bệnh như vậy, nó sẽ sanh xuống địa ngục. Ta sẽ là người giúp đỡ nó!” Vị ấy đi đến gần những người đánh cá và nói:

– Này các bạn, các bạn không bán cho chúng tôi một con cá mỗi ngày để làm món cà-ri đó sao?

Những người đánh cá nói:

– Thưa ngài, sao ngài nói vậy? Ngài có thể lấy đi mọi thứ cá ngài thích!

– Chúng tôi không cần con cá nào khác trừ con cá này.

– Thưa ngài, ngài hãy lấy nó đi.

Bồ-tát với hai tay bắt lấy con cá, ngồi trên bờ sông và khuyên:

– Này bạn cá, nếu hôm nay ta không thấy người thì người đã chết. Nhưng từ nay trở đi, người chớ nên để ái tình chi phối!

Khuyên răn xong, Bồ-tát thả con cá xuống nước và trở về thành phố.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết các sự thật. Cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo bị ái nhiễm chứng quả Dự lưu. Bậc Đạo sư kết hợp hai mẫu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con cá mái là người vợ thời trước, con cá trống là Tỷ-kheo bị ái nhiễm, còn vị phụ trách lễ nghi tôn giáo là Ta vậy.

§35. CHUYỆN CHIM CÚT (*Vaṭṭakajātaka*)⁵³ (J. I. 211)

Có cánh không bay được...

⁵³ Xem Cp. 97, *Saccasavhayopāṇḍitacariya* (Hạnh của Đạo sĩ Hiền tri Sacca); Cp. 98, *Vaṭṭapotakacariya* (Hạnh của chim cút con).

Câu chuyện này, khi đang du hành ở xứ Ma-kiệt-đà, bậc Đạo sư đã kể về lửa rừng bị dập tắt. Một thời, Thế Tôn đang du hành trong xứ Ma-kiệt-đà. Khi đang đi khát thực trong một làng nhỏ ở Ma-kiệt-đà, sau bữa ăn, trên đường trở về với chúng Tỷ-kheo, Thế Tôn thấy một đám lửa lớn bùng lên. Phía trước và phía sau Ngài có nhiều Tỷ-kheo. Ngọn lửa tràn đến, lan rộng, tạo thành một màn khói và một màn lửa. Một số Tỷ-kheo còn là phàm phu, vì sợ chết liền nói:

– Chúng ta hãy tạo nên một đám lửa đối nghịch tại chỗ ngọn lửa đang cháy, ngọn lửa kia sẽ không cháy lan rộng.

Rồi với ý định này, họ lấy que làm lửa và đóm lửa được nhen lên. Một số Tỷ-kheo khác nói:

– Nay Hiền giả, làm gì vậy? Các Hiền giả như những người không thấy mặt trăng đứng giữa hư không hay vòng tròn mặt trời với ngàn tia sáng mọc lên từ thế giới phương Đông, hoặc đại dương mà chúng ta đang đứng trên bờ. Hoặc các Hiền giả không thấy núi Tu-di khi các Hiền giả cùng đi với bậc Thượng Nhân ở đời này và trên thiên giới. Các Hiền giả không nhìn đến bậc Chánh Đẳng Giác mà chỉ la: “Chúng ta hãy tạo nên một ngọn lửa đối nghịch!” Các Hiền giả không biết Phật lực. Chúng ta hãy đi lại gần bậc Đạo sư!

Tất cả Tỷ-kheo từ phía trước, phía sau đều đi đến gần bậc Đạo sư, đứng thành một nhóm. Bậc Đạo sư cùng với chúng Tỷ-kheo đứng trên một khoảng đất. Các ngọn lửa rừng âm âm lan đến như muốn nuốt sống tất cả, nhưng khi lan đến chỗ Như Lai đứng, chúng lan xung quanh, không đến gần hơn mười sáu tầm. Nó không có sức mạnh lan rộng một vùng rộng ba mươi hai tầm.

Các Tỷ-kheo nói lên lời tán thán đức hạnh bậc Đạo sư:

– Ôi, đức hạnh của chư Phật! Ngọn lửa vô tri này không có thể cháy lan đến chỗ chư Phật đứng mà bị dập tắt như bó đuốc cỏ trong nước. Ôi, uy lực của chư Phật thật là kỳ diệu!

Bậc Đạo sư nghe câu chuyện của họ, liền nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Ta có sức mạnh khiến ngọn lửa tắt đi khi cháy đến chỗ đất này. Đây chính là sức mạnh của hạnh chân thật xưa kia Ta đã làm. Chính tại chỗ này, hoàn toàn trong suốt một kiếp, lửa sẽ không đốt cháy. Thần thông này tồn tại suốt một kiếp.

Rồi Tôn giả Ānanda xếp chiếc áo Tăng-già-lê làm bốn, làm thành tám nệm cho bậc Đạo sư ngồi. Bậc Đạo sư ngồi kiết-già. Chúng Tỷ-kheo đánh lễ Như Lai, vây xung quanh Ngài và ngồi xuống. Các Tỷ-kheo thỉnh cầu:

– Bạch Thế Tôn, chúng con chỉ biết hiện tại, còn quá khứ bị che kín. Mong Thế Tôn làm sáng tỏ vấn đề cho chúng con.

Theo lời thỉnh cầu của họ, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, ở nước Ma-kiệt-đà, tại chỗ này, Bồ-tát được tái sanh làm con chim cun cút. Từ cái trứng, con chim con tự mình mổ vỏ và thoát ra, thân hình to bằng trái banh.⁵⁴ Cha mẹ đặt nó nằm trong tổ chim, chim mẹ tha đồ ăn về nuôi nó. Tự nó không có sức mạnh để xòe cánh bay giữa hư không, cũng không có sức mạnh giơ chân lên để đi trên đất liền.

Tại chỗ ấy, năm này qua năm khác, lửa rừng thường phát cháy. Trong thời gian này, lửa rừng đang đốt cháy với tiếng gầm thét to lớn. Các đàn chim từ trong tổ bay ra, sợ chết kêu la và bay trốn. Cha mẹ Bồ-tát sợ chết, bay trốn bỏ lại Bồ-tát. Bồ-tát nằm trong tổ, ngóc cổ vươn ra, thấy lửa đang cháy lan tới, liền suy nghĩ: “Nếu ta có sức mạnh xòe cánh bay lên hư không, ta có thể đi đến một chỗ khác; hay nếu ta có sức mạnh giơ chân lên, ta có thể đi bằng chân đến một chỗ khác. Cha mẹ ta vì sợ chết đã bỏ ta một mình, đã bỏ chạy để cứu mình. Nay ta không có chỗ nương tựa nào khác. Tự mình không nơi nương tựa, ta phải làm gì đây!”

Ngài lại suy nghĩ: “Trong thế giới này có công đức, thật sự có công đức. Có những vị trong quá khứ viên mãn thành tựu các hạnh Ba-la-mật, ngồi dưới gốc Bồ-đề chứng Chánh đẳng giác; đầy đủ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, thành tựu chân lý, lìa hẳn từ bi, nhẫn nhục, tu tập lòng thân ái, bình đẳng đối với tất cả chúng sanh, là những vị Phật Nhất Thiết Trí. Có những công đức pháp mà các vị ấy đã chứng đắc. Và ta có được một sự thật: Một tự tánh pháp hiện hữu. Do vậy, ta cần phải niệm các công đức đã được các đức Phật quá khứ chứng đắc; nắm giữ tự tánh pháp về sự thật hiện có nơi ta; làm một hạnh chân thật đẩy lui ngọn lửa, đem lại an toàn cho ta và cho các con chim còn lại.” Do vậy, bài kệ này được nói lên:

Ở đời có giới đức,	Chân thật, tịnh, từ bi,
Chính với chân thật ấy,	Ta sẽ làm một hạnh,
Hạnh chân thật vô thượng.	Hay hướng niệm Pháp lực,
Niệm chư Phật quá khứ,	Dựa sức mạnh chân thật,
Ta làm hạnh chân thật.	

Rồi Bồ-tát niệm công đức chư Phật đã nhập Niết-bàn trong quá khứ, nhân danh tánh chân thật hiện có trên tự thân, làm một hạnh chân thật và đọc bài kệ:

35. Có cánh không bay được, Có chân không thể đi,
Cha mẹ đã bỏ ta, Hỡi lửa, hãy đi lui!

Khi Bồ-tát nói sự thật ấy, ngọn lửa đi trở lui khoảng mười sáu tầm. Khi trở lui như vậy, lửa không đốt cháy khu rừng nó đi ngang qua và được dập tắt tại chỗ ấy; như bó đuốc nhúng vào nước. Do vậy, bài kệ được nói như sau:

Ta làm hạnh chân thật,	Màn lửa lớn lửa ngọn,
Đi lui mười sáu tầm,	Như ngọn đuốc gặp nước.

Trong suốt kiếp này, chỗ ấy không bị lửa đốt cháy được gọi là thân thông

⁵⁴ Xem Morris, *JPTS*. 1984, p. 90.

tồn tại trong một kiếp. Như vậy, Bồ-tát đã làm hạnh chân thật, và khi mạng chung ngài đi theo nghiệp của mình.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Ta có sức mạnh không cho ngọn lửa cháy đến khu rừng này, mà thời xưa, khi làm chim cun cút con, Ta đã có sức mạnh của một hạnh chân thật.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, một số người chứng quả Dự lưu, một số người chứng quả Nhất lai, một số người chứng quả Bất lai, một số người chứng quả A-la-hán. Bậc Đạo sư kết hợp hai mẫu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Cha mẹ của Ta trong hiện tại chính là cha mẹ của Ta trong quá khứ, còn vua loài cun cút là Ta vậy.

§36. CHUYỆN CON CHIM (*Sakuṇajātaka*) (J. I. 215)

Các chim sống trên đời...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về cái chồi lá bị cháy. Truyền thuyết nói, một Tỷ-kheo lấy đề tài thiền quán từ bậc Đạo sư. Từ Kỳ Viên đi đến Kosala, vị ấy sống tại một trú xứ trong khu rừng, gần một làng ở biên địa. Trong tháng đầu, chồi lá vị ấy bị cháy. Vị ấy báo cho mọi người biết:

– Chồi lá tôi bị cháy. Tôi sống khó khăn.

Và các người được báo nói:

– Nay ruộng chúng tôi bị hạn, tát nước cho ruộng xong, chúng tôi sẽ làm.

Khi tát nước xong, họ gieo giống; gieo giống xong, họ làm hàng rào; làm hàng rào xong, họ nhổ cỏ, họ gặt, họ đập lúa. Như vậy, họ đề cập việc này sang việc khác, cho đến lúc ba tháng đã trôi qua. Tỷ-kheo ấy trong ba tháng phải sống khổ sở ngoài trời, đã tăng trưởng đề tài thiền quán nhưng không đạt được như ý. Vì thế, lễ Tự tứ xong, Tỷ-kheo ấy đi đến bậc Đạo sư, đánh lễ và ngồi xuống một bên. Sau khi chào đón thân tình, bậc Đạo sư hỏi:

– Nay Tỷ-kheo, ông an cư mùa mưa có thoải mái không, đề tài thiền quán của ông có đạt kết quả không?

Tỷ-kheo ấy báo sự việc lên và nói:

– Vì con không được một trú xứ thích hợp nên đề tài thiền quán không có kết quả.

Bậc Đạo sư nói:

– Trong thời trước, nay Tỷ-kheo, ngay các loài thú cũng biết trú xứ thích hợp và không thích hợp với mình, làm sao ông lại không biết?

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bò-tát sanh làm con chim, với đàn chim vây quanh sống dựa trên một cây lớn đầy đủ cành cây trong một khu rừng. Một ngày kia, khi các cành cây cọ xát nhau, bụi cây rơi xuống, khói khởi lên. Thấy vậy, Bò-tát suy nghĩ: “Hai nhánh cây này cọ xát như vậy sẽ sanh lửa. Lửa rơi xuống sẽ đốt các lá cũ. Từ đây, cây này sẽ bị cháy. Chúng ta không thể ở đây được. Ta phải bỏ đi đến một chỗ khác.”

Rồi Bò-tát nói bài kệ này với đàn chim:

36.	Các chim sống trên đời, Chỗ ấy sanh ra lửa, Hãy đi các phương khác. Sợ hãi sẽ sanh ra.	Dựa vào trú xứ nào, Hỡi loài chim tránh xa, Nếu y tựa chỗ ấy,
-----	---	---

Các con chim có trí nghe theo lời Bò-tát, lập tức cùng với Bò-tát bay lên hư không đi tới chỗ khác. Các chim không có trí nói:

– Vị ấy như ếch ngồi đáy giếng.

Nên chúng không nghe theo lời Bò-tát, vẫn sống ngay tại chỗ ấy.

Từ đây không bao lâu, như Bò-tát đã nghĩ trước, lửa sanh ra và đốt cháy cây ấy. Trong khi khói và lửa bốc lên, các con chim bị khói làm mù mắt không thể đi chỗ khác, đã rơi vào biển lửa, hết con này đến con khác và bị tiêu diệt.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay Tỷ-kheo, trong thời trước, các con vật sống trên cây cao cũng biết được chỗ thích hợp hay không thích hợp cho mình, sao ông lại không biết?

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo ấy chứng quả Dự lưu. Bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, các con chim làm theo lời Bò-tát là hội chúng của Như Lai, và con chim có trí là Ta vậy.

§37. CHUYỆN CON CHIM TRĨ (*Tittirajātaka*)⁵⁵ (J. I. 216)

Ai kính bậc lớn tuổi...

Câu chuyện này, khi đi đến Xá-vệ, bậc Đạo sư kể về Trưởng lão Sāriputta

⁵⁵ Tham chiếu: J. III. 310, *Vighāsajātaka* (Chuyện vật thực còn thừa), số §393.; *Xuất diệu kinh* “Niệm phẩm” 出曜經念品 (T.04. 0212.6. 0649a06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Ái lạc phẩm” 法集要頌經愛樂品 (T.04. 0213.5. 0779c23); Vin. II. 146.

(Xá-lợi-phát) đã bị tước đoạt trú xứ như thế nào. Khi ông Cấp Cô Độc đã làm xong ngôi tinh xá và gửi sứ giả báo tin, bậc Đạo sư từ Vương Xá ra đi, đến Tỳ-xá-ly sông tại đây cho thỏa thích rồi lên đường đi Xá-vệ. Lúc bấy giờ, các đệ tử của nhóm sáu Tỷ-kheo đi phía trước; khi các trú xứ chưa được các Trưởng lão ở, họ giành lấy:

– Trú xứ này dành cho Giáo thọ sư chúng tôi, trú xứ này dành cho Sư trưởng chúng tôi, trú xứ này dành cho chúng tôi.

Các Trưởng lão đến sau không được các trú xứ. Các đệ tử của Trưởng lão Sāriputta tìm trú xứ cho Trưởng lão nhưng không được. Trưởng lão không được trú xứ, ngồi hay đi kinh hành dưới một gốc cây không xa trú xứ bậc Đạo sư bao nhiêu.

Sáng sớm, bậc Đạo sư đi ra, đăng hăng thành tiếng. Trưởng lão đăng hăng lại. Thế Tôn hỏi:

– Ai đó?

– Bạch Thế Tôn, con là Sāriputta.

– Nay Sāriputta, vào giờ này, ông làm gì ở đây?

Trưởng lão kể lại sự việc ấy. Bậc Đạo sư nghe câu chuyện, suy nghĩ: “Nay Ta còn sống, các Tỷ-kheo còn thiếu tôn trọng, không kính nể lẫn nhau. Khi Ta diệt độ rồi, họ sẽ làm như thế nào nữa!” Nghĩ vậy, bậc Đạo sư khởi lên sự lo âu vì Chánh pháp.

Khi trời vừa sáng, Ngài bảo tập hợp đại chúng và hỏi các Tỷ-kheo:

– Có thật chẳng, này các Tỷ-kheo, các đệ tử nhóm sáu Tỷ-kheo đi trước giành hết trú xứ của các Tỷ-kheo Trưởng lão?

– Thưa thật vậy, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn liền chỉ trích nhóm sáu Tỷ-kheo. Ngài thuyết pháp, bảo các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, ai xứng đáng được chỗ ngồi tốt nhất, được nước uống tốt nhất, được đồ ăn khát thực tốt nhất?

Có người nói:

– Vị xuất gia từ gia đình Sát-đế-ly.

Có người nói:

– Vị xuất gia từ gia đình Bà-la-môn, từ gia đình gia chủ.

Những người khác nói:

– Những vị trì luật, những vị thuyết pháp, những vị đã chứng thiên thứ nhất, thiên thứ hai, thiên thứ ba, thiên thứ tư.

Những người khác nữa nói:

– Những vị Dự lưu, Nhất lai, Bất lai, A-la-hán, những vị chứng Ba minh, Sáu thắng trí.

Khi các Tỷ-kheo đã nói ý nghĩ của mình, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, trong giáo pháp của Ta, xứng đáng được chỗ ngồi tốt nhất, không phải vị xuất gia từ gia đình Sát-đế-ly, không phải vị xuất gia từ gia đình Bà-la-môn, từ gia đình gia chủ, không phải vị trì luật, không phải vị trì kinh, không phải vị trì luận, không phải những vị đã chứng sơ thiền, v.v... không phải những vị Dự lưu, v.v... Nhưng nay các Tỷ-kheo, trong giáo pháp này, tùy theo tuổi lớn mà quyết định về sự đánh lễ, nghênh tiếp, chấp tay, phục vụ, mà nhận được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất. Chính ở đây, tuổi lớn là mức đo lường. Do vậy, Tỷ-kheo tuổi lớn xứng đáng được những sự ấy. Nhưng nay, nay các Tỷ-kheo, Sāriputta đệ tử cao nhất của Ta, vị chuyển bánh xe tùy pháp, xứng đáng được trú xứ tiếp theo trú xứ của Ta; vị ấy lại không được trú xứ, đã trải qua đêm nay sống dưới gốc cây. Nếu nay các ông không tôn trọng, không kính nể lẫn nhau thì với thời gian trôi qua, các ông sẽ xử sự như thế nào?

Với mục đích khuyến giáo các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, trong thời quá khứ, các loài thú cũng nghĩ: “Thật không thích đáng cho chúng tôi nếu chúng tôi sống không tôn trọng, không kính nể lẫn nhau, sống không tùy thuận nhau. Sau khi biết ai lớn tuổi nhất trong chúng tôi, chúng tôi sẽ đánh lễ vị ấy.”

Sau khi khéo tìm hiểu, biết được vị cao niên nhất, chúng đánh lễ vị ấy, vì vậy khi mạng chung, chúng được sanh tràn đầy thiên giới.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, trên sườn Tuyết sơn có ba con vật sống gần một cây bàng lớn: Con chim trĩ, con khỉ và con voi. Chúng sống không tôn trọng, không kính nể, không tùy thuận lẫn nhau. Rồi chúng suy nghĩ: “Thật không xứng đáng cho chúng ta sống như thế này. Ai cao niên nhất giữa chúng ta, chúng ta sẽ đánh lễ vị ấy!” Trong khi chúng tìm hiểu vị cao niên nhất giữa chúng thì một hôm, giữa chúng khởi lên phương tiện này khi cả ba con ngồi dưới gốc cây bàng; chim trĩ và khỉ hỏi con voi:

– Nay bạn voi, bạn có biết, khi bạn thấy cây bàng này lần đầu tiên, cây ấy to lớn như thế nào?

Con voi nói:

– Nay các bạn, khi tôi còn bé nhỏ, cây bàng chỉ là một bụi cây, tôi đi ngang qua nó đụng bắp vế tôi. Khi tôi đứng ngang cây ấy, cành cây cao nhất chỉ chạm đến lỗ rốn. Như vậy tôi biết cây này từ khi còn là một bụi cây.

Rồi hai con vật ấy lại hỏi con khỉ như trên, con khỉ nói:

– Nay các bạn, khi tôi còn là khỉ con, tôi ngồi trên đất, chỉ vươn cổ ra có thể ăn được chồi cao nhất của cây bàng non này. Như vậy tôi biết cây này từ khi còn nhỏ.

Hai con vật kia lại hỏi con chim trĩ như trên, con chim trĩ nói:

– Này các bạn, thuở trước, tại một chỗ nọ, có một cây bàng lớn, tôi ăn trái cây ấy, đi đại tiện ở chỗ này, từ đấy cây này mọc lên. Như vậy, tôi biết cây này từ khi cây ấy chưa mọc. Do vậy, tôi cao niên hơn các bạn.

Được nghe nói như vậy, con khỉ và con voi nói với chim trĩ có trí:

– Này bạn, bạn cao niên hơn chúng tôi. Từ nay trở đi, chúng tôi sẽ cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường bạn. Chúng tôi sẽ đánh lễ, nghênh tiếp, chấp tay, phục vụ bạn. Chúng tôi sẽ vâng theo lời khuyến giáo của bạn. Bắt đầu từ nay, bạn sẽ chỉ dạy khuyên bảo chúng tôi.

Từ hôm ấy trở đi, con chim trĩ khuyên bảo chúng, an trú chúng trong giới luật, và tự mình thọ trì giới luật. Cả ba con vật kính trọng, kính nể lẫn nhau, tùy thuận nhau, sống như vậy cho đến mạng chung, rồi đi lên thiên giới.

Bậc Đạo sư nói:

– Ba con vật này có được Phạm hạnh là nhờ nơi chim trĩ. Này các Tỷ-kheo, nếu những thú vật ấy sống tôn trọng, kính nể lẫn nhau thì vì sao các ông đã xuất gia trong Pháp, Luật khéo giảng này lại không thể sống tôn trọng, kính nể lẫn nhau? Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các ông, bắt đầu từ nay trở đi, tùy theo tuổi lớn, các ông hãy đánh lễ, nghênh tiếp, chấp tay, phục vụ; tùy theo tuổi lớn, hãy dành chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất; bắt đầu từ nay trở đi, không bao giờ một vị lớn tuổi lại bị một vị trẻ tuổi tranh giành trú xứ. Ai tranh giành sẽ phạm tội.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Chánh Đẳng Giác đọc bài kệ:

37.	Ai kính bậc lớn tuổi,	Là thiện xảo trong pháp,
	Đời này được tán thán,	Đời sau sanh cõi lành.

Như vậy, bậc Đạo sư nói lên lời tán thán hạnh kính lễ bậc lớn tuổi và kết hợp hai câu chuyện với nhau, rồi nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con voi là Moggallāna (Mục-kiền-liên), con khỉ là Sāriputta và con chim trĩ là Ta vậy.

§38. CHUYỆN CON CỎ (*Bakajātaka*) (J. I. 220)

Kẻ có trí lường gạt...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo làm thợ may y. Theo truyền thuyết, có một Tỷ-kheo trú ở Kỳ Viên, rất thiện xảo về công việc may y như cắt, ráp, sắp xếp và may lại, v.v... Do thiện xảo này, vị ấy thường làm y và có tên là “Thợ May Y.” Vị ấy làm gì? Từ những mảnh vải cũ mòn, với bàn tay khéo léo, vị ấy làm thành y mềm dịu vừa ý. Sau khi may xong, vị ấy nhuộm với nước bột, ủ bằng vỏ ốc, làm cho y trơn láng đẹp đẽ. Những Tỷ-kheo không biết làm y, đem vải mới đến Tỷ-kheo ấy và nói:

– Này Hiền giả, chúng tôi không biết làm y, hãy may giúp cho chúng tôi!

Tỷ-kheo ấy nói:

– Nay Hiền giả, làm xong một y cần nhiều thời gian, nhưng nay có một y tôi mới làm xong. Hãy để vải này lại, lấy y ấy mà dùng!

Vị ấy đem y ra cho họ xem. Những Tỷ-kheo ấy chỉ thấy màu sắc y tươi đẹp mà không biết bề trong của y, tưởng rằng y ấy chắc chắn nên đưa cho Tỷ-kheo thợ may xấp vải mới, đổi lấy y và ra đi. Khi y ấy hơi bị nhóp và được giặt trong nước nóng, thực chất của y hiện rõ. Đây đó, những chỗ cũ mòn được phơi bày. Họ hối tiếc việc trao đổi trước. Như vậy, vị ấy lường gạt những ai đem vải đến may và khắp mọi nơi đều biết chuyện ấy.

Giống như vị Tỷ-kheo lừa gạt ở Kỳ Viên, tại một làng nhỏ nọ, có một Tỷ-kheo khác may y cũng lừa dối thiên hạ. Những Tỷ-kheo bạn của vị ấy báo cho biết:

– Nay Tôn giả, ở Kỳ Viên có một thợ may y lừa dối thiên hạ như Tôn giả vậy.

Vị ấy tự bảo: “Ta sẽ lường gạt thợ may ở thành thị này.” Vị ấy làm một cái y với nhiều tấm vải cũ rất đẹp, nhuộm với màu vàng đậm và đắp y ấy đi đến Kỳ Viên. Thợ may kia thấy y ấy, khởi lòng tham và hỏi:

– Thưa Tôn giả, y này có phải Tôn giả đã may không?

– Nay Hiền giả, phải, tôi đã làm.

– Nay Tôn giả, hãy nhường cho tôi y này, Tôn giả sẽ lấy y khác.

– Nay Hiền giả, chúng tôi là người ở làng, rất khó được các vật dụng. Nếu tôi cho Hiền giả y này, tôi sẽ đắp cái gì?

– Thưa Tôn giả, tôi có vải mới chưa may. Tôn giả hãy lấy vải ấy và làm y cho Tôn giả.

– Thưa Hiền giả, y này là do tay tôi làm. Hiền giả đã nói như vậy thì tôi từ chối gì được? Thôi, Hiền giả hãy lấy đi.

Sau khi đưa cái y gồm nhiều tấm vải cũ, vị ấy lấy vải mới, lừa dối Tỷ-kheo ấy rồi ra đi. Vị Tỷ-kheo ở Kỳ Viên, sau vài ngày đắp y ấy, giặt y ấy với nước nóng, thấy những miếng vải cũ mòn và bị chê cười xấu hổ. Toàn thể chúng Tăng được biết rõ là người thợ may ở Kỳ Viên đã bị người thợ may ở làng nhỏ lường gạt.

Một hôm, tại pháp đường, các Tỷ-kheo đang ngồi nói về câu chuyện ấy. Bậc Đạo sư đến và hỏi các Tỷ-kheo đang ngồi bàn chuyện gì. Các Tỷ-kheo trình bày câu chuyện, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay người thợ may ở Kỳ Viên mới lường gạt những người khác; trong thời quá khứ, vị ấy cũng đã lường gạt rồi. Và người thợ may ở ngôi làng nhỏ, không phải chỉ nay mới lường gạt người thợ may ở Kỳ Viên; trong thời quá khứ, vị ấy cũng đã lường gạt rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, tại một khu rừng, Bồ-tát sanh làm thần cây. Cây ấy mọc gần một hồ sen. Lúc bấy giờ, trong một hồ khác không lớn lắm, vào mùa hạn hán, nước thấp, nhưng tại đây có cá rất nhiều. Một con cò thấy đàn cá, suy nghĩ cách lường gạt và ăn chúng. Cò đi đến hồ, ngồi bên bờ nước suy tư. Đàn cá thấy vậy liền hỏi cò:

– Ngài ngồi suy nghĩ gì vậy?

– Tôi ngồi suy nghĩ đến các bạn!

– Ngài suy nghĩ gì đến chúng tôi?

– Trong hồ này nước cạn, đồ ăn ít, hạn hán lại lớn. Nay các bạn sẽ làm gì? Chính ta ngồi đây suy nghĩ như vậy.

– Vậy thưa ngài, chúng tôi sẽ phải làm gì?

– Nay, nếu các bạn làm theo lời ta, ta sẽ ngâm từng bạn trong mỏ ta, đưa các bạn đến một hồ lớn tràn đầy hoa sen năm sắc và thả các bạn ở đấy.

– Thưa ngài, từ thuở khai thiên lập địa đến nay, không bao giờ loài cò lại nghĩ đến loài cá. Ngài chỉ muốn ăn chúng tôi từng con một thôi.

– Ta sẽ không ăn các bạn khi các bạn có lòng tin ở ta. Nếu các bạn không tin lời ta là đằng kia có một cái hồ, hãy cử một con cá đi với ta để chính nó thấy cái hồ ấy.

Đàn cá tin con cò ấy, liền cử một con cá lớn mù một mắt, nghĩ rằng nó có khả năng đổi nghịch với cò dưới nước và trên cạn, bảo con cò mang đi. Cò ngâm lấy cá ấy mang đi, thả trong hồ, chỉ cho thấy toàn bộ cái hồ, rồi đưa nó về, thả nó lại với đàn cá trong hồ cũ. Cá này về tán thán sự quyền rũ của hồ mới cho chúng bạn nghe. Nghe nó tán thán, đàn cá đều muốn đi và nói với cò:

– Lành thay, ngài hãy mang chúng tôi đi!

Con cò trước hết mang con cá lớn một mắt ấy, đưa nó đến bờ hồ, chỉ cho nó thấy cái hồ, rồi đậu xuống cây varāṇa mọc bên bờ hồ. Cò ném con cá vào giữa hai cành cây, lấy mỏ mổ mổ con cá, giết chết nó và ăn thịt, thả xương xuống gốc cây rồi trở về nói:

– Con cá ấy đã được ta thả rồi. Con khác hãy đi.

Với phương cách ấy, cò mang đi từng con cá một, ăn hết cả đàn cá và cuối cùng không tìm thấy con cá nào nữa. Tại đây chỉ có con cua còn ở lại. Con cò muốn ăn nó nên nói:

– Nay bạn cua, tất cả đàn cá ấy đã được ta mang đi, thả xuống hồ lớn đầy những bông sen; hãy đến đấy, ta sẽ mang bạn đi!

– Làm thế nào ngài mang tôi đi?

– Ngâm lấy bạn, ta sẽ mang đi.

– Ngâm tôi mang đi như vậy, ngài sẽ làm rơi tôi xuống. Tôi sẽ không đi với ngài đâu.

– Chớ sợ, ta sẽ ngậm bạn thật chặt và mang đi.

Con của suy nghĩ: “Nó mang những con cá mà không thả cá vào trong hồ. Nếu nó thả ta vào trong hồ thì tốt. Nếu nó không thả, ta sẽ cắt đứt cổ của nó và giết nó.”

Rồi của nói với cò:

– Nay bạn cò, bạn không thể ngậm tôi chắc chắn được. Chúng tôi loài của đã kẹp thì kẹp chặt. Nếu tôi lấy cái càng kẹp cổ bạn, tôi sẽ kẹp chặt cổ bạn và sẽ đi với bạn.

Con cò không biết con của muốn lường gạt mình bèn bằng lòng. Như với cái kềm của người thợ rèn, con của với những cái càng của mình, kẹp rất chặt cổ cò và nói:

– Nào, chúng ta hãy đi!

Cò đưa của đi, trước hết chỉ cho nó thấy cái hồ, rồi đi về phía cây varāṇa. Của nói:

– Cậu à, cái hồ ở phía này, sao cậu lại đưa tôi đi phía khác?

– Ta không phải là cậu của người và người cũng không phải là con của chị ta. Người tưởng ta là nô lệ của người, nhắc bổng và đưa người đi không sao? Hãy nhìn đồng xương này dưới gốc cây varāṇa! Ta đã ăn tất cả con cá ấy. Cũng vậy, nay ta sẽ ăn người.

Của nói:

– Những con cá ấy vì ngu si nên bị người ăn. Nhưng ta sẽ không để người ăn ta đâu. Ta sẽ giết người! Người thật là ngu ngốc! Người bị ta lừa mà không biết. Nếu chết, cả hai cùng chết. Ta sẽ cắt đứt đầu người trước khi ta rơi xuống đất.

Nói xong, của kẹp chặt cổ cò lại như gọng kềm. Với miệng há to, nước mắt từ từ chảy, quá kinh hãi vì sợ chết, cò nói:

– Thừa ngài, tôi sẽ không ăn ngài. Hãy cho tôi sống!

– Nếu người hạ xuống và thả ta trong hồ.

Cò bay trở lui, hạ xuống hồ, thả của trên mặt bùn bên bờ hồ. Nhưng con của, trước khi đi xuống nước, cắt đứt cổ cò như con dao cắt một cọng sen.

Vị thần sống ở trên cây thấy sự lạ lùng này, đã làm cho toàn khu rừng vang dậy lời tán thán khi nói lên bài kệ này với âm thanh dịu ngọt:

38. Kẻ có trí lường gạt, Không may bị kẻ gạt,
 Con cò có trí gạt, Đã bị của gạt lại.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay người thợ may ở Kỳ Viên mới bị người thợ may ở làng lường gạt. Trong thời quá khứ, vị ấy cũng bị lường gạt rồi.

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp hai mẫu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc ấy, người thợ may ở Kỳ Viên là con cò, người thợ may ở làng là con cua, còn Ta là thần cây.

§39. CHUYỆN NGƯỜI NÔ LỆ NANDA (*Nandajātaka*) (J. I. 224)

Nghĩ rằng là chỗ chôn...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một đệ tử của Trưởng lão Sāriputta (Xá-lợi-phất). Tương truyền, Tỷ-kheo ấy là người dễ bảo, kham nhẫn, thường nỗ lực hầu hạ Trưởng lão. Một thời, sau khi xin phép bậc Đạo sư, Trưởng lão đã ra đi bộ hành đến xứ Dakkhināgiri, ở miền Nam Magadha (Mà-kiệt-đà); Tỷ-kheo ấy đến xứ này trở thành kiêu ngạo, cứng đầu, không vâng lời Trưởng lão. Khi Trưởng lão bảo:

– Này Hiền giả, hãy làm điều này.

Vị ấy liền gây sự chống lại Trưởng lão. Trưởng lão không biết tâm tánh vị ấy vì sao thay đổi như vậy. Sau khi bộ hành tại đây, Trưởng lão lại đi về Kỳ Viên. Từ khi theo Trưởng lão về đến Kỳ Viên, tánh tình Tỷ-kheo ấy trở lại như cũ. Trưởng lão thưa với đức Như Lai:

– Bạch Thế Tôn, con có một đệ tử, tại một chỗ, xử sự như một nô lệ được mua với giá một trăm đồng tiền; nhưng tại một chỗ khác lại trở thành kiêu mạn, cứng đầu, bảo làm gì cũng gây sự chống đối.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Sāriputta, Tỷ-kheo này không phải nay mới có tánh tình như vậy. Trước kia, khi đến chỗ này, kẻ ấy xử sự như một nô lệ được mua với giá một trăm đồng tiền; nhưng khi đi chỗ khác thì gây sự, đối nghịch.

Nói vậy xong, theo lời Trưởng lão thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một địa chủ. Bạn của Bồ-tát cũng là một địa chủ lớn tuổi hơn Bồ-tát, nhưng có một người vợ trẻ, sanh được một con trai. Người địa chủ lớn tuổi suy nghĩ: “Vợ ta còn trẻ, khi ta chết đi, không biết sẽ lấy ai và tiêu phí tài sản này, thay vì giao cho con trai của ta? Vậy tốt hơn ta hãy chôn tài sản dưới đất.”

Nghĩ vậy, người địa chủ đem theo một người nô lệ trong nhà tên là Nanda đi vào rừng, chôn tài sản ấy vào một chỗ và bảo:

– Này Nanda thân, sau khi ta chết, hãy báo cho con ta biết tài sản này. Chớ quên khu rừng.

Sau khi khuyên như vậy, người địa chủ già ấy mạng chung. Đứa con trai dần dần lớn lên; đến tuổi thành niên, mẹ nó nói:

– Này con thân, cha con đem theo nô lệ Nanda, đã chôn giấu tài sản. Hãy bảo nó mang về mà cai quản gia sản thừa tự.

Một hôm, người thanh niên nói với Nanda:

– Này cậu, có phải cha ta đã chôn giấu tài sản?

– Thưa ông chủ, có.

– Chôn giấu tài sản tại đâu?

– Thưa ông chủ, trong rừng.

– Vậy chúng ta hãy đi lấy.

Sau khi đem cuốc và thúng đi đến chỗ chôn giấu, người thanh niên hỏi:

– Này cậu, tài sản ở đâu?

Nanda leo lên, đứng trên chỗ đã chôn giấu tài sản; do vì tài sản ấy, nó khởi lòng kiêu mạn và mắng nhiếc chàng thanh niên chủ nó:

– Đi đi! Đứa con hư, đứa con nô lệ. Từ đâu ngươi có được tài sản này?

Nghe ác ngữ của nó, chàng thanh niên làm như không nghe gì, chỉ nói:

– Thôi, chúng ta đi về.

Rồi hai người cùng về. Sau hai ba ngày, cả hai lại đi, nhưng Nanda lại mắng chửi như cũ. Chàng thanh niên không nói ác ngữ với nó, và suy đi nghĩ lại như sau: “Người nô lệ này, khi đi có ý định báo cho ta biết tài sản. Nhưng đến đó, lại mắng nhiếc ta, chẳng biết vì lý do gì? À, cha ta có người bạn địa chủ, hãy đến hỏi vị ấy!”

Thanh niên ấy đi đến gặp Bô-tát trình bày tất cả sự việc và hỏi:

– Thưa ngài, vì lý do gì mà tại chỗ Nanda đứng mắng nhiếc con là chỗ cha con chôn giấu tài sản thừa tự?

– Này con, khi Nanda mắng chửi con, con chỉ nên nói: “Này người nô lệ, người mắng chửi ai vậy?”; rồi kéo nó ra, lấy cuốc đào chỗ ấy, lấy tài sản thừa tự của gia đình, bảo người nô lệ nhắc lên và mang về nhà.

Nói vậy xong, Bô-tát đọc bài kệ này:

39.	Nghĩ rằng là chỗ chôn,	Đồng vàng và nữ trang,
	Chỗ nô tỳ hạ sanh,	Tên là Nandaka,
	Đang đứng và la to,	Những lời lẽ thô bạo.

Chàng thanh niên liền đánh lễ Bô-tát, về nhà và đưa Nanda đi đến chỗ chôn giấu tài sản. Làm đúng theo lời khuyên bảo, chàng đem về tài sản ấy và cai quản gia đình; chàng thanh niên cũng vâng theo lời Bô-tát khuyên, làm các công đức như bố thí... đến khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Bậc Đạo sư nói:

– Trong thời quá khứ, tánh tình của kẻ ấy cũng như vậy.

Sau khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này, Ngài kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, Nanda là đệ tử của Sāriputta và người địa chủ có trí là Ta vậy.

§40. CHUYỆN HỎ THAN LỬA CÂY KEO (*Khadiraṅgārajātaka*) (J. I. 226)

Ta thà rơi địa ngục...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về ông Cấp Cô Độc. Ông Cấp Cô Độc đã tiêu hết cho giáo pháp đức Phật một số tiền là năm trăm bốn mươi triệu đồng để xây dựng tinh xá; và ông không nghĩ đến châu báu nào khác ngoài ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng. Trong khi bậc Đạo sư còn ở Kỳ Viên, mỗi ngày vị triệu phú đi đến tinh xá ba lần để cúng dường: Một vào buổi sáng, một vào buổi trưa, một vào buổi chiều. Ngoài ra, còn nhiều sự giúp đỡ khác.

Ông Cấp Cô Độc không bao giờ đi tay không, ngại các Sa-di hay Tỷ-kheo trẻ xem mình có đem gì trong tay không. Buổi sáng ông đem theo cháo; sau buổi ăn sáng, đem theo bơ chín, bơ tươi, mật ong, đường mật. Buổi chiều ông đem theo hương liệu, vòng hoa, vải may y. Ngày này qua ngày khác, vị ấy tiêu dùng như vậy không hạn chế.

Ngoài ra, nhiều người sống bằng nghề buôn bán tự tay trao phiếu nợ, mượn ông tài sản ước lượng một trăm triệu đồng và vị đại triệu phú không đòi họ trả. Còn những gia sản khác trị giá một trăm tám mươi triệu đồng được chôn cất trên bờ sông. Khi bị gió bão, nước phá vỡ bờ sông, gia sản ấy đã trôi ra biển lớn. Các ghè chậu bằng đồng chìm xuống lòng biển còn khóa chặt và đóng dấu nguyên xi.

Trong nhà vị triệu phú luôn luôn có phần cơm cho năm trăm Tỷ-kheo, nhà vị đại triệu phú giống như cái giếng trong xanh ở ngã tư đường cho chúng Tỷ-kheo; như ngôi nhà cha mẹ đối với tất cả đại chúng. Vì vậy, bậc Chánh Đẳng Giác thường đi đến nhà vị đại triệu phú. Tám mươi vị đại Trưởng lão cũng đi đến. Các Tỷ-kheo khác cũng đến và đi không thể kể xiết. Nhà vị đại triệu phú có đến bảy tầng lầu được trang hoàng với bảy cửa gác. Tại cửa gác thứ tư của ngôi nhà ấy, một thần nữ có tà kiến thường trú. Khi bậc Chánh Đẳng Giác vào nhà, thần nữ ấy không ở được trong lầu của mình, đã đem theo mây đưa con nhỏ xuống ở tại tầng cuối cùng. Khi tám mươi vị đại Trưởng lão và các Trưởng lão khác đến và đi, thần nữ ấy cũng phải làm như vậy. Nàng suy nghĩ: “Khi Samôn Gotama và các đệ tử vào nhà này, ta không được an lạc; ta cũng không thể luôn luôn xuống tầng trệt được. Ta phải làm thế nào để những người ấy không đến nhà này nữa.”

Một hôm, khi người tổng quản đã về phòng an nghỉ, thần nữ ấy đi đến, chói sáng hào quang và đứng lại. Được hỏi:

– Ai đó?

Nàng trả lời:

– Ta là thần nữ thường trú ở cửa gác thứ tư.

– Vì sao nàng đến đây?

– Ông không thấy việc phải làm của vị đại triệu phú, không nghĩ đến đời sau cho mình, tiêu phí tài sản, làm giàu cho Sa-môn Gotama, không lo buôn bán, không lo làm việc. Ông hãy khuyên vị triệu phú làm việc của mình, đừng để Sa-môn Gotama và các đệ tử vào nhà này nữa.

Người tổng quản ấy nói với thần nữ:

– Nay thần nữ ngu si, nếu vị đại triệu phú dùng tài sản, vị ấy chỉ dùng cho giáo pháp chư Phật đưa đến giải thoát. Dù vị đại triệu phú nắm búi tóc ta và bán ta làm nô lệ, ta vẫn sẽ không nói gì. Nàng hãy đi đi!

Hôm khác, thần nữ ấy đi đến người con trai cả của vị đại triệu phú và khuyên giáo tương tự. Người con trai cả cũng mắng nàng như trước. Nhưng nàng không dám nói việc này với vị đại triệu phú.

Do bố thí không ngừng nghỉ, do không kinh doanh, tiền tiêu vào ít dần, tài sản vị ấy đi đến khánh tận. Dần dần vị đại triệu phú rơi vào cảnh nghèo thiếu, gia sản, áo quần, sàng tọa, thực phẩm không còn được như xưa. Dầu ở trong tình trạng như vậy, ông Cấp Cô Độc vẫn cúng dường chúng Tăng, tuy rằng không thể cúng dường các món tốt đẹp.

Một hôm, sau khi ông Cấp Cô Độc đánh lễ và ngồi xuống, Thế Tôn hỏi:

– Nay gia chủ, tại nhà ông còn có vật bố thí không?

– Bạch Thế Tôn, thưa có vật bố thí. Đó là cháo tằm với bột chua để lại từ hôm qua.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay gia chủ, tâm đừng buồn phiền khi bố thí đồ vật thô xấu; khi tâm tốt đẹp thì đồ vật cúng dường chư Phật, Độc Giác Phật, đệ tử chư Phật cũng không trở thành thô xấu. Vì sao? Vì quả dị thực to lớn. Ai có thể làm tâm tốt đẹp thì vật bố thí không thể thô xấu được. Như vậy ông cần phải hiểu biết.

Và đức Thế Tôn đọc bài kệ:

Khi tâm được tịnh tín,	Bố thí không gọi nhỏ,
Cho Như Lai, chư Phật,	Hay cho đệ tử Ngài,
Không có cúng dường nào,	Được xem là bé nhỏ. ⁵⁶

Thế Tôn lại nói thêm:

– Nay gia chủ, ông cúng dường món ăn thô xấu nhưng cúng dường tám bậc Thánh nhân. Trong thời Velāma, Ta làm náo động cả Diêm-phù-đề với việc bố thí bảy thứ báu; trong khi đại bố thí, Ta làm chúng tuôn chảy như làm năm con sông trở thành một dòng thác. Nhưng Ta không tìm được ai thọ ba quy y hay

⁵⁶ Xem Vv. 44.

giữ năm giới. Những người xứng đáng được cúng dường như vậy thật khó kiếm được. Do vậy, khi bô thí cho Ta đồ ăn thô xấu, tâm ông chớ buồn phiền.

Sau đó, bậc Đạo sư nói *Kinh Velāma*.⁵⁷

Bấy giờ, thần nữ ấy không dám nói với người triệu phú khi vị ấy đang có uy quyền, lại suy nghĩ: “Nay vị triệu phú này gặp tình cảnh khó khăn, có thể nghe theo lời ta.” Nghĩ vậy, nửa đêm, thần nữ vào phòng vị ấy chiếu sáng hào quang, đứng giữa hư không. Vị triệu phú thấy nàng liền hỏi:

- Ngươi là ai?
- Nay đại triệu phú, ta là thần nữ ở cửa gác thứ tư.
- Ngươi đến có việc gì?
- Ta muốn nói lời khuyên ông.
- Vậy hãy nói đi!

– Nay đại triệu phú, ông không nghĩ đến thời sau; không nhìn đến con trai, con gái. Ông đã tiêu phí tài sản cho giáo pháp của Sa-môn Gotama. Do ông đã phung phí tài sản lâu ngày, do không làm công việc mới, vì Sa-môn Gotama, ông trở thành nghèo thiếu. Sự việc đã như vậy, ông vẫn không từ bỏ Sa-môn Gotama. Hôm nay, các Sa-môn ấy vẫn đi vào nhà ông như trước. Những gì họ đã lấy đi từ ông, không thể đem về nhà được. Hãy tin chắc là như vậy. Nhưng bắt đầu từ nay trở đi, ông chớ tự mình đi đến Sa-môn Gotama; chớ cho phép những đệ tử của Sa-môn vào nhà này nữa. Hãy xoay lưng không nhìn Sa-môn Gotama nữa; hãy tự mình kinh doanh buôn bán và xây dựng lại sản nghiệp.

Vị triệu phú nói với thần nữ:

- Có phải đây là lời khuyên giáo người cần nói với ta?
- Đúng như vậy.

Vị đại triệu phú nói:

– Bậc Đạo sư đã làm cho ta không bị dao động bởi trăm, bởi ngàn, bởi trăm ngàn thần nữ như ngươi. Lòng tin của ta như núi Tu-di không dao động, được khéo an trú. Tài sản được ta tiêu dùng cho Pháp bảo đưa đến giải thoát. Lời ngươi nói không thích đáng, là một đòn do ngươi đánh vào giáo pháp đức Phật. Con quý đen thiếu lễ độ, theo ác giới, không có chuyện ngươi sống chung trong nhà của ta. Hãy ra khỏi nhà ta mau, đi ở chỗ khác!

Thần nữ nghe lời nói của vị Thánh đệ tử đã chứng quả Dự lưu, không thể ở lại được, bèn về chỗ ở của mình, tay bông con ra đi với ý nghĩ: “Nếu ta không tìm được chỗ khác, ta sẽ xin lỗi vị đại triệu phú và sẽ trú tại đây.” Nghĩ vậy, nàng đi đến vị thiên tử hộ trì thành phố, đánh lễ vị ấy rồi đứng dậy. Khi được hỏi:

- Nàng đến có chuyện gì?

Nàng trả lời:

⁵⁷ Xem A. IV. 392, *Velāmasutta* (*Kinh Velāma*); DA. 234.

– Thưa thiên tử, tôi vô ý nói chuyện với ông Cấp Cô Độc nên vị đại triệu phú giận tôi, đuổi tôi ra khỏi nhà ở. Hãy đưa tôi đến vị đại triệu phú xin lỗi và xin cho tôi được trú tại nhà như cũ.

– Nhưng nàng đã nói với vị triệu phú những gì?

– Bắt đầu từ nay, chớ hộ trì Phật, chớ hộ trì chúng Tăng, chớ đê Sa-môn Gotama vào nhà! Thưa thiên tử, tôi đã nói như vậy.

– Lời nàng nói không chính đáng, là một đòn đánh vào giáo pháp. Ta không thể đưa nàng đến gặp vị đại triệu phú được.

Không nhận được sự ủng hộ từ vị này, thần nữ đi đến Bốn Đại Thiên Vương, cũng bị bốn vị ấy bác bỏ. Thần nữ đi đến Thiên chủ Đế-thích thuật câu chuyện ấy và mong cầu giúp đỡ khẩn thiết hơn:

– Thưa Thiên chủ, con không được chỗ ở, phải bồng con trên tay, con lang thang không nơi trú ẩn. Với uy lực của ngài, hãy cho con một chỗ ở!

Thiên chủ trả lời:

– Người làm điều không thích đáng, đã đánh một đòn vào giáo pháp của bậc Chiến Thắng. Ta không thể nói với vị đại triệu phú giùm cho người. Nhưng ta sẽ nói với người một phương pháp làm vị triệu phú tha thứ người.

– Thưa Thiên chủ, lành thay, xin nói lên!

– Có nhiều người đã mượn của vị đại triệu phú một số tài sản trị giá một trăm tám mươi triệu đồng... Người hãy giả dạng người đại diện cho vị triệu phú mà không cho ai biết, cầm giấy mắc nợ ấy, với một số dạ-xoa trẻ vây quanh, một tay cầm giấy nợ, một tay cầm biên lai đi đến nhà họ, đứng ở giữa nhà dọa nạt họ với uy lực dạ-xoa của mình và nói: “Đây là giấy nợ của các người. Khi bậc triệu phú của chúng tôi có uy lực, đã không đòi hỏi gì các người. Nay ngài gặp con nghèo túng, hãy trả lại tiền các người đã mượn!” Với uy lực dạ-xoa của người, người sẽ lấy lại được tất cả một trăm tám mươi triệu đồng vàng ấy đổ đầy kho bạc trống không của vị triệu phú. Vị triệu phú còn có tài sản khác chôn giấu ở bờ sông Aciravatī, khi bờ sông bị lở, tài sản ấy bị trôi vào biển. Với uy lực của người, hãy đem số tài sản ấy về đổ đầy kho bạc. Lại còn có một tài sản khác nữa trị giá một trăm tám mươi triệu đồng nằm chôn không chủ tại một chỗ nào đó, hãy lấy đem về đổ đầy kho bạc trống không. Với năm trăm bốn mươi triệu đồng ấy, người đổ đầy các kho bạc trống không, lấy đó để đền tội, rồi đến xin vị đại triệu phú tha tội cho.

Thần nữ đáp:

– Tốt lành thay, thưa Thiên chủ!

Thần nữ chấp nhận lời Thiên chủ, mang lại tất cả tài sản như đã được nói.

Nửa đêm, thần nữ đi vào phòng của vị đại triệu phú, chiếu sáng hào quang rực rỡ, đứng giữa hư không. Được hỏi là ai, nàng đáp:

– Thưa bậc đại triệu phú, tôi là thần nữ mù quáng, ngu si ở tại cửa gác thứ tư.

Do tôi quá ngu si, không biết công đức của đức Phật, đã nói với ngài những lời lỗi lầm trong những ngày trước. Hãy tha thứ lỗi ấy của tôi! Theo lời Thiên chủ Đế-thích, tôi đã đòi lại số tiền nợ một trăm tám mươi triệu đồng cho ngài, đã đem lại số tiền một trăm tám mươi triệu đồng bị trôi ra biển và một số tiền một trăm tám mươi triệu đồng khác được chôn giấu vô chủ tại một chỗ nọ. Như vậy tôi đã mang lại năm trăm bốn mươi triệu đồng đổ đầy các kho bạc trống rỗng của ngài để chuộc lại tội lỗi. Số tiền ngài đã tiêu dùng cho tinh xá Kỳ Viên, tất cả nay đã được thu lại. Tôi vì không có trú xứ nên rất khổ sở. Chớ nghĩ đến những gì tôi đã làm do sự vô trí của tôi. Hãy tha thứ cho tôi, thưa bậc đại triệu phú!

Ông Cấp Cô Độc nghe vậy, tự nghĩ: “Thần nữ này đang nói đã lập công chuộc tội và đã nhận tội của mình. Bậc Đạo sư sẽ suy xét việc này và sẽ cho nó biết những công đức của mình. Ta sẽ đem thần nữ đến gặp bậc Chánh Đẳng Giác.” Vị triệu phú nói:

- Nay thần nữ, nếu người muốn xin lỗi ta, hãy xin lỗi ta trước mặt bậc Đạo sư.
- Lành thay, tôi sẽ làm như vậy! Hãy đưa tôi đến bậc Đạo sư!

Vị triệu phú bằng lòng. Khi đêm đã tàn, vào buổi sáng, vị triệu phú đem thần nữ đến bậc Đạo sư và báo với đức Như Lai tất cả việc làm của thần nữ. Bậc Đạo sư nghe xong liền nói:

– Ở đây, này gia chủ, kẻ làm ác, khi điều ác chưa chín muối, kẻ ấy thấy là thiện; khi điều ác của kẻ ấy chín muối, chỉ khi ấy kẻ ấy mới thấy là ác. Kẻ làm thiện, khi điều thiện chưa chín muối, kẻ ấy thấy là ác; khi điều thiện của kẻ ấy chín muối, chỉ khi ấy kẻ ấy thấy là thiện.

Sau đó, bậc Đạo sư nói lên hai bài kệ này trong *Kinh Pháp cú*:

Người ác thấy là thiện,	Khi ác chưa chín muối,
Khi ác nghiệp chín muối,	Người ác mới thấy ác.
Người hiền thấy là ác,	Khi thiện chưa chín muối,
Khi thiện được chín muối,	Người hiền thấy là thiện. ⁵⁸

Cuối bài kệ này, thần nữ chứng quả Dự lưu. Nàng đánh lễ chân có tô điểm bánh xe của bậc Đạo sư và nói:

– Bạch Thế Tôn, vì bị nhiễm tham ái, bị sân kích động, bị si mờ ám, bị vô minh bao phủ, con không biết những công đức của Thế Tôn, đã nói những lời ác, xin tha thứ cho con!

Rồi nàng được bậc Đạo sư tha thứ và được vị đại triệu phú tha thứ.

Lúc bấy giờ, ông Cấp Cô Độc ở trước mặt bậc Đạo sư, nói lên công đức của mình:

– Bạch Thế Tôn, thần nữ này đã cố ngăn chặn con chớ cúng dường đức Phật, v.v... nhưng không có thể ngăn chặn con được; nàng đã cố ngăn chặn con chớ bố thí nhưng con vẫn bố thí. Bạch Thế Tôn, đây là công đức của con.

⁵⁸ Xem *Dh.* v. 119, 120.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay gia chủ, ông là Thánh đệ tử đã chứng quả Dự lưu, có lòng tin bất động, có tri kiến thanh tịnh. Thật không có gì kỳ diệu là ông đã không bị ngăn chặn bởi thần nữ bất lực này. Nhưng có điều thật sự kỳ diệu là người Hiền trí thuở quá khứ, khi đức Phật chưa xuất hiện, khi trí tuệ chưa chín muồi; dầu Ác ma, chủ cõi dục giới đứng giữa hư không nói lớn: “Nếu người bỏ thí, người sẽ bị thiêu sống trong địa ngục này”, và chỉ rõ một hố đầy than hồng, sâu đến tám mươi khuỷu tay; dầu bị ngăn chớ bỏ thí, người Hiền trí vẫn đứng giữa đóa sen bỏ thí như thường.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của ông Cấp Cô Độc, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một vị triệu phú ở Ba-la-nại, được nuôi dưỡng trong sự xa hoa như một hoàng tử. Khi đến tuổi trưởng thành, vừa mới mười sáu tuổi, Bồ-tát đã đạt đến điều luyện trong tất cả kỹ thuật. Sau khi cha chết, được đặt lên địa vị triệu phú, Bồ-tát cho xây dựng sáu trường bỏ thí là bốn nhà tại bốn cửa thành, một nhà tại trung tâm thành, một nhà trước cửa trú xứ của mình và tổ chức bỏ thí lớn; giữ giới, tuân giữ những ngày Bồ-tát.

Một hôm, trong giờ điểm tâm, khi các món ăn hảo hạng được mang vào cho Bồ-tát, một vị Độc Giác Phật, sau bảy ngày thiền vừa xuất định và nhận xét: “Đã đến giờ đi khát thực, nay ta phải đến nhà của vị triệu phú Ba-la-nại.” Sau khi chùi răng với que đánh răng bằng cọng trầu leo, rửa mặt tại hồ Anotatta rồi đứng trên cao nguyên Manosilātala; vị Độc Giác Phật mang y dưới, cột dây lưng, đắp y ngoài, lấy bình bát bằng đất do thần thông hóa hiện, đi ngang qua hư không và đứng trước cửa nhà, trong khi bữa điểm tâm được mang vào cho Bồ-tát. Bồ-tát thấy vị Độc Giác Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhìn người đứng hầu, chỉ rõ cần dâng cúng món ăn. Người hầu nói:

– Thưa ông chủ, con phải làm gì?

Bồ-tát nói:

– Hãy đem bình bát vị ấy lại đây!

Ngay trong thời khắc ấy, Ác ma lồng lộn hiện lên, tự nghĩ: “Vị Độc Giác Phật này chỉ được đồ ăn từ bảy ngày trước, nếu hôm nay không được ăn, vị ấy sẽ chết. Ta sẽ làm vị ấy chết và làm vị triệu phú chấm dứt việc bỏ thí.”

Ngay lúc ấy, Ác ma đi đến, hóa hiện ở trong nhà một hố than hồng sâu tám mươi khuỷu tay. Hố ấy đầy những than hồng bằng cây keo cháy rực, cháy đỏ có ngọn, hiện ra như địa ngục. Sau khi tạo ra hố than hồng ấy, Ác ma tự mình đứng giữa hư không. Người hầu đi đến, định mang bình bát lại, thấy vậy hoảng sợ quay lui. Bồ-tát hỏi:

– Này con thân, sao con trở lui?

Người ấy nói:

– Thừa ông chủ, trong nhà có một hồ than hừng, cháy đỏ rực, cháy có ngọn.

Những người khác đi đến cũng hoảng sợ chạy trốn hết.

Bồ-tát suy nghĩ: “Hôm nay, Ác ma có uy lực, đang nỗ lực ngăn chặn ta bồ thí. Ta cần phải cho nó biết dù trăm ma, ngàn ma, trăm ngàn ma cũng không làm cho ta dao động. Hôm nay ta sẽ làm cho chúng thấy ai mạnh hơn ai, ai có uy lực hơn ai.”

Bồ-tát tự mình cầm lấy bát cơm đã sẵn sàng, đi ra khỏi nhà, đứng ngay trên bờ hồ than hừng, nhìn lên trời thấy Ác ma, liền hỏi:

– Ngươi là ai?

– Ta là Ác ma.

– Có phải ngươi hóa hiện hồ than hừng này?

– Phải, chính ta hóa hiện.

– Vì mục đích gì?

– Vì mục đích ngăn chặn ngươi bồ thí, vì mục đích giết mạng sống của vị Độc Giác Phật.

Bồ-tát nói:

– Ta sẽ không cho ngươi ngăn chặn ta bồ thí. Ta cũng không cho ngươi giết mạng sống của vị Độc Giác Phật. Hôm nay, ta sẽ làm cho ngươi biết giữa ta và ngươi, ai có sức mạnh lớn hơn.

Vẫn đứng trên bờ hồ than hừng, Bồ-tát nói:

– Bạch Thế Tôn, Độc Giác Phật, đầu con có rơi đầu lộn ngược vào hồ than hừng này, con vẫn không trở lui. Mong Thế Tôn chấp nhận món ăn do con cúng dường.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ này:

40.	Ta thà rơi địa ngục,	Chân trên, đầu phía dưới,
	Ta sẽ làm việc Thánh,	Hãy nhận lấy món ăn!

Rồi với quyết tâm vững chắc, Bồ-tát cầm bát cơm bước lên mặt hồ than hừng. Khi Bồ-tát làm như vậy, từ mặt hồ than hừng sâu đến tám mươi khuỷu tay, mọc lên một hoa sen tuyệt đẹp đỡ lấy chân Bồ-tát. Từ hoa sen ấy, nhụy sen khoảng chừng một đầu lớn phun lên, rơi trên đầu bậc Đại sĩ, phủ khắp toàn thân như rắc hột vàng. Bồ-tát đứng trên đóa hoa sen, đặt vào trong bát vị Độc Giác Phật những món ăn thượng vị khác nhau. Vị Độc Giác Phật nhận đồ ăn, nói lên lời tùy hỷ, rồi quăng bình bát lên trên hư không; và ngay trước mắt của đại chúng, tự mình bay lên hư không về phía Tuyết sơn, để lại một đường mây gồm nhiều hình thù kỳ diệu đặc biệt. Còn Ác ma bị thất bại và sầu muộn đi về trú xứ của mình. Bồ-tát vẫn đứng trên tòa sen, thuyết pháp cho đại chúng, tán thán bồ

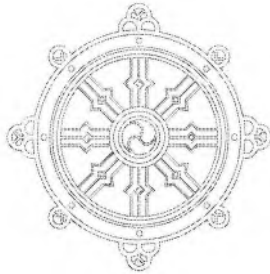
thí, giới đức; và cùng với đại chúng vây quanh, bước vào trú xứ của mình. Bỏ-tát trọn đời làm công đức, rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay gia chủ, việc này không có gì kỳ diệu khi một người đầy đủ tri kiến như ông không để cho thần nữ làm dao động. Thật sự kỳ diệu là những gì bậc Hiền trí đã làm trong thời quá khứ.

Thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, vị Độc Giác Phật tại chỗ ấy nhập Niết-bàn; còn Ta chính là người triệu phú Ba-la-nại, sau khi đánh bại Ác-ma, đứng trên đóa hoa sen, cúng dường thức ăn khát thực vào bát của vị Độc Giác Phật.



V. PHẨM LỢI ÁI (*ATTHAKĀMAVAGGA*)

§41. CHUYỆN TRƯỞNG LÃO LOSAKA (*Losakajātaka*) (J. I. 234)

Với người muốn mình tốt...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về Trưởng lão Losakatissa. Ai là Trưởng lão Losakatissa? Một người ở xứ Kosala, con của người đánh cá, là một tai ương cho gia đình. Khi làm Tỷ-kheo, vị ấy không bao giờ nhận được gì cả.

Từ chỗ được sanh ở đời trước và khi mạng chung, vị ấy đã đầu thai vào bụng vợ một người đánh cá trong một làng đánh cá gồm một ngàn gia đình ở Kosala. Trong ngày vị ấy đầu thai, một ngàn gia đình ấy, với lưới cầm tay, đi đánh cá trên sông, trên hồ không bắt được một con cá nhỏ nào. Từ ngày đó trở đi, những người đánh cá gặp những điều tổn hại. Khi vị ấy còn ở trong thai, làng của họ bị lửa đốt cháy bảy lần và bị vua xử phạt bảy lần. Như vậy, dần dần họ rơi vào túng thiếu. Họ suy nghĩ: “Trước kia, chúng ta không như vậy. Nay chúng ta gặp nhiều tổn hại. Giữa chúng ta phải có một người có số đen. Chúng ta hãy chia thành hai nhóm, mỗi nhóm năm trăm gia đình, và nhóm nào có người có số đen, nhóm ấy bị tổn hại, nhóm kia được tăng thịnh.”

Và cứ thế họ chia nhóm ấy làm hai, chia làm hai, chia làm hai nữa. Như vậy, họ chia cho đến khi chỉ còn lại một gia đình ấy, và khi tìm được kẻ số đen ở trong gia đình ấy, họ liền đánh đuổi đi. Người mẹ phải kiếm sống một cách khó nhọc với bụng mang thai, khi thai đến kỳ, bà sanh được đứa con trai. Đứa bé ấy được sanh trong đời sống cuối cùng, do đó không thể bị giết hại, như ngọn đèn trong chiếc ghè, điều kiện để thành A-la-hán cháy đỏ trong tim của nó.

Người mẹ nuôi dưỡng nó, tập nó chạy tới, chạy vòng, và khi nó đã đi được, bà đặt trong tay nó một cái bát đi xin, bảo nó đi vào một nhà kia, rồi bà bỏ trốn. Từ đó, đứa bé sống một mình, tìm đồ ăn tại chỗ này, nằm ngủ tại chỗ khác, không tắm, không săn sóc thân mình, kiếm sống một cách cực khổ chẳng khác con quỷ ăn bùn. Nó dần dần lớn lên được bảy tuổi, lượm từng miếng cơm một mà ăn, như con quạ tại một cửa nhà nọ có được đồ ăn còn lại từ các nồi cơm được rửa.

Một hôm, Tướng quân Chánh pháp Sāriputta (Xá-lợi-phất) đang đi khát thực ở Xá-vệ, thấy đứa bé, suy nghĩ không biết đứa bé đáng thương này ở làng nào, khởi lòng từ bi đối với nó và gọi:

– Hãy đến đây!

Đứa bé đến đánh lễ Trưởng lão và đứng lại. Trưởng lão hỏi:

– Con sống ở làng nào? Cha mẹ ở đâu?

– Thưa Tôn giả, con sống không nơi nương tựa. Cha mẹ vì con, sống quá mệt mỏi nên bỏ rơi con mà trốn đi.

– Con có muốn xuất gia không?

– Thưa Tôn giả, con muốn xuất gia. Nhưng ai sẽ truyền giới xuất gia cho kẻ khốn nạn như con?

– Ta sẽ truyền giới xuất gia cho con.

– Lành thay, Tôn giả hãy truyền giới xuất gia cho con!

Trưởng lão cho nó ăn các món ăn loại cứng và loại mềm, dắt nó đến tinh xá, tự tay tắm rửa nó, truyền giới xuất gia cho nó làm Sa-di, và khi tuổi đầy đủ, liền trao Đại giới cho nó. Khi nó trưởng thành, nó được gọi là Trưởng lão Losakatissa.

Trưởng lão Losakatissa ít phước đức, nên ít nhận được đồ cúng dường. Truyền thuyết nói, dầu có lễ bố thí to lớn không gì sánh được, bụng Trưởng lão cũng không no, mà chỉ được ăn vừa đủ để nuôi mạng sống. Một muống cháo đổ vào bát của Trưởng lão hình như làm tràn đầy bình bát, những người cho nghĩ rằng bình bát đã đầy tràn nên đem cháo cho người sau. Khi cháo được đổ vào bình bát Trưởng lão, người ta nói cháo trong đĩa của người cúng như biến mất, các đồ ăn cứng khác cũng như vậy.

Trưởng lão, sau một thời gian, thiền quán được tăng trưởng, chứng quả A-la-hán tối thượng, nhưng vẫn được đồ cúng dường ít ỏi. Thọ hành Trưởng lão dần dần giảm thiểu và ngày nhập Niết-bàn đã đến. Tướng quân Chánh pháp hướng tâm đến, biết ngày Trưởng lão đắc Niết-bàn Vô dư y, tự nghĩ: “Trưởng lão Losakatissa hôm nay sẽ nhập Niết-bàn. Ta sẽ khuyên người ta cúng dường Trưởng lão đồ ăn như ý muốn.” Tôn giả Sāriputta đưa Trưởng lão vào thành Xá-vệ khát thực. Tôn giả Sāriputta và Trưởng lão Losakatissa dầu đưa tay cho nhiều người ở Xá-vệ, cũng không nhận được ngay cả một tô cháo. Tôn giả Sāriputta bảo Losakatissa về trước ngồi tại phòng họp, rồi giữ đồ ăn nhận được đem về cho Losakatissa. Những ai được Sāriputta giao đồ ăn đem về đều quên trao cho Losakatissa và tự mình ăn đồ ăn ấy.

Khi Trưởng lão Sāriputta đứng dậy và đi về tinh xá, Losakatissa đi đến đánh lễ, Trưởng lão dừng bước quay lại hỏi:

– Này Hiền giả, Hiền giả có được đồ ăn không?

– Thưa Tôn giả, chúng con sẽ nhận được đúng thời.

Trưởng lão Sāriputta hoảng hốt nhìn giờ. Thời giờ đã quá rồi. Trưởng lão nói:

– Này Hiền giả, hãy ngồi ở đây.

Trưởng lão bảo Losakatissa ngồi xuống trong phòng họp, rồi đi đến trú xứ vua nước Kosala. Nhà vua cho người lấy bát Trưởng lão, bỏ đầy bát với bốn loại bánh ngọt và nói:

– Đây là đồ ăn phi thời.⁵⁹

Trưởng lão cầm bát, đi về và nói:

– Này Hiền giả Tissa, hãy ăn bốn loại bánh ngọt này.

Nói xong, Tôn giả cầm bát và đứng chờ. Nhưng Losakatissa hổ thẹn vì lòng kính trọng đối với Tôn giả Sāriputta nên không dám ăn. Trưởng lão Sāriputta nói với Losakatissa:

– Này Hiền giả, hãy đến! Ta đứng cầm bình bát này, còn Hiền giả ngồi và ăn. Nếu tay ta rời bình bát này thì không còn vật gì nữa.

Rồi trong khi bậc Tồi thượng Tướng quân Chánh pháp đứng cầm bát, Tôn giả Losakatissa ăn bốn loại bánh ngọt. Do thần thông lực thuộc bậc Thánh của Tôn giả Sāriputta, bánh ấy không biến mất. Khi ấy, Trưởng lão Losakatissa được ăn như ý muốn, đầy đủ, no bụng. Ngày hôm ấy, Trưởng lão Losakatissa đắc Niết-bàn Vô dư y. Bậc Chánh Đẳng Giác đứng một bên và chứng kiến thân vị ấy được hỏa táng. Các Xá-lợi được thu thập và điện tháp được dựng lên trên.

Lúc bấy giờ, các Tỷ-kheo đang ngồi họp tại pháp đường nói:

– Này các Hiền giả, Losakatissa ít phước đức, ít nhận đồ cúng dường. Do ít phước đức, ít được cúng dường như vậy, làm sao lại được Thánh pháp?

Bậc Đạo sư đến pháp đường hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông nay ngồi họp tại đây, đang bàn câu chuyện gì?

Chúng Tỷ-kheo báo câu chuyện ấy lên Thế Tôn. Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy do nghiệp mình làm nên không được cúng dường và đồng thời chứng được Thánh pháp. Vị ấy thuở trước do làm chướng ngại người khác cúng dường nên ít được cúng dường; nhưng do chú tâm thiền quán vô thường, vô ngã nên được Thánh quả, chứng được các thắng pháp.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở ấy, trong thời bậc Chánh Đẳng Giác Ca-diếp, có một Tỷ-kheo sống ở một ngôi làng nhỏ, được một vị điền chủ hộ trì. Tỷ-kheo ấy tính tình bộc trực, hồn nhiên, giữ giới, chuyên tu tập thiền quán. Lại cũng có một Trưởng lão A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc, sống bình đẳng với các bậc đồng Phạm hạnh. Vị này trước kia chưa bao giờ đến ngôi làng có người điền chủ đã ủng hộ Tỷ-kheo ấy, nay mới đến lần đầu. Người điền chủ hoan hỷ với cử chỉ của Trưởng lão,

⁵⁹ Nghĩa là khi quá giờ Ngọ (bóng của cái cây thẳng đứng rộng bằng ngón tay), Tỷ-kheo giữ luật nghiêm túc sẽ không ăn cơm nữa, tuy nhiên vẫn dùng được những thức ăn nhẹ như mật, bơ, đường, xem đó là món thuốc chữa bệnh.

cầm lấy bình bát, mời vào nhà, cung kính mời ăn. Rồi vị ấy nghe thuyết bài pháp ngắn, đánh lễ Trưởng lão và thưa:

– Thưa Tôn giả, hãy đi đến ngôi tinh xá gần đây của chúng tôi. Chúng tôi vào buổi chiều sẽ đến yết kiến ngài.

Trưởng lão đi đến ngôi tinh xá, đánh lễ Trưởng lão trụ trì và sau khi xin phép, ngồi xuống một bên. Vị trụ trì thân mật hỏi thăm Trưởng lão:

– Thưa Hiền giả, Hiền giả được đồ ăn chưa?

– Thưa được rồi.

– Được tại đâu?

– Tại nhà điền chủ trong làng gần đây của Tôn giả.

Sau khi nói vậy, Trưởng lão hỏi chỗ sàng tọa của mình, sửa soạn cất đặt y bát, rồi ngồi xuống thọ hưởng lạc về thiền và lạc về quả. Vào buổi chiều, người điền chủ ấy đem theo hương, vòng hoa, đèn và dầu đi đến tinh xá, đánh lễ vị trụ trì và hỏi:

– Thưa Tôn giả, vị Trưởng lão khách đã đến chưa?

Sau khi được biết vị ấy đã đến rồi, người điền chủ đi đến vị Trưởng lão khách, đánh lễ, ngồi xuống một bên và nghe thuyết pháp. Vào buổi chiều mát, người điền chủ đánh lễ điện Phật, cây Bồ-đề, tháp đèn, mời hai vị đến nhà rồi ra đi.

Trưởng lão trụ trì suy nghĩ: “Điền chủ này đã bị phân tâm. Nếu Tỷ-kheo này trú ở đây, điền chủ ấy không còn đếm xỉa đến ta một chút nào nữa.”

Trưởng lão trụ trì với tâm tư không được vui, suy nghĩ: “Ta phải làm thế nào để vị ấy không ở được trong tinh xá này.” Đến giờ hầu thăm, khi Trưởng lão khách đến, Trưởng lão trụ trì không nói gì. Vị Trưởng lão khách đoạn tận các lậu hoặc, biết được ý định của Trưởng lão trụ trì, tự nghĩ: “Trưởng lão này không biết ta không bao giờ gây trở ngại cho gia đình cúng dường vị ấy hay đồ chúng vị ấy”, liền đi về trú xứ của mình, hưởng thọ lạc về thiền và lạc về quả.

Trưởng lão trụ trì, ngày hôm sau, đánh nhẹ cái chuông phòng vị khách trọ, rồi lấy móng tay gõ nhẹ vào cửa và đi đến nhà người điền chủ. Người điền chủ cầm lấy bát vị ấy, mời ngồi trên chỗ đã soạn sẵn và hỏi:

– Trưởng lão khách ở đâu?

– Tôi không biết tin tức của bạn ngài. Tôi đã đánh chuông gõ cửa, nhưng không thể đánh thức vị ấy dậy. Tôi chắc là bữa qua, sau khi ăn thượng vị ở nhà của ngài, vị ấy chưa có thể tiêu hoá được; do vậy, nay đang còn ngủ. Rất có thể, ngài hoan hỷ với những sự kiện như vậy.

Trong khi ấy, vị Trưởng lão đã đoạn tận các lậu hoặc nghĩ rằng thời gian đi khát thực của mình đã đến, liền sửa soạn thân mình tử tế, cầm y bát, bay lên hư không và đi đến một chỗ khác.

Còn người điền chủ ấy cúng dường vị Trưởng lão trụ trì cơm và sữa với bơ tươi, mật ong và đường. Rồi ông bảo chùi bát với bột thơm, đồ thức ăn đầy bát lần nữa và thưa:

– Thưa Tôn giả, Trưởng lão ấy đi đường mệt, hãy đem đồ ăn này về cho vị ấy.

Rồi đưa bát cho Trưởng lão trụ trì. Vị này không thể từ chối, cầm bát đi và suy nghĩ: “Nếu Tỷ-kheo ấy uống cơm sữa này, có ai nắm cổ đuôi đi, vị ấy cũng không đi. Nhưng nếu ta cho người khác cơm sữa này, việc ta làm sẽ bị bại lộ. Nếu ta đổ xuống nước, bơ tươi sẽ nổi lên trên mặt nước và bị lộ. Nếu ta quăng trên đất, loài quạ sẽ tụ họp lại và sẽ bị thấy. Nay ta quăng món ăn này ở đâu?”

Đang phân vân suy tính như vậy, vị ấy thấy một đám ruộng vừa bị đốt. Tỷ-kheo ấy bới các than đỏ lên, quăng đồ ăn tại đấy, lấy than đỏ che đậy lên trên, rồi đi về tịnh xá. Không thấy Tỷ-kheo khách ở đâu, Tỷ-kheo trụ trì suy nghĩ: “Chắc Tỷ-kheo ấy đã đoạn tận các lậu hoặc, biết được ý định của ta và đã đi chỗ khác. Ôi, ta vì nhân duyên cái bụng, đã làm một việc không thích đáng.” Do vậy, sầu ưu khởi lên; và từ đấy, vị Tỷ-kheo trụ trì như một con ma trên đất, không bao lâu mạng chung, tái sanh vào địa ngục.

Trong hàng trăm ngàn năm, nó bị nấu ở địa ngục. Do ác nghiệp chín muồi, nó bị sanh năm trăm năm liên tục làm quỷ dạ-xoa, không được ăn đầy bụng, dầu chỉ một ngày; chỉ trừ một ngày, nó được ăn no bụng với đồ uế nhiễm của bào thai. Rồi trong năm trăm đời, nó sanh làm chó; khi ấy, chỉ có một ngày nó được ăn no bụng với cơm được nôn ra. Trong thời gian còn lại, nó không bao giờ được đồ ăn đầy bụng.

Từ thai tạng chó mạng chung, nó sanh trong một gia đình nghèo đói, trong một làng ở Kāsi. Từ khi nó sanh ra, gia đình trở thành nghèo đói cùng cực. Nó không bao giờ được một nửa tô nước cháo chua vào bụng. Nó được đặt tên là Mittavindaka. Cha mẹ nó không thể chịu khổ vì đói, đánh đuổi nó đi.

– Hãy đi đi, đồ gây ra đen đui bất hạnh!

Không nơi nương tựa, nó đi lang thang và đến tại Ba-la-nại.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát được sanh làm vị giáo sư có tiếng khắp bốn phương và đang dạy nghề cho năm trăm thanh niên Bà-la-môn. Lúc ấy, dân ở Ba-la-nại thường cho tiền những người nghèo đói và cho họ học nghề. Mittavindaka học nghề không tiền với Bồ-tát. Nhưng tánh nó độc ác khó dạy, hay đánh lộn và hay đi lang thang. Được Bồ-tát khuyên dạy, nó vẫn không nghe theo. Vì có nó, tiền dạy của Bồ-tát trở thành ít ỏi. Nó gây lộn với các thanh niên khác, không nghe lời khuyên; cuối cùng trốn đi lang thang đây đó, đến một làng biên địa và làm thuê sinh sống.

Tại đấy, nó lấy một người đàn bà nghèo khổ và sinh được hai đứa con. Người trong làng thuê nó dạy cho họ biết thế nào là thiện, thế nào là ác, và cho nó một cái chòi để sống tại cửa làng. Do Mittavindaka đến đây sống, dân

chúng ở làng biên địa ấy bị vua xử phạt bảy lần, nhà của họ bị cháy bảy lần và hồ chứa nước bị cạn bảy lần. Họ suy nghĩ: “Trước khi Mittavindaka đến đây, chúng ta không có như vậy. Từ khi nó đến, chúng ta bị tổn hại.” Vì thế, họ đánh đuổi nó đi.

Nó đem vợ con ra đi, đến một chỗ khác, vào một khu rừng do phi nhân ngự trị. Tại đây, các phi nhân giết, ăn thịt vợ con nó. Nó chạy trốn khỏi chỗ ấy, đi lang thang chỗ này chỗ kia; đến một bến tàu tên là Gambhīra, đứng vào ngày một chiếc tàu mới được hạ thủy, nó trở thành người làm thuê trên tàu.

Khi chiếc tàu đi trên mặt biển được bảy ngày, đến ngày thứ bảy, tàu đứng lại như bị mắc cạn. Họ rút thăm ai là con số đen bất hạnh. Bảy lần thẻ rơi vào Mittavindaka. Họ cho nó một cái bè tre, bắt tay nó xuống biển, rồi tàu lại ra đi. Mittavindaka leo lên bè tre và trôi trên mặt biển.

Do quả nó đã giữ giới trong thời đức Phật Ca-diếp Chánh Đẳng Giác nên trên mặt biển, nó gặp bốn tiên nữ trong một lâu đài bằng pha lê. Với chúng, nó sống trong bảy ngày hưởng hạnh phúc. Bảy giờ, các loài quỷ ở lâu đài ấy hưởng hạnh phúc trong bảy ngày. Sau bảy ngày, chúng phải ra đi để chịu đau khổ. Lúc ra đi, chúng bảo nó đợi ở đây cho đến khi chúng trở về.

Chúng đi rồi, Mittavindaka lại leo lên bè tre đi chỗ khác và gặp được tám tiên nữ ở trong lâu đài bằng ngọc. Từ đây, nó đi nữa và gặp được ba mươi hai tiên nữ ở trong mười sáu lâu đài bằng vàng. Không nói gì với chúng, nó lại bỏ đi và thấy một thành dạ-xoa ở giữa hòn đảo.

Tại đây, có một nữ dạ-xoa sống dưới hình dạng con dê. Mittavindaka không biết nó là nữ dạ-xoa, nắm lấy chân con dê để ăn thịt. Con dạ-xoa nữ ấy, với uy lực của mình, nhấc bổng nó lên và quăng nó ra xa. Nó bị quăng ngang qua biển, rơi xuống một bụi gai tại một cái hào khô nước, lăn tròn rồi đứng dậy.

Lúc bấy giờ, tại cái hào ấy, bọn trộm thường đến giết dê của vua. Các người chăn dê đứng núp rình bắt ăn trộm. Mittavindaka, sau khi lăn tròn, đứng dậy trên đất, thấy các con dê liền nghĩ: “Ta đã bắt chân con dê trên hòn đảo ở biên và bị nó quăng rơi tại đây. Nếu nay ta lại bắt lấy chân một con dê thì nó sẽ quăng ta đến chỗ các tiên nữ ở trong lâu đài trên mặt biển, tại bờ bên kia.” Khi tác ý bắt chảnh như vậy, nó liền nắm chân một con dê, lập tức con dê bị nắm kêu lên. Các người chăn dê từ nhiều chỗ núp chạy đến bắt nó và nói:

– Đây là đứa ăn trộm đã bắt các con dê của nhà vua từ trước đến nay.

Chúng đánh nó, trói nó và dẫn nó đến trước mặt vua. Lúc bấy giờ, Bồ-tát với năm trăm thanh niên Bà-la-môn vây quanh, ra khỏi thành để đi tắm. Thấy Mittavindaka, nhận được nó, Bồ-tát nói với các người ấy:

– Nay các bạn thân, đây là đệ tử của tôi. Sao lại bắt nó?

Các người ấy nói:

– Thưa Tôn giả, đây là đứa ăn trộm dê, nó bắt chân một con dê nên chúng tôi bắt nó.

– Hãy giao nó cho chúng tôi để làm nô lệ. Nó sẽ dựa vào chúng tôi để sống.

– Thừa vâng, Tôn giả.

Rồi họ thả nó và ra đi. Bò-tát hỏi nó:

– Nay Mittavindaka, từ trước cho đến nay ngươi sống ở đâu?

Nó kể lại tất cả công việc nó làm. Bò-tát nói:

– Vì không nghe lời những người muốn người hạnh phúc nên ngươi phải chịu mọi sự bất hạnh như vậy.

Rồi Bò-tát đọc bài kệ này:

41.	Với người muốn mình tốt,	Với người thương tưởng mình,
	Cứng đầu không theo lời,	Sẽ gặp điều sâu muộn,
	Chẳng khác Mittaka,	Nắm chặt chân con dê.

Lúc bấy giờ, khi cả vị giáo sư và Mittavindaka mạng chung, họ đi theo nghiệp của mình.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, chính Losakatissa này đã tự làm cho mình được ít đồ cúng dường và đồng thời được Thánh pháp.

Sau khi nói pháp thoại này xong, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Mittavindaka là Trưởng lão Losakatissa, vị giáo sư được danh bốn phương là Ta vậy.⁶⁰

§42. CHUYỆN CHIM BÒ CÂU (*Kapotajātaka*)⁶¹ (J. I. 241)

Với người muốn mình lợi...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo có lòng tham. Lòng tham của vị này sẽ được kể trong chương VI, *Chuyện con quạ*.⁶² Lúc bấy giờ, các Tỷ-kheo báo cho bậc Đạo sư biết:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này có lòng tham.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Nay Tỷ-kheo, có thật như vậy chăng?

– Bạch Thế Tôn, có thật.

Bậc Đạo sư nói:

⁶⁰ Xem 3 câu chuyện có cùng tên *Mittavindajātaka* (*Chuyện chàng trai Mittavinda*): J. I. 363, số §82; J. I. 413, số §104; J. III. 206, số §369; J. IV. 1, *Catudvārajātaka* (*Chuyện bốn cổng thành*), số §439; Pv. 89, *Gūthakhādakapetavatthu* (*Chuyện ngạ quỷ ăn phân*), số 43.

⁶¹ Bản CST viết *Kapotajātaka*. Bản Tích Lan viết *Kapotakajātaka*.

⁶² Xem 2 câu chuyện cùng tên *Kākajātaka* (*Chuyện con quạ*): J. I. 397, số §140; J. III. 314, số §395.

– Thuở trước, này Tỷ-kheo, ông cũng có lòng tham. Vì lòng tham, ông đã mất mạng và các vị hiền trí cũng vì ông đã mất trú xứ của họ.

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta (Phạm Thọ) trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con chim bồ câu. Lúc bấy giờ, dân chúng ở Ba-la-nại ưa thích làm công đúc, thường treo những ổ rơm chỗ này chỗ kia để các chú chim có nơi ẩn náu thuận tiện, an ổn. Người đầu bếp của vị triệu phú Ba-la-nại cũng treo một ổ rơm tại nhà bếp. Bồ-tát sống tại đây, buổi sáng bay đi tìm mồi và chiều lại bay về.

Một hôm, một con quạ bay ngang qua mái nhà bếp, ngửi mùi thơm của cá muối, cá tươi, thịt chua, thịt tươi; tại chỗ ấy, nó khởi lòng tham, tự nghĩ: “Ta phải tìm cách ăn cho được cá thịt này.” Nghĩ vậy, nó đậu cách đó không xa, dò xét xung quanh, nó thấy buổi chiều Bồ-tát bay về và đi vào bếp, nghĩ rằng nhờ con chim bồ câu này nó sẽ được ăn cá và thịt.

Ngày hôm sau, vào buổi sáng, nó bay lên. Khi Bồ-tát bay ra đi kiếm đồ ăn, nó bay sát theo sau khắp nơi như cái bóng. Bồ-tát nói với nó:

– Này bạn, vì sao bạn đi theo tôi?

– Thưa ngài, cử chỉ của ngài khiến tôi ưa thích. Bắt đầu từ nay, tôi xin hầu hạ ngài.

– Này bạn, món ăn của bạn khác, món ăn của tôi khác. Bạn hầu hạ tôi sẽ gặp khó khăn.

– Thưa ngài, khi ngài tìm đồ ăn, tôi cũng tìm đồ ăn và tôi sẽ theo ngài.

– Thôi được, nhưng bạn phải hết sức siêng năng.

Như vậy, Bồ-tát khuyên con quạ đi tìm đồ ăn, các loại hột cỏ, hột giống. Trong khi Bồ-tát đi tìm đồ ăn, con quạ cũng đi, lật lên các miếng phân, ăn các loại trùng nhét cho đầy bụng, rồi đi đến Bồ-tát và nói:

– Thưa ngài, ngài dùng quá nhiều thì giờ cho việc tìm đồ ăn, thật không tốt.

Khi Bồ-tát tìm đồ ăn xong, buổi chiều bay về, con quạ cũng bay theo vào nhà bếp. Người nấu bếp nói:

– Con bồ câu của chúng ta có đem một con chim khác về.

Anh ta liền treo một ổ rơm nữa cho con quạ. Từ đấy chim bồ câu và quạ sống với nhau. Một hôm, người ta đem đến nhiều cá và thịt cho người triệu phú. Người đầu bếp lấy cá và thịt ấy đem treo chỗ này chỗ kia trong bếp. Con quạ thấy vậy, lòng tham khởi lên: “Ta sẽ không đi tìm đồ ăn ngày mai, ta phải ăn món này.” Đêm đến, nó nằm ngủ, vừa ngủ vừa rên. Ngày hôm sau, Bồ-tát đi tìm mồi nói:

– Hãy đi, này bạn quạ!

– Thưa ngài, ngài hãy đi một mình. Tôi bị đau bụng.

– Nay bạn, từ trước đến nay, chưa bao giờ loài quạ đau bụng. Ban đêm trong ba canh, bốn canh, cứ mỗi canh loài quạ có bất tỉnh, nhưng khi chúng nuốt tim đèn, chúng được thỏa mãn ngay lúc ấy. Có thể bạn muốn ăn thịt và cá. Hãy đi nào, món ăn của người không thích hợp với các bạn đâu. Chớ làm như vậy, hãy đi kiếm ăn với ta!

– Thưa ngài, tôi không thể đi.

– Hành động của bạn sẽ lộ rõ, chớ để lòng tham chi phối, chớ phóng dật.

Khuyên nó xong, Bồ-tát đi kiếm ăn. Người đầu bếp cố gắng làm nhiều món thịt cá khác nhau. Lúc giờ các nắp chảo để hơi nóng thoát ra, người đầu bếp đặt trên mặt chảo một cái rá lọc rồi đi ra ngoài, đứng lau mồ hôi.

Trong khi ấy, con quạ từ ổ rơm ló đầu ra, nhìn vào nhà bếp, biết người đầu bếp đã ra đi, tự nghĩ: “Nay ta sẽ được thỏa mãn tham vọng, sẽ được ăn thịt. Nhưng ta nên ăn miếng thịt lớn hay miếng thịt nhỏ? Với miếng thịt nhỏ, khó có thể đầy bụng mau được. Vậy ta hãy mau chóng mang miếng thịt lớn bỏ vào ổ rơm rồi nằm ăn.”

Quạ bay ra khỏi ổ, đậu trên cái rá lọc. Rá lọc ấy phát ra tiếng động “kili”. Người đầu bếp nghe tiếng động, không biết cái gì, đi vào thấy con quạ, liền nói:

– Đây là con quạ ranh con! Mày muốn ăn thịt nấu cho vị triệu phú của ta. Ta sống làm việc vì người chủ triệu phú, chớ không vì đồ ngu như mày. Đồ như mày nào có liên hệ gì với ta!

Kẻ ấy đóng cửa, bắt con quạ, nhỏ sạch lông, đem củ gừng giã nhỏ với muối và cây thì là, trộn với nước sữa chua, thoa lên toàn thân con quạ, rồi ném con quạ vào ổ rơm. Con quạ chịu khổ, đau đớn nằm rên. Bồ-tát, buổi chiều về, thấy quạ gặp nạn như vậy, liền nói:

– Ôi, con quạ tham lam, vì không làm theo lời ta, vì lòng tham của người, người bị đau đớn lớn.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ này:

42.	Với người muốn mình lợi,	Với người thương tưởng mình,
	Có những lời khuyên bảo,	Nhưng không làm theo lời,
	Như con quạ tham lam,	Không làm theo lời khuyên,
	Của con chim bồ câu,	Nó bị ngã rơi vào,
	Như rơi vào tay địch.	

Bồ-tát nói xong, tự nghĩ: “Nay ta không thể ở nơi này nữa”, bèn đi một chỗ khác. Còn con quạ mạng chung ngay lúc ấy. Người đầu bếp nhặt nó từ ổ rơm và quăng nó vào đồng rác.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay Tỷ-kheo, không phải nay ông mới tham, trước kia ông cũng đã tham; do lòng tham của ông, các bậc hiền trí đã mất trú xứ của họ.

Sau khi thuyết pháp thoại, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, Tỷ-kheo ấy chứng được quả Nhất lai. Bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện với nhau và nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc ấy, con quạ là Tỷ-kheo tham lam, còn con bồ câu là Ta vậy.

§43. CHUYỆN CON RẮN TRE (*Velukajātaka*) (J. I. 244)

Với người muốn mình lợi...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo khó bảo. Thế Tôn hỏi:

– Nay Tỷ-kheo, có thật chẳng ông là người khó bảo?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay Tỷ-kheo, không phải chỉ nay ông mới khó bảo. Thuở trước, ông cũng đã khó bảo rồi. Vì tánh ông khó bảo, không nghe lời các bậc Hiền trí, ông mạng chung vì miệng con rắn.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bò-tát sanh ra trong một gia đình giàu có ở nước Kāsi. Khi lớn lên, thấy sự nguy hiểm của dục vọng, thấy lợi ích khi xa lìa nó, Bò-tát từ bỏ các dục, đi vào Tuyết sơn, xuất gia làm vị ẩn sĩ, chuẩn bị tốt đẹp đề tài thiền quán, đạt được năm thắng trí và tám thiền chứng, sống hưởng thọ thiền lạc. Sau một thời gian, Bò-tát có một hội chúng lớn với năm trăm ẩn sĩ khổ hạnh vây quanh. Ngài sống làm bậc Đạo sư của hội chúng.

Bấy giờ, một con rắn độc con, theo bản tánh của mình, đi đến am thất của một vị tu khổ hạnh. Vị tu khổ hạnh khởi lòng thương con rắn như con mình, cho nó nằm trong một ống tre và nuôi dưỡng nó. Vì nằm ở trong ống tre nên nó được gọi là Veluka (Rắn Tre). Vì vị tu khổ hạnh nuôi dưỡng con rắn với tình thương như con mình nên vị ấy được gọi là “Cha của Veluka”.

Lúc bấy giờ, Bò-tát nghe có vị tu khổ hạnh nuôi dưỡng con rắn độc, bèn cho gọi vị ấy lên và hỏi:

– Có thật chẳng, ông đã nuôi dưỡng con rắn độc?

Khi được biết là có thật, Bò-tát nói:

– Chớ tin con rắn độc. Chớ nuôi dưỡng nó như vậy!

Vị tu khổ hạnh nói:

– Con rắn ấy đối với tôi như đệ tử đối với thầy. Không có nó, tôi không thể sống được.

– Vậy ông sẽ bị mạng chung vì sống gần con rắn độc này.

Vị tu khổ hạnh không nghe lời Bồ-tát, không chịu từ bỏ con rắn độc. Nhiều ngày sau, tất cả vị tu khổ hạnh đi hái quả, đến một chỗ được nhiều trái cây và ở tại đấy hai, ba ngày. Trước đó, cha của rắn tre cũng đi với họ, đã đặt con rắn độc nằm trong ống tre, đóng cửa lại rồi ra đi. Sau hai, ba ngày, vị ấy cùng về với các vị tu khổ hạnh, định đến cho Veluka ăn; vị ấy mở ống tre, vừa đưa tay vừa nói:

– Này con, hãy đến đây! Chắc con đói lắm.

Con rắn độc nổi giận vì hai, ba ngày không có đồ ăn, liền mổ vào tay vị tu khổ hạnh, khiến vị này chết ngay tại chỗ, rồi rắn bỏ vào rừng. Các vị tu khổ hạnh thấy vậy thừa với Bồ-tát. Ngài bảo hỏa táng người chết. Rồi ngồi giữa chúng ần sĩ, ngài nói lên bài kệ này:

43.	Với người muốn mình lợi,	Với người thương tưởng mình,
	Nếu cứng đầu không nghe,	Không theo lời khuyên dạy,
	Sẽ bị hại đến chết,	Như cha Veluka.

Như vậy, Bồ-tát khuyến cáo chúng ần sĩ. Rồi ngài tu tập từ, bi, hỷ, xả và khi mạng chung, ngài sanh lên cõi trời Phạm thiên.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Tỷ-kheo, không phải chỉ nay ông mới khó bảo. Trước kia do khó bảo, ông đi đến hoại diệt vì miệng con rắn độc.

Sau khi thuyết pháp thoại, bậc Đạo sư kết hợp hai mẫu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Khi ấy, cha của Veluka là Tỷ-kheo khó bảo, hội chúng còn lại là hội chúng của Như Lai và bậc Đạo sư có hội chúng là Ta vậy.

§44. CHUYỆN CON MUỖI (*Makasajātaka*) (J. I. 246)

Tốt hơn là kẻ thù...

Câu chuyện này, khi bộ hành ở xứ Ma-kiệt-đà, bậc Đạo sư đã kể về những người ngu si trong một ngôi làng. Theo truyền thuyết, một thời, đức Như Lai từ Xá-vệ đi đến xứ Ma-kiệt-đà. Tại đấy, Ngài đi bộ đến một ngôi làng. Người trong làng ấy phần lớn là những người ngu. Một hôm, các người ngu hội họp lại và nói:

– Này các bạn, khi chúng ta vào rừng làm việc, các con muỗi cắn chúng ta; do duyên có ấy, việc làm của chúng ta bị trở ngại. Tất cả chúng ta hãy đi, cầm theo cung và các vũ khí, gây chiến với các con muỗi, bắn giết tất cả chúng nó.

Nghĩ vậy, họ đi vào rừng với ý định bắn các con muỗi, nhưng họ bắn lẫn nhau, đánh lẫn nhau, làm đau khổ lẫn nhau, rồi đi về, nằm xuống ở cổng làng, giữa làng và cuối làng.

Bậc Đạo sư được chúng Tỷ-kheo vây quanh, đi vào làng ấy khát thực. Các bậc Hiền trí trong làng thấy Thế Tôn, liền dựng một cái rạp tại cổng làng, tổ chức cúng dường trai phạn cho chúng Tỷ-kheo, đứng đầu là đức Phật. Họ đánh lễ bậc Đạo sư rồi ngồi xuống. Bậc Đạo sư thấy chỗ này chỗ kia có những người bị thương, liền hỏi các nam cư sĩ:

– Sao có nhiều người bị bệnh thế. Họ đã làm gì vậy?

– Bạch Thế Tôn, những người này đi đánh các con muỗi, nhưng lại cắn lẫn nhau, nên bị bệnh tình như vậy.

Bậc Đạo sư nói:

– Không phải chỉ nay các người ngu si đi đánh các con muỗi, rồi trở lại đánh mình. Trước kia, cũng có những người đi đánh các con muỗi, rồi trở lại đánh những người khác.

Sau đó, theo lời thỉnh cầu của những nam cư sĩ ấy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sống làm nghề đi buôn. Lúc bấy giờ, trong một làng biên địa ở nước Kāsi, nhiều người thợ mộc sống tại đây. Có một thợ mộc đầu hói đang đẽo một thân cây. Một con muỗi đậu trên đầu của kẻ ấy, cái đầu sáng chói như một cái bát đồng. Với cái miệng như mũi tên, muỗi đốt vào đầu như kiếm đâm. Kẻ ấy gọi đứa con đang ngồi gần và nói:

– Này con thân, con muỗi đốt vào đầu ta như bị kiếm đâm. Hãy đuổi nó đi!

– Thừa cha thân, hãy ngồi im! Với một cái đánh, con sẽ giết nó!

Lúc bấy giờ, Bồ-tát đi tìm hàng hóa cho mình, đến tại làng ấy, đang ngồi tại cửa quán người thợ mộc. Người thợ mộc ấy nói với đứa con:

– Này con, hãy đuổi con muỗi này!

Đứa con nói:

– Này cha thân, con sẽ đuổi.

Nó giơ cao một cái búa lớn sắc bén, đứng một bên lưng người cha nói:

– Con sẽ đánh muỗi.

Nó lại chém vỡ đôi đầu người cha. Người thợ mộc chết ngay tại chỗ. Bồ-tát thấy sự việc đã xảy ra cho người thợ mộc, suy nghĩ: “Một kẻ thù có trí còn tốt hơn, vì nó sợ hình phạt, sẽ không giết người.”

Rồi ngài nói lên bài kệ này:

44. Tốt hơn là kẻ thù,
 Còn hơn là người bạn,
 Đứa con ngu và điếc,
 Lại chém đầu người cha,

Nhưng có trí sáng suốt,
Thiếu trí tuệ thông minh.
Định giết chết con muỗi,
Vỡ ra thành hai mảnh.

Nói vậy xong, Bồ-tát đứng dậy ra đi, về sau mạng chung đi theo nghiệp của mình. Còn bà con của người thợ mộc lo việc thiêu xác của người thợ mộc.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các nam cư sĩ, trong thời quá khứ cũng có những người muốn đánh con muỗi lại đánh ngã các người khác.

Sau khi kể pháp thoại này xong, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc ấy, người đi buôn hiên trí nói xong bài kệ rồi đi chính là Ta vậy.

§45. CHUYỆN NỮ TỖY ROHINĪ (*Rohiṇījātaka*) (J. I. 248)

Tốt hơn là kẻ thù...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về người nữ tỳ của vị triệu phú Cấp Cô Độc. Theo truyền thuyết, ông Cấp Cô Độc có một người nữ tỳ tên là Rohinī. Người mẹ già của nó đi đến nhà giã gạo và nằm xuống, những con ruồi bu quanh cắn bà như đâm với mũi kim. Bà kêu đứa con gái:

– Nay con thân, các con ruồi cắn ta. Hãy đuổi chúng đi!

Đứa con gái nói:

– Thừa mẹ, con sẽ đuổi.

Nó giơ cái chày lên với ý định giết các con ruồi trên thân bà mẹ, nó nói:

– Con sẽ giết chúng.

Rồi nó lấy cái chày đập vào bà mẹ khiến bà chết tại chỗ.

Thấy vậy, nó khóc:

– Mẹ ôi!

Người ta báo cho vị triệu phú biết tin ấy. Sau khi báo hỏa táng bà mẹ, vị triệu phú đi đến tinh xá, báo cho bậc Đạo sư biết toàn thể câu chuyện. Bậc Đạo sư nói:

– Nay gia chủ, đây không phải lần đầu tiên với ý định giết các con ruồi trên thân bà mẹ mà nó đập với cái chày và giết bà mẹ. Thuở trước, nó cũng đã làm như vậy.

Sau khi nói như vậy, bậc Đạo sư theo lời thỉnh cầu của ông Cấp Cô Độc, kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadata trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình người triệu phú; sau khi cha mất, lên thay địa vị của cha. Vị triệu phú có người nữ tỳ tên là Rohinī. Nữ tỳ ấy đi đến chỗ giã gạo, nghe người mẹ đang nằm bảo:

– Hãy đuổi những con ruồi trên thân ta, này con thân!

Nó lấy cái chày đánh con ruồi và giết luôn bà mẹ rồi khóc. Bò-tát nghe kể chuyện ấy, tự nghĩ: “Trên đời này, một kẻ thù có trí còn tốt hơn.”

Rồi để tán thán người có trí, Bò-tát đọc bài kệ này:

45.	Tốt hơn là kẻ thù, Hơn kẻ thương hại mình, Hãy xem Rohiṇī, Rồi than khóc hoài công.	Có trí tuệ thông minh, Nhưng ngu si vô trí. Giết bà mẹ khốn khổ,
-----	--	--

Bậc Đạo sư nói:

– Này gia chủ, đây không phải lần đầu tiên với ý định sẽ giết các con ruồi mà nó giết bà mẹ. Lúc trước, nó cũng đã làm như vậy.

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp lại hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, bà mẹ và người con gái là bà mẹ và con gái ngày nay, còn vị đại triệu phú là Ta vậy.

§46. CHUYỆN KỂ LÀM HẠI VƯỜN (*Ārāmadūsakajātaka*)⁶³ (J. I. 249)

Bậc thiện không làm hại...

Câu chuyện này, tại một làng nhỏ ở Kosala, bậc Đạo sư đã kể về người làm hại vườn. Theo truyền thuyết, bậc Đạo sư đang bộ hành giữa dân chúng nước Kosala, đến một ngôi làng nhỏ. Tại đây, một người điền chủ thỉnh đức Như Lai vào ngôi trong vườn của mình, cúng dường chúng Tăng với đức Phật là vị dẫn đầu, và thừa:

– Bạch Thế Tôn, chư vị có thể đi kinh hành ở trong vườn này tùy theo sở thích.

Các Tỷ-kheo đứng dậy cùng với người giữ vườn đi dạo trong vườn, thấy một khoảng đất trống, liền hỏi người giữ vườn:

– Này nam cư sĩ, trong vườn này, các chỗ khác có cây cối rậm rạp, nhưng tại chỗ này không có cây, cũng không có bụi cây. Vì lý do gì vậy?

– Thừa các Tôn giả, khi vườn này được trồng cây, một đứa trẻ ở làng tưới cây tại chỗ này, nhổ rễ các cây non lên, rồi tùy theo lượng rễ cây mà tưới nước nhiều hay ít. Các cây non ấy bị héo và chết. Vì lý do ấy, chỗ này thành trống không.

Các Tỷ-kheo đi đến bậc Đạo sư, báo cáo câu chuyện. Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, đứa trẻ ở làng không phải chỉ nay mới là kẻ làm hư vườn. Thuở trước, nó cũng là kẻ làm hư vườn.

⁶³ Xem J. II. 345, *Ārāmadūsakajātaka* (Chuyện kể làm hại vườn), số §268; J. II. 351, *Udapānadūsakajātaka* (Chuyện kể làm bán giếng nước), số §271.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở trước, khi Vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, một ngày lễ hội được tổ chức ở Ba-la-nại. Bắt đầu từ khi nghe tiếng trống lễ hội, toàn thể dân chúng trong thành ào ra tham dự. Lúc bấy giờ, trong vườn nhà vua có nuôi rất nhiều khi. Người giữ vườn suy nghĩ: “Thành phố vui chơi lễ hội, ta sẽ bảo những con khi này tưới nước, còn ta sẽ đi chơi lễ hội.” Anh ta đến con khi đầu đàn và hỏi:

– Đây bạn khi chúa, vườn này đã giúp đỡ các bạn nhiều. Các bạn ở đây ăn hoa, trái và đọt non. Thành phố hôm nay đang vui chơi lễ hội, ta sẽ đi dự hội. Cho đến khi ta về, các bạn có thể tưới nước giúp các cây non trong vườn này không?

– Lành thay, chúng tôi sẽ tưới.

– Vậy các bạn hãy cẩn thận.

Để chúng có thể tưới nước, người giữ vườn đưa cho chúng những bao da chứa nước và các thùng gỗ, rồi ra đi.

Các con khi cầm bao da chứa nước và các thùng gỗ, bắt đầu tưới nước cho các cây non. Con khi chúa nói với chúng:

– Đây các bạn khi, hãy gìn giữ nước. Khi các bạn tưới nước trên các cây non, trước hết hãy kéo những cây ấy lên, xem rễ của chúng như thế nào. Những rễ nào đâm sâu thì tưới nhiều nước vào rễ. Rễ nào không đâm sâu, hãy tưới ít nước. Nếu tưới nhiều nước, chúng ta thật khó tìm thêm nước.

Chúng vâng theo và làm đúng như vậy. Lúc bấy giờ, một người hiền trí thấy các con khi ấy làm như vậy trong vườn của vua, liền hỏi:

– Đây các bạn khi, sao các bạn lại kéo các cây non lên và tưới nước tùy theo lượng của rễ?

Chúng trả lời:

– Chúa khi đầu đàn của chúng tôi khuyên như vậy.

Nghe chúng nói, người hiền trí ấy suy nghĩ: “Ôi, những kẻ ngu si vô trí, đâu muốn làm điều tốt, lại làm điều có hại!”

Rồi vị ấy đọc bài kệ này:

46.	Bậc thiện không làm hại,	Làm lành đem đến lạc;
	Người ngu hại điều lành,	Như khi giết hại vườn.

Người hiền trí ấy chỉ trích con khi đầu đàn như vậy rồi đem đoàn tùy tùng của mình ra đi.

Bậc Đạo sư nói:

– Đây các Tỷ-kheo, đứa trẻ ở làng không phải chỉ nay mới là kẻ làm hại vườn. Thuở trước, nó cũng đã là kẻ làm hại vườn.

Sau khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này, Ngài kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Khi ấy, con khi đầu đàn là đứa trẻ ở làng làm hại vườn, còn người Hiền trí là Ta vậy!

§47. CHUYỆN RƯỢU MẠNH (*Vāruṇijātaka*) (J. I. 251)

Bậc thiện không làm hại...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một người phá hư rượu. Tương truyền, bạn của ông Cấp Cô Độc là một người bán rượu. Kẻ ấy dự trữ một số rượu cay mạnh để bán cho quần chúng và họ trả bằng vàng và bạc. Quần chúng tụ họp đông đảo trong quán rượu, kẻ ấy bảo người đệ tử học việc:

– Này con thân, hãy lấy tiền trước khi giao rượu!

Sau khi ra lệnh như vậy, kẻ ấy đi tắm. Người đệ tử bán rượu cho quần chúng. Khách uống bảo nó đem cho họ muối và đường cục để vừa ăn vừa uống rượu. Thấy vậy, nó liền nghĩ: “Rượu chắc thiếu muối. Ta sẽ bỏ muối vào rượu.”

Nó liền bỏ độ một cân muối vào hủ rượu rồi rót rượu cho họ. Khi họ vừa uống một ngụm đầy miệng, họ liền nhổ ra và hỏi:

– Anh đã làm gì vậy?

– Các anh uống rượu đòi tôi đem muối lại. Thấy vậy, tôi bỏ thêm muối vào.

– Này kẻ ngu kia, chú mày đã làm hư rượu ngon như vậy rồi.

Khách hàng chỉ trích người ấy rồi lần lượt đứng dậy và bỏ đi. Người buôn rượu đi về, không thấy một người khách nào, liền hỏi những người uống rượu đã đi đâu rồi. Nó tường thuật lại sự việc. Người thầy của nó mắng:

– Này kẻ ngu kia, mày đã phá hư rượu rồi!

Và ông đi báo với ông Cấp Cô Độc. Ông Cấp Cô Độc nghĩ: “Đây là một câu chuyện hay nên nói”, liền đi đến Kỳ Viên đánh lễ bậc Đạo sư và thưa lại câu chuyện. Bậc Đạo sư nói:

– Này gia chủ, không phải nay kẻ học việc ấy mới là người phá hư rượu. Thuở trước, nó cũng là người phá hư rượu rồi.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của ông Cấp Cô Độc, bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm người triệu phú ở Ba-la-nại. Nương tựa vào Bồ-tát là một người sống với nghề buôn rượu. Sau khi tích trữ một số rượu mạnh, kẻ ấy bảo người đệ tử tên là Koṇḍañña bán rượu rồi đi tắm. Trong khi người buôn rượu đi khỏi, người đệ tử đổ muối vào rượu, và vì vậy đã phá hư rượu. Thầy của nó về, biết được nguyên nhân, liền báo cho người triệu phú rõ. Người triệu phú nói:

– Người thiện không làm hại, còn người ngu dẫu muốn làm điều tốt, lại làm điều có hại.

Và đọc thêm bài kệ này:

47.	Bậc thiện không làm hại,	Làm lành đem đến lạc,
	Người ngu hại điều lành,	Thật giống Koṇḍañña,
	Đổ muối vào bình rượu.	

Bồ-tát thuyết pháp với bài kệ này.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay gia chủ, không phải nay nó mới là người phá rượu. Thuở trước, nó cũng là người phá hư rượu.

Sau khi nói xong, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thuở ấy, kẻ làm hư rượu là kẻ làm hư rượu bây giờ, còn vị triệu phú Ba-la-nại là Ta vậy.

§48. CHUYỆN BÀ-LA-MÔN VEDABBHA (*Vedabbhajātaka*)⁶⁴ (J. I. 252)

Dùng phương tiện không tốt...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo khó bảo. Bậc Đạo sư nói với Tỷ-kheo ấy:

– Nay Tỷ-kheo, không phải chỉ nay ông mới khó bảo, thuở trước ông cũng đã khó bảo! Do lời nói của ông, do không làm theo lời các bậc Hiền trí, ông bị gươm chém đứt đôi và bị quăng trên đường. Chính do nhân duyên độc nhất ấy, khiến một ngàn người mạng chung.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, trong một ngôi làng nhỏ, có một Bà-la-môn biết được bùa chú tên là Vedabbha. Bấy giờ, người ta nói bùa chú ấy có giá trị rất lớn. Khi có sự giao hội các hành tinh, nếu ai đọc chú ấy và nhìn lên trời thì từ trời mưa xuống bảy vật báu (vàng, bạc, trân châu, san hô, lưu ly, hồng ngọc và kim cương).

Lúc bấy giờ, Bồ-tát đi học nghề với Bà-la-môn ấy. Một hôm, vị Bà-la-môn đem Bồ-tát đi theo, vì một vài công việc đi ra khỏi làng của mình và đến nước Ceti. Giữa đường, tại một khu rừng, có năm trăm kẻ cướp được gọi là “kẻ cướp sứ giả”, chúng làm cho con đường không thể đi được, chúng bắt Bồ-tát và Bà-la-môn Vedabbha.

⁶⁴ Bản Tích Lan viết *Vedabbhajātaka*. Bản CST, Thái Lan viết *Vedabbajātaka*.

Vì sao chúng được gọi là những “kẻ cướp sứ giả”? Người ta nói, khi chúng bắt được hai người, chúng cử một người đi lấy tiền chuộc; do vậy, chúng được gọi là những “kẻ cướp sứ giả”. Nếu chúng bắt được hai cha con, chúng cử người cha đi đem tiền chuộc cho chúng để dắt người con về.

Với phương tiện này, nếu chúng bắt được mẹ và con gái, chúng cử người mẹ đi; chúng bắt được hai anh em cả và út, chúng cử người anh cả đi; nếu chúng bắt được thầy và trò, chúng cử người học trò đi. Lúc ấy, chúng giữ lại Bà-la-môn Vedabbha và cử Bồ-tát đi. Bồ-tát đánh lễ thầy và nói:

– Con sẽ về trong một hai ngày, thầy chớ sợ hãi. Nhưng thầy hãy làm theo lời con. Hôm nay sẽ có giao hội các hành tinh để mưa châu báu xuống, chớ vì chịu khổ cực không nổi mà đọc thần chú và làm mưa châu báu xuống. Nếu mưa xuống, thầy sẽ bị diệt vong, cả năm trăm tên cướp này cũng vậy.

Sau khi khuyên thầy như vậy, Bồ-tát đi lấy tiền chuộc. Khi mặt trời lặn, các tên cướp trối vị Bà-la-môn lại, bắt nằm xuống. Đúng thời khắc ấy, mặt trăng tròn ngày rằm từ chân trời phương Đông mọc lên. Vị Bà-la-môn nhìn các vì sao, biết sự giao hội các hành tinh để mưa châu báu đã thành hình. Vị ấy tự nghĩ: “Sao ta lại chịu khổ như thế này, ta hãy đọc thần chú, làm mưa châu báu xuống cho các tên cướp tài sản và sẽ sung sướng ra đi.” Vì vậy, vị Bà-la-môn nói với các tên cướp:

– Đây các bạn, vì mục đích gì các bạn bắt tôi?

– Vì mục đích tài sản.

– Nếu các bạn muốn có tài sản, lập tức hãy cởi trói cho tôi, rửa đầu cho tôi, mang áo mới thoa hương thơm và trang điểm bông hoa, rồi để tôi ở một mình.

Các tên cướp nghe nói, liền làm theo như vậy. Vị Bà-la-môn biết được sự giao hội các hành tinh, đọc thần chú và mắt nhìn lên trời. Từ trên trời, các châu báu rơi xuống. Các tên cướp thâm lượm tài sản ấy, gói lại thành từng bọc với áo khoác ngoài, rồi ra đi cả đoàn. Vị Bà-la-môn theo chúng đi sau cùng. Các tên cướp ấy bị năm trăm tên cướp khác bắt. Chúng hỏi bọn kia:

– Các anh bắt chúng tôi vì mục đích gì?

– Vì mục đích tài sản.

– Nếu các anh muốn tài sản, hãy bắt Bà-la-môn này! Nó nhìn lên trời, làm mưa tài sản rơi xuống. Chính nó cho chúng tôi tài sản này.

Các tên cướp sau thả các tên cướp trước, rồi bắt vị Bà-la-môn và nói:

– Hãy cho chúng tôi tài sản như vậy!

Bà-la-môn nói:

– Tôi không thể cho các anh tài sản. Từ nay cho đến một năm, sự giao hội các hành tinh để mưa tài sản mới thành hình. Nếu các anh muốn có tài sản, hãy chờ đợi. Khi ấy, tôi sẽ làm mưa tài sản xuống.

Các tên cướp tức giận nói:

– Đồ xảo quyệt Bà-la-môn, ngươi làm mưa tài sản ngay cho bọn kia, lại bắt chúng ta đợi một năm nữa.

Chúng nó lấy gươm sắc bén chém vị Bà-la-môn làm hai, vất bỏ trên đường. Rồi chúng đuổi theo gấp, giao chiến với bọn cướp kia, giết chết bọn chúng và lấy tài sản. Rồi chúng chia thành hai nhóm, giao chiến lẫn nhau cho đến khi giết hai trăm năm mươi tên. Với cách thức ấy, chúng chém giết lẫn nhau cho đến khi chỉ còn lại hai tên. Như vậy, cả ngàn người ấy đi đến diệt vong.

Hai tên còn lại mang tài sản ấy chôn giấu tại một khu rừng gần làng, một tên cầm gươm ngồi giữ, một tên lấy gạo đi vào làng để nấu cơm. Tên ngồi gần tài sản suy nghĩ: “Lòng tham là cội gốc của diệt vong. Nếu tên kia về, tài sản sẽ phải chia làm hai. Khi tên kia vừa về, ta sẽ lấy gươm chém giết nó.” Nghĩ vậy, nó rút gươm ra, ngồi chờ tên kia về. Tên kia cũng suy nghĩ: “Tài sản kia phải được chia làm hai. Ta hãy bỏ thuốc độc vào cơm cho tên kia ăn, khiến nó mạng chung, như vậy, chỉ một mình ta được tài sản.”

Khi cơm nấu chín, nó ăn phần của nó, rồi bỏ thuốc độc phần còn lại, đem theo đi đến chỗ ấy. Khi nó đặt cơm ấy xuống, vừa đứng dậy, tên kia lấy kiếm chém nó đứt đôi, ném xác nó vào chỗ kín. Rồi nó ăn phần cơm ấy và chết ngay tại chỗ. Như vậy, vì tài sản toàn thể bị diệt vong.

Sau hai ba ngày, Bồ-tát mang tiền chuộc đi đến chỗ ấy, không thấy thầy mình, thấy tài sản rơi vãi, tự nghĩ: “Thầy ta không làm theo lời ta, làm mưa tài sản xuống, khiến tất cả phải chịu nạn diệt vong.”

Rồi Bồ-tát theo con đường lớn đi tới. Trong khi đang đi, thấy thầy mình bị chặt đứt làm hai ở trên đường lớn, lại nghĩ: “Vì không theo lời ta nên thầy đã bị giết.” Bồ-tát chất củi làm một giàn thiêu đốt xác thầy và cúng dường với hoa trong rừng. Đi nữa, Bồ-tát gặp năm trăm người mạng chung; tiếp tục đi tới nữa, thấy hai trăm năm mươi người; tiếp tục đến chỗ các người mạng chung, chỉ thiếu có hai. Thấy vậy, Bồ-tát suy nghĩ: “Một ngàn người, trừ hai người, đi đến diệt vong. Thế nào cũng còn lại hai tên cướp nữa. Chúng không thể không đánh nhau, không biết chúng đã đi đâu?”

Tiếp tục đi nữa, Bồ-tát thấy con đường mà hai người mang tài sản đi vào trong khu rừng; đi nữa, Bồ-tát thấy đồng tài sản được gói thành từng bọc và một tên cướp nằm chết với bát cơm bị rơi vãi. Đây là việc làm của chúng, Bồ-tát biết tất cả, tự hỏi: “Người kia ở đâu?” Tìm thấy nó bị quăng xác tại chỗ đầu kia, Bồ-tát suy nghĩ: “Thầy ta không làm theo lời ta, do tánh khó bảo của thầy, tự mình đã bị diệt vong còn làm cho một ngàn người khác cũng vì mình bị diệt vong. Ai dùng phương tiện không chánh đáng, vì lý do sai lạc, đem lại sự giàu sang cho chính mình rồi cũng bị diệt vong như thầy ta vậy.”

Suy nghĩ vậy, Bồ-tát đọc bài kệ này:

- | | | |
|-----|--|---|
| 48. | Dùng phương tiện không tốt,
Cướp giết Vedabbha, | Mong lợi sẽ bị hại,
Tất cả bị diệt vong. |
|-----|--|---|

Rồi Bồ-tát nói thêm:

– Như thầy ta, do ý nghĩ không tốt đẹp, do cố gắng sai chỗ, làm mưa tài sản xuống, tự mình bị mạng chung còn làm cho những người khác cũng bị diệt vong. Cũng vậy, với ai ý nghĩ không chánh đáng, nỗ lực cố gắng muốn lợi cho mình, tự mình diệt vong hoàn toàn, lại còn làm cho những người khác cũng bị diệt vong nữa.

Bồ-tát làm vang động cả khu rừng vì tiếng nói của mình khiến chư thần cây đáp ứng tán đồng. Với bài kệ này, Bồ-tát thuyết pháp. Sau đó, ngài dùng phương tiện đem tài sản ấy về nhà, làm các công đức như bố thí và nhiều thiện sự khác,... rồi sống cho đến hết tuổi thọ. Khi mạng chung, Bồ-tát đi lên con đường thiên giới.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay Tỷ-kheo, không phải chỉ nay ông là người khó bảo. Thuở trước, ông cũng đã là người khó bảo. Vì khó bảo, ông đi đến diệt vong hoàn toàn.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Vedabbha là Tỷ-kheo khó bảo, còn người đệ tử là Ta vậy.

§49. CHUYỆN CÁC VÌ SAO (*Nakkhattajātaka*) (J. I. 257)

Chờ đợi các vì sao...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một người tà mạng ngoại đạo. Theo truyền thuyết, một thiện nam tử ở thôn quê hỏi cưới cho con trai mình cô con gái của một gia đình ở Xá-vệ và hẹn ngày cưới. Khi đến ngày ấy, ông hỏi một kẻ tà mạng ngoại đạo thân tín với gia đình:

– Thưa Tôn giả, hôm nay chúng tôi sẽ làm một lễ phù hợp ngày lành, vậy các vì sao có tốt không?

Vị này tức giận suy nghĩ: “Người này không hỏi ta trước, đã quyết định ngày, nay mới hỏi ta. Ta hãy cho nó một bài học.” Vị ấy nói:

– Hôm nay, các vì sao không tốt. Chớ nên làm lễ hôm nay. Nếu làm lễ, sẽ có nạn diệt vong lớn.

Các người trong gia đình ở thôn quê tin vị ấy và không đi rước dâu trong ngày ấy. Trong khi ấy, những người thuộc gia đình nhà gái ở thành thị đã sửa soạn tất cả để làm lễ cưới. Thấy các người kia không đến, họ nói:

– Chính họ quyết định ngày hôm nay và họ không đến, chúng ta đã phí tổn rất nhiều. Họ là hạng người gì? Chúng ta sẽ gả con gái chúng ta cho một người khác.

Rồi họ gả con gái cho một người khác và làm lễ cưới như đã được sửa soạn. Vào ngày sau, đám người thôn quê đi đến và xin rước dâu. Những người ở thành Xá-vệ nói:

– Các ông gia chủ sống ở thôn quê là những người độc ác. Chính các ông đã quyết định ngày, lại khinh thường chúng tôi và không đến. Các ông hãy về lại theo con đường các ông đã đến. Chúng tôi đã gả con gái cho người khác rồi.

Họ mắng những người kia như vậy. Những người kia cũng mắng lại, rồi cuối cùng đi về theo con đường họ đã đến.

Bấy giờ, các Tỷ-kheo biết được toàn bộ câu chuyện ấy và thăm trách kẻ tà mạng ngoại đạo ấy đã làm trở ngại ngày lành của những người kia. Các Tỷ-kheo ngồi hội họp trong pháp đường nói:

– Nay các Hiền giả, kẻ tà mạng ngoại đạo kia đã làm trở ngại ngày lành của gia đình ấy.

Bậc Đạo sư đi đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, hôm nay, ở đây các ông ngồi hội họp bàn chuyện gì?

Khi được biết câu chuyện ấy, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay kẻ tà mạng ngoại đạo ấy mới làm trở ngại ngày lành của gia đình kia. Thuở trước, kẻ ấy tức giận họ và cũng làm trở ngại ngày lành.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở trước, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, những người dân ở thành phố xin cưới cô con gái ở thôn quê, đã định ngày cưới và hỏi một kẻ tà mạng ngoại đạo, bạn của gia đình:

– Thưa Tôn giả, hôm nay chúng tôi định làm lễ ngày lành, vậy các vì sao có tốt đẹp không?

Người tà mạng ngoại đạo tức giận suy nghĩ: “Những người này đã quyết định ngày theo sở thích của mình, nay mới hỏi ta. Vậy ta sẽ làm trở ngại ngày lành của họ.” Kẻ ấy nói:

– Hôm nay các vì sao không tốt. Nếu các ông làm lễ, các ông sẽ gặp nạn diệt vong lớn.

Họ tin kẻ ấy, nên không đi đến. Những người ở thôn quê biết được họ không đến liền nói với nhau:

– Nay họ đã định ngày, nhưng lại không đến. Họ là hạng người gì đối với chúng ta?

Và họ gả con gái cho người khác. Những người ở thành phố đến vào ngày sau và xin đón con dâu. Những người ở thôn quê nói:

– Các ông, những người ở thành phố, là những gia chủ không có liêm sỉ. Chính các ông đã định ngày, nhưng không đón con dâu. Vì các ông không đến nên chúng tôi đem gả con cho người khác rồi.

– Chúng tôi hỏi một vị đạo sĩ, biết được các vì sao không tốt, nên chúng tôi không đến. Hãy cho chúng tôi rước dâu!

– Vì các ông không đến, chúng tôi đã gả nó cho người khác rồi! Nay làm sao lại có thể dắt nó về được?

Trong khi họ đang cãi nhau như vậy, một người hiền trí ở thành phố đi đến thôn quê vì một công việc gì đó, nghe kể lại câu chuyện ấy, liền nói:

– Có nghĩa lý gì là các vì sao? Được người con gái đâu có phải nhờ các vì sao?

Rồi người hiền trí đọc bài kệ này:

49. Chờ đợi các vì sao, Kẻ ngu hổng điều lành,
Điều lành chiếu điều lành, Sao trời làm được gì?

Các người ở thành phố cãi lộn xong, không rước dâu được đành ra về.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay kẻ tà mạng ngoại đạo này mới làm trở ngại ngày lành của gia đình ấy, thuở trước cũng đã làm rồi.

Sau khi kể pháp thoại, bậc Đạo sư kết hợp hai mẫu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, kẻ tà mạng ngoại đạo là kẻ tà mạng ngoại đạo hôm nay, các gia đình ấy là một, người hiền trí nói kệ là Ta vậy.

§50. CHUYỆN NHỮNG KẺ VÔ TRÍ (*Dummedhajātaka*) (J. I. 259)

Với ngàn kẻ vô trí...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về các hành vi đem lại lợi ích cho đời. Câu chuyện này được kể ở chương XII, *Chuyện đại hắc thiên cầu*.⁶⁵

Thuở trước, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát nhập thai vào vị hoàng hậu của vua ấy. Từ bào thai sanh ra, trong ngày đặt tên, Bồ-tát được gọi là Hoàng tử Brahmadattakumāra. Khi đến mười sáu tuổi, ngài được khéo giáo dục ở Takkaṣilā, học thành thục ba tập Vệ-đà và hiểu biết thông suốt mười tám ngành học thuật. Vua cha phong cho hoàng tử chức Phó vương.

Lúc bấy giờ, các người dân ở Ba-la-nại thường hành lễ ngày lành cúng chư

⁶⁵ Xem J. IV. 10, *Mahākāṇhajātaka* (Chuyện đại hắc thiên cầu), số §469.

thần, họ đánh lễ chư thần. Họ giết hại nhiều dê, cừu, gà... và không chỉ làm lễ vật cúng dường với nhiều loại hương hoa mà cả với thịt tươi đầy máu nữa. Bồ-tát suy nghĩ: “Nay quần chúng thường hành lễ ngày lành cúng chư thần và giết hại nhiều sinh vật. Phần lớn quần chúng theo phi pháp. Sau khi cha mất, ta sẽ được cả quốc độ, ta sẽ tìm một phương tiện không làm phiền não một ai và chấm dứt sự giết hại các sinh vật.”

Một hôm, Bồ-tát lên xe, từ thành đi ra, thấy một số quần chúng lớn tụ họp tại một cây thần lớn, cầu xin vị thần cây ban cho con trai, con gái, danh vọng, tài sản... muốn gì thì phát nguyện như vậy. Bồ-tát xuống xe, đi đến cây ấy, cúng dường với hương hoa, rưới cây với nước, đi quanh cây ấy về hướng phải, thành kính lễ bái thần cây. Sau đó, Bồ-tát leo lên xe, rồi đi vào thành.

Từ đây trở đi, với phương tiện này, Bồ-tát thỉnh thoảng đi đến cây ấy, đánh lễ như người tôn thờ thần cây. Sau một thời gian, phụ vương qua đời, Bồ-tát được đặt lên ngôi vua. Ngài từ bỏ bốn con đường ác, thực hành mười đức tính của một vị vua và trị vì quốc độ đúng pháp. Ngài suy nghĩ: “Nay ta đã đạt được ý định cao tốt và được đặt lên ngôi vua. Trước kia, sở nguyện của ta như thế nào, nay ta phải thực hành cho kỳ được.”

Bồ-tát hội họp các đại thần, các Bà-la-môn, quý tộc, gia chủ và nói:

- Các khanh có biết ý muốn của ta trước khi ta đạt được vương vị chăng?
- Thưa Thiên tử, chúng thần không biết.
- Các khanh có thấy trước đây ta đánh lễ thần cây ấy với hương hoa và chấp tay cúi lạy cây ấy hay không?
- Thưa Thiên tử, có.
- Lúc ấy, ta phát nguyện rằng, nếu ta được làm vua, ta sẽ hiến vật cúng cho thần cây ấy. Ta nhờ uy lực thần cây ấy, nên đã được quốc độ. Nay ta sẽ hiến cúng cho thần cây, các khanh chớ làm trở ngại. Hãy mau sửa soạn hiến vật cúng thần!

– Chúng thần lấy gì cúng dường thần cây?

– Nay các khanh, ta có nguyện với thần ấy như sau: “Tất cả những ai trong quốc độ của tôi chấp nhận và thực hành năm ác giới như sát sanh... và mười hạnh bất thiện, tôi sẽ giết những người ấy; và với nội tạng, thịt và máu của chúng, tôi sẽ hiến vật cúng thần!” Lời nguyện của ta là vậy. Các khanh hãy đánh trống báo cáo như sau: “Đại vương của chúng ta, khi còn làm Phó vương, có phát nguyện: ‘Nếu ta đạt được quốc độ, những ai là kẻ theo ác giới trong nước ta, ta sẽ giết tất cả chúng làm vật hiến cúng thần! Vậy nay ta sẵn sàng bảo giết một ngàn người nào chấp nhận và thực hành năm ác giới và mười ác hạnh, cho lấy tim và thịt của chúng để làm vật hiến cúng thần.’ Như vậy, nay ta tuyên bố cho các thị dân được biết!”

Vua lại tuyên bố như sau:

– Chỉ những ai, bắt đầu từ hôm nay, còn phạm các giới ác hạnh, một ngàn người như vậy sẽ bị giết để làm lễ tế đàn và ta sẽ giải tỏa hạnh nguyện của ta.

Đề ý nghĩa này được rõ ràng, Bồ-tát đọc bài kệ:

50. Với ngàn kẻ vô trí, Ta nguyện giết tế lễ,
 Nay ta sẽ làm lễ, Giết những kẻ phi pháp.

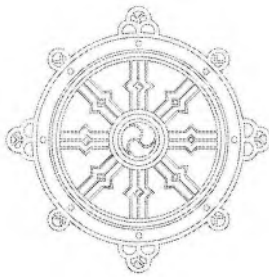
Các bậc đại thần vâng theo lời Bồ-tát; cho đánh trống bố cáo trong thành Ba-la-nại, khắp cả mười hai do-tuần. Khi nghe lời bố cáo, không có đến một người dám đứng lên làm ác giới, ác hạnh. Suốt thời gian Bồ-tát trị vì quốc độ như vậy, không một ai phạm pháp. Bồ-tát không làm phiền não một ai, khiến toàn thể nhân dân trong nước gìn giữ giới luật, tự mình làm các công đức như bố thí... cho đến khi mạng chung, ngài mang theo hội chúng của mình đi đến và tràn ngập cả thành phố chư thiên.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Như Lai sống đem lại lợi ích cho đời, thưở trước Như Lai cũng đã làm như vậy.

Sau khi thuyết pháp thoại này xong và kết hợp hai câu chuyện, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, quần thần là hội chúng của Như Lai và vua thành Ba-la-nại là Ta vậy.



VI. PHẨM HY VỌNG (*ĀSIMSAVAGGA*)⁶⁶

§51. CHUYỆN VUA SĪLAVA VĨ ĐẠI (*Mahāsīlavajātaka*)⁶⁷ (J. I. 261)

Người luôn luôn hy vọng...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo thói thất tinh tấn. Bậc Đạo sư hỏi Tỷ-kheo ấy:

– Có thật chăng, này Tỷ-kheo, ông thói thất tinh tấn?

– Bạch Thế Tôn, thật vậy.

– Này Tỷ-kheo, vì sao ở trong giáo pháp đưa đến giải thoát như vậy, ông lại thói thất tinh tấn? Thuở trước, các bậc Hiền trí sau khi mất quốc độ, vẫn kiên trì tinh tấn, cuối cùng lấy lại danh tiếng đã mất.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì quốc độ ở xứ Ba-la-nại, Bồ-tát đầu thai làm con bà hoàng hậu. Trong ngày đặt tên, ngài được gọi là Hoàng tử Sīlava (Giới Đức). Khi đến mười sáu tuổi, ngài thành thực trong tất cả các tài nghệ. Sau một thời gian, khi vua cha mạng chung, ngài được đặt lên vương vị với danh hiệu Vua Mahāsīlava (Đại Giới Đức).

Vị vua đứng pháp trị vì theo pháp. Tại bốn cửa thành, vua xây dựng bốn trường bố thí, lại xây dựng thêm giữa thành phố một cái, tại cửa cung điện ngài một cái. Sáu trường bố thí được xây dựng bố thí cho những kẻ nghèo khổ lữ hành. Vua trì giới, gìn giữ ngày trai giới (Bồ-tát), đầy đủ lòng nhân nại, nhân ái và từ mẫn. Vị ấy trị vì quốc độ đúng pháp và muốn tất cả chúng sanh được hạnh phúc như muốn đưa con yêu quý ngồi trên bập về mình được hạnh phúc.

Một đại thần của vua làm tà hạnh trong nội cung và sau một thời gian bị phát hiện, các đại thần tâu với vua. Vua điều tra, tự mình rõ biết sự việc, cho gọi đại thần ấy đến, tẩn xuất kẻ ấy ra khỏi nước và nói:

– Này kẻ ngu si kia, việc ngươi làm không thích đáng, ngươi không xứng đáng sống trong quốc độ của ta. Hãy đem tài sản, vợ con và đi chỗ khác!

⁶⁶ Bản Tích Lan và Thái Lan viết *Āsimsavagga*. Bản CST viết *Āsīsavagga*.

⁶⁷ Xem J. IV. 269, *Sarabhamigajātaka* (Chuyện lặc vương Sarabha), số §483.

Kẻ ấy đi khỏi nước Kāsi, đến làm việc với vua nước Kosala, dần dần trở thành người cố vấn tin cẩn thân cận của vua. Một hôm, kẻ ấy tâu với vua nước Kosala:

– Thưa Thiên tử, nước Kāsi như bánh mật ong không có ruồi bu. Vua rất nhu nhược, chỉ với một ít đội quân là có thể chiếm lấy thành Kāsi.

Nghe kẻ ấy nói vậy, vua liền suy nghĩ: “Nước Ba-la-nại to lớn. Nó lại nói với một ít đội quân là có thể chiếm lấy thành ấy. Rất có thể nó là tên cướp được thuê mướn.” Vua nói:

– Ta nghĩ khanh là tên cướp được thuê mướn.

– Thưa Thiên tử, hạ thần không phải là tên cướp được thuê mướn! Thần chỉ nói sự thật. Nếu bệ hạ không tin thần, hãy cử người đến tàn phá một làng biên địa, rồi bệ hạ sẽ thấy, khi những người đi tàn phá bị bắt và được dẫn đến trước vua nước Kāsi, vua ấy sẽ cho tài sản và thả họ về.

Vua nước Kosala nghĩ: “Người này thật rất bạo dạn khi đã nói như vậy, ta sẽ điều tra xem sao.” Rồi vua cử một số người của vua, đi tàn hại một làng ở biên địa Ba-la-nại. Họ bị bắt và dẫn đến trước mặt vua Kāsi. Vua hỏi:

– Nay các bạn thân, sao lại tàn hại dân làng ta?

– Thưa Thiên tử, vì chúng tôi không thể kiếm sống được.

– Vậy sao các người không đến ta? Từ nay trở đi, chớ làm như vậy nữa.

Vua cho họ tiền của và thả họ về. Họ báo cáo lại sự tình lên vua nước Kosala. Với kinh nghiệm này, vua chưa dám cử quân đi, bèn sai người tới tàn hại miền giữa quốc độ. Những kẻ trộm ấy được vua nước Kāsi cho tiền của như trước rồi thả về. Vua nước Kosala với kinh nghiệm này nữa, cũng chưa dám cử quân đi, lại sai người tới cướp phá ngay trong đường phố. Vua nước Kāsi cho các tên cướp ấy tiền của rồi cũng thả chúng về. Lúc bấy giờ, vua nước Kosala mới biết vua nước Kāsi là vị vua trị vì hết sức nhân từ, liền quyết định cử đội quân đi chiếm lấy nước Ba-la-nại.

Lúc bấy giờ, vua nước Ba-la-nại có một ngàn đại chiến sĩ, những bậc anh hùng siêu việt, vô úy; những vị này có thể đối mặt không thối chạy bởi sự tấn công của một con voi điên loạn, không sợ hãi khi bị sét đánh trên đầu; là một đội quân vô địch có thể chiếm toàn cõi Diêm-phù-đề theo ý muốn của Đại vương Sīlava. Họ nghe tin vua nước Kosala đến, liền đến báo cáo vua nước Kāsi:

– Thưa Thiên tử, vua nước Kosala đến với ý định chiếm lấy nước Ba-la-nại. Chúng tôi sẽ đi đánh và bắt vua ấy, không cho vua ấy bước qua biên giới.

– Nay các khanh, chớ vì ta mà làm các người khác phiền não. Những ai muốn quốc độ, hãy để họ lấy quốc độ ta. Các khanh chớ đi!

Vua ngăn chặn các chiến sĩ ấy chống trả quân xâm lược. Sau đó, vua nước Kosala vượt qua biên giới và xâm nhập miền giữa quốc độ. Các đại thần đến báo cáo với vua như lần trước. Vua lại ngăn chặn như lần trước. Bấy giờ, vua

nước Kosala đến đứng ngoài thành và đưa tin cho Đại vương Sīlava giao quốc độ hay giao chiến. Vua nước Kāsi đưa tin trả lời là vua không giao chiến.

– Hãy tới mà lấy quốc độ!

Lần thứ ba, các đại thần lại đến tâu vua:

– Thưa Thiên tử, chúng thần không để cho vua nước Kosala vào thành. Chúng thần sẽ đánh vua ấy ở ngoài thành và bắt vua ấy.

Nhưng vua nước Kāsi vẫn ngăn chặn như các lần trước, cho mở các cửa thành, rồi ngồi trên vương tòa lồng lẩy với một ngàn đại thần vây quanh. Vua nước Kosala cùng với đội quân lớn vào thành Ba-la-nại. Không thấy một ai chống cự, vua đi đến cung điện của vua nước Kāsi, với các cửa mở toang. Vua nước Kosala liền ra lệnh bắt Vua Mahāsīlava đang ngồi im lặng trên ngai vàng cùng với ngàn đại thần vây quanh.

– Hãy trói vua này với các đại thần, trói thật chặt cánh tay chúng ra sau lưng, dắt chúng đến bãi tha ma, đào những hố sâu đến cổ, khiến mọi người không thể giơ tay, rồi đổ đất xuống và chôn sống chúng. Ban đêm, các con chó rừng sẽ đến và sẽ làm những gì cần phải làm đối với chúng.

Các người tùy tùng theo lệnh vua cướp nước, trói vua nước Kāsi với các đại thần, trói thật chặt cánh tay ra sau lưng, rồi dắt họ đi. Lúc bấy giờ, Đại vương Sīlava không có tư tưởng sân hận gì với vua cướp nước. Trong khi các đại thần ấy bị trói như vậy và dắt đi, không một ai có thể trái lời vua nước Kāsi, hội chúng vua nước Kāsi được khéo huấn luyện về kỷ luật như vậy.

Rồi những người lính của vua cướp nước dắt Vua Sīlava và các đại thần đi đến bãi tha ma, đào những hố sâu ngang cổ, chôn tất cả xuống cái hố, Đại vương Sīlava bị chôn ở giữa, hai bên chôn các đại thần, rải đất lên, lấp chày nện xuống rồi bỏ đi. Vua Sīlava không phẫn nộ đối với vua cướp nước và khuyên các đại thần:

– Này các khanh, hãy tu tập hạnh từ bi!

Nửa đêm, các con chó rừng đến, định ăn thịt người. Thấy chúng, vua và các đại thần đồng thanh la to lên, các con chó rừng sợ hãi chạy trốn. Khi chúng quay trở lại nhìn, biết không có ai đuổi theo, chúng liền trở lui. Các người ấy lại la lớn hơn trước. Như vậy, chúng chạy trốn đến lần thứ ba, rồi lại nhìn lui, biết không có ai đuổi theo, chúng nghĩ: “Các người này rồi cũng chết”, nên mạnh dạn trở lui và khi nghe la lớn, chúng không chạy trốn nữa. Con chó rừng đầu đàn đến gần Vua Sīlava, các con còn lại đến gần những người kia. Vốn thiện xảo về phương tiện, biết được con vật đến gần mình, vua nước Kāsi liền vươn cổ lên như để cho con vật cắn, rồi với xương hàm kéo giật cổ con chó rừng, vua cắn thật chặt như kẹp với gọng kềm. Con chó rừng bị cắn chặt cổ, bị kẹp bởi xương hàm của vị vua có sức mạnh như voi, không thể nào tự mình thoát được; và kinh hãi vì sợ chết, nó bèn hú lên lớn tiếng.

Nghe tiếng kêu cầu cứu, nghĩ rằng con chó rừng chúa ấy đã bị một người

bắt, các con kia không đi đến gần các đại thần và kinh hãi vì sợ chết, tất cả đều bỏ chạy. Bị cản chặt bởi xương hàm của vua nước Kāsi, con chó rừng bị bắt hốt hoảng chạy qua chạy lại, làm cho đất mềm toét ra; và vì sợ chết, với cả bốn chân nó cào đất trên chỗ vua nước Kāsi. Vua biết được đất đã mềm toét ra, liền thả con chó rừng. Với sức mạnh như voi, vua di chuyển qua lại, giơ lên được hai tay, rồi vịn lên bờ thành miệng hố; vua thoát khỏi miệng hố như mây bị xé tan trước gió và đứng dậy rồi an ủi, động viên các đại thần; vua bới đất lên, kéo tất cả mọi người ra khỏi hố. Với các đại thần vây quanh, vua đứng trong bãi tha ma.

Lúc bấy giờ, người ta quăng một xác chết trong bãi tha ma, đứng ở biên giới địa phận của hai con dạ-xoa. Hai con dạ-xoa không thể chia phần người chết ấy, chúng nói:

– Chúng ta không thể chia phần xác chết này. Vua Sīlava là vị sống đúng pháp, vị ấy sẽ chia phần cho chúng ta. Chúng ta hãy đi đến vị ấy!

Chúng cầm chân xác chết, kéo đi đến vua và thưa:

– Thưa Thiên tử, hãy chia người này cho chúng tôi!

– Này các vị dạ-xoa, ta sẽ chia phần xác chết này cho các vị. Nhưng vì ta không sạch, hãy tắm cho ta đã.

Các dạ-xoa, với uy lực của mình, đem lại nước thơm dành cho vua cướp nước để vua tắm; sau khi tắm xong, chúng tháo lại áo của vua nước Kāsi, đem áo dành cho vua cướp nước đến mặc cho vua; rồi chúng đem cho vua một hộp đựng bốn loại nước hoa. Khi vua đã xức nước hoa, chúng lại cho vua những bông hoa đủ loại đính trên quạt bằng ngọc trong một hộp bằng vàng và trang sức cho vua.

Rồi khi vua đang đứng, chúng hỏi vua có cần chúng làm gì nữa không. Vua ra dấu cho chúng hiểu là vua đói. Các dạ-xoa liền đi lấy cho vua các món ăn thượng vị đã sửa soạn sẵn cho vua cướp nước. Sau khi tắm, xức nước hoa, mặc áo và trang điểm, vua nước Kāsi ăn các món ăn thượng vị. Các dạ-xoa đem lại nước thơm dành cho vua cướp nước, với bình bát bằng vàng và chén vàng để vua uống nước, súc miệng. Và trong khi vua rửa tay, các dạ-xoa đem đến trà gia vị với năm loại hương được tẩm sẵn cho vua cướp nước dùng. Ăn trà xong, khi vua đang đứng, các dạ-xoa hỏi vua có cần chúng làm việc gì khác nữa. Vua bảo:

– Đem các gươm báu đặt trên gối vua cướp nước về cho ta.

Và chúng đi lấy đem về. Rồi vua cầm gươm, đưa thẳng trên xác chết, chặt xuống giữa đỉnh đầu, chia thành hai phần bằng nhau cho hai con dạ-xoa. Sau khi chia xong, vua rửa gươm, đeo vào và đứng thẳng. Các dạ-xoa ăn uống no nê, tâm tư thỏa mãn, hỏi vua có sai bảo chúng làm việc gì nữa không. Vua bảo các dạ-xoa ấy dùng uy lực của mình đưa vua vào vương phòng của vua cướp nước và đưa các đại thần về nhà. Chúng chấp thuận, làm theo lời vua.

Lúc bấy giờ, vua cướp nước đang nằm ngủ trên long sàng trong vương phòng được trang hoàng. Vua nước Kāsi dùng mặt bằng cây gươm đánh trên

bụng vua cướp nước đang ngủ say. Vua ấy hoảng hốt thức dậy, với ánh sáng ngọn đèn, nhận biết là Đại vương Sīlava, liền từ trên giường đứng dậy, lấy hết can đảm nói với vua nước Kāsi:

– Thưa Đại vương, đêm tối như vậy, có phòng hộ canh gác, các cửa đều đóng, trong cung điện không chỗ nào là không có người canh gác, làm thế nào ngài lại đến được bên giường này, đeo gươm, trang sức, mặc hoàng bào sẵn sàng?

Vua nước Kāsi kể tất cả câu chuyện với các chi tiết về các sự kiện đưa vua đến đây. Nghe xong, vua cướp nước xúc động mạnh và thưa:

– Thưa Đại vương, tôi tuy là con người mà không biết công đức của ngài. Nhưng các công đức của ngài lại được các dạ-xoa hung bạo, độc ác, uống máu, ăn thịt người kia biết rõ ràng. Ôi, bậc Nhân chủ, nay tôi sẽ không còn bày mưu phản bội một bậc giới đức như ngài nữa!

Rồi vua nước Kosala cầm gươm thề nguyện thân hữu, xin lỗi vua nước Kāsi và để vua nước Kāsi nằm ngủ trên long sàng còn mình nằm ngủ trên chiếc giường nhỏ.

Khi đêm tàn, mặt trời đã mọc, vua truyền đánh trống mời tất cả quân lính, đại thần, Bà-la-môn, gia chủ hội họp lại. Đứng trước mặt quần thần như đưa mặt trăng rằm lên trên trời cao, vua nước Kosala tán thán công đức của Vua Sīlava giữa cả hội chúng, xin lỗi Vua Sīlava lần nữa, trả lại quốc độ cho vua ấy và thưa:

– Từ nay trở đi, nếu có nạn trộm cướp khởi lên cho ngài, tôi xin chịu trách nhiệm. Ngài hãy trị vì quốc độ, còn tôi canh gác hộ trì.

Nói xong, vua nước Kosala trị tội kẻ đã vu cáo và mang quân đội đi về nước của mình. Còn Vua Mahāsīlava trang sức, mặc áo uy nghi, dưới cái lọng trắng, ngồi trên long sàng bằng vàng có chân như con nai, nhìn ngắm thành quả của mình và suy nghĩ: “Thành quả này và sự cứu sống sinh mạng của một ngàn đại thần, nếu ta không tinh tấn thì không có được chút gì. Chính do sức mạnh tinh tấn, ta không bị hoại diệt và phục hồi được danh tiếng đã mất. Ta đã cứu sinh mạng của một ngàn đại thần. Thật sự để chí hướng không bị hủy hoại, cần phải hết sức tinh tấn. Với người luôn luôn tinh tấn, quả vị sẽ được thành tựu viên mãn.

Sau khi suy nghĩ như vậy, vua nước Kāsi đọc bài kệ này như lời cảm hứng:

51. Người luôn luôn hy vọng, Bậc trí không chán nản,
 Ta thấy khổ vượt qua, Ta muốn gì được vậy!

Bồ-tát nói:

– Ôi, với những ai đầy đủ giới đức, quả tinh tấn sẽ được thành tựu!

Với bài kệ này, Bồ-tát nói lên lời cảm hứng, trọn đời làm các công đức rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài

giảng ấy, vị Tỷ-kheo thối thất tinh tấn chứng quả A-la-hán. Sau khi kết hợp hai câu chuyện, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, vị đại thần phản bội là Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), một ngàn đại thần là hội chúng của Như Lai và Đại vương Sīlava là Ta vậy.

§52. CHUYỆN TIỂU JANAKA (*Cūḷajanakajātaka*) (J. I. 267)

Hãy tinh tấn, này người!...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo thối thất tinh tấn. Ở đây, tất cả các sự việc xảy ra sẽ được nói đến trong *Chuyện Đại vương Mahājanaka*.⁶⁸

Vua ngồi dưới chiếc lọng trắng nói lên bài kệ này:

52. Hãy tinh tấn, này người! Hiền trí không nhầm chán.
 Ta thấy khổ vượt qua, Từ nước đạt đất liền.

Ở đây, vị Tỷ-kheo thối thất tinh tấn đạt được quả A-la-hán và Vua Janaka là bậc Chánh Đẳng Giác.

§53. CHUYỆN BÌNH RƯỢU ĐẦY (*Puṇṇapātijātaka*) (J. I. 268)

Bình rượu đầy như vậy...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về rượu thuốc độc. Một thời ở Xá-vệ, một số người nghiện rượu họp lại và bàn với nhau.

– Tiền mua rượu của chúng ta đã khô cạn, vậy làm sao bây giờ?

Một tay bọm rượu nói:

– Chớ lo, đã có cách.

– Cách gì vậy?

– Cấp Cô Độc thường đeo nhẫn, mặc áo đẹp đi chầu vua. Chúng ta đổ thuốc mê vào trong bình rượu, dựng một quán rượu, ngồi tại đấy. Khi Cấp Cô Độc đi về, hãy mời vị đại triệu phú vào và cho uống rượu ấy. Khi lão già ấy bị mê say, chúng ta lấy nhẫn, lấy áo và chúng ta sẽ có tiền mua rượu.

Chúng chấp thuận đề nghị ấy, làm theo như vậy, và khi vị triệu phú đi về, chúng đến gặp và nói:

– Thưa ngài đại triệu phú, chúng tôi có rượu rất ngon. Hãy uống một chút rồi đi!

Cấp Cô Độc nghĩ: “Thánh đệ tử đã chứng quả Dự lưu làm sao uống rượu được. Dầu không muốn uống, ta cũng sẽ phát hiện âm mưu của bọn nghiện rượu này.” Nghĩ vậy, Cấp Cô Độc đi vào quán rượu, nhìn chúng làm, biết rằng rượu ấy đã bị chúng pha thuốc mê vào; ông quyết định sẽ làm cho chúng bắt đầu từ nay phải trốn biệt. Ông nói:

⁶⁸ Xem J. VI. 30, *Mahājanakajātaka* (*Chuyện Đại vương Mahājanaka*), số §539.

– Này bọn nghiện rượu ác ý kia, các người để thuốc mê vào trong bình rượu, khiến những người qua lại uống, làm cho họ say mê rồi cướp của. Các người dựng lên một quán bán rượu, ngồi tại đấy, chỉ tán thán rượu này, nhưng không một người nào trong bọn người dám uống. Nếu rượu này không có pha thuốc mê thì các người hãy uống trước đi.

Cấp Cô Độc làm cho bọn nghiện rượu hoảng sợ, khiến chúng chạy trốn rồi đi về nhà. Nghĩ rằng việc làm của những tên nghiện rượu cần phải trình lên đức Như Lai, Cấp Cô Độc đi đến và thưa rõ sự việc. Bậc Đạo sư nói:

– Này gia chủ, lần này, các người nghiện rượu lừa dối gia chủ. Trong quá khứ, chúng cũng đã lừa dối các bậc Hiền trí.

Nói vậy xong, với lời thỉnh cầu của vị gia chủ, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadata trị vì nước Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm người triệu phú ở Ba-la-nại. Lúc bấy giờ, những người nghiện rượu này, sau khi bàn bạc với nhau, đã pha rượu với thuốc mê, chờ người triệu phú ở Ba-la-nại đi đến, chúng đón ông và nói những lời tương tự. Người triệu phú dầu không muốn uống, cũng muốn phát giác chúng nên đi vào nhìn chúng làm, biết chúng có mưu mô, quyết định làm cho chúng phải trốn chạy, nên nói:

– Này các bạn uống rượu, nếu uống rượu xong rồi mà đi đến cung vua, thật không thích đáng. Đến chiều vua xong, khi trở về, tôi sẽ tính việc này. Các người hãy ngồi tại đây.

Người triệu phú đi vào chiều vua rồi trở về. Các người nghiện rượu mời ông vào. Vị triệu phú đi vào, nhìn những bình rượu bị pha thuốc mê, liền nói như sau:

– Này các bạn uống rượu, việc các bạn làm ta không ưa thích. Các bình rượu của các bạn vẫn còn đầy tràn. Các bạn chỉ có tán thán rượu, nhưng không uống một giọt. Nếu như rượu này ngon thật thì các bạn đã uống rồi. Rượu này đã được các bạn pha thuốc mê vào.

Và để đánh tan ý định của chúng, Bồ-tát đọc bài kệ này:

53.	Bình rượu đầy như vậy,	Rượu đâu có đổi khác,
	Vì lý do ta biết,	Rượu này không phải tốt.

Bồ-tát trọn đời làm các công đức như bố thí... rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, những người nghiện rượu kia là những người nghiện rượu ngày nay và vị triệu phú Ba-la-nại là Ta vậy.

§54. CHUYỆN TRÁI CÂY (*Phalajātaka*)⁶⁹ (J. I. 270)

Cây này không khó leo...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một nam cư sĩ giỏi về trái cây. Truyền thuyết nói rằng, một điền chủ trú ở Xá-vệ mời chúng Tăng với đức Phật là vị dẫn đầu, ngồi trong ngôi vườn của mình, cúng dường cháo và bánh xong, điền chủ bảo người giữ vườn:

– Hãy đưa các Tỷ-kheo đi bộ trong vườn và cúng dường các loại trái như xoài...

Người làm vườn vâng theo lời dặn, đưa chúng Tỷ-kheo đi bộ trong khu vườn, nhìn lên cây và biết trái này còn sống, trái này hơi chín, trái này thật chín. Điều gì kẻ ấy nói đều đúng như vậy. Các Tỷ-kheo thưa với đức Như Lai:

– Bạch Thế Tôn, người giữ vườn này thật giỏi về các loại trái cây. Đứng dưới đất nhìn lên cây, kẻ ấy biết trái này còn sống, trái này hơi chín, trái này thật chín.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ có người giữ vườn này giỏi trái cây. Trong quá khứ, cũng có những bậc Hiền trí giỏi về trái cây.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh vào gia đình một triệu phú, khi lớn lên, làm nghề đi buôn với năm trăm cỗ xe. Một thời, Bồ-tát đi đến một khu rừng rất lớn, đứng ở đầu rừng, họp đoàn người lại và nói:

– Trong rừng này có những cây độc. Phàm gặp những lá gì, bông gì, trái gì mà trước kia các ngươi chưa từng ăn, chớ ăn trước khi hỏi ta.

Bọn họ vâng theo lời dặn và đi vào rừng. Đầu rừng có một cửa làng, tại đây có một cây gọi là cây kimphala. Thân cây, cành cây, lá cây, bông và trái của cây màu giống như cây xoài. Không những chỉ về màu sắc, hình dáng mà cả về mùi thơm và vị ngọt, các trái sống và trái chín đều giống như trái xoài, nhưng nếu ai ăn chúng thì giống như thuốc độc, lập tức bị chết ngay.

Một số người tham ăn đi trước, tưởng đó là cây xoài, bèn ăn trái. Một số khác quyết định hỏi người trưởng đoàn lữ hành rồi mới ăn, họ cầm trái cây trong tay và đứng chờ. Khi vị trưởng đoàn lữ hành đến, họ hỏi có thể ăn những trái cây ấy không. Bồ-tát biết rằng cây ấy không phải cây xoài, nên nói:

– Cây hình dáng giống cây xoài này là cây độc, chớ ăn!

Sau khi ngăn chặn họ, Bồ-tát làm cho những người đã ăn phải nôn ra và cho họ uống bốn loại mật để chữa họ lành bệnh.

Lúc trước, dưới gốc cây này, đã có những đoàn lữ hành đến tạm trú, ăn

⁶⁹ Bản Thái Lan viết *Phalajātaka*. Bản Tích Lan, CST viết *Kimphalajātaka*.

những trái cây độc mà họ tưởng lầm là trái xoài và mạng chung. Ngày sau đó, dân làng đi ra thấy những người chết, liền kéo chân họ giấu vào một chỗ kín, lấy tất cả sở hữu của họ với các cỗ xe rồi đem đi.

Ngay vào ngày đoàn lũ hành này mới đến, dân làng nghe tin có người trúng độc. Lúc trời mới rạng đông, họ vội vàng đi đến gốc cây ấy và nói với nhau:

– Các con bò sẽ là của ta, cỗ xe sẽ là của ta, hàng hóa sẽ là của ta!

Khi thấy cả đoàn người ấy còn lành mạnh, họ liền hỏi:

– Làm sao các ông biết cây này không phải cây xoài?

Họ trả lời:

– Chúng tôi không biết. Nhưng trưởng đoàn lũ hành của chúng tôi biết.

Dân làng đến hỏi Bô-tát:

– Thưa bậc Hiền trí, làm thế nào ngài biết được?

– Có hai điều báo cho ta biết.

Bô-tát đáp, rồi Bô-tát đọc bài kệ:

54. Cây này không khó leo, Không xa làng bao nhiêu,
 Do vậy nên ta biết, Cây này quả không tốt!

Sau khi thuyết pháp cho đại chúng, Bô-tát đi đến chỗ an toàn.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, như vậy thuở xưa các bậc Hiền trí cũng giỏi về trái cây.

Sau khi thuyết pháp thoại này và kết hợp hai mẫu chuyện, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, đoàn lũ hành là hội chúng của Như Lai, còn người trưởng đoàn lũ hành là Ta vậy.

§55. CHUYỆN NĂM VŨ KHÍ (*Pañcāvudhajātaka*) (J. I. 272)

Người với tâm ly tham...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo thói thất tinh tấn. Thế Tôn cho gọi Tỷ-kheo ấy và hỏi:

– Có thật chẳng, này Tỷ-kheo, ông thói thất tinh tấn?

– Thưa có thật, bạch Thế Tôn.

– Thuở xưa, trong những trường hợp cần phải tinh tấn, bậc Hiền trí đã tinh tấn; do vậy, đã đạt được vương vị.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì nước Ba-la-nại, Bô-tát nhập thai vào

làm con hoàng hậu. Đến ngày đặt tên, sau khi mời tám trăm vị Bà-la-môn và cúng dường những vị này mọi dục lạc, vua và hoàng hậu hỏi họ về các tướng. Các Bà-la-môn thiện xảo về tướng, thấy được sự thành tựu các tướng của hoàng tử, đã trả lời:

– Thưa Đại vương, hoàng tử đầy đủ các công đức; sau khi ngài qua đời, sẽ lên ngôi vua, được danh vọng lẫy lừng với tài sử dụng năm loại vũ khí, sẽ trở thành con người tối thượng ở toàn cõi Diêm-phù-đề.⁷⁰

Nghe lời nói của các Bà-la-môn, vua và hoàng hậu đặt tên cho hoàng tử là Pañcāvudhakumāra (Hoàng tử có năm vũ khí). Đến lúc trưởng thành, vừa mười sáu tuổi, vua cho gọi hoàng tử và bảo:

– Này con thân, con hãy đi học nghề!

– Thưa Thiên tử, con học với ai?

– Hãy đi, con thân, con sẽ học với bậc thầy có danh tiếng mọi phương tại thành Takkasilā trong nước Gandhāra. Và đây là tiền con sẽ trả cho thầy.

Nói xong, vua giao cho một ngàn đồng tiền vàng và đưa hoàng tử ra đi. Hoàng tử đến đấy, học nghề xong, được thầy cho năm loại vũ khí. Sau đó đánh lễ thầy, hoàng tử ra khỏi thành Takkasilā, đem theo năm loại vũ khí và lên đường trở về Ba-la-nại. Giữa đường, hoàng tử vừa đến một khu rừng, tại đấy có một dạ-xoa tên là Silesaloma (Lông Dính) đang ngự trị. Từ đầu rừng, người đi đường thấy hoàng tử liền ngăn chặn chàng lại, bảo rằng trong rừng có dạ-xoa tên là Silesaloma ngự trị sẽ giết hại mọi người khi nó thấy họ. Hoàng tử tự tin mình, không chút sợ hãi, như con sư tử lông bờm, vẫn đi vào khu rừng.

Gặp nhau ở giữa khu rừng ấy, con dạ-xoa hiện ra trước hoàng tử với thân cao như cây cọ dừa (tāla), với đầu lớn như ngôi nhà có nóc nhọn, với cặp mắt to như hai cái bát, với hai nanh như hai búp cây củ cải, với mỏ như điều hâu, với bụng có nhiều đốm đỏ tía, với bàn tay bàn chân xanh lè, dạ-xoa nói:

– Ngươi đi đâu đấy? Hãy đứng lại. Ngươi là món ăn của ta!

Hoàng tử nói:

– Này dạ-xoa, ta tin ở ta nên vào đây, ngươi thật là liều mạng. Nếu ngươi đến gần ta, ta sẽ bắn ngươi với mũi tên có tẩm thuốc độc và hạ ngươi tại chỗ.

Sau khi dọa nạt, hoàng tử lắp tên có tẩm thuốc độc và bắn, bắn liên tục cho đến năm mươi mũi tên. Tất cả đều dính vào lông dạ-xoa, nó gạt năm mươi mũi tên rơi xuống chân nó, liền xông tới hoàng tử. Hoàng tử lại dọa rút gươm chém, cây gươm dài ba mươi hai đốt tay cũng dính vào lông dạ-xoa. Rồi hoàng tử đâm ngọn giáo vào nó, ngọn giáo cũng dính chặt vào đó. Biết khả năng bắt dính của dạ-xoa, hoàng tử lấy quả chùy đập nó, quả chùy cũng dính vào lông. Hoàng tử nói:

⁷⁰ Một trong 4 châu: Jampudīpa (南瞻部洲, Nam Thiệm-bộ châu hay Diêm-phù-đề), Pubbavideha (東勝神洲, Đông Thắng-thần châu), Aparagoyāna (西牛貨洲, Tây Ngưu-hóa châu), Uttarakuru (北拘盧洲, Bắc Câu-lô châu).

– Nay dạ-xoa, ngươi chưa nghe ta là Hoàng tử Pañcāvudha. Khi ta mạo hiểm đi vào khu rừng này do ngươi ngự trị, ta đặt lòng tin không phải ở cung tên... mà hoàn toàn đặt lòng tin vào ta. Nay ta sẽ đánh ngươi, chỉ một cú đánh, khiến ngươi trở thành cát bụi!

Sau khi hét lên, hoàng tử dùng bàn tay phải đánh dạ-xoa, bàn tay dính vào lông. Hoàng tử đánh với bàn tay trái, tay trái cũng dính. Hoàng tử đá với chân phải, chân phải cũng dính... chân trái cũng dính. Hoàng tử lại la to:

– Ta sẽ đập ngươi tan như cát bụi.

Và chàng lấy đầu đánh nó, đầu cũng dính vào lông. Bảy giờ hoàng tử bị mắc dính năm phần vào năm chỗ. Tuy vậy, hoàng tử vẫn không kinh hãi, không chút run sợ. Dạ-xoa suy nghĩ: “Đây không phải là một người bình thường mà là người phi thường, một con sư tử giữa loài người. Dầu bị một dạ-xoa như ta bắt, nó vẫn không run sợ. Trước đây, từ khi ta bắt đầu giết người đi trên đường này, chưa bao giờ ta thấy một người như vậy! Sao nó không sợ hãi?” Nghĩ vậy, dạ-xoa không dám ăn thịt hoàng tử và hỏi:

– Nay thanh niên Bà-la-môn, vì sao chàng không sợ hãi?

– Nay dạ-xoa, ta tin ở ta nên không sợ hãi. Ta biết mỗi cá thể thế nào cũng đi đến cái chết. Nhưng trong bụng ta, ta có vũ khí kim cang. Nếu ngươi ăn ta, ngươi không thể tiêu hóa vũ khí ấy. Vũ khí ấy sẽ cắt nội tạng ngươi thành từng miếng nhỏ và chấm dứt mạng sống của ngươi. Như vậy, cả hai sẽ bị tiêu diệt. Vì lý do này, ta không sợ hãi!

Theo truyền thuyết, ở đây hoàng tử muốn ám chỉ vũ khí trí tuệ trong nội tâm. Nghe hoàng tử nói vậy, dạ-xoa suy nghĩ: “Thanh niên Bà-la-môn này chỉ nói sự thật. Chỉ một miếng thịt nhỏ bằng hạt đậu từ thân thể của con sư tử giữa loài người này, bụng ta cũng không thể tiêu hóa được. Ta hãy thả nó ra.” Vì sợ chết, nó thả hoàng tử ra và nói:

– Nay thanh niên Bà-la-môn, chàng là con sư tử giữa loài người. Ta sẽ không ăn thịt chàng đâu. Nay chàng được giải thoát khỏi tay ta như mặt trăng thoát khỏi miệng Rāhu (vua thần a-tu-la). Hãy ra đi và hãy mang lại hoan hỷ tốt lành cho bà con, bè bạn và đất nước!

Bồ-tát nói:

– Nay dạ-xoa, ta sẽ đi. Nhưng trước đây, do làm nhiều điều bất thiện, ngươi sanh làm dạ-xoa độc ác, tay vấy máu, ăn thịt, uống máu người. Nếu nay, trong thời hiện tại, ngươi vẫn làm điều bất thiện nữa thì ngươi sẽ đi từ cảnh tối tăm này đến cảnh tối tăm khác. Nay ngươi đã gặp ta, ngươi không thể làm điều bất thiện nữa. Hãy biết rằng, ai sát sanh sẽ bị đọa vào cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la. Nếu được sanh làm người thì tội ác ấy sẽ đưa đến yếu mạng.

Với cách này và nhiều cách khác, Bồ-tát thuyết về sự nguy hiểm của năm ác giới và lợi ích của năm thiện giới, làm cho dạ-xoa sợ hãi bằng nhiều hình thức như thuyết pháp, nhiếp phục... khiến dạ-xoa trở thành nhu thuận, an trú trong

năm giới. Rồi biến dạ-xoa thành vị thần ở khu rừng với quyền được thu thuế (được cúng tế).⁷¹ Bồ-tát khuyên nó không được phóng dật. Sau đó, Bồ-tát đi ra khỏi khu rừng, báo tin cho những người ở tại đầu rừng tỏ tường sự việc; rồi nai nịt với năm loại vũ khí, ngài đi đến Ba-la-nại gặp lại mẹ cha.

Sau một thời gian lên ngôi vua, trị vì quốc độ đúng pháp, ngài làm các công đức như bồ thí... rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể pháp thoại này xong, bậc Chánh Đăng Giác đọc bài kệ:

55. Người với tâm ly tham, Với ý cũng ly tham,
Tu tập theo thiện pháp, Đạt an ổn khổ ách,
Và tiếp tục chứng đạt, Đoạn diệt mọi kiết sử.⁷²

Như vậy, sau khi bậc Đạo sư thuyết pháp đưa đến đỉnh cao nhất là quả A-la-hán, Ngài giảng bốn sự thật. Cuối bài giảng, Tỷ-kheo ấy chứng quả A-la-hán. Bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, dạ-xoa là tướng cướp *Angulimāla* (đeo vòng ngón tay),⁷³ và Hoàng tử *Pañcāvudha* là Ta vậy.

§56. CHUYỆN KHỐI VÀNG (*Kaṇṇanakkhandhajātaka*) (J. I. 276)

Người với tâm hoan hỷ...

Câu chuyện này, khi ở tại Xá-vệ, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo. Theo truyền thuyết, một thiện nam tử ở Xá-vệ, sau khi nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, gởi cả tâm tư vào Ba ngôi báu và xuất gia. Hai vị Sư trưởng và Giáo thọ sư dạy về Giới:

– Này Hiền giả, đây là Giới; một loại, hai loại, ba loại, bốn loại, năm loại, sáu loại, bảy loại, tám loại, chín loại, mười loại, nhiều loại. Đây là Tiểu giới, đây là Trung giới, đây là Đại giới. Đây là Giới do hành trì Giới bốn, đây là Giới hộ trì các căn, đây là Giới thanh tịnh mạng, đây là Giới sử dụng các đồ vật.

Tỷ-kheo trẻ ấy suy nghĩ: “Giới này thật quá nhiều. Với chừng ấy giới được chấp nhận, ta không thể nào giữ trọn. Không thể giữ trọn đủ giới thì xuất gia có lợi ích gì? Ta hãy trở lại làm gia chủ, làm các công đức như bồ thí... và nuôi dưỡng vợ con!” Nghĩ vậy, Tỷ-kheo thưa:

– Thưa các Tôn giả, con không có thể giữ giới. Không thể giữ giới thì xuất gia có lợi ích gì? Con sẽ hoàn tục. Xin các Tôn giả hãy lấy lại y, bát.

Sư trưởng nói:

– Nếu sự việc là như vậy thì Hiền giả hãy đến đánh lễ bậc Đạo sư.

Các vị ấy đưa Tỷ-kheo đến pháp đường gặp bậc Đạo sư. Thấy vậy, Ngài nói:

⁷¹ Xem J. II. 15, *Gaggajātaka* (Chuyện nhày mũi), số §155.

⁷² Xem J. I. 276, *Kaṇṇanakkhandhajātaka* (Chuyện khối vàng), số §56; J. II. 17, *Alīnacittajātaka* (Chuyện Hoàng tử *Alīnacitta*), số §156.

⁷³ Xem M. II. 98, *Angulimālasutta* (Kinh *Angulimāla*), số 86.

– Này các Tỷ-kheo, sao các ông đem một Tỷ-kheo đến đây mà vị ấy không muốn?

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này nói không thể giữ giới, trả lại y, bát, nên chúng con dẫn vị ấy đến đây.

– Này các Tỷ-kheo, sao ông lại nói quá nhiều giới cho Tỷ-kheo này? Bao nhiêu giới vị ấy có thể giữ được, vị ấy sẽ giữ từng ấy giới. Bắt đầu từ nay, các ông chớ nói nữa. Ở đây, Ta sẽ biết những gì nên nói.

Rồi bậc Đạo sư nói với Tỷ-kheo ấy:

– Hãy đến, này Tỷ-kheo! Lo gì đến nhiều giới vậy? Ông có giữ được ba giới không?

– Con có thể giữ được, bạch Thế Tôn.

– Vậy bắt đầu từ nay, ông hãy giữ ba cửa: Cửa về thân, cửa về lời, cửa về ý. Chớ làm điều ác về thân, về lời, về ý. Hãy tinh tấn lên, chớ hoàn tục! Chỉ giữ ba giới này thôi.

Cho đến như vậy, Tỷ-kheo ấy hết sức hoan hỷ và nói:

– Lành thay! Bạch Thế Tôn, con sẽ giữ ba giới này.

Sau khi đánh lễ bậc Đạo sư, Tỷ-kheo ấy đi về với vị Sư trưởng và Giáo thọ sư của mình, giữ gìn đầy đủ ba giới ấy. Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: “Giới được vị Sư trưởng và Giáo thọ sư nói với ta, vì tự mình không phải là Phật, các vị ấy không thể làm cho ta hiểu được từng ấy giới. Bậc Chánh Đẳng Giác, vì tự mình khéo giác ngộ Chánh giác, là vị Pháp Vương Vô Thượng, Ngài tóm thâu bao nhiêu giới trong ba cửa và bảo ta gìn giữ chúng. Bậc Đạo sư thật sự là một hỗ trợ cho ta vậy!”

Tỷ-kheo ấy phát triển thiền quán và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Biết được tin này, các Tỷ-kheo họp tại pháp đường, ngồi nói về công đức của bậc Đạo sư:

– Này các Hiền giả, Tỷ-kheo này không thể giữ giới, muốn hoàn tục. Bậc Đạo sư tóm thâu tất cả giới vào ba phần, bảo Tỷ-kheo ấy giữ chúng và giúp vị ấy đạt được quả A-la-hán.

Bậc Đạo sư đến và hỏi các Tỷ-kheo đang ngồi nói chuyện gì. Được họ cho biết về đề tài câu chuyện, Ngài nói:

– Này các Tỷ-kheo, một vật hết sức nặng, nếu được chia thành từng phần cũng trở thành nhẹ. Thuở xưa, các bậc Hiền trí được một khối vàng lớn, không thể nhắc lên nổi, đã chia thành từng phần, rồi nhắc lên nổi và đem vàng đi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm người cày ruộng tại một ngôi làng. Ngày kia, Bồ-tát đang cày trên một thửa ruộng,

thừa ruộng này trước đây là một ngôi làng bị bỏ hoang, vì trong làng có một vị triệu phú đã chết và chôn tại đó một đồng vàng lớn bằng bắp vế người và cao đến bốn khuỷu tay, lưỡi cày của Bò-tát mắc phải đồng vàng ấy nên đứng khựng lại. Nghĩ rằng đó là rễ tỏa rộng của cây, Bò-tát đào đất lên, nhưng lại thấy được khối vàng. Bò-tát chùi đất thật sạch và cày tiếp cho xong ngày ấy.

Khi mặt trời lặn, để ách và cày một bên, Bò-tát nghĩ đến phương cách đem khối vàng đi. Nhưng Bò-tát không nhắc nó lên được. Bò-tát ngồi và nghĩ: “Để phần như vậy, ta sẽ nuôi sống bản thân của ta; để phần như vậy, ta sẽ chôn giấu; để phần như vậy, ta sẽ làm các công việc; để phần như vậy, ta sẽ làm các công đức như bố thí...”

Rồi Bò-tát chia thành bốn phần. Khi được Bò-tát chia như vậy, khối vàng ấy trở thành nhẹ. Bò-tát nhắc vàng lên được, đem về nhà, chia thành bốn phần. Bò-tát trọn đời làm các công đức như bố thí cùng nhiều thiện sự khác và đi theo nghiệp của mình.

Khi kể câu chuyện này xong, bậc Chánh Đăng Giác đọc bài kệ:

56.	Người với tâm hoan hỷ,	Với ý cũng hoan hỷ,
	Tu tập theo thiện pháp,	Đạt an ổn khổ ách,
	Và tiếp tục chứng đạt,	Đoạn diệt mọi kiết sử.

Rồi sau khi hướng lời thuyết pháp lên đỉnh cao là quả A-la-hán, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, người được khối vàng là Ta vậy.

§57. CHUYỆN KHỈ CHÚA (*Vānarindajātaka*) (J. I. 278)

Ai đủ bốn pháp này...

Câu chuyện này, khi ở tại Trúc Lâm, bậc Đạo sư đã kể về âm mưu của Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) muốn ám hại Ngài. Lúc bấy giờ, khi nghe nói Devadatta âm mưu ám hại, bậc Đạo sư liền nói với các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới âm mưu ám hại Ta. Thuở trước, kẻ ấy cũng đã âm mưu nhưng không thể làm gì được.

Sau khi nói vậy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở trước, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bò-tát sanh làm con khỉ. Nó to lớn như một con ngựa con, có sức mạnh và sống một mình bên bờ sông. Giữa con sông ấy có một hòn đảo, trên hòn đảo có nhiều loại cây ăn trái như xoài, mít... Con khỉ mạnh như con voi, đầy đủ sức lực.

Mỗi sáng, nó nhảy từ bờ sông bên này đến một hòn đá ở giữa sông, rồi từ hòn đá ấy, nó lại nhảy đến hòn đảo. Tại đây, nó ăn các loại trái và đến chiều với

phương tiện cũ, nó trở về chỗ ở của mình. Ngày qua ngày, con khi sống nếp sống như vậy.

Lúc bấy giờ, có hai vợ chồng con cá sấu sống trong sông ấy. Thấy con khi đi qua đi lại, vợ con cá sấu đang có thai khởi lên lòng tham muốn ăn quả tim con khi, bèn nói với chồng:

– Này chàng, em thêm ăn quả tim con khi chúa này quá.

Sấu đực nói:

– Thật lành thay, em sẽ được như ý!

Sấu đực suy nghĩ: “Chiều nay, khi con khi từ hòn đảo về, ta sẽ bắt nó.”

Sấu đực đến nằm chờ trên hòn đá. Con khi cả ngày lang thang trên đảo, vào buổi chiều, nó đứng trên hòn đảo, nhìn hòn đá và nghĩ: “Hòn đá hôm nay có vẻ cao hơn, vì lý do gì?” Bò-tát luôn luôn khéo đo lường. Nhìn tầm cao của hòn đá và tầm cao của nước, Bò-tát suy nghĩ: “Hôm nay, nước con sông này không giảm cũng không tăng. Nhưng hòn đá này lại có vẻ to hơn. Rất có thể, con cá sấu đang nằm với mục đích bắt ta tại chỗ ấy.” Để tìm sự việc này, con khi vẫn đứng tại chỗ ấy, làm bộ như nói với hòn đá, gọi lớn:

– Này bạn hòn đá!

Và khi không được trả lời. Khi gọi đến ba lần:

– Này bạn hòn đá!

Hòn đá vẫn không trả lời. Con khi nói:

– Này bạn hòn đá, sao hôm nay bạn không trả lời ta?

Con cá sấu suy nghĩ: “Như vậy, trong những ngày trước, hòn đá này đã trả lời con khi chúa. Vậy nay ta sẽ trả lời nó.” Con cá sấu nói:

– Này bạn khi chúa, cái gì vậy?

– Ngươi là ai?

– Ta là cá sấu.

– Ngươi nằm đó vì mục đích gì?

– Để bắt ngươi và ăn quả tim của ngươi.

Con khi suy nghĩ: “Ta không có đường đi nào khác. Nay ta phải lừa dối con cá sấu này.” Vì thế, khi nói:

– Này bạn cá sấu, ta sẽ chịu đầu hàng bạn thôi. Bạn hãy há miệng ra và khi ta nhảy đến gần, bạn sẽ bắt ta.

Khi con cá sấu há miệng thì tự nhiên mắt nó nhắm lại. Cá sấu không nghĩ đến mưu kế này, liền há miệng ra và mắt nó nhắm lại, từ từ nằm xuống. Con khi đã biết tình hình như vậy, từ nơi hòn đảo nhảy qua, đập trên đầu con cá sấu, rồi từ đầu con cá sấu lại nhanh như chớp nhảy qua đứng ở bờ bên kia. Con cá sấu thấy sự kỳ diệu này, nghĩ rằng con khi chúa này đã làm một việc hết sức phi thường, nó nói:

– Này, ngài khi chúa, ai đầy đủ bốn pháp ở trong đời, sẽ nhiếp phục được kẻ thù. Ta nghĩ rằng, ngài có đủ tất cả trong nội tâm.

Nói vậy xong, cá sấu đọc bài kệ này:

57. Ai đủ bốn pháp này, Này khi chúa, như ngài,
 Chân thật và nghĩ xa, Cương nghị và vô úy,
 Ngài có bốn pháp này, Đánh bại được quân thù.

Như vậy, con cá sấu tán thán khi chúa rồi đi về trú xứ của mình.

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới âm mưu ám hại Ta, trong quá khứ, kẻ ấy cũng đã làm như vậy.

Sau khi thuyết pháp thoại này và kết hợp hai mẫu chuyện, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, cá sấu là Devadatta, vợ cá sấu là Ciñcamānavikā,⁷⁴ còn khi chúa là Ta vậy.

§58. CHUYỆN BA PHÁP (*Tayodhammajātaka*) (J. I. 280)

Ai đầy đủ ba pháp...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư đã kể về âm mưu ám hại của Đề-bà-đạt-đa.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) sanh ra làm con khi ở gần dãy Tuyết sơn, lãnh đạo một đoàn khi toàn do nó sanh ra. Vì sợ chúng lớn lên sẽ tranh giành quyền lãnh đạo đàn khi này, con khi đầu đàn liền dùng răng cắn và thiến chúng, khiến hột giống bị hoại diệt.

Lúc bấy giờ, Bò-tát cũng do duyên con khi ấy, nhập thai vào bụng một con khi cái. Con khi cái biết thai đã thành, muốn bảo vệ thai của mình, bèn đến một ngôi rừng dưới chân núi. Khi thai đến đúng ngày, nó sanh ra Bò-tát. Bò-tát lớn lên, đến tuổi trưởng thành, đầy đủ sức mạnh phi thường. Một hôm, Bò-tát hỏi mẹ:

– Thưa mẹ, cha con đâu?

– Này con thân, cha con đang sống lãnh đạo đàn khi dưới chân núi.

– Thưa mẹ, hãy đưa con đến gần cha con.

– Này con thân, mẹ không thể đưa con đến gần cha con được. Cha con vì sợ các khi con sẽ tranh giành lãnh đạo đàn khi nên dùng răng cắn và thiến chúng, khiến hột giống hoại diệt.

⁷⁴ Xem *Dh.* v. 176. Kệ pháp cú này được đức Bôn sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nàng Ciñcamānavikā.

– Thưa mẹ, hãy đưa con lại đây. Con sẽ có cách.

Khi mẹ liền đem khi con đến gần khi cha. Vừa thấy con trai mình, con khi cha nghĩ rằng, rồi đây con mình sẽ không cho mình lãnh đạo đàn khi, nay mình cần phải giết con bằng cách giả ôm hôn rồi siết con thật chặt cho đến chết. Nghĩ vậy, nó nói:

– Hãy đến, này con thân, lâu nay con ở đâu?

Nói vậy, nó ôm hôn và siết khi con thật chặt. Nhưng Bò-tát với sức mạnh như voi đã siết chặt trở lại, khiến các xương khi cha như gãy nát. Khi cha suy nghĩ: “Con này khi lớn lên sẽ giết ta. Với phương tiện nào, ta hãy giết nó trước đã. À, cách đây không xa, một hồ nước có quý la-sát ở. Tại đây, ta sẽ cho quý la-sát ăn nó.” Nghĩ vậy, khi cha nói:

– Này con thân, ta nay đã già. Ta sẽ giao cho con lãnh đạo đàn khi này. Hôm nay, ta sẽ phong vương cho con. Tại chỗ nọ, có một hồ nước, trong hồ có hai loại hoa súng, ba loại hoa sen xanh, năm loại hoa sen trắng. Hãy đi hái và đem các hoa ấy về!

Bò-tát nói:

– Lành thay, cha thân, con sẽ mang hoa lại!

Nói xong, Bò-tát ra đi, nhưng không xuống hồ gấp. Xung quanh hồ, Bò-tát quan sát có dấu chân, chỉ có dấu chân xuống, không có dấu chân lên, Bò-tát suy nghĩ: “Cái hồ này phải có quý la-sát trú ẩn! Cha ta không thể tự mình giết ta, muốn quý la-sát ăn thịt ta. Ta sẽ không đi xuống hồ này, vẫn lấy được hoa như thường.”

Bò-tát đi đến một chỗ không có nước, lấy đà nhảy từ bờ bên này, hái hai cái hoa mọc cao trên mặt nước mà không dính nước, rồi hạ xuống bờ bên kia. Rồi từ bờ bên kia, Bò-tát nhảy đến bờ bên này, theo phương thức trước, bẻ hai cái hoa. Cứ như thế, từ cả hai bên bờ, Bò-tát hái được nhiều hoa, chất thành hai đồng nhưng vẫn không xuống chỗ trú của quý la-sát.

Đến khi không thể nhảy qua hồ nước hái hoa được nữa, Bò-tát gom lấy các hoa ấy chất thành đồng để tại một chỗ. Con quý la-sát kinh ngạc suy nghĩ: “Lâu nay, chưa bao giờ ta thấy một người nào sáng suốt, kỳ diệu như vậy. Các hoa sen được con khi này hái như ý muốn, mà nó vẫn không xuống trú xứ của ta.” Rồi quý la-sát rẽ nước đi lên, đến bên Bò-tát và nói:

– Này khi chúa, trong hồ này, ai có được ba pháp vị ấy sẽ chiến thắng kẻ thù. Ta nghĩ rằng, tất cả pháp ấy ngài đều có đủ.

Quý la-sát đọc bài kệ:

58.	Ai đầy đủ ba pháp,	Này khi chúa, như ngài,
	Thiện xảo và anh hùng,	Đầy đủ cả trí tuệ,
	Ngài đủ ba pháp ấy,	Đánh bại được kẻ thù.

Như vậy, quý la-sát trong hồ ấy đã tán thán Bò-tát với bài kệ này và hỏi:

– Ngài lấy các hoa này làm gì?
 – Cha ta muốn phong vương cho ta, vì lý do này, ta lấy hoa.
 – Một bậc sáng suốt như ngài không nên hái hoa và mang hoa, tôi sẽ hái và mang cho ngài.

Rồi nó nhổ hoa lên và mang hoa đi theo sau lưng Bồ-tát. Con khi cha ở đằng xa thấy Bồ-tát, liền nghĩ: “Ta giục nó đi để quỷ la-sát ăn thịt nó. Nay nó lại an toàn trở về với quỷ la-sát mang hoa cho nó, ta bị nguy hại rồi!”

Nghĩ đến đó, quả tim nó vỡ thành bảy mảnh và nó mạng chung tại chỗ. Đàn khi còn lại hội họp và tôn Bồ-tát lên làm vua.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, chúa của đàn khi là Devadatta, còn con trai của chúa đàn khi là Ta vậy.

§59. CHUYỆN TIẾNG TRỐNG (*Bherivāḍajātaka*)⁷⁵ (J. I. 283)

Đánh, đánh, chớ đánh quá...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo khó bảo. Bậc Đạo sư hỏi Tỷ-kheo ấy:

– Có thật chẳng, ông là người khó bảo?
 – Thưa có thật, bạch Thế Tôn.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay Tỷ-kheo, không phải chỉ nay ông mới khó bảo. Trong thời quá khứ, ông cũng đã khó bảo rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm người đánh trống, sống ở trong làng. Khi nghe có lễ tế các vì sao ở Ba-la-nại, người đánh trống suy nghĩ: “Ta sẽ đánh trống cho quần chúng tụ hội và sẽ được tiền.” Nghĩ vậy, người ấy đem con đi theo đến Ba-la-nại. Tại chỗ ấy, hai cha con đánh trống và được nhiều tiền. Mang theo tiền, trên đường về làng của mình, phải ngang qua một khu rừng có bọn cướp, người cha ngăn chặn con trai đang miên man đánh trống liên hồi:

– Nay con thân, chớ có đánh trống như vậy. Chỉ đánh từng hồi một thôi, như trống của một chủ tướng vậy mà.

Dầu bị cha ngăn, đứa con vẫn nói:

⁷⁵ Bản Tích Lan viết *Bherivāḍajātaka*. Bản CST viết *Bherivāḍakajātaka*.

– Với tiếng trống, ta sẽ đuổi bọn cướp chạy.

Nên nó vẫn đánh trống liên hồi.

Bọn cướp ban đầu nghe tiếng trống, nghĩ là tiếng trống của vị chủ tướng nên chạy trốn. Nhưng khi nghe tiếng trống một mặt cứ liên hồi, biết không phải là tiếng trống của một chủ tướng, chúng liền trở lại tìm hiểu. Thấy chỉ có hai người, bọn chúng liền xông ra đánh cướp hết cả. Người cha than:

– Vì con đánh trống liên hồi nên con làm mất tất cả tiền thân được một cách khó khăn.

Nói xong, người cha đọc bài kệ:

59.	Đánh, đánh, chớ đánh quá!	Đánh quá thành không tốt.
	Do đánh được của tiền,	Do đánh tiền mất hết.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, đứa con trai là Tỷ-kheo khó bảo này, còn người cha là Ta vậy.

§60. CHUYỆN THỐI TÙ VÀ (*Saṃkhadhamanajātaka*)⁷⁶ (J. I. 284)

Thối, thối, chớ thối quá...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo khó bảo... (như trên).

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bò-tát sanh ra trong gia đình một người thối tù và, cùng cha đi đến chỗ tế lễ các vì sao ở Ba-la-nại. Do thối tù và, hai cha con được nhiều tiền. Khi về đến một khu rừng có bọn cướp, người con ngăn cha chớ có thối tù và liên hồi. Người cha nói:

– Với tiếng tù và, ta sẽ đuổi bọn cướp chạy.

Nên ông cứ thối liên hồi. Bọn ăn cướp trốn ở đó trước, xông ra cướp của. Người con nói lên bài kệ:

60.	Thối, thối, chớ thối quá!	Thối quá thành không tốt.
	Do thối được tài sản,	Do thối bay hết tiền.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người cha là Tỷ-kheo khó bảo này, còn người con là Ta.

⁷⁶ Bản Tích Lan viết *Saṃkhadhamanajātaka*. CST viết *Saṃkhadhamajātaka*.

VII. PHẨM NỮ NHÂN (*ITTHIVAGGA*)⁷⁷

§61. CHUYỆN CHÚ THUẬT ASĀTA (*Asātamantajātaka*) (J. I. 284)

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo bị tham dục chi phối trong lúc trú tại Kỳ Viên. Câu chuyện sẽ được trình bày ở *Chuyện kỹ nữ Ummadantī*.⁷⁸

§62. CHUYỆN CÔ GÁI TRÊN LẦU BẢY TẦNG (*Anḍabhūtajātaka*)⁷⁹ (J. I. 289)

Trò chơi sáo, giả mù...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo bị ái dục chi phối tâm trí trong lúc trú tại Kỳ Viên. Bậc Đạo sư hỏi:

- Tăng chúng bảo rằng ông bị ái dục chi phối, có phải vậy chăng?
- Thưa vâng, quả đúng như vậy.

– Nay Tỷ-kheo, không ai canh giữ đàn bà được cả. Ngày xưa, có kẻ đầy mưu trí canh giữ một nữ nhân từ khi nó mới lọt lòng mà cũng không thể nào giữ nó được.

Nói vậy xong, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

Một thuở nọ, Vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, Bò-tát sinh làm vương tử của bà chánh hậu. Khi ngài lớn lên, ngài tinh thông mọi môn học thuật, và khi vua cha băng hà, ngài lên ngôi làm một vị anh quân, trị dân đúng pháp. Thời ấy, ngài thường chơi xúc xắc với vị tế sư của triều đình, và khi ném con bài xúc xắc bằng vàng trên mặt chiếc bàn bằng bạc, ngài thường ca khúc hát cầu may này:

Muôn vật lẽ thường tình,	Sông ngòi uốn lượn quanh,
Còn các loài thảo mộc,	Là cây cối mọc thành,
Hễ gặp thời cơ tới,	Nữ nhân phạm ác hành.

Vì khúc hát này làm cho vua thắng cuộc mãi nên theo đúng luật chơi bài, vị tế sư luôn bị thua cuộc. Và muốn khỏi sạt nghiệp, vị ấy quyết định tìm cho ra một cô gái chưa hề thấy người đàn ông nào, đem về nhà khóa cửa nhốt trong

⁷⁷ Bản Tích Lan và CST viết *Itthivagga*. Bản Thái Lan viết *Itthivagga*.

⁷⁸ Xem J. VI. 209, *Ummadantījātaka* (*Chuyện kỹ nữ Ummadantī*), số §527; JRAS. 1893, p. 786.

⁷⁹ Bản CST, Thái Lan viết *Anḍabhūtajātaka*. Bản Tích Lan viết *Andhabhūtajātaka*.

phòng. Vị ấy nghĩ thầm: “Ta không thể nuôi một cô gái đã từng thấy đàn ông. Vậy ta phải tìm một đứa trẻ sơ sinh, giữ kỹ nó lúc lớn lên, canh chừng nó thật cẩn mật để không ai có thể đến gần nó và nó sẽ trung thành với người đàn ông duy nhất thôi. Lúc ấy, ta sẽ thắng vua và trở nên giàu có.”

Bấy giờ, vị này rất giỏi khoa tướng số, nên vừa thấy một người đàn bà nghèo sắp sinh con và đứa trẻ sẽ là con gái. Vị ấy bèn thuê tiền để đem bà ta về ở trong nhà mình, giữ thật kỹ đến ngày sinh đứa con xong, bà ta phải đi ngay với một số tiền. Còn hài nhi kia được toàn phụ nữ nuôi nấng, không một nam nhân nào được nhìn thấy nó, trừ vị tế sư. Khi nó lớn lên, nó thuộc về quyền sở hữu của vị tế sư, chủ nhân của nó.

Suốt thời gian cô bé lớn dần, vị tế sư tránh việc chơi bài với vua, nhưng khi nó đã trưởng thành dưới quyền kiểm soát của chính mình thì vị tế sư lại thách thức vua chơi bài. Ngài chấp thuận và bắt đầu cuộc chơi. Trong khi vừa ném con xúc xắc, ngài vừa hát khúc ca cầu may ấy thì vị tế sư nói thêm:

– Nhưng bao giờ cô bé của hạ thần cũng là ngoại lệ đấy!

Rồi vận may cũng đổi chiều, chính vị tế sư thắng cuộc và nhà vua thua bài. Khi xét kỹ vấn đề trên, Bồ-tát nghi ngờ vị tế sư có giấu kín một cô gái đức hạnh trong nhà nên ngài cho người dò tìm và quả đúng như vậy. Thế là để làm cho cô bé kia phải sa ngã và phạm lỗi, ngài truyền đưa tới một gã điếm đảng, giáo quyết và hỏi gã có cách quyến rũ cô gái chăng.

Gã kia đáp:

– Tâu Đại vương, chắc chắn là được.

Nghe vậy, nhà vua cho gã tiền và bảo gã thi hành lệnh ngài ngay, chớ để mất thì giờ lâu. Với số tiền vua ban, gã mua đủ loại nước hoa, hương liệu và mở cửa tiệm bán nước hoa gần nhà vị tế sư. Bấy giờ, nhà vị tế sư cao bảy tầng, có bảy cổng, mỗi cổng đều có người ngồi canh, toàn phụ nữ canh cổng, không đàn ông nào được phép vào nhà trừ vị Bà-la-môn. Ngay cả những thùng đựng rác cũng được khám xét thật kỹ trước khi đem vào nhà.

Chỉ riêng vị tế sư ấy được quyền nhìn thấy cô gái, và cô bé cũng chỉ có một nữ tỳ hầu hạ. Nữ tỳ này được giao tiền đi mua hoa tươi và nước hoa về tặng cô chủ; trên đường đi, bà ta thường bước ngang qua cửa tiệm mà gã điếm đảng kia mới mở. Gã ấy biết rõ bà ta chính là người hầu của cô gái kia, bèn đợi một ngày nọ bà ta đến gần, gã vội vã chạy bỏ ra ngoài cửa hiệu, quỳ xuống chân bà, hai tay ôm chặt đầu gối bà, miệng lắp bắp:

– Ôi, mẹ ôi! Mẹ đi đâu lâu nay thế hở mẹ?

Và đồng bọn của gã đứng canh ở đó đều kêu lên:

– Ô giống như tạc! Tay chân, mặt mũi, cả cách ăn mặc nữa, đều y hệt nhau!

Trong khi mọi người cứ xem xét trăm trổ không ngớt về sự giống nhau kỳ diệu kia, người đàn bà ấy đâm ra hốt hoảng trông thật thảm hại. Bà ta òa khóc

lớn rằng, đây hẳn là con trai bà! Rồi vừa khóc lóc vừa kể lể, cả hai người cứ ôm lấy nhau mà ngã lẫn ra. Sau đó, gã hỏi:

– Nay mẹ đang ở đâu vậy mẹ?

– Mẹ đang ở nhà vị tế sư đầy con ạ. Ngài có một cô tiểu thiếp đẹp vô song, quả là tiên trên trời mới đẹp như thế và mẹ là người hầu của nàng ấy.

– Thế mẹ đang đi đâu đấy?

– Mẹ đi mua hoa tươi và nước hoa cho nàng ấy.

Gã kia bảo:

– Sao mẹ còn đi đâu mà mua các thứ ấy nữa? Lần sau mẹ cứ đến đây.

Và gã tặng bà già trầu cau cùng đủ thứ hoa mà không lấy tiền. Cô gái ngạc nhiên thấy số hoa tươi và nước hoa bà ta đem về quá nhiều, bèn hỏi tại sao vị tế sư Bà-la-môn lại hậu hĩ với nàng thế. Bà già đáp:

– Sao con lại nói thế hở con?

– Vì số hương hoa bà đem về nhà đầy mà.

– Ô không, chẳng phải ngài Bà-la-môn cho tiền hào phóng đâu mà chính vì già này lấy các thứ kia ở tiệm của con trai già đấy.

Bà già bảo. Và từ đó, bà già giữ riêng số tiền vị Bà-la-môn đưa, rồi đi đến lấy hoa tươi cùng đủ thứ khác tại tiệm gã kia khỏi mất tiền. Vài ngày sau, gã già vờ đau ốm, lên giường nằm. Khi bà già ấy đến cửa tiệm hỏi con trai bà đâu thì được biết gã đang bị bệnh. Bà vội bước vào tận nơi, âu yếm vuốt ve đôi vai gã và hỏi nguyên nhân con bệnh. Nhưng gã không đáp.

– Tại sao con không nói cho mẹ biết hả con?

– Dù con có chết đi cũng không dám nói với mẹ đâu.

– Nhưng nếu con không nói với mẹ thì còn nói với ai được nữa?

– Thế thì mẹ ôi, bệnh của con phát ra chỉ vì nghe mẹ cứ khen cô tiểu chủ của mẹ đẹp tuyệt trần nên con đâm ra si tình phát ốm tương tự đó thôi! Nếu con chiếm được nàng, con mới sống nổi, còn không thì con đành nằm ở đây chờ chết.

– Con ơi, con cứ để việc này cho mẹ lo liệu.

Bà già nói một cách vui vẻ.

– Con đừng lo lắng gì về chuyện đó.

Thế rồi mang một thùng chất đầy hoa tươi cùng nước hoa, bà đem về nhà, nói với nàng tiểu thiếp của vị Bà-la-môn:

– Chao ôi! Con trai già đang ốm tương tự vì nàng, chỉ vì già bảo cho nó biết nàng đẹp tuyệt vời! Bây giờ biết làm sao đây?

Cô gái đáp:

– Nếu bà tìm cách len đem được cậu ấy vào đây thì ta cho phép bà đấy.

Ngay sau đó, cụ già liền bắt tay quét dọn tất cả đồ đạc hư cũ, rác rưởi

trong nhà, thâu góp cả bảy tầng lầu từ rằm thượng cho đến nhà bếp, bỏ vào một thùng đựng hoa to tướng rồi tìm cách đưa ra ngoài. Khi người ta lục soát như thường lệ thì mù già đổ cả thùng rác lên đầu người đàn bà giữ cổng, khiến người đó bỏ chạy ngay trước cách đối xử quá thô bạo như thế. Mù già cũng làm cách ấy với các người giữ cổng kia, khiến cho họ ngộp thở vì đồng rác rưởi trút lên đầu và mọi người la lối mù đủ điều.

Thế là từ đó về sau, mù già có đưa vào đưa ra bất cứ vật gì cũng không ai có gan lục soát mù nữa. Thời cơ đã đến tay, mù lén đưa gã điếm đàng giấu trong thùng hoa vào gặp cô tiểu chủ. Gã làm hư hỏng đức hạnh của cô gái ngay và còn cả gan ở lại một hai ngày trong những căn gác nhỏ trên lầu. Gã lánh mặt khi vị tể sư đến nhà và bầu bạn với cô gái khi vị ấy đi khỏi. Sau một hai ngày, cô gái bảo tình nhân:

- Này lang quân yêu quý, chàng phải ra đi rồi đây.
- Đúng rồi, nhưng ta muốn đánh lão Bà-la-môn ấy một cái đã.
- Được lắm chứ.

Cô gái đáp và đem giấu gã một nơi. Sau đó, vị Bà-la-môn đến, cô nàng kêu lên:

– Này phu quân yêu dấu, tiện thiếp ưa thích ca múa biết bao, ước gì phu quân vui lòng thổi sáo cho thiếp.

- Vậy ái nương hãy múa đi nào.

Vị Bà-la-môn lập tức thổi sáo lên.

– Nhưng nếu phu quân nhìn thiếp thì thiếp xấu hổ, then thùng quá, không sao dám múa đâu, để tiện thiếp lấy cái khăn che kín khuôn mặt khỏi ngó khả ái của phu quân trước đã, rồi tiện thiếp mới dám múa.

– Thôi được rồi, nếu ái nương quá khiêm nhượng mà không dám múa thì cứ làm thế đi.

Vậy là cô nàng lấy một tấm vải thật dày buộc chặt lên mặt lão Bà-la-môn để che mặt lão. Và cứ giả mù như thế, lão bắt đầu thổi sáo. Nhảy múa được một lát, cô nàng lại kêu lên:

- Chàng yêu quý ôi, thiếp lại còn thích đánh chàng một cái trên đầu nữa cơ!
- Vậy thì nàng cứ đánh đi nào!

Lão già ngốc nghếch đáp mà không chút nghi ngờ gì cả. Thế là cô ả liền ra hiệu cho gã tình nhân, hẩn nhẹ nhàng lén ra sau lưng lão Bà-la-môn đánh cho lão một đấm trên đầu nên thân. Cái đấm mới đích đáng làm sao, khiến hai mắt lão như muốn lòi ra khỏi mặt, trên đầu lão u lên một cục lớn. Lão thấy đau điếng người, liền gọi cô ả kia đến gấp, đưa tay cho lão xem, và cô ả bèn đặt tay mình vào tay lão:

- Ồ bàn tay nàng mềm mại quá, sao nó lại đánh đau thế này?

Bấy giờ, khi gã đều cáng kia đánh lão Bà-la-môn xong, gã lại đi ẩn mình như

cũ. Lúc ấy, cô gái mở khăn ra khỏi mặt lão, thoa dầu lên chỗ đầu bị u. Một lát sau lão ra về, gã kia lại được mẹ già giấu vào giỏ hoa đưa ra khỏi nhà. Lập tức gã đến yết kiến đức vua và tâu trình toàn thể cuộc phiêu lưu của gã cho ngài hay.

Bởi thế, khi vị Bà-la-môn vào châu, vua liền đề nghị chơi bài xúc xắc, vị ấy đồng ý và chiếc bàn chơi bài được đem ra. Khi vua ném con bài, ngài cũng ca khúc hát ấy. Và vị Bà-la-môn, vì không hay biết gì về sự hư hỏng của cô tiểu thiếp nên vẫn nói thêm:

– Bao giờ cô gái của hạ thần cũng là ngoại lệ đấy.

Nhưng lần này lão thua cuộc!

Còn vua đã biết rõ mọi việc xảy ra, liền bảo tế sư:

– Sao lại trừ nàng ấy ra? Nàng ấy đã hư thân mất nết rồi. Ồ, khanh cứ tưởng là đem về nuôi một con bé từ khi lọt lòng mẹ và nhốt nó trong bảy vòng canh giữ là khanh có thể vững lòng tin vào nó ư? Nay khanh, không thể tin vào một nữ nhân nào cả, dù cho khanh có ôm nó trong lòng, quanh quần suốt ngày bên nó không rời một khắc! Chẳng hề có một người đàn bà nào giữ dạ chung thủy với một người đàn ông duy nhất trên đời. Còn về ả tiểu thiếp của khanh, ả bảo khanh rằng ả muốn nhảy múa, rồi khi đã bịt mắt khanh xong xuôi, khanh thối sáo cho ả thì ả lại để gã tình nhân đánh lên đầu khanh đấy, sau đó lên đưa gã ra khỏi nhà. Thế thì ngoại lệ của khanh ở đâu chứ?

Khi nói vậy xong, nhà vua liền ngâm kệ:

62.	Trò chơi sáo giả mù,	Vì vợ bé phỉnh phờ,
	Bà-la-môn ngồi đó,	Cố gìn giữ gái tơ,
	Tạo nên người đức hạnh,	Trong trắng chẳng bùn nhơ,
	Học ngay từ việc ấy,	Mà sợ đám liễu bồ!

Bằng cách ấy, Bồ-tát thuyết pháp cho vị Bà-la-môn. Vị ấy về nhà hạch hỏi cô gái về tội hư thân mất nết mà cô ả đã bị tố cáo trên. Cô gái phân trần:

– Nay phu quân yêu quý, ai có thể nói như vậy về tiểu thiếp đây? Tiểu thiếp vô tội thật mà, chính bàn tay thiếp đánh chàng thật mà, chứ còn ai vào đây nữa? Nếu phu quân không tin lời thiếp thì thiếp xin nguyện đem thân này ra thử lửa để chứng tỏ không hề có bàn tay nam nhân nào từng đụng vào người thiếp cả, nhờ vậy mong chàng tin tưởng thiếp.

– Muốn thế thì được ngay.

Vị Bà-la-môn liền bảo đem một đồng củi vào và châm lửa lên. Sau đó, cô gái được gọi đến:

– Nay, nếu nàng tin tưởng lời mình thật thì hãy thử lửa đi.

Vị Bà-la-môn nói.

Trước đó, cô gái đã dặn dò mẹ già nọ như sau:

– Nay mẹ ôi, mẹ hãy gọi con trai mẹ đến sẵn đây để nắm lấy tay con đứng lúc con sắp bước vào lửa nhé!

Và mục giả làm đúng như lời cô ả dặn, bảo gã kia đứng chen vào đám đông đang vây quanh. Sau đó, để đánh lừa vị Bà-la-môn, cô gái đứng trước mặt mọi người, hăng hái thề thốt:

– Thưa phu quân, không hề có tay ai trừ tay chàng đụng vào người thiếp cả, với lời thề chân thật này, thiếp cầu mong ngọn lửa đừng làm hại thân thiếp.

Nói vậy xong, cô ả tiến đến đóng lửa vừa đúng lúc gã tình nhân nhảy lên chụp lấy tay ả, hét to rằng, vị Bà-la-môn thật đáng xấu hổ vì đã bắt buộc một thiếu nữ diễm lệ thế kia phải nhảy vào lửa đỏ! Cô gái giật mạnh tay ra khỏi tay gã và kêu ca rằng lời xác nhận trước đây của ả đã bị làm hỏng mất rồi, nên bây giờ ả không thể thử lửa được nữa! Vị Bà-la-môn hỏi:

– Tại sao lại không được?

Cô ả đáp:

– Bởi vì trước kia thiếp xác nhận không hề có bàn tay nam nhân nào đụng vào người thiếp trừ tay chàng ra, nhưng bây giờ lại có một người đàn ông vừa chụp lấy tay thiếp.

Nghe vậy, vị Bà-la-môn biết rằng mình đã bị lừa, liền tổng cổ cô ả ra khỏi nhà bằng những cái đấm thẳng tay.

Xem đấy, chúng ta biết rõ sự hư thân mất nết của đàn bà ra sao rồi. Không có tội lỗi nào mà chúng không phạm đến cả, rồi sau đó muốn đánh lừa các ông chồng thì có lời thề thốt nào chúng không nói bừa cho xong đã chứ! Ngay giữa ban ngày ban mặt thế mà dám cho rằng chẳng hề phạm tội gì cả đấy! Lòng dạ chúng thật giả dối, điêu ngoa làm sao! Do đó từ xưa đã có tục ngữ như vậy:

Một giống toàn lừa phỉnh, dối gian,
Làm sao hiểu nổi, cứ tung tăng,
Như đàn cá lội theo dòng nước,
Lộng giả thành chân, thói các nàng!
Tựa giống bò tham đồng cỏ mới,
Má đào mơ ước đôi tình lang,
Khác nào cát lún, không hề thỏa,
Độc dữ như loài rắn hổ mang!
Bọn nữ nhi thường rành mọi sự,
Còn chi giấu được đám hồng nhan?

Bậc Đạo sư nói:

– Quả thật không làm sao giữ nổi đàn bà.

Khi pháp thoại chấm dứt, Ngài tuyên thuyết các sự thật. Đến cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo bị tham ái chi phối kia đắc quả Dự lưu. Bậc Đạo sư cũng nêu mối liên hệ giữa hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Vào thời ấy, Ta là vua xứ Ba-la-nại kia vậy.

§63. CHUYỆN HIỆN SĨ CHÀ LÀ (*Takkajātaka*)⁸⁰ (J. I. 295)

Bọn nữ nhân đầy dẫy hận sân...

Câu chuyện này, trong khi trú tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo bị tham dục chi phối. Khi được hỏi, vị Tỷ-kheo thú nhận rằng mình bị tham dục chi phối, bậc Đạo sư hỏi:

– Đàn bà thật vong ân bội nghĩa, tại sao ông lại để dục tham chi phối vì họ?
Và Ngài kể câu chuyện quá khứ.

Một thuở nọ, Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát đã chọn đời ẩn sĩ, xây dựng cho mình một am thất bên bờ sông Hằng. Tại đó, ngài đã đạt các thắng trí cùng các thiên chứng và an trú trong thiền lạc. Thời ấy, vị quan giữ công khổ ở thành Ba-la-nại có một cô con gái rất hung dữ, độc ác được mệnh danh là “Ác tiểu thư”, thường hay mắng chửi đánh đập gia nhân, nô tỳ của mình.

Một ngày kia, bọn gia nhân đưa cô tiểu chủ đến vui chơi giải trí trên sông Hằng, khi cả đám đang đùa giỡn tung tăng trên mặt nước thì mặt trời lặn dần và một cơn bão lớn bỗng nổi lên. Vì thế, mọi người vội vã chạy trốn, còn lại bọn nữ tỳ của nàng kêu to: “Đây chính là thời cơ tốt nhất để ác độc này đi!” Rồi chúng ném thẳng cô gái xuống nước và vội vã bỏ về. Mưa trút xuống như thác, mặt trời dần khuất và màn đêm xuống rất nhanh.

Khi bọn nô tỳ về nhà mà không có cô tiểu chủ, liền bị tra hỏi tiểu thư đâu, họ đều thừa rằng tiểu thư đã bước lên khỏi bờ sông nhưng họ không biết nàng đã đi đâu cả. Gia đình này đi tìm kiếm khắp nơi, nhưng không thấy tung tích cô gái đi lạc.

Trong lúc ấy, nàng kêu gào thất thanh vì bị nước lũ cuốn trôi, đến nửa đêm thì trôi dạt vào gần am thất của Bồ-tát. Nghe tiếng kêu cứu, ngài tự nhủ: “Đây là tiếng đàn bà kêu cứu. Ta phải cứu người ấy khỏi nước cuốn mới được.” Thế là ngài cầm ngọn đuốc cỏ soi sáng để tìm, thấy nàng giữa dòng nước.

– Đừng sợ! Đừng sợ!

Ngài vui mừng kêu lên và lôi xuống, rồi nhờ sức lực cường tráng như voi của ngài, ngài đưa cô gái vào bờ an toàn. Sau đó, ngài nhóm lửa trong am thất để sưởi ấm nàng và mang trái cây ngon ngọt đủ loại cho nàng dùng. Khi nàng vừa ăn, ngài hỏi:

– Nhà cô nương ở đâu, có sao lại rơi xuống sông?

Cô gái kể hết mọi việc đã xảy ra cho mình. Ngài bảo:

– Cô nương cứ tạm thời ở lại đây.

Ngài để cô gái ở trong am thất, còn phần ngài ra ở ngoài trời khoảng hai, ba ngày. Sau đó, ngài bảo cô gái ra đi, song cô ả cứ nán nã ở lại cho đến khi quỵn

⁸⁰ Bản Tích Lan viết *Takkajātaka*. Bản CST viết *Takkapaṇḍitajātaka*.

rũ được vị ẩn sĩ này say mê mình mà cô vẫn không chịu đi đâu cả. Thời gian qua, cô gái dùng mọi vẻ yêu kiều của mỹ nhân kế khiến ngài mất hết thiền lực, trí tuệ. Ngài vẫn cùng nàng ấy sống trong rừng.

Nhưng nàng lại không thích ở nơi hiu quạnh mãi, nên đòi ngài đem về nơi có dân cư. Thế là chiều theo lời năn nỉ i ôi kia, ngài đành đem nàng ấy ra đi, đến một làng ở biên địa, nuôi sống nàng bằng cách bán quả chà là, nên được gọi tên là Hiền sĩ Chà Là. Dân làng nhờ ngài dạy cho cách biết trước lúc được mùa hoặc mất mùa rồi trả tiền cho ngài và biếu ngài một túp lều để sống ở cổng làng.

Bấy giờ, vùng biên địa hay bị bọn cướp từ núi xuống tàn hại, phá phách. Ngày kia, bọn chúng tấn công vào làng ngài đang ở và cướp của cải. Chúng bắt dân làng khôn khéo kia thu góp hết tài sản cho chúng rồi cao chạy xa bay, mang theo cô tiểu thư con quan thủ khổ cùng với nhiều người khác về sào huyệt của chúng. Đến nơi, chúng thả mọi người kia ra, song giữ lại cô gái có nhan sắc ấy để làm áp trại phu nhân của viên tướng cướp thủ lãnh.

Khi Bồ-tát biết việc này, ngài suy nghĩ: “Chắc nàng sẽ không chịu ở xa ta đâu. Nàng sẽ trốn về đây với ta.” Thế rồi ngài vẫn ở đó chờ đợi nàng trở về. Trong lúc ấy, nàng thấy rất hạnh phúc và được phi nguyện với bọn cướp kia, nên cứ nơm nớp lo sợ có ngày vị hiền sĩ bán chà là đến bắt nàng đi về lần nữa. Nàng nghĩ thầm: “Ta sẽ được an lạc hơn nếu vị ấy chết đi. Vậy ta phải nhấn tin cho vị ấy, giả vờ làm vẻ thương yêu để dụ vị ấy đến đây mà chịu chết cho xong.” Sau đó, nàng tìm cách đưa tin cho ngài biết là nàng đang khổ sở lắm và nàng mong ước ngài đến cứu về.

Ngài tin lời nàng, vội lên đường đến cổng làng của bọn cướp, nhấn tin cho nàng. Nàng bảo:

– Bấy giờ ta trốn đi, chắc phải rơi vào tay tên thủ lãnh và hắn giết ta thôi. Vậy ta hãy đợi đến nửa đêm rồi đào tẩu.

Thế là nàng đem giấu ngài trong phòng, vào nửa đêm tên cướp trở về nức nồng hơi rượu, nàng hỏi hắn:

– Này lang quân, chàng sẽ làm gì nếu tình địch ở trong tay chàng?

Hắn bảo sẽ làm thế này thế nọ đối với tình địch. Nàng bảo:

– Có lẽ gã kia cũng không ở đâu xa xôi như chàng tưởng đâu. Hiện nó đang ở trong phòng kế bên ấy.

Cầm vội ngọn đuốc, tên cướp chạy vào chụp lấy Bồ-tát đánh đấm khắp mình mẩy cho hả giận. Cam lòng chịu đựng những cái đánh đấm kia, Bồ-tát không hề kêu than gì mà chỉ thì thầm:

– Ôi, phường vong ân bội nghĩa, thật là gian ác! Bọn lừa đảo điêu ngoa xảo trá thế là cùng!

Ngài chỉ nói chừng ấy thôi. Sau khi đã đánh đập và trói chân Bồ-tát lại, tên cướp ăn uống xong liền nằm lăn ra ngủ. Sáng dậy, sau giấc ngủ tiêu tan hết cơn say sưa hồi hôm, tên cướp lại đánh đập Bồ-tát lần nữa, ngài cũng không kêu

than gì mà chỉ lặp lại mấy lời trên. Tên cướp ngạc nhiên trước chuyện này và hỏi lý do tại sao khi bị đánh đập ngài cứ nói mãi như thế.

Hiền sĩ Chà Là đáp:

– Nay nghe đây, rồi ngươi sẽ hiểu rõ. Trước kia, ta là ẩn sĩ độc cư trong rừng hoang, đã chứng đắc thiên định và thắng trí. Sau đó, ta cứu người đàn bà này ra khỏi sông Hằng và giúp đỡ nó đủ mọi nhu cầu, song đã bị nó quyến rũ nên mất hết thắng trí. Rồi ta từ bỏ rừng sâu, đem nó về làng sinh sống, từ đó nó bị cướp mang đi. Nó lại nhắn tin cho ta là nó đang chịu khổ sở và xin ta đến giải cứu nó. Nay nó đưa ta vào tay ngươi, vì vậy ta cứ kêu lên như thế đó.

Nghe vậy, tên cướp bắt đầu suy nghĩ lại, hấn thẳm nhủ: “Nếu cô ả chẳng chút thương tiếc một người tốt đã từng làm ơn cho cô ả nhiều như vậy thì ả sẽ không làm hại ta sao được? ả phải chết!”

Thế là sau khi an ủi Bồ-tát xong, hấn đánh thức cô ả dậy, vừa cầm kiếm trong tay, hấn vừa bảo rằng hấn sắp giết Bồ-tát ngoài cổng làng. Rồi bảo ả giữ chặt Hiền sĩ Chà Là, hấn tuốt kiếm ra làm vẻ sắp giết ngài nhưng lại chặt làm đôi cô ả đàn bà kia. Xong xuôi hấn tắm gội cho Bồ-tát sạch sẽ từ đầu đến chân và tiếp đãi ngài đủ món cao lương mỹ vị suốt mấy ngày liền cho thỏa thích. Cuối cùng, tướng cướp hỏi:

– Thế bây giờ ngài định đi đâu?

Bậc hiền sĩ nói:

– Trần thế chẳng có gì vui thú đối với ta cả. Ta sẽ sống đời ẩn sĩ như xưa kia tại am thất cũ trong rừng.

– Thế thì kẻ hèn này cũng muốn làm ẩn sĩ.

Như vậy, cả hai đều trở thành ẩn sĩ sống tại am thất trong rừng kia, cùng đắc các thắng trí và các thiên chứng, cho đến khi mạng chung thì thọ sanh lên Phạm thiên giới.

Kể câu chuyện ấy xong, bậc Đạo sư nêu lên sự liên hệ giữa hai câu chuyện qua các vần kệ sau:

63. Bọn nữ nhân đầy dẫy hận sân,
Nói mồm hai lưỡi, bọn vong ân,
Kẻ gieo chia rẽ, rồi gây chiến.
Vậy hỡi Tỷ-kheo, hãy bước chân,
Thẳng tiến đường thanh cao chánh hạnh,
Rồi ngươi thấy cực lạc siêu trần.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc bài giảng, vị Tỷ-kheo bị tham dục chi phối đắc quả Dự lưu; và bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Vào thời ấy, Ānanda là tướng cướp và Ta chính là Hiền sĩ Chà Là kia vậy.

§64. CHUYỆN NGƯỜI VỢ KHÓ HIỂU (*Durājānajataka*) (J. I. 299)

Chàng tương má hồng yêu mến chẳng...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể về một nam cư sĩ trong lúc trú tại Kỳ Viên. Chuyện kể rằng, thời ấy, tại Xá-vệ có một nam cư sĩ thọ tam quy và ngũ giới, là một đệ tử thuần thành của Phật, Pháp, Tăng. Nhưng vợ người này là một nữ nhân độc ác, nham hiểm. Vào những ngày người vợ ấy phạm lỗi lầm, nàng nhu mì nhẵn nhụi như một nữ tỳ được mua về với giá một trăm đồng tiền, còn những ngày nàng không phạm tội gì thì nàng lên mặt bà chủ nhà hay giận dữ và khắc nghiệt. Người chồng không sao hiểu nổi nàng. Nàng cứ làm khô người chồng đến độ chàng không đến yết kiến đức Phật được.

Một ngày kia, chàng mang hương hoa đến, sau khi kính cẩn đánh lễ xong, chàng ngồi xuống thì bậc Đạo sư bảo:

– Nay nam cư sĩ, làm sao đã bảy, tám ngày qua ông không đến hội kiến Như Lai?

– Bạch Thế Tôn, vợ con có ngày thì dễ bảo như một tỳ nữ được mua về với giá một trăm đồng tiền, vào ngày khác thì hay giận dữ khắt khe như một bà chủ. Con không làm sao hiểu vợ con được. Chính vì vợ con làm phiền lòng, lâu nay con không đến hầu đức Thế Tôn.

Khi nghe người ấy nói vậy, bậc Đạo sư bảo:

– Nay cư sĩ, ông đã được các bậc Hiền trí thời xưa nói cho biết rằng, thật khó hiểu được bản tính nữ nhân.

Và Ngài nói thêm:

– Nhưng vì các tiền kiếp đã trở nên lẫn lộn trong trí ông nên ông không nhớ nổi.

Nói vậy xong, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát làm một vị giáo sư danh tiếng lừng lẫy khắp nơi, với năm trăm thanh niên Bà-la-môn thọ giáo với ngài. Trong số đó, có một thanh niên từ phương xa đến, chàng đã yêu một thiếu nữ và cưới người đó làm vợ.

Dù chàng đang sống tại Ba-la-nại, chàng vẫn không thể nào đến hầu Sư phụ trong hai, ba lần liên, vì vợ chàng là người đàn bà độc ác; hễ ngày nào phạm lỗi lầm thì nàng ra vẻ nhu mì như một tỳ nữ, còn ngày nào không làm gì sai trái thì nàng lên mặt một bà chủ, hay nóng giận, khắc nghiệt. Chồng nàng không thể nào hiểu nổi tính nàng ra sao cả, và quá chán, bực mình, khổ sở vì nàng đến độ chàng không đến hầu hạ sư phụ. Bảy giờ, bảy, tám ngày sau, chàng lại đến hội kiến ngài, và được Bồ-tát hỏi tại sao lâu nay vắng mặt.

Chàng đáp:

– Bạch Sư phụ, nguyên nhân là tại vợ con.

Rồi chàng kể cho Bồ-tát nghe, nàng đã nhu mì ra sao trong lúc làm vẻ như một tỳ nữ, lúc khác lại khắt khe chuyên quyền khiến chàng không sao hiểu nàng được. Và chàng quá phiền muộn khổ sở vì tánh tình thất thường của nàng nên đã vắng mặt như thế.

– Nay cậu trai Bà-la-môn, rõ ràng như vậy, vào ngày làm lỗi, đàn bà tỏ ra khúm núm trước mặt chồng mình và nhẫn nhục như bọn tỳ nữ; còn ngày nào không làm lỗi, họ tỏ ra cứng đầu, bướng bỉnh với cả phu quân. Đàn bà độc ác nham hiểm như thế đấy, khó mà biết được bụng dạ họ ra sao. Vậy cậu không nên quan tâm đến những sở trường, sở đoản của họ làm gì.

Nói vậy xong, Bồ-tát ngâm kệ này để khích lệ đệ tử ngài:

64. Chàng tưởng má hồng yêu mến chẳng?
 Nay chàng trai hỡi, chớ vui mừng!
 Tưởng là nàng chẳng yêu chàng nữa?
 Nhẫn nại mà thôi, chớ oán hờn.
 Lòng dạ đàn bà ai hiểu được,
 Như bầy cá lội nước tung tăng.

Đó là lời khuyên cáo của Bồ-tát đối với đệ tử ngài, nên từ đó, chàng chẳng còn quan tâm đến tính thất thường của nàng nữa. Còn nàng khi nghe nói nét hạnh kém cỏi của mình đã đến tai Bồ-tát thì nàng bỏ ngay thói hư tật xấu kia, không còn tái phạm.

Phần người vợ của nam cư sĩ này tự nhủ: “Người ta bảo là đức Phật đã hiểu rõ thói hư tật xấu của mình rồi!” Từ đó, nàng không còn sai phạm lỗi lầm như trước kia.

Khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Đến lúc kết thúc bài giảng, vị nam cư sĩ đắc quả Dự lưu. Sau đó, bậc Đạo sư nêu mối liên hệ giữa hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Vào thời ấy, hai vợ chồng kia là hai vợ chồng ngày nay và Ta chính là vị giáo sư ấy.

§65. CHUYỆN NỖI BẤT MÃN (*Anabhiratijātaka*) (J. I. 301)

Khác gì xa lộ, các dòng sông...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên, cũng về một nam cư sĩ như chuyện trước. Người này trong lúc tìm hiểu, đã biết chắc chắn về sự hư hỏng của vợ mình, liền cãi vã với nàng, kết quả là người ấy bức bối đến độ bảy, tám ngày liền không đến yết kiến bậc Đạo sư.

Một ngày kia, chàng đến tinh xá, đánh lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống. Khi được hỏi tại sao chàng vắng mặt bảy, tám ngày qua, chàng đáp:

– Bạch đức Thế Tôn, vợ con hư hỏng khiến con quá phiền lòng về việc ấy, đến độ không đến đây được.

Bậc Đạo sư bảo:

– Nay cư sĩ, ngày xưa người hiền thiện đã khuyên ông đừng buồn giận vì thói hư tật xấu của đàn bà, mà phải giữ lòng bình thản; tuy vậy, ông đã quên chuyện này vì vòng luân hồi sinh tử đã che mắt ông.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của vị cư sĩ, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bô-tát là một vị giáo sư tiếng tăm lừng lẫy khắp nơi như trong chuyện trước. Một đệ tử của ngài biết được vợ mình hư hỏng, lấy làm phiền muộn về điều này, đến độ lánh mặt đi vài ngày. Nhưng một ngày kia, khi được vị giáo sư hỏi thăm lý do vắng mặt của chàng, chàng liền thổ lộ tâm sự của mình. Sau đó, vị giáo sư bảo:

– Nay con, chẳng có gì riêng tư trong bọn đàn bà cả. Họ là của chung cho mọi người đấy. Vì vậy, khi người trí biết được nhược điểm của họ, các vị ấy không tức giận vì họ nữa.

Nói vậy xong, ngài ngâm kệ này để khích lệ tinh thần đệ tử:

65. Khác gì xa lộ, các dòng sông,
 Nhà trọ, sân vườn, các quán ăn,
 Tứ điểm mở ra mời tất cả,
 Thập phương lữ khách, thói ân cần.
 Thường tình nhi nữ là như thế,
 Người trí không hề tỏ hận sân,
 Hạ cố bận lòng vì nhược điểm,
 Của loài liễu yếu, bọn hồng quần.

Đó là lời khuyên cáo của Bô-tát đối với đệ tử ngài. Từ đó về sau, vị này giữ bình thản trước mọi việc làm của nữ giới. Người vợ kia cũng được cảm hóa ngay khi nghe vị giáo sư đã biết rõ bản chất của mình. Nàng từ bỏ thói hư tật xấu cũ. Và vợ của người cư sĩ cũng vậy, khi nghe rằng bậc Đạo sư đã hiểu rõ bản chất của mình, liền từ bỏ thói hư tật xấu cũ.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Đến lúc kết thúc bài giảng, vị cư sĩ đắc quả Dự lưu. Bậc Đạo sư cũng nêu sự liên hệ giữa hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Hai vợ chồng này ngày nay cũng là hai vợ chồng ngày xưa và Ta chính là vị giáo sư Bà-la-môn ấy.

§66. CHUYỆN HOÀNG HẬU TỪ TÂM (*Mudulakkhaṇajātaka*) (J. I. 302)

Trước thời ta được Từ Tâm...

Câu chuyện này được bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về tính tham đắm ái dục. Chuyện kể rằng, một thiện gia nam tử ở Xá-vệ, sau khi nghe đức Phật thuyết pháp liền thành tâm hướng về Tam bảo. Vị ấy xuất gia sống đời Phạm hạnh, theo đúng chánh đạo, thực hành thiền định và không bao giờ xao lãng trăm tư đối với đề tài thiền quán mà vị ấy đã chọn.

Một ngày kia, trong lúc đang khát thực tại thành Xá-vệ, vị ấy chợt gặp một nữ nhân có nhan sắc quyến rũ khiến vị ấy ham thích, nên đã vi phạm giới luật tu hành là đưa mắt ngắm nàng. Dục tham bỗng khởi lên trong tâm vị ấy, khiến chẳng khác gì cây sung bị búa rìu đốn ngã xuống đất.

Từ ngày ấy, do dục tham chi phối, thân tâm vị ấy đều mất hết sinh khí trong đời sống tu hành, cũng chẳng tìm được pháp lạc; vị ấy chẳng khác gì một con thú hoang trong rừng, cứ để râu tóc, móng tay, móng chân mọc dài ra dần và y phục bẩn thỉu, hôi hám.

Khi các vị đồng Phạm hạnh biết được tâm trạng khổ đau của vị ấy, liền bảo:

– Này Hiền giả, tại sao tâm trí Hiền giả chẳng được như trước?

Vị ấy đáp:

– Niềm an lạc của ta đã mất rồi.

Tăng chúng liền dẫn vị ấy đến yết kiến bậc Đạo sư, Ngài hỏi tại sao chúng Tăng dẫn vị Tỷ-kheo ấy đến, dù vị ấy không muốn.

– Bạch Thế Tôn, vì niềm an lạc của vị ấy đã mất rồi.

– Này Tỷ-kheo, có đúng vậy chăng?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Vậy ai đã khiến ông phải phiền não?

– Bạch Thế Tôn, trên đường đi khát thực, con đã vi phạm giới luật của bậc Thánh khi nhìn ngắm một nữ nhân và tham dục khởi lên trong tâm con, vì thế con sanh ra phiền não.

Bậc Đạo sư liền bảo:

– Này Tỷ-kheo, chẳng có gì lạ khi ông vi phạm giới luật vì ham dục lạc, ông đã nhìn ngắm một đối tượng trái với giới luật và bị tham dục chi phối. Thuở xưa, ngay cả những bậc đã đắc năm thắng trí và tám thiền chứng; những bậc đã dập tắt dục tham nhờ uy lực của thiền quán, tâm đã được thanh tịnh và đôi chân đã có thể rảo bước giữa không gian; ngay cả các vị Bồ-tát, chỉ vì vi phạm giới luật khi nhìn ngắm một đối tượng ngoài thông lệ nên phải để mất hết thiền lực, tâm bị tham dục khuấy động và phải chịu nhiều phiền não. Thế thì trận cuồng phong đủ năng lực xô ngã núi Tu-di có sá gì mà quan tâm đến một ngọn đồi trọc không lớn hơn con voi; cơn gió thổi mạnh làm bật gốc cây hồng đào cổ

thụ có màng gì bụi cỏ bên vách đá; hay cơn gió càn quét khô cạn cả đại dương có kể gì đến cái ao bé tí kia chứ? Nếu tham dục có uy lực làm cuồng si tâm trí của các vị Bồ-tát đã giác ngộ và thanh tịnh thì làm sao tham dục lại phải nao núng trước ông kia chứ? Nay, ngay cả những người đã thanh tịnh cũng bị tham dục làm lạc hướng và người đã đạt đến vinh quang tột đỉnh cũng phải chịu khổ nhục suy tàn.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát thọ sanh vào một gia đình Bà-la-môn giàu có tại quốc độ Kāsi. Khi ngài trưởng thành và việc học vấn đã hoàn mãn, ngài từ bỏ dục tham, xuất gia sống đời ẩn sĩ, đi vào sống độc cư ở Tuyết sơn. Tại đó, nhờ thành tựu các pháp môn đưa đến thiên định, ngài đã đạt các thắng trí và các thiên chứng, và sống an vui như vậy trong thiên lạc vi diệu.

Vì thiếu muối và giấm, một ngày kia, ngài vào Ba-la-nại; tại đó, ngài đến cư trú trong ngự viên của nhà vua. Ngày kế tiếp, sau khi đã tắm rửa xong thân mình, ngài xếp chiếc y bằng vỏ cây vằn thường đắp, khoác lên vai tấm da linh dương màu đen, buộc các cuộn tóc rối thành một búi trên đỉnh đầu và mang đòn gánh với hai thúng trên lưng, ngài bắt đầu du hành để khát thực.

Trên đường đi, đến cổng hoàng cung, oai nghi của ngài khiến nhà vua thần phục và truyền mời ngài vào. Thế là vị ẩn sĩ được đặt lên một bảo tòa cực kỳ huy hoàng long lẫy và được thết đãi mọi thứ cao lương mỹ vị. Khi ngài nói lời tùy hỷ công đức, ngài lại được mời đến cư ngụ ở hoa viên. Vị ẩn sĩ nhận lời mời và trong mười sáu năm liền sống ở hoa viên, thường thuyết giáo cho cả hoàng gia và thọ hưởng ngự thiện do vua cúng dường.

Bấy giờ, một ngày kia, vua phải ra chốn biên địa để dẹp loạn. Song trước khi khởi hành, vua ủy thác cho hoàng hậu được mệnh danh là Từ Tâm, phải cung cấp các vật dụng cần thiết cho vị ẩn sĩ thanh tịnh kia. Vì vậy, sau khi vua ra đi, Bồ-tát vẫn thường đi đến cung điện khi ngài muốn.

Một ngày kia, Hoàng hậu Từ Tâm đã chuẩn bị một bữa cơm dâng cúng Bồ-tát, nhưng vì ngài đến muộn nên hoàng hậu vô phòng tắm rửa. Sau khi tắm nước hoa xong, bà vận xiêm y hết sức long lẫy và nằm xuống đợi ngài đến trên một bảo tòa nhỏ trong một khách sảnh rộng lớn.

Khi vừa xuất khỏi thiên định, thấy đã trễ giờ, Bồ-tát liền phi hành qua không gian để đến cung điện. Chợt nghe tiếng sột soạt của chiếc y bằng vỏ cây, hoàng hậu vội vã đứng dậy để đón tiếp ngài. Trong lúc vội vàng, chiếc y của hoàng hậu tuột xuống, để lộ mọi vẻ kiều diễm của bà trước mặt vị ẩn sĩ khi ngài vừa đến cửa. Thấy vậy, ngài bỗng ham thích chiêm ngưỡng sắc đẹp nữ nhân kỳ diệu kia nên đã phạm giới đức, lừa dục nhen nhúm trong tâm ngài, khiến ngài giống như thân cây to bị chiếc rìu đốn ngã.

Lập tức ngài đánh mất thiên lực, ngài chẳng khác gì con quạ bị cắt cụt đôi cánh. Ngài vẫn đứng yên, tay nắm chặt thức ăn, nhưng ngài không ăn được mà bước ra đi, toàn thân rung động vì dục vọng. Ngài trở về am thất trong vườn hoa, nằm xuống trên sàng tọa bằng gỗ và suốt bảy ngày liền chịu đói khát, toàn thân bị siết chặt trong vòng vây của sắc đẹp yêu kiều kia, nội tâm ngài như bị lửa dục thiêu đốt bùng bùng.

Vào ngày thứ bảy, nhà vua trở về sau khi đã bình định biên thùy. Vừa ngự vương xa giữa đám rước linh đình quanh hoàng thành xong, vua đi vào cung. Rồi vua muốn thăm vị ẩn sĩ kia ngay, bèn đi đến hoa viên. Tại am thất, vua thấy Bồ-tát đang nằm trên sàng tọa. Tưởng vị ẩn sĩ bị bệnh, vua ra lệnh quét dọn sạch sẽ am thất; vua vừa vỗ vào chân ẩn sĩ ấy vừa hỏi ngài bị bệnh gì.

– Tâu Đại vương, tâm ta đang bị dục tham trói buộc. Đó là căn bệnh duy nhất của ta.

– Ngài có tham dục đối với ai?

– Tâu Đại vương, với Hoàng hậu Từ Tâm đấy.

Nhà vua bảo:

– Vậy thì từ nay hoàng hậu thuộc về ngài, trăm ban nài cho ngài đấy.

Sau đó, nhà vua cùng vị ẩn sĩ đến cung điện, ra lệnh cho hoàng hậu phục sức cực kỳ long lẫy rồi trao bà cho Bồ-tát. Nhưng trong lúc ban tặng hoàng hậu, nhà vua bí mật ủy thác bà phải đem hết sức mình cứu nạn cho vị ẩn sĩ thanh tịnh ấy. Hoàng hậu bảo:

– Xin Thánh thượng đừng lo ngại, thần thiếp sẽ đi cứu ngài.

Thế là cùng với hoàng hậu, vị tu khổ hạnh ra khỏi cung điện. Sau khi đã vượt qua đại hoàng môn, hoàng hậu kêu lên rằng hai người phải có một ngôi nhà để ở; thế là ngài phải trở lại để xin vua một cái nhà. Và vua ban cho hai vị một túp lều đồ nát mà khách qua đường dùng làm nhà tắm. Vị ẩn sĩ đưa hoàng hậu đến đó, nhưng bà không chịu bước vào trong vì nó dơ bẩn quá.

Ngài kêu lên:

– Vậy ta còn phải làm gì nữa?

Bà đáp:

– Này, chàng hãy dọn dẹp nhà cửa cho sạch sẽ.

Bà lại bảo ngài trở về cung vua xin một cái cốc và một cái thúng, rồi bảo ngài khuân hết mọi rác rưởi dơ bẩn đi. Xong lại bảo đi tìm phân bò về trét lên các bức tường. Hết việc ấy, bà bảo ngài đi đóng cái giường, cái ghế, trải một tấm nệm, lấy một bình nước, một cái chén, cứ mỗi lúc lại bảo đi tìm một món. Kế đó, bà lại bảo ngài đi gánh nước về và thêm cả ngàn việc khác nữa. Thế là ngài ra đi tìm nước đổ đầy bình, xong lấy nước về tắm rửa và dọn giường. Vừa khi ngài ngồi trên giường cùng bà, bà liền nắm râu ngài kéo ngài xuống đôi mắt mình và bảo:

– Thế ngài đã quên rằng, ngài là một Bà-la-môn thanh tịnh rồi sao?

Nghe thế, ngài liền tỉnh ngộ sau một thời gian cuồng tâm loạn trí. [Nhân đây, cũng nên nhắc lại bài thuyết giảng bắt đầu bằng: “Như vậy, dục tham triền cái được gọi là ác dục, vì chúng phát khởi từ vô minh, này các Tỷ-kheo, những gì phát khởi từ vô minh đều tạo nên khối si ám dày đặc.”]

Thế là sau khi hồi tỉnh, ngài suy nghĩ thấy rõ bằng cách nào khát ái này trở nên mãnh liệt, dần dần sẽ đưa ngài đến bốn đọa xứ. Ngài kêu lên:

– Nội ngày hôm nay, ta quyết đưa nữ nhân này trả lại cho nhà vua và bay thẳng lên núi!

Ngài liền cùng hoàng hậu đến yết kiến vua và nói:

– Tâu Đại vương, ta không còn ham muốn hoàng hậu nữa, chính vì hoàng hậu mà trước đây khát ái đã bùng dậy trong lòng ta.

Nói vậy xong, ngài ngâm kệ:

66. Trước thời ta được Từ Tâm,
Lòng ta chỉ một ước mong chiếm nàng.
Đến khi nhan sắc nữ hoàng,
Ngự trong tâm trí, ta càng đắm mê,
Dục tham dồn dập tứ bề,
Đại vương, ta quyết bay về núi xưa.

Lập tức thiên lực trước kia đã mất nay trở lại với ngài. Nhảy vọt lên từ mặt đất và trụ giữa hư không, ngài thuyết pháp cho vua và phi hành qua không gian đến dãy Tuyết sơn. Ngài không bao giờ trở lại đường thế tục nữa mà tu tập phát khởi từ bi tâm cùng với thiên quán không gián đoạn, cho đến khi ngài mạng chung và tái sanh vào Phạm thiên giới.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư thuyết giảng bốn sự thật. Vào lúc kết thúc bài giảng, vị Tỷ-kheo đắc quả A-la-hán. Bậc Đạo sư cũng nêu lên mối liên hệ giữa hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Vào thời ấy, Ānanda là nhà vua, Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc) là Từ Tâm và Ta là ân sĩ ấy.

§67. CHUYỆN NGƯỜI ĐÀN BÀ THÔN QUÊ (*Ucchaṇḍajātaka*) (J. I. 306)

Tìm kiếm chồng con thật dễ dàng...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể về một người đàn bà ở thôn quê trong lúc trú tại Kỳ Viên.

Một thuở nọ, trong quốc độ Kosala, có ba người đang cày ruộng ở ven rừng; cùng lúc, một bọn cướp phá hại dân chúng trong rừng xong và đang đào tẩu. Các nạn nhân chạy vào rừng tìm kiếm bọn vô lại nhưng hoài công, khi đến tận nơi ba người cày ruộng, họ la lên:

– Đây là bọn sơn tặc giả dạng nông phu!

Thế là họ kéo cả ba người cày ruộng đến trình vua xứ Kosala. Lúc bấy giờ, có một người đàn bà đến cung vua khóc than kể lễ thảm thiết, xin có được cái gì đó để che thân. Nghe tiếng kêu than, nhà vua ra lệnh ban cho người đàn bà ấy một tấm áo, nhưng nàng từ chối bảo rằng đây không phải là thứ nàng muốn xin. Vì vậy, thị nữ của vua trở lại trình rằng, người đàn bà ấy không cần áo quần mà cần một tấm chồng. Sau đó, vua truyền đưa người đàn bà vào châu và hỏi có phải nàng muốn kiếm chồng thật chẳng. Người đàn bà đáp:

– Tâu Đại vương, đúng thế. Vì người chồng mới thực sự là vật che thân cho đàn bà; còn người đàn bà nào không có chồng, thì dù cho nàng ấy mặc áo quần đáng giá cả ngàn đồng tiền, cũng chẳng khác gì mình trần thân trụi!

Và để làm cho lý lẽ này thêm vững mạnh, nàng lại ngâm câu tục ngữ:

Khác nào đất nước vì vua,
Chẳng khác dòng sông suối cạn khô,
Cũng vậy mình trần thân lại trụi,
Vì không từng, trúc cạnh đào tơ,
Nhìn xem quả thật nàng trơ trọi,
Dù có mười anh ruột một nhà!

Vua hài lòng với lời giải đáp của người đàn bà, nên vua hỏi mối liên hệ giữa nàng với ba người cày ruộng kia ra sao. Nàng đáp rằng một người là chồng nàng, một người là anh nàng, một người là con trai nàng.

Vua bảo:

– Nay, hãy nhận lấy một đặc ân của trẫm. Trẫm sẽ ban cho nàng một trong ba người ấy, nàng chọn người nào?

Nàng đáp :

– Tâu Đại vương, nếu tiện thiếp còn sống, tiện thiếp có thể lấy chồng khác sinh con khác; song nay cha mẹ thiếp đã mất rồi, chẳng bao giờ thiếp có anh em nào khác nữa. Vậy tâu Đại vương, thiếp xin chọn người anh trai.

Nhà vua đẹp ý với nàng, bèn thả cả ba người; vậy chính người đàn bà này là phương tiện cứu nguy cho ba người đàn ông.

Khi Tăng chúng biết được chuyện này, liền khen ngợi người đàn bà kia trong pháp đường thì bậc Đạo sư bước vào. Ngài hỏi Tăng chúng đang bàn luận vấn đề gì và được kể như trên, Ngài bảo:

– Đây không phải là lần đầu tiên, này các Tỷ-kheo, người đàn bà này cứu nguy cho ba mạng sống ấy, mà ngày xưa cũng vậy.

Nói xong, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, ba người đàn ông cày ruộng ở ven rừng và mọi chuyện xảy ra như chuyện trên.

Khi được vua hỏi muốn chọn người nào trong ba người, nàng đáp:

– Tâu Đại vương, Đại vương có thể gia ân ban cho tiện thiếp cả ba người chăng?

Vua đáp:

– Không, trăm không thể.

– Vậy tâu Đại vương, nếu tiện thiếp không thể xin tha cả ba thì mong Đại vương ban cho thiếp người anh trai.

Vua đáp:

– Hãy nhận lấy người chồng hay con trai của nàng đi, chứ anh trai thì có quan hệ gì?

Người đàn bà đáp:

– Hai người kia có thể thay thế được, chứ anh trai thì không bao giờ có nữa.

Nói vậy xong, nàng lại ngâm khúc hát:

67. Tìm kiếm chồng con thật dễ dàng,
 Tha hồ chọn, họ đứng đây đường,
 Song tìm đâu được người anh nữa,
 Dù khổ đau cho đến đoạn trường?

Vua đẹp ý, phán:

– Nàng ấy nói chí lý!

Vua bèn ra lệnh đưa ba người đàn ông kia từ ngục thất đến giao cho người đàn bà, nàng liền đưa cả ba người ra về.

Bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, chính người đàn bà này, thuở xưa kia đã có lần cứu mạng cho cả ba người đàn ông.

Khi pháp thoại chấm dứt, Ngài nêu sự liên hệ giữa hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Người đàn bà và ba người đàn ông ngày nay cũng là người đàn bà và ba người đàn ông ngày trước, và Ta chính là vị vua ấy.

§68. CHUYỆN THÀNH SĀKETA (*Sāketajātaka*) (J. I. 308)

Ý an trú vào ai...

Câu chuyện này, khi ở tại rừng Añjana gần Sāketa, bậc Đạo sư đã kể về một Bà-la-môn. Truyền thuyết nói rằng, trong khi Thế Tôn với chúng Tỷ-kheo vây quanh đang đi vào Sāketa; một Bà-la-môn lớn tuổi ở tại Sāketa, từ thành đi ra ngoài, thấy bậc Đạo sư tại ngưỡng cửa, cúi mình xuống chân Ngài, ôm chặt mắt cá và nói to:

– Này con thân, phải chăng cha mẹ khi già yếu phải được các con nuôi dưỡng? Sao mãi cho đến nay, con không để chúng ta thấy mặt con? Nay ta thấy con rồi. Hãy để cha mẹ thấy mặt con.

Nói vậy xong, người Bà-la-môn già đưa bậc Đạo sư vào nhà của mình. Bậc Đạo sư vào nhà, ngồi xuống trên ghế đã soạn sẵn cùng với chúng Tỷ-kheo. Vị nữ Bà-la-môn đi đến, cúi mình xuống chân bậc Đạo sư, khóc và nói:

– Này con thân, từ trước đến nay con đã đi đâu? Phải chăng cha mẹ khi già cả phải được các con hầu hạ?

Rồi bà gọi các con trai, con gái lại, bảo đánh lễ anh cả. Hai vị hoan hỷ cúng dường bố thí lớn. Sau khi dùng cơm, bậc Đạo sư đọc cho hai vị Bà-la-môn bài kinh nói về tuổi già.⁸¹ Sau bài kinh ấy, cả hai đều chứng quả Nhất lai. Rồi bậc Đạo sư từ chỗ ngồi đứng dậy, đi về rừng Añjana. Các Tỷ-kheo ngồi họp tại pháp đường bắt đầu câu chuyện như sau:

– Này các Hiền giả, vị Bà-la-môn đã biết Vua Tịnh Phạn là phụ thân của đức Như Lai, mẹ Ngài là Mahāmāyā. Tuy vậy, ông cùng với nữ Bà-la-môn, cả hai gọi đức Như Lai là con của họ và bậc Đạo sư lại chấp nhận, việc này có lý do gì?

Bậc Đạo sư nghe câu chuyện của họ bèn nói:

– Này các Tỷ-kheo, cả hai vị ấy gọi Ta là con của họ như vậy là đúng.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, vị Bà-la-môn này là cha của Ta, tiếp tục như vậy không gián đoạn cho đến năm trăm đời, là cậu của Ta trong năm trăm đời, là ông của Ta trong năm trăm đời. Còn vị nữ Bà-la-môn này là mẹ của Ta, tiếp tục như vậy không gián đoạn trong năm trăm đời, là dì của Ta trong năm trăm đời, là bà của Ta trong năm trăm đời. Ta được lớn lên trong tay người Bà-la-môn trong một ngàn năm trăm đời và trong tay vị nữ Bà-la-môn trong một ngàn năm trăm đời.

Sau khi kể về ba ngàn đời sống, bậc Đạo sư là bậc Chánh Đẳng Giác đọc lên câu kệ này:

68. Ý an trú vào ai, Khi mới thấy lần đầu,	Tâm tư được hoan hỷ, Hãy tin tưởng người ấy!
--	---

Như vậy, sau khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Vị Bà-la-môn và nữ Bà-la-môn này là hai vợ chồng trong các đời trước, còn người con trai là Ta vậy.

⁸¹ Xem Sn. 158, *Jarāsutta* (Kinh Già).

§69. CHUYỆN CON RẮN PHUN NỌC ĐỘC (*Visavantajātaka*) (J. I. 310)

Đáng rửa thay nọc độc...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về vị Tướng quân Chánh pháp. Theo truyền thuyết, trong một thời gian Trưởng lão ấy thường ăn các món làm bằng bột do các thiện nam tín nữ đem đến tinh xá cúng dường. Khi chúng Tỷ-kheo đã ăn đầy đủ, số bánh còn lại rất nhiều. Các vị thiện tín thưa:

– Thưa các Tôn giả, hãy lấy phần cho những vị đi vắng.

Trong lúc ấy, đệ tử cộng trú với Trưởng lão đã đi vào trong làng. Sau khi lấy phần cho người ấy, người ấy vẫn chưa về và thời gian đã quá trễ, người ta cúng dường phần ấy cho Trưởng lão. Khi Trưởng lão đang ăn thì vị Tỷ-kheo trẻ trở về. Trưởng lão nói với Tỷ-kheo trẻ ấy:

– Này Hiền giả, chúng tôi đã ăn phần của Hiền giả.

Vị ấy nói:

– Thưa Tôn giả, chúng ta đều thích đồ ngọt cả.

Bậc Đại Trưởng lão cảm thấy xúc động, phiền lòng và quyết định từ lúc ấy trở đi không ăn bánh làm bằng bột nữa. Bắt đầu từ đây, người ta đồn Trưởng lão Sāriputta (Xá-lợi-phất) không ăn bánh làm bằng bột như trước nữa. Sự không ăn bánh ấy của Trưởng lão được chúng Tỷ-kheo biết rõ. Các Tỷ-kheo nói về vấn đề này trong khi ngồi họp ở pháp đường. Rồi bậc Đạo sư hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông đang ngồi bàn tán về vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, khi Sāriputta đã từ bỏ vật gì thì dù mất thân mạng, cũng không chấp nhận lại vật ấy.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình thầy thuốc chữa nọc độc rắn và làm nghề thầy thuốc ấy để sinh sống. Bấy giờ, một con rắn cắn một người dân quê. Bà con kẻ ấy lập tức đưa anh ta đến thầy thuốc, thầy thuốc hỏi:

– Bà con muốn chữa trị với dược liệu và rút nọc độc ra hay là bắt con rắn đã cắn và bảo nó hút nọc độc ra?

Theo yêu cầu, thầy thuốc cho bắt con rắn. Khi hỏi có phải nó cắn người ấy không, con rắn xác nhận chính nó cắn, thầy thuốc bảo:

– Ngươi hãy lấy miệng hút nọc độc của người ra tại chỗ bị cắn.

Con rắn kêu:

– Từ trước tới nay, chưa có một lần nào ta lại hút nọc độc mà ta đã phun ra. Ta không hút nọc độc ấy đâu.

Thầy thuốc bảo đem củi lại, nhen lửa lên và nói:

– Nếu người không hút nọc độc ra, người phải bò vào lửa này.

Con rắn nói:

– Thà ta bò vào lửa chịu chết, chứ ta sẽ không hút nọc độc mà ta đã một lần phun ra.

Rồi nó đọc bài kệ này:

69. Đáng rửa thay nọc độc, Nay lại vì mạng sống, Thà ta chết tốt hơn,	Một lần đã phun ra, Ta phải hút trở vào, Là sống phải làm vậy.
---	---

Nói vậy xong, con rắn bò vào lửa. Thầy thuốc ngăn chặn nó lại, rút nọc độc cho người bị nạn bằng thuốc và bùa chú, trao giới cho con rắn, rồi thả rắn ra và nói:

– Bắt đầu từ nay, chớ làm hại một ai!

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Sāriputta mới từ bỏ vật gì một lần rồi, dầu phải mất thân mạng cũng không chấp nhận lại vật ấy. Thuở trước, Sāriputta cũng đã như vậy.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp các câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thuở ấy, con rắn là Sāriputta, còn thầy thuốc là Ta vậy.

§70. CHUYỆN HIỀN TRÍ CÁI CUỐC (*Kuddārajātaka*) (J. I. 311)

Chiến thắng ấy không tốt....

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về Trưởng lão tên là Cittahattha Sāriputta. Theo truyền thuyết, Trưởng lão ấy là một thanh niên thuộc gia đình tốt ở Xá-vệ. Một hôm, trên con đường về nhà, sau khi cày xong, thanh niên ấy đi vào tinh xá, nhận được các món ăn thượng vị béo và ngọt từ bát của một Trưởng lão. Kẻ ấy suy nghĩ: “Chúng ta ngày đêm tự tay làm nhiều công việc, nhưng không được các món ăn ngọt như thế này. Vậy ta hãy trở thành một Sa-môn!” Kẻ ấy xuất gia, sau một tháng rưỡi tinh cần, nhưng bị phiền não chinh phục, kẻ ấy hoàn tục. Rồi vì kiếm ăn mệt nhọc, kẻ ấy trở lại xuất gia, học Thắng pháp.

Với phương diện này, sáu lần kẻ ấy hoàn tục, sáu lần xuất gia, nhưng đến lần thứ bảy trở lại thành Tỷ-kheo. Vị Tỷ-kheo này thông suốt bảy bộ A-tỳ-đàm (Thắng pháp), và do đọc lớn tiếng nhiều lần giáo pháp của Tỷ-kheo; nhờ triển khai thiền quán, vị ấy chứng quả A-la-hán. Các thân hữu Tỷ-kheo cười nhạo, nói:

– Nay, Hiền giả, trước kia tâm Hiền giả là như vậy, nay làm sao các phiền não không tăng trưởng được?

– Thưa các Hiền giả, từ hôm nay trở đi, tôi không có thể trở lui đời sống gia đình được.

Vấn đề vị này chứng quả A-la-hán như vậy được nói lên tại pháp đường:

– Thưa các Hiền giả, dầu được căn duyên trở thành một vị A-la-hán như vậy, Tôn giả Cittahattha Sāriputta đã sáu lần từ bỏ đời xuất gia. Ôi, thật sự là sai lầm cho tánh phạm phu của vị ấy!

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi họp bàn vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, tâm của hạng phạm phu là nhẹ dạ, khó điều phục, bị các đối tượng chi phối, hay dính chặt. Một khi đã dính chặt thì không thể thoát ly mau lẹ. Tâm tư như vậy được nhiếp phục thật là tốt lành. Một khi tâm được nhiếp phục thì nó đem lại an lạc.

Khó nắm giữ, khinh động,

Theo các dục quay cuồng,

Lành thay điều phục tâm,

Tâm điều, an lạc đến.⁸²

Do tánh khó nhiếp phục này, thuở xưa, các bậc Hiền trí chỉ vì một cái cuộc mà họ không thể bỏ được, vì lòng tham, sáu lần từ bỏ đời xuất gia. Chỉ lần xuất gia thứ bảy, thiên định khởi lên, họ mới nhiếp phục được lòng tham ấy!

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một người làm vườn. Lớn lên, Bồ-tát được gọi là vị “Hiền trí Cái Cuộc.” Với cái cuộc, Bồ-tát dọn sạch khoảng đất, tự mình gieo trồng các loại như rau, bí, bầu, dưa leo và các thứ rau khác để bán và sinh sống một cách khó khăn. Ngoài trừ cái cuộc này ra, Bồ-tát không có một tài sản gì khác.

Một hôm, Bồ-tát suy nghĩ: “Ta sống trong gia đình làm gì? Hãy xin đi xuất gia.” Bồ-tát cắt cái cuộc ấy vào một chỗ kín, xuất gia làm vị tiên nhân du sĩ. Lại nhớ đến cái cuộc ấy, không thể chặt đứt lòng tham vì cái cuộc sứt mẻ, Bồ-tát từ bỏ đời xuất gia. Như vậy lần thứ hai, lần thứ ba, cho đến lần thứ sáu, Bồ-tát chôn cái cuộc vào một chỗ kín, xuất gia rồi lại bỏ xuất gia. Đến lần thứ bảy, Bồ-tát suy nghĩ: “Chỉ vì cái cuộc sứt mẻ này, ta tiếp tục từ bỏ xuất gia, nay ta sẽ quăng nó vào con sông lớn rồi sẽ xuất gia!”

Bồ-tát đi đến bờ sông, lại nghĩ: “Nếu thấy được nơi cái cuộc bị rơi thì ta có thể đi đến đó và vớt nó lên được.” Nghĩ vậy, với sức mạnh kiên trì như voi, Bồ-

⁸² Xem *Dh.* v. 35.

tát cầm cán cuốc quay tròn trên đầu ba lần, nhắm mắt lại, quăng cái cuốc vào giữa dòng sông và rống lên tiếng rống con sư tử ba lần:

– Ta đã chiến thắng! Ta đã chiến thắng!

Lúc bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại vừa dẹp xong loạn ở biên giới trở về, tắm trong con sông ấy. Sau khi trang điểm đủ mọi châu báu, vua ngồi trên lưng voi; đang đi, nghe tiếng Bò-tát la lớn liền nghĩ: “Người này nói: ‘Ta đã chiến thắng’. Nó đã chiến thắng ai vậy? Ta hãy gọi nó.” Khi Bò-tát đến, vua hỏi:

– Nay bạn, ta vừa thắng trận ở chiến trường trở về. Còn bạn chiến thắng ai vậy?

Bò-tát thưa:

– Thưa Đại vương, một ngàn hay một trăm ngàn chiến trận được Đại vương chiến thắng đều vô ích, nếu Đại vương không tự mình chiến thắng các phiến nã. Chính do chiến thắng tham dục trong nội tâm, ta đã chiến thắng các phiến nã.

Trong khi nói vậy, Bò-tát nhìn con sông lớn, khởi lên thiền quán với đối tượng về nước, đắc thiền chứng, ngồi trên hư không thuyết pháp cho vua và đọc bài kệ này:

70. Chiến thắng ấy không tốt, Nếu chiến thắng rồi bại.
Chiến thắng thật tốt lành, Là chiến thắng nội tâm.

Nhà vua nghe thuyết pháp, với sự đoạn trừ vọng kiến, các phiến nã được đoạn tận, tâm tư hướng về xuất gia. Ngay lúc ấy, tham dục đối với vương vị cũng tiêu diệt. Vua hỏi Bò-tát:

– Nay Bò-tát sẽ đi đâu?

Bò-tát trả lời sẽ đi vào Tuyết sơn, xuất gia làm vị tiên nhân du sĩ. Vua nói lên ý muốn xuất gia của mình và cùng đi với Bò-tát. Toàn bộ số người, các Bà-la-môn gia chủ, toàn thể quần chúng hội họp tại chỗ ấy, tất cả đều cùng đi với vua. Dân chúng ở Ba-la-nại được nghe vua xứ Ba-la-nại của họ hướng về xuất gia sau khi nghe bậc Hiền trí thuyết pháp, nghĩ rằng họ ở lại đây làm gì, cũng xin đi xuất gia. Từ nội thành dài mười hai do-tuần, tất cả dân chúng trong thành đều ra đi. Hội chúng dài đến mười hai do-tuần cùng với Bò-tát đi vào Tuyết sơn.

Bấy giờ, chiếc ngai của Thiên chủ Đế-thích trở thành nóng. Tìm hiểu lý do, Đế-thích thấy bậc Hiền trí đang tiến hành một đại sự xuất gia. Ước lượng số đại chúng và số trú xứ cần cho họ ở, Đế-thích truyền gọi Vissakamma, thần xây dựng của chư thiên, và nói:

– Nay khanh thân, bậc Hiền trí đang tiến hành một đại sự xuất gia, cần phải có trú xứ cho họ ở. Hãy đi đến Tuyết sơn, trên một chỗ bằng phẳng, khanh hãy cho xây dựng một khu ăn cư dài ba mươi do-tuần, rộng mười lăm do-tuần.

Vissakamma vâng lời và cho làm đúng như đã nói. (Đây chỉ là tóm tắt. Các chi tiết đầy đủ sẽ được nói trong *Chuyện Hiền giả Hatthipāla*⁸³).

⁸³ Xem J. V. 473, *Hatthipāla-jātaka* (Chuyện Hiền giả Hatthipāla), số §509.

Vissakamma hóa hiện ra một khu chòi lá tại các vùng ẩn cư, đuổi xa các loài thú ồn ào, các loài chim, các loài phi nhân và lập một con đường theo mỗi phương hướng chính, con đường rộng vừa một người đi. Rồi Vissakamma đi về trú xứ của mình.

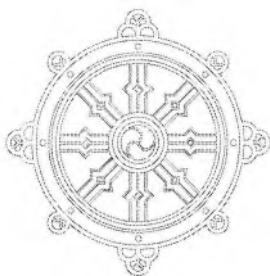
Còn bậc Hiền trí đem theo hội chúng ấy đi vào dãy Tuyết sơn, đến chỗ ẩn cư đã được Đế-thích cho, đem theo các vật dụng xuất gia do Vissakamma tạo ra, tự mình xuất gia trước, rồi sau truyền giới xuất gia cho hội chúng, phân phối chỗ ẩn cư rồi giao cho họ. Tất cả đều từ bỏ vương vị ngang bằng vương vị của Đế-thích. Hội chúng tràn đầy chỗ ẩn cư dài đến ba mươi do-tuần. Sau khi chuẩn bị các đối tượng đề tài thiền quán và tu tập tâm từ, bi, hỷ, xả, Bồ-tát dạy đề tài thiền quán cho hội chúng. Tất cả đều đạt thiền chứng và được sanh lên cõi Phạm thiên. Còn tất cả những ai hộ trì hội chúng, đều được sanh lên cảnh giới chư thiên.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, như vậy, khi tâm bị các phiền não chi phối, thật khó từ bỏ. Các đối tượng tham ái khởi lên rất khó từ bỏ, khiến cho các bậc Hiền trí cũng trở thành vô trí.

Sau khi kể pháp thoại này xong, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, một số người chứng quả Dự lưu, một số người chứng quả Nhất lai, một số chứng quả Bất lai, một số chứng quả A-la-hán. Bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, vua là Ānanda, hội chúng ấy là hội chúng đức Phật, còn bậc Hiền trí là Ta vậy.



VIII. PHẨM CÂY VARAṆA (VARAṆAVAGGA)⁸⁴

§71. CHUYỆN CÂY VARAṆA (*Varaṇajātaka*) (J. I. 316)

Ai có việc làm trước...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về Trưởng lão tên là Kuṭumbiyaputtatissa (Tissa con vị điền chủ). Theo truyền thuyết, một hôm, ba mươi thiện nam tử thân hữu với nhau ở Xá-vệ đem theo hương hoa, vải, áo, với đại chúng vây quanh, đi đến Kỳ Viên để nghe bậc Đạo sư thuyết pháp. Khi đến, họ ngồi một lát trong những lùm cây sāla có tán lá phủ xung quanh.

Cho đến chiều, khi bậc Đạo sư từ hương phòng thơm ngát đến pháp đường, ngồi trên Phật tòa trang nghiêm; họ cùng với tùy tùng đi đến cúng dường hương hoa lên bậc Đạo sư, đánh lễ dưới chân Ngài, đôi bàn chân tốt đẹp như hoa sen nở rộ, dưới bàn chân có dấu bánh xe; và họ ngồi xuống một bên nghe pháp. Họ suy nghĩ như sau: “Tùy sự hiểu biết của chúng ta đối với pháp được Thế Tôn thuyết giảng, chúng ta sẽ xuất gia.”

Khi Như Lai từ pháp đường đi ra, họ đến đánh lễ Ngài rồi xin xuất gia. Bậc Đạo sư cho họ xuất gia. Được sự chấp nhận của bậc Sư trưởng và Giáo thọ sư, họ được thọ Đại giới. Trong năm năm sống gần bậc Sư trưởng và Giáo thọ sư, họ học thuộc lòng hai bản tóm tắt; biết được những điều gì nên làm, những điều gì không nên làm; học thuộc lòng ba cách thức nói lên lời tùy hỷ; biết may và nhuộm các y. Muốn thực hành Sa-môn pháp, họ xin phép vị Sư trưởng và Giáo thọ sư, đi đến bậc Đạo sư đánh lễ, ngồi xuống một bên và thỉnh cầu:

– Bạch Thế Tôn, chúng con ưu não đối với sanh hữu, lo âu về sanh, già, bệnh, chết; vì mục đích thoát khỏi luân hồi, xin Thế Tôn cho chúng con đề tài thiền quán.

Bậc Đạo sư lựa chọn một đề tài thích hợp trong ba mươi tám đề tài thiền quán và đã nói cho họ đề tài ấy. Sau khi được nghe đề tài thiền quán từ bậc Đạo sư, họ đánh lễ Ngài, thân hướng về phía hữu, đi về am thất, rồi nhìn vị Sư trưởng và Giáo thọ sư, lấy y bát, với ý định sẽ hành trì Sa-môn pháp, họ ra đi.

Trong hội chúng, có một Trưởng lão Tỷ-kheo tên là Kuṭumbiyaputtatissa biếng nhác, yếu kém, thiếu tinh tấn, tham ăn vị ngon. Vị ấy suy nghĩ: “Ta không thể sống ở trong rừng, ta không thể nỗ lực tinh tấn, ta không thể sống theo hạnh

⁸⁴ Bản Tích Lan viết *Varaṇavagga*. Bản CST viết *Varuṇavagga*.

khất thực. Vậy ta đi theo họ nào có ích lợi gì? Ta sẽ trở lui.” Vị ấy thối thất tinh tấn, đi theo các Tỷ-kheo một đoạn rồi trở lui. Các Tỷ-kheo đi bộ trong xứ Kosala, đến một làng ở biên địa, an cư mùa mưa tại một khu rừng gần làng ấy. Sau ba tháng khổ luyện tinh cần, nhận được hột giống thiền quán khiến cho quả đất reo mừng, các Tỷ-kheo ấy chứng quả A-la-hán, làm lễ Tự tứ, xuất an cư với ý định: “Chúng ta sẽ báo tin công đức đạt được lên bậc Đạo sư.”

Từ chỗ ấy, họ dần dần đi đến Kỳ Viên. Sau khi cất đặt y bát, gặp vị Sư trưởng và Giáo thọ sư, các Tỷ-kheo ấy đi đến yết kiến bậc Đạo sư, đánh lễ rồi ngồi xuống. Bậc Đạo sư nói lên những lời thăm hỏi dịu ngọt. Sau đó, họ báo cáo lên bậc Đạo sư những công đức tự mình chứng đắc. Bậc Đạo sư tán thán các Tỷ-kheo ấy.

Riêng Trưởng lão Kuṭumbiyaputtatissa nghe bậc Đạo sư tán thán những công đức của họ, liền khởi ý muốn tự mình hành trì Sa-môn pháp. Còn các Tỷ-kheo kia xin phép bậc Đạo sư được trở về sống tại khu rừng trước của họ và được bậc Đạo sư chấp thuận. Họ đánh lễ Ngài và đi về am thất.

Rồi Trưởng lão Kuṭumbiyaputtatissa, giữa đêm, quá hăng hái tinh tấn, quá hấp tấp hành trì Sa-môn pháp; trong canh giữa, ngủ đứng, dựa vào giường gỗ, trở mình và ngã xuống làm gãy xương bắp vế, đau đớn vô cùng. Các Tỷ-kheo phải chăm sóc cho Trưởng lão Tissa nên không đi được. Vào giờ họ đến yết kiến bậc Đạo sư, Ngài hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, phải chăng hôm nay các ông sẽ lên đường. Hôm qua các ông đã xin phép rồi mà?

– Thừa phải, bạch Thế Tôn. Nhưng bạn của chúng con là Trưởng lão Tissa, vì tinh tấn phi thời, quá hấp tấp hành trì Sa-môn pháp, bị giấc ngủ chi phối, xoay mình và ngã xuống làm gãy xương bắp vế. Vì Trưởng lão ấy, chúng con chưa đi được.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay do thiếu sự tinh tấn của mình, Tissa đã tinh tấn phi thời và quá hấp tấp, tạo chướng ngại việc các ông ra đi. Thuở trước, Tissa cũng đã tạo chướng ngại cho sự ra đi của các ông rồi.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của các vị Tỷ-kheo, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, tại nước Gandhāra, ở Takkaṣilā, Bồ-tát sanh ra làm vị giáo sư có danh tiếng khắp nơi, dạy nghề cho năm trăm thanh niên Bà-la-môn. Các thanh niên ấy, một hôm đi vào rừng để lượm củi đem về. Trong bọn họ có một thanh niên biếng nhác, thấy một cây varaṇa lớn, tưởng cây ấy đã khô, nên nghĩ: “Ta sẽ nằm ngủ một lát, sau sẽ leo lên cây, bẻ củi xuống, nhặt lấy rồi mang về.” Nghĩ vậy, anh ta trải áo ngoài, nằm xuống, rơi vào giấc ngủ và ngáy lớn. Các thanh

niên khác bó lại từng bó củi, mang đi đến chỗ ấy, lấy chân đá vào lưng cho đến khi anh ta thức dậy rồi bỏ đi.

Thanh niên biếng nhác thức dậy, chùi mắt, chùi mấy lần vẫn còn ngái ngủ. Anh ta leo lên cây, nắm một cành kéo đến sát mặt mình và bẻ gãy cành ấy. Khi bẻ gãy, phần bị gãy của cành cây quật lại đập vào mắt anh ta. Với một tay anh ta bịt mắt, với một tay anh ta bẻ gãy cành tươi, rồi anh ta leo xuống, bó lại thành bó củi, mang lên vai đi mau về nhà, quăng bó củi của mình trên các bó củi của những người khác.

Hôm ấy, một gia đình ở làng quê mời vị giáo sư ngày mai đến nhà họ làm lễ cúng dường. Vị giáo sư nói với các thanh niên:

– Nay các con thân, ngày mai các con phải đến một làng. Các con không thể đi mà không ăn. Vậy sáng sớm, hãy cho nấu cháo và ăn cháo trước khi đi đến đấy. Rồi các con sẽ lấy phần của ta và lấy tất cả phần các con mang về.

Sáng sớm hôm sau, các thanh niên đánh thức một tỳ nữ dậy, bảo nó nấu cháo gấp cho họ. Nữ tỳ ấy đi lấy củi, lấy những bó củi xanh chồng trên cao nhất, liền tiếp dùng miệng thổi, nhưng không làm cho lửa cháy được, cho đến khi mặt trời mọc. Các thanh niên thấy trời đã quá sáng, không thể đi được nữa, bèn đi đến gặp giáo sư. Giáo sư hỏi sao các thanh niên chưa đi. Họ nói lý do:

– Có một thanh niên biếng nhác đi cùng với chúng con hái củi, nằm ngủ dưới gốc cây varāṇa, sau khi leo lên cây hấp tấp, bị cành cây đánh vào mắt, đã đem về các củi xanh của cây varāṇa, quăng lên trên các bó củi của chúng con đem về. Vì vậy, người tỳ nữ định nấu cháo, lấy các củi ấy tưởng là khô, cho đến khi mặt trời mọc vẫn không thể nhen lửa. Đó là lý do làm chướng ngại việc chúng con đi.

Vị giáo sư nghe việc làm của thanh niên ấy, liền nói:

– Chính việc làm của kẻ ngu si đã đem đến sự tổn hại như vậy.

Rồi vị giáo sư đọc bài kệ này:

71.	Ai có việc làm trước,	Về sau mới chịu làm,
	Như bẻ varāṇa,	Về sau nó chịu khổ.

Như vậy, Bồ-tát nói rõ lý do này cho các đệ tử, rồi trọn đời làm các công đức như bố thí... Và khi mạng chung, ngài đi theo nghiệp của mình.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải ngày nay kẻ ấy mới làm chướng ngại cho các ông. Thuở trước, kẻ ấy cũng đã làm vậy rồi.

Sau khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này, Ngài kết hợp hai mẩu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, thanh niên bị cành cây đánh vào mắt là Tỷ-kheo bị gãy xương bắp vế. Các thanh niên khác là hội chúng của Như Lai, còn giáo sư Bà-la-môn là Ta vậy.

§72. CHUYỆN TƯỢNG VƯƠNG ĐỨC HẠNH (*Silavanāgajātaka*) (J. I. 319)

Con người không biết ơn...

Câu chuyện này, khi ở tại Trúc Lâm, bậc Đạo sư đã kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường và nói chuyện:

– Thưa các Hiền giả, Devadatta vô ơn, không biết những công hạnh của đức Như Lai.

Bậc Đạo sư đến hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông ngồi ở đây đang nói chuyện gì?

Sau khi được biết câu chuyện ấy, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới vô ơn. Trước kia, kẻ ấy cũng đã vô ơn rồi. Kẻ ấy không bao giờ biết công đức gì của Ta.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của họ, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bò-tát nhập thai trong bụng một con voi ở dãy Tuyết sơn. Khi sanh ra, Bò-tát toàn trắng như một khối bạc; đôi mắt Bò-tát giống như những hòn châu báu, chói sáng như năm loại ánh sáng;⁸⁵ miệng giống như tám vải đỏ; vòi giống như sợi dây bạc điểm thêm những chấm vàng đỏ; bốn chân mài láng như sơn mài. Như vậy, thân hình Bò-tát có sắc đẹp tối thượng, được trang điểm với mười hạnh Ba-la-mật tuyệt hảo.

Khi Bò-tát lớn lên, tất cả con voi Tuyết sơn tụ họp lại để hầu hạ Bò-tát. Khi sống ở Tuyết sơn được vây quanh với tám vạn con voi, Bò-tát thấy tội lỗi của đàn voi trong tương lai nên tách rời khỏi đàn, sống một mình trong rừng; và với đức hạnh của mình, được gọi là “tượng vương có đức hạnh.”

Một người sống ở Ba-la-nại, chưa quen sống ở rừng, đi vào dãy Tuyết sơn, tìm những vật liệu cho nghề nghiệp nuôi sống bản thân mình. Do không nhận định được phương hướng, lạc đường, kẻ ấy hoảng hốt vì sợ bị chết, vừa đi vừa dang tay ra than khóc. Bò-tát nghe kẻ ấy than khóc quá độ, động lòng thương, muốn cứu kẻ ấy thoát khổ, liền đi đến gần. Kẻ ấy thấy Bò-tát liền hoảng sợ chạy trốn. Bò-tát thấy kẻ ấy chạy, liền đứng lại ngay tại chỗ. Người ấy thấy Bò-tát đứng, cũng đứng lại. Bò-tát đi đến, người ấy lại bỏ chạy. Khi thấy Bò-tát đứng, kẻ ấy cũng đứng lại và suy nghĩ: “Con voi này, khi ta chạy thì đứng lại, khi ta đứng thì đi đến gần, chắc nó không có ý muốn hại ta mà chỉ muốn giúp ta thoát khỏi khổ này.” Nghĩ vậy, trở thành mạnh dạn, kẻ ấy đứng lại. Bò-tát đi đến gần và nói:

⁸⁵ Xem J. III. 344.

– Này bạn, sao bạn lại đi lang thang ở đây và khóc than như vậy?

– Thừa chúa voi, không nhận định được phương hướng, lạc đường, nên tôi sợ chết!

Rồi Bò-tát đưa người ấy về trú xứ của mình trong một vài ngày, thết đãi kẻ ấy với trái cây và những vật thực khác, và nói:

– Này bạn, chớ sợ hãi. Ta sẽ đưa bạn đến con đường của loài người đi.

Bò-tát để kẻ ấy ngồi trên lưng, đưa đến con đường có loài người đi. Người ấy là một người phản bạn, nghĩ rằng nếu có ai hỏi, sẽ nói lên những gì cần phải nói. Tuy ngồi trên lưng Bò-tát, nhưng người ấy vừa đi vừa nhận diện tướng cây, tướng núi. Bò-tát đi ra khỏi rừng, đứng trên con đường lớn đưa đến Ba-la-nại, tiễn người ấy đi và nói:

– Này bạn, hãy đi theo con đường này. Dù có ai hỏi hay không hỏi chỗ của ta, cũng đừng nói cho ai biết.

Nói xong, để người ấy ra đi, rồi Bò-tát trở lại trú xứ của mình.

Người ấy đến Ba-la-nại, trong khi đang đi đến con đường của người thợ ngà voi, thấy nhiều đồ vật khác nhau được làm ra từ ngà voi, bèn hỏi:

– Các bạn, nếu được ngà một con voi đang sống, bạn có lấy không?

– Bạn nói gì vậy? Ngà con voi đang sống có giá trị nhiều hơn ngà con voi chết rồi.

– Ta sẽ đem về cho bạn ngà một con voi đang sống.

Sau khi chuẩn bị lương thực, đem theo một cái cưa sắc bén, kẻ ấy đi đến trú xứ của Bò-tát. Chúa voi thấy kẻ ấy liền hỏi:

– Ngươi đến đây vì mục đích gì?

– Thừa chúa voi, tôi nghèo khổ, đời sống quá khổ cực. Nếu bạn cho tôi đôi ngà của bạn, tôi sẽ bán chúng lấy tiền để nuôi sống.

– Vậy này bạn, ta cho bạn ngà của ta, bạn có cái cưa để cưa cặp ngà không?

– Thừa chúa voi, tôi đến đây có đem theo cái cưa.

– Vậy hãy cưa ngà rồi đem về.

Rồi Bò-tát co hai chân lại, ngồi xuống như con bò ngồi. Người ấy cưa hai ngà tối thượng của chúa voi. Bò-tát lấy cái vôi giao hai cái ngà cho kẻ ấy và nói:

– Này bạn, không phải vì không thích ý, vì không ưa cặp ngà này mà ta cho bạn. Nhưng ngàn lần, trăm ngàn lần thân yêu hơn đối với ta là cặp ngà giải thoát giác ngộ, ngà này có thể giúp ta hiểu tất cả các pháp. Do vậy, mong rằng sự bố thí đôi ngà này của ta sẽ đem lại cho ta Nhất thiết trí!

Với lời nói ấy, Bò-tát đưa hai cái ngà cho người ấy như là cái giá của Nhất thiết trí. Kẻ ấy lấy ngà xong, đem bán đi. Khi tiền tiêu hết rồi, kẻ ấy lại đi đến Bò-tát và nói:

– Thừa chúa voi, sau khi bán hai cái ngà của bạn, với tiền lấy được, tôi chỉ trả hết nợ cũ. Vậy hãy cho tôi các ngà còn lại.

Bồ-tát chấp thuận, bảo cura các ngà còn lại như trước. Người ấy đem bán chúng, rồi lại đi đến và nói:

– Tôi không thể sống được, hãy cho tôi chân gốc của các ngà.

– Được lắm!

Con voi nói và ngồi xuống như lần trước. Con người độc ác ấy đạp lên trên cái vòi giống như sợi dây bạc của bậc Đại sĩ, leo lên trên đầu voi như đỉnh núi Kelāsa, đánh vào gốc chân của hai cái ngà cho đến khi móc thịt ra. Rồi kẻ ấy dùng cura sắc bén cura cái gốc chân ngà và lấy đem đi. Khi người ác độc ấy vừa ra khỏi tầm mắt của Bồ-tát thì quả đất cứng dày đặc, dài hơn hai trăm ngàn dặm, có thể chở nổi sức nặng kinh khủng của núi Tu-di, với các triền núi bao vây, với tất cả phân tử ghê tởm hôi thối, nhưng quả đất không thể chịu nổi sự độc ác kia, nên đã nứt ra tạo thành một vực thẳm. Các ngọn lửa từ đáy đại A-tỳ địa ngục phun lên, bao phủ con người phản bạn với một cái màn tử vong, cuốn lấy kẻ ấy đem đi. Như vậy, khi con người độc ác ấy bị nuốt vào lòng đất, vị thần trú ở khóm rừng làm vang dậy khắp cả khu rừng với lời nói:

– Người bạn vô ơn phản bội, dầu được cho quốc độ của Vua Chuyển Luân cũng không cảm thấy thỏa mãn.

Và để thuyết pháp, vị thần ấy đọc bài kệ này:

72. Con người không biết ơn, Luôn luôn thấy kẻ hờ,
Dầu được cho quả đất, Không bao giờ thỏa mãn.

Như vậy, vị thần cây thuyết pháp làm vang động cả khu rừng ấy. Còn Bồ-tát sống cho đến mạng chung rồi đi theo nghiệp của mình.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới vô ơn. Trong quá khứ, kẻ ấy cũng đã vô ơn rồi.

Sau khi kể pháp thoại ấy, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người bạn phản bội là Devadatta, vị thần cây là Sāriputta (Xá-lợi-phất), còn tượng vương có đức hạnh là Ta vậy.

§73. CHUYỆN ĐÚNG VẬY CHẴNG (*Saccaṃkirajāṭaka*) (J. I. 322)

Như vậy, họ nói thật...

Câu chuyện này, khi ở tại Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về âm mưu sát hại. Khi ấy, chúng Tỷ-kheo đang ngồi trong pháp đường nói về sự độc ác của Devadatta (Đề-bà-đạt-đa):

– Này các Hiền giả, Devadatta không biết công đức của bậc Đạo sư nên đã âm mưu sát hại Ngài.

Bậc Đạo sư đi đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông ngồi họp và đang bàn câu chuyện gì?

Khi được biết câu chuyện ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải nay Devadatta mới âm mưu sát hại Ta, trong thời quá khứ, kẻ ấy cũng đã làm như vậy.

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, vua có một con trai tên là Hoàng tử Ác Độc. Hoàng tử bạo ngược giống như con rắn độc bị thương, không đối với ai mà không mắng nhiếc, đánh đập. Đối với dân trong nội cung và ngoại cung, hoàng tử như bụi trong mắt, như con quỷ đến ăn thịt; ai cũng ghét bỏ và sợ hãi.

Một hôm, muốn chơi trò dưới nước cùng với một đám tùy tùng đông đảo, hoàng tử đi đến bờ sông. Trong lúc ấy, giông tố nổi lên, các phương trời trở thành tối tăm mù mịt. Hoàng tử bảo các người hầu hạ:

– Này các người, hãy đưa ta ra giữa sông, tắm cho ta và đưa ta về!

Họ đưa hoàng tử ra giữa sông bàn với nhau:

– Vua sẽ làm gì chúng ta? Chúng ta hãy giết đứa ác nhân này ngay ở nơi đây!

Họ thả hoàng tử xuống nước và nói:

– Đồ con quỷ đen, hãy đi vào đáy!

Rồi họ leo lên, đứng trên bờ. Khi được hỏi hoàng tử ở đâu, họ trả lời:

– Chúng tôi không thấy hoàng tử. Thấy giông tố khởi lên, hoàng tử ra khỏi nước và đi trước rồi.

Các đại thần đi đến hầu vua, vua hỏi hoàng tử đâu, họ trả lời:

– Thưa Thiên tử, chúng tôi không được biết. Khi giông tố khởi lên, chúng tôi nghĩ rằng hoàng tử đã đi trước rồi nên chúng tôi mới đi về.

Vua sai mở rộng cửa, đi xuống sông, sai đi tìm chỗ này chỗ khác, nhưng không một ai thấy hoàng tử.

Trong cơn giông, trời tối mù, đang mưa, hoàng tử trôi theo dòng nước cuốn, bỗng thấy một khúc cây, liền ngồi trên ấy, vừa sợ chết vừa khóc than. Lúc bấy giờ, một triệu phú ở Ba-la-nại đã chết, có chôn trên bờ sông số tài sản trị giá bốn trăm triệu. Vì tham luyến tài sản nên vị ấy sanh làm con rắn tại chỗ chôn tài sản. Một người khác cũng tại chỗ ấy đã chôn ba trăm triệu, vì tham lam tài sản nên tái sanh làm con chuột tại chỗ ấy. Nước vào ngập chỗ chúng ở. Chúng thoát ra từ con đường nước vào, cắt ngang dòng bơi đi, đến được khúc cây trên ấy hoàng tử đang ngồi; một con leo lên đầu này, một con leo lên đầu kia và nằm trên khúc cây ấy.

Trên bờ sông, có một cây bông gòn, tại đó có một con vẹt trẻ đang ở. Cây bông gòn bị nước làm bật gốc rễ, rơi xuống dòng sông. Con vẹt trẻ gặp mưa xối xả, không thể bay lên được, liền ẩn núp vào một bên khúc cây ấy. Như vậy có bốn sinh vật cùng trôi theo dòng nước với nhau.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn phía Tây Bắc, lớn lên xuất gia làm vị tiên nhân du sĩ tại một khúc quanh của sông. Bồ-tát dựng lên một chòi lá để ở. Nửa đêm, đang đi kinh hành, Bồ-tát nghe tiếng khóc than thảm thiết của hoàng tử, tự nghĩ: “Trước mắt một người tu khổ hạnh có lòng từ bi như ta, thật không thích đáng để người này chết. Ta hãy vớt nó ra khỏi nước và cứu mạng nó.” Rồi Bồ-tát an ủi hoàng tử:

– Chớ sợ hãi!

Và Bồ-tát lội cắt ngang dòng nước, đến cầm lấy một đầu của khúc cây ấy, với sức mạnh kiên trì như con voi, Bồ-tát kéo nhanh khúc gỗ vào bờ, đưa hoàng tử lên đặt trên bờ. Thấy các con vật kia, Bồ-tát đỡ chúng lên và đưa đến am thất, rồi nhen lửa. Những con yếu nhất được Bồ-tát hơ cho ấm, trước là con rắn, con chuột, con vẹt... rồi sau mới hơ ấm thân hoàng tử, khiến cho chúng được bình phục, rồi cho chúng đồ ăn; trước hết, cho các con vật ăn, rồi sau mới bày biện các thứ trái và các thức ăn khác cho hoàng tử. Hoàng tử suy nghĩ: “Kẻ khổ hạnh khốn nạn này không kể ta là hoàng tử, lại tỏ sự cung kính đối với loài thú vật.” Rồi hoàng tử nuôi dưỡng hận thù đối với Bồ-tát.

Sau một vài ngày, khi tất cả đã lấy lại sức khỏe, nước sông đã rút xuống, con rắn đánh lễ vị khổ hạnh và nói:

– Thưa Tôn giả, Tôn giả đã giúp đỡ tôi rất nhiều. Tôi không phải nghèo khổ. Tại một chỗ ấy, tôi có chôn vàng đáng giá bốn trăm triệu. Khi nào Tôn giả cần tiền, tôi có thể cho Tôn giả số tiền ấy. Tôn giả chỉ cần đến chỗ ấy và gọi: “Rắn ơi!”

Nói xong, con rắn bỏ đi. Rồi con chuột cũng như vậy, đến chào vị tu khổ hạnh và nói:

– Hãy đến tại chỗ ấy và gọi: “Chuột ơi!”

Nói xong, con chuột bỏ đi. Con vẹt đánh lễ vị tu khổ hạnh và nói:

– Thưa Tôn giả, tôi không có tài sản. Nhưng nếu Tôn giả cần gạo đỏ, hãy đến trú xứ của tôi và gọi: “Vẹt ơi!” Tôi sẽ gọi bà con của tôi, chúng tôi sẽ đem gạo đỏ đến, chở nhiều xe đầy và tôi sẽ biểu Tôn giả.

Nói xong, con vẹt bay đi. Rồi đến hoàng tử, không nói gì để cảm ơn, với tâm tánh phản bội bạn bè, hoàng tử suy nghĩ: “Nếu nó đến gần ta, ta sẽ giết nó.” Tuy vậy, cố giấu ý định, hoàng tử nói:

– Thưa Tôn giả, khi tôi lên ngôi vua, tôi sẽ cúng dường Tôn giả bốn vật dụng cần thiết.

Rồi ra đi và không bao lâu, hoàng tử được đặt lên vương vị.

Bồ-tát muốn thử thách chúng, trước hết đi đến chỗ con rắn đứng, không xa chỗ nó ở và gọi:

– Rắn ơi!

Khi nghe tiếng gọi, con rắn bò ra, đánh lễ Bồ-tát và nói:

– Thưa Tôn giả, tại chỗ này có bốn trăm triệu tiền vàng. Hãy đào chúng lên và lấy tất cả!

Bồ-tát nói:

– Như vậy là tốt. Khi nào cần đến chúng, tôi sẽ cho biết.

Từ giả con rắn, Bồ-tát đi đến chỗ con chuột ở và lên tiếng:

– Chuột ơi!

Con chuột làm y như con rắn đã làm. Bồ-tát từ biệt con chuột, đi đến con vẹt và gọi:

– Vẹt ơi!

Con vẹt nghe tiếng, từ trên ngọn cây bay xuống đánh lễ Bồ-tát và hỏi:

– Thưa Tôn giả, Tôn giả có cần tôi nói những bà con đem gạo mọc hoang từ dãy Tuyết sơn về cho Tôn giả không?

Bồ-tát trả lời khi nào cần ngài sẽ cho biết và từ biệt con vẹt. Rồi để thử thách hoàng tử, Bồ-tát đi đến trú ở công viên của vua. Vào ngày hôm sau, ngài chuẩn bị y phục đàng hoàng, bộ hành khát thực và đi vào thành. Trong lúc ấy, ông vua phản bội bạn bè ngồi với tất cả nghi vệ trang nghiêm trên lưng con voi được trang sức, đang đi vòng quanh thành với một đám tùy tùng lớn. Vua thấy Bồ-tát từ đàng xa, suy nghĩ như sau: “Tên khổ hạnh khốn nạn này, nay đã đến để xin ăn và sống nhờ ta. Ta phải bảo chém đầu nó trước khi nó tuyên bố giữa đại chúng công đức mà nó đã làm cho ta.”

Vua ra hiệu các người tùy tùng, họ hỏi vua bảo họ làm gì. Vua bảo:

– Ta nghĩ rằng tên khổ hạnh khốn nạn này muốn đến xin ta một việc gì đó. Đừng cho ta thấy tên quý đen tu khổ hạnh ấy. Hãy bắt nó, trói chặt tay ra đằng sau, đánh nó tại những ngã tư đường, đưa nó ra khỏi thành, chặt đầu tại pháp trường và bêu đầu trên cây nhọn!

Họ vâng lời, đi đến trói bậc Đại sĩ vô tội, đánh ngài tại ngã tư đường rồi dẫn ngài đến pháp trường. Bồ-tát trong khi bị đánh không than khóc, không kêu mẹ, không kêu cha, không bị dao động, chỉ nói lên bài kệ này:

73. Như vậy họ nói thật, Những người hiểu đời này,
Cứ vớt khúc gỗ trôi, Tốt hơn một số người.

Như vậy, tại chỗ bị đánh, Bồ-tát nói lên bài kệ này. Nghe vậy, những người có trí ở đấy bèn nói:

– Nay vị xuất gia, đối với vua của chúng ta, Hiền giả đã làm công đức gì?

Bồ-tát kể lại câu chuyện ấy và nói:

– Như vậy, vì cứu vớt người này ra khỏi dòng nước lớn, tôi đã làm khổ tôi thôi! Nhớ lại, vì tôi không nghe lời các bậc Hiền trí thời xưa, tôi mới nói như các ông vừa nghe.

Khi họ nghe xong, các vị Sát-đế-ly, Bà-la-môn, v.v... trú ở thành đều phần nộ nói:

– Nhà vua phản bạn này, đối với vị đầy công đức như vậy, lại không biết đến ơn của người đã cho mình mạng sống. Làm sao chúng ta có được lợi ích gì từ vua ấy? Hãy bắt lấy nó!

Trong cơn phẫn nộ, họ xông tới vua từ nhiều ngã; với cung, kiếm, đá, gậy... họ giết vua đang cười trên lưng voi, nắm lấy chân vua kéo đi và quăng xác xuống hố. Rồi họ làm lễ Quán đánh Bò-tát và đặt Bò-tát lên vương vị. Bò-tát trị nước rất đúng pháp.

Một hôm, muốn thử thách con rắn, Bò-tát cùng với số đông tùy tùng đi đến chỗ ở của rắn và kêu:

– Rắn ơi!

Con rắn bò tới, đánh lễ vua và thưa:

– Thưa ngài, đây là tài sản của ngài... Hãy lấy nó đi!

Vua bảo các đại thần cất số tiền vàng bốn trăm triệu rồi đi đến chỗ ở của con chuột và gọi:

– Chuột ơi!

Nó bò ra, đánh lễ vua rồi đưa tài sản ba trăm triệu. Vua bảo các đại thần cất giữ số vàng rồi đi đến chỗ ở của con vẹt và gọi:

– Vẹt ơi!

Con vẹt đến, đánh lễ chân vua và thưa:

– Thưa ngài, tôi có phải đem gạo đến không?

Vua nói:

– Khi nào cần lúa gạo, ngươi hãy mang đến. Nay chúng ta hãy đi.

Dem theo ba sinh vật với bảy trăm triệu tiền vàng, vua đi vào thành, ngự lên trên lầu cao trong cung điện sang trọng, cho cất giữ và phòng hộ tài sản. Rồi ngài truyền làm một ống bằng vàng để con rắn ở, một hang bằng pha-lê cho con chuột và một lồng bằng vàng cho con vẹt.

Hằng ngày, theo lệnh của vua, đồ ăn được dọn cho ba con vật trong bát đĩa bằng vàng, bắp rang ngọt cho con vẹt và con rắn, còn gạo thơm cho con chuột. Vua thường làm các công đức như bố thí và nhiều thiện sự khác. Như vậy, vua và các con vật này sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau cho đến trọn đời, rồi chúng đi theo nghiệp của chúng.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới âm mưu sát hại Ta. Thuở trước, kẻ ấy cũng đã làm như vậy rồi.

Sau khi kể câu chuyện quá khứ, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, nhà vua ác độc là Devadatta, con rắn là Sāriputta (Xá-lợi-phất), con chuột là Moggallāna (Mục-kiền-liên), con vẹt là Ānanda, còn vị vua được vương quốc và trị vì đúng pháp là Ta vậy.

§74. CHUYỆN LUẬT CÂY RỪNG (*Rukkhadhammajātaka*) (J. I. 327)

Lành thay nhiều bà con...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một cuộc tranh chấp nước. Do cuộc tranh chấp này, bà con của Ngài gặp nạn diệt vong. Biết việc này, bậc Đạo sư đi ngang qua hư không, ngồi kiết-già trên sông Rohiṇī, chiếu sáng hào quang xanh, làm các bà con Ngài hoảng sợ. Rồi từ hư không bước xuống, bậc Đạo sư ngồi trên bờ sông kể câu chuyện tranh chấp này. (Đây chỉ là tóm tắt, phần chi tiết được nói đến trong *Chuyện chim chúa Kuṇāla*.⁸⁶) Lúc bấy giờ, bậc Đạo sư gọi các bà con lại và nói với vua:

– Thừa Đại vương, các bà con cần phải đối xử với nhau hòa hợp và hoan hỷ. Khi các bà con hòa hợp đoàn kết, kẻ thù không tìm được cơ hội để phá hoại. Không phải chỉ riêng loài người mới cần phải đoàn kết mà các loài vật vô tri cũng cần phải hòa hợp đoàn kết. Thuở trước, trong dãy Tuyết sơn, một ngọn gió thổi qua rừng cây sālā; tuy thế, vì các cây, lùm cây, bụi cây, dây leo, v.v... của khu rừng ấy cột chặt với nhau nên cơn gió không thể làm ngã một cây nào, chỉ thổi lướt qua trên đầu cây thôi. Nhưng trong sân có một cây sālā rất lớn đứng một mình, đầy đủ cành cây, thân cây nhưng không cột chặt với các cây khác nên gió thổi bật gốc ngã xuống đất. Vì lý do này, các vị cần phải sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau.

Nói vậy xong, theo lời các Tỷ-kheo thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Đại vương Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn)⁸⁷ thứ nhất mạng chung. Đế-thích đưa một vị vua khác thay thế. Trong sự thay đổi này, Vua Vessavaṇa mới kể vị gửi thông điệp đến các thần cây, lùm cây, bụi cây, dây leo...

– Các người hãy tự lựa chọn trú xứ mình ưa thích!

⁸⁶ Xem J. V. 412, *Kuṇālajātaka* (*Chuyện chim chúa Kuṇāla*), số §536.

⁸⁷ Còn được gọi là Kuvera, tên của vua loài dạ-xoa (*yakkha*) cai quản phía Bắc tức Bắc Câu-lô châu (Uttarakuru).

Lúc bấy giờ, Bồ-tát sanh làm thân cây trong một rừng cây sālā. Bồ-tát nói với các bà con:

– Khi các người lựa chọn trú xứ, chớ lựa chọn các cây mọc một mình ở khoảng trống. Hãy lựa chọn trú xứ chung quanh chỗ mà ta đã lựa chọn trong rừng sālā này!

Các thân cây Hiền trí làm theo lời Bồ-tát, lựa chọn trú xứ của họ quanh trú xứ của Bồ-tát. Những thân cây không có trí nói:

– Sao chúng ta lại lựa chọn trú xứ ở trong rừng? Chúng ta hãy lựa chọn trú xứ tại chỗ có người, ngoài cửa các làng, thị trấn, kinh đô, vì các thân cây sống gần làng nhận được lễ vật cúng dường tối thượng và danh vọng tối thượng.

Vì thế, những thân cây ấy lựa chọn trú xứ tại con đường có người, những chỗ có cây lớn, tại các khoảng trống. Một hôm, mưa to gió lớn nổi lên, những cây xưa nhất ở trong rừng có rễ ăn sâu chắc chắn đã kiên trì đứng riêng biệt trong quá khứ cũng đều bị gãy cành và thân, bị bật gốc rễ và ngã xuống.

Trái lại, khi giông tố thổi qua rừng, các cây sālā đứng thành nhóm cột chặt vào nhau, tuy giông tố có đánh mạnh chỗ này chỗ kia nhưng không thể làm ngã một cây nào. Các thân cây có trú xứ bị phá vỡ không còn chỗ nương tựa, tay bồng các con nhỏ đi đến dãy Tuyết sơn và kể lại nỗi đau khổ của mình cho chư thần trong rừng sālā. Những vị này báo cáo cho Bồ-tát biết sự việc này. Bồ-tát nói:

– Chính vì chúng không vâng theo lời các bậc Hiền trí, đi đến trú xứ không đủ nhân duyên nên gặp phải sự tình như vậy.

Rồi Bồ-tát thuyết pháp qua bài kệ này:

74. Lành thay nhiều bà con, Như cây sanh từ rừng,
 Gió thổi ngã những cây, Đứng một mình riêng lẻ.

Bồ-tát thuyết pháp như vậy và sống cho đến khi mạng chung, Bồ-tát đi theo nghiệp của mình.

Bậc Đạo sư nói:

– Như vậy, thưa Đại vương, các bà con cần sống với nhau trong hòa hợp, hòa thuận, hoan hỷ, ái kính nhau.

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, chư thần là hội chúng của Như Lai, còn vị thần Hiền trí là Ta vậy.

§75. CHUYỆN CON CÁ (*Macchajātaka*) (J. I. 329)

Nổi sấm, Pajjunna...

Câu chuyện này khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về cơn mưa do chính

Ngài làm. Một thời, theo truyền thuyết, tại nước Kosala, trời không mưa, mùa màng khô héo, chỗ này chỗ kia, ao hồ, bể nước đều khô cạn. Ngay cả hồ Kỳ Viên cũng khô cạn nước. Các loài cá, rùa đi vào đám bùn, nằm mắc cạn. Rồi quạ, điều hâu... đến, với mỏ như lưỡi giáo mổ chúng, kéo chúng ra và ăn chúng đang còn vùng vẫy. Bạc Đạo sư thấy cá, rùa mắc nạn ấy, với từ tâm, Ngài xúc động suy nghĩ:

– Hôm nay, Ta phải làm mưa!

Khi đêm đã qua, tắm rửa thân thể xong, thấy đã đến giờ khát thực, với đại chúng Tỷ-kheo vây quanh, với uy nghi của một đức Phật, Ngài đi vào thành Xá-vệ để khát thực. Sau khi đi khát thực, ăn xong, trên con đường từ Xá-vệ trở về, Ngài đi đến tinh xá, đứng trên tầng cấp của hồ Kỳ Viên, bảo Trưởng lão Ānanda:

– Này Ānanda, hãy đem áo tắm đến đây! Ta sẽ tắm trong hồ Kỳ Viên.

– Nhưng bạch Thế Tôn, hồ Kỳ Viên đã cạn nước. Chỉ có bùn còn lại.

– Này Ānanda, Phật lực rất lớn. Hãy đem áo tắm lại!

Trưởng lão đem áo tắm và đưa cho bạc Đạo sư. Bạc Đạo sư với một đầu áo quấn quanh thân dưới và một đầu áo che thân trên, đứng trên tầng cấp và nói:

– Ta sẽ tắm ở hồ Kỳ Viên.

Trong thời khắc ấy, chiếc ngai bằng tảng đá vàng của Thiên chủ Đế-thích trở thành nóng. Đế-thích tìm hiểu nguyên nhân, biết được lý do, liền cho gọi thần mưa, thần mây và nói:

– Này các thần, bạc Đạo sư đứng trên tầng cấp chính, muốn tắm ở hồ Kỳ Viên; hãy cho mưa đổ xuống gấp, thành một dòng, khắp tất cả nước Kosala!

Vâng theo lời Đế-thích, thần mây và thần mưa lấy một đám mây mặc vào như mặc đồ lót, lấy một đám mây khác che thân và hát lên bài ca giông tố,⁸⁸ vị ấy vụt ra đi, mặt hướng về phương Đông. Ở phương Đông, khởi lên một đám mây lớn bằng sân đập lúa. Đám mây ấy lớn dần lên cho đến bằng một trăm, một ngàn sân đập lúa và nó làm sấm, làm chớp, đổ nước xuống xứ Kosala như một dòng nước lớn.

Cơn mưa không gián đoạn và trong giây lát nước ngập đầy hồ Kỳ Viên. Khi chạm đến tầng cấp cao nhất thì nước đứng lại. Bạc Đạo sư tắm trong hồ xong, mặc đôi y màu đỏ, buộc cái nịt thân, đắp Đại y Thiện Thệ vào một bên vai. Với chúng Tỷ-kheo vây quanh, Ngài đi đến hương phòng, ngồi trên Phật tòa được trang hoàng đẹp đẽ. Và khi chúng Tỷ-kheo làm xong phận sự, bạc Đạo sư đứng dậy, từ trên tầng cấp châu báu của bảo tòa, Ngài khuyến giáo chúng Tỷ-kheo và cho họ giải tán. Rồi Ngài vào hương phòng, nằm phía hông bên phải như đang nằm con sư tử.

⁸⁸ Xem *JRAS*. 12, p. 286, *Meghasūtra*.

Vào buổi chiều, khi chúng Tỷ-kheo tụ hội tại pháp đường, họ nói đến sự thành tựu đức nhẫn nhục, từ bi, lân mẫn của bậc Đạo sư:

– Khi mùa màng bị khô héo, khi các hồ đều ráo cạn, khi các loài cá, loài rùa gặp đau khổ lớn, vì lòng thương xót muốn cứu chúng thoát khổ, Ngài mặc áo tắm, đứng trên tầng cấp cao nhất của hồ Kỳ Viên và chỉ trong thời gian ngắn làm mưa xuống, khiến toàn xứ Kosala tràn ngập dòng nước lớn, giải thoát đại chúng khỏi đau khổ về thân, về tâm, rồi trở về tinh xá.

Khi câu chuyện nói đến đó, bậc Đạo sư từ hương phòng đi ra, đến pháp đường và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông ngồi họp lại ở đây và đang bàn vấn đề gì?

Khi nghe câu chuyện ấy, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Như Lai mới làm mưa cho đại chúng khỏi mệt mỏi. Thuở xưa, khi sanh làm thú vật, khi làm vua loài cá, Như Lai cũng đã làm trời mưa rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở trước, trong nước Kosala, ở Xá-vệ này, tại chỗ hồ Kỳ Viên, có một cái hồ chẳng chịt những cây leo. Bồ-tát sanh ra làm con cá với đàn cá vây quanh sống tại đây. Giống như nay vậy, trong xứ ấy trời không mưa, mùa màng của dân chúng bị khô héo; các ao hồ cạn nước, các con cá, con rùa bị mắc cạn. Trong hồ này, các con cá mắc cạn trong bùn, ẩn núp tại những chỗ ấy. Các con quạ đến nơi, mổ chúng với cái mỏ, đem chúng lên và ăn chúng.

Bồ-tát thấy bà con mình gặp tai nạn ấy, tự nghĩ: “Ngoài ta ra, không một ai khác có thể cứu chúng thoát khỏi cảnh khổ này. Ta hãy làm một hạnh nói lên sự thật khiến trời mưa và giải thoát bà con ta khỏi cảnh khổ phải chết này.”

Rẽ bùn đen ra làm hai, Bồ-tát đi lên, đó là một con cá lớn, đen đuôi với bùn như một cái hộp làm bằng lõi cây mun. Bồ-tát mở mắt như hòn ngọc được rửa sạch, nhìn lên trời và nói với Pajjunna, vua chư thiên:

– Nay bạn Pajjunna, ta đau khổ vì bà con ta. Khi ta, một bậc giữ giới bị đau buồn, làm sao bạn lại không làm trời mưa? Vì ta đầu sanh ra trong loài phải ăn thịt bà con, từ thuở ban đầu là con cá nhỏ, ta cũng không bao giờ ăn một con cá chỉ bằng hột gạo, cũng không bao giờ đoạt mạng sống của một sanh vật khác. Với sự thật này, hãy làm cho trời mưa và giải thoát bà con ta thoát khỏi đau khổ!

Sau khi nói vậy, như ra lệnh cho nô tỳ hầu hạ, Bồ-tát nói với Pajjunna, vua chư thiên bài kệ này:

75. Nỗi sấm, Pajjunna,
 Hãy làm quạ sâu muộn,

Chặn quạ gây tai hại,
Giúp ta khỏi sâu bi!

Như vậy, Bồ-tát bảo Pajjunna làm mưa lớn trong toàn nước Kosala và giải thoát đại chúng khỏi đau khổ vì phải chết. Và khi mạng chung, Bồ-tát đi theo nghiệp của mình.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ có nay Như Lai mới làm trời mưa. Thuở trước, khi sanh làm con cá, Ta cũng đã làm trời mưa rồi.

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, đàn cá là hội chúng của Như Lai, vua chư thiên Pajjunna là Ānanda, và vua loài cá là Ta vậy.

§76. CHUYỆN NGƯỜI KHÔNG SỢ HÃI (*Asamkiyajātaka*) (J. I. 332)

Trong làng, ta không sợ...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một nam cư sĩ sống ở tại Xá-vệ. Theo truyền thuyết, vị này là một bậc Dự lưu Thánh đệ tử, vì một công việc phải làm, cùng đi đường với một người dẫn đầu đoàn xe lữ hành. Trong một khu rừng, các cỗ xe được mở ra, đặt thành một doanh trại và vị ấy đi kinh hành không xa người dẫn đầu bao nhiêu.

Có năm trăm tên cướp, sau khi xem giờ đã định, tay cầm cung, gậy và các binh khí khác với mục đích đánh cướp trại, bao vây chỗ ấy. Vị nam cư sĩ vẫn đi kinh hành. Các tên cướp thấy vị ấy, tưởng đó là người canh gác doanh trại, quyết định chờ đợi vị ấy ngủ mới đánh cướp. Vì không thể đột kích nên chúng đứng yên tại nhiều chỗ. Nam cư sĩ ấy vẫn đi kinh hành trong canh thứ nhất, trong canh thứ hai và trong canh cuối.

Đến rạng đông, các tên cướp không tìm được cơ hội, liền quăng bỏ đá và côn chúng đem theo, rồi bỏ chạy. Vị nam cư sĩ làm xong công việc của mình, đi đến Xá-vệ, đến yết kiến bậc Đạo sư và hỏi:

– Bạch Thế Tôn, có phải khi nào bảo vệ mình cũng là bảo vệ người khác không?

– Nay nam cư sĩ, đúng vậy. Trong khi bảo vệ mình, con người cũng bảo vệ người khác. Trong khi bảo vệ người khác, con người cũng bảo vệ mình.

– Ôi, khéo nói thay là lời của Thế Tôn! Khi con cùng đi đường với người dẫn đầu đoàn lữ hành, con đi kinh hành dưới một gốc cây để bảo vệ con, và do đó, con đã bảo vệ cả đoàn lữ hành.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay nam cư sĩ, thuở trước, các bậc Hiền trí trong khi tự bảo vệ mình, đã bảo vệ người khác.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bò-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi đến tuổi trưởng thành, thấy được sự nguy hiểm trong các dục, Bò-tát xuất gia làm vị tiên nhân du sĩ, sống ở dãy Tuyết sơn.

Vì cần đi lấy muối và giấm, Bò-tát đi về vùng quê. Bò-tát đi cùng đường với vị dẫn đầu đoàn lữ hành. Khi đoàn lữ hành dừng lại tại một khu rừng, Bò-tát quyết định đi kinh hành dưới một gốc cây, thọ hưởng thiền lạc, không xa đoàn lữ hành bao nhiêu. Có năm trăm tên cướp, sau buổi ăn chiều, bao vây doanh trại để đánh cướp đoàn lữ hành ấy, thấy vị tu khổ hạnh, bọn chúng dừng lại và nói:

– Nếu nó thấy chúng ta, nó sẽ báo động. Hãy chờ cho nó ngủ, rồi chúng ta sẽ đánh cướp trại!

Nghĩ vậy, bọn chúng chờ tại chỗ ấy. Vị tu khổ hạnh suốt đêm vẫn đi kinh hành. Các tên cướp không có được cơ hội, quăng bỏ các côn, gậy, đá chúng đã mang theo và la lên cho những người trong đoàn lữ hành nghe:

– Đây các bạn lữ hành, nếu hôm nay không có vị tu khổ hạnh đi kinh hành thì tất cả các bạn đã bị cướp phá lớn rồi. Ngày mai, hãy tôn trọng vị tu khổ hạnh ấy!

Nói xong, bọn cướp bỏ đi. Khi đêm đã sáng, đoàn lữ hành thấy các côn, gậy, các hòn đá mà bọn cướp bỏ lại; họ rất sợ hãi, đi đến Bò-tát, đánh lễ và hỏi:

– Thưa Tôn giả, Tôn giả có thấy bọn cướp không?

– Đây các Hiền giả, tôi có thấy.

– Thưa Tôn giả, thấy chừng ấy bọn cướp, Tôn giả không sợ hãi, không e ngại sao?

Bò-tát nói:

– Đây các Hiền giả, thấy bọn cướp, kẻ có tài sản mới sợ hãi. Ta không có tài sản, sao ta lại sợ hãi? Khi sống ở làng hay ở rừng, ta không sợ hãi, không e ngại vì ta không có gì để mất.

Sau khi thuyết pháp cho họ, Bò-tát đọc bài kệ này:

76. Trong làng, ta không sợ, Trong rừng, ta không sợ,
Bước lên đường giải thoát, Với lòng từ, lòng bi.

Như vậy, Bò-tát thuyết pháp với bài kệ này, làm các người ấy được hoan hỷ và họ cung kính đánh lễ Bò-tát. Bò-tát sống cho đến khi mạng chung, tu tập bốn vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả) và được sanh lên cảnh giới Phạm thiên.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, các người trong đoàn lữ hành là hội chúng của Như Lai và vị tu khổ hạnh là Ta vậy.

§77. CHUYỆN GIẤC MỘNG LỚN (*Mahāsupinajātaka*) (J. I. 334)

Trước bò đực, cây con...

Câu chuyện này được bậc Đạo sư kể về mười sáu giấc mộng kỳ bí trong khi trú tại Kỳ Viên. Tương truyền, vào khoảng canh năm, đêm gần mãn, Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) nước Kosala đang ngủ say, suốt đêm lại mơ mười sáu giấc mộng lạ lùng khiến vua kinh hãi tỉnh dậy và lo ngại về những điềm xấu có thể xảy đến cho mình. Vua sợ chết đến nỗi không cử động được, cứ nằm trùm chăn trên long sàng. Bấy giờ, khi trời gần sáng, các vị Bà-la-môn tế sư đến yết kiến vua và cung kính đánh lễ, vãn an:

– Hoàng thượng có được ngon giấc chăng?

– Nay các quốc sư, làm sao trăm ngủ ngon giấc được vì đúng lúc tảng sáng, trăm mơ thấy mười sáu giấc mơ thật kỳ bí và trăm kinh hoàng từ đó! Nay các quốc sư, thử nói cho trăm biết ý nghĩa giấc mơ này.

– Tâu Hoàng thượng, chúng thần sẽ phán đoán khi nghe chuyện.

Thế rồi, vua kể cho các quốc sư nghe các giấc mơ và hỏi những cảnh kia báo trước tai họa gì cho mình chăng.

Các vị Bà-la-môn đều nắm chặt bàn tay lại. Nhà vua hỏi:

– Nay các quốc sư, sao nắm tay lại thế?

– Tâu Đại vương, vì chính toàn ác mộng cả.

– Vậy chuyện gì sẽ xảy ra?

Vua hỏi.

– Tâu Đại vương, một trong ba đại nạn sẽ xảy ra làm hại vương quyền, tính mạng cùng tài sản của Đại vương.

– Vậy có cách gì cứu chữa được chăng?

– Hiển nhiên, những giấc mộng này báo trước những điềm hiểm nguy khó mà cứu vãn được; tuy thế, chúng thần quyết tìm phương cách đối trị chúng. Nếu không thì việc học hành-thông thái uyên bác của chúng thần để làm gì chứ!

– Vậy chư vị hiền khanh định làm gì để tránh tai họa đó?

– Tâu Đại vương, ở bất kỳ ngã tư đường nào, chúng thần cũng xin lập tế đàn cúng bái cả.

Nhà vua trong lúc lo sợ, vội kêu lên:

– Nay các hiền khanh, tính mạng trăm trong tay chư vị, xin hãy mau mau hành sự cho trăm được bình an!

Các Bà-la-môn như mở cờ trong bụng, nghĩ thầm: “Thế là những số tiền kếp xù, thực phẩm ê hề đủ loại sắp về tay chúng ta rồi!”

Và họ trấn an vua rồi cùng lui về. Ngoài kinh thành, họ đào hố tể lễ và thu góp cả đàn súc vật bốn chân, lựa giống toàn hảo, không tỳ vết bệnh tật và vô số chim muông. Song, họ vẫn thấy còn thiếu nhiều thứ quá, nên cứ lui tới cung

điện đòi thức nọ thức kia mãi. Thời bấy giờ, những việc làm không thoát khỏi tầm mắt của Hoàng hậu Mallikā (Mạt-lợi); bà bèn đến yết kiến vua và hỏi việc gì khiến các Bà-la-môn cứ đến gặp vua mãi vậy.

Vua phán bảo:

– Trẫm thèm được như Ái khanh, thật con rắn đã chui vào tai mà Ái khanh chẳng biết gì cả.

– Tâu Hoàng thượng, ngài phán bảo điều gì đấy?

– Ôi, trẫm đã mơ thấy những giấc mộng thật xui xẻo! Các vị Bà-la-môn kia bảo rằng chúng báo trước một trong ba đại họa, nên các vị ấy nôn nóng dâng lễ tế đàn để tránh tai ương đó, vì thế chư vị đến đây hoài.

– Song, Hoàng thượng đã thỉnh ý vị Bà-la-môn tối thượng của chư thiên và loài người chưa?

Quốc vương hỏi:

– Nay Ái khanh, hãy cho trẫm biết vị đó là ai vậy?

– Thế Hoàng thượng không biết vị Đạo sư Bà-la-môn tối thượng của thế gian, bậc Toàn Tri, Thanh Tịnh, Vô Cầu ấy chẳng? Dĩ nhiên Ngài là đức Thế Tôn sẽ hiểu rõ các giấc mộng của Hoàng thượng, xin Hoàng thượng hãy đến yết kiến Ngài và hỏi cho rõ.

Nhà vua đáp:

– Nay Ái hậu, vậy thì trẫm sẽ đi ngay.

Thế là vua liền ngự đến tinh xá, đánh lễ bậc Đạo sư và ngồi xuống.

– Có việc gì khiến Đại vương đến đây từ sáng tinh mơ thế này?

Bậc Đạo sư hỏi bằng giọng êm dịu.

Nhà vua đáp :

– Bạch Thế Tôn, lúc gần tảng sáng, trẫm đã mơ mười sáu giấc mộng kỳ bí khiến trẫm kinh hoàng và kể lại cho các vị Bà-la-môn nghe. Các vị ấy bảo giấc mộng kia báo trước điềm dữ, vậy để tránh tai họa xảy ra, chư vị ấy phải dâng lễ tế đàn ở bất kỳ ngã tư đường nào. Và chư vị ấy bận rộn chuẩn bị tế lễ, trong khi nhiều sinh vật lo sợ cái chết đang kề trước mắt. Song, bạch Thế Tôn, xin hãy cho biết những gì sẽ xảy ra từ những giấc mộng kia. Thế Tôn là bậc Tối Thượng của chư thiên và loài người, bậc Toàn Tri về mọi việc hiện tại, quá khứ và vị lai.

– Thật vậy, nay Đại vương, không có ai ngoài Ta có thể nói đúng ý nghĩa các giấc mộng của Đại vương và những gì sẽ xảy ra sau đó. Ta sẽ nói. Vậy trước tiên, ngài hãy kể cho Ta nghe những giấc mộng xuất hiện ra sao.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Vua đáp và lập tức đưa ra bản liệt kê này, theo thứ tự các giấc mộng xuất hiện:

Trước bò đực, cây con,
Ngựa, bát vàng, sơn cầu,

Sau bò cái, bê non,
Bình nước, hồ sen trong,

Cơm sống, chiên-đàn quý,	Bầu bí lặn xuống dòng,
Đá to thì trôi nổi,	Nhái bén, ềnh ương cùng,
Xé tan bầy rắn hổ,	Quạ lại có tùy tùng,
Chính bầy hoàng nga đẹp,	Chó sói sợ dê rừng.

Như vậy, bạch Thế Tôn, trăm đã mơ thấy những giấc mơ này nghĩa là thế nào? Hình như có bốn con bò đực, sắc đen tuyền, từ bốn hướng chạy vào sân châu với vẻ muốn đánh nhau, dân chúng đổ xô đến xem đấu bò, họp thành một đám đông, nhưng bầy bò chỉ giương oai múa võ, gầm thét ầm ĩ rồi cuối cùng bỏ đi chứ không đánh nhau. Đó là giấc mơ đầu của trăm. Nó báo trước điều gì sẽ xảy ra chăng?

– Nay Đại vương, giấc mơ ấy không có hậu quả gì ngay trong thời Đại vương hay trong thời của Ta đâu. Mà sau này, vào thời kỳ vua chúa xan tham, bất công, khi dân chúng không theo Chánh pháp, thế giới đảo điên, việc thiện suy giảm và điều ác đồng thời tăng trưởng. Trong những ngày thế giới điêu tàn ấy, sẽ không có mưa từ trời rơi xuống, gió không thổi, mùa màng cây cỏ khô héo, nạn đói nổi lên trên địa cầu. Rồi mây sẽ kéo đến từ góc trời như thể sắp mưa, khiến dân chúng vội vã, trước tiên là mang vào nhà mọi thứ thóc lúa, hoa màu mà phụ nữ đã đem phơi nắng vì sợ ướt hết. Sau đó đám đàn ông đem xẻng, thúng... đi đắp đê. Bầu trời như thể có dấu hiệu mưa tới, sấm nổ ầm ầm, chớp lóe sáng lòa xé mây, nhưng rồi cũng như bầy bò trong giấc mơ nọ, không đánh nhau thì mây kia cũng sẽ tan nhanh và mưa chẳng đến. Những việc ấy mà các Bà-la-môn bảo ngài làm, chỉ cốt để sinh lợi cho họ thôi.

Khi bậc Đạo sư đã nói xong giấc mộng này, Ngài bảo:

– Đại vương hãy kể cho Ta nghe giấc mộng thứ hai!

– Bạch Thế Tôn, giấc mộng thứ hai của trăm như vậy: Hình như có những bụi cây con từ dưới đất trời lên, khi chúng chỉ mới cao chừng vài tấc thì chúng đã đơm hoa kết trái. Đó là giấc mơ thứ hai và chuyện gì sẽ xảy ra từ đây chăng?

– Nay Đại vương, giấc mộng này sẽ thành hiện thực vào thời thế giới này suy đồi và con người yếu mệnh. Trong thời vị lai, dục vọng sẽ rất mãnh liệt, có những bọn con gái rất non trẻ đi đến sống chung với bọn đàn ông và rồi cũng theo lẽ lỗi đàn bà, chúng sẽ thụ thai và sinh con cái. Hoa quả kia tượng trưng cho con cái của chúng. Nhưng Đại vương chẳng có gì phải lo sợ cả. Đại vương hãy nói cho Ta nghe giấc mơ thứ ba!

– Bạch Thế Tôn, hình như trăm mơ thấy bầy bò cái bú sữa con mà chúng vừa sanh ra trong một ngày thôi. Đó là giấc mơ thứ ba. Vậy điều gì sẽ xảy ra chăng?

– Giấc mơ này, thưa Đại vương, chỉ thành hiện thực trong thời vị lai, khi các người già không còn được kính trọng nữa. Trong thời ấy, người đời không tỏ lòng kính trọng cha mẹ hay nhạc phụ, nhạc mẫu của mình. Chính con cháu sẽ cai quản tài sản gia đình, nếu họ muốn, họ sẽ cho cha mẹ thức ăn, áo mặc, còn nếu không thích thì họ sẽ cắt hết các quả biếu ấy lại. Lúc ấy, những người

già sống thiếu thôn và lệ thuộc vào bọn con cháu, tùy theo ân huệ ban bố của con cháu mình, giống như bò cái bú sữa bò con vừa mới sinh một ngày! Nhưng Đại vương chẳng cần phải lo sợ gì cả. Hãy kể cho Ta nghe giấc mơ thứ tư!

– Bạch Thế Tôn, hình như trăm thấy người ta mở dây buộc đàn bò lực lưỡng mạnh bạo ra, rồi đem đàn bò con bắt kéo xe và chúng không đủ sức mang gánh nặng đặt lên đầu chúng nên không chịu đi, chỉ đứng yên, khiến xe cộ không chạy được trên đường sá. Đó là giấc mộng thứ tư của trăm và việc gì sẽ xảy ra chăng?

– Giấc mộng này, thưa Đại vương, cũng chẳng thành hiện thực mãi cho đến ngày vị lai, thời có các vua chúa bất minh. Trong thời vị lai ấy, các vua chúa xan tham, bất chánh, không có lòng tôn kính các bậc trưởng thượng thông thái, am hiểu luật pháp cổ kim, đa mưu túc kế, thành thạo việc đời, nên vua không bổ nhiệm vào pháp đình những vị phán quan thông minh, uyên bác về luật vua phép nước. Chẳng những thế, bọn vua chúa ấy quý trọng những người quá non trẻ ngu si và chỉ định chúng vào những chức chủ tọa tòa án. Đám người này vừa ngu dốt việc triều chính, vừa kém cỏi không thể vận dụng kiến thức và thực hành, nên không đủ sức mang nổi trách nhiệm cao cả của chúng hoặc trị dân trị nước, mà sẽ làm nghiêng ngả giềng mối quốc sự vì thiếu năng lực tài ba. Do đó, những bậc cao niên trưởng thượng thông thái kia, dù đầy đủ tài năng đương đầu với mọi trở lực gian lao, vẫn nhớ rõ là họ đã bị bỏ rơi như thế nào rồi, nên sẽ từ chối giúp sức và bảo: “Đây không phải là việc của chúng ta, chúng ta là người ngoài cuộc, cứ để cho bọn trẻ nội bộ lo liệu.” Từ đó, các vị ấy đứng tách rời ra và cảnh suy tàn sẽ vây hãm đám vua chúa kia từ mọi phía. Chuyện ấy cũng giống như dây thừng xe đem buộc vào bầy bò con chưa đủ sức kéo xe nặng nề, chứ không phải buộc vào đàn bò kéo xe lực lưỡng từ xưa, chính bọn chúng đã thừa khả năng đảm đương việc ấy. Tuy vậy, Đại vương chẳng có gì phải sợ hãi cả. Hãy kể tiếp giấc mơ thứ năm!

– Bạch Thế Tôn, hình như trăm mơ thấy một con ngựa có cái mồm cả hai bên, thức ăn được bỏ vào cả hai bên, nên nó ăn luôn cả hai mồm cùng một lúc, đó là giấc mơ thứ năm. Việc gì sẽ xảy ra chăng?

– Giấc mơ này cũng chỉ thành hiện thực trong tương lai, thời kỳ các vua chúa ngu si, bất chánh, bổ nhiệm bọn người tham lam, bất chánh làm phán quan. Bọn người hèn hạ này là một bọn ngu si, khinh chê điều thiện, sẽ nhận tiền của hối lộ từ cả hai bên trong lúc chúng ngồi ghế xét xử; chúng sẽ nhét đầy túi tham với cách những lạm cả hai phía này, chẳng khác nào con ngựa ăn cỏ cả hai mồm cùng một lúc. Tuy thế, Đại vương chẳng có gì phải lo sợ chuyện đó cả. Hãy kể tiếp giấc mộng thứ sáu!

– Bạch Thế Tôn, hình như trăm thấy người ta cầm một cái bát vàng sáng loáng, đáng giá trăm ngàn đồng tiền, lại đưa ra mời một con chó rừng già nua tiểu tiện vào đấy. Và trăm thấy con vật kia đã làm như vậy. Đó là giấc mộng thứ sáu. Việc gì sẽ xảy ra chăng?

– Giác mộng này cũng chỉ thành hiện thực trong tương lai, khi các vua chúa dù xuất thân từ dòng dõi hoàng tộc, lại không tin dùng các vương tôn công tử quý phái từ xưa, lại đem ban chức tước cho bọn hạ đẳng, khiến những quý tộc phải sa sút nghèo hèn và đám cùng đinh lên ngôi cao trọng. Sau đó, những danh gia vọng tộc bị quần bách bản cùng phải cố tìm kế mưu sinh bằng cách nương tựa vào đám người trưởng giả mới lên và đem con gái mình gả cho chúng. Như vậy, mỗi nhân duyên kết hợp những tiểu thư đài các với đám tục tử hạ lưu có khác gì việc con chó rừng già tiểu tiện vào cái bát vàng kia! Tuy vậy, Đại vương chẳng có gì phải lo ngại cả. Hãy kể tiếp giấc mộng thứ bảy đi!

– Bạch Thế Tôn, có một kẻ đan sợi dây thừng, trong khi vừa đan, nó lại vừa thả dây này xuống chân, dưới ghế ngồi khi ấy có một con chó cái rừng đói mồi, nên cứ ăn mãi sợi dây thừng kia mà người ấy chẳng hề biết. Đó là giấc mơ thứ bảy mà trăm đã thấy. Việc gì sẽ xảy ra chẳng?

– Giác mộng này cũng không thành hiện thực cho tới thời vị lai, khi ấy, đám nữ nhân đầy tham dục chạy theo bọn đàn ông và rượu nồng, ngọc ngà, trang sức vàng bạc, lê bước khắp nẻo đường, thọ hưởng mọi lạc thú trần gian. Trong lối sống phóng đảng hoang phí kia, chúng cũng say sưa bên men rượu nồng cùng bọn tình nhân; chúng cứ phô trương đủ thứ vòng hoa, sấp thơm thật bóng lộn, chẳng còn quan tâm đến việc tề gia nội trợ dù cấp bách đến đâu đi nữa; chúng chỉ suốt ngày chờ đợi bọn tình nhân, cứ nhìn qua khe hở cao tít ở ngoài vách tường quanh nhà; chúng lại đem hết thóc giống để dành gieo hạt ngày sau ra giã làm bột, cốt để ăn chơi thỏa thích. Bằng mọi cách trên, chúng lấy hết kho thóc lúa do công lao của chồng chúng làm ra trên đồng ruộng; chúng xâu xé tài sản của bọn đàn ông khốn khổ kia, có khác gì con chó rừng đói mồi dưới chân ghế cứ gặm hết đoạn dây thừng trong lúc người ấy đang kết dây lại. Tuy vậy, Đại vương chẳng có gì phải sợ hãi cả. Hãy kể giấc mộng thứ tám của Đại vương!

– Bạch Thế Tôn, hình như trăm thấy tại hoàng môn có một bình lớn đầy nước tận miệng, ở giữa một số bình trống không. Rồi từ bốn phương có bốn dòng người gồm cả bốn giai cấp (Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà), liên tục mang nước trong các bình đất đến đổ vào chiếc bình lớn kia, làm nước tràn chảy hết ra ngoài. Tuy vậy, họ vẫn cứ đổ mãi nước vào bình đã tràn ấy mà chẳng có người nào thèm liếc mắt tới những bình trống không cả. Đó là giấc mơ thứ tám của trăm. Xin cho biết có việc gì xảy ra chẳng?

– Giác mộng này cũng chẳng thành hiện thực cho tới thời vị lai, khi ấy, thế giới sẽ suy tàn, vương quốc trở thành kiệt quệ, vua chúa sẽ nghèo khó và sinh thói xan tham, người giàu nhất trong đám vua chúa cũng không thể có nhiều hơn một trăm ngàn đồng tiền trong kho. Trong lúc túng quẫn, bọn vua chúa này bắt toàn dân ra sức làm việc cho họ; vì thế, để phụng sự vua, dân chúng bỏ hết công việc riêng của mình, đi gieo hạt lúa, đậu, trông coi gặt hái, đập giã và cất vào công kho; để phụng sự vua, dân chúng phải trồng mía làm đường, nấu mật; để phụng sự vua, dân chúng phải trồng vườn hoa, vườn trái cây và thu hoạch

hoa màu. Khi thu hoạch đủ loại sản phẩm, chúng đem chứa đầy vào các kho tích trữ của vua chúa đến tràn lan, mà chẳng buồn gì đến các vựa trống không ở nhà mình. Như vậy, chẳng khác gì đổ tràn các bình đã đầy và chẳng quan tâm những bình trống rỗng. Tuy nhiên, Đại vương chẳng có gì phải lo sợ việc ấy cả. Hãy kể cho Ta nghe giấc mộng thứ chín!

– Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy một hồ sâu có bờ cao bao quanh mọc đầy năm loại hoa sen. Từ bốn phía hồ, các loài vật hai chân, bốn chân kéo đến từng đàn để uống nước. Chính giữa hồ thì nước sâu lại đục ngầu như quấy bùn nhưng nước lại trong trẻo lấp lánh ở các bờ hồ, nơi đủ loại súc vật bước xuống uống ăn. Đó là giấc mộng thứ chín của trẫm. Chuyện gì sẽ xảy ra từ điềm ấy chẳng?

– Giấc mơ này cũng chỉ thành hiện thực ở thời tương lai. Thời ấy, vua chúa trở thành bất công, cai trị theo ý muốn và sở thích riêng của mình, nên không xử án theo công lý. Bọn vua chúa này thêm khát vàng bạc và gia tăng việc nhận hối lộ; họ không tỏ lòng thương xót, yêu mến dân chúng của mình mà lại tàn ác, vợ vét của cải bằng cách chà đạp bọn bề tôi như ép mía và đánh thuế dân đến độ đồng xu chẳng còn dính túi. Vì không thể nào trả nổi sưu thuế đè nặng trên lưng, dân chúng khắp thị thành, làng mạc sẽ bỏ trốn, tìm nơi trú ẩn ở các vùng biên địa của xứ sở nên trung tâm của tổ quốc trở thành chốn hoang vu, trong khi vùng biên địa lại đông đúc dân chúng. Chuyện ấy cũng giống như nước giữa hồ vẫn đục, còn ở bờ hồ lại trong trẻo. Tuy vậy, Đại vương chẳng có gì phải lo sợ việc ấy cả. Hãy kể cho Ta nghe giấc mộng thứ mười!

– Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy cơm sôi trong nồi mà không được trộn cho đều. Vì không được khuấy đều nên nồi gạo giống như được chia ra ba phần rõ rệt theo ba giai đoạn nấu cơm: Phần thì nhão nhoẹt, phần thì sũng sượng, phần thì vừa chín thật ngon lành. Đó là giấc mộng thứ mười của trẫm. Việc gì sẽ xảy ra từ điềm ấy chẳng?

– Giấc mộng này cũng chẳng thành sự thật cho đến thời vị lai, khi ấy, vua chúa bất công, dân chúng dưới quyền cũng trở thành bất chánh, các Bà-la-môn, gia chủ, thị dân, nông dân cũng thế; đúng vậy, dân chúng đều thành ra bất chánh cả, ngay cả những Bà-la-môn thông thái. Kể đó là các thần linh hộ trì chúng, những thần linh mà chúng thường dâng tế lễ như thần cây cối, thần giữa không gian cũng trở thành bất chánh, ngay cả gió thổi qua quốc độ của các hôn quân này cũng trở thành cuồng phong hỗn loạn, làm rung chuyển các đền đài trên thiên giới, khiến chư thần trên đó phẫn nộ, không cho mưa rơi xuống; hoặc là nếu có mưa đi nữa cũng chẳng rơi đều khắp quốc độ cùng một lúc, cũng chẳng có những cơn mưa đông lớn, tốt lành tươi đều trên các vùng đất cày cấy, gieo hạt để giúp dân chúng đang cơn túng quẫn. Vì thế, trong một quốc gia rộng lớn, trong mỗi thôn làng, hồ, ao, mưa không rơi xuống cùng một lúc trong cùng một phạm vi; nếu mưa ở phần trên thì không mưa ở phần dưới, nơi này mùa màng bị hư hại nặng vì úng thủy, nơi kia lại khô cằn vì hạn hán, nơi khác nữa lại thịnh vượng nhờ những cơn mưa thuận gió hòa đều đặn. Thế là mùa màng

trong cùng một quốc độ như cơm trong một nồi, sẽ không giống nhau. Tuy thế, Đại vương không có gì phải lo sợ vì chuyện đó cả. Hãy kể cho Ta nghe giấc mộng thứ mười một!

– Bạch Thế Tôn, hình như trăm thấy bơ tươi được đem đi đổi lấy gỗ chiên-đàn (trầm hương) quý trị giá cả một trăm ngàn đồng tiền. Đó là giấc mơ thứ mười một. Có điều gì xảy ra từ đó chăng?

– Giấc mộng này cũng không thành hiện thực cho đến thời vị lai, ngày mà giáo pháp của Ta suy tàn. Vào thời đó, nhiều Tỷ-kheo tham lam, vô tâm, vô quý sẽ xuất hiện, chỉ vì miếng cơm, manh áo mà chúng thuyết giảng. Chính giáo pháp Ta đã truyền bá cốt để tận diệt dục tham! Do chúng từ bỏ Giáo hội chỉ vì lợi dưỡng tâm thân và đứng vào hàng ngũ của bọn tà giáo nên chúng không thể giảng Chánh pháp đưa đến Niết-bàn. Không, chúng chỉ suy nghĩ, trong lúc giảng pháp, làm sao dùng đủ lời lẽ hoa mỹ và giọng nói ngọt ngào để dụ dỗ quần chúng đem cho chúng thực phẩm, y phục đắt tiền cùng các thứ đại loại như thế và chỉ chuyên tâm đến lợi dưỡng cúng dường. Có những kẻ ngồi ở đại lộ, góc đường, hoàng môn... cúi mình xuống giảng pháp vì tiền, vì các đồng tiền lớn nhỏ.⁸⁹ Và trong khi chúng đem bán rẻ giáo pháp đưa đến Niết-bàn vô giá để đổi lấy thực phẩm, y phục, vàng bạc thì chúng có khác gì kẻ đem đổi gỗ chiên-đàn đáng giá trăm ngàn đồng tiền để lấy thứ bơ tươi kia? Tuy thế, Đại vương chẳng có gì phải lo sợ chuyện ấy cả. Hãy kể giấc mộng thứ mười hai cho Ta nghe!

– Bạch Thế Tôn, trăm thấy dây bí, bầu rỗng ruột lại chìm xuống nước. Vậy có điều gì sẽ xảy ra chăng?

– Giấc mộng này cũng không thành hiện thực cho đến thời vị lai có vua chúa bất công, thế giới điên đảo. Thời ấy, vua chúa không quý trọng những người dòng dõi quý tộc mà chỉ ưu đãi bọn hạ đẳng, nên bọn này sẽ thành ra những chúa tể quyền cao chức trọng, trong khi những quý tộc phải bị chìm xuống cảnh nghèo khổ. Cũng vậy, ở chốn triều đình, ở cung môn, tại sảnh đường hay tòa án chỉ có lời nói của bọn hạ đẳng mà dây bầu, bí rỗng ruột tượng trưng cho chúng, lại được xác lập vững vàng như thể chìm tận đáy nước. Ngay các hội chúng Tỷ-kheo, trong các cuộc đàm luận lớn nhỏ, trong tứ sự cúng dường: Thực phẩm, y phục, sàng tọa, dược liệu cũng vậy, chỉ ý kiến của kẻ ác dục, suy đồi được xem là có quyền định đoạt chứ không phải ý kiến của các Tỷ-kheo biết thiêu dục tri túc. Chuyện như thế khắp nơi, chẳng khác gì cảnh dây bầu, bí rỗng ruột lại chìm. Tuy vậy, Đại vương không có gì phải lo sợ chuyện đó cả. Hãy kể giấc mộng thứ mười ba cho Ta nghe!

Khi ấy nhà vua nói:

– Bạch Thế Tôn, hình như trăm thấy những tảng đá lớn bằng ngôi nhà lại nổi bồng bênh như thuyền bè trên nước. Vậy việc gì sẽ xảy ra chăng?

⁸⁹ Xem *Vin. II*. 294.

– Giấc mộng này cũng không thành sự thật cho tới thời vị lai như Ta đã nói trên. Thời ấy, vua chúa bắt công, tận dụng đám người hạ đẳng, chúng sẽ trở thành các chúa tể đầy quyền lực trong lúc những người quý tộc sa sút, nghèo khổ. Người ta không còn tôn sùng quý tộc mà chỉ tôn sùng bọn mới giàu sang thôi. Lúc vua lâm triều, trong phòng họp cơ mật hay ở chôn pháp đình, lời nói của các vị quý tộc tinh thông luật pháp, chính các tảng đá lớn tượng trưng cho hạng người này lại trôi dạt bồng bềnh chứ không lắng sâu vào tâm tư mọi người. Khi các vị này cất tiếng thì bọn trưởng giả mới nổi sẽ cười nhạo khinh bỉ, bảo nhau: “Các tên kia đang nói gì thế?” Cũng vậy, trong các hội chúng Tỷ-kheo, giống như đã nói trên đây, người ta không biết kính trọng những bậc tối thắng giữa hàng Sa-môn nên lời nói của các vị này không lắng đọng lại mà chỉ trôi dạt dờ đi mất, chẳng khác nào các tảng đá nổi bồng bềnh trên mặt nước. Tuy nhiên, Đại vương không có gì phải sợ hãi chuyện ấy cả. Hãy kể tiếp cho Ta nghe giấc mộng thứ mười bốn!

– Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy những con nhái bén, chẳng lớn hơn những cánh hoa bé tí teo, lại nhanh nhẹn sẵn bắt những con rắn khổng lồ, cắn xé chúng ra từng khúc như các ngó sen và nhai ngấu nghiến chúng trong chốc lát là xong. Việc gì sẽ xảy ra chẳng?

– Giấc mộng này cũng chẳng thành sự thật cho tới thời vị lai, những việc trước Ta đã nói, thời thế giới suy tàn. Lúc ấy, tham ái của bọn nam nhân nổi lên quá mãnh liệt, dục vọng quá nồng nàn đến độ chúng trở thành lũ nô lệ cho bọn hầu thiếp còn trẻ con; trong nhà từ những kẻ tội tở, làm công, trâu bò, heo gà, vàng bạc, cho đến mọi vật khác đều tùy thuộc đám thê thiếp định đoạt. Giả sử người chồng khôn khổ kia hỏi xem tiền bạc, áo quần để ở đâu, liền được đáp rằng: “Nó ở đâu kệ nó, chàng ta phải lo chuyện mình đi, đừng hỏi han gì lôi thôi về việc gì trong nhà vợ chàng ta cả!” Rồi sau đó bằng mọi cách, bọn thê thiếp kia dùng lời lẽ mạ lỵ, khinh chê, châm chọc để đàn áp và đô hộ các người chồng như bầy nô lệ, tội tở. Như vậy, chẳng khác gì lũ nhái bén, chẳng lớn hơn cái hoa tí xíu, lại nuốt chửng rắn hổ mang! Tuy nhiên, ngài chẳng có gì phải lo lắng về việc đó cả. Hãy nói cho Ta nghe giấc mộng thứ mười lăm!

– Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy một con quạ đồng quê, đầy đủ mười ác hạnh, lại được một đoàn tùy tùng gồm toàn chim quý hộ tống, những con chim này màu lông vàng ánh, thường được đặt tên là Kim nga vương giả. Việc gì sẽ xảy ra chẳng?

– Giấc mơ này, thưa Đại vương, cũng không thành tựu cho đến thời vị lai, thời đại các quốc vương suy thoái. Đó là thời xuất hiện những vị vua chẳng hiểu biết gì về võ thuật, voi, ngựa và lại hèn nhát khi ra trận, vì sợ bị truất phế hay tống xuất ra khỏi vương quốc nên chúng đưa những bọn cận vệ, hầu tể, hót tóc, đại loại như thế lên nắm quyền, thay vì đưa nhóm người quý tộc lên. Như vậy, những người quý tộc này không được hưởng ơn vua lộc nước nên không đủ sức cấp dưỡng cho mình, đành phải cam chịu hạ mình cầu hầu bọn trưởng giả mới,

giống như chim quạ được đám Kim nga vương giả theo hầu. Tuy thế, Đại vương không có gì phải lo sợ về điều ấy cả. Hãy kể cho Ta nghe giấc mơ thứ mười sáu!

– Xưa nay, chính loài hổ báo săn bắt sơn dương, nhưng hình như trẫm mơ thấy sơn dương săn bắt hổ báo và xé xác ăn rau rầu. Trong lúc vừa thấy bóng bầy dê từ đằng xa, bầy chó sói hoảng hốt chạy trốn và lập tức giấu mình vào bụi rậm. Đó là giấc mơ của trẫm. Việc gì sẽ xảy ra chẳng?

– Giấc mơ này, thưa Đại vương, cũng không thành hiện thực cho đến thời vị lai, thời vua chúa bắt minh cai trị. Thời ấy, bọn hạ đẳng được nắm quyền cao chức trọng và được nhiều ân sủng của vua chúa, trong lúc những quý tộc sa vào cảnh bần cùng tối tăm. Vì có được nhiều thế lực trong tòa án do ân sủng của vua ban, bọn mới giàu sang này đòi tước đoạt quyền tư hữu đất đai, y phục và mọi tài sản do tổ tiên để lại của những quý tộc xưa. Khi những người này cố bênh vực cho quyền lợi của họ trước tòa án, liền bị đám hầu cận thân tín của vua lấy gậy gộc đánh đập, nắm cổ quăng ra ngoài với lời thô bỉ, đại khái là: “Liệu thần hồn đấy, bọn ngu si kia! Sao? Các ngươi muốn tranh giành với chúng tôi ư? Đức vua sẽ biết được sự hỗn láo của các ngươi, rồi chúng tôi sẽ sai chặt tay chân của các ngươi ra và trừng phạt thích đáng cả lũ.” Sau đó, những người quý tộc kinh hoàng nhận ra rằng, tài sản của họ nay đã trở thành tài sản của đám người thống trị mới quá khắc nghiệt kia, nên phải yêu cầu bọn mới được ân sủng này nhận lấy tài sản của họ. Rồi họ vội vã về nhà trốn tránh trong nỗi lo âu sợ hãi. Cũng vậy, các ác Tỷ-kheo tha hồ khủng bố, tiêu diệt các Tỷ-kheo hiền thiện, xứng đáng, cho đến khi các người này không thấy còn ai bảo vệ mình nữa, đành phải trốn vào rừng sâu. Như vậy, sự đàn áp hội chúng quý tộc và thiện Tỷ-kheo cũng giống như bầy chó sói bị bầy dê hăm dọa. Tuy nhiên, ngài không có gì phải sợ hãi chuyện ấy cả. Vì giấc mộng này cũng chỉ liên hệ đến thời vị lai mà thôi. Như vậy, không phải vì chân lý hay lòng yêu mến Đại vương khiến cho các Bà-la-môn tiên đoán như cách họ đã nói với Đại vương đâu. Đó chỉ là lòng tham muốn lợi dưỡng, cái tri thức được nuôi dưỡng bởi tham dục làm cho họ thốt ra những lời nói đem mối lợi phần mình mà thôi.

Như vậy, bậc Đạo sư đã thuyết giảng ý nghĩa của mười sáu giấc mộng lớn trên xong, và Ngài nói thêm:

– Nay Đại vương, ngài không phải là người đầu tiên nằm mộng như thế; ngày xưa, các vua chúa cũng từng mơ thấy những giấc mộng này và cũng như giờ đây, các Bà-la-môn tìm thấy những cơ đó để dăng lẽ tề đàn; vì việc này, theo lời thỉnh cầu của người hiền thiện và có trí, Bồ-tát đã được tham vấn, và các giấc mộng đã được các bậc Hiền trí ngày xưa giải thích giống hệt như cách chúng được giải thích giờ đây.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của vua, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadata trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát thọ sanh làm một

Bà-la-môn ở một quốc độ phương Bắc. Khi ngài đến tuổi trưởng thành, ngài từ giả thế tục, sống đời ẩn sĩ. Ngài đạt được các thắng trí và các thiền chứng, an trú tại vùng Tuyết sơn với thiên lạc thanh tịnh.

Ngày ấy, (cũng như trên) Vua Brahmadatta mơ những giấc mơ này tại thành Ba-la-nại và tham vấn ý kiến các Bà-la-môn liên hệ vấn đề và các Bà-la-môn cũng như hiện nay, khởi sự việc tế đàn. Trong đám ấy, một thanh niên Bà-la-môn có trí, thông thái là đệ tử của vị tế sư của hoàng tộc, thưa với thầy mình:

– Bạch Sư phụ, Sư phụ đã dạy con ba tập Thánh điển Vệ-đà. Vậy không có kinh nào bảo rằng việc giết một sinh vật không đem lại đời sống cho một sinh vật khác sao?

– Đây đồ đệ, việc này sẽ đem lại nhiều tiền cho chúng ta, vô số tiền đấy. Hình như con chỉ mong đừng hao tổn công khổ của đức vua thôi ư?

Thanh niên Bà-la-môn nói:

– Bạch Sư phụ, vậy xin Sư phụ cứ làm theo ý mình. Còn phần con, con còn ở lại đây với Sư phụ để làm gì kia chứ?

Nói vậy xong, chàng từ giả thầy mình và đi đến ngự viên của hoàng gia.

Cùng ngày đó, Bô-tát biết hết việc này, ngài nghĩ thầm: “Giả sử hôm nay ta viếng cõi trần, ta sẽ giải thoát cho nhiều sinh vật khỏi cảnh giam cầm ấy ngay.” Thế rồi, ngài du hành qua không gian, giáng hạ tại ngự viên kia; ngài an tọa và chiếu sáng như một bức tượng bằng vàng trên thạch bàn dành cho đại lễ. Thanh niên Bà-la-môn đến gần, đánh lễ ngài và ngồi xuống một bên với vẻ thân hữu. Cuộc đàm đạo êm thâm diễn ra, và Bô-tát hỏi thanh niên Bà-la-môn có nghĩ là vua này cai trị đúng pháp chăng.

Thanh niên đáp:

– Thưa Tôn giả, đức vua vốn là người chân chính, song các Bà-la-môn đã làm cho ngài thiên về ác hạnh. Khi được vua hỏi ý kiến về mười sáu giấc mộng lớn mà ngài vừa thấy, các Bà-la-môn liền chộp ngay cơ hội đó để đòi tế đàn và bảo hành động tức thì. Vậy thưa Tôn giả, nếu Tôn giả vui lòng đến giải thích cho vua hiểu rõ ý nghĩa thật sự của các giấc mộng ấy và thế là giải cứu được vô số sinh linh khỏi nỗi kinh hoàng vì chết chóc, chẳng phải là một việc thiện lành đó chăng?

– Nhưng này nam tử, ta không biết vua mà vua cũng chẳng biết ta. Tuy vậy, nếu vua muốn đến đây hỏi ta, ta sẽ nói cho vua nghe.

Thanh niên Bà-la-môn đáp:

– Thưa Tôn giả, con sẽ đi rước đức vua đến đây. Chỉ xin Tôn giả vui lòng ngồi đợi đây một lát cho đến khi con trở lại.

Sau khi được Bô-tát nhận lời, chàng đến bệ kiến vua và tâu:

– Trong ngự viên vừa có một ẩn sĩ phi hành qua không gian và giáng hạ, vị này bảo có thể giải thích các giấc mộng của Đại vương; kính mong Đại vương kể lại các giấc mộng này cho vị ẩn sĩ ấy được chăng?

Khi vua nghe việc này, lập tức cùng đoàn tùy tùng đến ngự viên. Vừa đánh lễ vị ản sĩ, vua ngồi xuống bên ngài và hỏi có thật là ngài hiểu rõ việc gì sẽ xảy ra từ những giấc mộng ấy chăng. Bồ-tát đáp:

– Dĩ nhiên là đúng vậy. Nhưng trước hết hãy kể cho ta nghe những giấc mộng của Đại vương!

– Bạch Tôn giả, trăm xin sẵn sàng. Vua đáp và bắt đầu kể như sau:

77. Trước bò đực, cây con, Sau bò cái, bê con,
Ngựa, bát vàng, sơn cầu, Bình nước, hồ sen trong,
Cơm sòng, chiên-đàn quý, Bầu, bí lặn xuống dòng,
Đá to thì trôi nổi, Nhái bén, ếch ương cùng,
Xé tan bầy rắn hổ, Quạ có đám tùy tùng,
Là bầy hoàng nga đẹp, Chó sói sợ dê rừng!

Và kể đó, vua kể các giấc mộng giống như Vua Pasenadi đã kể trên.

Bậc Đại sĩ bảo:

– Thôi đủ rồi, Đại vương không có gì phải sợ hãi về việc này.

Sau khi trấn an nhà vua xong và giải thoát cho đám sinh vật kia khỏi bị giam giữ, Bồ-tát liền trụ trên không, khuyến giáo và an trú vua vào ngũ giới rồi kết luận với những lời này:

– Thừa Đại vương, từ nay về sau, Đại vương đừng cộng tác với các Bà-la-môn trong việc giết súc vật để tế đàn.

Sau khi thuyết giảng xong, Bồ-tát du hành qua không gian để trở lại nơi trú ngụ của ngài. Còn nhà vua, chấp trì lời dạy đã được nghe, chuyên sống đời bố thí, cùng làm nhiều thiện sự công đức khác và khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư bảo:

– Đại vương không có gì phải sợ các giấc mộng ấy cả. Vậy hãy hủy bỏ việc tế đàn!

Sau khi bảo vua hủy bỏ việc tế đàn và giải cứu vô số sinh linh, Ngài kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Vào thời ấy, Ānanda là vua, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là thanh niên Bà-la-môn và Ta là vị ản sĩ ấy.

§78. CHUYỆN VỊ TRIỆU PHÚ ILLĪSA (*Illīsajātaka*)⁹⁰ (J. I. 345)

Cả hai què và cò...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một vị triệu phú keo

⁹⁰ Bản Tích Lan viết *Illīsajātaka*. Bản CST, Thái Lan viết *Illisajātaka*.

kiệt. Không xa Vương Xá bao nhiêu, có một thị trấn tên là Sakkhara. Tại đó, có một vị triệu phú có tài sản đến tám trăm triệu đồng tiền tên là Maccharikosiya. Ông hà tiện đến nỗi một giọt dầu lấy từ ngọn cỏ kusa cũng không cho ai và cũng không tự mình dùng. Như vậy, tài sản của ông không đem lại lợi ích nào cho vợ con, cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn... Gia sản ấy nằm yên như vậy, không ai thọ hưởng, như hồ nước có quỹ la-sát chiếm cứ.

Một hôm, thức dậy vào sáng sớm, bậc Đạo sư khởi lòng đại bi, quán sát toàn thể thế giới xem ai có khả năng giác ngộ. Ngài thấy sống cách xa Ngài khoảng bốn mươi lăm do-tuần, có hai vợ chồng ấy đủ khả năng chứng quả Dự lưu. Đó là hai vợ chồng nhà triệu phú keo kiệt nói trên.

Ngày hôm trước, đi đến hoàng cung để châu vua, sau khi trở về, vị triệu phú thấy một người nông dân đói bụng, đang ăn một loại bánh chiên nhồi với bột chua. Ngay lúc ấy, vị triệu phú khởi lên thèm khát, vừa đi về nhà vừa nghĩ: “Nếu ta nói ta muốn ăn bánh chiên nhồi bột chua thì sẽ có nhiều người muốn ăn với ta. Như vậy sẽ tốn cho ta nhiều gạo, bơ chín, đường... Vì vậy, ta sẽ không nói gì với ai hết.” Về nhà, ông đi qua đi lại, dần ép thêm muốn đến nỗi sắc da trở thành vàng, mạch máu nổi lên trên thân. Cuối cùng, không dần ép được con thèm muốn, ông đi vào phòng, nằm co ro trên giường.

Như vậy, vì sợ hao hụt tài sản, ông không nói với ai cả. Vợ ông đến, xoa lưng ông và hỏi:

- Này ông, cái gì làm ông không được thoải mái như vậy?
 - Ta không có việc gì cả.
 - Hay nhà vua nổi giận với ông?
 - Vua không nổi giận với ta.
 - Hay con trai, con gái hoặc người nô tỳ làm công có gì khiến ông phật ý chăng?
 - Không có gì như vậy cả.
 - Hay ông có thèm khát vật gì?
- Nghe nói vậy, sợ hao hụt tài sản, ông nằm im lặng. Người vợ nói:
- Này ông, hãy nói đi! Ông thèm khát vật gì?
- Ông nuốt nước miếng trả lời:
- Ta có một thèm muốn.
 - Thưa ông, ông thèm muốn gì?
 - Ta muốn ăn bánh chiên trong chảo.
 - Ý muốn ấy có gì đâu mà ông không nói! Ông đâu có nghèo! Nay tôi sẽ làm bánh ngọt chiên trong chảo đủ dọn cho toàn thể dân chúng ở thị trấn Sakkhara.
 - Sao lại cho chúng? Chúng cần phải làm để có ăn.
 - Vậy tôi sẽ làm đủ dọn cho những người ở cùng một đường.

- Đâu có được.
- Vậy tôi làm bánh ngọt vừa đủ dọn cho tất cả những người ở trong nhà này.
- Sao bà lại hoang phí như vậy?
- Vậy tôi làm bánh ngọt vừa đủ để dọn cho con trai, con gái của ông ăn.
- Sao lại đề cập đến chúng làm gì?
- Vậy tôi làm bánh ngọt đủ để dọn cho ông và tôi ăn.
- Sao bà lại có ở trong đó?
- Vậy tôi làm bánh ngọt vừa đủ cho một mình ông ăn.
- Nói khê chứ, tại chỗ này có nhiều người chờ đợi bà nấu ăn. Hãy để dành các hột gạo nguyên, chỉ lấy gạo tấm, cái lò và cái chảo, với một ít sữa, bơ chín, mật, đường cục, đem lên sàn nhà lớn tầng lầu thứ bảy và chiên ở đấy. Tại đây, ta sẽ ngồi ăn một mình không bị ai quấy rầy.

– Được lắm!

Người vợ vâng lời, đem theo những đồ cần dùng, leo lên trên lầu, bảo các nô tỳ đi chỗ khác, cho mời vị triệu phú lên. Người triệu phú từ dưới leo lên, gài chốt tất cả các cửa, sau cùng đến sàn lớn lầu thứ bảy. Tại đây, ông đóng cửa lại và ngồi xuống. Người vợ đốt lửa nhen lò, đặt chảo lên và bắt đầu chiên bánh.

Lúc ấy, bậc Đạo sư, vào buổi sáng, bảo Trưởng lão Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên):

– Nay Mahāmoggallāna, có người triệu phú hà tiện ở tại thị trấn Sakkhara, không xa Vương Xá bao nhiêu, ông ta muốn ăn bánh chiên trong chảo, nhưng sợ các người khác thấy, nên cho làm bánh trên tầng lầu thứ bảy. Ông hãy đến đó nhiếp phục triệu phú ấy, khiến ông ta từ bỏ tất cả, rồi dùng thần lực của ông đem cả hai vợ chồng và tất cả bánh, sữa, bơ chín, mật và đường cục về Kỳ Viên. Hôm nay, Ta cùng năm trăm Tỷ-kheo sẽ ngồi tại Kỳ Viên và Ta làm cho Tăng chúng sẽ dùng bữa với bánh ấy.

Trưởng lão vâng theo lời bậc Đạo sư, lập tức với thần thông lực đi đến thị trấn ấy. Trưởng lão khéo vận y trong và đắp y ngoài sáng rực như một bức tượng bằng châu báu, đứng giữa hư không, trước cửa sổ căn lầu của triệu phú. Vừa chợt thấy vị Trưởng lão, tim vị đại triệu phú xúc động mạnh vì sợ hãi. Ông suy nghĩ: “Ta đã sợ như vậy nên đến chỗ này, thế mà vị này cũng đến đứng trước cửa sổ.”

Không thể hiểu được những gì ông cần phải hiểu, ông tức giận nói lấp bấp những lời như muối và đường bỏ vào trong lửa:

– Nay Sa-môn, đứng giữa hư không như vậy, ông đâu có được gì? Dầu ông kinh hành cho đến khi vạch được một con đường giữa hư không, ông cũng không được gì.

Trưởng lão bèn đi kinh hành qua lại giữa hư không. Vị triệu phú nói:

– Đi kinh hành như vậy, ông đâu có được gì? Dầu ngồi kiết-già giữa hư không, ông cũng sẽ không được gì.

Trưởng lão liền ngồi kiết-già giữa hư không. Triệu phú nói:

– Ngồi vậy, ông đâu có được gì? Dầu ông có thể đến đứng ở bậc cửa, ông cũng không được gì.

Trưởng lão đến đứng trên bậc cửa. Vị triệu phú nói:

– Dầu ông phun khói, ông cũng sẽ không được gì.

Trưởng lão phun ra cho đến khi cả lầu đài tràn đầy khói. Mắt vị triệu phú bắt đầu cay, đau như bị kim châm. Vì sợ nhà có thể bị cháy, ông không dám nói: “Dầu có đốt lửa, ông cũng sẽ không được gì.”

Ông suy nghĩ: “Sa-môn này thật là gan lì. Không được gì cũng không đi. Ta phải bảo cho ông ta một cái bánh mà thôi.”

Vì thế, ông liền nói với vợ:

– Này bà, hãy chiên một cái bánh nhỏ xíu cho Sa-môn ấy, rồi tống ông ta đi!

Người vợ lấy một ít bột, bỏ vào miệng chảo. Bột ấy phồng to lên trở thành cái bánh thật lớn, đầy cả miệng chảo. Vị triệu phú thấy vậy, nghĩ rằng vì vợ mình lấy nhiều bột nên nó thành như vậy. Ông tự mình lấy một ít bột trên đầu cái muống và thả vào trong chảo. Miếng bột nhỏ trở thành cái bánh to lớn hơn bánh trước. Như vậy, ông càng chiên bột bao nhiêu, bánh trở thành to bấy nhiêu. Vị triệu phú nản chí nói với vợ:

– Này bà, hãy cho người này một cái bánh!

Khi bà lấy một cái bánh từ giỏ, tất cả bánh đều dính chùm với nhau. Người vợ nói với chồng:

– Này ông, tất cả bánh dính liền với nhau và tôi không thể tách rời chúng ra được.

– Để tôi tách rời bánh cho.

Nhưng vị triệu phú cũng không tách rời bánh được. Cả hai người cầm cả đồng bánh, kéo bánh ra nhưng không thể tách rời được. Trong khi cố gắng kéo bánh, mồ hôi từ thân đổ ra và cơn thèm khát của ông chấm dứt. Ông liền nói với vợ:

– Này bà, ta nay không còn cần bánh nữa! Hãy cho Tỷ-kheo này tất cả bánh trong giỏ!

Người vợ lấy cái giỏ đi đến Trưởng lão. Trưởng lão thuyết pháp cho cả hai người và nói lên công đức tối cao của Ba ngôi báu. Rồi dạy rằng bố thí sẽ có kết quả, vị ấy nêu rõ kết quả của bố thí và các thiện sự khác sáng ngời như mặt trăng trên bầu trời. Nghe Trưởng lão nói, vị triệu phú khởi tâm tịnh tín và nói:

– Thừa Tôn giả, hãy đến đây. Hãy ngồi trên giường này và ăn bánh!

Trưởng lão nói:

– Nay đại triệu phú, bậc Chánh Đăng Giác muốn ăn bánh; Ngài đang ngồi tại tinh xá với năm trăm Tỷ-kheo. Nếu hai vị hoan hỷ, ông bà hãy đem bánh, sữa... và chúng ta cùng đi đến cúng dường bậc Đạo sư.

– Thừa Tôn giả, bậc Đạo sư nay ở tại đâu?

– Nay đại triệu phú, từ đây đến tinh xá Kỳ Viên khoảng bốn mươi lăm do-tuần.

– Làm sao chúng ta đi hết khoảng đường ấy mà không mất nhiều thì giờ?

– Nay đại triệu phú, nếu ông hoan hỷ, ta sẽ đưa ông bà đến đó với thần thông lực của ta! Đầu thang lâu đài của ông sẽ ở tại chỗ này, còn chân thang lâu sẽ đến tại cửa tinh xá Kỳ Viên. Với cách này, ta sẽ đưa ông bà đến tinh xá Kỳ Viên bằng thời gian đi từ đầu thang xuống chân thang lâu.

Vị triệu phú bằng lòng chấp thuận. Vị Trưởng lão giữ đầu thang lâu ở tại chỗ đó và bảo:

– Chân thang lâu hãy đến tại cổng chính Kỳ Viên!

Sự kiện xảy ra đúng như vậy! Rồi Trưởng lão đưa vị triệu phú và bà vợ bước từ đầu thang lâu đến chân thang lâu rất nhanh vào Kỳ Viên.

Cả hai vợ chồng đi đến yết kiến bậc Đạo sư và báo giờ cúng dường. Bậc Đạo sư đi vào phòng ăn, ngồi trên Phật tòa đã soạn sẵn cùng với chúng Tỷ-kheo. Đại triệu phú đổ nước cúng dường trên tay đức Phật và Tăng chúng, trong khi bà vợ đặt bánh trong bình bát của đức Phật. Bậc Đạo sư lấy bánh vừa đủ ăn và năm trăm Tỷ-kheo cũng lấy tương tự như vậy.

Rồi vị triệu phú đi quanh cúng dường sữa, bơ chín, mật, đường cục. Bậc Đạo sư cùng với năm trăm Tỷ-kheo dùng xong, cuối cùng đại triệu phú cùng với vợ ăn cho đến thỏa thích, tuy vậy, bánh cũng không hết. Cho đến khi tất cả Tỷ-kheo và các người ăn một đồ thừa khắp Kỳ Viên đã có đủ phần của mình, bánh cũng không thấy hết. Họ báo lên Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, bánh vẫn không hết.

– Vậy hãy quăng bỏ bánh tại một bên cổng lớn của Kỳ Viên.

Họ đem quăng bánh xuống một cái hang không xa cổng lớn. Nay chỗ ấy được biết với tên là “Hang chứa bánh chiên trong chảo.”

Vị đại triệu phú và vợ đi đến Thế Tôn rồi đứng một bên. Ngài nói lên lời tùy hỷ; cuối lời tùy hỷ, cả hai vợ chồng đều chứng được quả Dự lưu. Rồi họ đánh lễ bậc Đạo sư, leo lên thang lâu ở cổng lớn và đi về lâu đài của mình. Từ đây về sau, vị đại triệu phú cúng dường cho giáo pháp đức Phật đến tám trăm triệu đồng tiền.

Ngày sau, bậc Chánh Đăng Giác đi khát thực ở Xá-vệ, đi đến Kỳ Viên, nói lời khuyên giáo của bậc Thiện Thệ cho các Tỷ-kheo xong, Ngài đi vào hương phòng tĩnh tọa. Vào buổi chiều, các Tỷ-kheo tụ họp tại pháp đường, rồi nói lên lời tán thán công đức của Trưởng lão Mahāmoggallāna:

– Này các Hiền giả, hãy xem uy lực của Trưởng lão Mahāmoggallāna! Trưởng lão nhiếp phục vị triệu phú hà tiện trong giây lát, khiến ông ta từ bỏ tất cả, đem theo các thứ bánh; đưa ông bà đến Kỳ Viên, trước mặt bậc Đạo sư và an trú họ vào quả Dự lưu. Ôi, Trưởng lão thật có đại uy lực!

Bậc Đạo sư đến pháp đường và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông đang ngồi bàn vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo muốn nhiếp phục một gia đình, không nên làm hại và áp bức gia đình ấy. Giống như con ong, chỉ đến lấy nhụy hoa, không làm hại hoa. Cũng vậy, vị Tỷ-kheo đi đến gia đình ấy để nói lên các công đức tối thắng của đức Phật.

Rồi bậc Đạo sư tán thán Trưởng lão:

Như ong đến với hoa,	Không hại sắc và hương,
Che chở hoa, lấy nhụy.	Cũng vậy, vị Sa-môn,
Bậc Thánh đi vào làng,	Không được áp bức ai. ⁹¹

Sau khi nói lên câu kệ trong *Kinh Pháp cú*, bậc Đạo sư nêu công đức vị Trưởng lão:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay vị triệu phú hà tiện được Mahāmoggallāna nhiếp phục. Thuở trước, Trưởng lão cũng đã nhiếp phục vị triệu phú và dạy ông ta biết sự liên hệ giữa hành động và kết quả.

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, tại thành này có người triệu phú tên là Illisa, giàu đến tám trăm triệu đồng tiền và có đủ mọi tật xấu của con người. Ông què, còm lưng và lé mắt. Ông là người không có lòng tin, hà tiện không bao giờ cho ai, không tự mình hưởng thụ; nhà ông giống như cái hồ bị quỷ la-sát chiếm cứ. Tuy vậy, trải qua bảy đời trước, các tổ tiên của ông là những người bố thí, những thí chủ rất hào phóng. Khi được địa vị triệu phú, ông phá hoại truyền thống của gia đình, đốt cháy trường bố thí, đánh đuổi kẻ ăn xin và tích lũy tài sản.

Một hôm đi châu vua, khi trở về nhà mình, vị triệu phú thấy một người nông dân đi đường mệt mỏi, tay cầm một bình rượu ngồi trên ghế, rót đầy cốc rượu chua, nhắm rượu với một miếng cá khô hôi thối. Thấy vậy, ông khởi lên lòng ham muốn uống rượu nhưng lại nghĩ: “Nếu ta uống rượu, nhiều người sẽ muốn uống với ta. Như vậy, tài sản ta sẽ hao mòn.” Vì thế, ông chế ngự cơn thèm khát, đi qua đi lại, nhưng trong khi đi, không thể trấn áp cơn thèm khát, da ông trở thành vàng như bông lúa và các mạch máu nổi lên trên tấm thân ốm

⁹¹ Xem *Dh.* v. 49.

yếu của ông. Cuối cùng, ông vào phòng, nằm co ro trên giường. Vợ ông đến, xoa lưng ông và hỏi:

– Này ông, cái gì làm ông không được thoải mái vậy? (Chi tiết đều giống như chuyện đã nói ở trên).

– Vậy tôi nấu rượu vừa đủ cho một mình ông uống.

Khi nghe nói vậy, người triệu phú nói:

– Tại nhà này, nhiều người đang chờ đợi nấu rượu. Còn đem rượu từ quán về và ngồi uống tại đây thì không thể được.

Người triệu phú cho một đồng, bảo một người nô lệ đem một ghè rượu từ quán về và bảo anh ta mang ghè rượu ấy đi theo ra khỏi thành phố, đến bờ sông, đi vào một lùm cây gần con đường lớn, cho đặt ghè rượu xuống, rồi bảo người nô lệ đi ra ngồi ở đằng xa. Ông rót rượu ra chén rồi bắt đầu uống.

Người cha đời trước của ông do làm các công đức như bố thí... đã được sanh làm Thiên chủ Đế-thích. Ngay trong lúc ấy, người cha muốn biết sự bố thí của mình có được tiếp tục hay không, và được biết, đứa con trai không tiếp tục sự nghiệp của mình đã chấm dứt truyền thống gia đình, đã đốt trường bố thí, đánh đuổi các người ăn xin, tánh tình hà tiện, nay sợ phải có người khác uống rượu đã lén đi vào lùm cây để uống một mình. Thấy vậy, Đế-thích quyết định: “Ta sẽ làm cho nó xúc động, ta sẽ giáo hóa nó, giúp nó biết sự liên hệ giữa hành động và kết quả, làm cho nó biết bố thí, khiến nó trở thành nhân từ, xứng đáng được sanh ở cõi đời.”

Thế rồi, Thiên chủ xuống cõi nhân thế, hóa hiện thành triệu phú Illisa, cũng què chân, cũng còm lưng, cũng lé mắt không khác gì Illisa. Với hình thù như vậy, vị ấy đi vào thành Vương Xá, đứng trước cửa hoàng cung, tự tin báo cho vua biết mình tới. Khi được mời vào, vị ấy vào đánh lễ vua và đứng hầu bên cạnh. Vua hỏi:

– Việc gì đưa đại triệu phú đến đây quá sớm như vậy?

– Thừa Thiên tử, tôi đến đây để thưa rằng, trong nhà tôi có tài sản đến tám trăm triệu đồng tiền. Xin Thiên tử hãy truyền mang về đồ đầy ngân khố của mình!

– Thôi vừa rồi, đại triệu phú! Trong cung của ta có nhiều tài sản hơn tài sản của ông!

– Thừa Thiên tử, nếu ngài không làm, tôi sẽ lấy tài sản ấy bố thí theo sở thích của tôi.

– Hãy bố thí, này triệu phú!

– Thừa vâng, Thiên tử.

Sau khi đánh lễ vua, đi ra, Đế-thích (tức người cha) hóa dạng đi về nhà triệu phú Illisa. Tất cả người hầu cận tùy tùng đến vây quanh. Không một ai có thể biết được đây không phải là Illisa. Đế-thích vào nhà đứng ở ngưỡng cửa, cho gọi người gác cửa và nói:

– Nếu có một ai giống như ta đến đây, tự xưng là chủ nhà này, hãy lấy gậy đuổi nó đi!

Nói xong, Đế-thích bước lên lầu, ngồi trên bảo tòa hết sức lộng lẫy và cho gọi vợ triệu phú vào. Với một nụ cười, ông nói:

– Này bà, chúng ta sẽ bố thí.

Nghe nói như vậy, vợ triệu phú, con trai, con gái, các người nô tỳ làm công đều suy nghĩ: “Đã lâu lắm rồi, tâm chủ ta không nghĩ đến bố thí. Nay chắc là sau khi uống rượu, choáng váng say ông mới sanh ra ý muốn bố thí.”

Vì vậy, bà vợ triệu phú nói:

– Thưa ông, hãy bố thí theo sở thích.

– Vậy hãy cho gọi người đánh trống đến, bảo nó đi đánh trống khắp cả thành phố và rao lên: “Những ai cần vàng, bạc, châu báu, ngọc ngà, v.v... hãy đi đến nhà triệu phú Illisa!”

Bà vợ làm theo như lời dặn. Một đám đông người đem theo giỏ và bao... tụ tập tại cửa nhà vị triệu phú. Đế-thích cho mở toang các phòng đựng châu báu và nói:

– Ta sẽ cho các người. Hãy đến đây lấy như ý các người muốn rồi ra đi!

Quần chúng đem tài sản ra, chất thành đống giữa sân nhà, đựng đầy các giỏ, các chậu mà họ mang đến và đem chúng đi. Một người nông dân khác, cột những con bò của Illisa vào cổ xe của vị triệu phú, chất đầy xe với bảy món báu, ra khỏi thành. Trong khi đi trên con đường lớn, anh ta đánh xe đến gần lùm cây và tán thán triệu phú Illisa như sau:

– Mong rằng chủ của tôi, triệu phú Illisa sống đến một trăm tuổi! Nhờ Illisa, nay ta không cần làm việc, có thể sống cho đến trọn đời. Xe này của Illisa, con bò này của Illisa, nhà này của Illisa. Bảy món báu không phải mẹ ta cho, không phải cha ta cho, chính do Illisa, chủ của ta cho.

Anh ta vừa đi vừa tán thán công đức của vị triệu phú. Người triệu phú (thật) nghe vậy hoảng hốt, sợ hãi, nghĩ: “Sao người này nói đi nói lại tên ta trong lời nói của nó? Hay vua đã đem tài sản của ta cho quần chúng rồi?”

Ông liền nhảy ra khỏi lùm cây, nhận ra chiếc xe và con bò của mình, bèn nắm dây mũi con bò dắt đi và nói:

– Ôi, kẻ nô lệ kia, đây là con bò của ta, đây là cổ xe của ta!

Người nông dân xuống xe nói:

– Ôi, đồ khốn nạn ác độc! Triệu phú Illisa bố thí cho toàn thành phố. Người là ai vậy?

Người nông dân xông tới đánh Illisa ngã như chớp nhoáng rồi lấy xe đi. Người triệu phú đứng dậy, tức giận run lên, phủi bụi, chạy theo thật mau, nắm lấy chiếc xe. Người nông dân lại xuống xe, nắm lấy tóc, bẻ quặp ông ta xuống, lấy cùi chỏ đánh ông, nắm cổ quăng ông về hướng con đường ông đã đi tới rồi

bỏ đi. Khi tỉnh rượu vì trận đòn thô bạo ấy, vị triệu phú run lên vì tức giận, đi mau về tới cửa nhà, thấy người ta hì hục mang tài sản đi, ông nói:

– Ôi! Sao lạ vậy. Phải chăng vua cho người ăn cướp tài sản của ta?

Ông đi đến nắm lấy người này, người kia, những ai bị ông nắm liền đánh ông ngã gục dưới chân. Bị đau đớn ê chề, ông đi vào nhà ẩn tránh. Người gác cửa thấy ông, liền kêu:

– Ôi! Đồ gia chủ giả, mi đi vào đâu đó?

Trước hết, người ấy lấy gậy tre đánh ông, rồi nắm cổ lôi ông ra ngoài cửa. Người triệu phú nghĩ: “Nay ngoài vua ra, không có một ai làm chỗ nương tựa cho ta được.” Ông đi đến cung vua và thưa:

– Thưa Thiên tử, có phải ngài chiếm đoạt nhà của tôi chăng?

– Nay triệu phú, ta không chiếm đoạt! Có phải ông đã đến đây và nói: “Nếu ngài không lấy thì tôi sẽ đem bố thí tài sản của tôi?” Có phải ông đã cho đánh trống khắp cả thành, rao rằng ông sẽ bố thí?

– Thưa Thiên tử, không phải tôi đến đây gặp ngài vì việc ấy. Ngài không biết tính hà tiện của tôi sao? Tôi không cho ai cả, dù chỉ một giọt dầu lấy từ đầu ngọn cỏ. Ai đã bố thí tài sản tôi, xin hãy cho gọi nó đến và xét hỏi nó, thưa Thiên tử.

Vua cho gọi Đế-thích đến, sự sai biệt giữa hai người này, cả vua và các đại thần đều không thể biết. Vị triệu phú hà tiện nói:

– Thưa Thiên tử, người này đâu phải triệu phú. Tôi mới là triệu phú.

– Chúng tôi không biết được ai là triệu phú thật! Ai có thể biết được họ chăng?

– Thưa Thiên tử, vợ tôi.

Vua cho gọi bà vợ đến và hỏi:

– Người nào là chồng bà?

Bà vợ nói:

– Người này.

Và bà đứng lại gần Đế-thích. Vua cho gọi các người con trai, con gái, các nô tỳ, các người làm công và hỏi. Tất cả đều đứng gần Đế-thích. Rồi vị triệu phú suy nghĩ: “Trên đầu ta có một nốt ruồi được tóc che kín, chỉ có người thợ hớt tóc mới biết. Ta sẽ cho gọi nó đến.”

Ông nói:

– Thưa Thiên tử, người thợ hớt tóc nhận biết tôi. Hãy cho gọi nó đến!

Thời ấy, Bò-tát là người thợ hớt tóc của ông. Vua cho gọi Bò-tát đến và hỏi:

– Người có biết triệu phú Illisa không?

– Thưa Thiên tử, nhìn vào đầu, tôi sẽ nhận ra.

– Vậy hãy nhìn lên đầu hai vị triệu phú!

Trong giờ phút ấy, Đế-thích làm cho một nốt ruồi nổi lên trên đầu mình. Bồ-tát nhìn lên đầu hai vị, thấy hai cái nốt ruồi, liền thưa:

– Tâu Đại vương, cả hai vị đều có nốt ruồi. Tôi không thể nhận biết giữa hai người này ai thật sự là Illisa.

Sau đó, Bồ-tát đọc bài kệ:

78. Cả hai què và còm, Cả hai có nốt ruồi, Ai là Illisa.	Cả hai đều lé mắt, Ta không biết hai người,
---	--

Nghe Bồ-tát nói như vậy, vị triệu phú run lập cập, vì ưu sầu mất tài sản, ông không thể chịu đựng được, liền ngã xuống bất tỉnh. Lúc bấy giờ, Đế-thích mới nói:

– Thưa Đại vương, ta không phải là Illisa, ta là Đế-thích.

Rồi ngài bay lên, đứng trên hư không với tất cả uy lực siêu phàm. Người ta lau mặt cho Illisa và tưới nước lên người ông. Illisa hồi tỉnh đứng dậy, đánh lễ Thiên chủ và đứng một bên. Đế-thích nói:

– Nay Illisa, tài sản này là của ta, không phải của ngươi. Ta là cha ngươi. Ngươi là con ta. Trọn đời ta nhờ làm các công đức như bố thí, v.v... nên được sanh làm Đế-thích. Ngươi đã cắt đứt truyền thống của ta, không bố thí, không giữ giới, an trú trên xan tham, đốt cháy trường bố thí, đánh đuổi những người ăn xin, lo tích lũy tài sản. Ngươi không hưởng thụ tài sản ấy. Người khác cũng không được hưởng. Tài sản ngươi đứng như cái hồ bị quỷ la-sát chiếm cứ ở đó, không ai có thể uống cho đã khát. Ngươi nên làm lại trường bố thí của ta như cũ, bố thí như vậy là tốt! Nếu ngươi không làm vậy, ta sẽ làm biến mất tất cả tài sản của ngươi, đập nát đầu ngươi với chùy kim cương của Indra và chấm dứt mạng sống của ngươi.

Triệu phú Illisa hoảng hốt vì sợ bị chết, liền xin hứa:

– Bắt đầu từ nay con sẽ bố thí.

Đế-thích nhận lời hứa, ngồi trên hư không thuyết pháp, an trú ông trong giới hạnh và đi về trú xứ của mình. Còn Illisa, sau đó chuyên tâm làm các công đức như bố thí, v.v... và được sanh lên thiên giới.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Mahāmogallāna mới nhiếp phục vị triệu phú hà tiện mà thuở trước cũng đã nhiếp phục kẻ ấy rồi.

Sau khi bậc Đạo sư kể pháp thoại, Ngài kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, Illisa là triệu phú hà tiện, Thiên chủ Đế-thích là Mahāmogallāna, vua là Ānanda và người hót tóc là Ta vậy.

§79. CHUYỆN TIẾNG TRỐNG ÒN ÆO (*Kharassarajātaka*) (J. I. 354)

Ăn cướp, giết bò xong...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một vị đại thần. Nghe nói, một đại thần của vua nước Kosala được vua tin dùng, sau khi thuê cho vua ở một làng biên địa, đã đồng lõa với các tên cướp:

– Ta sẽ đưa các người dân làng vào rừng. Sau khi đánh cướp làng, các người hãy chia cho ta một nửa.

Nói vậy xong, vào tảng sáng, vị ấy tụ họp các người dân làng ấy lại, dẫn họ đi vào rừng. Rồi các tên cướp đến ngôi làng không được bảo vệ ấy, giết trâu bò ăn thịt, cướp bóc làng và bỏ đi. Đến chiều, vị ấy về làng với đám tùy tùng. Không bao lâu, việc làm của vị ấy bị bại lộ và được trình báo với vua. Vua cho gọi vị ấy đến, xác nhận tội của vị ấy, xử phạt vị ấy đúng theo luật nước, sau đó cử một người khác lên thay. Rồi vua đi đến Kỳ Viên báo cáo với Thế Tôn sự việc ấy. Thế Tôn nói:

– Thưa Đại vương, không phải chỉ nay đạo đức vị ấy mới vậy. Trước kia, vị ấy đã như vậy rồi.

Nói vậy xong, Thế Tôn kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, vua cử một ông quan làm trưởng một ngôi làng ở biên địa. (Sự việc xảy ra như câu chuyện trước). Khi ấy, Bồ-tát là một thương nhân đang đi qua lại tại vùng biên địa và sống trong ngôi làng ấy. Khi người thôn trưởng ấy trở về với một số tùy tùng đông đảo, vừa đi vừa đánh trống. Bồ-tát nói:

– Người thôn trưởng ác độc này đã đồng lõa với bọn cướp để cướp làng, đợi đến khi bọn cướp đã chạy trốn trong rừng, nó lại trở về làng, vừa đi vừa đánh trống.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ:

79. Ăn cướp, giết bò xong, Nó về với tiếng trống,	Nhà đốt, người bị bắt, Tiếng trống vang khó chịu.
---	--

Như vậy, Bồ-tát đọc bài kệ này chỉ trích người thôn trưởng. Không bao lâu, việc làm của kẻ ấy bị bại lộ. Và nhà vua phạt kẻ ấy theo luật nước.

Bậc Đạo sư nói:

– Thưa Đại vương, không phải chỉ nay đạo đức của kẻ ấy như vậy. Thuở trước, đạo đức của kẻ ấy cũng như vậy rồi.

Sau khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này, Ngài kết hợp các câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, vị đại thần là vị đại thần hiện nay và người Hiền trí đọc bài kệ là Ta vậy.

§80. CHUYỆN NGƯỜI THỌ DỆT BHĪMASENA

(Bhīmasenajātaka) (J. I. 355)

Trước người nói khoác lác...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo nói khoác lác. Tương truyền, có Tỷ-kheo thường tụ họp một số Tỷ-kheo lại và nói như sau:

– Nay các Hiền giả, không có một thiện sanh nào bằng thiện sanh chúng tôi. Không có một dòng họ nào bằng dòng họ chúng tôi. Tôi được sanh trong đại gia đình vương tộc như vậy. Không có ai sánh bằng chúng tôi theo dòng họ tổ tiên. Không làm sao kể cho cùng tận vàng, bạc, v.v... của chúng tôi. Các nô tỳ và người làm công của chúng tôi chỉ ăn cơm gạo thơm và thịt, chúng mặc áo bằng vải Kāsi, chúng bôi son phấn Kāsi. Riêng tôi, vì là người xuất gia nên phải ăn những món ăn hèn mạt như vậy, phải mặc những thứ vải thô xấu như vậy.

Kẻ ấy thường đại ngôn như vậy giữa các Tỷ-kheo trưởng lão, trung niên, tân học, khoác lác lừa dối mọi người về thọ sanh, v.v... Nhưng một Tỷ-kheo khác, sau khi điều tra gia cảnh của Tỷ-kheo ấy, nói cho các Tỷ-kheo về sự đại ngôn của kẻ ấy. Các Tỷ-kheo hội họp trong pháp đường nói về việc đại ngôn của Tỷ-kheo ấy như sau:

– Thừa các Hiền giả, Tỷ-kheo này, sau khi xuất gia trong giáo pháp đưa đến giải thoát, đã nói lời khoác lác và lừa dối.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông ngồi họp ở đây bàn về vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề nêu trên, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Tỷ-kheo ấy nói lời khoác lác mà thuở trước cũng đã nói lời khoác lác và lừa dối rồi.

Nói xong, bậc Đạo sư kể lại câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở phương Bắc tại một làng của thị trấn. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát học ba tập Vệ-đà và mười tám nghề với một giáo sư trú danh ở Takkasilā. Sau khi đạt được sự thuần thục trong tất cả học thuật, Bồ-tát được gọi là nhà Culladhanuggahapaṇḍita (Hiền trí Tiểu Xạ Thủ).

Rời bỏ Takkasilā, Bồ-tát đi đến nước Andha để tìm kinh nghiệm hành nghề trong tất cả mọi thời. Trong tiền thân này, Bồ-tát là một người lùn, nhỏ bé và hơi còm. Bồ-tát suy nghĩ: “Nếu ta đi đến một nhà vua nào, vua ấy sẽ nói: ‘Với một thân hình lùn như ngươi, chúng ta sẽ làm gì?’ Vậy ta hãy tìm một người đàn

ông đẹp trai, cao và to lớn làm cái gốc, núp sau lưng của nó, để nuôi sống ta.” Nghĩ rồi, Bò-tát đi tìm một người như vậy. Đi đến khu thợ dệt, thấy một người thợ dệt to lớn tên là Bhīmasena (lãnh tụ đạo quân khủng khiếp). Sau khi thân mật chào đón, Bò-tát hỏi kẻ ấy:

- Này bạn, bạn tên gì?
- Tôi tên là Bhīmasena.
- Sao anh đẹp trai, đầy đủ sanh y, lại làm nghề hèn hạ này?
- Vì không có nghề nào khác có thể kiếm sống.

– Này bạn, chớ làm nghề này nữa, không có người nào bắn cung giỏi như ta trong khắp xứ Diêm-phù-đề. Nếu bạn cùng ta đi đến nhà vua nào, khi vua ấy lắc đầu nói với ta: “Một người lùn như vậy, chúng tôi sẽ làm gì được?” thì bạn hãy nói: “Tôi biết bắn cung.” Nhà vua sẽ trả tiền lương cho bạn và luôn luôn dùng bạn trong nghề của bạn. Ta sẽ làm việc thế chỗ bạn và ta sẽ sống núp bóng sau lưng của bạn.

Người thợ dệt chấp thuận. Rồi Bò-tát đưa kẻ ấy đi Ba-la-nại, tự mình xử sự như người nhỏ bé hầu cung, đặt kẻ ấy đi trước và khi đến cửa hoàng cung, họ báo tin cho vua biết. Khi được mời đi yết kiến vua, cả hai đều vào đánh lễ vua và đứng thẳng. Vua hỏi:

- Lý do gì các ngươi đến đây?

Bhīmasena trả lời:

– Tôi là người bắn cung tài giỏi. Toàn cõi Diêm-phù-đề, không có người nào bắn cung như tôi.

- Để làm việc cho ta, ngươi lấy bao nhiêu?
- Thừa Thiên tử, nửa tháng tôi sẽ lấy một ngàn.
- Còn người này đi với ngươi là ai vậy?
- Thừa Thiên tử, đó là đứa bé hầu cung.
- Tốt lắm, hãy bắt đầu phục vụ ta!

Từ đó trở đi, Bhīmasena và Bò-tát phục vụ nhà vua, nhưng bao giờ mọi công việc khởi lên đều do Bò-tát làm cả. Lúc bấy giờ, trong nước Kāśi, tại một khu rừng, có một con cọp chặn đường nhiều người qua lại và bắt họ ăn thịt. Dân chúng báo cho vua biết tin ấy. Vua cho gọi Bhīmasena và nói:

- Này khanh, khanh có thể bắt cọp được không?
- Thừa Thiên tử, tôi được gọi là người bắn cung, sao tôi không thể bắt cọp được?

Vua trả tiền công cho kẻ ấy và tiễn kẻ ấy đi. Anh ta về nhà nói cho Bò-tát biết. Bò-tát nói:

- Tốt lắm, bạn hãy đi.
- Nhưng bạn không đi sao?

– Phải, tôi sẽ không đi. Nhưng tôi sẽ nói cho bạn một phương kế.

– Hãy nói lên bạn.

– Một mình bạn, bạn chớ đi gấp đến chỗ ở của cọp. Hãy tụ họp các thôn dân lại, đem theo một ngàn hay hai ngàn cây cung và đi đến đấy. Khi biết con cọp đã dậy, bạn liền đi trốn, chui vào một lùm cây, nằm sát xuống. Các thôn dân sẽ bắn con cọp cho đến chết. Khi con cọp đã chết, bạn sẽ lấy răng cắn đứt một dây leo, nắm lấy đầu dây leo ấy, bạn đi đến gần con cọp chết và nói: “Này các người, ai đã giết con cọp này? Ta định cột con cọp này với dây leo như một con bò và dắt nó về cho nhà vua. Vì cần có dây leo, ta đã đi vào lùm cây. Trước khi ta đem được dây leo về, ai đã giết con cọp? Hãy nói lên!” Các thôn dân sẽ hoảng hốt, run sợ và hối lộ bạn nhiều tiền để yêu cầu bạn đừng báo cho vua biết. Người ta sẽ tưởng con cọp do bạn giết được và bạn sẽ được nhà vua cho nhiều tiền.

Kẻ ấy chấp thuận, ra đi sắp đặt việc giết con cọp đúng theo phương thức Bò-tát dặn, làm cho khu rừng được yên ổn, rồi trở về Ba-la-nại với đại chúng vây quanh, đi đến gặp vua và thưa:

– Thưa Thiên tử, tôi đã giết được con cọp, đã làm cho khu rừng được yên ổn.

Nhà vua rất bằng lòng, cho kẻ ấy rất nhiều tiền.

Lại một hôm, người ta báo cho vua biết có một con trâu chặn đường phá hại. Ngay tức khắc, vua cho gọi Bhīmasena. Làm theo cách thức của Bò-tát, kẻ ấy giết được con trâu như đã giết con cọp và đi trở về. Vua lại cho kẻ ấy nhiều tiền. Anh ta trở thành có quyền hành lớn. Say mê quyền thế, anh ta khinh thường Bò-tát, không chấp thuận ý kiến của Bò-tát nữa. Anh ta nói:

– Ta sống đâu có cần người. Người tưởng người là kẻ nào vậy?

Anh ta nói nhiều lời ác độc thô lỗ như vậy. Sau một vài ngày, một vị vua thù địch đi đến, bao vây Ba-la-nại và đưa tới hậu thư cho vua: Hoặc là giao thành, hoặc là đánh. Vua sai Bhīmasena ra giao chiến.

Kẻ ấy mặc đồ lính trận, mang áo giáp đầy mình, ngồi trên lưng con voi cũng khéo mang áo giáp. Bò-tát sợ Bhīmasena bị giết, cũng nai nịt áo giáp đầy đủ ngồi nép mình sau lưng Bhīmasena. Con voi với đại chúng vây quanh, đi ra khỏi cửa thành, đến đầu bãi chiến trường. Bhīmasena nghe tiếng trống trận, bắt đầu run sợ. Bò-tát nói:

– Nay nếu bạn rơi từ trên lưng con voi xuống, bạn sẽ chết.

Bò-tát lấy một sợi dây cột Bhīmasena lại cho khỏi rơi từ lưng voi và nắm chặt lấy dây. Nhưng khi thấy bãi chiến trường, Bhīmasena quá run rẩy, sợ chết, đã đi đại tiện trên lưng voi. Bò-tát nói:

– Bhīmasena trước kia không phù hợp với Bhīmasena hiện tại. Trước người tự cho là chiến sĩ đánh trận, nay người chỉ có tài đại tiện trên lưng voi.

Nói xong, Bò-tát đọc bài kệ này:

IX. PHẠM CHÚNG CON ĐÃ UỐNG (*APĀYIMHAVAGGA*)

§81. CHUYỆN UỐNG RƯỢU (*Surāpānajataka*) (J. I. 360)

Chúng con đã uống rượu...

Câu chuyện này, khi bậc Đạo sư ở tại vườn Ghosita gần Kosambī, đã kể về Trưởng lão Sāgata.

Sau khi an cư mùa mưa ở Xá-vệ, đức Thế Tôn đi bộ đến một thị trấn tên là Bhaddavatikā. Tại đây, các người chăn bò, chăn dê, làm ruộng, người đi đường thấy bậc Đạo sư liền đánh lễ và ngăn chặn Ngài:

– Bạch Thế Tôn, chớ đi đến bến nước Amba (Cây Xoài). Tại bến nước Cây Xoài, trong am thất của những ngoại đạo bên tóc có con rắn thần (*nāga*) nguy hiểm tên Ambatitthaka (rắn thần ở bến Cây Xoài). Nó có thể làm hại Thế Tôn.

Thế Tôn làm như không nghe lời nói của họ, vẫn cứ đi tới, dù họ nói lời can ngăn lần thứ ba. Trong khi Thế Tôn trú ở một khu rừng không xa Bhaddavatikā, Trưởng lão Sāgata, một thị giả của Thế Tôn, có đầy đủ thần thông của hạng phạm phu, đi đến am thất ấy, tại trú xứ của xá vương, trải nệm cỏ và ngồi kiết-già.

Không thể giấu nổi ác tánh, con rắn thần phun khói, Trưởng lão cũng phun khói. Con rắn thần phun lửa, Trưởng lão cũng phun lửa. Lửa con rắn thần không làm hại Trưởng lão nhưng lửa của Trưởng lão lại làm hại con rắn thần. Như vậy, trong giây lát, Trưởng lão nhiếp phục con rắn thần, khiến nó thọ tam quy và ngũ giới, rồi đi đến bậc Đạo sư. Sau đó, bậc Đạo sư ở tại Bhaddavatikā cho đến khi thỏa thích rồi đi đến Kosambī.

Tin Trưởng lão Sāgata nhiếp phục con rắn thần lan khắp vùng ấy. Các thị dân ở Kosambī đến nghênh đón bậc Đạo sư, đánh lễ Ngài; sau đó, họ đi đến gần Trưởng lão Sāgata, đánh lễ Trưởng lão, đứng một bên và nói như sau:

– Thưa Tôn giả, hãy nói lên những vật gì Tôn giả cần, chúng con sẽ lo liệu đủ.

Trưởng lão giữ im lặng. Nhưng nhóm sáu Tỷ-kheo nói:

– Nay chư Hiền, đối với các người xuất gia, rượu trắng khó tìm và rất thích ý. Các ông xem có thể tìm được rượu trắng trong cho Trưởng lão không?

Các vị thị dân bằng lòng, mời bậc Đạo sư ngày mai thọ trai. Rồi họ đi vào thành, sắp đặt mọi người, mỗi nhà phải có rượu trắng trong để cúng dường Trưởng lão.

Hôm sau, họ mời Trưởng lão vào cúng dường rượu trắng. Trong mỗi nhà, Trưởng lão đều uống rượu và bị say. Khi đi ra khỏi thành, Trưởng lão ngã xuống tại cửa thành, vừa nằm vừa nói mê sảng. Bậc Đạo sư dùng cơm xong, đi ra khỏi thành, thấy Trưởng lão nằm trong hoàn cảnh như vậy, liền bảo các Tỷ-kheo mang Sāgata về tịnh xá. Các Tỷ-kheo đặt Trưởng lão nằm, đầu Trưởng lão dưới chân đức Như Lai, nhưng Trưởng lão xoay trở lại nằm đặt chân trước mặt đức Như Lai. Bậc Đạo sư hỏi các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, nay Sāgata có tỏ sự kính trọng đối với Ta như trước kia đã làm không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Nay các Tỷ-kheo, ai đã nhiếp phục con xà vương Ambatitthaka?

– Sāgata, bạch Thế Tôn.

– Nhưng nay Sāgata có thể nhiếp phục được một con rắn nước không?

– Thưa không được, bạch Thế Tôn.

– Nay các Tỷ-kheo, có thích hợp chăng khi uống một loại gì khiến con người mất lý trí?

– Thưa không thích hợp, bạch Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn chỉ trích Trưởng lão và bảo các Tỷ-kheo:

– Ai uống rượu men rượu nấu, người ấy phạm tội cần phải thú nhận và xin sám hối.

Sau khi thiết lập học giới, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào hương phòng. Các Tỷ-kheo hội họp tại pháp đường, nói lời chỉ trích uống rượu:

– Thật là một tội lỗi lớn nếu uống rượu, vì uống rượu làm cho một người có trí tuệ và thần thông như Sāgata mù quáng, không thấy công đức của đức Phật.

Bậc Đạo sư đến pháp đường và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông ngồi tại đây đang bàn vấn đề gì?

Sau khi được biết vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay các vị xuất gia này mới uống rượu và mất lý trí, trước kia họ cũng đã làm vậy rồi. Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình ở phương Bắc nước Kāsi. Khi đến tuổi trưởng thành, người xuất gia làm tiên nhân du sĩ, đạt được các thắng trí và thiền chứng, vui hưởng thiền lạc, trú ở dãy Tuyết sơn, được vây quanh giữa năm trăm môn sinh. Khi mùa mưa đến, các môn sinh thưa với Bồ-tát:

– Thưa Sư trưởng, chúng con sẽ đi đến chỗ có người ở để xin muối và giấm.

– Thừa Sư trưởng, vâng.

– Thừa Thiên tử, có năm trăm ả sĩ từ Tuyết sơn đến trú ở công viên, tu khắc khổ, nhiếp phục các căn và giữ giới.

– Chúng ta đã làm những hành động không xứng đáng với người xuất gia. Chúng ta sợ dĩ làm điều ác như vậy vì chúng ta sống không có bậc Sư trưởng và chúng ta.

– Này các con thân, các con có được an lạc không? Khi đi khát thực có mệt không? Các con có sống hòa hợp với nhau không?

Họ báo rõ mọi sự việc rồi đọc bài kệ này:

Bồ-tát nói:

Sau khi quả trách các vị tu khổ hạnh ấy, Bồ-tát khuyên giáo họ:

Rồi trọn đời tu tập thiền định không gián đoạn, Bồ-tát được sanh lên cõi Phạm thiên.

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân [bắt đầu từ đây, sẽ không nói đến “sau khi kết hợp”] như sau:

– Lúc bấy giờ, hội chúng của vị ẩn sĩ là hội chúng của Như Lai, vị Sư trưởng hội chúng là Ta vậy.

§82. CHUYỆN CHÀNG TRAI MITTAVINDA (*Mittavindajātaka*)⁹² (J. I. 363)

Thế là vượt qua rồi...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo khó bảo. Câu chuyện tiền thân này xảy ra trong thời kỳ đức Phật Ca-diếp, sẽ được nói đến trong chương X, *Chuyện bốn cổng thành*.⁹³

Rồi Bồ-tát nói lên bài kệ này:

82.	Thế là vượt qua rồi, Bằng bạc, bằng châu báu, Chiếc mũ bằng đá cứng,	Lâu đài bằng thủy tinh, Khi người đã đội vào, Trọn đời người không thoát.
-----	--	---

Sau khi đọc bài kệ này, Bồ-tát đi lên trú xứ thiên giới của mình. Còn Mittavindaka, khi đã đội chiếc mũ ấy, phải chịu đựng đau khổ lớn và khi các ác hành đã đoạn tận, mạng chung và đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Mittavinda là Tỷ-kheo khó bảo và vua chư thiên là Ta vậy.

§83. CHUYỆN KĀḶAKAṆṆĪ (*Kāḷakaṇṇijātaka*) (J. I. 364)

Bạn quen chính là người...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một người bạn của ông Cấp Cô Độc. Tương truyền, người bạn ấy đã cùng ông Cấp Cô Độc chơi thân với nhau, đã đi học nghề cùng một thầy, người bạn ấy tên là Kāḷakaṇṇī (Bất Hạnh). Thời gian qua, kẻ ấy trở thành nghèo đói, không thể sống được nên đã đi đến vị triệu phú. Vị triệu phú khích lệ kẻ ấy, trả lương, giao kẻ ấy quản lý gia sản của mình. Kẻ ấy trở thành người làm công cho vị triệu phú và làm tất cả công việc. Trong thời gian đi đến với vị triệu phú, kẻ ấy thường nghe những câu:

– Hãy đứng lại, này Kāḷakaṇṇī! Hãy ngồi xuống, này Kāḷakaṇṇī! Hãy ăn đi, này Kāḷakaṇṇī!

Một hôm, các bạn thân của vị triệu phú đi đến thăm nhà vị ấy và nói như sau:

⁹² Bản Tích Lan viết *Mittavindajātaka*. Bản CST viết *Mittavindakajātaka*.

⁹³ Xem J. IV. 1, *Catuvārajātaka* (*Chuyện bốn cổng thành*), số §439; Divy. 603.

– Này vị đại triệu phú, chớ để người này sống gần ông. Nghe những lời xui xẻo như: “Hãy đứng lại, này Kālakaṇṇī; hãy ngồi xuống, Kālakaṇṇī; hãy ăn đi, này Kālakaṇṇī” thì quý dạ-xoa cũng chạy trốn. Nó đâu có được ngang bằng với ông. Nó nghèo đói, một kẻ bần cùng. Sao ông có liên hệ với nó?

Ông Cấp Cô Độc nói:

– Không phải vậy! Cái tên chỉ để gọi một người. Bạc Hiên trí không đánh giá người bằng cái tên. Chớ nên xem là điềm lành, điềm xấu khi nghe tiếng gọi. Tôi không thể từ bỏ một người bạn đã cùng chơi thân với nhau chỉ vì một cái tên.

Vị triệu phú không chấp nhận lời khuyên của họ. Một hôm, vị triệu phú đi đến làng mà vị ấy làm thôn trưởng và để người bạn ấy giữ nhà. Bọn cướp biết vị triệu phú đã đi về làng, dự định đến cướp phá nhà triệu phú. Với nhiều loại vũ khí cầm tay, ban đêm, chúng vây quanh nhà.

Nhưng Kālakaṇṇī đã nghỉ, thế nào bọn cướp cũng đến nên không ngủ, ngồi chờ chúng. Khi biết bọn cướp đã đến, kẻ ấy đánh thức mọi người dậy, bảo người này thổi tù và, người kia đánh trống, khiến cho toàn gian nhà đầy cả tiếng động như là một hội chợ lớn. Những tên cướp nói:

– Chúng tôi nghe lầm là nhà không có người, sao vị đại triệu phú có mặt ở đây?

Chúng bỏ chạy và quăng tại chỗ các hòn đá và vô số dụng cụ khác. Ngày hôm sau, người trong nhà thấy những cục đá quăng bỏ chỗ này chỗ kia, họ hoảng hốt lo sợ và tán thán người bạn ấy:

– Nếu hôm nay không có một người tuần phòng ngôi nhà sáng suốt như vậy thì bọn cướp đã bước vào nhà tùy theo sở thích và đã cướp lấy cả nhà rồi. Nhờ người bạn kiên trì này, vị triệu phú được lợi ích và hạnh phúc.

Khi người triệu phú trở về, họ báo cáo tất cả tin này cho ông biết, ông nói:

– Các người muốn ta tản xuất một người bạn đã giữ nhà cửa của ta như vậy đó. Nếu ta nghe theo lời các người tản xuất người này thì nay gia sản của ta không còn gì nữa. Chính cái tên không có giá trị gì, cái tâm tốt mới có giá trị.

Nói vậy xong, người triệu phú tăng lương cho người bạn. Nghĩ rằng đây là một câu chuyện đáng kể, ông đi đến bậc Đạo sư và tường thuật đầy đủ từ đầu câu chuyện ấy. Bậc Đạo sư nói:

– Này gia chủ, không phải chỉ nay Kālakaṇṇī mới bảo vệ gia sản của bạn mình, lúc trước kẻ ấy cũng làm như vậy.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của vị triệu phú, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadata trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một vị triệu phú có danh tiếng lớn. Bạn của Bồ-tát tên là Kālakaṇṇī. (Tất cả đều giống như câu

chuyện hiện tại). Khi từ làng mình làm thôn trưởng trở về, Bồ-tát nghe câu chuyện ấy liền nói:

– Nếu ta nghe lời nói các người, tản xuất người bạn như vậy, thì nay ta không còn gia sản gì hết.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ:

83.	Bạn quen chính là người, Bạn thân mới là người, Thời gian tháng, nửa tháng, Thời gian có dài hơn, Sao ta lại có thể, Đuổi Kāḷakaṇṇī,	Đi bảy bước giúp đỡ, Đi đến mười hai bước, Mới thật là bà con, Mới thật là bằng ta. Vì an lạc của ta, Người ta biết đã lâu?
-----	---	--

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Kāḷakaṇṇī là Ānanda và vị triệu phú ở Ba-la-nại là Ta vậy.

§84. CHUYỆN CỬA NGÕ HẠNH PHÚC (*Atthassadvārajātaka*) (J. I. 366)

Hãy tìm cầu không bệnh...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một người con trai tài giỏi về vấn đề hạnh phúc tinh thần. Tại Xá-vệ, có một triệu phú giàu có, sanh một người con trai. Khi lên bảy tuổi, cậu con trai có trí tuệ và chăm lo hạnh phúc tinh thần.

Một hôm, cậu con trai đến hỏi cha về cửa ngõ đưa đến hạnh phúc tinh thần. Người cha không biết, nhưng vẫn suy nghĩ: “Đây là một câu hỏi rất tế nhị. Ngoài đức Phật Toàn Tri, không một ai trên trời dưới đất có thể trả lời câu hỏi này.” Rồi người cha dắt con trai, mang theo nhiều vòng hoa, hương liệu, dầu thơm đi đến Kỳ Viên. Ông cúng dường bậc Đạo sư, đánh lễ Ngài, rồi ngồi xuống một bên và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, đứa trẻ này có trí tuệ, thiện xảo về hạnh phúc tinh thần, hỏi con một câu hỏi về cửa ngõ đưa đến hạnh phúc tinh thần. Con không trả lời được câu hỏi ấy, nên con đến yết kiến Ngài. Lành thay, nếu Thế Tôn trả lời câu hỏi ấy!

Bậc Đạo sư nói:

– Nay cư sĩ, thuở trước Ta đã được đứa trẻ này hỏi câu ấy và Ta đã trả lời cho nó. Lúc bấy giờ, nó đã biết câu trả lời. Nhưng nay, nó không có nhớ được vì đã đi qua nhiều đời kiếp.

Nói vậy xong, theo thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một triệu phú có

rất nhiều tiền của. Con của Bô-tát mới có bảy tuổi đã có trí tuệ và thiện xảo về hạnh phúc tinh thần. Một hôm, nó đi đến hỏi cha nó về cửa ngõ đưa đến hạnh phúc tinh thần:

– Thừa cha thân, thế nào là cửa ngõ đưa đến hạnh phúc tinh thần?

Người cha trả lời nó với bài kệ này:

84. Hãy tìm cầu không bệnh, Là lợi đặc tối thượng,
 Giữ giới, kính trọng thượng, Biết nghe học kinh điển.
 Hãy tùy thuận Chánh pháp, Thoát ly các chấp thủ,
 Chính sáu cửa ngõ này, Đưa đến chân hạnh phúc.

Như vậy, Bô-tát trả lời câu hỏi về cửa ngõ đưa đến hạnh phúc tinh thần. Từ đây trở đi, đưa trẻ sống đúng theo sáu pháp ấy. Còn Bô-tát trọn đời làm các công đức như bố thí... và đi theo nghiệp của mình khi mạng chung.

Bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Đứa con trai thời ấy là đứa con trai hiện tại và vị đại triệu phú là Ta vậy.

§85. CHUYỆN TRÁI CÂY KIMPAKKA (*Kimpakkajātaka*)⁹⁴ (J. I. 367)

Không biết hại tương lai...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo có tâm luyến ái. Tương truyền, có một thiện nam tử đặt lòng tin vào giáo pháp Phật và xuất gia. Một hôm, trong khi đi khát thực ở Xá-vệ, thấy một thiếu nữ trang sức đẹp đẽ, Tỷ-kheo ấy khởi tâm luyến ái. Vị Sư trưởng và Giáo thọ sư đưa Tỷ-kheo ấy đến gặp bậc Đạo sư. Bậc Đạo sư hỏi:

– Này Tỷ-kheo, có thật chăng ông bị luyến ái?

Khi được đáp có thật vậy, bậc Đạo sư nói:

– Này Tỷ-kheo, năm dục này khi được thọ dụng, thật là khả ái, nhưng thọ dụng nhiều, tạo thành nghiệp và sẽ sanh vào địa ngục, v.v... Cũng như ăn trái cây kimpakka (cây có trái độc), trái cây kimpakka có sắc, có hương, có vị, nhưng khi ăn, nó phá vỡ nội tạng đưa đến mạng chung. Thuở trước, nhiều người không thấy sự tác hại của nó, đã tham đắm sắc, hương, vị, đã ăn trái ấy và đi đến mạng chung.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bô-tát là người lãnh đạo một đoàn lũ hành, đang đi với năm trăm cỗ xe từ Đông sang Tây. Bô-tát đến đầu của khu rừng, họp các người tùy tùng lại và khuyên như sau:

⁹⁴ Bản Tích Lan, CST viết *Kimpakkajātaka*. Bản Thái Lan viết *Kimpakkajātaka*.

– Tại khu rừng này có những cây độc, các bạn chớ ăn trái cây trước đây chưa từng ăn mà không hỏi ta.

Khi họ đã vượt qua khu rừng, đến biên địa của rừng bên kia, họ thấy một cây kimpakka với cành cây cong xuống vì mang nặng trái. Về hình dáng, màu sắc, vị và hương, thân cây, cành cây, lá và trái cây ấy giống như cây xoài. Một số người lầm về màu sắc, hương vị của những trái cây ấy, tưởng chúng là những trái xoài nên đã ăn những trái ấy. Một số người đứng lại, hái và đứng chờ, chỉ quyết định ăn sau khi hỏi vị lãnh đạo đoàn lữ hành.

Bồ-tát đến chỗ ấy, bảo quăng các trái cây đã hái. Những ai đã ăn, Bồ-tát làm cho họ nôn ra và cho uống thuốc. Một số người trong họ khỏi bệnh, nhưng những ai đã ăn trước tiên đều mạng chung.

Sau đó, Bồ-tát đã đi đến chỗ mình muốn, thâm hoạch lợi tức, rồi đi về trú xứ của mình. Trọn đời Bồ-tát làm các công đức như bố thí rồi đi theo nghiệp của mình khi mạng chung.

Kể xong câu chuyện, bậc Đạo sư nói lên bài kệ này:

85. Không biết hại tương lai, Ai thọ dụng các dục,
Quả chín, chúng khổ não, Như ăn kimpakka.

Sau khi nêu rõ ràng các dục, khi thọ dụng đem lại thích thú và khi chín muồi đem lại khổ não, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo có tâm luyện ái chứng được quả Dự lưu, một số chứng quả Nhất lai, một số chứng quả Bất lai, một số chứng quả A-la-hán.

Pháp thoại kết thúc, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Hội chúng thời ấy là hội chúng của Như Lai và vị lãnh đạo đoàn lữ hành là Ta vậy.

§86. CHUYỆN THỬ THÁCH GIỚI ĐỨC (*Sīlavīmaṃsanajātaka*)⁹⁵ (J. I. 368)

Giới được xem chỉ thiện...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Bà-la-môn thử thách giới đức. Vị này sống dựa vào vua nước Kosala, thọ ba quy, giữ năm giới không sai phạm và thông suốt ba tập Vệ-đà. Vua nghĩ rằng, đây là một người có giới đức và đối xử rất kính trọng. Vị Bà-la-môn ấy suy nghĩ: “Vua kính trọng ta hơn các vị Bà-la-môn khác và đặt ta vào địa vị Đạo sư tối thượng. Nhưng vua kính trọng ta là do thiện sanh, dòng họ, gia đình, quốc độ, nghề nghiệp thành đạt của ta hay là do giới đức của ta? Ta hãy đem ra thử thách.”

Một hôm, sau khi đi hầu vua, vị ấy trở về nhà và không hỏi ai, đã lấy một đồng tiền vàng tại quầy của người giữ tiền. Người giữ tiền vì kính trọng vị

⁹⁵ Bản Tích Lan viết *Sīlavīmaṃsajātaka*. Bản CST viết *Sīlavīmaṃsakajātaka*. Bản Thái Lan viết *Sīlavīmaṃsanajātaka*.

Bà-la-môn, ngồi yên không nói gì. Ngày kế tiếp, người ấy lấy hai đồng tiền vàng. Người giữ tiền vẫn chịu đựng như trước. Ngày thứ ba, người ấy lấy một nắm đồng tiền vàng. Người giữ tiền nói:

– Hôm nay là ngày thứ ba, ông đánh cắp tài sản của vua.

Rồi anh ta la lên ba lần:

– Ta đã bắt được tên ăn trộm tài sản của vua!

Người ta chạy từ nhiều phía đến và nói:

– Từ trước cho đến nay, ông giả bộ có đức hạnh!

Họ đánh người ấy hai ba đấm, trói lại và dắt đến trước vua. Lòng đầy buồn phiền, vua nói:

– Này Bà-la-môn, sao ông lại làm ác giới, ác hạnh như vậy? Hãy đem người này đi và xử tội theo lệnh ta!

Vị Bà-la-môn nói:

– Thưa Đại vương, tôi không phải là người ăn trộm.

– Vậy sao ông lấy đồng tiền vàng ở quầy của người giữ gia sản của ta?

– Vì ngài đối xử với tôi rất mực cung kính nên tôi làm như vậy để thử xem ngài hết sức kính trọng tôi vì thiện sanh... của tôi hay là vì giới đức. Nay tôi được biết một cách chắc chắn rằng, vì giới đức mà ngài đối xử với tôi rất kính trọng, chớ không phải do thiện sanh... Do đó, tôi kết luận: Trong đời này, giới là tối thượng, giới là đệ nhất. Tôi cũng biết rằng, tôi không thể nào thành tựu giới này một cách tốt đẹp khi tôi còn sống trong nhà, thọ hưởng các dục lạc ục uế nhiễm. Hôm nay, tôi sẽ đi đến Kỳ Viên và sẽ xin xuất gia với bậc Đạo sư. Xin Đại vương cho phép tôi xuất gia.

Sau khi được vua chấp thuận, vị ấy đi đến Kỳ Viên. Các bạn bè thân quyến hội họp lại, không thể ngăn chặn vị ấy được nên trở về. Vị ấy đi đến bậc Đạo sư, xin phép xuất gia. Sau khi được xuất gia và thọ Đại giới, với sự tu hành không ngừng nghỉ, tăng trưởng thiện quán, vị ấy chứng quả A-la-hán, rồi đi đến bậc Đạo sư và nói lên chánh trí của mình:

– Bạch Thế Tôn, con xuất gia đã được quả tối thượng này.

Lời tuyên bố về chánh trí của vị ấy được chúng Tỷ-kheo biết đến. Một hôm, tại pháp đường, các Tỷ-kheo ngồi họp, tán thán công đức của vị ấy như sau:

– Thưa các Hiền giả, vị Bà-la-môn này hầu cận của vua, muốn thử thách giới đức của mình, rồi từ giã nhà vua đi xuất gia, cuối cùng chứng quả A-la-hán.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, nay các ông đang ngồi bàn luận câu chuyện gì?

Khi được nghe câu chuyện ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay người Bà-la-môn này, sau khi thử thách giới đức của mình, đã xuất gia và đã đạt được những giải thoát cho mình.

Thuở xưa, các bậc Hiền trí sau khi thách thức giới đức của mình, cũng đã xuất gia và đạt được giải thoát cho mình.

Nói xong, bậc Đạo sư nói câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm một người Bà-la-môn chuyên lo tế tự, thiên về bổ thí, hướng đến giới đức, giữ năm giới rất tinh tấn. Vua đối xử với Bà-la-môn ấy rất đặc biệt, kính trọng hơn các Bà-la-môn khác. (Tất cả giống như câu chuyện trước). Sau khi bị trói và dắt đến nhà vua, giữa đường Bồ-tát gặp một số người dụ rắn đang trình diễn các trò chơi rắn. Họ nắm rắn ở đuôi, ở cổ và cuốn rắn quanh cổ họng. Thấy vậy, Bồ-tát nói:

– Này các bạn thân, chớ nắm rắn này ở đuôi, chớ nắm rắn này ở cổ, chớ cuốn rắn này quanh cổ họng, rắn này sẽ cắn các bạn và khiến các bạn mạng chung.

Các người dụ rắn nói:

– Này Bà-la-môn, con rắn hổ giữ giới, theo chánh hạnh, không có ác giới như ông. Vì ác giới và không chánh hạnh, ông thành kẻ trộm cướp, phá gia sản nhà vua, nay đã bị bắt và bị dẫn đi.

Bồ-tát suy nghĩ: “Ngay các con rắn, khi chúng không cắn, không làm hại cũng được gọi là có giới đức. Còn nói gì là loài người? Giới trong đời này là tối thượng, không có gì cao hơn giới nữa.” Rồi họ đưa Bồ-tát đến trước mặt nhà vua. Vua hỏi:

– Người này là ai vậy?

– Đây là kẻ ăn trộm đã cướp phá gia sản của vua.

– Vậy hãy xử tội nó theo lệnh của vua.

Bồ-tát thưa:

– Thưa Đại vương, tôi không phải là người ăn trộm.

– Vậy sao ngươi lại lấy những đồng tiền vàng?

Tất cả được báo cáo giống cách thức ở trên. Bồ-tát nói:

– Do lý do này, tôi đi đến kết luận rằng: Trong đời này, giới là tối thượng, giới là đệ nhất. Con rắn hổ do không cắn, không làm hại cũng được gọi là có giới đức. Giới là tối thượng, giới là tuyệt diệu.

Tán thán giới như vậy, Bồ-tát nói lên bài kệ:

86.	Giới được xem chí thiện, Hãy xem con rắn độc,	Giới vô thượng ở đời, Có giới không làm hại.
-----	--	---

Như vậy, Bồ-tát với bài kệ này, thuyết pháp cho vua rồi đoạn trừ các dục, xuất gia làm vị tiên nhân du sĩ, đi vào Tuyết sơn, chứng được năm thắng trí và tám thiền chứng, về sau được sanh lên cõi Phạm thiên.

Sau khi kể lại pháp thoại, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, hội chúng của vua là hội chúng của Như Lai và vị Bà-la-môn tế tự là Ta vậy.

§87. CHUYỆN ĐIỀM LÀNH (*Mamgalajātaka*) (J. I. 371)

Ai thoát điềm lành dữ...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư đã kể về một vị Bà-la-môn giỏi đoán tướng các loại vải. Truyền thuyết nói rằng, ở Vương Xá có một vị Bà-la-môn hết sức mê tín, không tin Ba ngôi báu, theo tà kiến nhưng rất giàu có, tài sản lớn.

Một hôm, sau khi tắm xong, người Bà-la-môn bảo đem cặp áo lại và được báo cho biết là áo bị con chuột cắn. Người ấy suy nghĩ: “Nếu cặp áo bị chuột cắn, trong nhà này sẽ có đại nạn xảy ra. Đây là một điềm xấu, giống như một lời nguyền rủa. Khi áo bị chuột cắn thì không thể cho con trai, con gái, nô tỳ hay các người làm công... Ai lấy cặp áo này, đại nạn sẽ đến với tất cả những người xung quanh. Ta hãy quăng nó vào nghĩa địa, chỗ quăng xác chết (không thiêu, không chôn). Nhưng ta không thể giao cho những người nô tỳ làm việc này được. Chúng có thể khởi lòng tham, lấy cặp áo và gặp nạn. Vậy ta hãy trao tận tay cho con trai ta đi vứt áo.”

Người Bà-la-môn gọi con trai và nói rõ sự việc ấy:

– Này con thân, chớ lấy tay xúc chạm cặp áo này. Hãy lấy gậy mang cặp áo quăng nó vào nghĩa địa, rồi tắm cả đầu cho thật sạch và trở về!

Sáng sớm ngày hôm ấy, bậc Đạo sư quán sát xem ai có thể được Ngài hóa độ, thấy cha con ấy có căn duyên đạt quả Dự lưu. Như người thợ săn thú, Ngài đi theo con đường thú đi và ngồi trước cửa nghĩa địa ấy, phóng ra hào quang sáu sắc của đức Phật. Thanh niên Bà-la-môn vâng theo lời cha, mang cặp áo ấy trên đầu một cây gậy như mang con rắn nhà và đi đến cửa nghĩa địa. Bậc Đạo sư nói:

– Này thanh niên Bà-la-môn, ngươi làm gì vậy?

– Thưa Tôn giả Gotama, cặp áo này bị con chuột cắn, được xem như là lời nguyền rủa, được ví như nọc độc con rắn. Cha con sợ rằng, nếu giao người khác quăng cặp áo ấy, lòng tham có thể khởi lên và lấy cặp áo, nên sai con làm việc này. Con cầm lấy cặp áo, hứa rằng con sẽ quăng và sẽ tắm cả đầu. Con đến đây vì việc ấy, thưa Tôn giả Gotama.

– Vậy ngươi hãy quăng đi!

Thanh niên Bà-la-môn liền quăng cặp áo ấy. Bậc Đạo sư nói:

– Cặp áo này thích hợp với Ta.

Rồi bậc Đạo sư đến lượm cặp áo ngay trước mặt chàng thanh niên. Nhưng chàng thanh niên ngăn chặn bậc Đạo sư:

– Tôn giả Gotama chớ lấy, chớ lấy cặp áo giống như lời nguyền rủa này!

Bậc Đạo sư vẫn cứ lấy cặp áo có điem xấu ấy và đi về hướng Trúc Lâm. Chàng thanh niên ấy vội vàng đi thật mau về nhà thưa với cha:

– Thưa cha thân, cặp áo con quăng ở nghĩa địa, dầu con đã ngăn cản nhưng Sa-môn Gotama vẫn cứ lấy cặp áo vì cho là chúng thích hợp với Ngài và đã đi đến Trúc Lâm.

Vị Bà-la-môn suy nghĩ: “Cặp áo ấy là điem xấu, giống như lời nguyên rửa. Nếu dùng nó, Sa-môn Gotama sẽ bị tai hại. Do vậy, chúng ta sẽ bị chỉ trích. Ta sẽ đem cho Sa-môn Gotama nhiều áo khác và bảo Ngài quăng cặp áo ấy đi.”

Vị Bà-la-môn cho đem theo nhiều áo, cùng với con trai đi đến Trúc Lâm. Thấy bậc Đạo sư, vị ấy đến đứng một bên và thưa:

– Thưa Tôn giả Gotama, có thật chăng Tôn giả đã lấy cặp áo bị vứt ở nghĩa địa?

– Thật vậy, này Bà-la-môn.

– Thưa Tôn giả Gotama, cặp áo ấy sẽ đem lại điem xấu. Nếu Tôn giả sử dụng nó, Ngài sẽ bị tai hại và cả tinh xá cũng bị tai hại. Nếu Tôn giả không có áo mặc hay áo đắp, hãy lấy những áo này và vứt cặp áo kia đi!

Bậc Đạo sư nói với người Bà-la-môn:

– Này Bà-la-môn, chúng tôi là người xuất gia. Đối với chúng tôi, các mảnh vải bị vứt tại các chỗ như nghĩa địa, giữa đường, trong đồng rác, chỗ tắm rửa, vẫn còn có thể dùng được. Nhưng ông đã mê tín điem lành dữ ngày nay cũng như thuở trước.

Và theo lời thỉnh cầu của vị ấy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, tại nước Ma-kiệt-đà, ở thành Vương Xá có vua xứ Ma-kiệt-đà trị nước đúng pháp. Lúc bấy giờ, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn phương Bắc. Đến tuổi trưởng thành, ngài xuất gia làm vị tiên nhân du sĩ, chứng được các thắng trí và thiền chứng, rồi đến sống ở Tuyết sơn.

Một thời, Bồ-tát rời khỏi Tuyết sơn, đi đến công viên của vua ở Vương Xá, trú tại đây, đến ngày hôm sau ngài đi vào thành để khát thực. Nhà vua thấy Bồ-tát, bảo gọi vào, mời ngồi trong cung điện, cúng dường đồ ăn và mời ở lại tại công viên. Bồ-tát ăn tại cung điện nhà vua và ở tại công viên.

Lúc bấy giờ, trong thành Vương Xá có người Bà-la-môn làm nghề đoán tướng vải mặc. Thấy cặp áo để trong rương bị chuột cắn, ông ta sợ điem lành sẽ xảy ra, nên liền sai con trai đem vứt vào nghĩa địa. Khi chàng thanh niên đi đến nghĩa địa, Bồ-tát đã đi đến trước, ngồi tại cửa nghĩa địa, nhặt lấy cặp áo và đi về công viên. Chàng thanh niên về báo tin cho người cha biết. Người cha suy nghĩ: “Vị tu khổ hạnh thân cận với vua sẽ bị tai nạn”, ông liền đi đến gặp Bồ-tát và thưa:

– Thưa vị khổ hạnh, hãy quăng cặp áo mà ngài đã lượm được, nếu không ngài sẽ gặp tai nạn!

Bồ-tát nói:

– Đối với chúng tôi, các tấm vải quăng ở nghĩa địa vẫn còn dùng được. Chúng tôi không mê tín về điềm lành dữ. Mê tín điềm lành dữ này không được các đức Phật, Độc Giác Phật và Bồ-tát tán thán. Do vậy, bậc Hiền trí không mê tín điềm lành dữ.

Khi Bồ-tát thuyết pháp cho vị Bà-la-môn như vậy, vị ấy từ bỏ quan niệm sai lầm của mình và quy y với Bồ-tát. Còn Bồ-tát giữ thiền quán không gián đoạn, về sau được sanh lên cõi trời Phạm thiên.

Sau khi kể câu chuyện quá khứ cho vị Bà-la-môn, bậc Đạo sư nói lên bài kệ này:

87.	Ai thoát điềm lành dữ, Vị ấy vượt qua được, Hai ách được nhiếp phục,	Thoát mộng và các tướng, Lỗi lầm do mê tín, Không còn phải tái sanh.
-----	--	--

Như vậy, bậc Đạo sư thuyết pháp cho vị Bà-la-môn với bài kệ này, rồi giảng về các sự thật. Cuối bài thuyết giảng, vị Bà-la-môn cùng với người con trai chứng quả Dự lưu. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Người cha và con trai hiện nay là cha và con trai trong thời quá khứ, còn vị tu khổ hạnh chính là Ta vậy.

§88. CHUYỆN CON BÒ SĀRAMBHA (*Sārambhajātaka*) (J. I. 374)

Hãy nói lời tốt lành...

Câu chuyện này, khi ở tại Xá-vệ, bậc Đạo sư đã kể về học giới liên hệ đến lời mắng chửi. Hai câu chuyện hiện tại và quá khứ giống như câu chuyện trong *Chuyện con bò Nandivīsāla*,⁹⁶ đã nói ở trên. Nhưng trong tiền thân này, Bồ-tát là một con bò đực tên Sārambha, của một Bà-la-môn trú ở Takkaṣilā trong nước Gandhāra.

Nói câu chuyện quá khứ xong, bậc Đạo sư là bậc Chánh Đẳng Giác, đọc bài kệ này:

88.	Hãy nói lời tốt lành, Lành thay lời tốt lành,	Chớ nói lời độc ác, Lời ác sanh ưu não.
-----	--	--

Như vậy, sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị Bà-la-môn là Ānanda, nữ Bà-la-môn là Uppalavaṇṇā, còn Sārambha là Ta vậy.

⁹⁶ Xem J. I. 191, *Nandivīsāljātaka* (*Chuyện con bò Nandivīsāla*), số §28.

§89. CHUYỆN KẺ LỪA ĐẢO (*Kuhakajātaka*) (J. I. 375)

Nghe lời của người nói...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một kẻ lừa đảo. Các chi tiết của câu chuyện sẽ được kể trong *Chuyện nam tử Uddālaka*.⁹⁷

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại. Gần một ngôi làng nhỏ, có một người tu khổ hạnh lừa đảo thuộc ngoại đạo bện tóc. Một người điền chủ làm cho người ấy cái chòi lá trong rừng để ở và nuôi sống kẻ ấy trong chòi với đồ ăn ngon lành. Người điền chủ tin người ngoại đạo bện tóc lừa đảo ấy là người có giới đức. Vì sợ ăn trộm, một hôm, người điền chủ đem đến chòi lá của người ngoại đạo ấy năm trăm đồng tiền vàng, chôn dưới đất và yêu cầu người ấy coi ngó giùm. Vị tu khổ hạnh nói:

– Thưa Hiền giả, đối với những người xuất gia, không nên nói lời như vậy. Chúng tôi không có lòng tham với gia sản của người khác.

– Lành thay, Tôn giả!

Người điền chủ tin lời của kẻ ấy và ra đi. Kẻ ác khổ hạnh suy nghĩ: “Chùng ấy tiền đủ sống trọn đời người.” Sau một vài ngày, kẻ ấy lấy số tiền, chôn tại một chỗ bên vệ đường, rồi trở về sống tại chòi lá. Ngày kẻ tiếp, kẻ ấy đi đến nhà người điền chủ, sau khi ăn cơm xong, liền nói:

– Thưa Hiền giả, nhờ ngài, tôi đã sống ở đây một thời gian dài. Sống tại một chỗ quá lâu cũng như người sống chung đụng với loài người. Sống chung đụng là một cấu uế đối với những người xuất gia. Do vậy, tôi sẽ ra đi.

Nói vậy xong, dầu được yêu cầu nhiều lần, kẻ ấy cũng không muốn trở lại. Người điền chủ nói:

– Sự việc là như vậy, thưa Tôn giả, Tôn giả hãy đi!

Người điền chủ tiễn kẻ ấy ra tận cửa làng rồi mới trở về. Người tu khổ hạnh đi một lát, rồi suy nghĩ: “Ta nên lừa dối người điền chủ này.” Nghĩ vậy, kẻ ấy cầm một ngọn cỏ giữa búi tóc và đi trở về. Người điền chủ hỏi:

– Sao Tôn giả trở về?

– Thưa Hiền giả, một ngọn cỏ từ mái nhà của Hiền giả đã mắc vào bện tóc của tôi. Người xuất gia không được lấy vật không cho. Vậy tôi trở về đem trả ngọn cỏ ấy.

Người điền chủ nói:

– Tôn giả hãy vứt ngọn cỏ rồi đi!

Và nghĩ: “Vị này không lấy gia sản của người khác dù chỉ một ngọn cỏ. Ôi, Tôn giả này thật tể nhị đối với ta!” Người điền chủ sanh tịnh tín, đánh lễ kẻ ấy, rồi từ biệt.

⁹⁷ Xem J. IV. 292, *Uddālakajātaka* (*Chuyện nam tử Uddālaka*), số §487.

Lúc bấy giờ, vì mục đích buôn bán, Bồ-tát đi đến biên địa và ở tại trú xứ ấy. Nghe lời người tu khổ hạnh nói, Bồ-tát suy nghĩ: “Chắc hẳn kẻ ác khổ hạnh này có lấy tiền bạc gì của người điền chủ này.” Bồ-tát hỏi người điền chủ:

- Này bạn, bạn có giao cái gì cho người tu khổ hạnh này giữ không?
- Thưa bạn, tôi có giao cho vị ấy giữ năm trăm đồng tiền vàng.
- Vậy hãy tìm kiếm số tiền ấy.

Người điền chủ đi đến chòi lá, tìm không thấy số tiền, liền trở về rất nhanh, báo cho Bồ-tát là tiền không còn nữa.

Bồ-tát nói:

– Không có ai khác lấy tiền vàng của bạn ngoài tên khổ hạnh bện tóc lừa đảo. Chúng ta hãy đuổi theo bắt lấy nó!

Họ chạy đuổi theo, bắt được tên tu khổ hạnh lừa đảo, đánh nó và bảo nó đem trả tiền vàng. Thấy số tiền vàng đã được trả lại, Bồ-tát khinh bỉ nói với tên tu khổ hạnh:

– Người thật không dính một ngọn cỏ mà lại dính đến năm trăm đồng tiền vàng!

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ này:

89.	Nghe lời của người nói,	Lời nhẹ nhàng êm dịu,
	Không dính đến ngọn cỏ,	Mà dính năm trăm vàng.

Rồi Bồ-tát nói thêm:

– Này kẻ bện tóc gian dối kia, chớ làm như vậy nữa!

Khuyến giáo và khiển trách kẻ ấy xong, Bồ-tát sống làm các công đức đến lúc mạng chung, Bồ-tát đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Tỷ-kheo này mới lừa đảo mà trong quá khứ cũng đã lừa đảo rồi.

Rồi bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc ấy, người tu khổ hạnh lừa đảo là Tỷ-kheo lừa đảo này, còn người Hiền trí là Ta vậy.

§90. CHUYỆN KẺ VONG ÂN (*Akataññūjātaka*) (J. I. 376)

Ai trước được làm ơn...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về ông Cấp Cô Độc. Tương truyền, một người triệu phú sống tại biên địa là một người bạn của ông Cấp Cô Độc, nhưng hai người chưa từng gặp nhau. Một hôm, người bạn này chắt đầy năm trăm cỗ xe với hàng hóa biên địa và bảo những người làm công:

– Các bạn hãy đi, đem hàng hóa này đến Xá-vệ, bán trước mặt ông Cấp Cô Độc là người bạn của chúng tôi, và đem về hàng hóa nhận được do đổi hàng.

Họ vâng lời dặn của vị triệu phú ấy, đi đến Xá-vệ gặp vị đại triệu phú trao tặng phẩm và trình bày sự việc. Vị đại triệu phú tiếp đón họ niềm nở, cho họ chỗ ở và tiền tiêu, hỏi thăm người bạn có được an lạc không, rồi bán các hàng hóa và giao cho họ hàng hóa trao đổi. Rồi họ đi về biên địa, báo cáo sự việc lên vị triệu phú.

Một thời gian khác, ông Cấp Cô Độc, như lần trước cho đánh năm trăm cỗ xe đến biên địa. Những người của ông Cấp Cô Độc đến biên địa, đem theo tặng phẩm đi đến gặp vị triệu phú sống ở biên địa. Ông này hỏi:

– Các người từ đâu đến?

– Chúng tôi từ Xá-vệ đến, là những người hầu cận của ông Cấp Cô Độc, người bạn của ông.

– Cấp Cô Độc, người nào cũng có tên như vậy!

Rồi ông cười mỉa mai họ, nhận lấy quà tặng và bảo họ đi mà không cho họ chỗ ở và tiền tiêu. Vì vậy, họ tự bán các hàng hóa, mang các hàng hóa trao đổi, rồi đi về Xá-vệ và báo cáo sự việc cho vị triệu phú.

Rồi người triệu phú ở biên địa, một lần nữa như lần trước, cho đánh năm trăm cỗ xe đến Xá-vệ. Các người thuộc hạ mang quà tặng đến gặp vị đại triệu phú. Thấy họ, những người nhà ông Cấp Cô Độc liền thưa:

– Thưa ông chủ, chúng tôi sẽ lo cho họ chỗ ở, cơm ăn và tiền tiêu.

Nói xong, họ đưa các cỗ xe của những người ấy ra khỏi thành, bảo họ tháo xe tại một chỗ đã lựa chọn và nói:

– Các bạn hãy ở đây. Từ nhà chúng tôi, chúng tôi sẽ đưa đến cho các bạn cháo, cơm và tiền tiêu.

Nói xong họ đi, hợp các người làm công lại, lúc nửa đêm vào canh giữa, họ đến cướp năm trăm cỗ xe, cướp sạch áo mặc, áo đắp, đánh đổi các con bò, tháo bánh xe ra khỏi các cỗ xe, đặt các cỗ xe xuống đất, lấy các bánh xe rồi bỏ đi. Những người trú ở biên địa chỉ còn làm chủ một cái áo mặc, không còn gì cả, sợ hãi chạy mau đi trốn và trở về biên địa.

Những người nhà triệu phú báo cáo sự việc ấy lên vị đại triệu phú Cấp Cô Độc. Đại triệu phú nghĩ: “Đây là một câu chuyện quan trọng có thể trình bậc Đạo sư.”

Ông Cấp Cô Độc đi đến bậc Đạo sư, tường thuật tỉ mỉ đầu đuôi câu chuyện. Bậc Đạo sư nói:

– Này gia chủ, không phải chỉ nay, kẻ ở biên địa ấy có hạnh như vậy. Trong quá khứ, kẻ ấy cũng đã có hạnh như vậy rồi.

Nói xong, theo lời thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một người triệu phú có tài sản lớn ở Ba-la-nại. Một người triệu phú ở biên địa là người bạn chưa bao giờ thấy mặt của Bồ-tát. (Tất cả đều giống như câu chuyện hiện tại trên). Được những người của mình báo cáo: “Đây là việc chúng tôi làm hôm nay”, Bồ-tát nói:

– Do không biết báo đáp một công việc đã làm trước cho mình, nên về sau họ phải gặp sự việc như vậy.

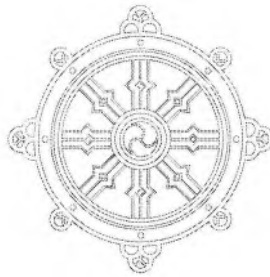
Nói vậy xong, trước hội chúng tụ họp, Bồ-tát thuyết pháp với bài kệ này:

90. Ai trước được làm ơn, Không biết đáp ứng lại,
 Về sau, việc xảy đến, Không tìm được người giúp.

Như vậy, với bài kệ này, Bồ-tát thuyết pháp và trăn đời làm các công đức như bố thí, v.v... rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể lại pháp thoại, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Người ở biên địa thời ấy là người ở biên địa hiện nay, còn vị triệu phú ở Ba-la-nại là Ta vậy.



X. PHẨM ĐÃ ĐƯỢC THOA (*LITTAVAGGA*)

§91. CHUYỆN ĐÃ ĐƯỢC THOA (*Littajātaka*)⁹⁸ (J. I. 379)

Thuốc độc được thoa bôi...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể lại về cách thọ dụng sự vật không suy nghĩ. Nghe nói, lúc bấy giờ, phần lớn các Tỷ-kheo nhận được y, v.v... có thói quen sử dụng chúng không suy nghĩ. Do sử dụng bốn vật dụng không suy nghĩ, họ không thoát khỏi đọa xứ, địa ngục, súc sanh. Bậc Đạo sư biết được việc này, liền dùng nhiều phương tiện thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, nói lên sự nguy hiểm lúc sử dụng bốn đồ vật mà không suy nghĩ:

– Nay các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo không được sử dụng bốn đồ vật cần thiết mà không suy nghĩ. Do vậy, từ nay trở đi, hãy suy nghĩ xong rồi mới thọ dụng chúng!

Cách thức suy nghĩ này được nêu rõ:

– Ở đây, các Tỷ-kheo có suy tư khi sử dụng y, cốt để ngăn ngừa lạnh.

Sau khi đặt ra các điều lệ tương tự cho các vật dụng khác, bậc Đạo sư kết luận:

– Nay các Tỷ-kheo, cần suy nghĩ như vậy mới nhận bốn vật dụng. Không suy nghĩ lúc nhận các vật dụng cũng giống như thọ dụng nọc độc con rắn. Các người xưa vì không suy nghĩ, không biết sự nguy hiểm đã thọ dụng thuốc độc, khi quả chín muồi phải chịu thống khổ.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadata trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình có gia sản lớn, khi đến tuổi trưởng thành, trở thành một người chơi con xúc xắc. Một người chơi con xúc xắc khác có tánh lừa đảo, chơi với Bồ-tát khi nó hơn, nó tiếp tục chơi, không xóa bỏ bàn chơi. Nhưng khi người khác hơn, nó liền đưa con xúc xắc vào miệng xem như là mất, rồi xóa bàn chơi và bỏ đi. Biết được việc làm của nó, Bồ-tát nói:

– Thôi được, ta có cách.

Bồ-tát đem những con xúc xắc về nhà, thoa thuốc độc, phơi khô, đi đến gần

⁹⁸ Xem D. II. 316, *Pāyāsisutta* (Kinh Tệ-túc).

nó và rủ nó chơi. Kẻ kia bằng lòng và sửa soạn bàn chơi. Khi đang chơi với Bò-tát, thấy mình bị thua, nó liền bỏ một con xúc xắc vào trong miệng. Bò-tát thấy nó làm như vậy, liền nói:

– Hãy nuốt đi. Sau người sẽ biết cái này là gì!

Rồi Bò-tát đọc câu kệ này để trách móc nó:

91. Thuốc độc được thoa bôi, Đốt cháy thật mãnh liệt,
Người nuốt con xúc xắc, Nào đâu có biết vậy.
Nuốt, hãy nuốt nữa đi, Kẻ chơi ác độc kia,
Cuối cùng người sẽ bị, Đau đớn cực thống khổ!

Khi Bò-tát đang nói vậy, thuốc độc bắt đầu ngấm vào kẻ chơi xúc xắc lừa đảo, mắt nó xoay tròn, thân cúi quặp và té xuống đất. Bò-tát nói:

– Thôi, ta sẽ cứu người sống lại!

Bò-tát cho nó uống loại thuốc trộn lẫn với các thứ thuốc khác, làm cho nó nôn ra, rồi cho nó ăn bơ chín, mật, đường, v.v... Khi nó bình phục, Bò-tát khuyên nó lần sau chớ làm như vậy nữa. Bò-tát tiếp tục trộn đời làm công đức bố thí, v.v... và khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nói:

– Đây các Tỷ-kheo, thọ dụng các đồ vật không suy nghĩ cũng như thọ dụng thuốc độc không suy nghĩ.

Rồi bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người hiền trí chơi xúc xắc là Ta vậy.

§92. CHUYỆN ĐẠI BẢO VẬT (*Mahāsārajātaka*) (J. I. 381)

Chiến trận cần anh hùng...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Tôn giả Ānanda. Một thời, những nữ nhân ở cung vua xứ Kosala suy nghĩ như sau: “Đức Phật ra đời thật khó. Cũng vậy, được làm người với các căn đầy đủ thật khó. Dầu chị em ta có thân người này trong một thời có đức Phật, chị em ta vẫn không được đi đến tinh xá như ý muốn, không được nghe pháp, cúng dường hay bố thí. Chúng ta sống như bị quăng trong một cái hộp. Chị em ta hãy yêu cầu nhà vua cho cử một Tỷ-kheo xứng đáng thuyết pháp cho chị em ta. Khi nghe pháp, chị em ta có thể học làm các công đức như bố thí, v.v... Như vậy, với thời gian ngắn ngủi này, chị em ta sẽ có kết quả lợi ích.” Tất cả nữ nhân cùng đi đến đức vua và nói lên sự suy tư của mình. Nhà vua chấp thuận.

Một hôm, vua muốn đi dạo chơi ở công viên và bảo người giữ vườn dọn dẹp sạch sẽ. Trong khi dọn dẹp sạch sẽ công viên, người giữ vườn thấy bậc Đạo sư ngồi dưới một gốc cây, liền đi đến hầu vua và thưa:

– Thừa Thiên tử, công viên đã được dọn dẹp sạch sẽ. Nhưng tại đây, dưới một gốc cây, đức Thế Tôn đang ngồi.

Vua nói:

– Tốt lắm, chúng ta sẽ nghe pháp từ bậc Đạo sư.

Rồi vua ngự lên cỗ xe có trang hoàng đẹp đẽ, đi đến công viên và yết kiến bậc Đạo sư. Lúc bấy giờ, Chattapāṇi, một nam cư sĩ đã chứng quả Bất lai đang ngồi nghe pháp từ bậc Đạo sư. Khi thấy nam cư sĩ ấy, vua ngẩn ngại, đứng một lát, suy nghĩ: “Nếu là người độc ác, người này đã không ngồi nghe pháp từ bậc Đạo sư. Vì không phải là người độc ác nên nó mới làm như vậy.”

Nghĩ xong, nhà vua đi đến gần bậc Đạo sư, đánh lễ rồi ngồi xuống một bên. Nam cư sĩ vì sự kính trọng đối với đức Phật, không đứng dậy hay đánh lễ vua. Vua không hoan hỷ với vị ấy. Biết được nhà vua không hoan hỷ đối với nam cư sĩ ấy, bậc Đạo sư nói lên công đức của vị ấy:

– Thừa Đại vương, nam cư sĩ này nghe nhiều kinh tạng đã được Ta trao truyền và đã xa lìa các dục.

Vua nghĩ: “Chắc chắn người này không thể là người tầm thường, vì bậc Đạo sư tán thán công đức.” Vua hỏi:

– Nay nam cư sĩ, nếu có cần gì hãy nói cho ta biết.

Nam cư sĩ nói:

– Tốt lành thay!

Vua nghe pháp từ bậc Đạo sư xong, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Một hôm, sau khi ăn sáng, cầm dù đi đến Kỳ Viên, vua gặp nam cư sĩ ấy, liền gọi đến và nói:

– Nay nam cư sĩ, nghe nói ông là người nghe nhiều. Các nữ nhân của ta muốn nghe và học Chánh pháp. Lành thay, nếu ông nói pháp cho họ!

– Thừa Thiên tử, thật không thích hợp để những người tại gia nói pháp cho nội cung của vua. Việc ấy chỉ thích hợp với các Tôn giả xuất gia.

Vua nói:

– Người này nói sự thật.

Vua liền bảo người ấy ra đi, rồi cho gọi các nữ nhân và nói:

– Nay các hiền nữ, ta sẽ đi đến bậc Đạo sư và xin cử một Tỷ-kheo thuyết pháp cho các hiền nữ. Trong tám mươi Đại đệ tử, ta sẽ xin ai?

Tất cả nữ nhân họp bàn và đồng ý lựa chọn Trưởng lão Ānanda, vị Chương khố Chánh pháp. Vua đi đến gặp bậc Đạo sư, đánh lễ, ngồi xuống một bên và thưa:

– Bạch Thế Tôn, các nữ nhân trong cung của trẫm muốn nghe pháp và học pháp từ Trưởng lão Ānanda. Lành thay, nếu Trưởng lão ấy có thể thuyết pháp cho những người trong cung của trẫm!

Bậc Đạo sư chấp nhận cho Trưởng lão Ānanda. Từ đấy về sau, các nữ nhân của vua nghe pháp và học pháp từ Trưởng lão Ānanda.

Một hôm, một viên ngọc trên khăn vua bị mất. Vua biết được viên ngọc bị mất, cho gọi các đại thần và ra lệnh bắt tất cả mọi người trong nội cung để tìm cho ra viên ngọc trên khăn. Các đại thần bắt đầu từ các nữ nhân tra hỏi viên ngọc trên khăn. Họ làm phiền nhiễu rất nhiều người nhưng không tìm ra. Hôm ấy, Trưởng lão Ānanda vào cung diện vua. Trước kia, khi các nữ nhân thấy Trưởng lão họ đều hoan hỷ nghe pháp, học pháp. Lần này họ không được như vậy, tất cả đều sầu ưu. Khi Trưởng lão hỏi vì sao hôm nay họ lại như vậy, họ trả lời:

– Thưa Tôn giả, đức vua đã mất viên ngọc trên khăn. Và đức vua ra lệnh các đại thần bắt đầu tra hỏi từ các nữ nhân để tìm ngọc, làm phiền nhiễu mọi người ở trong cung. Chúng tôi không biết việc gì sẽ xảy ra cho ai. Do vậy, chúng tôi ưu phiền.

Trưởng lão nói an ủi họ:

– Chớ lo nghĩ việc ấy nữa!

Rồi Trưởng lão đi đến gặp nhà vua, ngồi trên ghế đã soạn sẵn và hỏi:

– Thưa Đại vương, tôi nghe nói Đại vương mất viên ngọc phải không?

– Thưa Tôn giả, sau khi bắt tất cả mọi người ở trong cung và làm phiền nhiễu họ, tôi vẫn chưa có thể tìm được.

– Thưa Đại vương, không cần phiền nhiễu đông người, vẫn có phương cách tìm ra viên ngọc.

– Cách thức nào vậy, thưa Tôn giả?

– Thưa Đại vương, bằng cách cho một nắm rom.

– Cho nắm rom để làm gì vậy, thưa Tôn giả?

– Thưa Đại vương, với những ai bị ngài nghi ngờ, hãy họp họ lại, cho mỗi người một nắm rom hay cục đất sét và nói: “Ngày mai, vào sáng sớm, hãy đem cái này và đặt tại chỗ ấy.” Người nào lấy viên ngọc sẽ đặt nó trong nắm rom hay cục đất sét mang lại. Nếu ngày đầu họ mang lại thì rất tốt. Nếu không, ngày thứ hai, ngày thứ ba, họ cũng phải mang lại. Như vậy, đại chúng không bị phiền nhiễu và ngài có thể lấy lại được viên ngọc.

Nói vậy xong, Trưởng lão ra về. Vua làm theo lời dặn, nhưng ba ngày qua, không ai đem lại viên ngọc. Trưởng lão đến vào ngày thứ ba và hỏi:

– Thưa Đại vương, viên ngọc đã được đem lại chưa?

– Thưa Tôn giả, chưa.

– Vậy Đại vương, trong sân lớn, tại một chỗ kín hãy cho đặt một cái ghè nước lớn, đổ đầy nước, treo xung quanh một cái màn. Rồi ra lệnh cho mọi người lui tới trong nội cung, đàn ông và cả đàn bà, phải cởi áo ngoài, lần lượt đi vào trong màn một mình, rửa tay rồi đi ra.

Trưởng lão nói phương tiện này xong rồi ra đi. Nhà vua làm như lời dặn. Kẻ ăn cắp hòn ngọc suy nghĩ: “Vị Chương khổ Chánh pháp đã nắm lấy vấn đề này, nếu không tìm ra được viên ngọc sẽ không bỏ cuộc. Nay đã đến lúc cần phải đem trả lại viên ngọc.” Nghĩ vậy, nó giấu viên ngọc trong người, đi vào trong tấm màn, bỏ rơi ngọc vào ghè nước rồi đi ra. Khi tất cả mọi người đã đi xong, người ta đổ nước và tìm được viên ngọc. Vua nói:

– Nhờ Trưởng lão, không phiền nhiều đại chúng, ta đã tìm được viên ngọc.

Vua rất bằng lòng. Những người lui tới trong nội cung cũng bằng lòng và nói:

– Nhờ Trưởng lão, chúng tôi được thoát khỏi đau khổ lớn.

Câu chuyện nhờ uy lực tuyệt diệu của Ānanda, họ đã tìm ra viên ngọc trên khăn vua, được toàn kinh thành và chúng Tỷ-kheo biết. Các Tỷ-kheo ngồi họp tại pháp đường tán thán công đức của Trưởng lão:

– Thừa các Hiền giả, nhờ nghe nhiều, nhờ bác học, nhờ phương tiện thiện xảo của Trưởng lão Ānanda, đại chúng không bị phiền nhiễu, với phương tiện, viên ngọc được tìm lại.

Bậc Đạo sư đi đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông ngồi ở đây luận bàn vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải nay đồ vật gì đã vào tay người khác lại tìm được là nhờ Ānanda. Thuở trước, các bậc Hiền trí không làm phiền nhiễu đại chúng, chỉ với phương tiện, tìm được đồ vật đã đi vào tay của loài vật.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmandatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát đạt sự thuần thực trong tất cả các nghề và trở thành vị đại thần của vua ấy. Một hôm, nhà vua cùng với một đoàn tùy tùng đông đảo đi đến công viên, sau khi dạo chơi giữa rừng xong, lại muốn đi chơi trong nước.

Vua đi xuống một hồ nước dành cho vua và gọi các cung nữ cỡi các vàng ngọc trang sức trên đầu, trên cổ, đặt chúng trên cái áo ngoài, đưa vào trong hộp và giao các nữ tỳ trông coi rồi đi xuống hồ.

Khi ấy, có một con khỉ cái ở công viên ngồi giữa các cành cây, thấy hoàng hậu cỡi các đồ trang sức bỏ trên cái áo ngoài, đặt chúng vào trong hộp. Con khỉ cái muốn đeo dây chuyền bằng ngọc của hoàng hậu, ngồi nhìn chờ xem khi nào người nữ tỳ lơ đễnh là nó đánh cắp.

Người nữ tỳ canh gác, thỉnh thoảng nhìn qua nhìn lại rồi bắt đầu ngủ gật. Con khỉ cái biết người nữ tỳ đã lơ đễnh, liền leo xuống mau như gió, lấy sợi dây chuyền lớn đeo cô, leo lên cũng mau như gió, ngồi núp giữa các cành cây. Rồi

sợ các con khỉ cái khác thấy, nó giấu sợi dây chuyền vào một cái lỗ cây và ngồi canh gác với dáng điệu bình tĩnh.

Người nữ tỳ tỉnh dậy, không thấy sợi dây chuyền, quá run sợ, không có cách gì khác liền la to:

– Có người đàn ông lấy cắp sợi dây chuyền của hoàng hậu rồi chạy trốn!

Nghe người nữ tỳ la, những người canh gác từ nhiều phía tụ họp lại, liền báo cho vua biết. Vua ra lệnh bắt tên ăn trộm. Họ chạy ra khỏi công viên, đi tìm tên ăn trộm khắp nơi. Một kẻ dân quê đang lễ bái, nghe tiếng la, liền hoảng sợ bỏ chạy. Thấy vậy, các người ấy nghĩ nó là thằng ăn trộm bèn đuổi theo bắt nó, đánh nó và nói mĩa mai:

– Đồ ăn trộm ác độc kia, ngươi lấy cắp đồ trang sức đắt tiền như vậy để làm gì?

Người dân quê suy nghĩ: “Nếu ta nói không lấy, mạng sống ta hôm nay không còn nữa. Chúng sẽ đánh và giết ta. Vậy ta hãy nhận là có lấy.” Nó nhận có lấy, liền bị trói và dẫn đến vua. Vua hỏi nó:

– Có phải ngươi lấy đồ trang sức đắt tiền?

– Thưa Thiên tử, tôi có lấy.

– Nay vật ấy ở đâu rồi?

– Thưa Thiên tử, vật quý giá đối với tôi, tôi lấy để làm gì? Tôi là người từ trước không bao giờ có được cái giường, chiếc ghế. Nhưng người triệu phú bảo tôi lấy đồ trang sức đắt tiền ấy. Tôi đã lấy và giao cho ông ta rồi. Ông ta biết đồ trang sức ấy.

Vua truyền gọi người triệu phú và hỏi ông có lấy đồ trang sức quý giá từ tay người dân quê ấy không.

– Thưa Thiên tử, có.

– Đồ ấy ở đâu rồi?

– Tôi đã đưa cho người cô vắn tề tự của ngài.

Người cô vắn tề tự được gọi và được hỏi như trước. Ông thú nhận có lấy và đã đưa cho người nhạc trưởng. Người nhạc trưởng bị gọi và hỏi, liền khai đã đưa cho một người kỹ nữ như là một món quà tặng. Người kỹ nữ bị hỏi, cô trả lời không lấy. Trong khi hỏi chưa xong thì mặt trời lặn, vua nói:

– Nay hết giờ rồi, ngày mai sẽ tiếp tục việc này.

Vua giao năm người ấy cho các vị đại thần và đi vào thành.

Lúc ấy, Bồ-tát suy nghĩ: “Đồ trang sức này bị mất ở trong công viên. Kẻ dân quê này ở ngoài công viên và cửa có lính gác thì không thể vào trong công viên, còn người ở trong công viên cũng không thể lấy và chạy trốn ra ngoài được. Người nghèo khổ này nói: ‘Tôi đã đưa cho người triệu phú’, có lẽ vì để tự giải thoát cho mình thôi. Còn người triệu phú nói: ‘Tôi đã đưa cho người cô vắn

tế tự', có lẽ vì muốn làm cho kẻ ấy thành đồng lõa để cùng được thoát ra. Còn người cổ vấn tế tự nói: 'Tôi đã đưa cho người nhạc trưởng', có lẽ vì nghĩ rằng nhờ người nhạc trưởng, sẽ sống vui trong nhà tù. Người nhạc trưởng nói: 'Tôi đã cho người kỹ nữ', với hy vọng mình sẽ được hưởng lạc thú với người kỹ nữ ở trong tù. Cả năm người này không thể là người ăn trộm. Trong công viên có nhiều loài khỉ. Vật trang sức có lẽ đã rơi vào tay một con khỉ cái!"

Nghĩ vậy, Bô-tát đi đến yết kiến vua và thưa:

– Thưa Đại vương, hãy giao những người ăn trộm cho chúng tôi. Chúng tôi sẽ tìm kiếm ai đã làm việc này.

Vua chấp thuận, giao những người ăn trộm cho Bô-tát. Bô-tát cho gọi những người làm công và bảo:

– Hãy cho năm người này ở trong một chỗ, canh gác xung quanh, lắng tai nghe họ nói những gì và báo cho ta biết!

Nói xong, Bô-tát ra đi và các người ấy làm theo lời dặn. Trong khi cả năm người đang ngồi tù, người triệu phú nói với người dân quê:

– Đây đồ dân quê ác độc kia, ta với người trước đây không có gặp nhau. Vậy sao người nói người đưa cho ta đồ trang sức ấy?

– Thưa ông đại triệu phú, tôi không bao giờ biết đến cái giường, cái ghế đầu với chân bằng lõi cây được gọi là quý giá. Tôi nghĩ, tôi nương nhờ vào ông mới được giải thoát, nên tôi nói vậy. Mong ông chủ chớ giận tôi!

Người cổ vấn tế tự hỏi người triệu phú:

– Thưa ông đại triệu phú, làm sao ông lại đưa cho tôi một vật mà người này không hề đưa cho ông?

– Vì tôi nghĩ rằng hai chúng ta là những người có quyền thế. Nếu chúng ta cùng đứng với nhau, thời sự việc sẽ được giải quyết mau chóng! Do nghĩ vậy nên tôi đã khai như vậy.

Vị nhạc trưởng nói với người cổ vấn tế tự:

– Nay Bà-la-môn, ông đưa cho tôi đồ trang sức lúc nào?

– Tôi nghĩ rằng nhờ ông, tôi sẽ sống an lạc tại chỗ cư trú, nghĩ vậy nên tôi nói vậy.

Người kỹ nữ nói với người nhạc trưởng:

– Nay người nhạc trưởng độc ác kia, trước đây tôi chưa bao giờ đến với ông, trước đây ông cũng chưa bao giờ đến với tôi. Vậy ông đưa tôi vật trang sức khi nào?

– Nay chị, chị phần nộ làm gì? Năm chúng ta cùng chung sống với nhau trong một nhà. Hãy hoan hỷ sống cho được thoải mái! Do nghĩ vậy nên tôi khai cho chị.

Bô-tát nghe câu chuyện ấy từ những người được giao việc, biết rằng năm

người ấy không phải ăn trộm, chắc con khi cái đã lấy đồ trang sức và tìm một phương tiện để làm cho nó bỏ rơi đồ trang sức ấy. Bò-tát sai làm nhiều đồ trang sức bằng chuỗi hạt, cho bắt một số khi cái trong vườn, cho chúng đeo các đồ trang sức bằng chuỗi hạt trên tay, trên chân, trên cổ rồi thả chúng ra. Trong khi ấy, con khi cái ăn trộm kia vẫn ngồi ở công viên canh gác bảo vật của nó. Bò-tát ra lệnh cho họ:

– Các người hãy đi và dò xét, rình xem tất cả bấy khi cái. Khi nào thấy đồ trang sức ở con khi cái nào, hãy dọa nó và lấy lại đồ trang sức!

Những con khi cái ấy được cho các đồ trang sức, tự mãn, tự hào, đi qua đi lại trong công viên, đi đến con khi cái ăn trộm kia và nói:

– Này, xem đồ trang sức của chúng tôi!

Con khi cái kia không dần nổi lòng ganh tị, liền nói:

– Quý gì đồ trang sức bằng hạt ấy!

Rồi nó lấy dây chuyền ngọc mang vào. Các người đứng rình thấy vậy liền tìm cách làm cho nó cởi bỏ đồ trang sức ra, rồi mang về cho Bò-tát. Cầm lấy đồ trang sức ấy, Bò-tát đem dâng vua và thưa:

– Thưa Đại vương, năm người ấy không phải là ăn trộm. Chính con khi cái trong vườn đã lấy đồ trang sức này.

Vua nói:

– Thưa bậc Hiền trí, làm sao bậc Hiền trí biết được là chính con khi cái ấy tự tay lấy chuỗi ngọc? Làm sao bậc Hiền trí lấy chuỗi ngọc lại được?

Bò-tát kể lại toàn bộ câu chuyện, nhà vua rất bằng lòng và nói:

– Dẫn đầu các chiến trường cần phải có những anh hùng.

Vua thưởng cho Bò-tát rất nhiều vàng ngọc và nói lên bài kệ:

92. Chiến trận cần anh hùng, Khuyến bảo cần bình tĩnh,
 Ăn uống cần bạn thân, Gặp việc cần Hiền trí.

Như vậy, nhà vua tán thán Bò-tát, đề cao Bò-tát và cúng dường Bò-tát bảy món báu. Vâng theo lời khuyến giáo của Bò-tát, vua sống trọn đời làm các công đức rồi đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nói lên công đức của Trưởng lão và nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vua là Ānanda, còn đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§93. CHUYỆN NGỘ ĐỘC DO LUYẾN ÁI (*Vissāsabhojanajātaka*) (J. I. 387)

Chớ tin người thân tín...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể sự thọ dụng dựa vào người thân. Nghe nói, trong thời ấy, các Tỷ-kheo phần lớn tự bằng lòng với bốn

vật dụng do các bà con cúng dường và thọ dụng các vật ấy mà không suy tư. Họ viện lẽ rằng, khi còn là cư sĩ, họ đã nhận đồ vật từ mẹ hay từ cha, từ anh em hay từ chị em, từ mẹ nhỏ hay từ cha nhỏ, từ chú cậu hay từ dì cô.

Bậc Đạo sư nghe việc này nghĩ rằng cần phải cho các Tỷ-kheo một bài thuyết pháp. Vì thế, Ngài họp các Tỷ-kheo lại và nói:

– Nay các Tỷ-kheo, dầu người cho là những người bà con hay những người khác, Tỷ-kheo cần phải suy tư khi thọ dụng bốn đồ vật. Thọ dụng không suy tư, khi đúng thời, Tỷ-kheo không thể thoát khỏi tái sanh làm dạ-xoa hay ngạ quỷ. Thọ dụng các đồ vật không suy tư cũng giống như thọ dụng thuốc độc. Và thuốc độc, dầu từ người cho là người thân tín hay người không thân tín vẫn giết chết được. Thuở xưa, có chúng sanh thọ dụng thuốc độc do bạn thân tín cho và đã đi đến mạng chung.

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một vị triệu phú giàu có. Bồ-tát có một người chăn bò, khi đến mùa lúa chín, kẻ ấy liền bắt các con bò lại, dắt chúng vào rừng làm một cái chuồng bò và sống tại đấy để chăn giữ chúng. Thỉnh thoảng, kẻ ấy mang sữa về cho vị triệu phú. Không xa chuồng bò bao nhiêu có con sư tử trú tại đấy. Các con bò cái vì sợ hãi sư tử nên sữa khô cạn, không có nhiều. Một hôm, khi người chăn bò đem bơ chín cho vị triệu phú, vị ấy hỏi:

– Nay bạn chăn bò, sao bơ chín ít vậy?

Người chăn bò nói rõ lý do.

– Nay bạn, con sư tử ấy có ái mộ ai không?

– Thừa ông chủ, nó thân ái với con nai cái.

– Vậy bạn có thể bắt được con nai cái không?

– Thừa ông chủ, được.

– Bạn hãy bắt con nai cái, rồi với thuốc độc, bạn thoa đi thoa lại, bắt đầu từ trán đến hết cả lông trên thân nai, để cho khô, sau hai ba ngày hãy thả con nai cái ra. Con sư tử vì luyến ái con nai cái, sẽ liếm thân nó và sẽ đi đến mạng chung. Hãy lấy da, móng, răng và mỡ con sư tử rồi đem lại đây!

Nói xong, Bồ-tát đưa thuốc độc và bảo kẻ ấy đi. Người chăn bò đặt lưới, bắt được con nai cái và làm như đã được dặn. Con sư tử thấy con nai cái, với lòng luyến ái mạnh, liếm thân con nai cái và mạng chung. Người chăn bò lấy da sư tử, v.v... và đi đến Bồ-tát. Ngài biết sự việc xảy ra, liền nói:

– Không nên luyến ái người khác. Con sư tử, vua các loài thú, có sức mạnh như vậy, nhưng do ái nhiễm nên quá thân mật, liếm thân con nai cái, ăn phải thuốc độc và mạng chung.

Nói vậy xong, ngài thuyết pháp cho hội chúng đang tập hợp và đọc bài kệ này:

93. Chớ tin người thân tín, Chớ tin người không thân.
Do tin sợ hãi đến, Như sư tử, nai cái.

Như vậy, Bồ-tát thuyết pháp cho hội chúng và trọn đời làm các công đức bố thí, v.v... rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể câu chuyện quá khứ, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:
– Lúc bấy giờ, người triệu phú là Ta vậy.

§94. CHUYỆN NỘI KINH HOÀNG (*Lomahamsajātaka*)⁹⁹ (J. I. 389)

Nay nóng ran, lạnh buốt...

Câu chuyện này, khi trú ở Pāṭikārāma gần Vesālī (Tỳ-xá-ly), bậc Đạo sư đã kể về Sunakkhatta. Một thời, Sunakkhatta, thị giả của bậc Đạo sư, đem theo y bát, thích thú đi theo giáo pháp của Sát-đế-ly Kora, gửi trả lại y bát cho bậc Đạo sư. Do duyên Sát-đế-ly Kora, Sunakkhatta trở thành một gia chủ. Trong khi Kora bị tái sanh làm thân a-tu-la Kālakañjika, còn Sunakkhatta thường bộ hành trong ba vòng tường của Vesālī, chỉ trích bậc Đạo sư và nói:

– Sa-môn Gotama không có pháp thượng nhân, không có trí kiến thù thắng xứng đáng với bậc Thánh. Sa-môn ấy thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trắc nghiệm và thuyết pháp cho một mục tiêu đặc biệt, không có thể dẫn người thực hành đến diệt tận khổ đau.

Rồi trong khi Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) đi khát thực, nghe lời chỉ trích của kẻ ấy như vậy, khi trở về, Tôn giả báo cáo sự việc ấy lên Thế Tôn. Ngài nói:

– Sunakkhatta phần nộ và ngu si. Do phần nộ nên nó nói vậy, lại do phần nộ nên nó nói rằng: “Pháp ấy không có thể dẫn người thực hành đến diệt tận khổ đau”, nó cũng không biết công đức của Ta để mà nói. Kẻ ngu si ấy không biết được công đức của Ta. Nay Sāriputta, Ta có được sáu thắng trí, đây là pháp thượng nhân của Ta. Ta có mười lực, có bốn vô sở úy, có trí biết bốn sanh hữu và có trí biết năm sanh thú, đây là pháp thượng nhân của Ta. Ta có pháp thượng nhân như vậy. Ai nói rằng: “Sa-môn Gotama không có pháp thượng nhân”, người ấy nếu không chấm dứt lời nói ấy, nếu không chấm dứt tâm ấy, nếu không từ bỏ tà kiến ấy sẽ bị rơi vào địa ngục.

Sau khi nói công đức các pháp thượng nhân tự có, bậc Đạo sư nói thêm:

– Nay Sāriputta, nghe nói Sunakkhatta ưa thích tà khổ hạnh khó hành trì của Sát-đế-ly Kora, do ưa thích tà khổ hạnh nên nó không thể tịnh tín đối với Ta. Cách đây chín mươi một kiếp, Ta sống đời Phạm hạnh gồm có bốn phần để suy

⁹⁹ Xem M. I. 68, *Mahāsīhanādasutta* (Đại kinh Sư tử hống), số 12.

tư tìm hiểu tà khổ hạnh ngoại đạo thật sự có căn bản chân lý hay không. Là người tu khổ hạnh, Ta tu khổ hạnh đệ nhất. Là người hành trì thô thực, Ta tu hạnh thô thực đệ nhất. Là người hành trì yếm ly, Ta tu hạnh yếm ly đệ nhất. Là người hành trì hạnh viễn ly, Ta tu hạnh viễn ly đệ nhất.

Sau khi nói như vậy, theo lời thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, chín mươi một kiếp về trước, để suy xét tìm hiểu về khổ hạnh ngoại đạo, Bồ-tát đã xuất gia làm vị tà mạng ngoại đạo, sống lửa thể, thân lấm đầy bụi, sống viễn ly cô độc, thấy người liền chạy trốn như con nai, ăn các thứ đại bất tịnh như cá thúi, phân bò, v.v... Để giữ mình không phóng dật, Bồ-tát sống trong một lùm cây đáng sợ hãi trong rừng. Sống tại đây, vào mùa đông có tuyết, trong những đêm giữa các ngày thứ tám, trước và sau rằm, Bồ-tát đi ra khỏi lùm cây, sống ngoài trời, khi mặt trời mọc, Bồ-tát vô lùm trở lại. Ban đêm, Bồ-tát bị ướt vì ngải ở ngoài trời tuyết. Ban ngày, Bồ-tát cũng bị ướt bởi những giọt nước rơi từ lùm cây. Như vậy, ngày đêm, Bồ-tát cảm thọ khổ đau vì lạnh. Trong cuối tháng mùa hạ, ban ngày, Bồ-tát bị đốt cháy bởi ánh nắng mặt trời; cũng vậy, ban đêm, Bồ-tát bị nóng nực ở trong lùm cây không có gió. Vì thế, mồ hôi thoát chảy từ thân ngải. Câu kệ này từ trước chưa từng được nghe, khởi lên trong trí ngải:

94. Nay nóng ran, lạnh buốt, Cô độc trong rừng hiểm,
Ngồi trần truồng, không lửa, Ăn sĩ tìm chân lý.

Như vậy, Bồ-tát suốt đời sống khổ hạnh khắc nghiệt với đầy đủ bốn phần (thời học tập, thời gia chủ, thời tôn giáo, thời Sa-môn). Khi lâm chung, ngải thấy tướng địa ngục khởi lên, biết được khổ hạnh này không có kết quả. Ngay lúc ấy, ngải phá vỡ tà kiến của mình, nắm giữ chánh tri kiến và tái sanh lên thiên giới.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Ta là vị tà mạng ngoại đạo.

§95. CHUYỆN VUA ĐẠI THIỆN KIẾN (*Mahāsudassanajātaka*)¹⁰⁰ (J. I. 390)

Các hành là vô thường...

Câu chuyện này, khi nằm trên giường, đức Niết-bàn Vô dư y, bậc Đạo sư đã kể về lời nói của Trưởng lão Ānanda: “Thế Tôn chớ nhập Niết-bàn tại thành phố nhỏ tồi tàn này.”

¹⁰⁰ Xem D. II. 72, *Mahāparinibbānasutta* (Kinh Đại Bát-niết-bàn), số 16; D. II. 169, *Mahāsudassanasutta* (Kinh Đại Thiện Kiến Vương), số 17; S. I. 5, *Nandanasutta* (Kinh Nandana); S. I. 157, *Parinibbānasutta* (Kinh Bát-niết-bàn); S. II. 190, *Vepullapabbatasutta* (Kinh Núi Vepulla); Thag. v. 1146, *Dhammasavaṇiyattheraapadāna* (Ký sự về Trưởng lão Dhammasavaṇiya); Ap. I. 64, 73; II. 384; Cp. 75, *Mahāsudassanacariya* (Hạnh của [đức Bồ-tát] Mahāsudassana).

Khi Như Lai trú ở Kỳ Viên, Ngài suy nghĩ: “Trưởng lão Sāriputta (Xá-lợi-phất) sanh ở làng Nālaka, đắc Niết-bàn Vô dư y ở Varaka vào đêm rằm Kattikā. Còn Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên) mạng chung cũng vào tháng Kattikā trong phần trăng tối. Như vậy, hai đệ tử đầu tay đã đắc Niết-bàn Vô dư y. Ta sẽ đắc Niết-bàn Vô dư y ở Kusinārā.”

Rồi bậc Đạo sư tiếp tục bộ hành đi đến đây và nằm không dậy nữa trên chiếc giường, đầu hướng về phía Bắc, giữa hai cây sālā. Rồi Trưởng lão Ānanda thỉnh cầu Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ diệt độ tại thành phố nhỏ tồi tàn này, tại thành phố nhỏ hoang vu này, tại thành phố nhỏ ngoại ô này. Thế Tôn hãy diệt độ tại một trong những thành phố lớn như Vương Xá, v.v...

Bậc Đạo sư nói:

– Nay Ānanda, chớ nói đây là một thành phố nhỏ tồi tàn, thành phố nhỏ hoang vu, thành phố nhỏ ngoại ô. Thuở xưa, trong thời Vua Chuyển Luân Thiện Kiến, Ta đã sống trong thành phố này. Lúc ấy, thành phố này là một đô thị vĩ đại được bao bọc với những bức thành bằng châu báu dài đến mười hai do-tuần.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của Trưởng lão, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Lúc ấy, Hoàng hậu Subhaddā (Thiện Tường) thấy Vua Đại Thiện Kiến từ lâu đài Chánh pháp (Dhamma) đi xuống không xa bao nhiêu, rồi nằm về phía hông bên phải trên long sàng được sửa soạn cho ngài, tại rừng sālā làm bằng bảy báu, từ đó ngài không dậy nữa. Thấy vậy, bà nói:

– Thừa Thiên tử, tám mươi bốn ngàn thành phố, đứng đầu là kinh đô Kusāvati, thuộc quyền của Đại vương, hãy hướng ý muốn về chúng!

Nghe vậy, Vua Đại Thiện Kiến nói với Hoàng hậu:

– Hoàng hậu chớ nói vậy! Hoàng hậu nên khuyến khích ta: Hãy hướng tâm đến chỗ này, chớ mong chờ các chỗ khác!

Hoàng hậu hỏi:

– Vì sao?

Vua đáp:

– Hôm nay ta sẽ băng hà.

Hoàng hậu khóc. Sau khi lau nước mắt, bà nói lên một cách khó khăn, mệt nhọc như lời vua khuyên bảo, rồi bà khóc than. Tám mươi bốn ngàn nữ nhân còn lại cũng đều than khóc theo bà. Các đại thần cũng không thể chịu đựng nổi. Tất cả đều khóc ròng. Vua nói:

– Chớ làm ồn!

Sau khi ngăn chặn mọi người, ngài nói với hoàng hậu:

– Vị Tỷ-kheo muốn tu tập thân hành niệm, cũng giống như người đàn ông ấy với bàn tay bung bát dầu. Phải nắm giữ niệm, không phóng dật. Tu tập thân hành niệm cần phải như vậy.

Các Tỷ-kheo nghe kinh này xong và hiểu ý nghĩa kinh bèn nói như sau:

– Bạch Thế Tôn, thật khó làm đối với người ấy không nhìn cô gái đẹp địa phương, vừa bung bát dầu vừa đi.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, làm như người đàn ông ấy không khó lắm, mà chính là dễ làm. Vì sao? Vì kẻ ấy được một người đi theo dọa nạt với cây gươm giơ cao. Nhưng thật rất khó cho những bậc Hiền trí thuở xưa, không phóng dật, không bỏ niệm, chế ngự các căn, không nhìn sắc đẹp hoàn mỹ của thiên nữ được hóa sanh, vẫn đi và đạt được quốc độ.

Sau khi nói vậy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm người con trai trẻ nhất trong một trăm người con của vua, dần dần đến tuổi trưởng thành. Thời ấy, các vị Phật Độc Giác thường đến dùng cơm trong cung điện của vua, và Bồ-tát phục vụ các vị ấy. Một hôm, Bồ-tát suy nghĩ: “Ta có rất nhiều anh, không biết ta có được vương quốc thuộc gia sản trong thành này hay không? Nếu hỏi các vị Phật Độc Giác, ta sẽ biết.”

Vào ngày kế tiếp, khi các vị Phật Độc Giác đến, Bồ-tát đem lại bình thủy, lọc nước rửa chân cho các vị ấy và lau khô. Ăn xong, khi các vị ấy đang ngồi, Bồ-tát đánh lễ, ngồi xuống một bên và hỏi vấn đề ấy. Các Phật Độc Giác trả lời:

– Nay Hoàng tử, ngài sẽ không được vương quốc trong thành phố này. Từ đây cách xa khoảng hai ngàn do-tuần, tại nước Gandhāra, có một thành phố tên là Takkasilā. Nếu Hoàng tử có thể đến đó trong vòng bảy ngày, ngài sẽ được vương quốc, nhưng có sự nguy hiểm trên con đường đi đến đó. Nếu như đi thẳng, con đường dài năm mươi do-tuần, ngài phải ngang qua khu rừng lớn. Bằng cách đi vòng khu rừng ấy thì con đường dài một trăm do-tuần. Đó là khu rừng hoang vu có phi nhân ở. Giữa quãng đường rừng, các nữ dạ-xoa dựng lên những căn nhà, dưới cái tàng có trang hoàng bằng những ngôi sao vàng lấp lánh, chúng bày một cái giường lớn quý giá, xung quanh có màn treo đẹp đẽ, với nhiều màu sắc tuyệt diệu. Chúng tô điểm với đồ trang sức chư thiên và ngồi trong các căn nhà ấy. Khi có những người đàn ông đi đến, chúng cảm dỗ, kêu gọi với những lời dịu ngọt: “Các người có vẻ mệt mỏi, hãy đến đây, ngồi xuống uống nước rồi đi!” Với những ai đến đó, các nữ dạ-xoa đều mời ngồi, làm họ khởi dậy lòng tham dục với sắc đẹp mỹ miều của chúng, khiến họ bị ái dục chi phối. Khi họ hành lạc với chúng, ngay khi ấy, các nữ dạ-xoa ăn thịt họ với máu còn nhỏ giọt, chấm dứt mạng sống của họ. Những ai đam mê sắc, chúng lấy sắc đẹp tuyệt trần cảm dỗ; những ai đam mê tiếng, chúng lấy lời ca, điệu nhạc dụ

ngọt cảm dỗ; những ai đam mê hương, chúng lấy thiên hương cảm dỗ; những ai đam mê vị, chúng lấy các món ăn chư thiên hảo hạng cảm dỗ; những ai đam mê xúc, chúng lấy giường chư thiên với nệm đồ hai đầu cảm dỗ. Nhưng nếu Hoàng tử nhiếp phục được các căn, cương quyết không nhìn chúng, an trú chánh niệm mà đi; đến ngày thứ bảy, ngài sẽ nhận được vương quốc tại đây.

Bồ-tát thưa:

– Thưa các Tôn giả, mong sự việc là như vậy. Sau khi nhận lãnh lời khuyên giáo của các Tôn giả, làm sao chúng tôi lại nhìn các nữ dạ-xoa ấy?

Sau khi nhờ các vị Phật Độc Giác chú nguyện, mang theo cát làm bùa, sợi dây làm bùa, Bồ-tát đánh lễ các vị Phật Độc Giác và mẹ cha rồi đi về nhà nói với những người hầu hạ của mình:

– Ta đi Takkasilā để lấy vương quốc, các bạn hãy ở lại đây!

Năm người xin được cùng đi với Bồ-tát, ngài nói:

– Các bạn không thể đi được, nghe nói giữa đường các nữ dạ-xoa thấy những người tham sắc, chúng sẽ dùng sắc... khiến họ sanh lòng ái dục, rồi bắt lấy những người ấy. Sự nguy hiểm thật lớn, nhưng ta tự tin vào ta và ta sẽ đi.

– Thưa Hoàng tử, làm sao đi với ngài, chúng tôi lại nhìn sắc đẹp khả ái ấy? Chúng tôi sẽ đi đến đấy.

Bồ-tát nói:

– Vậy các bạn chớ phóng dật, phải quyết tâm!

Bồ-tát đem theo năm người ấy và lên đường. Các nữ dạ-xoa tạo nên các làng, v.v... và ngồi chờ.

Một người tham sắc trong bọn họ nhìn các nữ dạ-xoa ấy, bị trói buộc bởi sắc đẹp của chúng nên đi chậm lại sau, Bồ-tát nói:

– Sao bạn đi chậm ra sau?

– Thưa Hoàng tử, chân của tôi đau. Sau khi ngồi nghỉ ở căn nhà kia một lát, tôi sẽ đi.

– Nay bạn, chúng là nữ dạ-xoa, chớ có tham đắm chúng.

– Dầu sự việc là vậy, thưa Hoàng tử, tôi cũng không thể đi nữa.

– Nếu vậy, bạn sẽ thấy sự việc xảy ra như thế nào!

Nói xong, Bồ-tát đem bốn người kia đi. Người tham đắm sắc đi đến gần các nữ dạ-xoa. Khi người ấy bắt đầu hành lạc với chúng, chúng liền giết chết để ăn thịt. Rồi chúng đi về phía trước, tạo lên một căn nhà khác, đem theo nhiều loại nhạc khí ngồi hát. Ở đấy, người tham đắm tiếng đi chậm lại sau. Các nữ dạ-xoa ăn thịt kẻ ấy, rồi đi tới trước, mở một quán hàng, bày đầy các hộp hương thơm và ngồi đợi. Ở đấy, người ham mê hương đi chậm lại sau. Các nữ dạ-xoa ăn thịt kẻ ấy, rồi đi về phía trước, mở một quán bán đồ ăn, bày những chén bát mâm đĩa đựng nhiều món ăn hảo hạng của chư thiên và chúng ngồi đợi tại đấy. Người

tham đắm các vị, khi đi đến đấy, bèn đi chậm lại sau. Các nữ dạ-xoa ăn thịt kẻ ấy, rồi đi tới phía trước, bày biện những giường nằm chur thiên và ngồi tại đấy. Ở đấy, người tham đắm xúc đi chậm lại sau, rồi cũng bị ăn thịt. Khi chỉ còn một mình Bồ-tát, một nữ dạ-xoa nói:

– Người này dầu có kiên trì mấy đi nữa, ta cũng sẽ ăn thịt nó và đi trở về.

Rồi nữ dạ-xoa đi sau lưng Bồ-tát. Các người thợ làm rừng ở các khu vực khác trong rừng thấy nữ dạ-xoa, liền hỏi:

– Người đàn ông đi trước nàng là ai vậy?

– Thưa các ông, đấy là người chồng trẻ thanh lịch của tôi.

– Nay bạn, khi bạn có người vợ trẻ tuyệt sắc, đẹp như bó hoa, tể nhị như vòng hoa, đã bỏ gia đình riêng theo bạn và đặt lòng tin vào bạn, sao bạn không đi cùng với nàng cho nàng khỏi mệt nhọc?

– Nay các ông, nó không phải vợ tôi. Nó là nữ dạ-xoa đã ăn thịt năm người bạn của tôi.

– Ôi, thưa các ông, khi người đàn ông đã phẫn nộ thì chính vợ của mình cũng cho là nữ dạ-xoa, là ngạ quỷ!

Nữ dạ-xoa ấy nói vậy và đi theo Bồ-tát, khi thì hiện hình có mang, khi thì hiện dáng dấp của một người đàn bà đã sanh con, khi thì bỗng con bên nách. Nhiều người thấy vậy, cũng hỏi như cách thức trước. Bồ-tát trả lời như trước và đi đến Takkasilā. Nữ dạ-xoa làm đứa con biến mất và một mình đi theo Bồ-tát. Còn Bồ-tát đi đến cửa thành và vào ngồi trong căn nhà dành cho người chiêm bái. Vì uy lực của Bồ-tát, nữ dạ-xoa không thể vào được, liền hóa hiện ra một thiên nữ đứng trước cửa nhà chiêm bái.

Lúc bấy giờ, vua ở thành Takkasilā đang đi đến công viên. Thấy nàng, tâm vua bị cám dỗ, vua sai một người đến hỏi nàng có chồng hay chưa. Người ấy đến hỏi và nàng trả lời:

– Tôi đã có chồng. Chồng tôi đang ngồi trong căn nhà dành cho người chiêm bái.

Bồ-tát nói:

– Nó không phải vợ tôi. Nó là con nữ dạ-xoa đã ăn thịt năm người bạn đồng hành của tôi.

Nữ dạ-xoa nói:

– Ôi thưa ông, khi người đàn ông đã phẫn nộ thì họ nói đủ chuyện mà họ nghĩ ra.

Người ấy báo cáo lại cho vua lời nói của hai người. Vua nói cái gì không có chủ đều thuộc quyền của vua. Vua truyền gọi nữ dạ-xoa lại, cho nó ngồi trên lưng một con voi, đi vòng xung quanh thành rồi trở về cung điện và cho nó ở một nội cung của hoàng hậu. Sau khi vua tắm rửa, vào buổi chiều, ăn xong rồi lên long sàng. Nữ dạ-xoa ấy tự ăn đồ ăn thích hợp cho mình, sửa soạn trang

điểm và nằm với vua trên long sàng. Đêm đã qua, sau khi vua hưởng lạc, đang nằm ngủ, nữ dạ-xoa xoay mình qua một bên hông rồi khóc. Vua hỏi vì sao nàng khóc, nữ dạ-xoa trả lời:

– Thừa Đại vương, thiếp được Đại vương gặp ở giữa đường và đem về cung, nhưng cung của Đại vương có nhiều tỷ thiếp. Sống ở đây giữa thù địch, thiếp cảm thấy như bị nắm đầu chìm xuống, bị choáng váng khi họ hỏi: “Cha mẹ nàng là ai? Dòng họ hay thọ sanh nàng là gì? Nàng chỉ là người được nhặt về giữa đường!” Nếu Đại vương cho thiếp quyền uy và thế lực trên cả vương quốc thì không ai có thể làm thiếp tức giận với câu nói như vậy nữa!

– Nay hiền thê, ta không có quyền đối với những ai ở trong vương quốc này. Ta không phải là chúa tể hay chủ nhân của họ. Những ai làm vua tức giận hay làm điều gì sai quấy, khi ấy ta mới là chủ của họ.¹⁰² Vì lý do này, ta không thể cho hiền thê quyền uy và thế lực trên cả vương quốc.

– Vậy thừa Đại vương, nếu Đại vương không thể cho thiếp thế lực trên cả nước hay trên toàn thành, ít nhất hãy cho thiếp thế lực trên những người ở trong nội cung, để thiếp có thể ngự trị những ai sống trong hoàng cung.

Vua quá đắm say bởi thiên xúc nên không thể từ chối lời nói của nữ dạ-xoa, bèn chấp thuận.

– Lành thay, nay hiền thê, ta sẽ cho hiền thê thế lực đối với những ai sống trong nội cung. Như vậy, hiền thê có thể đặt họ dưới quyền lực của mình.

Nữ dạ-xoa ưng thuận, chờ cho vua ngủ, liền đi về thành dạ-xoa đem theo cả đoàn nữ dạ-xoa vào cung. Rồi nó tự tay đoạt sinh mạng của vua và ăn tất cả gân, da, thịt, máu, chỉ để lại xương. Các nữ dạ-xoa còn lại từ cửa lớn đi vào, bắt ăn từ các con gà, con chó trong nội cung, chúng ăn tất cả, chỉ để lại xương. Ngày hôm sau, thấy cửa còn đóng, người ta đến đập cửa rầm rầm và tìm cách đi vào trong, chỉ thấy xương rải rác khắp nội cung. Thấy vậy, họ nói:

– Người đàn ông ấy đã đúng khi nói rằng, nàng ấy không phải là vợ mình, chính là nữ dạ-xoa! Còn nhà vua không biết chút gì, lấy nó làm vợ. Nữ dạ-xoa ấy chắc đã gọi các con dạ-xoa đến, ăn thịt tất cả rồi bỏ đi.

Còn Bồ-tát, ngày ấy ở tại căn nhà dành cho các người chiêm bái, sau khi đặt bùa cát trên đầu và cột bùa chỉ quanh trán, liền cầm gươm đứng dậy chờ trời sáng. Các người khác dọn sạch toàn bộ nội cung, lát đất với cỏ xanh, thoa hương, rắc hoa, treo từ mái nhà thông xuống những bó hoa, xông hương thơm, cột những vòng hoa, rồi họ tụ họp lại, bàn tính với nhau:

– Thừa các bạn, người ấy chế ngự được các căn, không nhìn nữ dạ-xoa hiện hóa thiên sắc đi theo sau. Người thật là bậc Đại nhân kiên trì, thông minh và đầy đủ trí tuệ! Được người như vậy trị vì vương quốc, tất cả quốc độ sẽ được hạnh phúc. Hãy tôn vị ấy lên làm vua!

¹⁰² Xem *Miln.* 359.

Tất cả các vị đại thần và thị dân đều đồng một ý muốn, liền đi đến Bò-tát và thưa:

– Thưa Hoàng tử, hãy trị vì vương quốc này!

Họ mời Bò-tát vào thành, đặt Bò-tát trên đống châu báu, làm lễ Quán đánh và tôn Bò-tát lên làm vua ở thành Takkasilā. Từ bỏ con đường đưa đến bốn ác thú, không vi phạm mười vương pháp, Bò-tát trị vì quốc độ đúng pháp, trọn đời làm các công đức như bố thí, v.v... rồi đi theo nghiệp của mình khi mạng chung.

Bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ xong liền đọc bài kệ này:

96. Như người mang bát dầu, Đầy ắp không cho đổ,
 Cũng vậy, bảo vệ tâm, Như đi phương hướng lạ!

Như vậy, bậc Đạo sư hướng đến điểm cao nhất của thuyết pháp là Niết-bàn và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, chúng tùy tùng của vua là hội chúng của Như Lai, còn hoàng tử được vương quốc là Ta vậy.

§97. CHUYỆN ĐIỀM LÀNH CỦA TÊN (*Nāmasiddhijātaka*) (J. I. 401)

Thấy Jīvaka chết...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo tin vào sự tác thành của tên gọi. Tương truyền, một thiện nam trẻ tên là Pāpaka (Người Ác), có tâm tín thành vào giáo pháp và xuất gia. Khi các Tỷ-kheo gọi:

– Hãy đến, Hiền giả Pāpaka! Hãy đứng lại, Hiền giả Pāpaka!

Tỷ-kheo ấy nghĩ: “Ồ đời, tên Pāpaka có nghĩa là ác độc, là lời nguyên rủa, ta cần phải đặt một tên khác có liên hệ đến điềm lành.”

Tỷ-kheo ấy đến vị Sư trưởng và Giáo thọ sư thưa:

– Thưa các Tôn giả, tên của con chỉ cho điềm xấu. Hãy đặt cho con một cái tên khác!

Hai vị ấy nói với Tỷ-kheo:

– Này Hiền giả, cái tên chỉ để gọi thôi, không có nghĩa thành tựu mục đích. Hãy tự bằng lòng với cái tên mình!

Tỷ-kheo ấy lại yêu cầu nhiều lần. Chúng Tăng biết được Tỷ-kheo ấy tin tưởng vào điềm lành của tên. Một hôm, các Tỷ-kheo ngồi họp ở pháp đường, và bắt đầu câu chuyện như sau:

– Thưa các Hiền giả, Tỷ-kheo ấy tin tưởng vào điềm lành của tên, yêu cầu đặt một tên liên hệ đến điềm lành.

Bậc Đạo sư đi đến pháp đường hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, nay các ông đang ngồi bàn luận chuyện gì?

Khi được nghe câu chuyện ấy, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay mới như vậy, xưa kia, Tỷ-kheo ấy cũng tin tưởng vào điem lành của tên.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, tại Takkasilā, Bô-tát là một vị Sư trưởng có danh tiếng ở nhiều phương và năm trăm thanh niên Bà-la-môn đến học Vệ-đà, học thuộc lòng. Một thanh niên trong chúng có tên Pāpaka. Được nghe gọi: “Hãy đến Pāpaka, hãy đi Pāpaka!” Anh ta suy nghĩ: “Tên của ta là một điem xấu, ta hãy xin đổi một tên khác.”

Thanh niên đi đến gặp Sư trưởng và thưa:

– Thưa Sư trưởng, tên của con là một điem xấu. Hãy đặt cho con một cái tên khác có tính cách tốt đẹp!

Sư trưởng nói:

– Hãy ra đi, này con thân! Hãy đi trong cả nước tìm được một tên có điem lành mà con thích, rồi trở về đây, ta sẽ đổi tên cho con!

Chàng thanh niên vâng lời, đem theo lương thực lên đường, đi từ làng này sang làng khác và đến một thành phố. Tại đây, có một người đã chết tên là Jīvaka (Người Sống). Anh ta thấy người chết được những bà con đưa đến nghĩa địa bèn hỏi:

– Người ấy tên chi.

– Tên là Jīvaka.

– Jīvaka mà cũng chết ư?

– Jīvaka cũng chết. Ajīvaka (Người Không Sống) cũng chết. Cái tên chi dùng để gọi thôi. Hình như ông là người khùng thì phải.

Nghe nói vậy, chàng thanh niên cảm thấy hơi yên tâm với cái tên của mình và đi vào trong thành. Bấy giờ một tỷ nữ, vì không đem tiền công về, bị những người chủ bắt ra ngoài đường, đánh nó với dây roi. Tên của người nữ tỷ ấy là Dhanapālī (Người Giàu Có). Đang đi giữa đường thấy nữ tỷ bị đánh, anh ta hỏi:

– Vì sao đánh người này?

– Vì nó không đem tiền công về.

– Tên cô ta là gì?

– Tên nó là Dhanapālī.

– Với tên Dhanapālī, cô ta lại không thể cho tiền công sao?

– Dhanapālī hay Adhanapālī (Người Không Giàu Có), chúng đều nghèo khổ. Cái tên chỉ dùng để gọi thôi. Ông hình như khùng thì phải.

Anh ta càng thấy yên tâm hơn nữa với cái tên của mình. Đi ra khỏi thành, giữa đường anh ta gặp một người đi lạc.

Thấy và biết người ấy lạc đường, chàng thanh niên hỏi tên người ấy:

– Ông tên là gì?

– Tên tôi là Panthaka (Người Chỉ Đường)

– Tên là Panthaka mà lại lạc đường sao?

– Panthaka hay Apanthaka (Lạc Đường) đều có thể lạc đường. Cái tên chỉ để gọi thôi. Hình như ông khùng thì phải.

Khi ấy, chàng thanh niên Bà-la-môn hoàn toàn yên tâm với cái tên của mình. Anh ta đi về gặp Bô-tát và được Bô-tát hỏi đã tự bằng lòng với cái tên gì chưa mà trở về, anh ta trả lời:

– Thừa Sư trưởng, Jīvaka hay Ajīvaka đều chết. Dhanapālī hay Adhanapālī đều nghèo. Panthaka hay Apanthaka đều lạc đường. Cái tên chỉ để gọi thôi. Cái tên không tác thành công việc. Cái tên không làm nên công việc. Vì thế, con bằng lòng với tên của mình và không muốn đổi tên khác nữa.

Bô-tát kết hợp điều người thanh niên Bà-la-môn ấy đã thấy và điều người ấy đã làm, rồi nói lên bài kệ này:

97.	Thấy Jīvaka chết,	Dhanapālī nghèo,
	Và thấy Panthaka,	Đi lạc ở trong rừng,
	Pāpaka bằng lòng,	Trở về với tên mình.

Sau khi kể chuyện quá khứ, bậc Đạo sư nói thêm:

– Nay các Tỷ-kheo, nay cũng như trong quá khứ, Tỷ-kheo ấy cũng tin tưởng vào điềm lành của tên.

Rồi bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, kẻ tin tưởng vào điềm lành của tên cũng là Tỷ-kheo hiện nay tin tưởng vào điềm lành của tên, hội chúng của Sư trưởng là hội chúng của Như Lai, còn Sư trưởng là Ta vậy.

§98. CHUYỆN NGƯỜI ĐI BUÔN LỪA ĐẢO (*Kūṭavāṇijajātaka*) (J. I. 403)

Lành thay, vị Paṇḍita...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một người đi buôn lừa đảo. Tại Xá-vệ, có hai người cùng chung nhau làm nghề đi buôn, chở hàng hóa bằng xe, đi khắp toàn quốc, được tiền lời rồi đi về. Người đi buôn lừa đảo suy nghĩ: “Người đi buôn này trải qua nhiều ngày ăn uống, ngủ nghỉ cực khổ nên mệt mỏi. Nay về nhà, được ăn uống thỏa thích với các món ngon, nhiều thứ đặc biệt, nó có thể chết vì bội thực. Ta sẽ chia hàng hóa này thành ba phần, một phần cho con cháu nó, hai phần thuộc về ta.” Nghĩ vậy, kẻ ấy hẹn chia phần

ngày này qua ngày khác, nhưng thực sự không muốn chia. Người đi buôn Hiền trí không muốn bức bách kẻ ấy phải chia nên đi đến tinh xá đánh lễ bậc Đạo sư và được tiếp đón thân tình. Bậc Đạo sư hỏi:

– Có gì trở ngại lớn chẳng? Sao nay ông mới đến đây, đã lâu rồi sao ông không đến hầu thăm đức Phật?

Ông đem tất cả câu chuyện thuật lại với Thế Tôn, bậc Đạo sư nói:

– Nay gia chủ, không phải chỉ nay nó mới là người đi buôn lừa đảo. Thuở xưa, nó cũng là người đi buôn lừa đảo rồi. Nay nó đang muốn lường gạt ông, như trước kia nó đã lường gạt các bậc Hiền trí.

Theo lời thỉnh cầu của người đi buôn Hiền trí, bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình thương gia, đến ngày đặt tên, được đặt tên là Paṇḍita (Hiền Trí). Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát cùng chung vốn với một người đi buôn khác. Người ấy tên là Atipaṇḍita (Đại Hiền Trí). Họ chở hàng hóa trên năm trăm cỗ xe, đi khắp quốc độ, buôn bán hàng hóa, lấy được tiền lời rồi đi về Ba-la-nại. Đến thời chia hàng hóa, Atipaṇḍita nói:

– Tôi phải lấy hai phần.

– Vì sao vậy?

– Bạn là Paṇḍita, tôi là Atipaṇḍita. Paṇḍita xứng đáng được một phần, Atipaṇḍita xứng đáng được hai phần.

– Hai chúng ta bỏ chung về tiền vốn, về bò xe... đều bằng nhau. Sao bạn lại được hai phần?

– Vì ta là Atipaṇḍita.

Như vậy, lời qua tiếng lại tăng thêm, đi đến cãi lộn nhau. Atipaṇḍita nghĩ ra một kế, bảo cha mình trốn vào trong một bông cây và nói:

– Khi nào hai chúng tôi đến, cha hãy nói: “Atipaṇḍita xứng đáng được hai phần.”

Rồi Atipaṇḍita đi đến Bồ-tát và nói:

– Nay bạn, tôi có xứng đáng được hai phần hay không, vị thần của cây này biết, chúng ta đến hỏi thần ấy.

Nó liền yêu cầu thần cây:

– Thưa vị thần cây, chúng tôi có sự tranh chấp, xin ngài giải quyết cho.

Người cha giả thần đổi giọng nói:

– Vậy hãy nói lên.

– Thưa ngài, người này là Paṇḍita, tôi là Atipaṇḍita, chúng tôi cùng nhau buôn bán. Ở đây cần phân chia lợi tức như thế nào?

– Paṇḍita nên được một phần, còn Atipaṇḍita nên được hai phần.

Bồ-tát nghe lời phán quyết tranh chấp như vậy, quyết tìm xem đó có phải thân cây hay không, bèn đem rơm đến, bỏ đầy vào lỗ cây, rồi đốt lửa. Cha của Atipaṇḍita, thân bị đốt bởi ngọn lửa đang cháy, liền leo lên vịn vào cành cây.

Vừa rơi xuống đất, ông vừa nói lên bài kệ:

98. Lành thay, vị Paṇḍita! Atipaṇḍita không lành,
Vì con Atipaṇḍita, Ta gần bị chết thiêu!

Sau đó, cả hai chia đồng đều, lấy nửa phần bằng nhau... rồi về sau, khi mạng chung, họ đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể câu chuyện quá khứ, bậc Đạo sư kết luận với câu:

– Thuở trước, nó là người đi buôn lừa đảo cũng như bây giờ.

Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Kẻ đi buôn lừa đảo lúc ấy là kẻ đi buôn lừa đảo hôm nay, còn người đi buôn tên Paṇḍita là Ta vậy.

§99. CHUYỆN HƠN MỘT NGÀN NGƯỜI (*Parosahassajāta*) (J. I. 405)

Ngàn kẻ ngu tỵ hội...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một câu hỏi của người phạm phu ngoại đạo. Câu chuyện sẽ được kể trong *Chuyện Đại nhân thiện xạ Sarabhaṅga*.¹⁰³

Một thời, các Tỷ-kheo hội họp tại pháp đường, ngồi tán thán công đức của vị Tướng quân Chánh pháp như sau:

– Tướng quân Chánh pháp Sāriputta (Xá-lợi-phất) đã giải thích một cách rộng rãi câu trả lời vấn tắt của bậc Đạo sư.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông nay ngồi đang bàn luận vấn đề gì?

Khi được trả lời về vấn đề đang bàn đến, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Sāriputta mới giải thích một cách rộng rãi câu nói vấn tắt của Ta. Trong thời quá khứ, Sāriputta cũng đã trả lời như vậy.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadaṭṭa trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một Bà-la-môn phương Tây Bắc, học tất cả tài nghệ ở Takkaṣilā. Rồi

¹⁰³ Xem J. V. 125, *Sarabhaṅgajāta* (*Chuyện Đại nhân thiện xạ Sarabhaṅga*), số §522.

ngài từ bỏ đục, xuất gia làm vị tiên nhân du sĩ, chúng được năm thắng trí và tám thiện chứng và trú tại Tuyết sơn. Bồ-tát có năm trăm vị tu khổ hạnh vây quanh. Vị đệ tử đầu tay của ngài, trong mùa mưa, đem theo một nửa hội chúng tu sĩ đi đến chỗ ở của quần chúng để xin muối và giấm. Đây là thời Bồ-tát phải đi đến mạng chung. Các đệ tử muốn biết sự chứng đắc của ngài, liền hỏi:

– Ngài đạt được quả vị gì?

Bồ-tát trả lời:

– Không có gì.

Nói vậy xong, ngài từ trần và sanh lên cõi Phạm thiên Quang Âm. (Các Bồ-tát có thể được thiện chứng sắc giới, nhưng không thể vượt qua sắc giới để sanh vào vô sắc giới). Các đệ tử không hiểu ý nghĩa lời nói ấy, liền nói:

– Thầy chúng ta đã không chứng được gì.

Vì vậy, họ không có tổ chức lễ thiêu ở nghĩa địa một cách cung kính. Người đệ tử đầu tay trở về và hỏi:

– Sư trưởng ở đâu?

– Sư trưởng đã tịch rồi.

– Các bạn có hỏi Sư trưởng chứng đắc gì không?

– Vâng, chúng tôi có hỏi.

– Sư trưởng trả lời như thế nào?

– Sư trưởng trả lời: “Không có gì!” Nghe nói vậy, chúng tôi không làm lễ thiêu ở nghĩa địa một cách cung kính.

Vị đệ tử đầu tay nói:

– Các bạn không hiểu ý nghĩa của lời Sư trưởng nói. Sư trưởng đã đạt được thiện chứng Vô sở hữu xứ [không có gì].

Chúng đệ tử nghe vị ấy nói vậy nhiều lần nhưng không tin. Bồ-tát biết được sự việc, suy nghĩ: “Các người ấy thật là mù và ngu. Chúng không tin đệ tử đầu tay của ta! Ta sẽ làm cho sự việc này trở thành rõ ràng trước đại chúng.”

Rồi Bồ-tát từ Phạm thiên giới đi xuống, với thần lực lớn đứng giữa hư không, trên tu viện của mình, tán thán trí tuệ của đệ tử trưởng và nói lên bài kệ này:

99. Ngàn kẻ ngu tụ hội, Khóc than một trăm năm,
Không bằng một người trí, Hiểu nghĩa lời được nói.

Như vậy, bậc Đại sĩ đứng giữa hư không thuyết pháp, làm cho hội chúng các vị tu khổ hạnh tỉnh ngộ, rồi đi về Phạm thiên giới. Các vị tu khổ hạnh ấy trở thành có trí và sau khi mạng chung cũng đều được tái sanh về cõi Phạm thiên.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị đệ tử đầu tay là Sāriputta, còn Đại Phạm thiên là Ta vậy.

§100. CHUYỆN SẮC THÂN BÁT LẠC (*Asātarūpajātaka*)¹⁰⁴ (J. I. 406)

Chính đắng, không phải ngọt...

Câu chuyện này, khi ở tại rừng Kuṇḍadhāna gần thành Kuṇḍiya, bậc Đạo sư đã kể về nữ cư sĩ Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya. Lúc bấy giờ, nữ cư sĩ ấy mang thai đã bảy năm, chịu đau đớn khi sanh đến bảy ngày, cảm thọ rất khốc liệt. Dầu bị khổ đau khốc liệt, nàng vẫn chịu đựng với ba tư niệm này: “Chánh Đẳng Giác là bậc Thế Tôn, Ngài thuyết pháp để đoạn trừ đau khổ như vậy. Tăng chúng, đệ tử của Thế Tôn, khéo hành trì để đoạn trừ đau khổ như vậy. Đại an lạc là Niết-bàn, tại đây, đau khổ không có mặt.”

Nàng cho gọi chồng lại, bảo chồng đến yết kiến bậc Đạo sư, trình Ngài biết tình trạng của nàng và những lời đánh lẽ của nàng.

Sau khi nghe những lời đánh lẽ, bậc Đạo sư liền chú nguyện: “Mong rằng Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya được an lạc, được khỏe mạnh và nàng sẽ sanh ra đứa con trai khỏe mạnh.” Nhờ lời nói ấy của Thế Tôn, Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya an lạc khỏe mạnh, sanh ra được một đứa con trai khỏe mạnh. Chồng nàng đi về nhà, thấy nàng đã sanh được con trai, nói:

– Ôi, thật vi diệu thay!

Và tâm tư ông hết sức khâm phục đại thần lực vi diệu của Như Lai. Sau khi sanh con, Suppavāsā muốn cúng dường trong bảy ngày cho chúng Tăng với đức Phật là vị dẫn đầu, liền bảo chồng đi mời.

Lúc bấy giờ, đức Phật và Tăng chúng cũng được một tín chủ của Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên) mời cúng dường. Bậc Đạo sư muốn tạo cơ hội cho Suppavāsā cúng dường, liền cử người đến bậc Trưởng lão, tin cho Trưởng lão biết là Ngài đã nhận sự cúng dường của Suppavāsā trong bảy ngày với chúng Tỷ-kheo.

Đến ngày thứ bảy, Suppavāsā mặc áo đẹp cho đứa con tên là Sīvali, bảo con đánh lễ bậc Đạo sư và chúng Tỷ-kheo. Tuần tự thứ lớp, đứa con được đưa đến Trưởng lão Sāriputta (Xá-lợi-phất). Trưởng lão thân mật đón tiếp đứa trẻ và hỏi:

– Nay Sīvali, mọi việc đều tốt đẹp với con chăng?

Đứa trẻ liền nói với Trưởng lão:

– Thưa Tôn giả, sao con có thể an lạc được! Trong bảy năm, con đã sống trong bình máu.

Suppavāsā nghe vậy, hết sức hoan hỷ nói:

¹⁰⁴ Tham chiếu: *Ud. 15, Suppavāsāsutta (Kinh Suppavāsā)*; *Pháp cú kinh* “Thế tục phẩm” 法句經世俗品 (T.04. 0210.21. 0566a19); *Pháp cú thí dụ kinh* “Thế tục phẩm” 法句譬喻經世俗品 (T.04. 0211.21. 0594a04); *Xuất diệu kinh* “Niệm phẩm” 出曜經念品 (T.04. 0212.6. 0649a06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Ái lạc phẩm” 法集要頌經愛樂品 (T.04. 0213.5. 0779c23).

– Con tôi mới có bảy ngày, đã thảo luận với bậc Tướng quân Chánh pháp về vấn đề giác ngộ.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Nay Suppavāsā, con có muốn các con trai khác như vậy không?

– Bạch Thế Tôn, nếu có được bảy đứa con trai như vậy, con cũng muốn.

Sau khi nói lời cảm hứng, bậc Đạo sư hoan hỷ khích lệ và đi về. Thiếu niên Sīvali vào năm thứ bảy, hiến tâm mình cho đạo và xuất gia. Khi tuổi được đầy đủ, vị ấy thọ Đại giới, làm các công đức, đạt được lợi đắc cao nhất trên cõi đất, tức là quả A-La-hán và khiến quả đất vang lên tiếng động hoan nghênh.

Một hôm, các Tỷ-kheo hội họp tại pháp đường, nói như sau:

– Hiền giả Sīvali được đại phước như vậy là do cầu nguyện, cuối cùng mới được sanh, bảy năm ở trong bình máu, bảy ngày chịu trận đau đẻ. Ôi, hai mẹ con chịu đựng đau khổ lớn. Cả hai đã tạo nghiệp gì sanh quả vậy?

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông nay ngồi ở đây bàn luận vấn đề gì?

Sau khi nghe vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, Sīvali là người đại phước, bảy năm ở trong bình máu, bảy ngày chịu trận đau đẻ, căn bản là do nghiệp tự mình tạo ra. Còn Suppavāsā chịu đau khổ mang thai trong bụng bảy năm, chịu khổ đau vì sanh đẻ bảy ngày, căn bản cũng do nghiệp mình tạo ra.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát đầu thai làm con bà hoàng hậu của vua, đến tuổi trưởng thành, ngài học tất cả tài nghệ. Sau khi phụ vương mất, ngài trị vì vương quốc đúng pháp. Lúc bấy giờ, vua xứ Kosala đi đến với một đạo quân lớn chiếm lấy Ba-la-nại, giết vua xứ Ba-la-nại, lấy hoàng hậu của vua làm hoàng hậu của mình.

Khi cha bị giết, hoàng tử con vua xứ Ba-la-nại chạy trốn ngang qua các ống cống, tập hợp lực lượng, đi đến Ba-la-nại, cắm trại không xa, gửi tin nói:

– Hãy giao thành hay giao chiến?

Vua gửi tin trả lời sẵn sàng đánh. Mẹ hoàng tử nghe sự việc như vậy, nhắn tin con:

– Chớ đánh. Hãy cắt đứt giao thông từ mọi phía, bao vây thành Ba-la-nại, chờ cho đến khi nào cùi, nước, gạo khánh kiệt, mọi người mệt mỏi, không cần đánh con cũng sẽ lấy được thành.

Hoàng tử nghe lời khuyên của mẹ, trong bảy ngày cắt đứt đường giao thông và vây chặt thành phố. Dân thành phố không nhận được tiếp viện đến bảy ngày.

Ngày thứ bảy họ lấy đầu vua và đem nạp cho hoàng tử. Hoàng tử đi vào thành, lấy lại vương quốc và khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

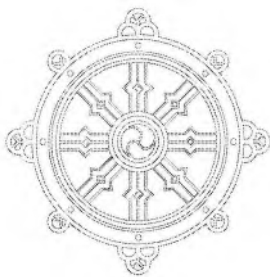
Hoàng tử đã cắt đứt đường giao thông, vây hãm thành bảy ngày, do kết quả của hành động ấy, phải sống bảy năm trong bình máu và chịu [con đau] bảy ngày vì người mẹ khó sanh. Nhưng vì hoàng tử cúi đầu đánh lễ chân đức Phật Padumuttara, cầu nguyện với bố thí lớn để chứng được quả vị tối thượng. Lại nữa, trong thời đức Phật Vipassī (Tỳ-bà-thi), hoàng tử cùng với thị dân bố thí đường, sửa đống, v.v... trị giá ngàn đồng vàng và cũng nói lên lời cầu nguyện ấy; do vậy, với uy lực của mình, hoàng tử chứng được quả tối thượng. Vì Suppavāsā gửi tin báo con vây và chiếm thành nên nàng phải mang thai bảy năm và chịu con đau sanh đẻ bảy ngày.

Bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ xong, liền đọc bài kệ này:

100. Chính đấng, không phải ngọt, Chính hận, không phải ái,
Chính khổ, không phải lạc, Nhiếp phục kẻ phóng dật.

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, hoàng tử vây hãm thành và lấy được vương quốc là Sīvali, người mẹ là Suppavāsā và người cha, vua xứ Ba-la-nại là Ta vậy.



XI. PHẨM HƠN MỘT TRĂM NGƯỜI (*PAROSATAVAGGA*)

§101. CHUYỆN HƠN MỘT TRĂM NGƯỜI (*Parosatajātaka*) (J. I. 410)

Trăm kẻ ngu tỵ hội...

101. Trăm kẻ ngu tỵ hội, Thiên tư một trăm năm,
Không bằng một người trí, Hiểu nghĩa lời Phật dạy.

Tiền thân về câu chuyện này, giải thích và nhận diện tiền thân đều giống như *Chuyện hơn một ngàn người*,¹⁰⁵ chỉ riêng ở đây đề cập đến *jhāyeyya* (thiền tư).

§102. CHUYỆN NGƯỜI BÁN RAU (*Paṇṇikajātaka*) (J. I. 411)

Người đáng che chở ta...

Câu chuyện này, khi trú tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một cư sĩ bán rau trái. Nghe nói, có một cư sĩ trú ở Xá-vệ, buôn các loại củ và lá, các loại bí, bầu, v.v... để nuôi sống; cư sĩ ấy có một người con gái xinh đẹp, tín thành, đầy đủ chánh hạnh, giới đức, biết tâm, biết quý, nhưng luôn luôn có nụ cười trên mặt.

Khi các gia đình môn đăng hộ đối đến xin hỏi cưới nàng, người cư sĩ suy nghĩ: “Con gái của ta cần phải gả chồng, nhưng nó có tật hay cười. Khi một đứa con gái đứng đắn, đưa đến một gia đình khác có tật hay cười là một cái nhục cho bố mẹ. Ta phải tìm hiểu, nó có phải là người con gái tốt nét hay không.”

Một hôm, cư sĩ bảo người con gái đem giỏ theo, đi vào rừng để hái lá trong rừng. Rồi để thử nàng, cư sĩ cầm tay nàng nói những lời kín đáo tỏ tình như muốn phạm lỗi, nàng liền bật khóc và than:

– Thừa cha thân, làm vậy không tốt, giống như lửa hiện ra từ nước. Chớ làm vậy!

– Nay con thân, chỉ vì cha muốn thử con nên cha mới cầm tay con. Con hãy nói lên: “Nay con vẫn là đứa con gái có đức hạnh.”

– Từ trước đến nay, con chưa nhìn người đàn ông nào với lòng tham ái!

Người cha an ủi con gái, dắt về nhà, tổ chức tiệc cưới và đưa con gái về nhà chồng. Rồi người cư sĩ ấy quyết định đi đánh lễ bậc Đạo sư, đem theo hương, vòng hoa... Ông đến Kỳ Viên, đánh lễ bậc Đạo sư, cúng dường rồi ngồi xuống một bên. Khi được hỏi vì sao lâu nay không thấy đến, người cư sĩ ấy thuật câu chuyện cho Thế Tôn rõ. Bậc Đạo sư nói:

¹⁰⁵ Xem J. I. 405, *Parosahassajātaka* (*Chuyện hơn một ngàn người*), số §99.

– Này cư sĩ, thiếu nữ này từ lâu đã sống có chánh hạnh, có giới đức. Không phải chỉ nay, ông mới thử nó. Chính trong quá khứ, ông cũng đã thử rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm một thân cây ở trong rừng. Một người cư sĩ bán rau trái ở Ba-la-nại (câu chuyện giống như câu chuyện hiện tại). Khi người cư sĩ cầm tay con gái để thử lòng, cô con gái bật khóc và nói lên bài kệ này:

102.	Người đáng che chở ta, Người ấy là cha ta, Chính tại giữa khu rừng, Người đáng che chở ta,	Trong khi ta đau khổ, Lại làm quấy với ta. Ta khóc việc làm ấy, Lại là kẻ thù ta.
------	---	--

Khi ấy, người cha an ủi con gái, hỏi nàng có biết giữ gìn bản thân không, người con gái trả lời, nàng biết giữ gìn bản thân mình. Người cha đem nàng về nhà, tổ chức tiệc cưới và đưa về nhà chồng.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư giảng về các sự thật. Và cuối bài giảng ấy, người bán rau được an trú vào quả Dự lưu. Rồi bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Người cha và con gái lúc bấy giờ là người cha và con gái hiện tại, thân cây chứng kiến sự việc ấy là Ta vậy.

§103. CHUYỆN KẺ THÙ (*Verijātaka*) (J. I. 412)

Tại chỗ kẻ thù ở...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về ông Cấp Cô Độc. Nghe nói, Cấp Cô Độc khi đến làng mà ông đang làm thôn trưởng để giải quyết công việc, trên đường trở về, ông thấy bọn ăn trộm, liền nghĩ: “Thật không nên chậm trễ giữa đường. Ta phải đi gấp về Xá-vệ.” Ông thúc bò đi thật mau, đến được Xá-vệ trong ngày hôm sau, đi đến Kỳ-Viên, ông kể lại sự việc cho bậc Đạo sư rõ. Bậc Đạo sư nói:

– Này gia chủ, thuở trước, các vị Hiền trí giữa đường thấy bọn ăn trộm, đã vội đi ngay về nhà, không chậm trễ.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là vị triệu phú có tài sản lớn. Bồ-tát được một dân làng mời đi ăn. Ăn xong, trên đường trở về, Bồ-tát thấy những tên ăn trộm, Bồ-tát không ở lại giữa đường, thúc bò đi gấp

§105. CHUYỆN NHÁNH CÂY YẾU ỚT (*Dubbalakaṭṭhajātaka*) (J. I. 414)*Rừng này có nhiều cành...*

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo sống trong tình trạng hoảng sợ. Tương truyền, một thiện nam tử ở Xá-vệ, sau khi nghe pháp, xuất gia, nhưng lại luôn luôn sợ chết, ban đêm cũng như ban ngày. Bất cứ chỗ nào nghe tiếng gió thổi, cành cây khô rơi, chim kêu hay tiếng vật bốn chân, vị ấy liền la hét bỏ chạy. Vị ấy không biết, có thành tức có hoại; nếu vị ấy biết: “Các hành là vô thường, ta sẽ chết” thì vị ấy sẽ không sợ chết.

Vì không tu tập niệm chết nên mới sợ chết. Tánh sợ chết của vị ấy được chúng Tỷ-kheo biết đến. Một hôm, các Tỷ-kheo ở tại pháp đường, khởi lên câu chuyện:

– Nay chư Hiền, Tỷ-kheo tên này, bị sự chết làm hoảng hốt nên sợ chết. Vậy mỗi Tỷ-kheo cần phải tu tập pháp môn niệm chết rằng: “Ta thế nào cũng phải chết.”

Bậc Đạo sư đi đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông ngồi họp tại đây đang bàn luận vấn đề gì?

Khi được nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư cho gọi Tỷ-kheo ấy đến, hỏi có thật vị ấy sợ chết chẳng, khi được Tỷ-kheo ấy trả lời có thật, bậc Đạo sư nói với các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, chớ có tư tưởng không hoan hỷ đối với Tỷ-kheo này. Không phải chỉ nay, vị ấy mới sợ chết. Trong quá khứ, vị ấy cũng đã sợ chết rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì thành Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm thân cây ở Tuyết sơn. Lúc bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại đem con voi báu của mình giao cho các người nài voi để huấn luyện nó đừng dao động. Họ cột chặt con voi bắt động vào một cột trụ, và với gậy nhọn cầm tay, họ vây quanh và bắt đầu huấn luyện voi, tập tánh bất động. Khi con voi bị bắt tập như vậy, không thể chịu nổi đau khổ, liền bẻ gãy cây cột, đuổi các người tập và đi vào Tuyết sơn. Người ta không thể bắt nó được, bèn đi trở về.

Tại đây, con voi bắt đầu sợ chết, nghe tiếng gió động, nó hoảng hốt sợ chết, đập vòi qua lại và chạy thật nhanh như khi nó bị cột vào cây cột, tập đừng dao động. Không hưởng được thân thoải mái hay tâm thoải mái, nó đi lang thang trong sự dao động. Thân cây thấy nó, đứng trên chỗ nhánh chia hai của thân cây, nói lên bài kệ này:

105. Rừng này có nhiều cành,
Này voi, nếu ngươi sợ,

 Gió bẻ gãy cành mục,
 Ngươi sẽ ôm yếu thôi.

Như vậy, thần cây khuyên dạy con voi ấy. Từ đó trở đi, con voi không sợ hãi nữa.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết về các sự thật. Cuối bài giảng, Tỷ-kheo ấy chứng quả Dự lưu. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con voi là Tỷ-kheo ấy, còn thần cây là Ta vậy.

§106. CHUYỆN MỨC NƯỚC (*Udañcanijātaka*) (J. I. 416)

Hạnh phúc, đời sống tôi...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về sự cảm dỗ của một thiếu nữ béo mập. Câu chuyện này sẽ được kể trong chương XIII, *Chuyện tiểu đạo sĩ Nārada*.¹⁰⁷ Bậc Đạo sư nói với Tỷ-kheo ấy:

– Có thật chăng, này Tỷ-kheo, ông bị luyến ái?

Khi được trả lời là thật có như vậy, bậc Đạo sư hỏi:

– Ông luyến ái ai?

Tỷ-kheo ấy trả lời:

– Con luyến ái một thiếu nữ béo mập.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Tỷ-kheo, người thiếu nữ này đã làm chuyện không tốt lành cho ông. Thuở xưa, cũng vì thiếu nữ này, ông đã gặp nạn, đi lang thang dao động, may nhờ có bậc Hiền trí, ông mới lấy lại an lạc.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, chuyện này đã xảy ra. Câu chuyện này sẽ được kể trong *Chuyện tiểu đạo sĩ Nārada*. Lúc bấy giờ, vào buổi chiều, Bồ-tát mang trái cây đi đến am thất bằng lá, mở cửa và nói với con trai là Cullatāpasa (Tiêu Khổ Hạnh):

– Này con thân, trong những ngày trước, con đã đem củi, nước uống, thức ăn và đốt lửa. Nhưng hôm nay, con không làm một việc gì cả mà nằm với vẻ mặt buồn bã, bơ phờ như vậy?

– Thừa cha thân, khi cha đi hái các loại trái, v.v... một nữ nhân đến cảm dỗ con và muốn đem con đi. Nhưng con không đi vì chưa được phép cha. Con bảo nàng ngồi tại chỗ ấy, chờ đợi con đến. Nay thừa cha thân, con muốn ra đi.

Bồ-tát biết rằng, con mình quá say mê luyến ái, không thể từ bỏ nữ nhân ấy, nên nói:

– Này con thân, con cứ đi đi! Nhưng khi nào cô ấy muốn ăn cá thịt, v.v...

¹⁰⁷ Xem J. IV. 219, *Cullanārada-jātaka* (*Chuyện tiểu đạo sĩ Nārada*), số §477.

và cần dùng các món bơ chín, muối, gạo, v.v... và sai con đi tìm để mang về cái này cái khác, làm con mệt mỏi, hãy nhớ am thất của cha và chạy trốn về đây!

Rồi Bồ-tát cho đưa con đi. Đưa con ấy cùng với nữ nhân đi về chỗ ở của dân chúng. Nữ nhân ấy về nhà mình, khi cần dùng vật gì, liền sai người tình đi lấy:

– Hãy mang thịt về, hãy mang cá về!

Khi ấy, đưa con trai suy nghĩ: “Nữ nhân này hành hạ ta chẳng khác đầy tớ hay người nô lệ của mình.” Cậu liền bỏ trốn, đi về với người cha, đánh lễ cha, rồi đứng dậy và nói bài kệ này:

106. Hạnh phúc, đời sống tôi,	Bị nữ tặc cướp mất,
Nhân danh là vợ tôi,	Tôi phải nấu, phải nướng,
Phải múc nước, gánh nước,	Phải xin muối, xin dầu!

Rồi Bồ-tát an ủi con trai, dạy cậu tu tập lòng từ, lòng bi, hạnh hỷ, hạnh xả và trình bày đối tượng thiền quán. Người con trai ấy không bao lâu, đắc các thắng trí và thiền chứng, cùng với người cha được sanh lên Phạm thiên giới.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng về các sự thật. Cuối bài giảng, Tỷ-kheo ấy chứng quả Dự lưu. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Người thiếu nữ béo mập thời ấy là người thiếu nữ béo mập hiện nay, Cullatāpasa là Tỷ-kheo bị luyện ái, còn người cha là Ta vậy.

§107. CHUYỆN NGHỀ NÉM ĐÁ (*Sālittakajātaka*) (J. I. 418)

Lành thay một nghề tình...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Tỷ-kheo đã ném trúng con ngỗng trời. Nghe nói, có một thiện nam tử ở Xá-vệ, đạt thuần thực trong nghề ném đá. Vị này nghe pháp, hiến tâm cho đạo, xuất gia và được thọ Đại giới. Nhưng vị ấy không ưa học tập và không đạt được thù thắng trong đức hạnh. Một hôm, vị ấy đưa một Tỷ-kheo trẻ đi đến sông Aciravatī tắm, còn vị ấy đứng trên bờ. Lúc ấy, hai con ngỗng trời màu trắng bay ngang qua hư không. Vị ấy nói với Tỷ-kheo trẻ:

– Với hòn đá, ta sẽ ném trúng mắt con ngỗng trời bay sau, làm cho ngỗng rơi xuống dưới chân ta.

Người kia nói:

– Bằng cách nào làm rơi được? Thầy không thể quăng trúng đâu.

– Hãy chờ một lát! Ta sẽ quăng trúng con mắt bên phía này xuyên qua con mắt bên phía kia.

– Chuyện thầy nói không thể xảy ra.

– Vậy ông hãy đợi xem.

Vị ấy cầm một hòn đá có ba cạnh, dùng ngón tay liệng hòn đá về phía sau lưng con ngỗng trời ấy. Con ngỗng trời nghe tiếng đá bay, nghĩ rằng có nguy hiểm, quay đầu lại để nghe. Trong giây phút ấy, vị ấy lấy một hòn đá tròn, khi con ngỗng trời đang quay đầu lại, liền quăng hòn đá trúng con mắt ở phía bên kia của ngỗng trời. Hòn đá đi xuyên qua con mắt bên này. Con ngỗng trời kêu lên một tiếng lớn, rồi rơi xuống dưới chân hai vị.

Vị Tỷ-kheo kia thấy vậy, trách Tỷ-kheo ấy đã làm một việc hoàn toàn không thích đáng, rồi dẫn vị ấy đến gặp bậc Đạo sư và kể việc làm không tốt đẹp kia. Bậc Đạo sư quả trách Tỷ-kheo ấy và nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Tỷ-kheo ấy mới thiện xảo trong nghề của mình. Thuở xưa, vị ấy cũng đã thiện xảo rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một đại thần của vua. Lúc bấy giờ, vị cố vấn tế tự của vua nói nhiều, lắm mồm lắm miệng. Khi ông ta bắt đầu nói, người khác không có cơ hội để nói. Nhà vua suy nghĩ: “Ta phải tìm cho được người có thể cắt đứt lời nói của nó.” Từ đó, vua đi tìm một người như vậy.

Lúc bấy giờ, ở Ba-la-nại có một người què, thuần thục trong nghề ném đá. Các đứa trẻ trong làng đặt người đó trên chiếc xe nhỏ, kéo ra cửa thành Ba-la-nại. Tại đó, có một cây bàng lớn, có nhiều cành lá rậm rạp. Các đứa trẻ đưa người đó ra tại đây, vây quanh và cho người đó một số tiền nhỏ bảo làm hình con voi, con ngựa, v.v... Người đó ném đá và tạo thành hình các con vật trên các ngọn lá của cây bàng. Tất cả đều bị cắt qua cắt lại như vậy.

Rồi nhà vua trong khi đi dạo công viên đến tại chỗ ấy. Các đứa trẻ sợ nguy hại của vua nên bỏ chạy, chỉ còn lại người què nằm đó. Vua đi đến gốc cây bàng, ngồi trên xe, thấy từng đám lá cây loang lổ, ngó lên thấy tất cả lá bị cắt đứt, liền hỏi ai đã làm như vậy. Khi được nói chính là người què đã làm như vậy, nhà vua suy nghĩ: “A, nhờ người này, nay đã có cách có thể cắt lời nói của vị Bà-la-môn ấy được rồi!”

Vua bèn hỏi người què ở đâu. Chúng đi tìm, thấy người đó nằm dưới gốc cây, liền báo cho vua biết. Vua kêu người đó lại, bảo các tùy tùng tránh xa và hỏi:

– Chúng tôi có một vị Bà-la-môn lắm mồm lắm miệng, người có thể làm cho ông ta ngưng nói được không?

– Thưa Đại vương, có thể được, nếu tôi có hột phân dê khô đầy một ống thổi.

Vua đem người què về cung, bảo người què ngồi sau lưng một cái màn có một lỗ hờ, đặt ghế ngồi của vị Bà-la-môn hướng về lỗ hờ ấy và cho đặt gần người què một ống thổi đầy phân dê khô. Vị Bà-la-môn đi đến hầu vua, ngồi

trên cái ghế riêng của ông ta và bắt đầu câu chuyện. Cũng như bao lần trước, ông ta không cho ai khác có cơ hội để nói.

Bấy giờ, người què ngang qua lỗ hở của màn, bắn phân dê từng viên một vào đúng cổ họng của vị Bà-la-môn như những con ruồi tuần tự đi vào. Vị Bà-la-môn nuốt các viên phân ấy mỗi khi chúng bay đến. Khi tất cả viên phân dê từ ống thổi đã đi vào bụng vị Bà-la-môn, chúng nở to lên bằng nửa *ālḥaka*.¹⁰⁸ Khi vua biết được các viên phân dê không còn nữa, mới nói:

– Này Sư trưởng, ông nói nhiều quá nên đã nuốt các viên phân dê đầy cả một ống mà không hay biết gì! Ông không thể nào tiêu hóa nhiều hơn thế nữa. Hôm nay, hãy về uống nước cây tắc để nôn ra và được khỏi bệnh.

Từ đó về sau, người cổ vắn tể tự ngồi với miệng ngậm cầm, không nói gì trong khi bàn luận. Vua nói:

– Lỗ tai của ta được an lạc nhờ người què này!

Vua cho người què bốn làng trong bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc có huê lợi một trăm ngàn đồng.

Sau đó, Bồ-tát đi đến hầu vua và thưa:

– Thưa Đại vương, nghề này, các bậc Hiền trí ở đời cần phải học. Chỉ nghề ném đá đã đem lại cho người què kết quả vinh hiển như vậy.

Nói xong, Bồ-tát đọc bài kệ:

107. Lành thay một nghề tinh,	Dầu đó là nghề gì,
Xem kẻ què ném đá,	Được làng cả bốn phương.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, người què là vị Tỷ-kheo này, vua là Ānanda, còn vị đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§108. CHUYỆN CÔ THÔN NỮ (*Bāhiyajātaka*) (J. I. 420)

Hãy học điều cần học...

Câu chuyện này, khi trú ở ngôi nhà lớn có nóc nhọn tại Đại Lâm, gần Tỳ-xá-ly, bậc Đạo sư đã kể về một người Licchavi. Nghe nói, vị vua xứ Licchavi này có lòng tin, hoan hỷ mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị đứng đầu, và tổ chức một lễ cúng dường lớn tại trú xứ của mình. Bà vợ của vua, tay chân béo mập, như có tướng phát phì ra và ăn mặc lôi thôi. Bậc Đạo sư dùng cơm xong, nói lời tùy hỷ, rồi đi về tịnh xá. Sau khi giáo giới các Tỷ-kheo, Ngài vào hương phòng. Các Tỷ-kheo ngồi họp tại pháp đường bắt đầu câu chuyện.

– Này các Hiền giả, vua xứ Licchavi ấy đẹp trai như vậy, lại có bà vợ tay chân béo mập, ăn mặc lôi thôi. Sao vua có thể thương một người như vậy?

¹⁰⁸ *Ālḥaka*: Một đơn vị đo lường, 1 *ālḥaka* khoảng hơn một lít.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi tại đây đang bàn luận về vấn đề gì?
Sau khi nghe vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay mà thôi, thuở xưa, vị ấy cũng đã thương mến nữ nhân thân thể béo mập rồi!

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là vị đại thần của vua. Có một nữ nhân thôn quê, thân thể béo mập, ăn mặc lôi thôi, làm công ăn lương, đang đi ngang qua gần sân châu của nhà vua, cảm thấy thân bị bức bách, bèn ngồi xuống lấy áo che thân, giải tỏa sự bức bách của thân và nhanh nhẹn đứng dậy.

Lúc bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại tình cờ đang nhìn xuống, ngang qua cửa sổ, thấy nữ nhân ấy liền suy nghĩ: “Người này trong khi giải tỏa sự bức bách của thân tại sân vua như vậy, vẫn không từ bỏ tầm quý, dùng áo che đây, giải tỏa bức bách xong liền đứng dậy một cách nhanh nhẹn. Nữ nhân này chắc chắn khỏe mạnh, nhà cửa nữ nhân này chắc chắn sạch sẽ. Với nhà cửa sạch sẽ, nếu nàng có một đứa con, đứa con ấy chắc chắn sẽ được sạch sẽ và sống có giới đức. Ta phải đặt người này lên làm hoàng hậu.”

Sau khi biết được nữ nhân này chưa thuộc sở hữu của ai, vua bèn cho gọi nữ nhân ấy đến và đặt nàng vào địa vị hoàng hậu. Nàng trở thành người được vua yêu thương và thân thiết. Không bao lâu, nàng sanh được con trai. Nhà vua đặt con trai nàng lên làm Chuyển Luân Vương. Bồ-tát nghe câu chuyện về sự may mắn của nàng, liền dùng cơ hội này thưa với vua:

– Thưa Đại vương, phạm việc gì, cần phải làm cho được tốt đẹp, sao lại không học tập? Sự việc này, do nữ nhân có đức hạnh lớn, khi giải tỏa sự bức bách của thân, vẫn không từ bỏ tầm quý, biết dùng phương tiện che đây, khiến Đại vương đẹp lòng và ban cho nàng phước lớn như vậy.

Rồi để tán thán mọi việc cần phải làm cho được tốt đẹp, Bồ-tát đọc bài kệ này:

108.	Hãy học điều cần học,	Dầu có kẻ cứng đầu.
	Gái quê khéo tiểu tiện,	Làm đẹp lòng đức vua.

Như vậy, Bồ-tát nói lời tán thán những ai đã làm tốt đẹp những điều cần phải học.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Hai vợ chồng thời ấy là vợ chồng hiện tại, còn vị đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§109. CHUYỆN BÁNH BỘT TRÁU ĐỎ (*Kuṇḍakapūvajātaka*) (J. I. 422)

Người cúng ăn thứ gì...

Câu chuyện này, khi trú ở Xá-vệ, bậc Đạo sư đã kể về một người rất nghèo khổ. Ở Xá-vệ, khi thì chỉ một gia đình cúng dường chúng Tăng với đức Phật là vị đứng đầu, khi thì ba bốn gia đình hợp lại, khi thì chúng hội, khi thì cả một khu phố chung lại, khi thì cả thành chung lại, đóng góp cúng dường. Nhưng nay là người của cả con đường chung sức lại cúng dường các thức ăn với cháo và bánh.

Lúc bấy giờ, có một người rất nghèo khổ, làm thuê cho các người khác cũng ở trong con đường ấy, tự nghĩ: “Ta không thể cúng dường cháo. Ta cúng dường bánh vậy!” Anh ta cạo lấy bột đỏ của vỏ trấu mềm nhào với nước, gói bánh ấy trong ngọn lá bạch vi, rồi nướng bánh trong than đỏ. Với ý định đem cúng dường đức Phật, anh ta cầm bánh ấy đi đến đứng trước mặt đức Phật. Khi mới nghe nói: “Hãy đem bánh đến cúng dường”, anh ta liền đến trước tất cả mọi người và đặt các bánh vào trong bát bậc Đạo sư. Bậc Đạo sư không nhận lấy bánh của những người khác, chỉ ăn các bánh của anh ta. Khi ấy, toàn thành đều đồn vang: “Bậc Chánh Đẳng Giác không khinh chê bánh làm bằng bột trấu đỏ của người nghèo khổ và đã ăn bánh ấy.”

Khi ấy, từ vua, đại thần... cho đến các người gác cửa, tất cả đều hội họp lại, đánh lễ bậc Đạo sư, rồi đi đến người nghèo khổ ấy và nói:

– Hãy lấy đồ ăn, hãy lấy hai trăm, hãy lấy năm trăm đồng tiền, nhưng cho chúng tôi công đức cúng dường bánh ấy!

Người nghèo khổ nghĩ: “Phải hỏi bậc Đạo sư rồi ta mới quyết định.”

Anh ta đi đến bậc Đạo sư và thưa lại câu chuyện ấy. Bậc Đạo sư nói:

– Hãy lấy toàn bộ tài sản họ cho, nhưng hồi hướng công đức ấy về cho tất cả chúng sanh!

Anh ta bắt đầu nhận tiền. Một số người cho gấp hai, gấp bốn, gấp tám kẻ khác... Như vậy, cho đến khi anh ta nhận được chín trăm ngàn tiền vàng. Bậc Đạo sư nói lời tùy hỷ, rồi đi về tinh xá. Sau khi nói lên những công việc phải làm và khuyến giáo lời tốt lành cho các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư đi vào hương phòng.

Vào buổi chiều, vua cho gọi người nghèo khổ ấy đến và mời anh ta làm quan giữ kho bạc cho vua. Các Tỷ-kheo ngồi họp tại pháp đường bắt đầu câu chuyện như sau:

– Nay các Hiền giả, bậc Đạo sư đã ăn bánh bằng bột trấu đỏ của người nghèo khổ như ăn món bất tử. Nhờ vậy, người nghèo khổ được nhiều tiền và được địa vị làm quan giữ kho bạc, được nhiều phước lộc lớn lao.

Bậc Đạo sư đến hỏi các Tỷ-kheo đang ngồi bàn luận vấn đề gì. Được biết vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Ta mới không khinh chê và ăn bánh làm bằng bột trấu đỏ của người ấy. Thuở trước, khi làm thân cây, Ta

cũng đã ăn như vậy rồi. Và cũng nhờ Ta mà kẻ ấy được chức vụ làm quan giữ kho bạc.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở trước, Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm vị thần cây trên cây đu đủ dầu. Lúc bấy giờ, những người trong ngôi làng ấy, tin tưởng sức mạnh thiêng liêng của các vị thần. Trong một lễ hội, người ta làm nhiều lễ vật để cúng các thần cây. Có một người nghèo khổ, thấy các người ấy sửa soạn cúng dường các thần cây, cũng sắp đặt cúng dường thần cây đu đủ dầu.

Các người ấy đi đến mang theo vòng hoa, hương, hương liệu, các món bánh... còn anh ta chỉ đem theo bánh làm bằng bột trấu đỏ và nước đựng trong cái gáo dừa. Anh ta đi đến, đứng xa cây đu đủ dầu và nghĩ: “Các vị thần ăn bánh chư thiên. Thần của ta sẽ không ăn bánh làm bằng bột trấu đỏ này. Sao ta làm phí mất các bánh này? Ta hãy ăn nó đi!” Nghĩ vậy, anh ta quay trở về. Bồ-tát đứng trên nhánh chĩa ba của cây, nói lớn:

– Này ông bạn tốt ơi! Nếu bạn là người có quyền thế, bạn sẽ cúng dường ta bánh ngon bánh ngọt. Nhưng bạn nghèo khổ, nếu ta không ăn bánh làm bằng bột trấu đỏ thì ta sẽ ăn cái gì khác được? Chớ làm mất phần của ta!

Nói vậy xong, Bồ-tát đọc bài kệ:

109. Người cúng ăn thứ gì, Đem lại bánh bột trấu,	Thần cũng ăn thứ ấy, Chớ làm mất phần ta!
---	--

Anh ta quay trở lại, nhìn thấy Bồ-tát, rồi dâng vật cúng. Bồ-tát ăn chất dinh dưỡng từ bánh ấy, rồi nói với anh ta:

– Này bạn, vì mục đích gì bạn cúng dường ta?

– Thưa ngài, tôi là người nghèo khổ. Tôi cúng dường với mục đích nhờ ngài giúp tôi thoát cảnh nghèo khổ này.

– Này bạn, chớ có lo nghĩ việc ấy nữa. Bạn đã cúng dường cho một vị thần biết ơn nghĩa và nhớ đến các việc làm tốt. Nhiều ghè chứa châu báu được chôn xung quanh cây đu đủ dầu này. Chúng được xếp hàng, cổ ghè này chạm cổ ghè khác. Hãy báo cho vua biết, dùng cỗ xe chở tài sản, chất đồng tại sân châu vua. Vua sẽ bằng lòng bạn và cho bạn chức quan giữ kho bạc.

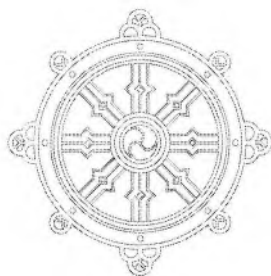
Sau khi nói xong, Bồ-tát biến mất. Anh ta làm như Bồ-tát dặn và được vua ban cho chức quan giữ kho bạc. Như vậy, nhờ Bồ-tát, anh ta đạt được nhiều phúc lợi lớn và khi mạng chung, đi theo nghiệp của mình.

Bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, liền nhận diện tiền thân như sau:

– Kẻ nghèo khổ thời ấy là kẻ nghèo khổ hiện tại, và thần cây đu đủ dầu là Ta vậy.

§110. CÂU HỎI VỀ HỖN HỢP ĐỦ LOẠI HƯƠNG**(*Sabbasamhāarakapañha*) (J. I. 424)***Không bao gồm tất cả...*

Câu hỏi về hỗn hợp đủ loại hương này sẽ được kể trong Chuyện đường hầm vĩ đại.¹⁰⁹



¹⁰⁹ Xem J. VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (Chuyện đường hầm vĩ đại). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542.

XII. PHẨM THIÊN NGÀ (*HAṂSIVAGGA*)¹¹⁰

§111. CÂU HỎI VỀ CON LỪA (*Gadrabhapañha*) (J. I. 424)

Người nghĩ mình là ngỗng...

Câu hỏi về con lừa sẽ được nói đến trong Chuyện đường hầm vĩ đại.¹¹¹

§112. CÂU HỎI CỦA HOÀNG HẬU AMARĀ (*Amarādevīpañha*) (J. I. 424)

Các thứ bánh và cháo...

Câu hỏi của Hoàng hậu Amarā¹¹² cũng sẽ được kể ở chuyện số 546, như trên.

§113. CHUYỆN CON CHÓ RỪNG (*Sigālajātaka*)¹¹³ (J. I. 424)

Ông tin chó rừng say...

Câu chuyện này, khi ở tại Trúc Lâm, bậc Đạo sư đã kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Lúc bấy giờ, các Tỷ-kheo ngồi họp tại pháp đường, bàn đến những việc làm tổn đức của Devadatta.

– Thừa các Hiền giả, Devadatta đem theo năm trăm Tỷ-kheo đi đến Gayāsīsa và nói: “Sa-môn Gotama làm không đúng pháp, điều ta làm mới đúng pháp.” Các Tỷ-kheo ấy bị đưa vào đường sai lạc bởi những lời nói dối như vậy, kẻ ấy đã phá hòa hợp Tăng và tổ chức hai lễ Bố-tát trong một tuần.

Bậc Đạo sư đến, hỏi vấn đề gì đang được bàn luận, và khi được biết vấn đề ấy, Ngài nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới nói láo, lúc trước kẻ ấy cũng đã nói láo rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

¹¹⁰ Bản Tích Lan viết *Haṃsavagga*. Bản CST viết *Haṃcivagga*.

¹¹¹ Xem chú thích 109 ở trên.

¹¹² Hoàng hậu Amarā của Vua Mahosadha. Xem *Miln.* 205.

¹¹³ Bản Tích Lan viết *Sigālavagga*. Bản CST viết *Sīgālavagga*.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm một thân cây ở một khu rừng có nghĩa địa. Lúc bấy giờ, ở Ba-la-nại có lễ hội cúng sao. Các người tổ chức cúng lễ các quỷ dạ-xoa. Họ rải khắp các công viên, các ngã tư đường... nhiều cá thịt và sắp đặt nhiều bát rượu.

Lúc ấy, có con chó rừng, vào nửa đêm, chui từ lỗ cống đi vào thành ăn cá thịt, uống rượu, rồi chui vào trong một bụi cây nằm ngủ đến sáng. Khi nó thức dậy, thấy ánh sáng, biết rằng nay không thể trở ra được. Nó đi đến gần đường, nằm xuống một chỗ mà người ta không thấy nó được nhưng nó thấy người ta và nằm im không nói gì.

Rồi một Bà-la-môn đang đi đến rửa mặt, thấy người ấy, con chó rừng suy nghĩ: “Các Bà-la-môn hay tham tiền, ta phải đánh trúng vào tánh tham lam ấy để họ giấu ta giữa nách, che ta với áo ngoài và đưa ta ra ngoài thành.” Với giọng người, nó nói:

– Này Bà-la-môn!

Vị Bà-la-môn quay lại hỏi:

– Ai kêu ta đó?

– Chính là tôi, Bà-la-môn.

– Có chuyện gì vậy?

– Này Bà-la-môn, tôi có hai trăm đồng tiền vàng. Nếu bạn giấu tôi giữa nách, che tôi với áo ngoài, không cho một ai thấy và có thể đưa tôi ra ngoài thành, tôi sẽ cho bạn hai trăm đồng tiền vàng ấy.

Bà-la-môn vì tham tiền nên nhận lời, làm đúng như lời dặn, đưa con chó rừng ra ngoài thành. Đi được một lát, con chó rừng hỏi:

– Này Bà-la-môn, đây là chỗ nào?

– Chỗ ấy, chỗ ấy.

– Hãy đi thêm một lát nữa!

Như vậy, nó thúc đẩy vị Bà-la-môn nhiều lần, cho đến khi ra nghĩa địa lớn. Khi ấy, con chó rừng nói:

– Hãy thả tôi xuống đây!

Vị Bà-la-môn thả nó xuống, chó rừng nói:

– Này Bà-la-môn, hãy trải cái áo ngoài ra!

Vì lòng tham, kẻ ấy trải áo ngoài ra. Chó rừng lại nói:

– Này Bà-la-môn, hãy đào gốc cây này!

Và khi Bà-la-môn đang đào đất, con chó rừng leo lên cái áo ngoài, đi đại tiện trên năm chỗ, bốn góc và chính giữa bôi phân cho nhớp rồi tiểu tiện cho ướt và bỏ đi vào rừng.

Bồ-tát đứng trên chỗ chĩa ba của cây đọc bài kệ này:

113. Ông tin chó rừng say,
Trăm tiền ốc chả có,

Hỡi Bà-la-môn ơi!
Đâu có hai trăm vàng?

Sau đó, Bô-tát nói với vị Bà-la-môn:

– Này Bà-la-môn, hãy đi tắm và giặt áo ngoài của ông!

Nói xong, Bô-tát biến mất. Vị Bà-la-môn nghe vậy, biết mình đã bị lừa và sâu muện bỏ đi.

Sau khi kể pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con chó rừng là Devadatta, còn vị thân cây là Ta vậy.

§114. CHUYỆN CON CÁ NGHĨ VỪA (*Mitacintijātaka*) (J. I. 426)

Nghĩ Nhiều và Nghĩ Ít...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về hai Trưởng lão lớn tuổi. Nghe nói, hai Trưởng lão ấy, sau khi an cư mùa mưa tại một làng thôn quê, đã quyết định đi đến yết kiến bậc Đạo sư, và chuẩn bị lương thực để lên đường. Nhưng họ hoãn ngày này qua ngày khác, cho đến một tháng trôi qua. Rồi họ chuẩn bị lương thực mới, và cũng như lần trước, trì hoãn tháng này qua tháng khác. Như vậy, vì sự biếng nhác, tham đắm trú xứ của họ, ba tháng trôi qua, họ mới lên đường đi đến Kỳ Viên. Sau khi cất đặt y, bát tại phòng chung, họ đến yết kiến bậc Đạo sư. Khi các Tỷ-kheo hỏi vì sao lâu ngày họ không đến hầu đức Phật và nguyên nhân của sự chậm trễ, họ báo cáo về sự biếng nhác của mình.

Tại pháp đường, câu chuyện về sự biếng nhác của các Tỷ-kheo ấy được Tăng chúng đề cập. Bậc Đạo sư đến, hỏi về vấn đề đang được bàn luận và khi được báo cáo vấn đề ấy, bậc Đạo sư cho gọi hai Tỷ-kheo ấy và hỏi có đúng như vậy không. Khi được họ xác nhận sự thật là vậy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay họ mới biếng nhác; thuở trước, họ cũng đã biếng nhác và tham đắm trú xứ như vậy rồi.

Sau khi nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có ba con cá sống ở sông Ba-la-nại, một con tên Nghĩ Nhiều, một con tên Nghĩ Ít, một con tên Nghĩ Vừa. Chúng từ rừng đi đến cảnh giới loài người. Tại đấy, Nghĩ Vừa nói với hai con kia:

– Cảnh giới loài người này thật nguy hiểm và dễ sợ. Các người đánh cá quăng lưới, đặt bẫy và bắt cá. Chúng ta hãy đi về nguồn lại!

Hai con cá vì biếng nhác, vì tham môi, trì hoãn lên đường cho đến ba tháng trôi qua. Rồi những người đánh cá quăng lưới xuống sông. Nghĩ Nhiều và Nghĩ Ít tìm môi đi trước, vì mù quáng ngu si, chúng không đề phòng lưới giăng nên

đi vào trong mạng lưới. Nghĩ Vừa đi sau cẩn trọng đề phòng. Biết được hai con kia đã sa vào mạng lưới, nó suy nghĩ: “Ta sẽ cứu sống những con cá biếng nhác, mù quáng, ngu si này.”

Nó bơi đến phía ngoài lưới giăng, làm vùng vẫy mắt lưới như đã được thoát ra và làm tung tóe nước như đã lặn về phía trước lưới. Rồi nó đi vào mạng lưới. Các người đánh cá nghĩ rằng, các con cá đã vùng vẫy ra khỏi lưới và đã trốn đi rồi nên nắm một góc lưới và kéo lên. Hai con cá ấy thoát khỏi lưới và lặn xuống nước. Như vậy, nhờ Nghĩ Vừa, mạng sống của chúng đã được cứu thoát.

Sau khi kể câu chuyện quá khứ, bậc Đạo sư Chánh Đẳng Giác đọc bài kệ này:

114. Nghĩ Nhiều và Nghĩ Ít, Chỉ có cá Nghĩ Vừa, Cả ba đã gặp nhau,	Cả hai đều mắc lưới, Giải thoát cho bọn chúng, Chính tại con sông này.
---	--

Như vậy, sau khi kể pháp thoại này xong, Bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, hai Tỷ-kheo Trưởng lão chứng được quả Dự lưu. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, Nghĩ Nhiều và Nghĩ Ít là hai Tỷ-kheo Trưởng lão này, còn Nghĩ Vừa là Ta vậy.

§115. CHUYỆN CON CHIM CÁI KHUYÊN RĂN

(Anusāsikajātaka) (J. I. 428)

Ai khuyên răn kẻ khác...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo-ni để giáo giới người khác. Nghe nói ở tại Xá-vệ, có một thiện nữ nhân xuất gia, nhưng từ khi thọ Đại giới, Tỷ-kheo-ni ấy không chú tâm vào Sa-môn pháp, chỉ tham luyện tài vật. Tại chỗ nào các Tỷ-kheo-ni khác không đi, thì tại chỗ ấy Tỷ-kheo-ni này đi khát thực một mình. Và người ta cúng dường cho Tỷ-kheo-ni này những món thượng vị. Bị trói buộc bởi lòng tham vị, cô suy nghĩ: “Nếu tại chỗ này, các Tỷ-kheo-ni khác đi đến khát thực, đồ lợi dưỡng của ta bị tổn giảm. Ta phải làm thế nào để các Tỷ-kheo-ni khác không đi đến địa phương ấy.” Cô đi đến trú xứ các Tỷ-kheo-ni và nói:

– Nay các Hiền tỷ, tại chỗ ấy có voi dữ, có ngựa dữ, có chó dữ, đó là một chỗ nguy hiểm. Chớ nên đi khát thực tại đấy!

Tỷ-kheo-ni này khuyên răn các Tỷ-kheo-ni như vậy. Nghe vị này nói, không một Tỷ-kheo-ni nào dám quay đầu ngoảnh về địa phương ấy.

Một hôm, trên đường khát thực tại đấy, khi đi vội vào một ngôi nhà, cô bị một con cừu hung dữ húc làm Tỷ-kheo-ni này gãy xương. Người ta chạy đến, cột hai khúc xương gãy làm một, đặt Tỷ-kheo-ni ấy nằm trên chiếc cáng, khiêng đến trú xứ của Tỷ-kheo-ni. Các Tỷ-kheo-ni nhạo cười vị ấy và nói:

– Tỷ-kheo-ni này khuyên các Tỷ-kheo-ni khác đừng đi nhưng tự mình đi đến địa phương ấy, do vậy bị gãy xương.

Việc làm của Tỷ-kheo-ni này không bao lâu được chúng Tỷ-kheo biết. Một hôm, tại pháp đường, các Tỷ-kheo nói về hạnh phi công đức của Tỷ-kheo-ni ấy:

– Nay các Hiền giả, Tỷ-kheo-ni ấy khuyên răn các người khác, còn tự mình đi đến tại chỗ ấy nên bị con cừu hung dữ húc cho đến gãy xương.

Bậc Đạo sư đến, hỏi các Tỷ-kheo đang thảo luận vấn đề gì. Khi biết vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay mà xưa kia, cô ấy cũng đã lên tiếng khuyên răn nhưng tự mình lại không làm theo lời răn cho nên nàng thọ khổ lâu dài.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con chim, lớn lên trở thành chim chúa, có hàng trăm con chim vây quanh và trú ở Tuyết sơn. Khi Bồ-tát sống tại đây, có một con chim cái hung dữ, đi theo một con đường lớn để tìm đồ ăn. Con chim cái này lấy được lúa, đậu, hột giống, v.v... từ các cỗ xe rơi xuống. Nó suy nghĩ: “Nay ta phải làm thế nào để các con chim khác đừng đến chỗ này.” Nghĩ vậy, nó khuyên răn đàn chim như sau:

– Con đường lớn đầy nguy hiểm, có voi, có ngựa, có cỗ xe do các con bò hung dữ kéo và các vật nguy hiểm khác qua lại. Không thể nào cất cánh bay lên mau được. Chớ nên đi trên đường ấy!

Vì lời khuyên ấy, đàn chim gọi nó là “Con chim cái khuyên răn.” Một hôm, đang tìm mồi trên con đường lớn, nghe tiếng cỗ xe chạy mau, con chim cái ấy quay cổ lại nhìn, nghĩ rằng xe còn xa nên vẫn đi. Nhưng cỗ xe ấy đến gần nó mau như gió. Trong khi nó không thể bay lên được, bánh xe cán phải nó và xe vẫn chạy vùn vụt.

Khi họp đàn chim, chim chúa không thấy nó bèn hỏi:

– Con chim cái khuyên răn sao không có mặt? Hãy đi tìm nó!

Các con chim đi tìm, thấy nó bị cán đứt đôi, và về báo tin cho chim chúa biết, chim chúa nói:

– Chim cái ấy ngăn chặn các con chim khác, còn tự mình lại đi tại đấy nên bị cán đứt đôi.

Rồi chim chúa đọc bài kệ:

115. Ai khuyên răn kẻ khác,
Bị gãy cánh nằm xuống,

Tự mình chạy theo tham,
Bánh xe giết đời chim.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con chim cái khuyên răn là Tỷ-kheo-ni khuyên răn, còn chim chúa là Ta vậy.

§116. CHUYỆN NGƯỜI KHÓ DẠY BẢO (*Dubbacajātaka*) (J. I. 430)

Thưa Sư trưởng, vì thầy...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo khó bảo. Câu chuyện này sẽ được nói đến trong chương IX, *Chuyện chim thú*.¹¹⁴ Bậc Đạo sư gọi Tỷ-kheo ấy:

– Nay Tỷ-kheo, không phải chỉ nay ông mới khó bảo mà thuở trước ông cũng đã khó bảo rồi. Do khó bảo, không làm theo lời khuyên của bậc Hiền trí nên ông bị cây giáo đâm phải và mạng chung.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình diễn trò nhào lộn. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát có trí tuệ, thiện xảo trong phương tiện. Với một nhà diễn trò nhào lộn, Bồ-tát học nghề múa với ngọn giáo, và cùng với thầy đi khắp đó đây để biểu diễn.

Vị Sư trưởng chỉ biết nghề múa với bốn ngọn giáo, chớ không biết múa với năm ngọn giáo. Một hôm, trong khi biểu diễn tại một ngôi làng, vị Sư trưởng ngà ngà say, đặt mỗi dây năm ngọn giáo và nói:

– Ta sẽ biểu diễn điệu múa với năm ngọn giáo.

Bồ-tát liền nói với vị ấy:

– Thưa Sư trưởng, Sư trưởng không biết nghề múa với năm ngọn giáo. Hãy cắt đi một ngọn. Nếu Sư trưởng biểu diễn, Sư trưởng sẽ bị ngọn giáo thứ năm đâm phải và mạng chung.

Sư trưởng khá say nói:

– Con không biết được khả năng của ta.

Sư trưởng không nghe lời của Bồ-tát, múa qua được bốn ngọn giáo, nhưng đến ngọn giáo thứ năm bị giáo đâm thủng như hoa madhuka trên cành. Sư trưởng nằm oằn oại rên la, Bồ-tát nói:

– Do không nghe lời bậc Hiền trí nên thầy phải gặp nạn này.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ:

116. Thưa Sư trưởng, vì thầy, Thầy không ưa, không thích, Bốn giáo, thầy múa qua,	Làm quá sức của thầy, Lời khuyên này của tôi, Ngọn thứ năm đâm chết.
---	---

¹¹⁴ Xem J. III. 483, *Gijjhajātaka* (*Chuyện chim thú*), số §427.

Nói vậy xong, Bồ-tát đỡ thầy ra khỏi ngọn giáo và làm những gì cần phải làm sau cùng cho xác thân thầy.

Sau khi kể câu chuyện quá khứ, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị Sư trưởng là Tỷ-kheo khó bảo này, còn người đệ tử là Ta vậy.

§117. CHUYỆN CHIM ĐA ĐA (*Tittirajātaka*) (J. I. 431)

Lời quá thời cao mạnh...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về Kokālika. Câu chuyện sẽ được kể rõ ràng trong chương XIII, *Chuyện Hiền giả Takkāriya*.¹¹⁵ Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải nay mà cả thời xưa nữa, Kokālika đã bị nạn diệt vong rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở phía Tây Bắc. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát học tất cả các nghề ở Takkasilā, rồi từ bỏ các dục, xuất gia làm vị tiên nhân du sĩ, chứng được năm thắng trí và tám thiền chứng. Tất cả hội chúng ẩn sĩ ở Tuyết sơn họp lại, tôn Bồ-tát lên làm Sư trưởng khuyên giáo và đi theo thầy. Bồ-tát lãnh đạo năm trăm ẩn sĩ, hưởng thọ thiền lạc, sống ở Tuyết sơn.

Lúc ấy, một vị tu khổ hạnh bị bệnh vàng da, đang dùng búa chặt củi. Một vị tu khổ hạnh nói nhiều đến ngôi gần vị này và nói:

– Hãy chặt chỗ này, hãy chặt chỗ này!

Vị tu khổ hạnh kia mất kiên nhẫn, phẫn nộ và nói:

– Ngươi đâu phải là thầy dạy ta bừa củi?

Kẻ ấy giơ cây búa sắc bén, và với một nhát búa, giết ngay mạng sống của vị tu khổ hạnh nói nhiều. Bồ-tát lo liệu các việc phải làm đối với thi thể nạn nhân.

Lúc bấy giờ, không xa am thất bảo, có một con chim đa đa sống dưới chân một gò mồi. Vào buổi chiều, nó thường hay đứng trên gò mồi ấy và hót lớn tiếng. Nghe tiếng nó, một thợ săn độc ác nhận ra được là tiếng con đa đa, liền giết nó và mang xác đi.

Bồ-tát không nghe tiếng con chim ấy, liền hỏi các người tu khổ hạnh tại gò mồi:

¹¹⁵ Xem J. IV. 242, *Takkāriyajātaka* (*Chuyện Hiền giả Takkāriya*), số §481. Kokālika là một trong những người rời Tăng đoàn đi theo Devadatta.

– Tại sao ta không nghe tiếng nó nữa?

Các vị tu khổ hạnh báo cáo sự việc cho Bồ-tát rõ. Bồ-tát kết hợp hai sự kiện với nhau và nói lên bài kệ này giữa hội chúng ẩn sĩ:

117. Lời quá thời cao mạnh, Đưa chết cho người nói.
Chim đa đa mất mạng, Vì ngu, hót quá lời.

Như vậy, Bồ-tát tu tập bốn vô lượng tâm và được sanh lên cõi trời Phạm thiên.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Kokālika vì lời nói của mình bị nạn diệt vong, mà thuở trước kẻ ấy cũng đã bị diệt vong rồi.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị tu khổ hạnh nói nhiều là Kokālika, chúng ẩn sĩ là hội chúng của Như Lai, còn Đạo sư hội chúng là Ta vậy.

§118. CHUYỆN CHIM CÚT (*Vatṭakajātaka*) (J. I. 432)

Không suy nghĩ, người này...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về con trai của triệu phú Uttara. Nghe nói ở Xá-vệ, có vị triệu phú Uttara rất giàu, vợ triệu phú sanh được một con trai có đức hạnh từ Phạm thiên giới xuống, khi đến tuổi trưởng thành, cậu rất đẹp trai giống như Phạm thiên.

Một hôm, khi ngày hội cúng sao Kattikā được tổ chức ở Xá-vệ, mọi người vui chơi hội lớn. Những người bạn, con trai các triệu phú khác đều có vợ. Riêng con trai triệu phú Uttara vì sống lâu ở Phạm thiên giới nên tâm không hướng đến duyên ái. Các bạn của cậu muốn đem cho cậu một nữ nhân để vui chơi hội sao, liền bàn với nhau đến gặp cậu và nói:

– Nay bạn, trong thành phố này, hội cúng sao Kattikā được tổ chức một đêm. Chúng tôi sẽ tìm cho bạn một nữ nhân để cùng nhau vui chơi hội lớn.

Dẫu cậu nói không cần nữ nhân, các bạn vẫn nài ép bắt cậu nhận. Họ trang điểm một nữ tỳ xinh đẹp, dắt đến nhà cậu, bảo nữ nhân ấy đi đến nhà con trai triệu phú, dẫn nàng đến phòng cậu rồi bỏ đi. Khi cô gái ấy vào phòng ngủ, người con trai triệu phú không ngó nàng và không nói năng gì. Cô gái suy nghĩ: “Ta tuyệt sắc, duyên dáng, mỹ lệ như thế này. Người này không ngó cũng không nói với ta. Nay ta dùng sự cảm dỗ và vẻ duyên dáng nữ nhân của ta, làm người này phải nhìn đến ta.”

Nghĩ vậy, cô gái trình diễn mọi sự cảm dỗ của nữ nhân. Để làm đẹp lòng cậu, nàng để lộ hàm răng tuyệt đẹp của nàng và mỉm cười. Chàng trai triệu phú nhìn nàng, nắm lấy hình tướng bộ xương răng. Tư tưởng về bộ xương khởi lên trong tâm chàng cho đến khi toàn thân nàng hiện ra như một chuỗi xương. Chàng trai cho tiền người con gái rồi bảo nàng đi.

Khi nàng ra khỏi nhà, một người quý phái thấy nàng ở giữa đường, liền cho tiền và dẫn nàng về nhà. Bảy ngày qua, lễ hội sao chấm dứt. Mẹ người nữ tỳ xinh đẹp không thấy con gái của mình trở về, liền đến nhà những người con trai các vị triệu phú, hỏi con gái ở đâu. Họ đi đến nhà con trai triệu phú Uttara để hỏi và được trả lời:

– Cô gái có đến một lát, tôi đã cho tiền và bảo đi về.

Nhưng mẹ cô gái không thấy con mình, bắt buộc họ phải trả nàng lại, và đem con trai triệu phú Uttara đến xin vua phân xử. Vua hỏi:

– Những người con trai các vị triệu phú có đem người nữ tỳ xinh đẹp giao cho người không?

– Thưa Đại vương, có.

– Nay cô ta đâu rồi?

– Tôi không được biết. Cô ta chỉ ở lại một lát và tôi đã bảo đi về rồi.

– Vậy nay người có thể đem cô ta lại không?

– Thưa Đại vương, không được.

Vua nói:

– Nếu người đem lại không được, hãy áp dụng hình phạt của vua!

Họ trói tay cậu ra phía sau, dắt cậu đi áp dụng hình phạt của vua. Cả thành vang dậy lời bàn tán:

– Nghe nói con trai người triệu phú vì không trả lại đứa nữ tỳ xinh đẹp nên bị đưa đi áp dụng hình phạt của vua.

Một đám quần chúng để tay trên ngực, vừa đi theo sau vừa than:

– Việc này là thế nào, thưa ông chủ? Sao ông chủ lại gặp một việc bất công như thế này?

Người con trai triệu phú suy nghĩ: “Sự đau khổ này xảy ra, vì ta sống trong gia đình. Nếu ta thoát ly được gia đình, ta sẽ xuất gia với bậc Đại Gotama Chánh Đẳng Giác.”

Bấy giờ, cô nữ tỳ xinh đẹp nghe tiếng đồn vang, liền hỏi dò sự việc. Khi được nghe câu chuyện ấy, nàng chạy ra thật mau và la to:

– Các ông hãy dẹp qua một bên, dẹp qua một bên! Cho tôi gặp các người lính của vua.

Và nàng tự trình diện. Quân hầu của vua thấy nàng, liền giao nàng lại cho bà mẹ, thả con trai người triệu phú và bỏ đi. Người con trai triệu phú cùng với bạn bè vây quanh, đi đến sông, gội đầu thật sạch. Rồi cậu về nhà, ăn sáng xong, liền xin phép cha mẹ được xuất gia. Vị ấy mang theo các y cùng với một số tùy tùng đông đảo đi đến bậc Đạo sư, đánh lễ Ngài và xin xuất gia. Được xuất gia và được thọ Đại giới, vị ấy phát triển thiền quán không gián đoạn, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Một hôm, các Tỷ-kheo hội họp tại pháp đường, nói lời tán thán con trai triệu phú ấy:

– Thưa các Hiền giả, con trai vị triệu phú này, trong giờ phút nguy hiểm cho mình, đã biết được công đức của giáo pháp, nghĩ đến xuất gia để thoát khỏi đau khổ ấy. Nhờ khéo suy tư như vậy nên vị ấy được thoát nạn, được xuất gia và chứng quả A-la-hán tối thượng.

Bậc Đạo sư đến và hỏi đề tài được bàn luận, sau khi biết câu chuyện, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, con trai triệu phú Uttara, trong giờ phút nguy hiểm xảy ra cho mình, đã nghĩ đến phương tiện ấy, để thoát khỏi sự đau khổ kia và được thoát chết.

Thuở trước, các nhà Hiền trí, khi nguy hiểm xảy ra cho mình, cũng đã nghĩ đến phương tiện ấy, để giải thoát sự đau khổ kia. Nhờ suy nghĩ như vậy, họ được thoát khỏi đau khổ do nạn chết đem lại.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát tái sanh nhiều lần, rồi sanh ra làm con chim cun cút. Lúc bấy giờ, có một người thợ săn chim cun cút, thường bắt nhiều cun cút trong rừng đem về nhà nuôi dưỡng chúng cho mập. Sau khi lấy tiền, anh ta bán chúng cho những người đi đến, và nuôi sống với nghề như vậy.

Một hôm, anh ta bắt được Bồ-tát với nhiều con chim cun cút khác và đem về nhà. Bồ-tát suy nghĩ: “Nếu ta ăn đồ ăn và uống nước của người này, nó sẽ bắt ta và đưa cho những người đến xem. Nếu ta không ăn, ta sẽ trở thành ốm yếu, và thấy ta ốm yếu, các người ấy sẽ không bắt ta làm gì. Như vậy, ta được an toàn. Ta hãy làm theo phương tiện này.” Bồ-tát làm theo như vậy cho đến khi chỉ còn da và xương. Người ấy thấy chim quá ốm nên không bắt.

Sau khi bán hết các con chim khác trừ Bồ-tát, anh ta đem Bồ-tát ra khỏi lồng, đặt lồng ở nơi cửa, để Bồ-tát trên lòng bàn tay và nhìn xem con cun cút này có đau bệnh gì. Biết được người thợ săn không chú ý, Bồ-tát xòe cánh lên và bay vụt về rừng. Các con chim cun cút khác thấy Bồ-tát liền hỏi:

– Sao không thấy mặt bạn, bạn đi đâu vậy?

– Ta bị người thợ săn bắt.

– Làm sao bạn lại thoát được?

– Vì ta không ăn đồ ăn nó cho, không uống nước của nó, nhờ nghĩ đến phương tiện này, ta được thoát.

Nói xong, Bồ-tát đọc bài kệ:

118. Không suy nghĩ, người này, Không được lợi đặc biệt,
 Hãy xem quả suy tư! Ta thoát trói, thoát chết.
 Như vậy, Bồ-tát kể lại sự việc mình đã làm.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:
 – Thời ấy, con chim cun cút thoát chết là Ta vậy.

§119. CHUYỆN CON GÀ GÁY PHI THỜI (*Akālarāvijātaka*) (J. I. 435)

Không mẹ cha nuôi dưỡng...

Câu chuyện này, khi trú tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo làm ồn phi thời; Tỷ-kheo ấy là một thiện nam tử ở Xá-vệ, xuất gia trong giáo pháp nhưng không làm các phận sự của mình hay học pháp. Vị ấy không biết: Thời này, ta phải làm việc này; thời này, ta phải hầu hạ; thời này, ta phải học hành. Trong canh đầu, canh giữa, canh cuối và trong những giờ thức giấc, vị ấy làm ồn khiến các Tỷ-kheo không thể ngủ được.

Tại pháp đường, các Tỷ-kheo nói đến hạnh không tốt của vị ấy:

– Thừa các Hiền giả, Tỷ-kheo tên ấy, xuất gia trong giáo pháp như vậy nhưng không biết phận sự hay học pháp đúng thời hay phi thời.

Bậc Đạo sư đến, hỏi các câu chuyện đang bàn luận, sau khi được biết vấn đề, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay vị ấy mới làm ồn phi thời như vậy mà thuở trước, vị ấy cũng đã làm ồn phi thời. Do không biết thời và phi thời, vị ấy đã bị vạ cổ chết.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở phương Tây Bắc. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài vượt qua biên giới, học tất cả tài nghệ, trở thành vị Sư trưởng có tiếng khắp nhiều phương và dạy nghề cho năm trăm thanh niên Bà-la-môn. Các người thanh niên ấy có một con gà trống gáy đúng giờ giấc. Khi nghe tiếng gà gáy, họ thức dậy học bài. Khi con gà ấy chết đi, họ đi tìm một con gà khác.

Một thanh niên đi nhặt củi trong khu rừng có nghĩa địa, thấy một con gà trống, liền bắt nó về nhốt trong chuồng và nuôi nó. Vì quen sống ở nghĩa địa, nó không biết giờ nào cần phải gáy, có khi nó gáy lúc nửa đêm, có khi nó gáy lúc rạng đông. Khi các thanh niên ấy nghe nó gáy lúc nửa đêm, họ thức dậy học bài, cho đến rạng đông, họ quá mệt, không học được nữa. Vì buồn ngủ, họ không thấy được vấn đề cần phải thấy. Và khi quá sáng, con gà ấy gáy ồn ào, họ không có cơ hội yên tĩnh để học ôn bài. Các thanh niên Bà-la-môn suy nghĩ:

“Con gà này gáy vào nửa đêm, hoặc ban đêm, hoặc ban ngày. Do đó, chúng ta học không có kết quả.” Vì vậy, họ bắt con gà ấy, vắn cổ cho chết đi và báo cáo lên Sư trưởng biết:

– Vì con gà gáy phi thời, chúng tôi đã giết nó rồi.

Vị Sư trưởng lấy đó làm bài học và nói:

– Do nó không được dạy dỗ tốt nên nó phải chết.

Rồi Sư trưởng đọc bài kệ:

119. Không mẹ cha nuôi dưỡng, Không thầy dạy dỗ nó,
Con gà này không biết, Đúng thời hay phi thời.

Sau khi nêu rõ lời dạy về sự việc này, Bồ-tát sống hết thọ mạng rồi đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con gà gáy phi thời là vị Tỷ-kheo này, các đệ tử là hội chúng của Như Lai, còn vị Sư trưởng là Ta vậy.

§120. CHUYỆN GIẢI THOÁT SỰ TRÓI BUỘC

(*Bandhanamokkhajātaka*) (J. I. 437)

Chỗ nào kẻ ngu nói...

Câu chuyện này, khi trú tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về thiếu nữ Bà-la-môn Ciñcā. Câu chuyện này sẽ được kể trong chương XII, *Chuyện Vương tử Paduma vĩ đại*.¹¹⁶ Lúc bấy giờ, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay thiếu nữ Bà-la-môn này vu cáo Ta điều không có thật. Thuở trước, cô ấy cũng đã vu cáo rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát lớn lên trong gia đình một người cố vấn tế tự và sau khi cha mất, Bồ-tát kế nghiệp chức vụ ấy. Lúc ấy, hoàng hậu được vua cho một ước nguyện.

– Nay Hoàng hậu, nàng muốn gì, hãy nói lên!

Hoàng hậu nói như sau.

– Lời ước nguyện của thiếp không khó thực hiện. Từ nay trở đi, Đại vương không được nhìn một nữ nhân khác với con mắt luyến ái.

Ban đầu, vua từ chối. Nhưng sau bị nàng bức bách nhiều lần, không thể bỏ qua lời của hoàng hậu, vua phải chấp nhận; và từ đấy trở đi, vua không bao giờ nhìn một nữ nhân nào trong số mười sáu ngàn vũ nữ.

¹¹⁶ Xem J. IV. 187, *Mahāpadumajātaka* (*Chuyện Vương tử Paduma vĩ đại*), số §472.

Rồi một cuộc nổi loạn khởi lên ở biên địa. Quân lính ở biên địa, sau hai ba lần giao chiến với các tên cướp, đưa tin về cho vua là họ không thể dẹp loạn được. Vua muốn đi đến đấy, liền tập hợp một đội binh lớn, cho gọi hoàng hậu đến và nói:

– Này Hiền thê, ta ra biên địa, tại đây chiến trận đủ loại xảy ra, sẽ đưa đến chiến thắng hay chiến bại. Những chỗ ấy, không thích hợp với nữ nhân. Hoàng hậu hãy ở lại đây!

Hoàng hậu nói:

– Thưa Đại vương, thiếp không thể ở lại đây.

Khi bị vua từ chối nhiều lần, hoàng hậu nói:

– Vậy sau khi đi được mỗi dặm, Đại vương hãy gửi một người về để hỏi thăm sức khỏe của thiếp.

Nhà vua chấp nhận. Bò-tát ở lại trong thành, còn vua ra đi với một đội quân lớn, cứ đi mỗi dặm, lại gửi một người về với trách nhiệm báo tin cho biết sức khỏe của nhà vua và hỏi thăm hoàng hậu có được an lạc không. Khi có một người đàn ông đi về, nàng hỏi:

– Vua sai người về có mục đích gì?

– Để hỏi Hoàng hậu có được an lạc không.

Hoàng hậu bảo người ấy đến và sống phi pháp với nó. Vua đi đường được ba mươi hai dặm, gửi về ba mươi hai người, và hoàng hậu sống phi pháp với tất cả bọn họ.

Sau khi dẹp loạn xong, bình định được quốc độ, trên đường về, vua cũng gửi về ba mươi hai sứ giả. Hoàng hậu cũng sống phi pháp với họ. Cho quân thắng trận dừng chân gần thành, vua gửi tin nhắn, Bò-tát sửa soạn thành phố để đón tiếp ngài. Bò-tát cho sửa soạn thành phố xong, mới sửa soạn cung điện để đón vua và đi đến cung thất của hoàng hậu. Hoàng hậu thấy thân thể của Bò-tát tuyệt đẹp, không thể dằn lòng nổi, liền nói:

– Này Bà-la-môn, hãy đáp lại tình yêu của ta!

Bò-tát nói:

– Chớ nói vậy! Hãy kính trọng vua! Tôi sợ điều bất thiện. Tôi không thể làm như vậy được.

– Sáu mươi bốn tên sứ giả đã không kính trọng vua, đã không sợ điều bất thiện, vậy người lại kính trọng vua và sợ điều bất thiện sao?

– Thưa vâng, nếu họ suy nghĩ, họ đã không làm như vậy, nhưng vì tôi có biết điều phải, tôi sẽ không làm việc ác này.

– Đừng nói bậy nhiều như vậy! Nếu người không làm theo lời ta, ta sẽ bảo chặt đầu người.

– Thôi được, dầu cắt đầu tôi trong một đời này hay trong trăm ngàn đời, tôi cũng không thể làm như vậy.

– Hãy để đây, rồi sẽ biết tay ta!

Hoàng hậu đe dọa Bồ-tát rồi đi vào trong phòng của mình, lấy móng tay cào trên thân, lấy dầu thoa tay chân, mặc áo đơ bản vào giả bệnh và cho gọi các nữ tỳ:

– Nếu vua có hỏi hoàng hậu ở đâu thì trả lời hoàng hậu bị bệnh.

Trong lúc ấy, Bồ-tát đi đón vua. Sau khi đi vòng quanh thành phố, vua ngự lên cung điện, không thấy hoàng hậu, liền hỏi hoàng hậu ở đâu. Khi được trả lời hoàng hậu bị bệnh, vua đi vào phòng hoàng hậu, xoa lưng hoàng hậu và hỏi:

– Hoàng hậu đau bệnh gì?

Hoàng hậu im lặng. Khi vua hỏi lần thứ ba, hoàng hậu nhìn vua và nói:

– Thưa Đại vương, nay Đại vương còn sống nhưng nữ nhân như thiếp cần phải có một người chồng.

– Ái khanh nói gì lạ vậy?

– Đại vương đặt địa vị cố vấn tế tự ở lại giữ thành, nó lấy cơ là sửa sang nội cung đến đây, và vì thiếp không làm theo lời nó, nó đánh đập thiếp cho thỏa mãn ý của nó rồi bỏ đi.

Vua dùng dùng nổi giận như muối và đường bỏ vào lửa, vụt đi ra khỏi cung phòng. Vua cho gọi các người gác cửa, các lính bộ binh đến, bảo họ bắt Bồ-tát ngay, trói cánh tay ra sau lưng như người bị xử án chém rồi dẫn ra khỏi thành đến pháp trường xử trảm. Họ đi thật mau, trói cánh tay vị cố vấn tế tự ra sau lưng và cho đánh trống báo tin có hành quyết. Bồ-tát suy nghĩ: “Như vậy, nhà vua đã bị hoàng hậu độc ác đầu độc trước rồi. Hôm nay, ta phải cứu ta khỏi tai ương này với sức của mình.” Vì thế, Bồ-tát nói với những người lính:

– Trước khi các người giết ta, hãy đưa ta yết kiến vua!

– Để làm gì?

– Vì ta là người phục vụ vua, đã làm được nhiều công việc. Ta biết tài sản chôn giấu rất nhiều. Chính ta quản lý đất ruộng nhà vua. Nếu ta không gặp vua thì nhiều tài sản sẽ bị tiêu diệt. Sau khi ta nói cho vua biết gia sản của vua, các người hãy làm bổn phận của mình.

Họ đưa vị cố vấn tế tự đến gặp vua. Vua thấy vị ấy liền nói:

– Nay Bà-la-môn, người không xấu hổ đối với ta sao? Sao người lại làm ác hạnh như vậy?

– Thưa Đại vương, tôi sanh ra trong gia đình Bà-la-môn thượng lưu. Từ trước đến nay, tôi không sát sanh, ngay cả một con kiến. Từ trước đến nay, tôi không lấy của không cho, ngay cả một cọng cỏ. Từ trước đến nay, tôi không nhìn đến một nữ nhân của người khác với con mắt luyến ái, dù chỉ một cái liếc mắt đưa tình. Từ trước đến nay, tôi không nói một lời nói dối, dầu chỉ để đùa vui. Tôi không có uống rượu, dù chỉ một giọt bằng ngọn cỏ kusa. Tôi hoàn

toàn vô tội đối với Đại vương. Nhưng Hoàng hậu độc ác kia đã cầm tay tôi với tâm tư đầy dục vọng, bị tôi cự tuyệt nên mới dọa nạt tôi, nói rõ cho tôi biết ác hạnh bí mật của mình trước khi đi vào cung phòng. Trước tôi đã có sáu mươi bốn người sứ giả đến đây, đem theo thông điệp của Đại vương gửi Hoàng hậu, những người ấy đều có tội. Hãy gọi họ đến đây và hỏi từng người trong bọn họ có làm như Hoàng hậu đã bảo hay không?

Vua cho gọi sáu mươi bốn người kia và hoàng hậu đến. Vua hỏi họ có làm như hoàng hậu đã bảo hay không. Họ thú nhận có làm. Nhà vua sai trói họ lại và ra lệnh chặt đầu cả sáu mươi bốn người ấy. Đến đây, Bồ-tát thưa:

– Thưa Đại vương, những người này không có tội! Chúng chỉ làm theo sở thích của Hoàng hậu. Chúng vô tội, vậy hãy tha cho chúng! Còn Hoàng hậu cũng không có tội. Tánh dâm dục của Hoàng hậu không bao giờ thỏa mãn, sanh ra đã như vậy rồi. Hoàng hậu chỉ làm thuận theo bản tánh của mình thôi. Do vậy, hãy tha thứ cho Hoàng hậu!

Như vậy, bằng nhiều cách, Bồ-tát làm cho vua hiểu rõ sự việc, cứu mạng sống sáu mươi bốn người ấy và bà hoàng hậu ngu si, và xin vua ban cho họ những trú xứ để ở. Sau khi tất cả mọi người được giải thoát, được cho chỗ ở, Bồ-tát đến vua và thưa:

– Thưa Đại vương, lời nói buộc tội không căn cứ của kẻ ngu si và đui mù, làm cho các bậc Hiền trí bị trói vào chỗ không xứng đáng, bị trói quặp cánh tay sau lưng; còn lời nói của bậc Hiền trí là nguyên nhân khiến kẻ ngu si thoát khỏi bị trói tay sau lưng. Như vậy, lời kẻ ngu trói buộc một cách không thích đáng, còn lời nói bậc Hiền trí, thời giải thoát các trói buộc.

Nói vậy xong, Bồ-tát đọc bài kệ này:

120. Chỗ nào kẻ ngu nói, Chúng trói kẻ vô tội,
 Chỗ nào bậc trí nói, Cứu thoát kẻ bị trói.

Như vậy, bậc Đại sĩ với bài kệ này, thuyết pháp cho vua và nói:

– Tôi gặp sự đau khổ này là vì còn sống đời gia đình. Nay tôi không có công việc gì trong gia đình nữa. Hãy cho phép tôi được xuất gia!

Sau khi được phép xuất gia, từ bỏ bà con thân thuộc, từ bỏ tài sản lớn, Bồ-tát làm bậc tiên nhân du sĩ, sống ở Tuyết sơn, đạt được các thắng trí và thiền chứng, tái sanh lên cõi Phạm thiên.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, bà hoàng hậu độc ác là thiếu nữ Bà-la-môn Ciñcā, vua là Ānanda, còn vị cố vấn tế tự là Ta vậy.

XIII. PHẨM THẦN CÂY CỎ KUSA (*KUSANĀḬIVAGGA*)

§121. CHUYỆN THẦN CÂY CỎ KUSA (*Kusanāḥijātaka*) (J. I. 441)

Hãy để cho tất cả...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một người bạn chân thật của ông Cấp Cô Độc. Các thân hữu, bạn bè quen biết, các thân tộc của ông Cấp Cô Độc ngăn chặn ông:

– Thừa đại trưởng giả, người này không ngang bằng, không hơn trưởng giả về thọ sanh, dòng họ, tài sản, ngũ cốc. Trưởng giả chớ chơi thân với người ấy!

Cấp Cô Độc trả lời:

– Tình bạn thân chớ nên dựa vào sự so sánh thấp hơn, bằng nhau hay cao hơn.

Trưởng giả không nghe lời can ngăn và đi về làng mà trưởng giả làm thôn trưởng, mời người ấy làm quản lý gia sản của mình. Mọi việc xảy ra như trong *Chuyện Kāḷakaṇṇī*.¹¹⁷ Nhưng trong trường hợp này, khi trưởng giả tường thuật sự việc xảy đến cho nhà mình lên bậc Đạo sư, Ngài nói:

– Đây gia chủ, một người bạn chân thật, không bao giờ nhỏ hơn. Ở đây, sự đo lường tình bạn nằm ở khả năng bảo vệ tình bạn. Một người bạn chân thật, bằng mình hay kém hơn mình, phải được xem là cao hơn. Tất cả người bạn ấy, sẽ giải quyết gánh nặng, sự khó khăn đã dành cho mình. Nay chính nhờ người bạn chân thật của mình mà gia chủ đã cứu được tài sản của mình. Thuở trước, bạn bè chân thật đã cứu được cung điện của một thần cây.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của vị ấy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm vị thần ở một khóm cỏ kusa trong công viên của vua. Trong công viên ấy, gần nơi tắm đá vua thường ngồi có một cây diêm lạnh, thân cây cao thẳng, cành lá sum suê, rất được vua ưa thích. Tại đây, sanh ra một thần cây, trước kia là một ông vua có uy quyền lớn. Bồ-tát là bạn thân với thần cây ấy.

Lúc bấy giờ, vua sống trong lâu đài được một cột trụ chống đỡ nhưng cây cột ấy bị lung lay. Tình trạng ấy được báo lên vua. Vua cho gọi thợ mộc và bảo:

¹¹⁷ Xem J. I. 364, *Kāḷakaṇṇijātaka* (*Chuyện Kāḷakaṇṇī*), số §83.

– Cột trụ độc nhất chống đỡ lâu đài của trẫm bị lún, hãy lấy một cây cột khác có lõi cứng rắn thay vào!

Tốp thợ mộc vâng theo lời vua, đi tìm một cây thích hợp, nhưng chưa tìm được. Họ đi vào công viên, thấy cây diêm lạnh, liền đến yết kiến vua. Khi vua hỏi có tìm được cây nào thích hợp không, họ thưa:

– Tâu Đại vương, chúng tôi đã thấy nhưng không dám đốn cây ấy.

Được vua hỏi vì sao, họ thưa:

– Chúng tôi không tìm thấy một cây nào khác nên đã đi vào công viên. Tại đây, trừ cây diêm lạnh của vua, chúng tôi không tìm thấy cây nào khác. Nhưng chúng tôi không dám đốn cây diêm lạnh ấy.

– Hãy đốn cây ấy và làm trụ cột cho lâu đài của trẫm! Trẫm sẽ trồng một cây diêm lạnh khác.

Các người ấy vâng lời, đem theo đồ cúng thần đi đến công viên, dâng lễ vật cúng cho cây, trình thần cây biết, ngày mai sẽ đốn cây, rồi đi về. Nữ thần cây biết được sự việc này, suy nghĩ: “Ngày mai, nhà ở của ta bị hủy hoại, rồi ôm các con, ta sẽ đi đâu bây giờ?”

Nữ thần cây không tìm thấy chỗ cần đi, phải cõng con trên lưng rồi khóc. Các thần rừng, bạn bè thân thích của nữ thần cây ấy tới hỏi nguyên do. Sau khi nghe sự việc, thấy mình không có phương tiện gì để chặn tay các người thợ mộc lại, liền ôm nữ thần cây ấy và bắt đầu khóc. Lúc bấy giờ, Bò-tát đi đến thăm nữ thần cây, biết được sự việc liền nói:

– Chớ lo nghĩ, ta sẽ không để cho chặt cây. Ngày mai, khi thợ mộc đến, ta sẽ có cách đối phó.

Ngày hôm sau, khi tốp thợ mộc đến, Bò-tát hóa làm con tắc kè, đến trước thợ mộc, chui vào giữa rễ của cây diêm lạnh, làm cho cây ấy như trống rỗng, tắc kè leo lên chính giữa cây, chui ra khỏi đầu thân cây rồi nằm xuống lắc đầu qua lại. Người tổ trưởng thợ mộc thấy vậy, lấy tay đập vào thân cây và nói:

– Cây này trống rỗng, không có lõi. Hôm qua không nhìn kỹ, chúng ta đã làm lễ cúng dâng.

Rồi anh ta bỏ đi, đầy khinh bỉ đối với cây to lớn mà không chắc ấy. Như vậy, nữ thần cây nhờ Bò-tát, vẫn làm chủ chỗ ở của mình. Và nhiều thần cây thân hữu quen biết tụ họp để chúc mừng nàng. Nữ thần cây hài lòng với vị thần đã cho nàng trú xứ, giữa các vị thần ấy, nàng tán thán công đức của Bò-tát:

– Thừa chư thần, chúng ta có phước đức, có quyền lực lớn nhưng với trí tuệ chậm chạp, không biết phương tiện này. Còn vị thần khiêm tốn của cây cỏ lau, với trí thông minh của mình, đã cho chúng ta làm chủ ngôi nhà của chúng ta. Thật vậy, chúng ta cần phải làm bạn với các vị bằng ta, hơn ta và thua ta. Tất cả các vị, tùy theo sức mạnh của mình, có thể giúp các bạn thoát khỏi đau khổ và an trú trong hạnh phúc.

Sau khi tán thán tình bạn, nữ thần cây nói bài kệ này:

121. Hãy để cho tất cả, Bằng, hơn hay thua ta,
 Làm hết sức của mình, Trong thời hoạn nạn đến,
 Như ta được giúp đỡ, Nhờ thần cây cỏ lau!

Do vậy, những ai muốn giải thoát khỏi đau khổ, chớ phân biệt bạn bằng ta hay hơn ta, hãy làm bạn với những bậc có trí đủ địa vị ra sao.

Như vậy, nữ thần cây thuyết pháp cho chư thần với bài kệ này. Nàng sống cho đến trọn đời và sau cùng với vị thần cây cỏ lau mạng chung, rồi đi theo nghiệp của mình.

Sau khi nói lên pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, nữ thần cây là Ānanda, còn thần cây cỏ lau là Ta vậy.

§122. CHUYỆN KỂ NGU (*Dummedhajātaka*) (J. I. 444)

Kẻ ngu được danh xưng...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Trong pháp đường, các Tỷ-kheo nói về sự ác đức của Devadatta:

– Nay các Hiền giả, khi Devadatta nhìn lên tự thân chói sáng tối thượng của Như Lai, với gương mặt sáng như trăng rằm, thân vẹn toàn ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại nhân sáng tỏa rộng một tầm, với hào quang chói sáng của đức Phật phóng ra, chiếu từng đôi vòng, từng cặp một, Devadatta không hoan hỷ mà khởi lòng ganh ghét. Devadatta không chịu nổi và càng ganh ghét hơn khi nghe những lời tán thán đức Phật đầy đủ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi họp ở đây và nói lên vấn đề gì?

Khi được biết vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay khi nghe lời tán thán về Ta, Devadatta mới sanh lòng ganh ghét. Lúc trước, Devadatta cũng đã như vậy rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi vua nước Ma-kiệt-đà trị vì thành Vương Xá, Bồ-tát sanh ra làm con voi trắng, đầy đủ dung sắc tuyệt hảo.¹¹⁸ Vì đầy đủ các tướng như vậy, nhà vua phong nó lên địa vị vương tượng. Trong một ngày lễ, thành phố được trang hoàng toàn bộ như thành phố chư thiên, vua ngự lên vương tượng được

¹¹⁸ Xem M. II. 146, *Selasutta* (Kinh Sela), số 92; Sn. 103, *Selasutta*.

trang điểm đẹp đẽ, đi diễu hành khắp thành phố với uy lực của bậc Đại vương. Quần chúng đứng chỗ này chỗ kia, thấy thân hình, dung sắc tuyệt đẹp của vương tượng, liền tán thán:

– Ôi, dung sắc! Ôi, cử chỉ! Ôi, dáng đi uyển chuyển làm sao! Ôi, các tướng được thành tựu, một con voi toàn trắng như vậy, xứng đáng thuộc về Vua Chuyển Luân!

Nhà vua nghe lời tán thán vương tượng, không thể chịu đựng nổi, khởi tâm ganh ghét và suy nghĩ: “Hôm nay, ta sẽ quăng nó xuống vực thẳm của núi và chấm dứt mạng sống của nó.” Nghĩ vậy, vua cho gọi người nài đến và hỏi:

– Con voi này được người huấn luyện như thế nào?

– Thưa Đại vương, nó được khéo huấn luyện!

– Nó không được khéo huấn luyện, nó được huấn luyện dở.

– Thưa Đại vương, nó được khéo huấn luyện!

– Nếu nó được khéo huấn luyện, người có thể cho nó leo lên đỉnh núi Vepulla không?

– Thưa được, tâu Đại vương.

– Vậy hãy đi lên!

Sau khi tự mình xuống voi, vua bảo người nài ngồi trên lưng voi, leo lên đỉnh núi Vepulla. Rồi vua được các đại thần vây quanh, cùng trèo lên đỉnh núi, bảo con voi đứng bên bờ vực thẳm và nói:

– Người nói con voi này được người khéo huấn luyện, vậy hãy bảo nó đứng ba chân!

Người nài ngồi trên lưng voi và nói:

– Này bạn, hãy đứng lên ba chân.

Và với cái gậy thúc, người ấy làm dấu cho con voi. Rồi vua nói:

– Hãy làm cho nó đứng với hai chân trước!

Bồ-tát giơ hai chân sau lên và đứng hai chân trước. Vua truyền:

– Hãy đứng với bàn chân sau!

Con voi giơ hai chân trước lên và đứng với hai chân sau. Vua truyền:

– Hãy đứng với một chân!

Con voi giơ cả ba chân lên và đứng một chân.

Biết rằng con voi không thể ngã xuống, vua nói:

– Nếu được, hãy bảo nó đứng giữa hư không!

Người nài voi suy nghĩ: “Khắp cõi Diêm-phù-đề (Án Độ) không có con voi nào được huấn luyện khéo như con voi này, không nghĩ ngờ gì nữa, ông vua muốn làm con voi rơi xuống vực thẳm và giết nó.”

Vì vậy, người nài nói thầm vào tai con voi:

– Nay bạn thân, vua muốn bạn rơi xuống vực thẳm và giết bạn. Nó không xứng đáng với bạn. Nếu bạn có sức mạnh bay lên hư không và cho tôi ngồi trên lưng, hãy bay trên hư không về Ba-la-nại!

Bồ-tát đầy đủ thần lực vô úy, ngay lúc ấy, đứng trên hư không.

Người nài thưa:

– Thưa Đại vương, con voi này đầy đủ thần lực vô úy, không tương xứng với một người ngu si, yếu kém như Đại vương. Con voi chỉ xứng đáng với một vị vua đầy đủ công đức và hiền trí. Nếu những người có công đức yếu kém như Đại vương làm chủ con voi như thế này, họ sẽ không biết được đức tánh của nó. Vì vậy, họ sẽ mất con voi ấy và hủy diệt mọi danh vọng còn lại.

Nói như vậy xong, ngồi trên lưng voi, người nài đọc bài kệ:

122. Kẻ ngu được danh xưng, Tự mình gây nguy hiểm,
Đem hại đến cho mình, Đem hại cho người khác.

Sau khi thuyết pháp khiến trách vua, người nài nói:

– Nay Đại vương hãy đứng ở đây, xin từ biệt!

Người nài và voi cùng bay lên hư không về Ba-la-nại và đứng trên hư không, giữa sân châu của cung vua. Toàn thành náo động cả lên, mọi người đều la to:

– Con voi quý đã đến với vua chúng ta, ngang qua hư không và đang đứng trên sân châu vua.

Họ mau chóng trình lên vua hay. Vua liền đi khỏi cung điện và nói:

– Nếu các quý vị đến vì lợi ích cho chúng tôi thì hãy hạ xuống đất!

Con voi liền đứng xuống đất. Người nài leo xuống, đánh lễ vua và khi được hỏi từ đâu đến, ông ta trả lời:

– Từ Vương Xá đến.

Và ông ta tường thuật tất cả sự việc. Vua nói:

– Các bạn thân, các bạn đến đây thật là một việc đẹp ý vừa lòng.

Nhà vua hân hoan, truyền lệnh trang hoàng thành phố, đặt con voi vào địa vị vương tượng, chia toàn quốc thành ba phần. Một phần cho con voi, một phần cho người nài và một phần vua giữ lại cho mình. Từ đó, toàn cõi Diêm-phù-đề đều nằm vào trong tay vua. Vua trở thành đại đế cõi Diêm-phù-đề, chuyên tâm làm các công đức như bố thí, v.v... rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, vua nước Ma-kiệt-đà là Devadatta, vua xứ Ba-la-nại là Sāriputta, người nài voi là Ānanda và con voi là Ta vậy.

§123. CHUYỆN CÁI CÁN CÀY (*Naṅgalīsajātaka*) (J. I. 446)

Kẻ ngu nói hạn chế...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Trưởng lão Lāludāyī (Udāyī khờ khạo). Theo truyền thuyết, khi nói, Trưởng lão ấy không biết cái gì thích ứng, cái gì không thích ứng, trong trường hợp này nên nói cái này, trong trường hợp này không nên nói cái này. Nếu chúc lễ hội điềm lạnh, Trưởng lão nói lên điềm xấu.¹¹⁹ Ngang qua các đường đi, tại các ngã đường dân chúng đứng, nếu là lễ tang, Trưởng lão nói lời tùy hỷ điềm vui. Một hôm, tại pháp đường, các Tỷ-kheo khởi lên câu chuyện:

– Nay các Hiền giả, Lāludāyī không biết cái gì thích ứng, cái gì không thích ứng.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi tụ họp đang bàn luận vấn đề gì?

Khi biết đề tài câu chuyện, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Lāludāyī nói lời đần độn, không biết cái gì nên nói, cái gì không nên nói. Thuở trước, vị ấy cũng như vậy rồi. Vị ấy luôn luôn ngu đần.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở trước, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn giàu có. Đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát đi học ở Takkaṣilā, trở thành một vị Sư trưởng có danh tiếng nhiều phương ở Ba-la-nại và Bồ-tát dạy nghề cho năm trăm thanh niên Bà-la-môn.

Lúc bấy giờ, trong các thanh niên Bà-la-môn ấy, có một thanh niên đần độn, hay nói lời ngớ ngẩn, vì bản tánh đần độn nên không học nghề được. Thanh niên ấy hầu hạ Bồ-tát, làm mọi công việc như người nô lệ. Một hôm vào buổi chiều, sau khi ăn xong, Bồ-tát đang nằm nghỉ trên giường, thanh niên ấy đến xoa bóp tay chân và lưng ngài. Khi anh ta làm xong, định đi thì Bồ-tát nói:

– Nay con thân, chêm cao chân cái giường lên.

Thanh niên ấy chêm được một chân giường lên cao, còn chân kia không tìm được đồ chêm giường, anh ta dùng bắp vế của mình làm đồ chêm giường và trải qua một đêm như vậy. Vào buổi sáng thức dậy, Bồ-tát thấy vậy liền hỏi:

– Nay con thân, con ngồi làm gì đây?

– Thưa Sư trưởng, con không tìm thấy đồ chêm giường nên dùng bắp vế thay vào và ngồi ở đây.

Bồ-tát cảm thấy xúc động, suy nghĩ: “Nó là người thị giả rất chí thành của ta, nhưng so với các thanh niên Bà-la-môn, nó là đứa đần độn, không thể học

¹¹⁹ Xem *JRAS*. 1870, p. 319.

được nghe; vậy ta hãy giúp cho nó trở thành người có trí.” Rồi Bò-tát suy nghĩ: “Nay có phương tiện này, ta sẽ đưa thanh niên Bà-la-môn này đi nhặt củi và lá. Khi nó về, ta sẽ hỏi: ‘Hôm nay con đã thấy gì, làm gì?’ Chắc nó sẽ trả lời: ‘Hôm nay con thấy cái này, làm cái này’; rồi ta sẽ hỏi: ‘Điều con thấy, con làm giống cái gì?’ Nó sẽ dùng ví dụ, tìm lý do để nói: ‘Con thấy như thế này...’ Điều ấy khiến nó nói ví dụ và lý do mới hoàn. Với phương tiện này, ta có thể làm cho nó trở thành người có trí.” Nghĩ vậy, Bò-tát kêu anh ta lại và nói:

– Nay con thân, bắt đầu từ hôm nay, con hãy đi lượm củi và lá; và tại chỗ con đi, con thấy cái gì, ăn cái gì, uống cái gì, nhai cái gì, lúc về con hãy báo cáo cho ta biết!

Anh ta vâng theo lời dạy. Một hôm, anh ta đi vào rừng để lượm củi và lá cùng với các thanh niên Bà-la-môn khác, anh ta thấy một con rắn. Khi về anh ta báo cáo lại:

- Thưa Sư trưởng, con có thấy con rắn.
- Nay con thân, con rắn giống cái gì?
- Nó giống cán cày.

Bò-tát nói:

– Tốt lắm, này con thân, các ví dụ con trình bày rất hợp lý, con rắn thật giống như cái cán cày.

Rồi Bò-tát suy nghĩ: “Các ví dụ do thanh niên này trình bày rất hợp lý. Ta có thể làm cho người này thành người có trí.”

Lại một ngày khác, thanh niên Bà-la-môn này thấy con voi trong rừng, và đi về thưa:

- Thưa Sư trưởng, con có thấy con voi.
- Nay con thân, con voi giống cái gì?
- Nó giống như cái cán cày.

Bò-tát suy nghĩ: “Cái vòi voi giống như cán cày. Cái ngà voi cũng vậy. Người này phân tích một cách ngu si, không thể nói như vậy.” Nghĩ vậy Bò-tát giữ im lặng.

Rồi một hôm, được mời đi ăn mía, anh ta về thưa:

- Thưa Sư trưởng, hôm nay con được ăn mía.
- Cây mía giống cái gì?
- Thưa, giống cái cán cày.

Anh ta nói. Vị Sư trưởng suy nghĩ: “Nó nói cũng có một phần đúng” nên giữ im lặng. Lại nữa, một hôm được mời cùng một số thanh niên ăn đường cục với sữa đông và uống sữa, khi về anh ta thưa:

- Thưa Sư trưởng, hôm nay chúng con được ăn sữa đông và uống sữa.

Khi được hỏi về sữa đông và sữa giống cái gì, anh ta trả lời:

– Thưa, giống cái cán cày.

Vị Sư trưởng suy nghĩ: “Thanh niên Bà-la-môn này khi nói con rắn giống cái cán cày, vậy là khéo. Khi nó nói con voi giống như cái cán cày, vì liên hệ đến cái voi, là nói một cách gượng ép. Khi nó nói cây mía giống như cái cán cày, vậy cũng là nói hơi gượng ép. Còn sữa đông và sữa luôn luôn màu trắng, lấy theo hình dáng đồ vật chúng được đặt vào, vậy cái ví dụ nó nói hoàn toàn không thể chấp nhận. Ta không thể dạy cho kẻ ngớ ngẩn này học được.”

Nghĩ xong, Bô-tát nói lên bài kệ:

123. Kẻ ngu nói hạn chế, Nó không biết sữa đông, Nó nghĩ là sữa đông,	Tại chỗ không hạn chế, Cũng không biết cán cày, Giống như cái cán cày.
--	--

Sau khi nghe pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, thanh niên ngớ ngẩn là Lāludāyī và Sư trưởng có danh tiếng nhiều phương là Ta vậy.

§124. CHUYỆN TRÁI XOÀI (*Ambajātaka*) (J. I. 449)

Này, người hãy tinh tấn...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Bà-la-môn làm đầy đủ các nhiệm vụ. Theo truyền thuyết, con trai một thương gia ở Xá-vệ, hiển dāng tâm trí cho Chánh pháp và xuất gia, làm đầy đủ các nhiệm vụ. Vị ấy làm tốt các bổn phận đối với Sư trưởng, đối với Giáo thọ sư, các nhiệm vụ về đồ ăn uống, nhà họp Bô-tát, nhà tắm, v.v... hoàn toàn đầy đủ trong mười bốn nhiệm vụ quan trọng và tám mươi nhiệm vụ nhỏ. Vị ấy thường hay quét tinh xá, quét phòng riêng, hành lang, con đường đưa đến tinh xá, đem nước cho những người khát. Dân chúng hoan hỷ vì sự vẹn toàn nhiệm vụ của vị này nên đã cúng dường năm trăm phần ăn hàng ngày cho chúng Tăng và đem lại lợi dưỡng, danh vọng lớn cho tinh xá. Nhờ vị này, nhiều người được thoải mái lạc trú trong tinh xá.

Rồi một hôm, các Tỷ-kheo họp ở pháp đường, bắt đầu câu chuyện:

– Thưa các Hiền giả, Tỷ-kheo tên ấy, thành tựu các nhiệm vụ của mình, đã tạo nên lợi dưỡng, danh vọng lớn. Chỉ nhờ một mình người ấy, nhiều người đã đạt được lạc trú.

Thế Tôn đến và hỏi các Tỷ-kheo đang ngồi nói vấn đề gì, khi được biết vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Tỷ-kheo này làm đầy đủ nhiệm vụ. Thuở xưa, chỉ nhờ một mình người ấy, năm trăm ẩn sĩ đi hái trái cây đã được cung cấp các trái cây do người ấy đem lại.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bô-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở phương Bắc. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài xuất gia làm vị ẩn sĩ, được vây quanh với năm trăm ẩn sĩ sống dưới chân núi.

Thời ấy, ở Tuyết sơn, một nạn hạn hán khắc nghiệt đã xảy ra, chỗ này chỗ kia nước uống bị thiếu hụt, các loài thú không có nước uống, cảm thấy khô cực. Một vị trong số những người tu khổ hạnh ấy, thấy các loài thú đau khổ vì khát nước, đã đốn một cây làm thành cái máng, chặt chiu tất cả nước uống đựng đầy cái máng và cho chúng uống nước.

Các loài thú tập hợp rất nhiều, và trong khi cho chúng uống nước người tu khổ hạnh không có thì giờ để đi hái trái. Dầu không có thức ăn, vị ấy vẫn cho chúng uống nước. Đàn thú suy nghĩ: “Vị này vì cho chúng ta uống nước, không có thì giờ để hái quả. Vì không có thức ăn, vị ấy trở thành moi mẹt. Vậy chúng ta hãy giao ước với nhau như sau: Bắt đầu từ hôm nay, những ai đến uống nước, hãy tùy theo sức mình, hái các loại trái cây và đem lại cúng dường vị tu khổ hạnh.”

Từ đó về sau, mỗi con mỗi thứ, hái các loại trái ngọt như xoài, đào, mít, v.v... đem đến cho vị tu khổ hạnh, đựng đầy hai trăm năm mươi cỗ xe. Như vậy, năm trăm vị khổ hạnh ăn uống đầy đủ và có đồ dư để dành nữa. Thấy vậy, Bô-tát nói:

– Như vậy, chỉ nhờ một người làm đầy đủ nhiệm vụ nên được cung cấp trái cây, v.v... đủ số lượng cho các vị tu khổ hạnh khác. Thật vậy, chúng ta cần phải luôn tinh tấn làm thiện sự.

Nói vậy xong, Bô-tát đọc bài kệ:

124. Này, người hãy tinh tấn, Xem quả của tinh tấn,	Bậc Hiền trí không nản, Xoài được ăn thỏa thích.
---	---

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị tu khổ hạnh làm đầy đủ nhiệm vụ là Tỷ-kheo này và bậc Đạo sư hội chúng là Ta vậy.

§125. CHUYỆN NGƯỜI NÔ LỆ KATĀHAKA (*Kaṭāhakajātaka*) (J. I. 451)

Nó nói nhiều, đại ngôn...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo nói khoác lác. Chuyện này giống như chuyện đã kể trước.¹²⁰

¹²⁰ Xem J. I. 355, *Bhīmasenajātaka* (Chuyện người thợ dệt *Bhīmasena*), số §80.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một nhà triệu phú giàu có. Bà vợ triệu phú sanh một con trai. Cũng trong ngày ấy, một người nữ tỳ sanh một con trai. Hai trẻ ấy lớn lên cùng tuổi với nhau. Khi con trai vị triệu phú học viết, con trai người nô tỳ cũng mang tấm gỗ xin học viết luôn với cậu chủ. Rồi nó học hai hay ba công nghệ. Lớn lên, nó trở thành một thanh niên ăn nói giỏi, đẹp trai và được đặt tên là Kaṭāhaka.

Khi làm quản lý các kho trong nhà triệu phú, anh ta suy nghĩ: “Những người này sẽ không bắt ta làm quản lý các kho suốt đời được. Nếu thấy ta có lỗi gì, họ sẽ đánh ta, trói ta, đóng dấu vào ta, cho ta đồ ăn của bọn nô lệ. Tại biên địa, có người triệu phú là bạn của triệu phú này, ta sẽ viết thư, nhân danh người triệu phú, cầm đi đến đấy và nói ta là con của triệu phú, lừa dối vị triệu phú biên địa để lấy con gái của ông ta, hưởng hạnh phúc và sống an lạc suốt đời.”

Nghĩ vậy, anh ta lấy giấy và viết thư như sau: “Tôi gửi người con trai của tôi tên là Kaṭāhaka đến với bạn. Thật là xứng đáng nếu hai gia đình chúng ta kết làm sui gia với nhau, con của tôi lấy con của bạn. Do vậy, hãy gả con gái của bạn cho con trai của chúng tôi, cho nó sống tại đây, khi nào có cơ hội tôi sẽ đến!” Viết xong, anh ta đóng triện của người triệu phú, đem theo nhiều tiền bạc, áo quần, hương thơm, v.v... đưa đến biên địa, đánh lễ vị triệu phú và đứng chờ. Người triệu phú hỏi:

– Này con thân, con từ đâu lại?

Anh ta đáp:

– Từ Ba-la-nại.

– Con là ai?

– Là con vị triệu phú xứ Ba-la-nại.

– Vì mục đích gì con đến đây?

Lúc bấy giờ Kaṭāhaka đưa bức thư và nói:

– Ông xem bức thư này, rồi sẽ rõ.

Người triệu phú đọc thư xong, rồi nói:

– Nay mới thật là ta sống cuộc đời mới.

Ông hoan hỷ gả con gái và cho người hỗ trợ anh ta. Được tôn quý như vậy, Kaṭāhaka trở thành kiêu ngạo. Đối với các món ăn như cháo, đồ ăn cứng... và các loại vải hương được đem lại, anh ta chỉ trích như sau: “Chúng nấu cháo như thế này, nấu đồ ăn cứng như thế này. Ôi, thật là những người ở biên địa!”

Anh ta chỉ trích những người thợ dệt vải và những người thợ khác: “Với bản chất của người sống ở biên địa, những người này không biết dệt y. Chúng không biết chọn hương, không biết bó hoa.”

Khi thấy vắng người nô lệ, Bồ-tát hỏi:

– Ta không thấy mặt Kaṭāhaka, nó đi đâu? Hãy cho đi tìm nó khắp nơi!

Một trong những người đi tìm kiếm đến tại chỗ ấy, thấy Kaṭāhaka, nhận diện được anh ta, nhưng không để lộ tông tích của mình, và đi về trình với Bô-tát. Bô-tát nghe tin như vậy, liền nói:

– Nó làm một việc không phải, ta sẽ đi đem nó trở về.

Sau khi xin phép vua, ngài ra đi với một số đông tùy tùng. Khắp nơi, mọi người đều biết vị triệu phú đi ra biên địa. Kaṭāhaka nghe tin Bô-tát đến, liền suy nghĩ: “Không có lý do gì khác để vị triệu phú đến. Chính vì ta. Nếu ta chạy trốn thì sau không thể trở về được.” Anh ta nghĩ ra phương kế: “Ta hãy đi đón ông chủ, làm bồn phận một người nô lệ và làm vui lòng ông chủ của ta.” Bắt đầu từ đây, giữa hội chúng, anh ta nói như sau:

– Những kẻ ngu khác, vì ngu si không biết các công đức của cha mẹ, khi cha mẹ ăn, họ không hầu hạ lại ngồi ăn với cha mẹ. Còn chúng tôi, khi cha mẹ ăn, chúng tôi đem lại bát, ống nhổ, chén đĩa, quạt và nước uống. Như vậy, chúng tôi hết lòng hầu hạ cha mẹ. Cho đến khi cha mẹ đi đại, tiểu tiện, chúng tôi cũng đem lại bình nước.

Tất cả mọi bồn phận phải làm của người nô lệ đối với chủ, Kaṭāhaka đều trình bày rõ. Sau khi đã dạy cho đám tùy tùng như vậy, Kaṭāhaka thưa với ông cha vợ:

– Thưa cha thân, con nghe tin cha của con sắp đến thăm cha. Cha hãy sửa soạn các món ăn loại cứng và loại mềm. Còn con đem theo quà tặng, con sẽ đi đón cha con.

Nhạc phụ chấp thuận:

– Tốt lắm, này con.

Kaṭāhaka đem theo nhiều quà tặng đi với một số gia nhân, đánh lễ Bô-tát và dâng quà tặng. Bô-tát nhận quà tặng, đối xử với anh ta rất thân tình. Khi đến giờ ăn sáng, ngài cho dựng trại, đi vào chỗ kín để giải quyết mọi bức bách của thân. Kaṭāhaka ngăn ngừa tùy tùng của mình, lại tự cầm bình nước đi đến gần Bô-tát, và sau khi lo hầu hạ xong, anh ta quỳ xuống chân Bô-tát và thưa:

– Thưa ông chủ, ông chủ cần tài sản bao nhiêu con xin dâng đủ, xin chớ làm cho danh giá con mất đi.

Bô-tát bằng lòng với bồn phận đầy đủ của nó và nói:

– Chớ sợ hãi, không có gì nguy hiểm đến với ngươi từ lời nói của ta cả.

Bô-tát an ủi anh ta rồi đi vào thành phố biên địa và được tiếp đón long trọng. Còn Kaṭāhaka luôn luôn làm bồn phận của người nô lệ. Một thời, khi Bô-tát ngồi thoải mái, người triệu phú biên địa thưa với ngài:

– Thưa Đại triệu phú, khi nhận được thư của ngài, tôi đã gả con gái của tôi cho con trai ngài.

Bô-tát dùng lời thân ái thích hợp nói về Kaṭāhaka, khiến cho người triệu

phủ hết sức hân hoan. Nhưng từ đây trở đi, Bồ-tát không thể nhìn mặt của Kaṭāhaka!

Một hôm, Bồ-tát cho gọi cô con gái của vị triệu phú và nói:

– Này con thân, hãy tìm và bắt giúp chấy trên đầu ta!

Cô con gái đến bắt giúp. Bồ-tát nói lời thân ái với người con gái đang đứng và hỏi:

– Con ta đối với con khi vui, khi buồn, xử sự có tốt đẹp chẳng? Hai con sống có hoan hỷ, hòa hợp với nhau không?

– Thừa cha thân, chồng con không có lỗi gì khác, chỉ có tật hay chê bai đồ ăn thôi.

– Này con thân, nó luôn luôn có tánh xấu ấy. Nhưng cha sẽ chỉ cho con một cách để làm cho chồng con im miệng. Con hãy học thuộc cách ta chỉ để trong giờ ăn, khi nào con ta mở miệng chê bai, con hãy đứng trước mặt chồng con và nói lên cách ta đã chỉ.

Nói vậy xong, Bồ-tát dạy cho cô học thuộc lòng bài kệ và ở lại đó vài ngày rồi đi trở về Ba-la-nại. Kaṭāhaka mang theo nhiều đồ ăn loại cứng và mềm, tiền đưa ông chủ một chặng đường, cúng dường nhiều tài sản, đánh lễ rồi trở về.

Từ khi Bồ-tát đi về, Kaṭāhaka lại càng sanh lòng kiêu mạn. Một hôm, khi con gái vị triệu phú đem lại một món ăn rất ngon, mang muỗng đến và mời chồng ăn, Kaṭāhaka bắt đầu chỉ trích món ăn. Cô liền đọc lên bài kệ mà Bồ-tát đã dạy:

125. Nó nói nhiều, đại ngôn, Vị ấy sẽ trở lui, Vậy Kaṭāhaka,	Khi đến xứ sở lạ, Và phá hoại tất cả, Hãy ăn món này gấp!
--	--

Kaṭāhaka suy nghĩ: “Ôi thôi! Chắc vị triệu phú đã nói cho nàng biết tên ta và kể lại toàn bộ câu chuyện rồi!” Từ đó trở đi, anh ta không dám chê bai món ăn, cũng không dám kiêu mạn, và với ý hạ mình, anh ta ăn các món được đem đến. Rồi về sau, khi từ trần, anh ta đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, Kaṭāhaka là Tỷ-kheo nói đại ngôn, còn vị triệu phú xứ Ba-la-nại là Ta vậy.

§126. CHUYỆN TƯỚNG CỦA KIẾM (*Asilakkhaṇajātaka*) (J. I. 455)

Cùng đồng một sự việc...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Bà-la-môn giỏi đoán tướng của kiếm tại cung vua nước Kosala. Nghe nói, vị này khi được người thợ của vua đem kiếm lại, chỉ ngửi cây kiếm cũng có thể nói lên tướng

của cây kiếm. Khi được lợi dưỡng từ tay của người nào, vị này nói cây kiếm của họ có tướng tốt, điềm lành. Khi không được lợi dưỡng từ tay của người khác, vị này chê trách cây kiếm của họ có tướng xấu.

Thế rồi, có một người thợ làm cây kiếm xong, bỏ nó vào trong bao với bột tiêu mịn, rồi đem cây kiếm dâng vua. Vua cho gọi người Bà-la-môn và bảo thử cây kiếm. Khi vị Bà-la-môn rút cây kiếm ra và ngửi, bột tiêu vào lỗ mũi khiến vị này muốn hắt hơi. Khi vị ấy hắt hơi, lỗ mũi va chạm vào lưỡi kiếm và bị cắt đứt làm hai. Câu chuyện lỗ mũi của vị ấy bị đứt, được chúng Tỷ-kheo biết đến. Một hôm, các Tỷ-kheo ở tại pháp đường bắt đầu câu chuyện:

– Đây các Hiền giả, người giỏi đoán tướng kiếm của vua, trong khi đoán tướng cây kiếm đã bị chặt đứt lỗ mũi.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Đây các Tỷ-kheo, các ông đang ngồi họp và bàn vấn đề gì?

Khi được nghe vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói:

– Đây các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Bà-la-môn ấy ngửi cây kiếm và bị cắt đứt mũi. Thuở xưa, vị ấy cũng đã bị như vậy rồi.

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có người Bà-la-môn giỏi đoán tướng của kiếm. Tất cả giống như câu chuyện hiện tại. Vua truyền gọi những người giải phẫu, bảo họ gắn một cái mũi giả vào mũi vị ấy và cho vị ấy làm việc lại. Vua xứ Ba-la-nại không có con trai, chỉ có con gái và một người cháu trai. Vì thế, vua nuôi dưỡng cả hai bên cạnh vua cho đến lớn. Vì họ lớn lên gần nhau, họ sanh tâm luyến ái nhau. Vua cho gọi các vị đại thần và nói:

– Cháu trai của ta sẽ làm vua đất nước này. Sau khi gả con gái, ta làm lễ Quán đảnh cho nó.

Sau khi nói vậy, vua lại suy nghĩ: “Cháu ta là con cháu ta rồi. Hãy cưới cho nó một công chúa của vị vua khác, rồi làm lễ Quán đảnh. Ta sẽ gả con gái ta cho một vị vua khác. Như vậy, con cháu của ta sẽ đông hơn và chúng ta sẽ làm chủ cả hai vương quốc.” Sau khi bàn bạc với các vị đại thần, vua nghĩ cần phải phân ly hai người ấy nên đã cho cháu trai sống một nơi và cho con gái sống một chỗ khác. Bây giờ, cả hai được mười sáu tuổi và hết sức luyến ái nhau. Hoàng tử suy nghĩ: “Dùng phương tiện gì, ta có thể bắt cóc con gái của cậu ta khỏi cung vua?” Rồi chàng nghĩ ra một phương kế, bảo mời một bà thầy bói và cho bà một gói một ngàn đồng tiền vàng. Bà hỏi:

– Tôi phải làm gì?

– Bà làm cách nào cho tôi được nàng. Bà hãy bày cho một mưu kế, nhờ vậy tôi đem được công chúa ra khỏi nhà.

– Thưa ngài, được. Tôi sẽ đi đến hầu đức vua và nói như sau: “Thưa Đại vương, công chúa bị ma quỷ ám ảnh, đợi khi nào ma quỷ bỏ đi, không để ý, vào ngày ấy, tôi sẽ chở công chúa lên xe, đem theo nhiều người tay cầm vũ khí, với một số đông tùy tùng đưa đến nghĩa địa; tại đây, trong một vòng tròn có bùa phép, sau khi đặt một người chết nằm trên giường phía dưới, tôi sẽ đặt công chúa nằm phía trên ấy, và với một trăm lẻ tám bình nước thơm, tôi sẽ làm cho ma quỷ rời khỏi công chúa.” Nói vậy xong, tôi sẽ đưa công chúa đến nghĩa địa. Trong ngày chúng tôi đi đến, xin ngài đi đến sớm một chút, cầm theo một ít bột tiêu với một số tùy tùng của ngài, mang vũ khí cầm tay vây quanh, leo lên xe, khi đến nghĩa địa, ngài hãy cho đậu xe vào một phía cổng, rồi đưa những người có vũ khí vào trong nghĩa địa. Còn ngài, tự mình đi đến chỗ có vòng tròn bùa phép và nằm trên ấy, che phủ lại như người chết. Rồi tôi đến chỗ ấy, trải một chỗ nằm nhỏ trên ngài và bảo công chúa nằm lên. Khi ấy, ngài sẽ bỏ hột tiêu vào lỗ mũi, hắt hơi ba lần. Khi ngài hắt hơi, chúng tôi sẽ bỏ công chúa lại và chạy trốn. Khi ấy ngài đến, hãy an ủi công chúa rồi đem công chúa về nhà.

Hoàng tử chấp thuận, cho đó là một mưu chước tuyệt diệu. Bà thầy bói đi đến trình vua vấn đề ấy và vua chấp thuận. Rồi bà nói chuyện riêng với công chúa và nàng cũng chấp nhận. Ngày ra đi, bà tin cho hoàng tử biết, và đi đến nghĩa địa cùng với một đoàn tùy tùng đông đúc. Với mục đích làm cho họ sợ hãi, bà bảo các người bảo vệ:

– Khi ta đặt công chúa lên giường, người chết ở giường dưới hắt hơi và từ chiếc giường dưới đi ra, nó thấy ai trước sẽ bắt người ấy. Hãy hết sức coi chừng!

Hoàng tử đã đến trước và nằm trên chỗ đã dọn. Bà thầy bói đỡ công chúa đi đến chỗ vòng tròn có bùa phép, dẫn công chúa chớ sợ hãi và đặt nàng trên giường. Trong lúc ấy, hoàng tử bỏ bột tiêu vào lỗ mũi và hắt hơi. Khi hoàng tử vừa mới hắt hơi, bà thầy bói bỏ công chúa lại, hét một tiếng rất lớn rồi chạy trước hơn ai hết. Khi bà ta chạy, không một người nào dám đứng lại, tất cả đều quăng bỏ vũ khí mang theo và chạy thoát thân.

Hoàng tử làm tất cả mọi việc như đã bàn từ trước và đem công chúa đi về trú xứ của mình, còn bà già đi về trình vua mọi việc đã xảy ra. Nhà vua suy nghĩ: “Từ trước, ta đã có dụng ý dành công chúa cho nó rồi. Chúng như bơ chín bỏ trong cháo sữa.” Sau một thời gian, vua cho cháu trai trị vì vương quốc và đặt công chúa lên làm hoàng hậu. Người cháu của vua sống hòa hợp với công chúa và trị nước đúng pháp. Người đại thần giỏi đoán tướng kiếm vẫn hầu cận vua mới. Một hôm, vị đại thần này hầu vua đứng giữa trời nắng, keo dán mũi giả của vị ấy chảy ra và cái mũi giả rơi xuống đất. Vị đại thần xấu hổ đứng dậy, cúi mặt xuống. Vua cười và nói:

– Này Sư trưởng, chớ để ý. Nhảy mũi là tốt đối với người này, là xấu đối với người kia. Khanh vì nhảy mũi nên bị đứt mũi. Còn ta nhờ nhảy mũi đã được vợ và được cả vương quốc.

126. Cùng đồng một sự việc,
Với người kia là xấu,
Cũng không xấu tất cả.

Với người này là tốt,
Không tốt cho tất cả.

Như vậy, với bài kệ này, vua kể sự việc cũ, và trọn đời làm công đức như bố thí, v.v... rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Với bài thuyết pháp này, bậc Đạo sư nêu rõ, không có vấn đề hoàn toàn thiện hay hoàn toàn ác như thế gian nghĩ. Rồi bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị đại thần giỏi đoán tướng kiếm là vị giỏi đoán tướng kiếm ngày nay, còn Ta là người cháu của vua, được vương vị.

(*Kalandukajātaka*) (J. I. 458)

Dòng họ, trú xứ anh...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo nói khoác. Ở đây, cả hai chuyện hiện tại và quá khứ đều giống *Chuyện người nô lệ Katāhaka*.¹²¹

Ở đây, người nô lệ của triệu phú xứ Ba-la-nại tên là Kalaṇḍuka. Sau khi chạy trốn và lấy con gái người triệu phú biên địa, anh ta sống tại đây với một đoàn tùy tùng đông đảo. Vị triệu phú xứ Ba-la-nại thấy vắng anh ta, không biết anh ta đi đâu, bèn sai con vệt quý của mình đi tìm Kalaṇḍuka. Con vệt bay chỗ này chỗ kia và đến tận thị trấn ấy.

Lúc bấy giờ, Kalaṇḍuka muốn đi chơi dưới nước, đã đem theo nhiều vòng hoa, hương thơm, thuốc thoa, cùng nhiều đồ ăn loại cứng và loại mềm đến con sông, leo lên thuyền với con gái người triệu phú và chơi giỡn trong nước. Tại địa phương ấy, khi đang chơi trên sông, các gia chủ thường uống sữa trộn với một loại thuốc cay, để khi ngâm mình trong nước một thời gian khỏi bị cảm lạnh. Nhưng khi Kalaṇḍuka này uống một ngụm sữa, lại súc miệng và nhổ sữa ra. Khi nhổ sữa ra, anh ta không nhổ trong nước, lại nhổ trên đầu người con gái vị triệu phú. Con vẹt đi đến bờ sông, đậu trên cành cây sung, nhìn xuống và nhận diện được Kalaṇḍuka, thấy anh ta nhổ trên đầu con gái nhà triệu phú, liền nói:

– Nay nô lệ Kalanduka, hãy nhớ thọ sanh và vị trí của anh. Chớ ngậm bùm sữa, súc miệng rồi nhổ trên đầu con gái nhà triệu phú có tín ngưỡng, có đức hạnh và đầy đủ thọ sanh. Hãy biết lượng khả năng của mình!

¹²¹ Xem J. I. 451, *Katāhakajāṭaka* (Chuyện người nô lệ Katāhaka), số §125.

Nói xong, con chim vẹt đọc bài kệ:

127. Dòng họ, trú xứ anh, Tuy là chim ở rừng,
Ta hiểu được sự thật, Sẽ khiến người bắt anh,
Hỡi Kalaṇḍuka, Hãy uống sữa đi thôi!

Kalaṇḍuka nhận ra con vẹt, sợ nó sẽ tố cáo mình liền nói:

– Này ông chủ, hãy đến đây, ông chủ đến hồi nào?

Con vẹt nghĩ: “Đây không phải vì lợi ích cho ta. Nó nói vậy nhưng trong tâm nó chỉ muốn vạ cổ giết ta thôi.” Biết vậy, vẹt nói:

– Ta không cần gì anh.

Nó liền bay lên, về đến Ba-la-nại, kể lại cho vị triệu phú sự việc như đã nhìn thấy. Vị triệu phú nói:

– Đồ lừa đảo đã làm một việc không phải.

Và ông cho người đem anh ta về Ba-la-nại, bắt anh ta sống làm người nô lệ như cũ.

Sau khi nói lên pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Kalaṇḍuka là Tỷ-kheo này, còn vị triệu phú xứ Ba-la-nại là Ta vậy.

§128. CHUYỆN CON MÈO (*Bilārajātaka*) (J. I. 460)

Ai yêu cờ Chánh pháp...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo lừa đảo. Khi tánh lừa đảo của Tỷ-kheo này được trình lên bậc Đạo sư, Ngài nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Tỷ-kheo này như vậy. Xưa kia, vị này cũng đã lừa đảo như vậy rồi.

Nói xong, bậc Đạo sư kể lại câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bò-tát sanh ra làm con chuột, thông minh sáng suốt, với thân hình to lớn giống như heo con, được vây quanh với vài trăm con chuột sống ở trong rừng. Có con chó rừng, lang thang chỗ này chỗ kia, thấy đàn chuột liền suy nghĩ: “Ta hãy lừa dối đàn chuột này và ăn thịt chúng.” Nghĩ vậy, nó liền đến không xa hang các con chuột ấy, đứng trên một chân, mặt hướng về mặt trời và hứng gió, ngửi gió, hít gió vào.

Bò-tát đi tìm đồ ăn, thấy con chó rừng, suy nghĩ: “Đây là một sinh vật có giới hạnh”, bèn đi đến gần nó và hỏi:

– Thừa tôn giả, tôn giả tên gì?

– Ta tên là Dhammika (Như Pháp).

– Sao tôn giả không đứng trên bốn chân mà chỉ đứng một chân thôi?
– Nếu tôi đứng bốn chân thì trái đất không thể chở nổi. Do vậy, tôi chỉ đứng một chân.

- Vì sao tôn giả đứng lại há miệng?
- Tôi không ăn gì khác, tôi chỉ ăn gió mà thôi.
- Tại sao tôn giả đứng và hướng mặt về phía mặt trời?
- Tôi đánh lễ mặt trời.

Bồ-tát nghe nó nói như vậy, suy nghĩ: “Đây là một sinh vật có giới hạnh.” Từ đó về sau, buổi sáng và buổi chiều, Bồ-tát cùng với đàn chuột đi tới hâu con chó rừng. Khi đàn chuột hâu xong, trên đường đi về, con chó rừng bắt con chuột sau cùng ăn thịt, nuốt nó xong, chùi miệng rồi đứng như cũ.

Dần dần, đàn chuột ít đi. Các con chuột khác suy nghĩ: “Lúc trước, cái hang này không thể chứa chúng ta. Chúng ta đứng không có kê hở, nay lỏng lẻo. Như vậy, cái hang chứa không đầy. Vì sao lại như thế này?” Chúng trình sự việc lên Bồ-tát biết. Bồ-tát suy nghĩ: “Vì lý do gì các con chuột dần dần ít đi?” Nghi ngờ con chó rừng, Bồ-tát lại nghĩ: “Ta sẽ thử nó xem.” Khi đến hâu con chó rừng, Bồ-tát để đàn chuột đi trước, còn mình đi sau cùng. Con chó rừng nhảy lên vồ chúa chuột. Bồ-tát thấy nó nhảy đến vồ mình, liền quay thân mình và nói:

– Tôn giả chó rừng, như vậy là sở hành giới cấm của người không đúng Chánh pháp. Với mục đích làm hại những kẻ khác, nhà người hành trì phi pháp, bêu xấu ngọn cờ Chánh pháp.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ:

128.	Ai yêu cờ Chánh pháp,	Bí mật làm điều ác,
	Dụng ý để lường gạt,	Các loài sinh vật khác,
	Giới cấm kẻ như vậy,	Được gọi thói con mèo.

Chúa đàn chuột nói như vậy xong, nhảy vào cắn cổ họng dưới hàm con chó rừng, làm đứt cuống họng và chấm dứt đời sống của nó. Cả đàn chuột trở lui, ăn thịt con chó rừng với tiếng kêu “mum mum”, rồi bỏ đi. Nghe nói, những con đến trước có được thịt ăn, những con đến sau không có được gì. Từ đấy về sau, đàn chuột sống an ổn không sợ hãi.

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con chó rừng là Tỷ-kheo lừa đảo, còn chuột chúa là Ta vậy.

§129. CHUYỆN KỂ THỜ LỬA (*Aggikajātaka*) (J. I. 461)

Cái chòm trên đầu này...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một người lừa đảo.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát làm chúa đàn chuột sống ở trong rừng. Bấy giờ, lửa bùng lên, có con chó rừng không thể chạy trốn được, đứng gục đầu vào một thân cây để cho lửa cháy lông toàn thân của nó. Trên đỉnh đầu, tại chỗ gục vào cây, một nắm tóc còn lại giống như cái chỏm.

Một hôm, nó đang uống nước tại một vũng nước trên tảng đá, nó nhìn bóng mình, thấy cái chỏm và nghĩ: “Nay ta có tiền để mua đồ rồi.” Nó đi lang thang trong rừng, thấy cái hang có đàn chuột và nghĩ: “Ta sẽ lừa dối và ăn những con chuột này.” Như trước đã nói, nó đứng không xa cái hang chuột bao nhiêu. Vua loài chuột trong khi đi tìm đồ ăn thấy con chó rừng tưởng rằng nó có giới hạnh, liền đi đến gần và hỏi:

– Ngài tên gì?

– Ta tên là Bhāradvāja, kẻ thờ lửa.

– Sao ngài đến đây?

– Vì muốn bảo vệ các bạn.

– Làm thế nào ngài bảo vệ chúng tôi?

– Tôi biết đếm với ngón tay. Buổi sáng, khi các bạn đi ra để tìm đồ ăn, tôi sẽ đếm bao nhiêu con. Khi các bạn về, tôi sẽ đếm bao nhiêu con về. Như vậy, nhờ đếm buổi sáng và buổi chiều, tôi sẽ bảo vệ các bạn.

– Nay cậu thân, vậy hãy bảo vệ chúng tôi!

Con chó rừng chấp nhận. Khi đến giờ ra đi, con chó rừng đếm một, hai, ba; khi đến giờ về, con chó rừng cũng đếm như vậy. Nó bắt con đi sau cùng và ăn thịt. (Mọi chuyện xảy ra như câu chuyện trước). Ở đây, con chuột chúa quay trở lui, đứng lại và nói:

– Nay Tôn giả thờ lửa Bhāradvāja, đây không phải là cái chỏm trên đầu do thiện pháp của ông tạo nên mà chính do nhân duyên cái bụng [tham ăn] của ông tạo nên.

Rồi chuột chúa đọc bài kệ này:

129. Cái chỏm trên đầu này,
Cái chỏm trên đầu này,
Đếm ngón tay làm gì?

Không do công đức tạo,
Do duyên cái bụng tạo,
Vừa thôi, kẻ thờ lửa!

Khi bậc Đạo sư nói pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con chó rừng là Tỷ-kheo này, còn chúa đàn chuột là Ta vậy.

§130. CHUYỆN NỮ BÀ-LA-MÔN KOSIYA (*Kosiyajātaka*)¹²² (J. I. 465)

Hãy ăn như đã nói...

¹²² Xem J. II. 208, *Kosiyajātaka* (Chuyện con chim cú), số §226.

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một người đàn bà ở Xá-vệ. Nghe nói, nàng là vợ một Bà-la-môn cư sĩ có lòng tin. Nhưng nàng hành ác giới, theo ác pháp, ban đêm hành tà hạnh, còn ban ngày không làm công việc gì, cứ giả bộ đau ốm nằm rên. Người Bà-la-môn hỏi nàng:

– Hiền thê đau làm sao?

Nàng trả lời:

– Tôi bị gió hành.

– Hiền thê muốn gì?

– Muốn ăn đồ béo, bánh ngọt, các món ăn đặc biệt như cháo, món ăn có dầu, v.v...

Nàng muốn gì, người Bà-la-môn đều đem lại cho nàng, và ông ta làm tất cả mọi công việc như một người nô lệ. Khi vị Bà-la-môn có mặt ở nhà thì nàng nằm nghỉ. Khi vị Bà-la-môn đi ra ngoài, nàng sống với các tình nhân.

Vị Bà-la-môn suy nghĩ: “Gió hành hạ thân vợ ta, không có triệu chứng chấm dứt.” Nghĩ vậy, vị Bà-la-môn đem hương, vòng hoa đi đến Kỳ Viên, đánh lễ bậc Đạo sư, rồi ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư hỏi:

– Nay Bà-la-môn, sao lâu nay không thấy ông đến?

Vị Bà-la-môn thưa:

– Bạch Thế Tôn, nữ Bà-la-môn vợ con bị gió hành hạ. Con phải tìm bơ chín, dầu, v.v... và các món ăn đặc biệt cho vợ con. Nay thân nàng béo tốt và màu da nàng sáng tươi. Nhưng bệnh vì gió không có triệu chứng chấm dứt. Vì con săn sóc vợ con nên không có cơ hội đến đây.

Bậc Đạo sư biết được ác hạnh của nữ Bà-la-môn, liền hỏi:

– Nay Bà-la-môn, do tự ngã chứa chứa nhiều đời, ông không nhớ lời của các bậc Hiền trí đã nói với ông thời xưa. Cần phải làm những thuốc này, thuốc này đối với chứng bệnh của người đàn bà nằm như vậy.

Nói vậy xong, theo thỉnh cầu của vị Bà-la-môn, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadata trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một vị Bà-la-môn, sanh ra trong một gia đình rất cao quý, đi học tất cả tài nghệ ở Takkasilā và trở thành một bậc Sư trưởng có danh tiếng nhiều phương. Các thanh niên trong hoàng tộc và các thanh niên Bà-la-môn ở tại kinh đô, phần lớn đến học nghệ với Bồ-tát.

Một Bà-la-môn ở tỉnh thành, học ba tập Vệ-đà và mười tám học minh với Bồ-tát. Vị ấy được đặt vào chức vụ địa chủ ở Ba-la-nại. Hàng ngày, hai lần đi đến Bồ-tát. Vợ vị ấy là nữ Bà-la-môn có ác giới, theo ác hạnh. (Tất cả câu chuyện giống như câu chuyện hiện tại). Khi Bồ-tát hỏi và được nghe: “Do nhân

duyên này... con không có cơ hội nghe thuyết giảng.” Bồ-tát biết nữ gia chủ này lừa đảo vị Bà-la-môn, bèn nghĩ: “Ta sẽ nói một phương thuốc thích hợp với chứng bệnh của nữ Bà-la-môn.” Vì vậy, Bồ-tát nói với vị Bà-la-môn ấy:

– Này cư sĩ thân, bắt đầu từ hôm nay, chớ cho nữ Bà-la-môn bơ chín, sữa, các vị ngọt, v.v... Hãy lấy năm loại trái cây và phân bò, bỏ chúng vào trong một cái nồi bằng đồng mới, khiến chúng thấm nhiễm mùi của đồng, rồi cầm sợi dây thừng hay cây roi mây và nói: “Đây là món thích hợp với bệnh của bà, hãy uống thuốc này hoặc đứng dậy làm các công việc cho xứng với các món bà ăn.” Sau đó, hãy đọc lên bài kệ này. Nếu vợ ông không chịu ăn uống, hãy lấy dây thừng hay cây roi mây đánh bà ta vài cái, hoặc nắm tóc kéo đi, hoặc lấy cùi chỏ đánh nhẹ, thế nào bà ta cũng dậy và làm công việc.

Người Bà-la-môn nói:

– Lành thay!

Và như đã được nghe nói, khi về nhà, vị ấy làm món thuốc và nói với bà vợ:

– Này hiền thê, hãy uống thuốc này!

– Ai nói làm thuốc này?

– Bạc Sư trưởng, hiền thê ạ.

– Hãy đem đi, tôi không uống đâu!

Thanh niên Bà-la-môn nói:

– Hiền thê không thích uống sao?

Vị ấy cầm sợi dây và nói: “Hoặc là uống thuốc này thích hợp với bệnh của hiền thê, hoặc là làm công việc cho xứng đáng với món ăn được cung cấp!”

Rồi vị ấy đọc bài kệ:

130. Hãy ăn như đã nói, Người không làm cả hai, Hỡi này Kosiya!	Hãy nói như đã ăn, Cả nói và cả ăn,
--	--

Nghe vậy, nữ Bà-la-môn Kosiya sợ hãi vì biết có sự can thiệp của vị Sư trưởng: “Ta không thể lừa đảo được nữa.” Sau đó, nàng liền ngồi dậy làm các công việc. Vì lòng kính trọng bậc Đạo sư, nàng từ bỏ ác hạnh và trở thành có giới đức.

Khi nghe chuyện xong, nữ Bà-la-môn nhận thấy đức Phật đã hiểu ác hạnh của mình, bèn sợ hãi và không dám phạm tội nữa.

Sau khi kể câu chuyện này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Người chồng và người vợ thời ấy là người chồng và người vợ hiện tại, còn vị Sư trưởng là Ta vậy.

XIV. PHẨM KỂ VONG ÂN (*ASAMPADĀNAVAGGA*)

§131. CHUYỆN KỂ VONG ÂN (*Asampadānajātaka*) (J. I. 465)

Nếu người này người kia...

Câu chuyện này, khi ở tại Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về Đề-bà-đạt-đa. Lúc bấy giờ, các Tỷ-kheo họp tại pháp đường, khởi lên câu chuyện:

– Thưa các Hiền giả, Đề-bà-đạt-đa không biết ơn, không biết công đức của Như Lai.

Bậc Đạo sư đi đến và hỏi :

– Nay các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi họp ở đây bàn vấn đề gì ?

Khi được nghe vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói :

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Đề-bà-đạt-đa mới vô ơn. Trong quá khứ, kẻ ấy cũng đã vô ơn như vậy rồi.

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, ở Vương Xá trong nước Ma-kiệt-đà, khi một vị vua xứ Ma-kiệt-đà đang trị vì, Bô-tát là một vị triệu phú tên Samkha có gia sản trị giá tám trăm triệu. Tại Ba-la-nại, một triệu phú tên là Piliya cũng có gia sản trị giá tám trăm triệu. Hai vị ấy là bạn thân với nhau. Trong thời ấy, vì một lý do nào đó, triệu phú Piliya gặp đại nạn và tất cả gia sản đều bị mất sạch, trở thành nghèo túng không nơi nương tựa. Piliya đoán biết triệu phú Samkha là chỗ có thể nhờ cậy được, liền đem vợ ra khỏi Ba-la-nại, đi bộ đến Vương Xá, đến tận trú xứ của triệu phú Samkha. Khi triệu phú Samkha thấy Piliya, liền ra đón và nói:

– Ô, bạn thân của tôi đã đến!

Và ông đối xử với bạn rất kính trọng. Sau khi để cho bạn ở vài ngày, một hôm ông hỏi:

– Nay bạn, bạn đến có mục đích gì?

– Nay bạn, đại nạn đã xảy đến cho tôi. Tất cả tài sản đều mất sạch. Hãy giúp đỡ tôi!

– Lành thay, nay bạn, chớ sợ hãi!

Samkha mở kho bạc, cho bạn bốn trăm triệu đồng tiền vàng, rồi chia tất cả

gia sản còn lại của mình, kể cả vật nổi, vật chìm, động sản, bất động sản thành hai phần và cho bạn một nửa. Piliya đem tài sản ấy đi về Ba-la-nại và sống tại đây.

Sau một thời gian, một tai nạn tương tự xảy đến với triệu phú Samkha. Ông tìm chỗ để nương tựa và suy nghĩ: “Ta đã giúp đỡ rất nhiều cho bạn ta. Ta cho bạn nửa gia sản. Thấy ta, bạn sẽ không từ chối. Ta hãy đi đến bạn của ta.” Nghĩ vậy, hai vợ chồng ông đi đến Ba-la-nại, rồi Samkha nói với vợ:

– Này hiền thê, thật không thích hợp nếu bà đi bộ với tôi giữa đường xa thế này. Bà hãy đi đến sau. Tối nay, tôi sẽ cho xe đến với một người tùy tùng để đưa bà vào thành cho đúng phép, hãy chờ tại đây!

Sau đó, Samkha để người vợ ở trong một nhà trọ, tự mình đi vào thành, đến nhà triệu phú và báo tin cho biết:

– Bạn của ngài tên là triệu phú Samkha đã từ Vương Xá đến.

Khi thấy Samkha, Piliya từ ghế đứng dậy, không đón mừng thân mật, chỉ hỏi:

– Bạn đến đây có mục đích gì?

– Tôi đến để thăm bạn.

– Hiện nay bạn ở đâu?

– Cho đến nay, tôi chưa có chỗ ở. Tôi để vợ tôi tại nhà trọ và đến đây.

– Ở đây, không có chỗ ở cho bạn. Hãy lấy một ít gạo, nấu tại một chỗ nào đó, ăn xong rồi đi! Đừng để tôi thấy mặt bạn nữa!

Rồi ông sai một người nô lệ:

– Hãy cho bạn ta một lon gạo có nhiều trấu và gói vào một góc vải!

Người ta nghe rằng, ngày trước đó, nó đã có được gạo đỏ tốt cỡ đầy một ngàn cỗ xe và sau khi cho sàng gạo đã chất đầy kho. Tên Piliya ngày trước đã được bạn cho bốn trăm triệu đồng cùng tài sản và đi về không biết ơn, nay tên đại cướp chỉ cho bạn ân nhân một lon gạo nhiều trấu. Theo lệnh chủ, người nô lệ đóng một lon gạo trấu trong một cái giỏ rồi đi đến Bò-tát. Bò-tát suy nghĩ: “Con người phi nhân nghĩa này được ta cho bốn trăm triệu đồng, nay chỉ cho ta một lon gạo trấu, không biết ta có nên nhận hay không?” Rồi Bò-tát suy nghĩ: “Người bạn ác vô ơn này đã phá vỡ tình bạn với ta khi ta gặp nạn. Nếu ta không nhận lon gạo trấu quá ít, ta sẽ phá vỡ tình bạn. Kẻ mù lừa ngu si không nhận vật cho ít ỏi, sẽ phá hoại tình bạn. Nhưng ta nhờ chế ngự được cơn giận vì lon gạo trấu do nó cho, sẽ duy trì được tình bạn.”

Do vậy, Samkha cột vào vật áo lon gạo được cho và từ lâu đài bước xuống đi đến nhà trọ. Vợ Samkha hỏi:

– Này ông, ông nhận được gì?

– Này hiền thê, triệu phú Piliya, bạn của chúng ta, đã cho một lon gạo trấu và đuổi chúng ta đi.

Bà vợ nói:

– Vì sao ông lại nhận? Và nào có xứng đáng gì với bốn trăm triệu đồng tài sản?

Rồi bà vợ khóc, Bồ-tát nói:

– Nay hiền thê, chớ khóc. Vì sợ phá vỡ tình bạn nên ta nhận để duy trì tình bạn. Sao bà lại sầu muộn?

Nói xong Bồ-tát đọc bài kệ này:

131.	Nếu người này người kia,	Không có cho chút gì,
	Với kẻ ngu, tình bạn,	Đi đến chỗ tối đen.
	Do vậy, ta vẫn nhận,	Lượng được nửa phần trâu.
	Ta không để tình bạn,	Vì ta bị hủy diệt,
	Ta muốn tình bạn này,	Mãi mãi được trường cửu.

Tuy nghe nói vậy, bà vợ triệu phú vẫn khóc. Trong lúc ấy, một người nô lệ do triệu phú Samkha đã cho triệu phú Piliya, đi ngang qua cửa nhà trọ, nghe tiếng khóc của bà triệu phú liền đi vào nhà trọ. Thấy ông bà chủ của mình, anh ta đánh lễ dưới chân họ, khóc than và hỏi:

– Thưa ông bà chủ, ông bà chủ đến đây có việc gì?

Triệu phú kể lại tất cả sự việc. Người nô lệ nói:

– Thưa ông bà chủ, hãy để sự việc như vậy. Chớ lo nghĩ!

Sau khi an ủi cả hai người, anh ta đưa họ về nhà mình, dùng nước thơm để hai người tắm rửa, mời họ ăn cơm và tin cho các người nô lệ khác biết:

– Ông chủ, bà chủ cũ của các bạn đã đến.

Và anh ta bảo họ đến thăm. Một vài ngày sau, anh ta họp toàn thể nô lệ cùng đi đến sân châu vua tạo ra tiếng vang lớn. Vua cho gọi họ vào và hỏi có việc gì. Họ trình lên vua hết tất cả sự việc. Vua nghe lời của họ xong, liền cho mời hai vợ chồng triệu phú đến và hỏi triệu phú Samkha:

– Có đúng sự thật chẳng, này đại triệu phú, khanh đã cho triệu phú Piliya bốn trăm triệu đồng tiền vàng?

– Thưa Đại vương, khi bạn tôi đi đến Vương Xá và đặt lòng tin vào tôi, tôi không cho toàn thể tài sản của tôi nhưng tôi chia tất cả tài sản và bất động sản của tôi thành hai phần đồng đều và cho bạn tôi một nửa.

Vua hỏi triệu phú Piliya:

– Có đúng sự thật chẳng?

Piliya trả lời:

– Thưa Đại vương, đúng sự thật.

– Còn khi bạn của người đến đặt lòng tin vào người, người có lòng cung kính, tôn trọng bạn người không?

Piliya im lặng.

– Có phải người bảo đồ một lon gạo trâu vào một góc vãi và cho bạn của người chẳng?

Nghe nói vậy, Piliya vẫn giữ im lặng. Sau đó, nhà vua hỏi ý kiến các đình thần nên xử trí thế nào. Cuối cùng, khi quyết định xong, vua ra lệnh:

– Hãy đi lấy tất cả tài sản trong nhà của triệu phú Piliya giao cho triệu phú Samkha.

Bồ-tát thưa:

– Tâu Đại vương, tôi không muốn gia sản của người khác, tôi chỉ xin nhận tài sản trước đây tôi đã cho.

Nhà vua giao gia sản theo yêu cầu của Bồ-tát. Sau khi nhận lại gia sản mình đã cho, Bồ-tát cùng với đoàn nô lệ vây quanh, đi về Vương Xá gây dựng cơ nghiệp và trọn đời làm các công đức như bố thí, v.v... rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, triệu phú Piliya là Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), còn triệu phú Samkha là Ta vậy.

§132. CHUYỆN NĂM DỤC LẠC (*Pañcagarujātaka*)¹²³ (J. I. 469)

Nghe theo lời khuyên tốt...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về sự cám dỗ của các con gái của Māra (Ma vương) tại cây bàng Ajapāla của người chăn dê.

Bậc Đạo sư đọc bài kinh, bắt đầu với những lời này:

Rực rỡ sáng, chúng đến,	Ái, bắt lạc và tham,
Ngay tại đây, Đạo sư,	Thôi chúng bay tán loạn,
Chẳng khác gì bông rơi,	Tán tác trước gió thổi!

Sau khi Thế Tôn đọc xong bài kinh, các Tỷ-kheo họp tại pháp đường, bắt đầu câu chuyện:

– Thưa các Hiền giả, trong khi các con gái của Māra tự tạo ra hàng trăm thiên sắc, đi đến với mục đích cám dỗ, bậc Chánh Đẳng Giác vẫn không thềm mở mắt để nhìn. Ôi, Phật lực thật là vi diệu!

Bậc Đạo sư đi đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông ngồi họp ở đây và bàn vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, thật không có gì vi diệu nếu Ta không nhìn các con gái của Māra khi Ta đã chứng được Toàn giác và đoạn tận tất cả các lậu hoặc. Trong thời quá khứ, khi Ta đang tìm đạo Bồ-đề, khi đang còn các kiết sử, Ta đã cương

¹²³ Bản Tích Lan viết *Pañcagarukajātaka*. Bản CST viết *Bhīrukajātaka*, nghĩa là *Chuyện run sợ*. Bản Thái Lan viết *Pañcabhīrukajātaka*, nghĩa là *Chuyện năm điều làm run sợ*.

quyết không nhìn các thiên sắc hóa hiện đến như vậy và do sự chế ngự ấy, Ta đã đạt được đại vương quốc.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là em trai út của một gia đình có một trăm anh em. Tất cả câu chuyện mạo hiểm của ngài cần được diễn tả đầy đủ ở đây cũng như ở *Chuyện bát dầu*.¹²⁴ Lúc bấy giờ, dân chúng trú ở thành Takkasilā dâng vương quốc cho Bồ-tát đang ở nhà trọ ngoài thành. Và sau khi ngài được làm lễ Quán đánh phong vương, dân chúng trang hoàng thành phố như thành phố chư thiên và trang hoàng cung điện của vua như cung điện của Thiên chủ Indra (tức là Sakka hay Đế-thích).

Khi ấy, Bồ-tát vào thành, đi ngang qua hành lang lớn trong cung vua, ngự lên vương tòa làm bằng châu báu vi diệu, dưới một lọng trắng được giương cao và ngồi xuống với vẻ đẹp siêu phàm của vị Thiên chủ.

Các đại thần, Bà-la-môn, gia chủ, các hoàng tử trong vương tộc, tất cả đều trang sức lọng lầy đứng bao vây xung quanh. Trong khi ấy, mười sáu ngàn vũ nữ đẹp như các thiên nữ, rất giỏi về đàn, múa, hát, đầy đủ sắc đẹp tuyệt trần, biểu diễn các điệu múa, các bài hát và các loại đàn cho đến khi toàn cung điện vang dội tiếng hát, tiếng đàn, giống như lòng đại dương vang dội tiếng sấm sét. Bồ-tát ngồi nhìn cảnh huy hoàng lộng lẫy của mình và suy nghĩ: “Nếu ta nhìn thiên sắc huyễn hóa của các nữ dạ-xoa ấy thì ta đã mạng chung rồi. Nhờ ta không nhìn chúng nên mới có cảnh huy hoàng lộng lẫy này. Nhờ nghe lời khuyên của các vị Độc Giác Phật nên ta mới đạt được kết quả này.” Sau khi suy nghĩ như vậy, ngài nói lên lời cảm hứng với bài kệ:

132. Nghe theo lời khuyên tốt,	Kiên trì không lay động,
Tiếp tục đi con đường,	Không có gì sợ hãi.
Ta không muốn đi vào,	Chỗ cảm dỗ dạ-xoa,
Nên ta được an toàn,	Khỏi sự sợ hãi lớn.

Như vậy, bậc Đại sĩ thuyết pháp với bài kệ này, rồi ngài trị vì quốc độ đúng pháp và trọn đời làm các công đức như bố thí, v.v... đến khi mạng chung, ngài đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Ta là hoàng tử đi đến Takkasilā và đạt được vương quốc.

§133. CHUYỆN LỬA CHÁY (*Ghatāsanajātaka*) (J. I. 471)

Tại chỗ được an ổn...

¹²⁴ Xem J. I. 393, *Talapattajātaka* (*Chuyện bát dầu*), số §96.

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một vị Tỷ-kheo. Tỷ-kheo này lấy một đề tài thiền quán từ bậc Đạo sư, đi đến biên địa và an cư mùa mưa tại một trú xứ trong rừng, gần một ngôi làng nhỏ. Trong tháng đầu, khi đi vào làng khát thực, cái chồi lá bị cháy, bị một mối vì không có chỗ trú ẩn, Tỷ-kheo nói cho các vị hộ trì biết, họ đáp:

– Thưa Tôn giả, hãy yên tâm. Chúng tôi sẽ làm lại chồi lá cho Tôn giả.

Ban đầu họ đến nói vậy, nhưng ba tháng đã trôi qua, họ vẫn chưa làm. Vì không có trú xứ thích hợp, Tỷ-kheo ấy không đạt được kết quả đề tài thiền quán. Ngay cả một tia ánh sáng cũng không khởi lên cho vị ấy.

Khi an cư mùa mưa xong, vị ấy đi đến Kỳ Viên đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư tiếp đón Tỷ-kheo ấy thân mật và hỏi:

– Nay Tỷ-kheo, đề tài thiền quán của ông có thích hợp không?

Tỷ-kheo ấy trình lên Thế Tôn biết về trú xứ của mình. Bậc Đạo sư nói:

– Thuở xưa, nay Tỷ-kheo, ngay các loài bàng sanh cũng đã biết được trú xứ của mình, khi thích hợp thì chúng sống, khi không thích hợp thì chúng từ bỏ trú xứ ấy, đi đến chỗ khác trước khi trú xứ an lạc của chúng trở thành nguy hiểm. Và nếu loài bàng sanh cũng đã biết như vậy, vì sao ông lại không biết trú xứ thích hợp hay không thích hợp cho mình?

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con chim. Khi đến tuổi trưởng thành, đạt được dung sắc tối thượng, làm vua các loài chim, ở lại trong rừng sống với đàn chim tùy tùng, nương tựa vào một cây lớn. Cây ấy có nhiều lá sum suê với các cành lá vươn ra trên một hồ nước, và nhiều con chim sống trên các cành cây làm cho phân rơi trong nước.

Bấy giờ, có con rắn chúa tên Caṇḍa sống trong hồ nước ấy. Nó suy nghĩ: “Những con chim này làm rơi phân trong hồ nước của ta. Vậy ta hãy làm cho lửa từ trong nước cháy lên thiêu rụi cây và đuổi chúng đi.” Trong cơn nóng giận, con rắn chúa đợi ban đêm, trong khi tất cả đàn chim đang nằm ngủ. Đầu tiên nó làm cho nước hồ sôi lên, kế đó làm cho khói bốc lên và phun cao hơn cây thốt nốt. Bồ-tát thấy lửa từ nước phun lên, liền gọi bầy chim:

– Nay các bạn chim, nước thường hay dập tắt lửa. Nay chính nước đốt cháy. Chúng ta không thể ở đây được. Chúng ta sẽ đi tìm chỗ khác.

Nói xong, Bồ-tát đọc bài kệ:

133. Tại chỗ được an ổn,	Tại đấy, rắn nổi lên,
Chính ở giữa lòng nước,	Lửa từ đấy cháy lên,
Nay không nên trú ở,	Tại cây mọc trên đất,
Hãy bay tản các phương,	Hồ này rất đáng sợ!

Sau đó, Bồ-tát đem các con chim nghe theo mình bay đi tìm chỗ khác. Còn những con chim không nghe lời Bồ-tát vẫn ở lại đều bị thiêu cháy.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư giảng bốn sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo chứng đắc quả A-la-hán và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, các con chim nghe theo lời Bồ-tát là hội chúng của Như Lai, còn vua loài chim là Ta vậy.

§134. CHUYỆN SỰ TỊNH HÓA CỦA THIÊN

(Jhānasodhanajātaka) (J. I. 473)

Những ai còn có tướng...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về lời giải thích rộng rãi của vị Tướng quân Chánh pháp Sāriputta (Xá-lợi-phất) tại cửa thành Samkassa, liên hệ đến một vấn đề do bậc Đạo sư thuyết giảng vắn tắt. Câu chuyện quá khứ được kể như sau.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát mạng chung ở trong rừng đã nói:

– Phi tướng phi phi tướng.

Các vị tu khổ hạnh không tin lời giải thích của vị đệ tử đầu tay về lời dạy của vị Đạo sư. Vì vậy, Bồ-tát từ cõi trời Quang Âm trở về và đứng trên hư không đọc lên bài kệ này:

134. Những ai còn có tướng,	Chúng cũng đi ác thú,
Những ai không có tướng,	Chúng cũng đi ác thú.
Hãy từ bỏ cả hai,	Đạt được lạc thiên chứng,
Không còn các uế nhiễm.	

Như vậy, Bồ-tát thuyết pháp tán thán vị đệ tử của ngài và đi lên cõi Phạm thiên. Khi ấy, các vị tu hành khổ hạnh còn lại đã tin vị đệ tử đầu tay.

Sau khi kể pháp thoại, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị đệ tử đầu tay là Sāriputta, còn vị Đại Phạm thiên là Ta vậy.

§135. CHUYỆN ÁNH SÁNG CỦA MẶT TRĂNG

(Candābhajātaka) (J. I. 474)

Nguyệt quang và nhật quang...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về lời giải thích một vấn đề của Trưởng lão Sāriputta tại cửa thành Sāmkassa.

Thuở trước, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát vào lúc mạng chung ở trong rừng, đã trả lời các câu hỏi của các đệ tử với các chữ: “Ánh sáng của mặt trăng, ánh sáng của mặt trời.” Nói xong, ngài sanh lên Quang Âm thiên.

Bấy giờ, vị đệ tử đầu tay giải thích lời của bậc Đạo sư, các vị khổ hạnh không tin tưởng vị ấy. Cho nên sau đó, Bồ-tát từ Quang Âm thiên xuất hiện xuống, đứng trên hư không và đọc lên bài kệ:

135. Nguyệt quang và nhật quang, Ai tu với trí tuệ,
Với thiên không tâm này, Được sanh Quang Âm thiên.

Như vậy, Bồ-tát dạy cho các vị tu khổ hạnh hiểu và tán thán đức hạnh của vị đệ tử đầu tay, rồi trở lại cõi Phạm thiên.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị đệ tử đầu tay là Sāriputta, còn Đại Phạm thiên là Ta vậy.

§136. CHUYỆN THIÊN NGÀ VÀNG (*Suvaṇṇaḥamsajātaka*)¹²⁵ (J. I. 474)

Được gì, hãy biết đủ...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Tỷ-kheo-ni Thullanandā (Nandā Mập). Một nam cư sĩ ở Xá-vệ muốn cúng dường tỏi cho chúng Tỷ-kheo-ni, bảo người giữ ruộng:

– Khi nào các Tỷ-kheo-ni đến, hãy cho mỗi Tỷ-kheo-ni hai hay ba nhánh tỏi.

Từ khi ấy trở đi, các Tỷ-kheo-ni thường đi đến nhà người ấy, hay ra đồng ruộng để lấy tỏi. Một hôm vào một ngày lễ, trong nhà người ấy tỏi không còn nữa, Tỷ-kheo-ni Thullanandā đến nhà người ấy với một số tùy tùng và hỏi:

– Thưa ông, có tỏi không?

– Thưa Ni sư, tôi không có. Tôi đem về đủ dùng hết rồi. Ni sư hãy đi ra ngoài đồng.

Nghe nói vậy, Thullanandā đi ra ngoài đồng, không chế ngự được lòng tham đã mang tỏi về quá nhiều. Người giữ ruộng tức giận:

– Vì sao các Tỷ-kheo-ni không biết vừa đủ, đem tỏi đi quá nhiều vậy?

Nghe nói vậy, các Tỷ-kheo-ni thiếu dục cũng bức bối, phiền muộn và các Tỷ-kheo ở nhà nghe các Tỷ-kheo-ni ấy nói, cũng bức bối và phiền muộn không kém. Sự phiền muộn của chư Ni được các Tỷ-kheo trình lên Thế Tôn rõ. Thế Tôn phê bình Tỷ-kheo-ni Thullanandā và nói:

¹²⁵ Xem *Vin.* IV. 258-59.

– Nay các Tỷ-kheo, một người có lòng dục lớn, xử sự không thân ái, không làm vừa ý ngay cả mẹ sanh ra mình, không gây được lòng tin đối với những người chưa tin, không thể làm tăng trưởng lòng tin của những người đã có lòng tin, không tạo nên các lợi dưỡng chưa được tạo nên và đối với lợi dưỡng đã có rồi, cũng không thể duy trì được. Còn người ít dục, có thể làm khởi lên lòng tin ở người chưa có lòng tin, có thể làm tăng trưởng lòng tin với những người đã có lòng tin, tạo nên các lợi dưỡng chưa được tạo nên và đối với lợi dưỡng đã có rồi, vẫn có thể duy trì được.

Với phương pháp ấy, bậc Đạo sư thuyết giáo thích hợp cho các Tỷ-kheo ấy và nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Thullanandā mới có tham dục lớn, trong quá khứ, Thullanandā cũng đã có lòng dục lớn như vậy rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadata trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi đến tuổi trưởng thành, họ cưới cho Bồ-tát một người vợ từ một gia đình ngang hàng. Với người vợ ấy, Bồ-tát có được ba con gái đều tên là Nandā. Khi Bồ-tát mạng chung, vợ và các con gái phải đi đến ở với các gia đình khác.

Bồ-tát tái sanh làm con ngỗng trời vàng, có trí nhớ được các đời trước. Khi con ngỗng trời vàng đến tuổi trưởng thành, thấy thân thể to lớn của mình, với lông vàng che thân, với sắc đẹp tuyệt trần, nó hướng tâm tìm hiểu: “Ta từ đâu mạng chung mà đến đây?”

Biết được mình từ loài người đến, Bồ-tát hiểu: “Nay nữ Bà-la-môn và các con gái ta ở đâu?” Được biết họ đang làm thuê cho người khác và sống một cách khó khăn, Bồ-tát suy nghĩ: “Trong các lông bằng vàng trên thân ta hiện nay, nếu ta cho họ một cái lông bằng vàng của ta thì với lông vàng ấy, vợ và các con gái ta sẽ sống hạnh phúc.” Vì vậy, Bồ-tát đi đến chỗ họ ở và đậu trên cây xà ngang chính. Nữ Bà-la-môn và các con gái thấy Bồ-tát, liền hỏi:

– Thưa ngài, ngài từ đâu đến?

Bồ-tát trả lời:

– Ta là cha các con. Ta mạng chung được sanh làm con ngỗng trời vàng. Ta đến để thăm các con. Bắt đầu từ nay, các con không còn phải làm thuê cho người khác và sống một cách khổ sở như vậy nữa. Ta sẽ cho các con mỗi lần một cái lông vàng của ta. Các con bán lông ấy và sống hạnh phúc.

Nói xong, Bồ-tát cho họ một cái lông vàng và bay đi. Từ đó, với cách thức này, Bồ-tát tiếp tục đi đến và mỗi lần cho họ một cái lông vàng. Và các nữ Bà-la-môn được sống sung túc, hạnh phúc. Một hôm, nữ Bà-la-môn nói với các con gái:

– Này các con, tâm của loài súc sanh khó mà tin được. Một ngày nào đó, cha các con có thể không đến đây, vậy khi nào cha các con đến, chúng ta hãy nhổ tất cả lông vàng và lấy các lông ấy để dành.

Các cô gái không chịu, liền nói:

– Làm như vậy, cha chúng con sẽ đau đớn.

Tuy vậy, nữ Bà-la-môn vì lòng ham muốn quá lớn, một hôm, thấy con ngỗng trời vàng đến, bà kêu con ngỗng đến gần bà, với hai tay bắt giữ ngỗng và nhổ tất cả lông. Nhưng các lông của Bồ-tát có đặc điểm là nếu bị nhổ lên bằng sức mạnh ngoài ý muốn của mình thì chúng trở thành như lông con cò thường. Bấy giờ, Bồ-tát xòe hai cánh ra nhưng không có thể bay được. Nữ Bà-la-môn quăng Bồ-tát vào một cái thùng lớn và cho Bồ-tát ăn ở đấy. Theo thời gian, các lông của Bồ-tát được mọc lên nhưng chúng toàn màu trắng. Với cánh được mọc lại, Bồ-tát về chỗ ở của mình và không bao giờ trở lại nữa.

Sau khi kể câu chuyện quá khứ này, bậc Đạo sư lại nói:

– Này các Tỷ-kheo, Thullanandā không phải nay mới có ham muốn lớn. Thuở trước, nàng cũng đã có ham muốn lớn rồi. Lòng ham muốn lớn của nàng lúc ấy đã làm cho nàng mất vàng, cũng như lòng ham muốn lớn của nàng hôm nay, làm cho nàng mất tỏi. Cũng như Thullanandā, chính vì nàng, chúng Tỷ-kheo-ni còn lại không được tỏi. Do vậy, nếu được nhiều, phải biết lượng vừa đủ; nếu được ít, phải bằng lòng với đồ nhận được. Chớ mong mỏi nhiều hơn!

Rồi bậc Đạo sư đọc bài kệ:

136. Được gì, hãy biết đủ, Do bắt chửa ngỗng trời,	Quá tham là ác pháp, Bao nhiêu vàng tiêu hết.
---	--

Nói xong, bậc Đạo sư dùng nhiều phương tiện quở trách rồi đặt ra học giới: “Tỷ-kheo-ni nào ăn tỏi là phạm giới.”

Nói xong pháp thoại, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, nữ Bà-la-môn là Thullanandā, ba người con gái ấy là ba chị em của nàng và con ngỗng trời vàng là Ta vậy. (Câu chuyện này được nói đến trong *Luật tạng*, tập IV).

§137. CHUYỆN CON MÈO (*Babbujātaka*)¹²⁶ (J. I. 477)

Tại chỗ cho một mèo...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một học giới liên hệ đến mẹ của Kāṇā.¹²⁷ Ở Xá-vệ, có một nữ cư sĩ được biết qua người con gái tên là Kāṇamātā (mẹ của Kāṇā). Nữ cư sĩ này đã chứng quả Dự lưu, một vị Thánh

¹²⁶ Xem *Vin.* IV. 79.

¹²⁷ Kāṇa có nghĩa là người “mọt mắt”.

đệ tử. Bà gả con gái cho một người đàn ông đồng giai cấp thọ sanh tại một ngôi làng khác. Vì một vài công việc, Kāṇā đi đến nhà mẹ. Chồng của Kāṇā, sau một vài ngày, sai một người đưa tin rằng chàng muốn Kāṇā hãy về. Kāṇā nghe lời đưa tin, hỏi mẹ:

– Thưa mẹ, con có nên đi về ngay không?

Bà mẹ nói:

– Con ở đây lâu như vậy, sao con có thể về tay không?

Rồi bà mẹ bắt đầu làm bánh. Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo khát thực đi đến nhà nữ cư sĩ ấy. Bà mời vị ấy ngồi và cúng dường bánh đầy bát. Vị ấy ra đi, lại nói với một người khác đến khát thực và bà mẹ cũng cúng dường người ấy như vậy. Vị ấy ra đi, lại nói với một người khác nữa và bà mẹ cúng dường cho đến bốn người cùng được cúng dường như vậy. Vì vậy, bánh được làm ra đều hết sạch và Kāṇā không thể lên đường đi về. Chồng Kāṇā gửi người đưa tin thứ hai, rồi thứ ba. Đến lần gửi người đưa tin thứ ba, người chồng nhắn: “Nếu nàng không về, ta sẽ lấy vợ khác.” Lần thứ ba, cũng vì lý do ấy, Kāṇā không đi về được. Chồng Kāṇā lấy một người vợ khác. Kāṇā nghe tin ấy liền đứng khóc.

Bậc Đạo sư biết được nguyên do, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến nhà mẹ của Kāṇā, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn và hỏi mẹ của Kāṇā:

– Vì sao Kāṇā này lại khóc?

Khi được nghe nói lý do, bậc Đạo sư an ủi mẹ của Kāṇā, thuyết pháp thoai xong, từ chỗ ngồi đứng dậy và đi về tịnh xá. Câu chuyện bốn Tỷ-kheo ba lần nhận lấy bánh ở nhà mẹ Kāṇā, vô tình ngăn chặn việc Kāṇā đi về được chúng Tỷ-kheo biết đến. Một hôm, các Tỷ-kheo họp tại pháp đường, bắt đầu nói chuyện:

– Nay các Hiền giả, bốn Tỷ-kheo trong ba lần ăn bánh do mẹ của Kāṇā nấu, đã làm trở ngại việc Kāṇā đi về. Do nguyên nhân ấy, người con gái bị chồng ruồng bỏ, khiến cho nữ cư sĩ sầu muộn.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi họp tại đây đang bàn vấn đề gì?

Khi được nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay bốn Tỷ-kheo mới ăn tài vật của mẹ Kāṇā, khiến bà ấy sinh sầu muộn. Thuở trước, họ cũng đã làm như vậy rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadata trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một người thợ dệt đá, khi đến tuổi trưởng thành, trở thành tinh xảo trong nghề. Trong nước Kāśi, tại một thị trấn có một nhà triệu phú rất giàu. Số tiền cất giữ lên đến bốn trăm triệu đồng tiền vàng. Vợ vị triệu phú mạng chung, vì

quá luyến ái tài sản nên tái sanh làm con chuột sống trên đồng tài sản. Như vậy, dần dần tất cả gia đình đi đến hủy diệt. Người chồng cũng chết. Ngôi làng trở thành hoang phế và vắng người.

Lúc ấy, Bò-tát đang đào và đẽo đá tại ngôi làng cũ. Rồi con chuột ấy đi tìm đồ ăn, thấy Bò-tát nhiều lần, khởi lên tâm luyến ái, nghĩ như sau: “Tài sản lớn của ta vô cớ bị hủy diệt. Ta sẽ ăn tiêu tài sản cùng chung với người này!” Nghĩ vậy, một hôm, nó ngậm trong miệng một đồng tiền vàng và đi đến Bò-tát. Bò-tát thấy nó, liền nói lên lời thân ái:

- Này bạn, có gì khiến bạn đến đây với đồng tiền vàng?
- Này ông chủ, tiền này để ông chủ tiêu dùng cho mình và đem thịt cho ta. Bò-tát chấp nhận nói:
- Tốt lắm!

Rồi Bò-tát lấy đồng tiền vàng đi về nhà, dùng một nửa mua thịt và đem đến cho con chuột. Con chuột lấy thịt đem về hang của mình và ăn thật thỏa thích. Từ đấy trở đi với cách thức này, hàng ngày, nó đem đến cho Bò-tát một đồng tiền vàng và Bò-tát lại cung cấp thịt cho nó. Một hôm, con chuột bị một con mèo bắt được. Nó nói:

- Này bạn, chớ giết ta.
- Vì sao? Ta nay đang đói muốn ăn thịt. Ta không thể không giết người được.
- Trước hết, hãy nói cho ta biết, ngày nào bạn cũng đói hay chỉ đói hôm nay thôi.

- Ô, ngày nào ta cũng đói cả.
- Vậy, nếu bạn muốn ăn thịt hàng ngày, xin hãy thả ta ra. Con mèo nói:
- Người nhớ đây.

Và nó thả con chuột ra. Từ đấy trở đi, con chuột chia thành hai phần thịt, một phần cho nó, một phần cho con mèo. Một ngày kia, nó bị một con mèo khác bắt, nó cũng hứa tương tự và được thả ra. Từ đấy trở đi, chúng chia thịt thành ba phần và chúng ăn. Một ngày kia, nó bị một con mèo khác bắt, nó cũng hứa tương tự và được thả ra. Từ đó, chúng chia thịt thành bốn phần và chúng ăn. Rồi một con mèo khác bắt nó, nó cũng hứa tương tự và được thả ra. Giữ lời hứa, chúng chia thịt thành năm phần và ăn. Con chuột vì ăn ít, bị mệt mỏi và trở thành ốm yếu, gầy còm. Bò-tát thấy con chuột như vậy, bèn hỏi:

- Này bạn, sao bạn ốm yếu thế?

Khi được biết lý do, Bò-tát nói:

- Lâu nay sao bạn không nói với tôi? Ở đây, tôi sẽ biết việc gì nên làm.

Bò-tát an ủi con chuột rồi làm một cái hang bằng đá pha lê trong suốt, đem đến và nói với con chuột:

– Này bạn, hãy vào trong hang này mà nằm. Với những ai đến đây, hãy dọa nạt chúng với những lời thật là ác độc.

Con chuột vào trong hang nằm. Rồi một con mèo đến và nói:

– Hãy đem thịt cho ta!

Con chuột nói với nó:

– Ôi, con mèo độc ác kia, sao ta lại đem thịt cho ngươi? Hãy về ăn thịt các con mèo con của ngươi đi!

Con mèo không biết con chuột nằm trong hang bằng pha lê, quá tức giận, liền dùng sức mạnh nhảy đến để bắt con chuột, quả tim nó đập mạnh vào cái hang bằng pha lê bị vỡ, khiến hai con mắt lồi ra. Như vậy, con mèo chết và rơi xuống tại một chỗ kín. Cũng với cách thức ấy, bốn con mèo đều chết.

Từ đây trở đi, con chuột không còn sợ hãi nữa, và hàng ngày đem cho Bồ-tát hai, ba đồng tiền vàng. Như vậy, dần dần nó cho Bồ-tát tất cả tài sản. Cả hai sống với nhau cho đến trọn đời với tình thân ái không chia rẽ, rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Khi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ này xong, với danh nghĩa bậc Chánh Đẳng Giác, Ngài nói lên bài kệ:

137. Tại chỗ cho một mèo, Rồi mèo thứ ba, bốn, Vì chạm hang gương này.	Mèo thứ hai hiện ra, Tất cả con mèo chết,
--	--

Sau khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, bốn con mèo là bốn Tỷ-kheo ấy, con chuột là mẹ của Kāṇā, và người thợ dệt đá là Ta vậy.

§138. CHUYỆN CON KỶ NHÔNG (*Godhajātaka*)¹²⁸ (J. I. 480)

Kẻ ngu có ích gì...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ viên, bậc Đạo sư kể về một người lừa đảo. Các chi tiết câu chuyện cũng giống như *Chuyện con mèo*.¹²⁹

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con kỳ nhông. Lúc bấy giờ, một vị tu khổ hạnh chứng được năm thắng trí, sống trong một chòi lá tại một khu rừng gần một ngôi làng ở biên địa. Những người trong

¹²⁸ Tham chiếu: *Pháp cú kinh* “Phạm chí phẩm” 法句經梵志品 (T.04. 0210.35. 0572b20); *Xuất diệu kinh* “Phạm chí phẩm” 出曜經梵志品 (T.04. 0212.34. 0768c14); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Phạm chí phẩm” 法集要頌經梵志品 (T.04. 0213.33. 0798a01).

¹²⁹ Xem J. I. 460, *Biḷārajātaka* (*Chuyện con mèo*), số §128; J. III. 84, *Godhajātaka* (*Chuyện con kỳ nhông*), số §325.

làng hầu hạ vị tu khổ hạnh, rất kính trọng vị ấy. Bò-tát sống trong một gò mối tại cuối con đường đi kinh hành của vị tu hành. Sống tại đây, Bò-tát hàng ngày hai, ba lần đi đến vị tu khổ hạnh, nghe những lời liên hệ đến pháp, liên hệ đến nghĩa và đánh lễ vị tu khổ hạnh rồi đi về trú xứ của mình.

Sau một thời gian, vị tu khổ hạnh ấy báo tin cho những người trong làng biết mình sẽ ra đi. Khi vị tu khổ hạnh có giới đức này ra đi, một vị tu khổ hạnh giả dối đến ở tại am thất ấy. Bò-tát suy nghĩ: “Đây là vị có giới hạnh” và cũng đi đến vị ấy với cách thức như trước. Một hôm, trong mùa nắng hạn, một cơn dông trái mùa khởi lên, những con kiến, mỗi từ những gò mối bò ra; và các con kỳ nhông cũng bò ra để ăn chúng.¹³⁰ Những người trong làng đi ra, bắt nhiều con kỳ nhông, nấu chúng, xào trộn chua ngọt, rồi cúng dường cho vị tu khổ hạnh. Vị tu khổ hạnh ăn thịt kỳ nhông, tham đắm vị ngon, liền hỏi:

– Món thịt thật là ngon ngọt, đó là thịt gì vậy?

Khi được trả lời là thịt kỳ nhông, vị ấy suy nghĩ: “Có con kỳ nhông lớn thường đến với ta. Ta sẽ giết nó để ăn thịt.” Nghĩ vậy, vị ấy đem lại xoong chảo để nấu, bơ chín, muối... các món gia vị, để chúng một bên, cầm một cái vò, lấy áo che lại rồi ngồi tại cửa chòi lá để chờ Bò-tát đến với một dáng điệu hết sức an tịnh.

Bò-tát đi ra, suy nghĩ: “Vào buổi chiều, ta sẽ đi đến vị tu khổ hạnh.” Khi đang đi đến, Bò-tát thấy sắc diện của người tu khổ hạnh này đổi khác, liền suy nghĩ: “Người tu khổ hạnh này ngồi với dáng điệu khác những ngày trước. Hôm nay, vị ấy đang nhìn ta với cặp mắt như muốn nuốt sống ta và suy nghĩ: ‘Ta sẽ bắt nó.’”

Con kỳ nhông là hiện thân của Bò-tát, vì đứng trong gió dưới vị tu khổ hạnh, ngửi được mùi thịt kỳ nhông, suy nghĩ: “Người tu khổ hạnh dối trá này hôm qua đã được ăn thịt kỳ nhông, bị trói buộc bởi lòng tham vị nên hôm nay chờ ta đến gần để lấy vò đánh ta, nấu và ăn ta.” Nghĩ vậy, Bò-tát không đi đến gần người ấy nữa và trở lui chỗ khác.

Người tu khổ hạnh biết rằng Bò-tát không tới nữa, liền nghĩ: “Chắc con kỳ nhông này biết ta muốn giết nó nên nó không đến. Nhưng dầu nó không đến cũng không sao thoát được.” Nghĩ vậy, vị ấy rút vò và ném vào con kỳ nhông, nhưng chỉ trúng cái chóp đuôi của con kỳ nhông, Bò-tát chạy mau vào gò mối, thò đầu ra từ một lỗ khác và nói:

– Nay kẻ bện tóc giả dối kia, ta đi đến gần ngươi vì ta nghĩ ngươi là người có giới hạnh. Nay ta đã biết ngươi là kẻ giả dối. Một kẻ đại ăn cướp như ngươi thì xuất gia để làm gì?

Sau khi chỉ trích người tu khổ hạnh ấy, Bò-tát đọc bài kệ trong *Kinh Pháp cú*:

¹³⁰ Xem J. III. 13, *Ekarājajātaka* (Chuyện vị Thánh vương), số §303.

Như vậy, sau khi lên án kẻ tu khổ hạnh giả dối, Bồ-tát liền đi vào gò mối. Còn người tu khổ hạnh ác độc bỏ đi chỗ khác.

– Lúc bấy giờ, người tu khổ hạnh giả dối là kẻ lừa đảo này, người tu khổ hạnh có giới đức trước là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và con kỳ nhông là Ta vậy.

Mắt hư, áo bị mất...

– Thừa các Hiền giả, như một que củi từ nghĩa địa, bị cháy hai đầu, ở giữa
lính phân, không thể dùng làm củi rừng, cũng không thể dùng làm củi làng;
vậy, Devadatta được xuất gia trong giáo pháp dẫn đến giải thoát nhưng
hai mặt đều thất bại, cả hai mặt bị vứt bỏ, đó là tài sản tại gia bị đoạn tận và
môn hạnh không viên mãn.

– Này các Tỷ-kheo, các ông nay đang ngồi họp và thảo luận vấn đề gì?

Khi được nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, Devadatta không phải chỉ nay mới gặp thất bại cả hai mặt, thuở xưa cũng đã thất bại như vậy rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm một thân cây. Lúc bấy giờ, tại một ngôi làng những người câu cá đang sống, có một người câu cá, mang theo lưỡi câu cùng với đứa con trai đến một đầm nước mà các người chài lưới thường bắt cá. Anh ta đi chỗ này chỗ kia quăng lưỡi câu. Lưỡi câu mắc vào một khúc cây đang ẩn kín trong nước. Người đánh cá không thể kéo lưỡi câu lên. Anh ta suy nghĩ: “Lưỡi câu này chắc mắc vào con cá lớn. Ta hãy bảo đứa con trai đi về nhà báo cho mẹ nó biết.” Nghĩ vậy anh ta nói với đứa con:

– Con thân, hãy đi tin cho mẹ biết, chúng ta câu được con cá lớn và nói với mẹ, hãy tìm cách gây sự với hàng xóm để giữ họ ở nhà, vì thế sẽ không ai đến đòi chia phần cá của ta cả.

Đưa con ra đi, còn anh ta ở lại kéo lưới câu nhưng vì sợ đứt dây, bèn để

¹³¹ Xem *Dh.* v. 394.

áo ngoài trên bờ, đi xuống nước. Vì say mê tìm bắt con cá nên anh ta va chạm vào khúc cây, bị hư hai con mắt. Một tên trộm lấy cắp cái áo anh ta để trên bờ. Trong cơn đau đớn, anh ta lấy tay bịt hai con mắt mù từ dưới nước đi lên, run rẩy đi tìm cái áo.

Trong lúc ấy, vợ anh ta huỳnh hoang với ý định: “Ta sẽ làm cho không một ai đến đòi chia phần.” Nghĩ vậy, chị đeo một lá thốt nốt trên một tai, lấy nhọ nôi bôi một con mắt, ôm trong nách một con chó và đi đến gọi người hàng xóm. Một người bạn nói với chị:

– Chao ôi! Đeo lá thốt nốt vào tai của bạn, bôi một con mắt, ôm một con chó như đứa con thân yêu, bạn đi từ nhà mình đến nhà người ta, bạn điên rồi sao?

– Ta không điên. Người không có lý do gì lại mắng ta, nhiếc ta? Nay hãy đi đến thôn trưởng, ta sẽ làm cho người bị phạt tám đồng tiền vì tội mắng nhiếc ta.

Sau khi cãi vã như vậy, cả hai cùng đi đến gặp người thôn trưởng. Nhưng sau khi cuộc cãi vã được giải quyết thì chính vợ người đánh cá bị phạt. Người ta trói và đánh chị ta để đòi chị trả tiền phạt. Khi vị thần cây thấy sự việc xảy ra cho vợ người đánh cá ở làng và sự bất hạnh xảy ra cho người đánh cá ở trong rừng, vừa đứng ở trên nhánh chĩa ba của thân cây, vị thần cây vừa nói:

– Nay bạn câu cá ời, việc ác bạn làm dưới nước và trên cạn, cả hai đều thất bại.

Nói vậy xong, vị thần đọc bài kệ:

139. Mất hư, áo bị mất,	Cãi vã, vợ bị đánh,
Hai việc đều hư hỏng,	Dưới nước và trên cạn.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thuở ấy, người câu cá là Devadatta, còn vị thần cây là Ta vậy.

§140. CHUYỆN CON QUẠ (*Kākajātaka*) (J. I. 484)

Tâm thường bị chấn động...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một vị Sư trưởng có danh tiếng. Các chi tiết của chuyện sẽ được kể ở chương XI, *Chuyện cỏ thụ Cát Tường Sāla*.¹³²

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con quạ. Một hôm, vị cô vắn tể tự của vua đi tắm trong một con sông ở ngoại thành, sau đó thoa nước thơm, đeo vòng hoa, mặc áo đẹp rồi đi vào thành. Có hai con quạ đang đậu trên lầu cạnh cửa thành, một con nói với con kia:

– Nay bạn, tôi sẽ đi đại tiện trên đầu người Bà-la-môn này.

¹³² Xem J. IV. 144, *Bhaddasālajātaka* (Chuyện cỏ thụ Cát Tường Sāla), số §465.

Con kia can:

– Chớ làm như vậy, vị Bà-la-môn này có quyền thế, chúng ta không nên gây hận thù với người có quyền thế. Người này phần nộ có thể sát hại tất cả loài quạ.

Nhưng nó cương quyết:

– Tôi không thể không làm được.

– Nếu không nghe tôi, rồi bạn sẽ được ném mùi.

Nói vậy xong, con quạ kia bay đi. Khi người Bà-la-môn đi đến dưới lầu canh, con quạ làm rơi phân trên đầu ông như làm rơi một tràng hoa. Vị Bà-la-môn phần nộ và nuôi lòng hận thù với loài quạ.

Lúc bấy giờ, một nữ tỳ được thuê để đập và phơi lúa giữa nắng. Tại cửa này, nó ngồi để giữ lúa rồi ngủ gật. Biết nó không để ý, một con dê lông dài đi đến ăn lúa. Người nữ tỳ thức dậy, thấy con dê bèn đuổi đi. Lần thứ hai, lần thứ ba, khi người nữ tỳ đang ngủ như vậy, con dê lại đến ăn lúa. Người nữ tỳ, sau ba lần đuổi con dê, suy nghĩ: “Con vật này tiếp tục ăn, ăn hết nửa phần lúa, sẽ thiệt hại nhiều cho ta, nay ta sẽ chặn con dê đến ăn lúa.” Nó đứng dậy, lấy que lửa đánh con dê. Lông con dê bắt lửa. Con vật với thân bị cháy, chạy thật mau đến một kho chứa cỏ gần một chuồng voi để dập tắt lửa, và chà thân vào kho chứa cỏ, làm cho kho cỏ cháy lên, và từ đó, bắt cháy qua chuồng voi. Khi chuồng voi bị cháy, lưng voi bị cháy, và nhiều con voi bị vết thương ở thân. Các thầy thuốc voi không thể nào chữa cho các con voi lành bệnh liền báo cho vua biết. Vua hỏi vị cố vấn tế tự:

– Đây Sư trưởng, các thầy thuốc không thể chữa trị các con voi lành bệnh. Khanh có biết thứ thuốc nào không?

– Thừa Đại vương, thần biết.

– Cần lấy thuốc gì?

– Thừa Đại vương, cần lấy mỡ quạ.

Vua nói:

– Vậy hãy giết quạ và đem mỡ quạ lại!

Từ đấy trở đi, họ giết các con quạ nhưng không tìm được mỡ. Tại chỗ này chỗ khác, họ chất thầy quạ thành đống. Một nỗi sợ hãi lớn khởi lên trong loài quạ. Lúc bấy giờ, Bồ-tát sống với tám mươi ngàn con quạ vây quanh tại một khu rừng lớn dùng làm bãi tha ma. Một con quạ đến báo cho Bồ-tát biết về sự sợ hãi khởi lên cho loài quạ. Bồ-tát suy nghĩ: “Ngoài ta ra, không có một ai có thể giải tỏa sự sợ hãi khởi lên cho bà con ta. Ta sẽ giải tỏa sự sợ hãi khủng khiếp ấy.” Rồi Bồ-tát hướng niệm mười Ba-la-mật, đề cao lòng từ Ba-la-mật, bay một mạch đến cung vua, vào cửa sổ mở lớn và đến núp dưới chiếc ngai của vua. Lúc bấy giờ, một người muốn bắt con quạ nhưng vua vừa đi vào cung ngăn anh ta lại. Bậc Đại sĩ nghỉ một lát, rồi niệm lòng từ Ba-la-mật, và từ dưới chiếc ngai đi ra thưa với vua:

– Tâu Đại vương, một vị vua trị vì quốc độ không nên đi theo các dục, v.v... Khi cần làm việc gì, phải quan sát và rõ biết toàn bộ vấn đề rồi mới làm. Nếu vị vua làm một việc không có kết quả thì không nên làm, vì công việc ấy đưa đến sợ hãi hoặc chết chóc cho mọi loài. Vị cố vấn tế tự bị hận thù xúi giục đã nói láo, vì các con quạ không có mỡ.

Khi nghe nói vậy, vua rất bằng lòng với Bồ-tát, cho Bồ-tát ngồi trên ghế bằng vàng. Tại đây, Bồ-tát được thoa đôi cánh với những loại dầu được nấu trăm lần, ngàn lần, rồi cho Bồ-tát ăn các món thịt ngon dành cho vua, được đựng trong các bát đĩa bằng vàng. Sau khi cho Bồ-tát uống nước để được an lạc, vua nói với bậc Đại sĩ:

– Thưa bậc Hiền trí, ngài nói các loài quạ không có mỡ? Vì lý do gì chúng không có mỡ?

Bồ-tát nói:

– Vì lý do sau đây.

Với tiếng nói lớn, vang dậy cả cung điện, Bồ-tát thuyết pháp qua bài kệ này:

140. Tâm thường bị chấn động, Bị thế giới làm hại,
Do vậy không có mỡ, Bà con quạ chúng tôi.

Như vậy, sau khi nói lên lý do này, bậc Đại sĩ dạy vua như sau:

– Thưa Đại vương, các vị vua chớ làm những việc gì mà không quan sát, không biết rõ toàn bộ vấn đề.

Nhà vua với tâm tư thỏa mãn, cúng dường Bồ-tát cả vương quốc. Nhưng Bồ-tát không nhận vương quốc của vua, dạy vua giữ năm giới và xin vua chớ làm cho mọi loài chúng sanh sợ hãi.

Vua xúc động trước những lời này nên ban lệnh tha chết cho mọi loài, và đặc biệt, vua thường xuyên bố thí cho các loài quạ. Mỗi ngày, vua bảo nấu sáu đấu gạo rồi nếm gia vị thơm ngon và bố thí cho bầy quạ. Riêng bậc Đại sĩ được ban các thứ đồ ăn chỉ mình vua dùng.

Sau khi kể pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại là Ānanda và vua loài quạ là Ta vậy.

XV. PHẨM CON TẮC KÈ (KAKAṆṬAKAVAGGA)

§141. CHUYỆN CON KỲ NHÔNG (*Godhajātaka*)¹³³ (J. I. 487)

Giao du với kẻ ác...

Câu chuyện này, khi ở tại Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo phản bội. Chuyện này giống như trong *Chuyện con voi Mahilāmukha*.¹³⁴

Thuở trước, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con kỳ nhông. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát sống trong một cái hang lớn trên bờ sông với vài trăm con tắc kè khác vây quanh. Bồ-tát có một con trai. Con kỳ nhông đực này làm bạn với một con tắc kè, sống thân mật với nó và thường đi đến ôm quần lấy nó. Sự thân mật ấy được báo lên cho kỳ nhông cha biết. Kỳ nhông chúa cho gọi con mình lên và nói:

– Này con thân, con thân tình với chỗ không đáng thân tình. Con tắc kè thuộc gia đình hạ tiện, không nên làm thân với chúng. Nếu con làm thân với con tắc kè ấy, toàn bộ gia đình kỳ nhông sẽ lâm nạn. Bắt đầu từ nay, con chớ thân mật với nó!

Tuy vậy, kỳ nhông con vẫn thân với bạn như trước. Bồ-tát nói đi nói lại nhiều lần nhưng không thể ngăn cản sự thân mật của con mình với con tắc kè. Bồ-tát suy nghĩ: “Rất có thể vì con tắc kè này, sự sợ hãi sẽ khởi lên cho chúng ta. Khi sự sợ hãi ấy khởi lên, ta phải tìm con đường chạy trốn.” Rồi Bồ-tát bảo đào một lỗ thông gió phía bên cạnh hang để có lối thoát khi cần.

Con kỳ nhông đực dần dần lớn với thân hình to lớn. Còn con tắc kè vẫn có thân thể nhỏ như xưa. Khi con kỳ nhông ôm chặt con tắc kè để hôn nó, con tắc kè có cảm giác như bị hòn núi đè nặng. Con tắc kè bị mệt mỏi, suy nghĩ: “Nếu con kỳ nhông ôm hôn ta như vậy vài ngày nữa thì ta chết mất. Vậy ta hãy âm mưu với một người thợ săn để sát hại gia đình kỳ nhông này.”

Một hôm, nhân có cơn dông nổi lên giữa mùa hè, nhiều con kiến mỗi bay ra, và các con kỳ nhông từ chỗ này chỗ kia bò ra để ăn mồi. Một người thợ săn kỳ nhông cầm cuốc để đào hang kỳ nhông, đi vào rừng với những con chó. Con

¹³³ Xem J. I. 481, *Godhajātaka* (*Chuyện con kỳ nhông*), số §138.

¹³⁴ Xem J. I. 185, *Mahilāmukhajātaka* (*Chuyện con voi Mahilāmukha*), số §26.

tắc kẻ thấy người, liền nghĩ: “Hôm nay, ta sẽ thỏa mãn nguyện vọng của mình.” Nó liền bò đến nằm không xa và hỏi:

– Thưa ông, ông vào rừng để làm gì?

Người thợ săn ấy nói:

– Để bắt các con kỳ nhông.

– Tôi biết một cái hang có hàng trăm con kỳ nhông, hãy đem lửa và rơm đến!

Rồi nó dẫn người thợ săn đến đấy và nói:

– Hãy bỏ rơm vào chỗ này, đốt lửa xông khói, đặt các con chó ở xung quanh! Ông hãy cầm một cái võ lớn, đập các con kỳ nhông chạy ra, giết chúng và vun thành đồng!

Nói vậy xong, nó nghĩ: “Hôm nay, ta sẽ thấy kẻ thù đại bại bỏ chạy.” Nghĩ vậy xong, nó đến nằm một chỗ và ngóc đầu lên. Người thợ săn xông khói rơm và khói bay vào trong hang. Các con kỳ nhông bị khói làm mù mắt, hoảng sợ, bò ra với ý định chạy trốn. Người thợ săn đập các con chạy ra và giết hết. Những con nào chạy thoát khỏi tay anh ta thì các con chó chặn bắt. Đại nạn xảy ra cho các con kỳ nhông. Bồ-tát biết rằng do con tắc kè làm phát sanh sự sợ hãi, Bồ-tát than:

– Thật không nên giao du với loài ác độc! Do loài ác độc nên an lạc không có. Chính do một con tắc kè độc ác, các con kỳ nhông này bị hủy diệt.

Trong khi chạy trốn thông qua lỗ thông gió, Bồ-tát nói lên bài kệ:

141. Giao du với kẻ ác, Do một con tắc kè, Đã rơi vào đại nạn.	Không đưa đến an lạc, Toàn gia đình kỳ nhông,
---	--

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con tắc kè là Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), kỳ nhông con của Bồ-tát không nghe lời giáo huấn là Tỷ-kheo phản bội, còn vua loài kỳ nhông là Ta vậy.

§142. CHUYỆN CON CHÓ RỪNG (*Sigārajātaka*) (J. I. 489)

Như vậy khó biết người...

Câu chuyện này, khi trú ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) âm mưu sát hại đức Phật. Khi nghe câu chuyện, các Tỷ-kheo họp ở pháp đường bàn luận. Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới âm mưu sát hại Ta. Trong quá khứ, kẻ ấy cũng đã âm mưu như vậy rồi. Nhưng nó không thể giết Ta được, nó chỉ tự làm cực nhọc mình thôi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Trong thời quá khứ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con chó rừng, rồi trở thành chó rừng chúa với đàn chó rừng vây quanh, sống tại một ngôi rừng dùng làm bãi tha ma. Lúc bấy giờ, ở Vương Xá có ngày hội lớn. Phần đông người ta đều uống rượu. Tại đây, một số người ăn chơi cho đem nhiều rượu và thịt, mặc áo quần đẹp, uống rượu ăn thịt. Vào canh một, họ ăn hết thịt và còn lại nhiều rượu. Một người trong đám ấy nói:

– Hãy cho tôi thịt!

Khi nghe nói là thịt hết rồi, anh ta nói:

– Khi ta còn đứng ở đây thì thịt không thể hết được. Ta sẽ giết các con chó rừng đến ăn xác chết trong nghĩa địa này và đem thịt về.

Nói vậy xong, anh ta lấy một cái vò, theo con đường ông cố đi ra khỏi thành đến bãi tha ma, cầm cái vò và nằm xuống giả bộ chết. Lúc bấy giờ, Bồ-tát với các con chó rừng đến vây quanh người ấy. Thấy người ấy, Bồ-tát nói:

– Người này không chết. Ta sẽ quan sát kỹ lưỡng hơn.

Bồ-tát đi đến phía dưới gió, ngửi mùi thân thể, biết đúng sự thật là người ấy chưa chết, liền suy nghĩ: “Ta sẽ làm cho nó xấu hổ.” Bồ-tát liền đi đến, cắn đầu cái vò và kéo. Kẻ ăn chơi ấy không thấy Bồ-tát đến, cứ nắm chặt cái vò lại. Bồ-tát liền đến gần anh ta và nói:

– Hỡi ông kia, nếu ông đã chết thì khi ta kéo cái vò, ông sẽ không nắm chặt lấy. Chính vì vậy, ta biết ông chưa chết.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ:

142.	Như vậy khó biết người,	Khi người nằm giả chết,
	Khi ta kéo gậy người,	Người không thả chiếc gậy,
	Do vậy ta biết được,	Nhà người chưa thật chết.

Nghe nói vậy, kẻ ăn chơi ấy đứng dậy lấy gậy ném Bồ-tát và nói:

– Con vật này biết ta chưa chết.

Cây gậy ném không trúng. Người ăn chơi ấy nói:

– Hãy đi đi, lần này người thoát khỏi tay ta!

Bồ-tát quay lại và nói:

– Nay con người kia, phải, ta thoát khỏi tay người. Nhưng người không thể thoát được mười sáu địa ngục nhỏ trong đại địa ngục.

Nói vậy xong, Bồ-tát bỏ đi. Kẻ ăn chơi ấy không được một chút gì, đi ra khỏi bãi tha ma. Sau khi tắm trong một vũng nước, anh ta đi vào thành theo con đường đã đi tới trước.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, kẻ ăn chơi là Devadatta, còn con chó rừng chúa là Ta vậy.

§143. CHUYỆN SỰ CHIÊU SÁNG (*Virocanajātaka*) (J. I. 490)

Với óc não nát bấy...

Câu chuyện này, khi trú ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) đóng vai trò bậc Thiện Thệ ở Gayāsīsa.

Khi thiên chúng biến mất, lợi dưỡng và danh vọng bị tiêu tan, Devadatta đã nghĩ đến một phương tiện, xin bậc Đạo sư chấp nhận cho năm pháp. Khi bị từ chối, vị ấy liền phá hòa hợp Tăng, bỏ đi đến Gayāsīsa với năm trăm đệ tử của hai bậc Thánh đệ tử của đức Phật. Những đệ tử này mới xuất gia không bao lâu nên không thiện xảo trong Pháp và Luật. Vị ấy làm các Tăng sự riêng biệt với hội chúng này trong một giới xứ riêng.

Bậc Đạo sư biết được trí của những người này đã đến thời thuần thực, liền gửi hai đệ tử đầu tay đến đó. Khi thấy hai vị này, Devadatta rất hoan hỷ, thuyết pháp suốt đêm và suy nghĩ: “Ta sẽ làm theo uy nghi đức độ của Phật”, bắt chước bậc Thiện Thệ nói với hai vị đệ tử đầu tay:

– Thưa Hiền giả Sāriputta (Xá-lợi-phất), chúng Tỷ-kheo không hôn trầm thụy miên, hãy thuyết pháp cho chúng Tỷ-kheo! Lưng ta bị đau mỗi, ta sẽ nằm nghỉ chốc lát.

Nói vậy xong, Devadatta đi nằm nghỉ. Hai đệ tử đầu tay thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, làm họ giác ngộ về Đạo và Quả và đem tất cả đi về Trúc Lâm.

Kokālika thấy tinh xá trống không, liền đi đến gặp Devadatta và nói:

– Này Hiền giả Devadatta, hội chúng của Hiền giả đã bị phá vỡ, hai vị Đại đệ tử của Thế Tôn đã làm cho tinh xá trống không và đã đi rồi. Còn Hiền giả thì vẫn nằm nghỉ.

Nói vậy xong, Kokālika lột thượng y của Devadatta, đá vào ngực Devadatta với gót chân, giống như đóng một cái nêm vào bức tường, khiến cho máu trào ra từ miệng vị ấy. Từ đó trở đi, Devadatta bị đau luôn. Bậc Đạo sư hỏi vị Trưởng lão:

– Này Sāriputta, khi ông đến, Devadatta đã làm gì?

– Bạch Thế Tôn, Devadatta thấy chúng con, liền nói: “Ta sẽ làm theo uy nghi đức độ của Phật”, rồi bắt chước bậc Thiện Thệ và lâm vào nạn lớn.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Sāriputta, không phải chỉ nay Devadatta mới bắt chước Ta và gặp nạn. Thuở xưa, kẻ ấy cũng đã gặp nạn như vậy rồi.

Rồi theo lời Trưởng lão thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadata trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con sư tử có lông dài và trú ở hang Kañcana (Vàng) trong Tuyết sơn. Một hôm, sư tử hang Vàng đi ra, duỗi thân nhìn bốn phương, rống tiếng rống của loài sư tử xong, liền nhảy đi tìm mồi. Sư tử giết một con trâu lớn, ăn phần thịt tốt nhất, đi xuống một cái hồ, uống đầy bụng nước trong như pha lê rồi đi về hang.

Một hôm, một con chó rừng hấp tấp đi tìm mồi, thấy sư tử, không thể chạy trốn được, rơi xuống chân trước mặt sư tử và nằm xuống. Sư tử hỏi:

– Đây chó rừng, ngươi muốn gì?

Con chó rừng nói:

– Thưa ngài, con muốn hầu hạ dưới chân ngài.

Sư tử nói:

– Tốt lắm, hãy đến hầu ta. Ta sẽ cho ăn phần thịt ngon.

Nói xong, sư tử đem con chó rừng về hang Vàng. Từ đây trở đi, con chó rừng ăn phần thịt còn lại của các con thú do sư tử giết. Sau một thời gian, chó rừng trở thành to lớn. Một hôm, đang nằm trong hang, sư tử nói:

– Đây chó rừng, hãy đứng trên chóp núi nhìn, khi thấy các con voi, ngựa, trâu đang đi dưới chân núi, hễ con nào ngươi muốn ăn thịt, hãy đến nói: “Con muốn ăn thịt con này.”

Chó rừng đánh lễ và leo lên chóp núi, nhìn các con thú, hễ thấy con nào nó muốn ăn thịt, nó liền đi vào hang Vàng và báo cho sư tử biết:

– Thưa ngài, có mồi rồi.

Sư tử lập tức nhảy ra, và đầu đó là con voi đang trong thời kỳ phát dục, sư tử cũng lập tức giết nó, tự mình ăn phần thịt ngon và cho chó rừng phần còn lại. Chó rừng ăn thịt đầy bụng, rồi đi vô hang nằm ngủ. Sau nhiều ngày đã qua, chó rừng trở thành kiêu mạn. Nó suy nghĩ: “Ta cũng là con thú có bốn chân. Vì sao ngày lại ngày ta sống nhờ loài khác nuôi dưỡng? Bắt đầu từ nay, ta sẽ giết các con voi, v.v... và ăn thịt. Ta sẽ bảo sư tử nói với ta: ‘Thưa ngài chó rừng, đã có mồi.’ Ta sẽ giết con voi tốt và ăn thịt.” Nghĩ vậy, nó đi đến bên sư tử và nói:

– Thưa ngài, đã lâu ngày, tôi ăn thịt các con voi tốt do ngài giết, nay tôi muốn ăn thịt voi do tôi giết. Tôi sẽ nằm trong hang Vàng tại chỗ ngài nằm, còn ngài xem có con voi nào đi dưới chân núi, thì ngài đến tôi và nói: “Thưa ngài chó rừng, hãy bắt mồi!”

Nó yêu cầu con sư tử chớ miễn cưỡng khi cho phép nó làm việc này.

Sư tử nói:

– Đây chó rừng, khả năng giết các con voi thuộc gia đình sư tử. Ở đời, chó rừng không có khả năng giết voi. Chớ ưa thích làm như vậy. Hãy sống và ăn thịt các con voi do ta giết!

Tuy sư tử nói như vậy, chó rừng không muốn từ bỏ ý định, vẫn tiếp tục yêu

cầu. Sư tử không thể ngăn chặn, cuối cùng chấp thuận và nói:

– Vậy hãy vào chỗ của ta và nằm tại đây!

Sau khi bảo chó rừng nằm trong hang Vàng, sư tử nhìn thấy con voi phát dục dưới chân núi, liền đến cửa hang và nói:

– Thưa ngài chó rừng, hãy bắt mồi!

Con chó rừng đi ra khỏi hang, đuổi thân, nhìn bốn hướng, hú lên ba lần, nhảy lên và nghĩ: “Ta sẽ cắn trên đầu con voi đang phát dục”, nhưng nó lại rơi xuống chân voi. Con voi giơ chân phải lên đập trên đầu con chó rừng, nghiền nát xương đầu thành bột. Rồi với cái chân, con voi đập nát thân chó rừng làm thành một đồng, đi đại tiện trên ấy và rống lên rồi đi vào rừng. Bò-tát thấy sự việc như vậy, liền nói lên bài kệ:

143.	Vớ óc não nát bấy, Vớ xương sườn gãy nát,	Vớ đầu bị vỡ tan, Nay người đã mất đầu.
------	--	--

Sau khi nói bài kệ này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con chó rừng là Devadatta, còn con sư tử là Ta vậy.

§144. CHUYỆN CÁI ĐUÔI BÒ (*Naṅguṭṭhajātaka*) (J. I. 493)

Ôi thân lửa sanh nhật...

Câu chuyện này, khi trú tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về tà khổ hạnh của các du sĩ tà mạng Ājīvaka. Lúc bấy giờ, các du sĩ tà mạng đang sống hành tà khổ hạnh khác nhau sau lưng Kỳ Viên. Một số lớn Tỷ-kheo thấy họ hành trì các tà khổ hạnh khác nhau¹³⁵ như: Tinh tấn ngồi chồm hồm, lắc qua lắc lại như dơi, nằm dựa trên gai, nướng thân với năm đồng lửa, liền hỏi Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do tà khổ hạnh này, có gì tốt chăng?

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, do tà khổ hạnh này, không có gì tốt cả. Các bậc Hiền trí thuở xưa đã nghĩ rằng do khổ hạnh này, sẽ có gì tốt hơn lên. Vì vậy, họ đem lửa sanh nhật vào rừng, nhưng họ không thấy có gì lợi lạc từ những pháp thờ lửa, v.v... bèn dùng nước dập tắt lửa ấy. Nhờ lấy một đề tài thiền quán để tu tập và đắc các thắng trí và các thiền chứng, họ đạt cứu cánh Phạm thiên giới.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Trong thời quá khứ, khi Vua Brahmadata trị vì Ba-la-nại, Bò-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở phương Bắc. Ngày Bò-tát sanh ra, cha mẹ đốt

¹³⁵ Xem M. I. 77-8.

lên ngọn lửa sanh nhật và nuôi dưỡng lửa ấy. Khi Bồ-tát được mười sáu tuổi, cha mẹ ngài nói với con:

– Nay con, chúng ta đã gìn giữ ngọn lửa sanh nhật của con. Nếu con muốn sống trong gia đình, hãy học ba tập Vệ-đà; nếu con muốn lên Phạm thiên giới, hãy lấy ngọn lửa để được Đại Phạm thiên ân sủng và đạt được cứu cánh Phạm thiên giới.

Bồ-tát nói:

– Con không thích đời sống gia đình.

Ngài cầm lấy lửa, đi vào rừng xây dựng một chòi am và sống trong rừng thờ lửa. Một hôm, Bồ-tát được cúng một con bò tại một làng biên địa, bèn dắt con bò ấy đến chòi am với ý định: “Ta sẽ cúng dường vị thần lửa thịt con bò.” Rồi Bồ-tát suy nghĩ: “Ở đây không có muối, thần lửa không thể ăn thịt mà không có muối. Ta sẽ đem muối ở làng về và cúng dường thần lửa đồ ăn có muối.”

Bồ-tát cột con bò tại đấy và đi đến làng để tìm muối. Trong khi Bồ-tát đi, nhiều người thợ săn đi đến tại chỗ ấy, thấy con bò, giết nó, nấu thịt ăn và vứt lại đuôi, ống chân và da, rồi mang theo thịt còn lại ra đi. Bồ-tát trở về, chỉ thấy đuôi, v.v... suy nghĩ: “Thần lửa này không thể hộ trì gia sản của chính mình, chắc không thể hộ trì ta được. Phải săn sóc ngọn lửa vô ích này, từ đây không tăng trưởng một điều tốt gì cho ta.”

Vì vậy, Bồ-tát mất hết mọi ý nguyện săn sóc ngọn lửa. Bồ-tát nói:

– Thừa thần lửa, nếu ngài không thể hộ trì gia sản của ngài, làm sao ngài hộ trì tôi được? Thịt không còn, ngài phải tự bằng lòng với những vật này vậy.

Bồ-tát đặt đuôi, v.v... vào lửa và đọc bài kệ này:

144. Ôi thần lửa sanh nhật,¹³⁶ Ta chỉ cúng cái đuôi, Các loại thịt xứng đáng, Ngài hãy vui chấp nhận,	Thần lửa không giá trị, Hãy xem là nhiều vậy, Hiện nay không có nữa, Chỉ bộ phận cái đuôi!
--	---

Nói vậy xong, bậc Đại sĩ lấy nước dập tắt lửa, rồi xuất gia làm ần sĩ, chứng được các thắng trí và các thiền chứng, và đạt cứu cánh ở cõi Phạm thiên.

Sau khi kể pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, vị khổ hạnh dập tắt ngọn lửa là Ta vậy.

§145. CHUYỆN CON VỆT RĀDHA (*Rādhajātaka*) (J. I. 495)

Rādhā, em không biết...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về sự luyến ái người vợ cũ.

¹³⁶ Xem J. I. 214, *Vaṭṭakajātaka* (Chuyện chim cú), số §35.

Câu chuyện hiện tại sẽ được kể trong *Chuyện các căn*.¹³⁷ Bậc Đạo sư gọi Tỷ-kheo ấy vào nói:

– Không thể canh giữ nữ nhân, dầu có sắp đặt sự canh giữ cũng không thể canh giữ được nữ nhân. Thuở xưa, ông có sắp đặt sự canh giữ đối với nữ nhân ấy nhưng không thể được, thì nay làm sao ông canh giữ nòng?

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm một con vẹt. Một Bà-la-môn ở Kāsi nhận Bồ-tát và em của Bồ-tát làm con trong nhà và nuôi dưỡng cả hai. Bồ-tát được đặt tên là Poṭṭhapāda và vẹt em tên là Rādhā. Vợ của vị Bà-la-môn ấy hành tà hạnh và ác giới.

Một hôm, vị Bà-la-môn ấy ra đi vì một vài công việc, ông nói với anh em con vẹt:

– Nay hai con thân, nếu nữ Bà-la-môn, mẹ của hai con hành ác hạnh, hãy ngăn chặn lại!

Bồ-tát nói:

– Thừa vâng, cha thân. Nhưng nếu không ngăn được mẹ, con sẽ im lặng.

Như vậy, sau khi giao nữ Bà-la-môn cho các con vẹt trông coi, vị Bà-la-môn liền ra đi. Từ ngày người chồng ra đi, vợ vị Bà-la-môn bắt đầu hành tà hạnh, người đi vào, người đi ra không dứt. Thấy hành động của nữ Bà-la-môn như vậy, Rādhā nói với Bồ-tát:

– Thừa anh, cha chúng ta có nói: “Nếu mẹ chúng con hành ác hạnh, hãy ngăn chặn lại!” Nói vậy xong, cha chúng ta ra đi. Nay mẹ chúng ta hành ác hạnh, chúng ta hãy ngăn chặn!

Bồ-tát nói:

– Nay em thân, em nói toàn những lời ngu si. Dầu có bông nữ nhân mà đi cũng không thể an toàn được, vậy chớ làm!

Nói vậy xong, Bồ-tát đọc bài kệ:

145. Rādhā, em không biết, Em nói không suy nghĩ, Chỉ thiếu tình người vợ,	Nửa đêm mấy người đến, Nữ Bà-la-môn ấy, Đối với chồng của mình.
--	--

Sau khi trình bày như vậy, Bồ-tát không cho Rādhā nói với nữ Bà-la-môn. Đến nửa đêm, nữ Bà-la-môn hành tà hạnh thỏa thích. Khi Bà-la-môn về, ông hỏi Poṭṭhapāda:

– Nay con thân, mẹ con như thế nào?

Bồ-tát thành thật kể cho vị Bà-la-môn rõ tất cả mọi việc và nói:

¹³⁷ Xem J. III. 461, *Indriyajātaka* (Chuyện các căn), số §423.

– Thừa cha thân, sao cha còn liên hệ với người ác giới như vậy?

Rồi Bồ-tát thừa thêm:

– Thừa cha thân, nay con đã nói lỗi lầm của mẹ chúng con rồi, chúng con không còn có thể ở đây nữa.

Nói vậy xong, Bồ-tát đánh lễ chân vị Bà-la-môn và cùng với Rādhā bay vào rừng.

Sau khi kể pháp thoại, bậc Đạo sư thuyết giảng bốn sự thật. Cuối bài thuyết giảng, vị Tỷ-kheo luyến ái người vợ cũ được an trú vào quả Dự lưu. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Vị Bà-la-môn và nữ Bà-la-môn thời ấy là hai người hiện tại, Rādhā là Ānanda và Pottṭhapāda là Ta vậy.

§146. CHUYỆN CON QUẠ (*Kākajātaka*) (J. I. 497)

Cổ chúng ta một mối...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về nhiều Tỷ-kheo lớn tuổi. Nghe nói, khi các Tỷ-kheo ấy còn là cư sĩ, họ là những người điền chủ giàu có, tài sản lớn, là bạn thân với nhau, một dạ một lòng với nhau làm các công đức. Sau khi nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, họ nói:

– Chúng ta đã lớn tuổi, đời sống gia đình có ý nghĩa gì đối với chúng ta? Chúng ta hãy xuất gia trong giáo pháp hoàn thiện của đức Phật để chấm dứt đau khổ!

Rồi họ cho các con trai và con gái tất cả gia sản của họ và xin xuất gia. Khi bậc Đạo sư cho xuất gia, họ không làm đúng Sa-môn pháp như bậc xuất gia. Họ không thông hiểu Chánh pháp vì đã lớn tuổi. Giống như khi còn làm cư sĩ, họ làm một xóm nhà lá bên cạnh ngôi tinh xá và cùng nhau ở đây. Khi họ đi khát thực, họ không đi đến chỗ nào khác hơn nhà những người con, người vợ của mình và ăn uống tại đây.

Người vợ cũ của một trong những vị này là người chủ hộ trì tất cả các vị Trưởng lão lớn tuổi. Do vậy, những người còn lại đem theo đồ ăn mà mình đã khát thực được ngồi tại nhà chủ hộ, cùng ăn uống với các món cà-ri, canh do người chủ hộ cúng dường. Một hôm, sau khi người vợ cũ ấy nhuốm bệnh và chết, các Trưởng lão lớn tuổi đi về tinh xá, ôm cô nhau đi qua đi lại bên tinh xá và khóc:

– Ôi, người nữ cư sĩ tự tay cho ta các vị ngọt đã mạng chung!

Nghe tiếng họ khóc, các Tỷ-kheo đến hội họp lại chỗ ấy và hỏi:

– Thừa các Hiền giả, vì sao các Hiền giả khóc?

Họ nói:

– Vợ của người bạn chúng tôi, tự tay cho các vị ngọt đã mạng chung. Bà ấy là người chủ hộ lớn của chúng tôi. Từ đây, chúng tôi không được gặp bà ấy nữa. Vì lý do ấy, chúng tôi khóc.

Thấy họ có tâm trạng bất xứng như vậy, các Tỷ-kheo họp tại pháp đường bắt đầu nói chuyện như sau:

– Thừa các Hiền giả, do lý do này, các Trưởng lão Tỷ-kheo lớn tuổi ôm cổ nhau đi qua đi lại mà khóc.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi họp ở đây, đang bàn câu chuyện gì?

Khi được nghe câu chuyện trên, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay, các người ấy đi qua đi lại khóc nữ nhân ấy chết; trong quá khứ, khi nữ nhân ấy sanh làm con quạ và chết trên biển, họ cũng hằng hái tát cạn biển để cứu nó. Rồi họ được thần biển cứu tánh mạng.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm vị thần biển. Có một con quạ cùng vợ đi tìm mồi trên bờ biển. Lúc bấy giờ, sau khi làm lễ cúng dường thần rắn với sữa, cháo, cá, thịt, rượu, v.v... người ta đã bỏ đi. Con quạ đi đến chỗ làm lễ cúng dường với con quạ mái, ăn sữa, cháo, cá, thịt... và uống nhiều rượu. Cả hai đều say rượu, chúng ngồi trên ven biển nô đùa và chúng bắt đầu tắm. Khi một ngọn sóng ào đến, cuốn con quạ mái và nhận chìm nó xuống biển, thì một con cá đớp con quạ mái và ăn thịt. Con quạ trống khóc than và nói:

– Vợ tôi đã chết rồi.

Nhiều con quạ khác nghe tiếng khóc than của nó, đều nhóm lại hỏi:

– Sao bạn than khóc vậy?

Con quạ trống nói:

– Vợ tôi đang tắm trên ven biển thì bị sóng cuốn đi rồi.

Tất cả con quạ khác đều kêu to và khóc rờn. Rồi chúng suy nghĩ: “Nước biển này và chúng ta, ai có khả năng hơn? Chúng ta hãy tát nước, làm cho biển khô cạn và cứu bạn chúng ta.” Nghĩ vậy, chúng hút nước đầy miệng rồi nhổ ra ngoài. Khi cổ họng bị đắng chát vì nước biển, chúng bay lên trên đất liền để nghỉ. Hàm của chúng mệt mỏi, miệng khô cứng, mắt đỏ ngầu, mệt và buồn ngủ, chúng gọi lẫn nhau:

– Nay các bạn, chúng ta lấy nước biển đem nhổ ra ngoài. Nhưng chỗ nước chúng ta lấy ra lại đầy nước lại ngay, chúng ta không thể làm cho biển khô cạn được.

Nói vậy xong, chúng đọc bài kệ:

146. Cổ chúng ta mệt mỏi, Miệng chúng ta khô cứng,
Cổ tát cạn nước biển, Biển lớn lại đầy tràn.

Nói như vậy xong, tất cả con quạ ấy tán thán con quạ mái:

– Ôi, hình dáng đẹp như thế, tiếng dịu ngọt như thế, nên biển đã cướp mất nàng!

Khi chúng đang nói nhảm nhí như vậy, thần biển hiện lên với hình dáng khủng khiếp, khiến chúng bỏ chạy. Nhờ vậy, chúng được an toàn.

Sau khi kể pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con quạ mái là người vợ cũ này, con quạ trống là Trưởng lão Tỷ-kheo lớn tuổi, các con quạ là các Trưởng lão Tỷ-kheo lớn tuổi bạn của vị ấy, và thần biển là Ta vậy.

§147. CHUYỆN ÁO VẢI MÀU ĐỎ (*Puppharattajātaka*) (J. I. 499)

Khổ này không phải khổ...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo luyện ái. Khi được Thế Tôn hỏi:

– Này Tỷ-kheo, có thật chăng ông có luyện ái?

Tỷ-kheo ấy trả lời có thật. Bậc Đạo sư hỏi:

– Luyện ái ai?

Tỷ-kheo trả lời:

– Bạch Thế Tôn, luyện ái người vợ cũ. Nữ nhân ấy, bạch Thế Tôn, là người đã tự tay cho con các vị ngọt. Con không thể sống mà không có nàng.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Tỷ-kheo, nữ nhân ấy không làm lợi cho ông. Thuở trước, vì nàng, ông đã bị đâm và phơi thây trên cọc nhọn. Chính vì ông khóc nàng khi ông chết nên ông đã tái sinh vào địa ngục. Vậy nay sao ông lại luyện ái nàng?

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm vị thần tiên trên hư không. Thời ấy, tại Ba-la-nại có ngày lễ hội đêm rằm tháng Kattikā (tháng Mười). Thành phố được trang hoàng như thành phố chư thiên. Tất cả dân chúng đều vui chơi hội lớn. Có một người nghèo khổ chỉ có một cặp áo vải thô đã được giặt và ủi đến độ trở thành trắng, thành ngàn đường lằn. Vợ anh ta nói với anh ta:

– Thưa chàng, em muốn có áo màu đỏ cây kusumbha và đắp áo ấy, ôm cổ chàng đi chơi lễ hội đêm Kattikā.

– Này hiền thê, chúng ta nghèo, làm sao có được vải màu đỏ kusumbha? Hãy đắp vải sạch này và đi chơi.

– Không có được vải kusumbha thì chúng ta không đi chơi đâu cả. Chàng hãy lấy một nữ nhân khác mà đi chơi hội.

– Này hiền thê, sao làm khổ ta vậy, làm sao chúng ta có được vải kusumbha?

– Này chàng, khi người ta muốn, sao lại không có được? Chẳng phải trong nhà kho của vua có rất nhiều vải kusumbha đó sao?

– Này hiền thê, chỗ ấy chẳng khác gì một hồ nước do dạ-xoa canh giữ, có quân lính canh giữ, không thể đi đến được. Chớ ham thích như vậy. Hãy tự bằng lòng với những gì nàng có được!

– Chàng ôi, ban đêm tối trời thì có ai ngăn chặn được người muốn đến nơi mình thích?

Như vậy, do người vợ nói đi nói lại mãi và chịu ảnh hưởng lời nài nỉ của nàng, người chồng an ủi vợ:

– Thôi được, hiền thê chớ nghĩ ngợi gì nữa.

Vào ban đêm, không kể đến mạng sống, người chồng đi khỏi thành đến kho của vua, phá hàng rào và vào trong kho. Những người canh gác nghe tiếng hàng rào bị phá, liền bao vây kẻ trộm, bắt được anh ta, mắng chửi, đánh đập và trói anh ta. Khi trời vừa sáng, họ dẫn anh ta đến trước nhà vua. Vua bảo:

– Hãy đem nó đâm vào cọc nhọn!

Họ trói cánh tay anh ta ra đằng sau, dắt anh ta đi ra khỏi thành với tiếng trống hành quyết và đâm anh ta vào cọc nhọn. Anh ta cảm thấy rất đau đớn. Các con quạ đậu trên đầu, mổ con mắt anh ta với mỏ sắc bén như kiếm. Nhưng anh ta không nghĩ gì đến sự đau đớn như vậy mà chỉ nghĩ đến nữ nhân ấy: “Ta mất đi chơi hội Kattikā ban đêm với nàng mặc áo màu hoa đỏ và với cánh tay của nàng ôm ở cổ ta.” Vì vậy, anh ta đọc bài kệ:

147. Khổ này không phải khổ,	Vì cọc nhọn đâm ta,
Vì ta bị quạ mổ,	Chính điều này mới khổ,
Vì vợ ta không thể,	Vui chơi ngày hội lớn,
Với áo màu hoa đỏ!	

Như vậy, anh ta nói lời lảm nhảm về vợ mình, rồi chết và tái sinh vào địa ngục.

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Hai vợ chồng thời ấy là hai vợ chồng ngày nay, và vị thần tiên đứng trên hư không chứng kiến câu chuyện này chính là Ta vậy.

§148. CHUYỆN CON CHÓ RỪNG (*Sigālajātaka*) (J. I. 501)

Ta sẽ không làm nữa...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về sự nhiếp phục phiền não.

Nghe nói ở Xá-vệ có khoảng năm trăm người triệu phú giàu có thân thiết với nhau, sau khi nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, liền hiến dâng tâm lên giáo pháp, xuất gia, sống ở Kỳ Viên trong ngôi tinh xá được ông Cấp Cô Độc trải vàng giá bạc triệu.¹³⁸ Một hôm vào khoảng nửa đêm, tâm tư liên hệ đến phiền não, dục vọng khởi lên trong nhóm người ấy, họ khởi tâm tham luyến những phiền não, dục vọng mà họ đã từ bỏ.

Cũng vào giờ ấy, bậc Đạo sư khơi dậy ngọn đuốc Nhất thiết trí, suy nghĩ xem các Tỷ-kheo ở Kỳ Viên, đêm nay sống như thế nào. Ngài biết được các tư tưởng tham dục nổi lên trong các Tỷ-kheo ấy. Như người mẹ đối với đứa con duy nhất của mình, như người một mắt đối với con mắt còn lại, bậc Đạo sư bảo vệ các đệ tử của mình vào những buổi sáng hay bất cứ lúc nào. Khi các phiền não khởi lên trong các đệ tử, với mục đích không để cho chúng lớn lên, chính trong thời gian ấy, bậc Đạo sư chặn đứng chúng lại. Do vậy, bậc Đạo sư suy nghĩ: “Đây cũng giống như thời các tên trộm nổi lên trong nội thành của Vua Chuyển Luân. Nay Ta hãy thuyết pháp cho họ, chặn đứng các phiền não lại và khiến họ chứng quả A-la-hán!”

Rồi bậc Đạo sư từ hương phòng bước ra, với âm thanh dịu ngọt gọi Trưởng lão Ānanda, vị Thủ kho Chánh pháp:

– Này Ānanda!

– Bạch Thế Tôn dạy bảo việc gì?

Trưởng lão đi đến đánh lễ và đứng một bên.

– Này Ānanda, hãy tập hợp tại hương phòng tất cả các Tỷ-kheo trú ở chỗ được trải vàng giá bạc triệu.

Theo truyền thuyết, bậc Đạo sư suy nghĩ như sau: “Nếu Ta chỉ cho gọi năm trăm Tỷ-kheo ấy mà thôi, họ sẽ nghĩ: ‘Bậc Đạo sư đã biết các phiền não khởi lên trong nội tâm chúng ta.’ Tâm tư họ sẽ bị dao động và sẽ không có thể chấp nhận pháp thoại.” Do vậy, bậc Đạo sư nói:

– Hãy mời tất cả!

Trưởng lão đáp:

– Thưa vâng, bạch Thế tôn.

Vị ấy cầm lấy chìa khóa, đi từ phòng này đến phòng khác, mời tất cả chúng Tỷ-kheo họp tại hương phòng, rồi sửa soạn Phật tòa. Bậc Đạo sư ngồi trên Phật tòa đã được sửa soạn, lưng thẳng như núi Tu-di, an trú trên đất bằng đá tảng, chói tỏa hào quang Phật sáu sắc từng đôi vòng, đôi vòng một. Những hào quang ấy được chia cắt thành những khối lớn bằng cái đĩa, lớn bằng cái lọng, lớn bằng thân của ngọn tháp, chói tỏa như chớp sáng trên bầu trời, chẳng khác gì khi mặt trời mới mọc khua động đáy biển sâu.

¹³⁸ Xem *SBE*. vol. XX, p. 188.

Chúng Tỷ-kheo đánh lễ bậc Đạo sư, an trú tâm cung kính, ngồi xuống vây quanh Ngài như tấm màn màu đỏ giăng bùa. Bậc Đạo sư với Phạm âm, bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, chớ trầm tư ba tầm bất thiện này: Đó là dục tầm, sân tầm, hại tầm. Chớ nghĩ rằng, phiền não khởi lên trong nội tâm là nhỏ mọn. Phiền não giống như kẻ thù và kẻ thù không bao giờ nhỏ bé, nếu có được cơ hội, kẻ thù sẽ gây nên tác hại; cũng như phiền não, dù nhỏ bé, đã khởi lên và lớn mạnh thì sẽ gây tác hại. Phiền não ví như thuốc độc làm chết người, như mọt ngứa mọc trên da, như con rắn lục, như lửa sét đánh; chớ nắm giữ lấy, nên sợ hãi chúng. Khi nào phiền não khởi lên thì với sức mạnh của giác sát, với sức mạnh của tu tập, chớ để nó ở trong tâm dù chỉ một khoảnh khắc. Như vậy, phải loại trừ nó như giọt nước rơi khỏi lá sen. Các bậc Hiền trí thuở xưa ghét bỏ phiền não, dầu nó hết sức nhỏ mọn cũng không cho nó khởi lên trong nội tâm và lập tức chế ngự phiền não ấy.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể lại câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadata trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con chó rừng, sống trong rừng trên một bờ sông. Thời ấy, một con voi già chết trên bờ sông Hằng, khi con chó rừng đi tìm mồi, nó thấy xác chết ấy và nghĩ: “Nay ta được cả kho đồ ăn.”

Nó đi đến cắn cái vòi, giống như cắn cái cây. Nó nghĩ: “Đây không phải là đồ ăn được.” Nó cắn cái ngà, giống như cắn cái xương. Nó cắn cái tai, giống như cắn cái vành thúng sàng lúa. Nó cắn cái bụng, giống như cái thúng đựng hạt. Nó cắn cái chân, giống như cắn cái cối. Nó cắn cái đuôi, giống như cắn cái chày. Nó nghĩ: “Đây không phải là món ăn được.”

Sau khi không tìm được chỗ nào khác có thể ăn, nó cắn nhằm chỗ đại tiện, thì giống như cắn cái bánh mềm. Nó nghĩ: “Cuối cùng, ta mới tìm được chỗ mềm trên cái thân này.” Nó ăn từ chỗ ấy trở đi vào trong bụng, rồi ăn quả thận, quả tim, v.v... khi nó khát, nó uống máu. Nó nằm dài trong bụng voi để ngủ. Rồi nó suy nghĩ: “Thân con voi này giống như cái nhà, khiến ta sống thoải mái. Khi ta muốn ăn thì thịt rất đầy đủ. Vậy sao ta lại phải làm chỗ ở khác?” Nghĩ vậy, con chó rừng không đi đến chỗ khác, cứ ăn thịt trong bụng con voi và sống ở đấy.

Thời gian trôi qua, với sự xúc chạm gió mùa hạ và sức nóng tia sáng mặt trời, thân xác ấy bị khô và nhăn nhúm lại. Cửa vào của chó rừng bị đóng kín. Bụng con voi không có ánh sáng. Con chó rừng như vậy sống cách biệt với thế giới bên ngoài. Khi thân xác con voi khô héo, thịt bị khô héo, máu bị khô cạn, không tìm được lối thoát ra, nó hoảng sợ chạy qua chạy lại, đập chỗ này chỗ kia cố tìm cửa để thoát ra. Như vậy, nó trôi lên sụp xuống trong bụng con voi như một cục bột trong cái nồi đang sôi.

Sau một vài ngày, một cơn mưa lớn đổ xuống làm mềm thân xác ấy, làm thân xác voi phồng lên và trở lại hình thái cũ. Con đường đại tiện con voi được mở ra và hiện rõ như sao chói sáng. Con chó rừng thấy lỗ hờ ấy, liền nói: “Nay ta được cứu sống rồi.”

Từ đầu con voi, nó nhảy tới, chạy vụt ra, đầu đập vào con đường đại tiện ấy và thoát ra ngoài nhưng tất cả lông trên thân bị bầm dập, đều dính vào con đường đại tiện ấy. Với tâm tư xúc động, với cái thân trĩu lông như thân cây thối nốt, nó chạy một lát và ngồi xuống, quay lại nhìn cái thân mình, suy nghĩ: “Khổ này do ta tạo, không do ai khác, chỉ vì tham, vì y cứ vào tham nên ta làm như thế ấy. Từ nay trở đi, ta sẽ không để cho tham chi phối nữa, và ta cũng sẽ không đi vào xác con voi nào nữa.”

Với tâm tư xúc động kinh hoàng, nó nói lên bài kệ:

148. Ta sẽ không làm nữa, Ta không làm lần nữa,
Ta thấy xác con voi, Như vậy ta hoảng sợ.

Nói xong, con chó rừng chạy xa xác con voi và nếu có thấy xác một con voi khác, nó cũng không quay nhìn lại. Từ đấy về sau, nó không còn bị lòng tham chinh phục nữa.

Sau khi kể pháp thoại, bậc Đạo sư nói với các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, chớ để cho phiền não nội tâm tăng trưởng. Ngay tại chỗ, hãy nhiếp phục chúng!

Nói vậy xong, bậc Đạo sư trình bày bốn sự thật và cuối bài giảng, năm trăm Tỷ-kheo ấy chứng được quả A-la-hán. Trong số Tỷ-kheo còn lại, một số chứng quả Dự lưu, một số chứng quả Nhất lai, một số chứng quả Bất lai.

Và bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Con chó rừng thời ấy là Ta vậy.

§149. CHUYỆN CÂY MỘT LÁ (*Ekapaṇṇajātaka*) (J. I. 504)

Cây này chỉ một lá...

Câu chuyện này, khi trú tại ngôi nhà có nóc nhọn ở Đại Lâm gần Vesālī (Tỳ-xá-ly), bậc Đạo sư đã kể về một hoàng tử xứ Licchavi độc ác ở Vesālī.

Lúc ấy, thành Tỳ-xá-ly được ba bức thành vây quanh, cách nhau khoảng một phần tư dặm có ba cửa với các tháp canh, được phồn thịnh phi thường. Tại đây, luôn luôn có bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy vị vua cai trị các vương quốc, với số phó vương, tướng quân, quan trông coi ngân khố cũng tương đương như vậy. Trong các hoàng tử của các vua ấy, có một hoàng tử được mệnh danh là “Hoàng tử độc ác xứ Licchavi”, hay phần nộ, hung bạo, độc ác, luôn luôn nổi trận lôi đình, dùng hình phạt như một con rắn độc điên cuồng. Trước mặt hoàng tử, khi phần nộ, không ai có thể nói hai ba lời. Ngay cả cha mẹ, bà con và bạn bè thân

hữu, không ai có thể dạy chàng được. Rồi cha mẹ chàng suy nghĩ: “Đứa trẻ này quá độc ác, hung hãn. Ngoài bậc Chánh Đẳng Giác, không một ai có thể nhiếp phục được nó.” Rồi cha mẹ dẫn hoàng tử đến bậc Đạo sư, đánh lễ và thưa:

– Bạch Thế Tôn, đứa trẻ này hung bạo, ác độc, hay nổi cơn phẫn nộ, xin Đạo sư hãy khuyên dạy nó.

Bậc Đạo sư dạy bảo hoàng tử ấy như sau:

– Này Hoàng tử, làm người chó nện hung hãn, độc ác, thô bạo, giận dữ. Người nói lời ác ngữ là xử sự không thân ái, không đẹp ý đối với cha mẹ, đối với con cái, đối với anh chị em, ngay cả vợ chồng, bạn bè hay bà con cũng vậy. Kẻ hung dữ như con rắn vờn lên để cắn, như kẻ cướp rình rập trong rừng, như con dạ-xoa nhảy lên để vồ mồi. Những ai hung hãn, độc ác... tâm sẽ bị dao động, hoảng hốt, nên lúc chết sẽ tái sinh vào địa ngục, ác thú, v.v... Người phẫn nộ, ngay trong hiện tại, dầu được tô điểm trang sức vẫn xấu xa. Mặt nó dầu có đẹp như vàng trắng tròn cũng trở thành xấu xí như hoa sen bị cháy sém, cũng như gương tròn bằng vàng bị nhor bẩn. Do phẫn nộ làm cho hung dữ, chúng sanh cầm kiếm tự chém mình, uống thuốc độc, treo cổ, nhảy xuống vực sâu. Như vậy, do phẫn nộ chi phối, khi mạng chung, chúng sanh bị đọa vào địa ngục, v.v... Do làm cho người khác tổn thương, ngay trong hiện tại, chúng bị ghét bỏ và sau khi chết, chúng bị đọa vào địa ngục, v.v... Nếu được tái sinh làm người, ngay lúc chúng ra đời, chúng bị nhiều đau bệnh, với các chứng bệnh như: Bệnh đau mắt, bệnh đau tai, v.v... bắt đầu với một bệnh, chúng rơi vào một bệnh khác, không bao giờ thoát khỏi bệnh. Chúng bị đau khổ thường xuyên. Do vậy, mọi chúng sanh cần phải tu tập tâm từ bi, tâm lợi ích. Tu tập như vậy, chúng sẽ được giải thoát khỏi sự sợ hãi về địa ngục.

Hoàng tử được giáo giới như vậy, chỉ một lần giáo giới này, kiêu mạn được loại trừ, hoàng tử được nhiếp phục, chàng trở thành nhu mì, có tâm từ bi, nhu thuận, không còn mắng chửi đánh đập ai, như rắn có nanh bị nhổ ra, như con cua bị gãy càng, như con bò đực bị gãy sừng.

Khi được tin về tính tình hoàng tử thay đổi như vậy, các Tỷ-kheo bắt đầu nói chuyện tại pháp đường:

– Thưa các Hiền giả, cha mẹ và các bà con thường xuyên dạy bảo hoàng tử xứ Licchavi độc ác từ lâu nhưng không nhiếp phục được hoàng tử. Nhưng bậc Chánh Đẳng Giác chỉ với một lần giáo giới đã nhiếp phục, khiến chàng trở thành nhu mì, chẳng khác gì tạo sáu nhân duyên hàng phục các con voi điên loạn ngay lập tức. Lời khéo nói như con voi được nhiếp phục, được chế ngự bởi người huấn luyện voi bảo nó chạy phương nào thì nó chạy phương ấy; như con ngựa được nhiếp phục, được chế ngự bởi người huấn luyện ngựa bảo nó chạy phương nào thì nó chạy phương ấy; như con bò được nhiếp phục, được chế ngự bởi người huấn luyện bò bảo nó chạy phương nào thì nó chạy phương ấy. Cũng vậy, này các Hiền giả, con người được nhiếp phục, được chế ngự bởi đức Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, khiến con người chạy theo tám

phương, khiến con người có sắc, thấy các sắc ở ngoài tự thân. Như vậy là đức Phật và chỉ đức Phật mới được gọi là bậc Vô Thượng trong các Đạo sư huấn luyện, bậc Đánh Xe Điều Ngự những ai đáng được điều ngự. Nay các Hiền giả, không có một bậc Đánh Xe Điều Ngự những ai đáng được điều ngự giống bậc Chánh Đẳng Giác.

Trong khi hội chúng đang tán thán công đức của Như Lai trong pháp đường thì bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi họp ở đây đang bàn vấn đề gì?

Và khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Ta mới nhiếp phục hoàng tử với một lần giáo giới mà thuở xưa cũng vậy.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở phương Bắc. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài đi học tại Takkasilā, được dạy ba tập Vệ-đà và tất cả các tài nghệ, rồi làm gia chủ trong một thời gian. Sau khi cha mẹ mạng chung, Bồ-tát xuất gia làm vị ẩn sĩ, đạt được các thắng trí và thiền chứng và sống ở Tuyết sơn. Tại đây, Bồ-tát sống lâu ngày, vì cần dùng muối, giấm, Bồ-tát đi xuống con đường của dân chúng, đến Ba-la-nại và ở công viên của vua.

Ngày hôm sau, khéo vắn, khéo đắp chiếc áo vỏ cây tốt nhất, đầy đủ dáng điệu của người khổ hạnh, Bồ-tát đi vào thành để khát thực và đến cửa cung vua. Vua nhìn qua cửa sổ thấy Bồ-tát, hoan hỷ với uy nghi, cử chỉ của vị ẩn sĩ: “Vị tu khổ hạnh này, với các căn thanh tịnh, với ý thanh tịnh, chỉ nhìn trong khoảng một tâm, bước từng bước một như đang đặt xuống một túi đựng một ngàn đồng vàng, đi đến với dáng điệu uy nghiêm của con sư tử. Nếu tịnh pháp có mặt ở một nơi nào, tịnh pháp phải có mặt ở trong người này.” Sau khi suy nghĩ như vậy, vua nhìn một vị đại thần. Vị ấy hỏi:

– Thưa Thiên tử, thần cần làm gì?

– Hãy mời vị khổ hạnh này đến!

– Thưa vâng, Thiên tử.

Vị đại thần ấy đi đến gặp Bồ-tát, đánh lễ, cầm lấy bát khát thực. Bồ-tát hỏi:

– Thưa bậc đại phước, có việc gì?

– Thưa Tôn giả, đức vua cho mời ngài.

Bồ-tát nói:

– Chúng tôi không đi đến cung vua, trú xứ của chúng tôi ở tại Tuyết sơn.

Người đại thần đi về và tâu lại vua rõ. Vua nói:

– Nay chúng ta không có người cổ vấn trong cung vua. Hãy mời vị ấy đến!

Vị đại thần đi đến, đánh lễ Bò-tát và yêu cầu ngài vào cung điện của vua. Vua đánh lễ Bò-tát, mời Bò-tát ngồi trên ngai vàng, dưới một lọng trắng uy nghiêm, đãi Bò-tát dùng các món ăn đặc biệt dành riêng cho mình, rồi hỏi:

- Thưa Tôn giả, Tôn giả ở đâu?
- Thưa Đại vương, chúng tôi ở Tuyết sơn.
- Nay Tôn giả đi đâu?
- Thưa Đại vương, chúng tôi đang tìm một trú xứ thích hợp cho mùa mưa.
- Thưa Tôn giả, hãy ở lại công viên của chúng tôi!

Sau khi được Bò-tát chấp nhận, vua ăn xong rồi, đưa Bò-tát đi đến công viên, cho dựng một thảo am, làm phòng ở ban đêm, phòng ở ban ngày, cung cấp tám dụng cụ cho người xuất gia. Sau khi giao trách nhiệm cho người giữ công viên, vua đi vào thành. Từ đấy trở đi, Bò-tát sống ở công viên, mỗi ngày vua đi đến hầu thăm hai ba lần.

Vua có một hoàng tử độc ác, hung bạo mà vua cũng như các người bà con, các vị đại thần khác không thể nhiếp phục. Tất cả đại thần, Bà-la-môn, dân chúng đều đã nêu rõ những lỗi lầm của hoàng tử nhưng vô hiệu. Chẳng không lưu ý đến lời khuyên can của ai. Rồi vua suy nghĩ: “Ngoài vị tu khổ hạnh đáng kính, có giới đức của ta, không một người nào khác có thể nhiếp phục được hoàng tử này. Vị tu khổ hạnh ấy sẽ nhiếp phục hoàng tử.” Nghĩ vậy, vua đưa hoàng tử đến gần Bò-tát và thưa:

– Thưa Tôn giả, hoàng tử này hung bạo, độc ác. Chúng tôi không có thể nhiếp phục nó. Mong ngài tìm một phương tiện dạy bảo nó.

Vua giao hoàng tử cho Bò-tát rồi ra đi. Bò-tát đưa hoàng tử cùng đi chơi trong công viên và đến một mầm cây nimba (cây sầu đâu, loại cây có lá rất đắng) mới mọc lên từ hột giống, chỉ có hai lá, một lá phía bên này, một lá phía bên kia. Thấy cây ấy, Bò-tát nói với hoàng tử:

– Này Hoàng tử, hãy ăn lá của cây con này và xem vị của nó thế nào?

Hoàng tử lấy một lá của cây ấy, nhưng vừa đặt vào miệng và biết được vị, liền nhổ nó ra dưới đất với nước miếng kèm theo lời nguyên rủa. Bò-tát hỏi:

– Này Hoàng tử, lá ấy thế nào?

Hoàng tử đáp:

– Thưa Tôn giả, cây ấy như thuốc độc giết người, nếu lớn lên, nó sẽ làm chết nhiều người.

Rồi hoàng tử nhổ cây con ấy lên với hai tay chà nát nó và nói lên bài kệ:

149. Cây này chỉ một lá, Cách đất bốn đốt tay,
 Lá nó giống thuốc độc, Lớn lên sẽ làm gì?

Sau đó, Bò-tát nói với hoàng tử:

– Này Hoàng tử, đối với cây nimba bé nhỏ này, Hoàng tử nghĩ rằng: “Nay

cây đáng như vậy, khi nó lớn lên thì cũng chẳng dùng được việc gì phải không?” Vì vậy, chính Hoàng tử đã nhổ cây ấy lên và chà nát. Cũng như Hoàng tử đã xử sự đối với cây này, những người ở trong nước sẽ nghĩ về Hoàng tử rằng: “Khi còn trẻ đã hung bạo, độc ác như vậy, thì khi lớn lên được làm vua, hoàng tử sẽ như thế nào nữa? Chúng ta dựa vào hoàng tử ấy, thì sự trưởng thành của chúng ta sẽ đi đến đâu?” Họ sẽ không cho Hoàng tử trị vì quốc độ thuộc sở hữu gia đình, sẽ nhổ bứng Hoàng tử lên như cây nimba con và đuổi Hoàng tử ra khỏi nước. Do vậy, hãy từ bỏ tánh xấu giống như cây nimba! Bắt đầu từ nay, hãy đầy đủ lòng kiên nhẫn, từ bi, hòa ái!

Hoàng tử từ đây trở đi bỏ kiêu mạn, trở nên hiền lành, đầy đủ lòng kham nhẫn, từ bi, hòa ái, an trú vững chắc trên lời khuyên răn của Bồ-tát. Sau khi phụ vương mạng chung, chàng hưởng quốc độ, trọn đời làm các công đức rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể pháp thoại, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Ta mới nhiếp phục vị hoàng tử xứ Licchavi ác độc. Trong thời quá khứ, Ta cũng đã làm như vậy.

Rồi bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, hoàng tử ác độc ấy là hoàng tử xứ Licchavi này, vua là Ānanda, còn vị tu khổ hạnh đã giáo giới hoàng tử chính là Ta vậy.

§150. CHUYỆN THANH NIÊN SAÑJĪVA (*Sañjīvajātaka*) (J. I. 508)

Ai theo kẻ bất thiện...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư đã kể về Vua Ajātasattu (A-xà-thế) theo phe kẻ bất thiện.¹³⁹ Vua đã tin tưởng Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), kẻ theo ác giới, kẻ phản lại các đức Phật. Và vì theo phe kẻ bất thiện, phi chân nhân ấy, vua đã tôn trọng vị ấy, tiêu phí nhiều tài sản để xây dựng một tinh xá ở Gayāsīsa. Theo lời khuyên ác của Devadatta, vua đã giết phụ thân là một vị vua theo Chánh pháp, một vị Thánh đệ tử đã chứng quả Dự lưu; do đó, đã tự mình cắt đứt cận duyên chứng quả Dự lưu và sẽ gặp tai họa lớn.

Khi nghe Devadatta đã bị đất nuốt sống, vua suy nghĩ: “Ta cũng có thể bị đất nuốt”, liền hoảng hốt lo sợ, không vui trong vương vị, ngủ không yên giấc, đi lang thang, hoảng hốt, run rẩy như con voi con bị những hình phạt sắc bén. Trong tưởng tượng, vua thấy như đất nứt nẻ ra, như lửa địa ngục Avīci (A-tỳ) phun lên, như mình bị đất nuốt xuống, như mình bị bắt nằm ngửa trên tấm đồng nung đỏ, như bị các cây gậy sắt đâm xuyên vào thân, như một con gà trống bị thương tích, không giây phút nào vua không run sợ.

¹³⁹ Xem D. I. 85; SBE. vol. XX, p. 242.

Vua muốn đến yết kiến bậc Chánh Đẳng Giác, muốn cầu hòa với Ngài và xin Ngài hướng dẫn nhưng không thể đi đến gần Ngài vì tội lỗi quá lớn.

Nhân ngày lễ hội Kattikā đêm rằm tháng Mười, thành Vương Xá được thấp đèn và trang hoàng như thành phố chư thiên, khi vua ngự trên ngai vàng với quần thần vây quanh trong cung điện lớn, và thấy Jīvaka ngồi không xa bao nhiêu, vua suy nghĩ: “Ta sẽ đem Jīvaka đi theo yết kiến bậc Chánh Đẳng Giác. Nhưng ta không có thể nói thẳng: ‘Này bạn Jīvaka, ta không muốn đi một mình. Hãy đưa ta đến bậc Đạo sư!’ Ta hãy dùng phương tiện tán thán đêm đẹp trời và sẽ nói: ‘Hôm nay, chúng ta nên đến chiêm bái vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào có thể làm tâm chúng ta được an lạc?’ Nghe ta nói, các đại thần sẽ tán thán bậc Đạo sư của mình. Jīvaka sẽ tán thán bậc Chánh Đẳng Giác và ta sẽ đem Jīvaka theo, rồi đi đến bậc Đạo sư.”

Vì vậy, vua tán thán đêm ấy với năm câu kệ:

Thật là diễm lành thay,	Đêm rằm sáng trăng này!
Thật là diễm lệ thay,	Đêm rằm sáng trăng này!
Thật là quyến rũ thay,	Đêm rằm sáng trăng này!
Thật là thích thú thay,	Đêm rằm sáng trăng này!
Thật là khả ái thay,	Đêm rằm sáng trăng này! ¹⁴⁰

Hôm nay, chúng ta nên đến chiêm bái vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, để vị ấy làm tâm chúng ta được an lạc?

Một đại thần tán thán Purāṇa Kassapa (Phú-lan Ca-diếp), một đại thần tán thán Makkhali Gosāla (Mặc-già-lê Cù-xá-lợi), một đại thần tán thán Ajita Kesakambala (A-kỳ-đa Kỳ-xá-khâm-bà-la), một đại thần tán thán Kakudha Kaccāyana (Bà-phù-đa Ca-chiên-diên), một đại thần tán thán Sañjaya Belatthiputta (Tán-nhã-di Tỷ-la-lê-phát), một đại thần tán thán Nigantha Nāthaputta (Ni-kiền-tử).

Vua nghe các đại thần ấy tán thán nhưng vẫn im lặng. Vua chờ đợi đại thần Jīvaka nói. Nhưng Jīvaka ngồi không xa, suy nghĩ: “Không biết vua có chờ đợi mình nói hay không?” Nên Jīvaka vẫn ngồi im lặng. Cuối cùng, vua nói với đại thần Jīvaka:

– Này Hiền khanh Jīvaka, sao khanh không nói gì?

Khi ấy, Jīvaka từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay vái về hướng Thế Tôn và thưa:

– Thưa Thiên tử, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nay đang trú ở rừng xoài của chúng thần với một ngàn hai trăm năm mươi Tỷ-kheo. Tiếng đồn tốt đẹp như vậy được truyền đi về Thế Tôn.

Sau khi nói lên chín đức tánh, bắt đầu từ A-la-hán, Jīvaka trình bày những tướng tốt, v.v... từ khi sanh ra, uy lực của Thế Tôn đã vượt hẳn mọi dự đoán và mong đợi trước kia, rồi thưa:

¹⁴⁰ Xem D. I. 51.

– Thiên tử hãy đi đến chiêm bái Thế Tôn, nghe pháp và hỏi đạo!

Vua được toại ý liền nói:

– Nay Hiền khanh Jīvaka, hãy cho thắng voi vào các cỗ xe!

Sau khi các cỗ xe được thắng xong, vua đi đến rừng xoài của Jīvaka với uy nghi của một vị vua. Thấy Thế Tôn được vây quanh với chúng Tỷ-kheo, với hương hoa, vòng hoa, nhìn thấy chúng Tỷ-kheo ở mọi nơi, không dao động, như biển hoàn toàn vắng lặng, vua suy nghĩ: “Một hội chúng như vậy, ta chưa bao giờ thấy.” Vua hoan hỷ với uy nghi ấy, liền chấp tay vái chúng Tỷ-kheo, nói lên lời tán thán, đánh lễ Thế Tôn, ngồi xuống một bên, rồi hỏi về quả của Sa-môn hạnh.¹⁴¹ Thế Tôn chia làm hai phần tụng *Kinh Sa-môn quả* (*Sāmaññaphala Sutta*). Cuối bài kinh, vua hoan hỷ, xin Thế Tôn tha thứ lỗi lầm, từ chỗ ngồi đứng dậy, thân bên hữu hướng về Thế Tôn rồi đi ra. Khi vua vừa đi không bao lâu, bậc Đạo sư nói với các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, vua này đã bị tổn thương. Nay các Tỷ-kheo, nếu vua ấy đã không vì tham vương quyền hại mạng vua cha, một Đại vương trị vì đúng pháp, thì vua ấy ngay trên chỗ ngồi này đã khởi lên Pháp nhãn không bụi, không dơ! Do nương tựa Devadatta, theo kẻ bất thiện nên vua đã không chứng quả Dự lưu.

Ngày hôm sau, các Tỷ-kheo bắt đầu nói chuyện tại pháp đường:

– Thừa các Hiền giả, nghe nói Vua Ajātasattu theo phe kẻ bất thiện, nương tựa Devadatta theo ác giới, làm ác pháp, đã tự mình giết cha nên mất quả Dự lưu. Như vậy, vua bị Devadatta làm hại.

Trong lúc ấy, bậc Đạo sư đi đến pháp đường hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi họp tại đây bàn câu chuyện gì?

Khi được biết vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, Vua Ajātasattu không phải nay mới theo phe kẻ bất thiện và chịu thiệt hại lớn. Thuở xưa, vua cũng đã theo phe bất thiện và gặp đại nạn.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể lại câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadata trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn giàu có. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài đi đến Takkasilā học tất cả các nghề và trở thành một Sư trưởng có danh tiếng nhiều phương, dạy nghề cho năm trăm thanh niên trong đó có một người tên là Sañjīva.

Bồ-tát dạy cho thanh niên ấy bùa chú, làm các vật chết sống dậy nhưng không dạy bùa chú chế ngự lại. Một hôm, vì kiêu mạn về năng lực của mình, anh ta đi cùng với các thanh niên vào rừng lượm củi, thấy một con cọp chết, liền nói với họ:

¹⁴¹ Như trên.

– Thừa các hiền hữu, tôi sẽ làm cho con cọp chết này sống lại.

Các thanh niên ấy nói:

– Bạn không thể làm được.

– Các bạn cứ nhìn, tôi sẽ làm cho nó đứng dậy.

Nghe vậy xong, các thanh niên ấy liền leo lên trên cây. Sañjīva đọc bùa chú, lấy mảnh sành đánh cọp. Con cọp vùng đứng dậy, nhanh như chớp xông tới cắn vào cổ Sañjīva, hủy diệt mạng sống của anh ta và rơi xuống tại chỗ ấy. Sañjīva cũng rơi xuống. Cả hai đều nằm chết tại chỗ. Các thanh niên lượm củi xong, đi về và trình Sư trưởng câu chuyện ấy. Ngài gọi các thanh niên và nói:

– Nay các con thân, do thân cận với kẻ bất thiện, do kính trọng những kẻ không xứng đáng nên nó phải gặp đại nạn như vậy!

Rồi ngài đọc bài kệ này:

150. Ai theo kẻ bất thiện,	Thân cận kẻ bất thiện,
Sẽ bị nó giết chết,	Như cọp giết Sañjīva.

Bồ-tát thuyết pháp cho các thanh niên với bài kệ này và suốt đời làm các công đức như bố thí, v.v... rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, thanh niên làm sống dậy con cọp chết là Vua Ajātasattu, còn vị Sư trưởng có danh tiếng nhiều phương là Ta vậy.

